

DUY LỰC NGŨ LỤC

Quyển Hạ (Từ Năm 1992-1999)

MỤC LỤC:

- Lời nói đầu.
- Tiểu sử của Hòa thượng Thích Duy Lực.

01- Thiền thất 26/10/92–01/11/92 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Sau khi chết, tánh thấy ở đâu?
- Phật với chúng sanh, ai chủ ai khách?
- Tham thoại đầu có nhất thiết phải dùng một câu không?
- Tập khí nhiều, làm sao mới dứt được?
- Chuyển đi thăm Chùa Cao Môn, Trung Quốc 04/08/1992.
- Thường tự thấy lỗi mình, chớ nên thấy lỗi người.
- Con người sau khi chết có linh hồn không?
- Cõi trời nhập định sao không được giải thoát?
- Mới tập tham, hay ngủ gục, phải làm sao?
- Vua Khang Hy bị đánh hương bãng.
- Hành giả tham thiền phải tu làm sao để thấu tam quan?
- Bốn điều kiện khản, thiết, miên mật, dung hoá của Bác Sơn.
- Giải ngộ và chứng ngộ.
- Thuyết tự nhiên và cái “Sẵn có” của Đức Phật giống nhau không?
- Cách nhìn thoại đầu của ngài Nguyệt Khê.
- Còn nhục thân chưa hẳn là đắc đạo.
- Tin tự tâm 100%, sao con tin không nổi?
- Bản thể tự tánh sau khi chết thế nào?
- Linh tri tịch chiếu.
- Thiền sư Nam Tuyên chém mèo, có tội không?
- Vừa tham thiền vừa trì chú, được không?
- Tại sao Tổ Triệu Châu niệm Phật một tiếng, súc miệng ba ngày?
- Bốn bề nguy hiểm, người tham thiền làm sao thấu qua?
- Nghi tình phát khởi, cùng lý pháp thân tương ưng.
- Thế nào làm cho thân Phật chảy máu?
- Làm sao phân biệt tà chánh?
- Nhìn thoại đầu như mèo rình bắt chuột.

02- 29/11/92–05/12/92 tại Chùa Từ Ân, Quận 1

- Dâm tánh là nhân của tịnh tánh.
- Tại sao ăn chay có thể dùng trứng gà?
- Kiến tánh triệt để rồi các tội đều tiêu.
- Có sở biết chẳng phải nghi tình.
- Trước kia tạo ác, nay đi tu có hết tội không?
- Sự tu của Hòa thượng Thích Hoằng Tu ở chùa Dũng Tuyền.
- Mạng căn chưa dứt.
- Thường Bất Khinh lạy mọi người, mọi người có tổn phước không?
- Chơn không, diệu hữu là cái gì?
- Các pháp có cao thấp không?
- Người tham thiền đến lúc lâm chung, nghi lễ thế nào?
- Phương tiện chẳng trí huệ thì bị phương tiện trói buộc.
- Phiền não từ đâu rả?
- Kinh Duy Ma Cật phá chấp của bậc Bồ tát, A La Hán.

03- 28/03/93–03/04/93 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Cách khởi nghi tình: Khán thoại đầu, chẳng phải tham câu thoại.
- Kinh Nikaya thuộc Tiểu thừa, chẳng phải Đại thừa.
- Khoa học đem lại tai họa cho loài người.
- Nghiệp chướng: Con đường gai góc cút sinh.
- Công đức và phước đức.
- Thiền tông ngày nay như sợi tóc treo ngàn cân.
- Làm sao biết được sự tu tập đến giai đoạn thành công?
- Tham thiền dùng tâm hay dùng bộ não để tham?
- Tánh giới và giá giới.
- Câu chuyện Huỳnh Đình Kiên.
- Tây Phương Tịnh độ, Dược Sư Tịnh độ, Đâu Suất Tịnh độ.
- Tại sao Duy Ma Cật nói tham sân si là giải thoát?
- Ngoài nghi tình ra, tất cả đều không biết.
- Bồ đề chẳng cầu tịnh.
- Thiền định giải thoát chẳng phải Phật Pháp.

04- 27/04/93–03/05/93 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Thế nào là tu?
- Nhất niệm vô minh và vô thi vô minh.
- Có thể niệm một câu thoại lần một hạt chuỗi?

- Tu sĩ không tin tự tâm, không tin Phật là Nhất-xiển-đề.
- Tụng kinh, bái sám chẳng phải việc cần của Tu sĩ.
- Thoại đầu đề không khởi.
- Tham thiền có phải vọng tưởng không?
- Thế nào thế giới rộng một trượng thì gương xưa rộng một trượng?
- Bát nhã vô tri.
- Chí đạo vô nan, duy hiem giản trách.
- Phát chơn nghi.
- Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, tức tâm tức Phật.
- Bỏ lai vốn chẳng vô nhất vật.
- Bắt đầu tham thiền là nhập Hạ, đến khi kiến tánh mới giải Hạ.
- Các Phật sự cứ làm, chỉ đừng quên tham thoại đầu.
- Kiến tánh rồi đi về đâu?
- Sao người kiến tánh chỉ gọi là Tổ, không gọi là Phật?
- Tham thiền có cần tụng giới không?
- Tội Ba La Di bằng tội tử hình của thế gian.
- Tánh giới và giá giới: Tội nhân quả chẳng thể sám hối diệt tội.
- Thiền tông tại sao chú trọng chuyển ngữ?
- Ngôi học còn dính bụi.
- Tịnh khẩu có lợi ích gì?
- Giới luật: chưa thọ giới không được cử tội người phạm giới Ba-la-di.
- Tự tánh tùy dụng lập danh
- Sự dụng của chư Phật với chúng sanh chẳng khác.
- Dùng hương bãng đánh người có tội không?

05- 20/10/93–26/10/93 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Ngôi tham thiền nhắm mắt hay mở mắt?
- Tham thiền có tâm đọi ngộ, được không?
- Làm thế nào tránh tẩu hỏa nhập ma?
- Chưa ăn chay trường tham thiền được không?
- Tham Tổ sư thiền có thể ngồi thiền 2-3 giờ ? Có lỗi gì không?
- Nếu chỉ tu một pháp môn, làm sao giáo hóa chúng sanh?
- Nhất Phật thừa bao gồm tất cả pháp.
- Dụng của tự tánh, tùy nghi thuyết pháp, chẳng phải do học.
- Tham thiền đủ thứ cảnh giới đều do vọng tưởng.
- Thế nào “Một hóp nuốt hết nước Tây giang?”

- Thế nào là thiên bệnh?
- Tổ Huỳnh Bá và Tướng quốc Bùi Hưu.
- Địa ngục ở đâu?
- Vô thượng sư chỉ có chư Phật.
- Niệm sau không cướp đoạt niệm trước.
- Thời gian một đại kiếp.

06- 19/11/93–25/11/93 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Thế nào là thoát đầu?
- Quyết định đời này phải thấy Phật tánh?
- Tham khảo kinh sách chỉ để tăng trưởng lòng tin.
- Nếu còn kiến giải thì chưa kiến tánh.
- Giáo lý của Phật giáo không thừa nhận linh hồn.
- Công đức tùy hỷ.
- Tổ sư kiến tánh vẫn đói ăn mệt nghỉ, đâu khác người thường?
- Sau khi Phật nhập Niết bàn bao lâu thì kinh điển được kết tập?
- Sức kỳ diệu của tâm.
- Cái biết bộ não không biết được cái biết của Phật tánh.
- Trí tri cách vật.
- Tự tánh không có đạo lực, nghiệp lực.
- Làm sao thoát khỏi nghiệp nhân quả đã tạo?
- Vô tâm lấy gì để biết?
- Bốn bệnh tác, chi, nhậm, diệt.
- Hôn trầm và tán loạn.
- Địa ngục ở cảnh giới nào?
- Nhất xiển đề có thể thành Phật không?
- Ngủ là tham dục.
- Người nữ không nên xuất gia
- Lúc kiến tánh, nếu không gặp thiện tri thức ấn chứng, phải làm sao?
- Người kiến tánh có thể tự biết mình kiến tánh triệt để không?
- Công phu sau khi phá sơ quan, trung quan như thế nào?
- Nước trong lạng chẳng thể dụ cho bản thể Phật tánh.
- Tà khởi phiền não tới, chánh đến phiền não trừ.

07- Khai thị tại Thủ Đức

- Trùng quan còn giữ cảnh giới ngộ chưa tan rã.
- Thế nào sanh tử tự do?

- Thiên luận của ông Suzuki là giải thích công.

08- 18/12/93–24/12/93 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Chưa chúng nói chúng là đại vọng ngữ.
- Hạt châu của Long nữ từ đâu có?
- Tại sao các chùa thờ Tổ Đạt Ma?
- Phật tánh bất sanh bất diệt, tại sao có đời mạng pháp?
- Nếu có “Cho là” là pháp sanh diệt của bộ não.
- Bồ thí có thể giúp cho bớt nghiệp không?
- Năm đầu sơ tham, năm sau lão tham, năm thứ ba chẳng tham.
- Câu chuyện gia đình Bành Long Uẩn.
- Diệu trạm tổng trì bất động tôn.
- Đem thử tâm tâm phụng trần sát.
- Do giác minh thành lỗi lầm.
- Nghĩa rốt ráo cần phải ngộ.
- Hữu tâm thì thánh chúng sanh, ly tâm tức thành chư Phật.
- Làm sao phá ngã chấp?
- Thế nào thiện nhân chiêu ác quả?
- Con ve không biết đến bốn mùa
- Tuổi già sức yếu, tham thiền chưa kiến tánh, chết đi về đâu?
- Sự kiến tánh của ngài Nguyệt Khê.
- Làm thế nào bỏ được tâm chấp thật? Con rùa giếng và rùa biển.
- Giới luật: Sự khác biệt giữa giới Thanh văn và giới Bồ tát?
- Ba cấp trì giới.
- Bổn phận của giám sát viên thiên đường.
- Tại sao cổ nhân lại quở hai chữ Bồ đề là thằng chết?
- Tại sao Tăng độ ni chúng lại có lỗi?
- Vô phương sở, vô năng sở, vô đắc thất, vô tướng mạo.
- Phật giáo Tiểu thừa không cho nữ giới thọ Tỳ-kheo.
- Thế nào cùng đạo tương ưng, cùng tình tương ưng?
- Lúc không có Sư phụ, chúng con nương ai để tu?
- Sa-di chệ Tỳ-kheo tụng kinh như chó sủa, đọa thân chó năm trăm kiếp.
- Nhân quả rõ ràng.
- Tương đối chẳng thể dụ cho tuyệt đối.
- Canh tác khó tránh sát sanh.
- Đại thừa Khởi Tín Luận là của ngoại đạo, chẳng phải của Mã Minh.

- Ngũ nhân.
- Đã không chứng đắc, đâu cần thọ ký?
- Phật tử thọ giới Bồ tát, khi phạm giới cần sám hối với ai?
- Câu Phật hiệu có diệt được tội sát sanh không?

09- 14/07/94–20/07/94 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh.
- Chọn ngày xuất gia?
- Tâm vốn trong sạch, làm sao ham dính bụi?
- Phiền não từ đâu đến?
- Phát Bồ đề tâm.
- Tham thiền không biết đến đúng sai.
- Tà đến phiền não đến, chánh đến phiền não trừ.
- Thế nào là Vô môn quan?
- Vô ký không.
- Phật Pháp tức thế gian pháp.
- Bát phong thổi chẳng động.
- Tông Thiên Thai: Tam chỉ tam quán.
- Tự tâm hiện lượng.
- Tất cả do tâm tạo.
- Giới Bồ tát cấm nuôi mèo.
- Chơn ngôn biến thực.
- Nhân quả và nghiệp lực.
- Vô tình diệt vô chủng, vô tánh diệt vô sanh.
- Hữu tình vô tình đồng viên chủng trí.
- Vấn đề trì ngọ.
- Thế nào làm cho thân Phật chảy máu, phá hòa hợp tăng, giết A xà lê?
- Vấn đề tu phước, tu huệ.
- Công phu cực lạ, cực quen, và phi phạm phi thánh.
- Vừa tham thiền vừa xem kinh, được không?
- Tại sao ở nơi vô thi vô minh lại sanh nhất niệm vô minh?
- Tập khí từ đâu ra?
- Người tham thiền có được chư thiên hộ trì không?
- Thiền Luận của Suzuki Nhật Bản.
- Công đức hồi hướng, phóng sanh.

10- 12/08/94–18/08/94 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Phật tánh là sanh hay chẳng sanh?
- Thiên thất là trường thi.
- Tánh không.
- Tự tánh chơn không, phiền não từ đâu tới?
- Không tu Tổ sư Thiên, tạo tội địa ngục?
- Lập đạo tràng không cho người tu chánh pháp, là tội địa ngục.
- Đức Phật bốn thứ đáp.
- Bát thức tâm vương.
- Nhân sinh quan và vũ trụ quan.
- Đã thọ Bồ tát giới, làm sao giữ được giới dâm?
- Tham “Niệm Phật là ai?” không khởi được nghi tình.
- Hữu tình vô tình đều do diệu tâm biến hiện.
- Thế nào là Hòa thượng Duy Lực?
- Các bậc cổ đức ngộ đạo rồi nương vào cái gì để an thân lập hạnh?
- Hư không làm sao bị chướng?
- Kinh Viên Giác: Dùng ngôn ngữ chẳng thể nhập tri kiến Phật.
- Tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác.
- Thế nào vi thuận tương tranh, thị vi tâm bệnh?
- Chẳng có Phật Niết bàn, chẳng có Niết bàn Phật.
- Thế nào chuyển thức thành trí?
- Ăn chay đủ dinh dưỡng không?
- Quá trình xuất gia của Pháp sư Đàm Hư.
- Ngũ phần hương.
- Chớ nói vô niệm tức là đạo, vô niệm còn cách núi muôn trùng.
- Vô sư trí.
- Tu phước và tu huệ.

11- 11/09/94–17/09/94 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Ngũ giới của cư sĩ tại gia.
- Khi nào mới có thể thọ Giới Bồ tát tại gia?
- Lúc ngủ có nghi tình.
- Nhân duyên kiếp trước giữa Đức Phật và Kiều Trần Như.
- Tác, chỉ, nhậm, diệt.
- Sư phụ kiến tánh chưa?
- Thế nào là pháp, pháp giới?
- Trừ tập khí là trừ cái gì?

- Bỏ lại vô nhất vật, làm sao có chơn tâm?
- Ngày vía Bồ tát Quán Thế Âm.
- Thế nào viên giác diệu tâm?
- Động lực của vũ trụ.
- Tánh thấy khắp không gian thời gian.
- Vấn đề ăn chay, sát sanh và nhân quả.
- Tỷ phú Trung Quốc độ bà mẹ ăn chay.
- Đã qui y nơi khác, có thể qui y thêm một lần?
- Cảnh giới lúc lâm chung.
- Thế nào là chuyển ngữ?

12- 10/10/94-16/10/94 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Làm thế nào nhìn vào chỗ hầm sâu đen tối?
- Thâu nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục.
- Ăn cơm mặc áo là tu.
- Tu sĩ nuôi dưỡng cha mẹ, nhân quả thế nào?
- Tham câu “Niệm Phật là ai?” không có nghi tình.
- Tại sao Phật giáo nguyên thủy ăn mặn?
- Tam thân.
- Thế nào là nhân sinh quan và vũ trụ quan của Phật giáo?
- Diệt tận định
- Từ mở mắt chiêm bao thức tỉnh rồi, có trở lại chiêm bao không?
- Sau khi kiến tánh mọi việc vẫn y như cũ.
- Thế nào bất trụ hữu vi, bất tận vô vi?
- Công đức tùy hỷ.
- Súc sinh nghiệp báo chẳng biết tu hành.
- Sao gọi Giới tự động?
- Nhập định chẳng phải giải thoát.
- Giới Bồ tát tại gia: 6 điều trọng, 28 điều khinh.
- Định huệ với nghi tình là đồng hay khác?
- Vô tham là chơn tham.
- Vọng chơn là hai vọng.

13- 06/01/95–12/01/95 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Sa ma tha, Tam ma bát đề, Thiền na.
- Máy đo hoạt động của bộ não.
- Nhân quả ai làm nấy chịu.

- Lý do hoằng pháp của Sư phụ.
- Thần Tán sau khi kiến tánh, trở về độ thầy.
- Nhìn chỗ đen tối.
- Phá chấp về cái biết
- Người kiến tánh có phải là thánh nhân?
- Cách tu Tịnh độ.
- Thuần tướng thì lên, thuần tình thì đọa.
- Đọc thần chú đè nén vọng tưởng.
- Kiếp trước của Ngũ Tổ.
- Tại sao Tổ Đạt Ma chỉ quấy một chiếc giày?
- Khai, giá, trì, phạm trong luật tứ phần.
- Tỳ-kheo có thể hiếp đáp tỳ-kheo-ni?
- Tham sân si là giải thoát.
- Tán tâm – Đa tâm – Thiếu tâm – nhất tâm – vô tâm – liễu tâm.
- Ngũ ám ma.
- Hành ám biến hóa chẳng dừng.
- Buôn bán Như Lai.
- Câu chuyện nhân quả của hai ông bà ăn xin hồi thời Phật.
- Tham thiền là dùng ý thức.
- Hòa thượng Hư Vân và ông tăng sửa đường.

14- 15/02/95–21/02/95 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Tại sao nhà khoa học phải dùng ngũ giác quan?
- Vật lý sinh mạng công trình học & Triết lý sinh mạng công trình học.
- Không gian bốn chiều và làn sóng ánh sáng.
- Tốc độ siêu ánh sáng.
- Quả cầu thời gian.
- Vũ trụ khoa học toàn diện quán.
- Cách thức đi khất thực.
- Có thể dùng quán tưởng để sửa lại nhân quả?
- Mật mã tin tức của sinh mạng.
- Chẳng biết tông chỉ Tịnh độ, phi báng pháp thiên.
- Thuyết tái sinh.
- Thái hậu và hạt châu.
- Những kinh điển của Phật có phải chơn lý không?
- Vua Trần Nhân Tông và Tuệ Trung Thượng sĩ là người kiến tánh.

- Sự tích Kim Bích Phong.
- Phật tánh hiện tiền, mọi thứ y như cũ.
- Tâm như họa sĩ khéo, hay vẽ các hình tượng.
- Mạng căn đứt tức trở về không?
- Dùng sức tâm để ảnh hưởng người thân.

15- 06/03/95–12/03/95 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Lúc buồn ngủ đừng ránh tham thiền.
- Cuộc sống của dân tộc Cogi theo tinh thần giới luật nhà Phật.
- Làm sao phát khởi nghi tình?
- Người kiến tánh có thể nhìn thấy hào quang?
- Thế nào là bồn tham?
- Kẻ vác báng.
- Chưa kiến tánh như mất mẹ cha.
- Khi nào nhìn được thoại đầu thì khỏi cần hỏi câu thoại cũng được?
- Hình thể và cơ nhân.
- Làm sao chứng minh sự tồn tại của tâm linh?
- Câu chuyện ngài Hư Vân nhập định ở núi Chung Nam.
- Tâm thanh tịnh là vô thi vô minh.
- Sao chư Phật chư Tổ chỉ truyền tâm ấn cho một người?
- Tham thiền và Niệm Phật tu lẫn lộn.
- Không biết tức là quên?
- Do ghi nhớ nên công phu bị chướng ngại.
- Nhất niệm vô minh & vô thi vô minh.
- Các hạnh vô thường, là pháp sanh diệt.
- Chùa Cao Môn kiết hạ, mỗi ngày chỉ ngủ bốn giờ đồng hồ.
- Pháp thiền vô trụ, pháp thiền vô sanh.
- Năm thứ chủng tánh.
- Sau khi ngộ, làm sao bảo nhiệm?
- Thường ứng chư căn dụng
- Thiền sư Liễu Quán
- Qui củ tông lâm: Một ngày không làm, một ngày không ăn.
- Thiên thượng thiên hạ vô như Phật.
- Tiểu tử tiểu hoạt, đại tử đại hoạt.
- Niệm Phật thành phiền, có thể tham câu ”Niệm Phật là ai?”
- Làm sao hóa giải oán thù?

16- 05/04/95–11/04/95 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Trì ngọc & bát quan trai.
- Thế nào “Nhìn vào chỗ tối tìm mọt mù”?
- Phá chấp “Tự tánh khắp trời khắp đất”.
- Năm thứ chủng tánh.
- 62 kiến chấp.
- Làm sao chuyển câu niệm Phật thành tham thiền?
- Tẩu hỏa nhập ma.
- Đàm Không Đình.
- Phá chấp Phi tướng phi phi tướng định.
- Sự học với sự tu đi song song.
- Phân biệt giữa định và hôn trầm.
- Trình công phu.
- Người khảo công phu có phải người kiến tánh?
- Tại sao Đức Phật đã thành Phật còn bị quả báo?
- Bồ tát thị hiện thân con heo.
- A-đà-la thức.
- Châu Kim Cang.
- Hễ tin nhân quả, không cần lo cho tương lai.
- Chơn tu & duyên tu.

17- 15/05/95–21/05/95 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Thế nào chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác?
- Cảnh giới thập thiện.
- Xin xuất gia chuyên tu.
- Niệm Phật tam muội.
- Quên là điều tốt?
- Thế nào chơn tâm và vọng tâm?
- Nhân chi sơ, tánh bản thiện.
- Văn tự, suy nghĩ, lời nói, ba là một.
- Thực tế chẳng thể thí dụ.
- Khi có người thân lâm chung, bên Tổ sư thiền phải làm sao?
- Y báo, chánh báo.
- Đến chơn tham như thế nào?
- Nhịn ăn chẳng phải Phật Pháp.
- Tâm linh là chủ sinh mạng.

- Thế nào trái ngược hiện nghiệp?
- Ngồi kiết già.
- Sát sanh theo luật nhân quả.
- Tu ở trong chúng khiến tâm lực mạnh.
- Ngộ rồi đồng như chưa ngộ.

18- 03/06/95–09/06/95 tại Chùa Từ Ân, Quận 11

- Lượm của đánh rơi, có tội không?
- Bát nhã Tâm Kinh.
- Cư sĩ tại gia có được làm lễ qui y, truyền tam qui ngũ giới không?
- Tam tạng mười hai phân giáo.
- Tứ liệu giản.
- Nhục thân & Pháp thân.
- Tu sĩ tùy thuận tình cảm thế gian, tạo tội địa ngục.
- Giới luật là hàng rào ngăn chặn.
- Sao Ma Đăng Già nhiếp được A Nan?
- Thế nào công phu ít phí sức?
- Ngay sao khi thọ giới Sa di, có thể thọ luôn giới Bồ Tát?
- Cư sĩ có thể thọ giới Bồ tát xuất gia không?
- Thế nào “Thân y nghĩa lập, độ y thể luận”?
- Ở Tông lâm, mọi người đều làm chủ.
- Làm ruộng xịt thuốc, nhân quả thế nào?
- Tu sĩ lãnh con nuôi, nhân quả thế nào?
- Suy nghĩ cái chẳng thể suy nghĩ.
- Người biết “Thật tướng vô tướng” đó là ai?

19- 27/01/96–02/02/96 tại Trường Cơ Bản Phật Học Đại Tông Lâm

- Sở tức quán – Ngũ đình tâm quán.
- Tất cả cảnh giới đều là hư vọng.
- Ngọa Luân hữu kỹ lưỡng, Huệ Năng một lý lưỡng.
- Dục trừ phiền não trùng tăng bệnh.
- Hư không vô sở hữu mà dung nạp tất cả.
- Vốn không trói buộc, đâu cần giải thoát?
- Đâu là hạt minh châu của Sư phụ?
- Cái độc đáo của Tổ sư thiên là gì?
- Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác & Đối cảnh tâm cứ khởi.
- Chánh niệm & Chánh định.

- Tham đến thoại đầu, tức nhất tâm bất loạn?
- Thiên định giải thoát chẳng phải Phật Pháp.
- Người chẳng chơn tu, chỉ bắt chước lời Tổ, làm sao đối trị?
- Xuất gia chưa thể quên ơn nghĩa cha mẹ.
- Luật sư Hoàng Nhất chỉ giữ đủ ngũ giới của cư sĩ.
- Trong lục đạo chỉ có cõi người biết tu thành Phật.
- Người tiêu căn tiêu khí có thể tham Tổ sư Thiên không?
- Thị pháp trụ pháp vị, tức vô sở trụ.
- Tất cả vật chất đều tồn tại vĩnh viễn, chưa bao giờ mất.
- Phật Thích Ca đã thành Phật bao nhiêu kiếp?
- Tịnh độ.
- Thiện ác chẳng thể bù trừ.

20- 24/05/96–30/05/96 tại Trường Cơ Bản Phật Học Đại Tông Lâm

- Lục nhập vốn vô sanh.
- Chư Tổ buông xả cái gì?
- Pháp sư Đạo An sáng lập hai thời khóa tụng.
- Hoàng Bá lạy Phật, Lâm Tế chẳng lạy Phật cũng chẳng lạy Tổ.
- Đại ngộ là ngộ cái gì?
- Phật với pháp, cái nào có trước?
- Lễ cử hòa bên Thiên tông.
- Chúng tử hiện hành.
- Bạch tịnh thức.
- Thường trụ Tam Bảo.
- Vạn pháp duy tâm, tự tâm tự cứu.
- Đem sự cúng dường của 10 phương cúng dường mẹ, phải trả nợ thí chủ.
- Sự truyền giới ở Trung Quốc.
- Khai thị học tăng: Học Phật phải hiểu căn bản của Phật Pháp.
- Đoạn hiện tại, vi lai hữu lậu.
- Niết bàn vô danh.
- Tín, giải, hành, chứng.
- Đại nhân bất nhân
- Tỳ-kheo-ni đã chứng quả không đành lễ Tỳ-kheo.

21- 25/05/97–28/05/97 tại Chùa Pháp Thành, Quận 6

- Tánh ướt của nước dụ cho Chơn như.
- Làm thế nào lia tứ cú?

- Công phu phí sức chẳng lâu bền.
- Thế nào gọi là truyền đăng?
- Làm sao phát khởi nghi tình không gián đoạn?
- Bạch tịnh thức là thức thứ chín?
- Tại sao vô minh thật tánh tức Phật tánh?
- Vài nét tu hành của Luật sư Hoàng Nhất.
- Hào ly hữu sai, thiên địa huyền cách.
- Vạn pháp tề quán, qui phục tự nhiên.
- Sư phụ đã chọn người kế thừa chưa?
- Vô vi mà vô sở bất vi.
- Bốn thứ đáp.
- Bát nhã vô tri.
- Thế nào nghĩa Lục căn khó thấu?
- Lục mở nhất tiêu.
- Trạm nhập hợp trạm.
- Vô dục vô y.

22- 16/05/97–20/05/97 tại Chùa Tam Bảo, Sa Đéc

- Là cái gì?
- Làm sao xả giới?
- Sự truyền thừa của Tổ sư thiền.
- Thế nào là tự tứ?
- Muốn trốn nhà đi tu, được không?
- Phán văn văn tự tánh.
- A Nan và Ma Đăng Già.
- Xá lợi và nhục thân.
- Làm sao ngủ vẫn tham thiền được?
- Phật mẫu là ai?
- Ngộ pháp vô sanh thấy sát na.
- Quá trình tu tiến công phu của Sư phụ như thế nào?
- Thế nào hàng phục tâm, an trụ tâm?
- Thế nào là chánh pháp nhãn tạng?
- Công phu: Tham lâu thành niệm?
- Làm sao biết là tiểu ngộ hay đại ngộ?

23- 14/06/97–20/06/97 tại Chùa Tam Bảo, Sa Đéc

- Thế nào là hỏa tam muội?

- Lời tác bạch của Thầy Trụ trì Chùa Tam Bảo.
- Chết rồi, thiêu xong, Phật tánh ở đâu?
- Chư Tổ để lại ngữ lục, Sư phụ để lại cái gì?
- Kiến tánh rồi mới biết chẳng có Phật để thành.
- Tìm hiểu thoại đầu là sai.
- Thế nào là người trí, người ngu?
- Thế nào là phương tiện?
- Phân biệt tất cả pháp, nơi đệ nhất nghĩa chẳng động.
- Tập khí vi tế.
- Vô minh là chỗ đắc đạo của chư Phật.

24- 14/07/97–20/07/97 tại Chùa Tam Bảo, Sa Đéc

- Thế nào là cội nguồn chơn thật của tự tánh?
- Tại sao chẳng cho đem tâm đọi ngộ?
- Hoạ cú & Chuyển ngữ.
- Tôn giáo khác học Tổ sư Thiên, có bỏ đạo bội sư không?
- Tác ý & tạo tác.
- Làm sao dứt trừ tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết?
- Bắc-câu-lô-châu không biết Phật Pháp.
- Nghe lời khai thị nhưng chưa bằng lòng.
- Nói “nhìn” mà không mục tiêu thì nhìn chỗ nào?
- Lai Quả thiền sư không cho buông ý niệm.
- Tham thiền phạm qui củ, bị đuổi thì sao?
- Công phu miên mật.

25- 14/08/97–20/08/97 tại Chùa Tam Bảo, Sa Đéc

- Làm sao thoát khỏi sanh tử luân hồi?
- Tham thiền học đạo làm dụng tâm.
- Hữu học & vô học.
- Chú thích bài “Hu Không vô sở hữu mà dung nạp tất cả vật”.

26- 19/03/99–25/03/99 tại Chùa Hưng Phước, Quận 3

- Giới thiệu tác phẩm “Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21”.
- Nguồn gốc của Phật Pháp.
- Khí công & Tham thiền.
- Trung Quán Luận: Phảm phá Hành.
- Tập trung tinh thần tham thiền là sai lầm.
- Nhìn chỗ son cùng thủy tận.

- Tại sao phải vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ?
- Công phu không nghĩ gì hết, có phải nghi tình không?
- Có thể đổi câu thoại để tham?
- Có phải Ngài Ca Diếp ở núi Kê Túc chờ Phật Di Lặc ra đời?
- Sám hối có thể diệt tội không?
- Cúng sao có phải chánh pháp không?
- Minh tâm kiến tánh, lấy gì để minh?
- Quán Thế Âm không nhận râu chuỗi - Cửu Chỉ và thị giả.
- Phôi thai khoa học hợp nhân quả không?
- Lúc chưa tạo thiên lập địa, mọi người ở đâu?
- Phật tánh siêu việt logic.
- Nghi sự là gì?
- Tự tánh vốn sẵn có, tại sao bộ não xen vào?
- Thiên đường Trung Quốc chẳng thờ gì cả.
- Tham thiền chẳng vì việc sanh tử, dễ sanh tâm thối chuyển.
- Ngũ pháp.
- Nhận thức thân.

27- 15/05/99–21/05/99 tại Chùa Hưng Phước, Quận 3

- Tâm viên ý mã.
- Phật cao nhất xích, ma cao nhất trượng.
- Chuyển bát thức thành tứ trí.
- Người tham thiền có vượt qua 50 thứ ma ngũ âm không?
- Dòng phái của Hòa thượng Hư Vân.
- Tam pháp ấn.
- Làm sao khiến công phu miên mật?
- Thiền là gì?
- Duy tuệ thị nghiệp.

28- 1995–1999 Khai thị tại Mỹ Quốc

- Do đời sống vật chất khiến sự tu lui sụt?
- Sức tâm xoay chuyển.
- Thể xác là xe chở sinh mạng.
- Lý do Sư phụ xuất gia?
- Chưa chứng ngộ làm sao giải đáp?
- Vài nét về Pháp sư Nguyệt Khê.
- Phật Thích Ca chẳng kiến lập chơn lý.

- Phật tánh làm chủ.
- Thế nào là tâm bình thường?
- Tại sao Ngũ Tổ truyền y bát cho Lục Tổ?
- Thế nào là đạo?
- Trà Triệu Châu.
- Thoại đầu dù muôn ngàn, chỉ một cái “không biết”.
- Người kiến tánh còn sanh tử không?
- Có thể gập rút đề câu thoại đầu để thúc đẩy nghi tình?
- Thế nào là Phật giáo, Phật Pháp, Phật học?
- Tại sao Phật nói nhiều kinh?
- Ngũ thời bát giáo là gì?
- Phiền não là gì?
- Thuyết pháp đại khai viên giải.
- Đốn, tiệm, biệt, viên.
- Phật giáo Tiểu thừa không nhìn nhận Đại thừa.
- Pháp tu của Trung Thừa.
- Kinh nói 84000 pháp môn, sao Sư phụ chỉ dạy một pháp môn.
- Thiên Thai Giáo Quán Tông.
- Công án Hòa thượng Thủy Lão gặp Mã Tổ, cô Trịnh mười ba.
- Bảy ngàn Tổ ngộ đạo, ai ẩn chứng?
- Câu chuyện tu hành của Thiên sư Diệu Cao
- Giải thích Trung Phong Pháp ngữ.
- Sự sai biệt giữa Tiểu thừa, Trung thừa và Đại thừa.
- Thiên tông không tin kinh điển?
- Ngài Nam Tuyên chém mèo có phải lậu tận không?
- Xã hội thời nay khó tu Tổ sư thiền?
- Bỏ nhiễm duyên lấy tịnh duyên.
- Thần thức đi đâu thai là thế nào?
- Sự khai ngộ của Ngài Đại Huệ.
- Tại sao học Phật Pháp có thể thành ngoại đạo?
- Bỏ lai vô nhất vật, lấy cái gì lia cái gì?
- Có phải tùy theo xá lợi có thể đánh giá sự tu của người đó?
- Thế nào hành đúng theo chánh pháp?
- Ta nghe như vậy.
- Hễ khởi niệm là lọt vào tương đối.

- Cách giải thích “Sắc không bất dị”.
- Câu chuyện Thiền sư Văn Ích phái Pháp Nhân Tông đi tham học.
- Tại sao phải đọc cuốn 50 thứ ma ngũ âm?
- Thế nào giải ngộ và chứng ngộ?
- Làm thế nào chấm dứt cái biết?

LỜI NÓI ĐẦU

Duy Lực Ngũ Lục quyển thượng đã đến tay quý độc giả trong và ngoài nước, với sự đón nhận thật nồng nhiệt. Chỉ trong vòng thời gian ngắn toàn bộ sách đã được phát hành. Chúng tôi nhận được nhiều thư từ khích lệ trong đó có nhiều ý kiến chỉ giáo và đóng góp bổ ích của quý vị hành giả và độc giả khắp nơi. Chúng tôi xin chân thành cảm tạ chư liệt quý vị. Trong ấn bản đó, mặc dù chúng tôi đã cố gắng về mọi mặt nhưng không sao tránh khỏi sai sót về chính tả, mỹ thuật trình bày và kỹ thuật in ấn. Chúng tôi sẽ khắc phục trong lần tái bản về sau.

Để đáp lại nhu cầu tìm hiểu và thực hành “phương pháp Tổ Sư Thiền” theo phong cách hướng dẫn đặc biệt của Hòa thượng Thích Duy Lực, nhóm soạn giả đã làm việc miệt mài, tiếp tục ghi chép từ các băng giảng của Hòa thượng để hoàn tất quyển hạ.

Khi tuyển chọn và phổ biến phần ngữ lục này, chúng tôi chỉ có nguyện ước khiêm tốn là mong rằng nguồn sữa thiền này sẽ là hành trang cho thế hệ tăng ni và phật tử ngày nay trên bước đường tu tập đạo giác ngộ và giải thoát của đức Phật Thích Ca.

Trong ấn bản này, chúng tôi đã ý thức và cố gắng thực hiện cho hoàn hảo hơn. Nếu có điều gì sai sót, kính xin quý hành giả và độc giả lượng tình chỉ giáo và hỷ xả. Xin chân thành đa tạ và kính chúc quý vị tinh tấn và an lạc.

Đại diện nhóm biên soạn
Mai Từ Thắng Nghĩa

TIỂU SỬ HÒA THƯỢNG THÍCH DUY LỰC

A.- THỜI THƠ ẤU

Sư họ La húy Dũ, hiệu Duy Lực, tự Giác Khai, sanh ngày 05 tháng 05 năm 1923 tại làng Long Tuyên, huyện Bình Thủy, tỉnh Cần Thơ, Việt Nam. Cha La Xương và mẹ Lưu Thị, làm nghề nông.

Năm lên 7 tuổi, theo cha về quê sống tại làng Long Yên, huyện Phong Thuận phủ Triều Châu tỉnh Quảng Đông Trung Quốc. Sau khi tốt nghiệp phổ thông cấp 1, thì Sư phải nghỉ học theo cha trở lại Việt Nam sinh sống, lúc đó Sư được 16 tuổi (1938). Trú tại tỉnh Cần Thơ.

Sư thường tranh thủ tự học trong lúc rỗi rảnh. Đến năm 26 tuổi (1948), thi đậu bằng giáo viên Hoa văn, từng cộng tác biên soạn cho tờ báo Viễn Đông tiếng Hoa tại Chợ Lớn và được mời dạy ở các trường tiểu học tỉnh Tà-Keo Cao Miên (Nay là Campuchia), trường Khải Trí ở Cần Thơ, Trường Cái Vồn ở Vĩnh Long trong thời gian 10 năm. Năm 1958, sau khi thi lấy bằng Đông y sĩ cấp 1, Sư được mời làm đông y sĩ cho tiệm thuốc Tế Ngươn Đường Cà mau, Minh Nguyệt Cư Sĩ Lâm tỉnh Cần Thơ để khám bệnh miễn phí cho dân trong thời gian 8 năm.

Trong tủ sách của Cư Sĩ Lâm có bộ Kinh Tục Tạng gồm 150 quyển, lúc đầu Sư định đọc hết toàn bộ, nhưng trải qua một năm chỉ xem được 7 quyển, sau quyết định chỉ xem phần Thiên tông. Lúc đó Sư theo Pháp sư Diệu Duyên tham học Tổ Sư Thiên (*Ngài Diệu Duyên đã nhiều năm thân cận Lai Quả Thiên Sư và Hư Vân Thiên Sư, và Ngài tịch vào năm 1976 tại Chùa Thảo Đường*).

B.-THỜI KỲ XUẤT GIA HỌC ĐẠO

Vào Mùng 08 tháng 02 năm 1973, Sư được Hòa Thượng Hoằng Tu cho xuất gia tu học tại Chùa Từ Ân Quận 11 Chợ Lớn. Tháng 05 năm 1974, Sư thọ giới Tam Đàn Cụ Túc tại Chùa Cực Lạc Malaysia.

Từ đó Sư chuyên tham câu thoại đầu “Khi chưa có trời đất ta là cái gì” trải qua nhiều năm, một hôm do đọc quyển Trung Quán Luận đến câu “Do có nghĩa Không nên thành tựu tất cả pháp” độn ngộ ý chỉ “Từ không hiển dụng”, lại tỏ ngộ câu “Không sanh nơi đại giác, như biển nổi hòn bọt, vô số nước hữu lậu, đều từ Không sanh khởi” trong kinh Lăng Nghiêm, với ý “Lấy vô trụ làm gốc” của ngài Lục Tổ; “Từ gốc vô trụ lập tất cả pháp” của ngài Duy Ma Cật vốn cùng một ý chỉ, Vô Trụ tức Tánh Không, thể Chơn Như vốn Không mà tự hiển bày sự dụng; thể và dụng của chư Phật với chúng sanh vốn chẳng hai chẳng khác, cùng khắp không gian thời gian, nơi thánh chẳng thêm, nơi phàm chẳng bớt, dù là phàm phu mà sức dụng của Phật Tánh chẳng kém hơn Phật, cũng chẳng từng gián đoạn, chỉ vì chúng sanh ứng dụng hàng ngày mà chẳng tự biết.

C.- THỜI KỲ HOẰNG PHÁP

Ngày mùng 02 tháng 04 năm 1977, thừa lệnh Hòa Thượng Bản sư (*Hòa Thượng Thích Hoằng Tu*). Sư ra hoằng pháp Tổ Sư Thiên tại Chùa Từ Ân, đường Hùng Vương, Quận 11 TP.HCM. Đến năm 1983, tứ chúng qui tụ ngày càng đông, Phật tử theo tu học pháp Tổ Sư Thiên hơn 4000 người, mỗi lần tham dự thiền thất đều vượt trên 300 người.

Từ những năm 1990, Sư thường đi giảng Thiên ở nhiều nơi trên thế giới. Đến thiền đường học đạo có người Tây, Âu và Á Châu, trong đó người Việt Nam là đông nhất. Những năm cuối đời, Sư thường được thỉnh đến giảng tại các nước trên thế giới như: Chùa Chánh Giác ở Toronto Canada, Chùa Quan Âm ở Brisbane Australia, Tịnh xá Đại Bi ở Đài Loan và một số chùa ở Hồng Kông. Nhất là các thiền đường ở Mỹ để giảng dạy pháp Tổ Sư Thiên và thỉnh chúng lui tới tu học đông đảo.

D.- CÁC KINH SÁCH TRƯỚC TÁC VÀ PHIÊN DỊCH

Ngoài ra Sư còn trước tác và dịch thuật từ tiếng Hán sang tiếng Việt hơn 20 loại kinh điển và ngữ lục. Lượng sách phát hành tại Việt Nam trên mấy mươi ngàn quyển.

Các kinh sách được phát hành bao gồm:

Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiên, kinh Lăng-nghiêm, kinh Lăng-già, kinh Pháp Bảo Đàn, kinh Viên Giác, kinh Duy-ma-cật, Phật Pháp với Thiên Tông, Đại Huệ Ngữ Lục, Đại Thừa Tuyệt Đối Luận, Tham Thiền Cảnh Ngữ, Công Án của Phật Thích-ca & Tổ Đạt-ma, Góp Nhặt Lời Phật Tổ và Thánh Hiền, Bá Trượng Quảng Lục và Ngữ Lục, Thiên Thất Khai Thị Lục, Truyền Tâm Pháp Yếu, Cội Nguồn Truyền Thừa và Phương Pháp Tu Trì của Thiên Tông, Danh Từ Thiên Học, Chư Kinh Tập Yếu, Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải, Vũ Trụ Quan Thế kỷ 21, Yếu Chỉ Trung Quán Luận, Triệt Luận, Yếu Chỉ Phật Pháp vv.

Dù ở cương vị nào và bất cứ nơi đâu, Sư đều tùy duyên giảng dạy, như: Tổ chức Thiền thất tại Chùa Từ Ân quận 11, Chùa Hưng Phước quận 3; Chùa Pháp Thành quận 6, Chùa Sùng Đức quận 6, Chùa Huệ Quang quận Tân Bình, và tại các tỉnh Đồng Tháp, Long An, Sóc Trăng, Tây Ninh, Đại Tòng Lâm Bà Rịa Vũng Tàu, tỉnh Khánh Hòa, Bình Định vv.

D.- THỜI KỲ THAM GIA PHẬT SỰ GIÁO HỘI

Đến năm 1998, Sư đã được Ban Hoằng Pháp Trung ương Giáo Hội Phật giáo Việt Nam, mời thỉnh làm Ủy viên, được Giáo hội thỉnh giảng tại các Khóa Bồi Dưỡng Hoằng pháp ngắn hạn cho các tỉnh miền Trung tổ chức tại Bình Định, cho các tỉnh Miền Nam tại Văn Phòng 2 Trung Ương Giáo Hội.

E.- THỜI KỲ VIÊN TỊCH

Sư biện tài vô ngại, tùy duyên hóa độ và tận tụy với Hoằng pháp lợi sanh, chẳng kể gian lao, không từ khó nhọc. Người xưa có nói “Bồ Tát dĩ lợi sanh vi bản hoài”, Thật khế hợp với Sư biết bao.

Hóa duyên ký tất, Sư viên tịch lúc 01 giờ 30, ngày 02 tháng 12 năm Kỷ Mão (08,01.2000) giờ Việt Nam, trụ thế 77 năm.

[01] 26/10/92–01/11/92 tại Chùa Từ Ân, Quận 11.

Hỏi: *Nói “Tánh thấy không mất”, vậy thân này sau khi chết, tánh thấy của con ở đâu?*

Đáp: Chớ nói đến sau khi chết, nay ông còn sống, đang ngồi ở đây, sờ thấy rõ ràng trước mắt, nhưng tánh thấy của ông ở đâu? Ông hãy chỉ ra xem! Lúc sống còn tự chỉ không được, nói chỉ sau khi chết, tôi làm sao chỉ ra? Chính Phật Thích Ca cũng chỉ không được. Tại sao? Vì tánh thấy chẳng phải vật, vốn không lay động biến đổi, làm sao có sanh diệt? Đã chẳng phải vật thì làm sao chỉ?

Do tánh con người ham tìm hiểu, muốn biết tất cả, nhưng chính cái cơ thể của mình còn không biết, những gì trước mắt mình cũng không biết. Ví như tôi nhìn vào móng tay của tôi, đâu thấy nó dài ra? Nhưng nhớ lại thì có dài hơn so với ba ngày trước, vậy nói “móng tay của tôi ba ngày dài một lần”, đúng không? Không. Tại sao? Móng tay tôi giây phút nào cũng đang dài, sự sanh trưởng đâu có lúc nào ngưng? Chính ngay hiện nay cũng đang dài, chỉ là tôi không biết thôi. Tóc, tế bào của cơ thể, có cái đang sanh, có cái đang diệt, mặt mũi của tôi cũng đang thay đổi, nhưng tôi có biết đâu! Ấy gọi là cuộc sống hàng ngày đang thay đổi mà chẳng tự biết, còn muốn biết tới những gì ngoài cơ thể? Có ích lợi gì?

Cái biết của bộ não là tướng bệnh, cái biết của Phật tánh là tướng mạnh. Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta đang ứng dụng cái biết của bộ não, thì cái biết của Phật tánh phải ẩn thôi. Nay chúng ta tham thiền, dùng nghi tinh dẹp cái biết của bộ não, tức dẹp tướng bệnh; khi nào hết bệnh, tướng mạnh mới hiện ra.

Cái biết của Phật tánh khắp không gian thời gian, chẳng chỗ nào không biết, chẳng lúc nào không biết, còn cái biết của bộ não rất hạn chế, lại không đúng với sự thật. Nay nói đến không gian thời gian, nếu phân tích nhỏ lại thì bộ não không biết.

Ví dụ một ngày đêm có 24 giờ; một giờ chia thành 60 phút, một phút chia thành 60 giây, theo nhà Phật một giây chia thành 60 sát na . Nói “một sát na” thì bộ não còn có thể tưởng tượng được, nếu đem chia thêm ba lần nữa: một sát na chia làm 60A, 1A

chia làm 60B, 1B chia làm 60C. Khi tôi nói đến “1C” trong hiện tại, đã trôi mất mấy mươi C rồi. Hiện tại đã không thành lập được thì bộ não làm sao biết?

Nếu tôi đem chia thêm 30 lần, theo toán học, con số vẫn còn, nhưng bộ não đâu còn biết được thời gian thực tế nữa! Tóm lại, hễ còn con số thì thời gian vẫn có, mà bộ não không biết được. Ấy là nói về thời gian.

Bây giờ nói về không gian: Tôi từng xem một quyển toán học xuất bản ở Hồng Kông, trong đó nói đến một loại vi khuẩn dạng như chiếc dế cỏ, nay tạm gọi là “Con sâu dế cỏ”, loại vi khuẩn này thuộc đơn bào, phải dùng kính hiển vi mới thấy rõ. Về sự trưởng thành của nó, cứ cách một ngày đêm là nứt thành hai con, ngày sau nữa thành bốn con, rồi thành tám con... Từ đời thứ nhất đến đời thứ 90 thì thể tích của nó là 1m³, đến đời thứ 130 thì thể tích bằng quả đất! Chỉ cần trải qua 130 ngày, nếu chỉ có sanh mà không có sự diệt, thì thể tích của con sâu này bằng một quả đất, đến đời thứ 131 bằng hai quả đất!

Căn cứ theo lý này, nay thử đem con sâu có khối thể tích bằng quả đất này xẻ làm hai, rồi mỗi bên lại xẻ làm hai, cứ như thế xẻ đến lần thứ 130 thì thể tích của nó trở lại thành một đơn bào. Như vậy, theo toán học, đem con sâu ấy xẻ thêm 130 lần; con số vẫn còn, nhưng cơ thể của nó bộ não mình còn biết được không? Con số có thể tiếp tục thu nhỏ, nhỏ đến vô cực, còn việc không gian thời gian trước mắt đã hoàn toàn không biết được rồi.

Cho nên, có người hỏi “Kiến tánh rồi đi về đâu?” Nếu có chỗ về thì chưa phải kiến tánh, vì không cùng khắp vậy. Bây giờ ai muốn đạt đến tự do tự tại, làm chủ cho chính mình, chỉ có thực hành tham thoại đầu, chứ đừng tìm hiểu và hỏi ở ngoài nữa, vì hỏi cũng vô ích. Tại sao vô ích? Như trong Kinh nói: Người mù hỏi người mắt sáng: Mặt trời như thế nào? Người mắt sáng diễn tả mặt trời có tròn có nóng, vậy là đúng rồi, nhưng nếu người mù cho “tròn và nóng là mặt trời” thì sai; bởi vì đâu phải cái nào có tròn có nóng tức là mặt trời! Nếu người mù căn cứ theo lời của người mắt sáng mà nhận biết thì không đúng. *(Người mù dụ cho người chưa kiến tánh, người mắt sáng dụ cho người đã kiến tánh).*

Chớ nói là người mù, nay người mắt sáng với người mắt sáng cũng vậy, tôi thường lấy thí dụ về mặt mũi của ông Trương: Tôi quen biết ông Trương, còn quý vị thì chưa gặp qua lần nào, chưa biết mặt mũi ông ấy ra sao. Tôi diễn tả mặt mũi của ông Trương như thế nào, cao thấp ra sao... mặc dù tôi nói rất giống, nhưng quý vị đâu có gặp ở ngoài đường cũng đâu biết người đó là ông Trương? Vì lời nói và thực tế có khác. Chẳng phải do tôi diễn tả không đúng, nhưng muốn dựa vào lời nói của tôi để nhận biết thì không được.

Nay chưa kiến tánh, đối với sở thấy của mình rõ ràng, mà năng thấy còn chỉ không được, dấu cho tôi nói được, quý vị theo lời nói của tôi cũng đâu thể nhận biết được! Vì thế cho nên, mục đích của chư Phật là muốn chúng ta trị hết bệnh mù, đích thân thấy, chứ đừng nghe lời người mắt sáng, bị người mắt sáng lừa.

Sự thật, người mắt sáng đâu muốn lừa chúng ta, chỉ tại mình cứ đuổi theo lời nói để nhận biết sự chơn thật. Nay chúng ta cũng như người mù, thấy cũng như không thấy, Đức Phật chỉ hướng dẫn cách tu, để chúng ta tự trị hết bệnh mù, rồi tự thấy.

Hỏi: Phật với chúng sanh, ai là chủ, ai là khách?

Đáp: Tự tánh bất nhị, không có chủ khách. Phật Pháp chẳng lia tự tánh. Lục Tổ nói “Lìa tánh thuyết pháp, ấy là tướng thuyết”. Chấp tướng mới có chủ có khách, còn căn

bản của Phật Pháp không có chủ khách không có tương đối. Tương đối là nằm trong nhất niệm vô minh.

Hỏi: Có hai nhà Sư gặp nhau ở ngã ba đường, cùng hét lên một tiếng. Vậy ai là chủ, ai là khách?

Đáp: Đó là công án của chư Tổ. Nếu ngộ thì ngộ ngay lúc đó, nếu không thì phải giữ cái không hiểu, gọi là nghi tình, sau này sẽ được ngộ, công án không phải để cho người ta giải. Vì sự giải thích đó không đúng, lại thành phi báng Tổ.

Hỏi: Tham thoại đầu có nhất thiết phải dùng một câu không? Hoặc có thể theo đó mà khởi nghi tình?

Đáp: Nếu tham thoại đầu chỉ nhất định một câu thì chư Tổ chỉ dạy một câu là đủ. Thiền tông lần đầu tiên ra cuốn Truyền Đăng Lục có một ngàn bảy trăm công án, đều có thể tham được. Sau này đến bảy ngàn Tổ, bảy ngàn công án đều có thể tham. Nhưng mỗi người chỉ tham một công án, thấu được một công án thì thấu tất cả, vũ trụ vạn vật đều thấu. Lúc ngộ triệt để là đoạn dứt nghi căn, chẳng còn điều gì không biết. Tham thoại đầu và tham công án là một, chỉ là công án phức tạp hơn. Người nào thích hợp câu thoại nào, cảm thấy nghi nhiều thì tham câu đó. Đối với công án cũng vậy.

Hỏi: Chúng con tập khí quá nhiều, vậy khi nào mới dứt được?

Đáp: Nay hành giả tham thiền đừng để ý đến trừ tập khí, giữ được nghi tình thì tập khí có thể dứt dần, nhưng muốn dứt sạch phải kiến tánh mới được. Tham thiền chỉ có thể dứt những tập khí thô, còn tập khí vi tế phải sau khi kiến tánh rồi mới dứt. Nên sau khi kiến tánh phải qua sự bảo nhiệm để dứt tập khí thế gian và xuất thế gian.

Hỏi: Xin Sư phụ kể về những câu chuyện hoằng pháp ở Thiền đường nước Mỹ và chuyến đi thăm vừa rồi ở Chùa Cao Môn Trung Quốc?

Đáp: Nay tham thiền với mục đích phát hiện được chính mình, làm chủ cho mình được tự do tự tại. Chư Phật nghĩa là tự giác giác tha, giải thoát cho mình và cho chúng sanh, còn về những vấn đề trên là không cần thiết, sau này khi có dịp tôi sẽ kể cho nghe.

Vừa rồi, tôi có đi viếng thăm Chùa Cao Môn, và ở lại chùa một tháng từ ngày 04/08/1992 đến 04/09/1992. Ngài Trụ Trì Chùa có mời tôi làm Thủ Tọa. Ở đó, bất cứ cửa nào cũng đề bốn chữ “Chiếu cố thoại đầu”. Chiếu là chiếu soi, Cố là nhìn, tức nhìn chỗ thoại đầu, vừa nhìn vừa hỏi. Nếu không nhìn mà chỉ đề câu thoại để hỏi thì nghi tình dễ đánh mất, vừa hỏi liền mất; nếu vừa nhìn vừa hỏi thì nghi tình được kéo dài. Tham thiền chỉ cần vừa nhìn vừa hỏi, ngoài ra khỏi cần tìm hiểu, khỏi cần biết gì, bởi cái biết chẳng phải nghi tình, chẳng phải tham thiền.

Ở Chùa Cao Môn, ngày thường cũng đả Thiền thất. Vào mùa đông thì liên tục mười thất. Đáng lẽ ngày thường đã là thiền thất rồi, tại sao mùa đông lại tổ chức liên tục mười thất? Bởi vì bình thường mỗi ngày chỉ có mười bốn nén hương, đến mùa đông là hai mươi nén hương một ngày: Bắt đầu từ 4 giờ 30 sáng đến 11 giờ khuya mới nghỉ, công phu như thế được miên mật và tinh tấn hơn, nên trong Thiền thất có nhiều vị Tổ sư khai ngộ.

Nay chúng ta chỉ khi đến Thiền đường mới đả thất, còn ở nhà thì không đả hương tọa hương đúng theo qui định, và ở nhà tất nhiên giải đãi hơn, muốn tham cũng được, không tham cũng được, chẳng ai bó buộc và khích lệ. Còn những người ở Thiền đường, không vào thiền thất là không được, hằng ngày đều như thế, mùa đông càng phải dụng công hơn. Sự thật thì khi tập trung đả thất, mặc dù chi phí tốn hao nhiều,

nhưng lợi ích cũng nhiều, không uổng cho sự tốn hao. Vì thế ngài Lai Quả khuyên chúng nên tu trong Thiền đường, không nên ở chùa tư.

Về thời khóa tu tập của Chùa Cao Môn, quý vị xem cuốn Tham Thiền Phổ Thuyết của ngài Lai Quả để biết thêm. Trong cuốn Tham Thiền Phổ Thuyết tôi có sửa lại đôi điều sai, vì khi tôi hỏi, mới biết là có sự chênh lệch so với nguyên bản của ngài Lai Quả, đó là do sự sai sót khi in ấn, nên tôi đã lọc bỏ ra những phần không phải của Ngài.

Ngài Lai Quả kiến tánh ở Chùa Kim Sơn, ngài Hư Vân kiến tánh ở Chùa Cao Môn. Nay chỉ có Chùa Cao Môn giữ được pháp môn Thiền tông, nối theo ngài Lai Quả, còn Chùa Kim Sơn đã trở thành khu du lịch, trong Thiền đường chỉ có hai cụ già tham thiền mà thôi. Vì lẽ đó, ngài Lai Quả nói “Pháp Thiền ngày nay tựa như sợi chỉ treo ngàn cân, không biết ngày nào sẽ đứt”, nên tôi phát nguyện chuyên hoằng Tổ Sư Thiền này. Hoằng dương Tổ Sư Thiền rất khó, vì người ta không tin tự tâm. Phải tin tự tâm 100%, mới có thể nhận được bản tâm của mình.

Người đời nay đa số tu theo Giáo môn, học theo Giáo môn là muốn giải, còn Tổ Sư Thiền không cho giải, vì hễ giải là hết nghi. Cho nên, nhiều vị sau khi kiến tánh, nói “Tôi không trọng thầy tôi ở chỗ đạo đức, văn chương, chỉ trọng chẳng vì tôi nói trắng ra”, vì nói trắng ra là chẳng thể ngộ.

Hỏi: Thời nay, nhiều vị tu hành rất công cao ngã mạn, tự ăn cắp học thuộc lòng một số ngữ ngôn kỳ đặc của Tổ sư, cho là vốn liếng của mình, đi khắp nơi đã phá cái này cái kia, làm trò cười cho thiên hạ. thậm chí đem ra chỉ trích pháp dạy của Phật, của Tổ, cho là không đúng, phải làm theo cách bày đặt của họ mới là đúng ... Con mong Sư phụ từ bi khai thị, mở mắt cho những kẻ ngông cuồng ngạo mạn này.

Đáp: Học Phật Pháp phải biết nhân quả, nhân nào quả nấy, ai tạo nấy chịu. Lục Tổ trong kinh Pháp Bảo Đàn nói “Thường tự thấy lỗi mình, chớ nên thấy lỗi người”. Chánh pháp phải phá ngã chấp, cứ thấy lỗi của người khác tức còn ngã chấp.

Những người tham thiền cần lo cho mình được mau kiến tánh, không cần biết tới lỗi của người khác, ấy là ý của chư Tổ dạy như thế. Hễ giữ được nghi tình, tự nhiên không thấy lỗi của người khác. Hãy lấy thân mình làm mô phạm cho người khác noi theo. Khỏi cần nói, cứ làm cho đúng, vì có nói cũng vô ích, người ta có chịu nghe đâu! Mặc dù mình không nói, nhưng người khác nhìn thấy cũng biết. Phải thường thấy lỗi của mình, chẳng thấy lỗi người khác là được.

Hỏi: Có người cho rằng: Vấn đề cúng thất sau khi chết cho linh hồn được siêu thoát, vậy có hay không? Cũng có thuyết cho rằng “Con người sau khi chết không có linh hồn, sở dĩ mọi người cúng bái chỉ để làm kỷ niệm đưa người quá cố đi thôi”, đúng hay sai?

Đáp: Phật Pháp nói về “Tam thừa”, nếu nói rộng hơn nữa là có Ngũ thừa, tức ngoài Tam thừa ra, thêm Nhơn thừa và Thiên thừa. Ví như Khổng Tử Trung Quốc quý trọng về Nhơn thừa. Phật giáo cũng vậy, dạy người đời giữ gìn ngũ giới, trở thành người công dân tốt, có ích lợi cho xã hội, cho nước nhà.

Tại sao Đức Phật chia làm ngũ thừa? Vì căn cơ trình độ của mọi người khác nhau. Để phù hợp cho mọi căn cơ, nên nói có ngũ thừa. Như hiện nay tôi hoằng dương Tổ Sư Thiền, thuộc Tối thượng thừa, cũng có người hoằng dương Đại thừa, hoặc Trung thừa, hoặc Tiểu thừa, Nhơn, Thiên thừa... chỉ cần mỗi người theo đúng bổn phận của mình, theo đúng tông chỉ của Phật là đủ.

Tôi chỉ chuyên hoằng Tổ Sư Thiên, ngoài ra không biết tới, cũng chẳng thể can thiệp. Sở dĩ nói mặt pháp, vì nghiệp lực của chúng sanh đã là như thế, dầu cho hàng sa chur Phật, Bồ tát cũng không thể sửa đổi, Phật Thích Ca trở lại cũng chẳng thể sửa lại định nghiệp của chúng sanh.

Đức Phật có ba việc không làm được:

- 1/ Chẳng thể độ người không có nhân duyên.
- 2/ Chẳng thể sửa lại định nghiệp của chúng sanh, vì nhân nào quả nấy.
- 3/ Chẳng thể độ hết chúng sanh.

Cho nên, mọi người cứ làm đúng bổn phận của mình, là tuân theo lời dạy của Phật.

Trong Phật Pháp có thất chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức xoa, Sa-di, Sa-di-ni (*Năm chúng xuất gia*), Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di (*Hai chúng tại gia*). Mỗi mỗi đều có bổn phận riêng, cho đến xã hội cũng vậy: Làm cha có bổn phận của người cha, làm mẹ có bổn phận của người mẹ, làm con có bổn phận của người con, làm chồng có bổn phận của chồng v... Nếu người nào cũng làm tròn bổn phận của mình thì xã hội yên tịnh, thiên hạ thái bình.

Hỏi: Cõi trời nhập định tại sao không được giải thoát?

Đáp: Do còn chấp ngã nên không giải thoát được. Người tu đến cõi Phi tướng phi phi tướng, thọ mạng tám muôn đại kiếp, thuộc về Vô Sắc Giới, chẳng còn sắc thân, nhưng vì chấp a-lại-da thức là ta, nên vẫn chưa ra khỏi luân hồi, chẳng thể giải thoát.

Đã theo chánh pháp phải phá ngã chấp, thời gian nhập định lâu chưa phải đã giải thoát. Ví như ngài Huệ Trì, sư đệ của ngài Huệ Viễn, ở Lu Sơn từ già Sư huynh, đi vào tỉnh Tứ Xuyên. Trên đường đi thấy có một cây rất cao to, lại có chỗ trống rộng bên trong, bèn chui vào trong nhập định, sau đó lỗ chui bị bít, người ngoài chẳng ai hay. Trải qua một thời gian, do sấm sét khiến cây bị chẻ ngã, Ngài từ trong bọng cây té nhào ra, tóc dài quấn cùng thân thể, nhưng vẫn chưa xuất định. Dân làng xung quanh lúc đầu tưởng Ngài đã chết, vì thấy còn hơi ấm mà chẳng cách nào khiến tỉnh lại, bèn chõ vào kinh thành báo với vua. Vua sai Thiên sư khiến cho xuất định, hỏi: Pháp sư nhập định lúc nào?

- Mới hồi nãy.

Xong Ngài hỏi lại “Sư huynh tôi là Huệ Viễn, lúc này còn ở Lu Sơn không?”

Mọi người tính ra mới biết ngài nhập định đã bảy trăm năm. Vua hỏi: Nay pháp sư có mong muốn gì không?

Đáp: Không.

Vua nói: Trẫm ban cho chùa chiền để làm Trụ trì?

Ngài từ chối, chỉ xin được trở về núi.

Việc trên chúng tỏ, nhập định trải qua bảy trăm năm, cũng đâu có ích lợi gì! Nên ngài Lục Tổ nói “Đạo do tâm ngộ bất tại tọa”.

Hỏi: Khi nổi lên tâm không biết để nhìn, đó có phải là hầm sâu đen tối không?

Đáp: Chỗ không biết tức đen tối, chỉ cần giữ cái không biết, gọi là nghi tình, vừa nhìn vừa hỏi câu thoại để tăng cường nghi tình, đến một ngày kia khỏi cần hỏi cũng giữ được nghi tình, lúc đó không hỏi cũng được. Ví như ngài Nguyệt Khê chỉ có nhìn mà không hỏi, hai năm đã kiến tánh.

Hỏi: Người mới tham thiền, hay ngủ gục, vậy phải làm sao?

Đáp: Trong Thiền đường có ban chức sự, có người tuần hương. Hễ đông người thì nhiều người đi tuần, ví như hai trăm người tham gia thì có từ hai đến bốn vị tuần hương. Gặp người buồn ngủ, vị tuần hương dùng cây hương bằng đánh nhẹ trên vai cho thức.

Lần này tôi đi thăm Chùa Cao Môn, nghe được một câu chuyện như sau: Khu đất Chùa Cao Môn là do vua đời nhà Tùy ban cho, đến đời nhà Thanh, đã hơn một ngàn năm, Vua Khang Hy có dựng một hành cung trong chùa, cổ tích đó đến nay vẫn còn.

Vua Khang Hy đến viếng Chùa sáu lần, mỗi lần đều vào Thiền đường tọa hương với tăng chúng. Trong Thiền đường có hai chỗ ngồi, một bên dành cho Thủ Tọa, và một bên cho Duy Na. Thủ tọa và Duy Na đều có cây hương bằng để sử dụng khi chúng phạm lỗi. Một lần, Vua đang ngồi thiền, thành linh bị Duy Na dùng hương bằng đánh trên vai ba cái, Vua tức giận trong bụng, nhưng vì qui củ của Thiền đường không được lên tiếng. Đến khi xả thiền, vua tìm gặp Trụ trì bảo: Hồi nãy sao vị Duy Na dám đánh Trẫm?

Trụ trì mời Duy Na đến hỏi nguyên do, Duy Na nói: Vào Thiền đường là phải nhất tâm tham thiền. Con thấy tâm Vua đang nghĩ đến cung phi, không có tham Thiền, nên đánh thức để trở về với tham thiền.

Vua bị nói trúng, chẳng những không giận, còn kính phục vị Duy Na.

Câu chuyện trên được ghi trong lịch sử của Chùa Cao Môn: Vua Khang Hy viếng chùa sáu lần, vua Càn Long chín lần. Cho nên, dùng hương bằng đánh trên vai là để cho những người buồn ngủ thức giấc. Cũng có người nghi tình nặng, trông bề ngoài giống như buồn ngủ, khi hương bằng đánh xuống, khiến liền ngộ. Ngoài ra, người tuần hương thấy ai ngó qua ngó lại cũng đánh, nói chuyện cũng đánh, nhưng đánh mạnh hơn; ấy là trách nhiệm của người tuần hương.

Hỏi: Hành giả tham thiền phải tu làm sao để thấu Tam quan?

Đáp: Đó tùy thuộc vào chính mình. Cũng như Cao Phong Nguyên Diệu thiền sư trong Thiền Quan Sách Tấn nói “Nếu nghi tình của mình nặng như cục đá lớn từ trên đỉnh núi rơi xuống biển, chẳng một sự chướng ngại nào, trong bảy ngày đêm mà không kiến tánh, thì Cao Phong ta sẽ đọa địa ngục A-tỳ, bị cắt lưỡi vì tội nói dối”. Nếu hành giả tham thiền dụng công đến mức như ngài Cao Phong nói trên, trong bảy ngày đêm cũng có thể kiến tánh.

Trong lịch sử Thiền tông có Thiền sư Phật Đăng, trong tứ oai nghi chỉ ứng dụng một oai nghi là đi, không đứng, không nằm, không ngồi. Ăn cũng đi, uống cũng đi, ngày đêm như thế, đi đến mệt rồi, dựa vào vách tường ngủ mê lúc nào chẳng hay, đến khi thức giấc, tự mình đánh mình, rồi không đi gần vách tường nữa. Đi mãi tham mãi, đến 49 ngày kiến tánh.

Công phu của chúng ta nếu được như ngài Phật Đăng thì 49 ngày cũng được kiến tánh, nhưng việc này bắt chước không được.

Hỏi: Ngài Bác Sơn nói về công phu tham thiền có bốn điều kiện: Khẩn- thiết- miên- mật- dụng- hoá. Xin Sư phụ khai thị về bốn điều kiện trên?

Đáp: Ở trên tôi có nói đến cách “nhìn”, vừa nhìn vừa hỏi. Cái nhìn đó khiến cho miên mật; giữ được nghi tình là do khẩn thiết, nhất là thống thiết về sanh tử. Bởi vì không biết mình sẽ chết vào tối nay hay ngày mai, nay chưa chết phải giải quyết vấn đề này. Ai cũng sợ chết, nhưng sợ vẫn phải chết. Nên phải khẩn thiết như thế.

Nghi tình là không biết, không biết thì chẳng dính mắc với ngoại cảnh, không để cho người khác làm chủ cho mình; người khác khen ngợi mình cũng không biết, chê cười cũng không biết, khen ngợi cũng chẳng vui, chửi mắng cũng không buồn... Tất cả việc gì đều không dính dáng đến mình, chẳng có chướng ngại, gọi là dung hoá. Dung là dung thông, hoá là trống rỗng, chẳng gì dính mắc. Hễ giữ được nghi tình thì tự nhiên như thế. Nếu không, chắc chắn phải bị dính mắc cái này cái kia.

Hỏi: Sự hiểu biết của phàm phu là do bộ não, chính bộ não nghiên cứu nhiều, hiểu biết nhiều, nên chúng sanh mới bị đọa tam ác đạo, phải không?

Đáp: Ở Mỹ, tôi có ra một bài “Phật Pháp với khoa học”, mặc dù nay nói “chấm dứt tác dụng của bộ não”, nhưng chỉ là phương tiện. Như hôm qua tôi nói “lục căn, kiến văn giác tri đều là tác dụng của bộ não”. Ngài Nguyệt Khê thí dụ:

Kiến văn giác tri là binh lính của bọn cướp, lục căn là binh khí của vua cướp, vô thi vô minh là vua cướp. Tiều thừa ví như tịch thu binh khí của bọn cướp. Binh khí dù bị tịch thu, nhưng vẫn có thể sắm lại. Trung thừa ví như giết hết binh lính cướp, cho là đã yên ổn, chẳng biết đó chỉ là tạm thời thôi, vì còn vua cướp (*vô thi vô minh*), có thể chiêu binh mãi mã, hoạt động trở lại. Nay tham thiền ví như chẳng tịch thu binh khí của bọn cướp, cũng chẳng giết hại lính cướp, mà lợi dụng lính cướp, cầm binh khí của họ để bắt vua cướp. Vua cướp bắt được rồi, thì lính cướp trở thành lính chính huy của nhà nước.

Cho nên, chỉ cần phá được vô thi vô minh, tất cả tương đối đều thuộc về tự tánh, đều biến thành tuyệt đối. Nay cuộc sống hàng ngày là do lục căn làm chủ; khi kiến tánh rồi, Phật tánh làm chủ, bộ não chỉ là đầy tớ thôi. Phật tánh sai khiến bộ não làm việc, chỉ làm điều lành, không làm việc xấu. Còn do bộ não sai khiến thì hay làm việc xấu vậy.

Hỏi: Trong sự khai thị của Sư phụ, hoặc trong lúc coi kinh, bất thần rồi con ngộ, vậy sự ngộ này ở nơi quyền trí hay chơn trí?

Đáp: Ngộ có giải ngộ và chứng ngộ. Trong lúc xem kinh, thành linh hiểu được nghĩa kinh là giải ngộ, chẳng phải chứng ngộ. Chứng ngộ chẳng có nghĩa lý, chỉ là hiện ra bản thể của Phật tánh khắp không gian thời gian. Giải ngộ vì còn nằm trong tương đối, nên đối với sự giải thoát cũng không ích lợi gì.

Hỏi: Trong các sách nói về nguồn gốc sinh ra vũ trụ con người, có các thuyết đa nguyên, nhị nguyên hoặc nhất nguyên, mà đa số chấp nhận về thuyết tự nhiên. Theo lời Phật dạy thì vũ trụ vạn vật là duy tâm sở tạo, mà tâm này lại sẵn có. Từ đó con thắc mắc: cái “sẵn có” của Đức Phật nói, với cái thuyết “tự nhiên” của học thuyết bên ngoài giống nhau không?

Đáp: Triết học phương Tây có nhất nguyên và nhị nguyên luận, còn Phật Thích Ca nói “vô thi”, tức chẳng có sự bắt đầu: vũ trụ vạn vật, núi sông đất đai, tất cả đều không có sự bắt đầu. Nếu không có sự bắt đầu thì nhất nguyên, nhị nguyên cũng không. Chẳng có sự bắt đầu tức vô sanh, vốn chẳng có sự sanh khởi.

Nếu nói “tự nhiên”, cũng phải có sự sanh khởi của tự nhiên; nói “nhân duyên” cũng phải có sự sanh khởi của nhân duyên, nên kinh Lăng Nghiêm nói “Phi nhân duyên, phi tự nhiên”. Vì bản thể của Phật tánh khắp thời gian, nếu có sự sanh khởi tức chẳng cùng khắp, và bắt đầu từ thời gian nào? Trước sự bắt đầu có thời gian hay không?

Nói đến có khác hay không, ấy là tư tưởng chấp thật, cho sự sanh khởi là tự nhiên. Nên hiện nay các nhà khoa học, nhà bác học muốn tìm sự sanh khởi của vũ trụ, nhưng chưa thể giải quyết được. Mà theo lập trường của nhà Phật, ý muốn đó là ngu si.

Hỏi: Tại sao ngài Nguyệt Khê nhìn thoại đầu được?

Đáp: Nói “nhìn thoại đầu”, “khán thoại đầu”, “chiếu cố thoại đầu” đều giống nhau. Tham là nghi, khán thoại đầu, chiếu cố thoại đầu cũng là nghi, là không hiểu không biết. Căn cơ trình độ của ngài Nguyệt Khê, chúng ta làm không được. Lúc Ngài chưa biết cách tham thiền, cứ đi tìm mãi và hỏi thăm hoài; đến khi nghe nói ngài Thiết Nham dạy tham Thiền ở núi Ngưu thủ, lúc đó gần nửa đêm, Ngài liền lên đường, không đợi trời sáng, tâm Ngài khẩn thiết như thế.

Lại, công phu của Ngài nhìn vào thoại đầu, quên cả sự ăn uống ngủ nghỉ. Lúc đó Ngài chỉ có 22 tuổi, quên ăn quên ngủ đến nỗi chỉ còn da bọc xương, nên chỉ trong vòng hai năm là kiến tánh. Thời nay có ai hành được như Ngài không? Dù chúng ta làm không được, nhưng có đi ắt có đến, đi nhanh hay chậm; trước sau cũng sẽ đến, chỉ e rằng bị lạc vào lối rẽ thôi!

Hỏi: Tại sao hành vi của chư Tổ chẳng khác người thường, chẳng có sự siêu xuất nào?

Đáp: Hành vi và lời nói của Chư Tổ đều có tác dụng độ chúng sanh. Lịch sử Thiền tông có một công án: Có một vị Tổ đã kiến tánh triệt để, sắp lâm chung, Ngài cứ lăn lộn và la làng như vẽ đau khổ lắm, thị giả của Ngài tưởng thiết, hỏi: Xưa nay Thầy vốn hiện đủ thứ thần thông, hôm nay sao lại như thế?

Tổ liền ngồi dậy, nói: Người làm thị giả của ta, suốt ngày bên cạnh ta, còn không tin tưởng ta, vậy thì người khác làm sao tin ta?

Mắng xong ngồi ngay thị tịch luôn. Vì Ngài biết vị Thị giả ấy chưa đủ lòng tin, nên thị hiện như thế.

Ngài Nguyệt Khê cũng vậy, Phật Thích Ca cũng vậy. Trong kinh Duy Ma Cát, Phật thị hiện có bệnh, sai A Nan đi xin sữa, A Nan đứng trước cửa nhà giàu xin sữa, bị ngài Duy Ma Cát quở, bảo hãy quay về, không nên xin nữa.

A Nan nói: Chính tôi nghe rõ Đức Phật bảo đi xin sữa!

Duy Ma Cát nói: Hãy mau quay về, nếu bị người khác thấy được, nhất là ngoại đạo, họ sẽ nghĩ rằng Phật Thích Ca đã thành Phật rồi, còn bệnh hoạn sao!

Sau khi A Nan thuật lại lời của Duy Ma Cát thì Đức Phật nói là đúng. Thế thì tại sao Phật lại sai A Nan đi xin sữa? Vậy có mâu thuẫn không? Đó cũng vì muốn độ chúng sanh. Cho nên, không thể dùng sự hiểu biết của mình để đoán mò, ấy là sai.

Hỏi: Con nghe nói ở Chùa Đậu Hà Nội, có hai chú cháu Thiền sư Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường, hơn ba trăm năm mà nhục thân vẫn còn, vậy hai vị đó đã đắc đạo chưa?

Đáp: Mặc dù để lại nhục thân, nhưng không thể chứng tỏ là kiến tánh. Năm 1974, tôi đi viếng thăm các chùa ở Thái Lan, cũng có nhiều vị để lại nhục thân, những vị đó đều chưa phải kiến tánh. Ở Đài Loan có Pháp sư Từ Hàng thuộc Giáo Môn, cũng để lại nhục thân nhưng chưa kiến tánh.

Người tham thiền chỉ cần đáp được một chuyện ngữ: Chư Tổ đã kiến tánh hỏi người chưa kiến tánh, người đó chỉ cần đáp được một chuyện ngữ, chứng tỏ đã kiến tánh là được ấn chứng, gọi là “truyền tâm ấn”. Tại sao gọi là chuyện ngữ? Chuyện tức không có sở trụ; vì bản thể của Phật tánh vô trụ, lời nói của chư Phật chư Tổ đều là vô trụ, nên gọi là chuyện ngữ.

Có một ngoại đạo hiện đủ thứ thần thông trong mười mấy năm, người đời đồn xa, có người đem câu chuyện kể cho một vị Thiền sư nghe, vị đó chẳng ngó ngàn tới. Khi ngoại đạo đó chết, đem thiêu được nhiều xá lợi, có người lại đem việc này nói với Thiền sư, Thiền sư nói “Xá lợi nhiều cách mấy, không bằng đáp cho tôi một chuyên ngữ”. Do đó, xá lợi nhiều không thể chứng tỏ là đã kiến tánh.

Hỏi: Sư phụ nói phải tin tụi tâm 100%, sao con tin không nổi?

Đáp: Vì nay tiếp xúc cái nào cũng có thật chất, nên khó tin. Tôi thường dùng mở mắt chiêm bao và nhắm mắt chiêm bao để thí dụ, từ nhắm mắt chiêm bao sẽ tin được mở mắt chiêm bao:

- Đang ở trong nhắm mắt chiêm bao cũng là tin không nổi, đến chừng thức tỉnh rồi, không tin cũng không được, đối với mở mắt chiêm bao cũng vậy.

Lời dạy của Phật chúng ta cũng tin không nổi, nên mới cần tu hành; vì người tin không nổi, nên phải trải qua nhiều đời nhiều kiếp. Do đó, kinh Pháp Bảo Đàn nói “Mê trải qua nhiều kiếp, ngộ chỉ một sát na”. Cho nên ở trong Phật Pháp, tâm chấp nặng chừng nào thì kém chừng nấy, tâm chấp nhẹ thì cao, chứ không phải thông minh lanh lợi là cao, ngu si là thấp. Ngược lại, người ngu si dốt nát do tâm chấp nhẹ, lại thành cao; người thông minh chính do sự lanh lợi khiến thành thấp. Ví như trường hợp Tự Hối thiền sư, vốn là người dốt nát, sau khi kiến tánh rồi dạy lại những người thông minh lanh lợi.

Hỏi: Hành giả tham thiền vì còn chấp thân ngũ uẩn, nên chưa thể ngộ nhập bản thể của mình. Sau khi chết, tứ đại tan rã rồi, trở lại bản thể tự tánh, lẽ ra phải ngộ nhập tự tánh, chớ sao lại phải trôi lăn nhiều kiếp?

Đáp: Tôi thường nói “chánh nhân đã gieo thì chánh quả sẽ đến”. Thân tứ đại này vì có lay động nên có biến đổi, tan rã rồi mất. Trong kinh Lăng Nghiêm nói đến tánh thấy, gọi là kiến tinh, chẳng lay động biến đổi, nên không tan rã và biến mất. Tánh thấy chưa phải là Tự tánh còn chẳng có tan rã, sự dụng của Tự tánh luôn ứng dụng khắp không gian thời gian, không bao giờ gián đoạn, chúng ta ứng dụng nó cũng dùng, không ứng dụng nó cũng dùng, (Sư phụ ví dụ như cảm giác của lớp da qua sự búng, xem lại trang 407 quyển thượng), mặc dù thân tứ đại tan rã, nhưng có sao đâu! Chính tánh thấy còn tồn tại vĩnh viễn, đâu có bị đánh mất!

Hỏi: Thế nào là linh tri tịch chiếu?

Đáp: Nay ông chưa kiến tánh, nhưng linh tri của ông cũng đang tịch chiếu. Tại sao? Vì bản thể khắp thời gian. Ông biết nó cũng dùng, không biết nó cũng dùng; muốn dùng nó cũng dùng, không muốn nó cũng dùng. Dù ông bây giờ không biết, nhưng linh tri của ông vẫn đang tịch chiếu, vẫn thường chiếu soi, như ánh sáng mặt trời, không lúc nào ngưng.

Ban đêm chúng ta không thấy ánh sáng mặt trời, nhưng chẳng phải mặt trời ngưng chiếu; ban ngày có mây đen che khuất, cũng chẳng phải ánh sáng mặt trời ngưng chiếu. Ví như người mù không thấy ánh sáng mặt trời, đâu phải do mặt trời bỏ sót không chiếu tới?

Móng tay của ông đang dài ông còn chưa biết tới, huống là linh tri vốn chẳng thể thấy biết! Cho nên, phải tin tụi tâm, sức dụng của tự tâm đang dụng ra, đang tịch chiếu, chỉ tại chính mình không hay biết thôi. Đó là bởi tác dụng của bộ não, nay tham thiền quét sạch hết tất cả tác dụng của bộ não, thì linh tri tịch chiếu tự động hiện ra, khắp không gian, thời gian.

Hỏi: Các vị Tổ dùng cơ xảo để độ chúng sanh, như ngài Qui Tông chém rắn, Nam Tuyền chém mèo, đoạn mạng chúng sanh như thế có bị nhân quả không?

Đáp: Nay mình chưa đến chỗ đó, chỉ dùng ý thức phân biệt suy lường không thể biết được. Ví như sự sát sanh, phải có sự sanh tử mới có sự sát sanh, người chứng quả rồi rõ ràng chẳng còn việc sanh tử. Vốn đã chẳng có sự sanh để cho sát thì làm sao có sự sát sanh? Ấy chỉ là do bộ não suy ra lý này, thật ra, dùng ý thức của mình đoán mò hành vi của chư Tổ, cho đó là đúng cũng có lỗi, cho là không đúng cũng có lỗi; đúng và không đúng là đối đãi, lọt vào nhị biên, còn tương đối, nằm trong năm thứ ác kiến. Bản thể của Phật tánh tuyệt đối, còn việc làm của chư Tổ vô trụ, việc này phải đợi khi tự ngộ rồi mới biết, chưa ngộ mà bắt chước việc làm của Tổ thì không được. Lại nữa, công phu chưa đến chỗ, dù chỉ còn thiếu một chút, mà dám cho là phải như thế, như thế, là phải chịu nhân quả. Công án “đi tiêu ngược” của Sơ Sơn sau đây chứng minh điều đó:

*Ngài Hương Nghiêm là vị Tổ kiến tánh triệt để, còn Sơ Sơn kiến giải cũng rất cao. Sơ Sơn phê bình Hương Nghiêm có chỗ chưa đúng, Hương Nghiêm hỏi “Vậy phải làm sao mới đúng?” Sơ Sơn bảo Hương Nghiêm phải đánh lễ rồi mới chịu nói. Hương Nghiêm làm theo lời, Sơ Sơn nói ra, Hương Nghiêm bảo “Ông nói như thế, nay tôi thọ ký cho ông phải tiêu ngược trong ba mươi năm”.

Đúng như lời Hương Nghiêm, Sơ Sơn ói ra phân trong hai mươi bảy năm mới ngộ. Sau khi ngộ, mặc dù không còn ói ra phân, nhưng vì muốn làm đúng theo lời Hương Nghiêm, mỗi lần ăn vào cứ ói ra thức ăn chứ không phải ói ra phân nữa.

Cho nên, hễ công phu chưa đến mức, không thể dùng ý thức đoán mò, đoán bậy mà phải trả quả báo, có hại chứ không có ích. Nay cứ đề câu thoại đầu khởi nghi tình hỏi tới mãi, ngoài ra không biết tới là tốt nhất, đến khi nào ngộ mới biết.

Hỏi: Vừa tham Thiền vừa trì chú để chóng qua nghiệp lực, có được không?

Đáp: Bản thể của tự tâm như hư không, không giới hạn, không bờ bến, tất cả năng lực đều sẵn sàng, chẳng có gì ở ngoài hư không. Tham thiền là phát hiện cái dụng của tự tâm, nay tự mình tạo ra sự hạn chế, rồi nói là dùng trì chú để giải tỏa sự hạn chế đó, vậy có được không? Tôi đã nói là “đừng tạo nữa!” Nay trong cuộc sống hằng ngày chúng ta cứ tạo mãi, mục đích tham thiền là muốn ngưng sự tạo tác, thì tất cả đã sẵn sàng, chẳng còn thiếu sót. Tâm là hư không, hư không là tâm, cứ nhìn thẳng thoại đầu thì ngăn được tâm không tạo, cuối cùng hiện được sức dụng vô lượng vô biên của tự tâm.

Hỏi: Tại sao Tổ Triệu Châu nói “Lão tăng niệm Phật một tiếng phải súc miệng ba ngày”?

Đáp: Tông phái nào đều muốn người tu nhất môn thâm nhập, để mau được thành tựu. Niệm Phật thuộc tông Tịnh Độ, Thiền tông chỉ cần giữ được nghi tình, không nên xen vào cái khác khiến bị chướng ngại, do đó không cho niệm Phật nơi Thiền đường. Đó chẳng phải bài xích niệm Phật, chỉ là muốn đi vào chuyên tu để mau đạt đến kiến tánh.

Hỏi: Ngài Bác Sơn nói đến chỗ “Trước mặt là hầm sâu muôn trượng, sau lưng lửa cháy, hai bên rừng gai, xung quanh đều nguy hiểm”, hành giả Tổ Sư Thiền làm sao qua được?

Đáp: Ngài Lai Quả cũng có thí dụ “Sau lưng thì có người chia sủng, một bên là nước, một bên là lửa, trước thì chông gai, tiến thối đều không được, rất khó”. Nếu dùng ý thức phân biệt thì chẳng thể qua được, nay không dùng ý thức phân biệt, chẳng biết

đến bốn phía đều chướng ngại, chỉ đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình thì tự nhiên qua được. Tôi nói cụ thể hơn: Trong Thiền tông gọi là “Vô môn quan”, tức quan ải không cửa, vậy làm sao đi qua? Tứ phía đều là tường đồng vách sắt, qua bằng cách nào? Nhưng phải qua được mới xong. Chỗ này phải ngưng tất cả ý thức phân biệt, nhờ nghi tình mới có thể đi qua được.

Hỏi: “Nghi tình phát khởi, cùng lý pháp thân tương ứng” là thế nào?

Đáp: Nghi tình phát khởi là sự thực hành, nếu thực hành đúng pháp, tự nhiên sẽ đến nơi. Nói “lý pháp thân tương ứng”, vậy pháp thân là gì? Pháp thân vô hình tướng, không số lượng, là bản thể của Tự tánh, phải công phu đến đó mới tự thấy, chứ không thể diễn tả. Pháp thân còn chẳng thấy, nói gì lý pháp thân?

Chư Tổ từ bi, muốn chúng ta tin tự tâm nên đặt ra đủ thứ phương tiện, nay đã tin thì không cần truy cứu nữa. Thật ra, nếu có cái lý thì chẳng phải pháp thân, vì pháp thân bất nhị, có hợp lý hay không hợp lý là nhị, nên Đức Phật trong kinh Lăng Nghiêm nói “Phàm là lời nói đều chẳng có nghĩa thật”. Chẳng thể nhờ lời nói diễn tả thực tế, huống là pháp thân vốn vô hình tướng số lượng!

Phải thấu rồi mới biết có tương ứng hay không, nay thấy còn chưa thấy, làm sao biết có tương ứng hay không? Nên ngài Lai Quả nói “Tôi chỉ nói chỗ hành, còn sự thấy phải tự đến rồi sẽ thấy”.

Hỏi: “Sắc không bất nhị” có phải là công án chung trong Thiền tông?

Đáp: Công án của chư Phật chư Tổ là muốn chúng ta trực nhận bản tâm, những người chấp tâm nhẹ nhận theo kinh liễu nghĩa, những người chấp tâm nặng thì nhận theo kinh bất liễu nghĩa, liễu nghĩa với bất liễu nghĩa là tương đối. Còn Thiền tông gọi là Giáo ngoại biệt truyền, liễu nghĩa bất liễu nghĩa đều quét sạch. Như tôi thường nói “Hư không sẵn sàng”, vốn chẳng phải chơn hay giả, nay lập ra chơn không thì có cái giả không để tương đối, ấy chỉ là do tâm vọng tạo. Khi chưa tạo, tánh không vốn sẵn sàng, cho nên, bây giờ phải thực hành thôi, sau này sẽ tự ngộ.

Hỏi: Thế nào là “làm cho thân Phật chảy máu”? Đục tượng có phải khiến thân Phật chảy máu không?

Đáp: Hồi thời Phật, có ngoại đạo từ trên cao liệng cục đá xuống chân Phật khiến chảy máu. Nay Đức Phật đã nhập Niết bàn, những hành động phỉ báng Đại thừa, hư tiêu tín thí, phá hoại luật nghi, cuồng vọng thuyết pháp là khiến thân Phật chảy máu.

Hỏi: Sư phụ dạy “khi nào có thắc mắc, nên hỏi các vị lão tham”, vậy làm sao phân biệt cách dạy của những vị lão tham là đúng, hoặc chỉ là khẩu đầu thiền?

Đáp: Tôi có giải thích điều này ở phần sau cuốn Yêu Chi Kinh Pháp Hoa, rất dễ phân biệt chánh tà: Chấp thật là tà, phá chấp thật là chánh; chấp ngã là tà, phá ngã chấp là chánh. Chỉ cần phân biệt được điểm này đã đủ; hễ người nào có tư tưởng chấp thật là không đúng. Tư tưởng đã không đúng thì cách dạy cũng sẽ sai, chấp ngã cũng vậy.

Hỏi: Thế nào là “Nhìn thoại đầu như mèo nhìn bắt chuột”?

Đáp: Con mèo bắt chuột, cứ nhìn ngay chỗ con chuột chui ra, chỉ nhìn ngay chỗ đó, mặc cho bên cạnh có con chó hoặc con gì cũng không biết tới. Tối ngày sáng đêm, đi đứng nằm ngồi, cứ nhìn vào chỗ hằm sâu đen tối, ấy là dùng tánh thấy để nhìn, chứ không phải dùng con mắt.

Phải tin tự tâm đầy đủ, thống thiết vì sanh tử, mới không bỏ luống thời gian.

Ví như trường hợp của Thiền sư Thiên Tuệ ở Chùa Cao Môn vào đời nhà Thanh: Vua Ung Chính là vị vua đã kiến tánh, một hôm đọc cuốn Ngũ Lục của Quốc sư Ngọc Lâm, là thầy của vua Khang Hy. Vua muốn tìm hậu duệ của Quốc sư, bèn sai người tìm gặp Thiền sư Thiên Tuệ, là đệ tử của Quốc sư.

Lúc đó Thiền sư Thiên Tuệ có công phu nhưng chưa ngộ, được lệnh vào kinh thành gặp vua. Qua trò chuyện, vua biết Thiền sư chưa kiến tánh, vua hỏi: Có biết được ý của tiên sư chăng?

Đáp: Không.

Vua bèn rút cây gươm ra bảo: Trẫm ra hạn cho ngươi trong bảy ngày tu tại Thiên đường trong cung, phải hiểu được ý của Tiên sư, nếu không sẽ bị chém đầu!

Thiền sư Thiên Tuệ phải tuân lệnh. Hằng ngày, vua đều sai người đến nhắc nhở “Đã trôi qua một ngày, còn lại 6 ngày, còn lại 5 ngày”...

Như thế đến ngày cuối cùng, cứ cách khoảng nửa tiếng, vua sai người cảnh cáo một lần “còn lại 23 tiếng, còn lại 22 tiếng”... đến khi chỉ còn lại 7 tiếng đồng hồ, Thiền sư tâm tự khẩn thiết, trong lúc bảo hương, bất giác đung nhăm cây cột vấp té liền ngộ.

Ấy là do sự thúc bách của cái chết. Công phu phải thông thiết như quý sứ của Diêm La Vương đang đuổi sát sau lưng, nếu chúng ta có tâm quyết tử như thế, cũng có thể trong bảy ngày kiến tánh.

[02] 29/11/92–05/12/92 tại Chùa Từ Ân, Quận 1.

Hỏi: *Dâm tánh tức niệm dâm từ tự tánh sanh khởi, đúng không?*

Đáp: Trong kinh Pháp Bảo Đàn nói “Dâm tánh là nhân của tịnh tánh”. Kinh Lăng Nghiêm có ba tiệm thứ: Một là trừ trợ nhân, tức không ăn ngũ tân, vì ăn sẽ kích thích tánh dâm dục. Thứ hai là nạo sạch chánh tánh. Nhiều người không biết chánh tánh là gì? Ấy là tánh dâm dục. Sao gọi là chánh tánh? Vì tất cả sinh mạng đều do tánh dâm sanh khởi. Nay đã tạo nghiệp nhân khiến có sinh mạng, cũng do có sinh mạng mới có thể tu giải thoát, đạt đến tự do tự tại, nên phải đoạn dứt dâm dục, để không còn luân hồi, trôi lăn trong dòng sanh tử.

Do đó, người kiến tánh gọi là “cắt đứt mạng căn”: Tu chánh pháp đến cuối cùng kiến tánh thành Phật, chấm dứt nguồn gốc sinh mạng, không còn sanh tử luân hồi. Chẳng phải có sinh mạng mới có sự tồn tại, vì sự tồn tại của sinh mạng không chơn thật. Tồn tại chơn thật chỉ có tự tánh của mình, khắp không gian thời gian.

Hỏi: *Tại sao ăn chay có thể dùng trứng gà?*

Đáp: Sở dĩ ăn chay là vì muốn tránh sự sát sanh, dùng loại trứng gà không trông là không sát sanh. Con gà khi có trứng bắt buộc phải đẻ ra, mà trong trứng không có trứng thì chẳng thể ấp ra gà con, hễ không ai ăn, trứng cũng sẽ hư. Người ăn chay nếu dùng sữa bò tươi hoặc mật ong thì không bằng dùng trứng gà không trông. Tại sao? Vì sữa bò là lương thực của bò con, mật ong là lương thực của ong con, chúng ta dùng những thứ đó tức giành đi khẩu phần của chúng, còn ăn trứng gà thì không bị dính mắc vào nhân quả.

Hỏi: *Những người hành nghề sát sanh như bán hàng thịt, cá, có tư cách tham Thiền không? Khi họ đã tham thiền, trong lòng ray rứt về nghề nghiệp thì làm sao có thể an tâm tham thiền?*

Đáp: Phật Pháp nói về nhân quả, tạo nhân gì phải trả quả nấy, giết một mạng trả một mạng. Ví như giết một trăm con gà và ăn thịt một trăm con gà đó, sau này phải đầu thai con gà một trăm kiếp, cho người khác giết và ăn thịt lại.

Còn nói về tư cách tham thiền, bất kể tư cách gì đều tham được. Nếu sau khi tham thiền rồi vẫn không bỏ được nghề sát sanh, ấy là lỗi tại mình, chứ đâu phải tại pháp môn tham Thiền! Hễ tin nhân quả thì phải bỏ ngay; Do có ngã chấp, chấp cái ta là thật, nên có sở sợ, sợ vợ con chết đói. Nếu không, khi thay đổi nghề nghiệp, dù ban đầu gặp khó khăn, nhưng cũng sẽ vượt qua. Mà điều kiện đầu tiên tham Tổ Sư Thiền là vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ.

Hỏi: Tại sao chư Tổ nói “Kiến tánh triệt để rồi các tội chướng đều tiêu”?

Đáp: Ngài Nguyệt Khê trong cuốn Đại Thừa Tuyệt Đối Luận nói “Nay cuộc sống hằng ngày đều nằm trong nhất niệm vô minh, khi kiến tánh triệt để là bước vào quốc độ tuyệt đối, tất cả tương đối trước kia đều biến thành tuyệt đối”. Tại sao? Bát Nhã Tâm Kinh nói “Vô lão tử, diệt vô lão tử tận”, nhưng hiện nay chúng ta đều phải đối mặt với sự già chết, trước mắt chúng ta thấy có sanh tử, già chết, đều do tâm hoạt động mới thành có, cũng như tôi thường thí dụ thân xoay mới thấy căn nhà xoay; do có chiêm bao mới có sanh tử, không có chiêm bao thì làm sao thấy hữu lậu và vô lậu?

Hữu với Vô là tương đối, là nguồn gốc của tất cả kiến chấp. Thật ra, tự tánh của mình vốn chẳng dính dáng với Hữu và Vô, tôi thường thí dụ về ánh sáng đèn: Tự tánh chẳng hình tướng số lượng, chẳng thể dùng lời nói diễn tả, ví như đốt lên mấy mươi cây đèn trong một phòng, ánh sáng đèn nào cũng cùng khắp không gian. Nếu đã khắp không gian thì sự tương đối tiêu diệt. Tại sao? Dù cho mấy mươi cây đèn, mấy trăm cây đèn... cũng chỉ là một ánh sáng, thì làm sao có tương đối!

Hỏi: Con vốn là gốc ngoại đạo, trải qua hai mươi năm tìm đạo, gặp nhiều gian khổ: Mười năm trong ngoại đạo, bốn năm niệm Phật trì chú, hai năm tu theo phương pháp “Không sợ vọng khởi, chỉ e giác chậm”... Đến đây, được quý sư chỉ bảo xem cuốn Đại Thừa Tuyệt Đối Luận, ngài Nguyệt Khê quét ngay bệnh của con, từ đó mới bắt đầu lần mò tham Tổ Sư Thiền.

Ngài Lai Quả nói “Chúng sanh suốt ngày sống trong vọng tưởng của vọng tưởng, tham thiền dù cũng là vọng tưởng, nhưng là tâm đi trước, còn vọng tưởng của vọng tưởng là nghiệp đi trước...” Chư Tổ đều nói như thế, nên con quyết tử tham câu thoại đầu.

Nay con gặp phải một tình trạng như sau: Tháng Tư vừa rồi con nhập Hạ tại chùa Pháp Thành, khi về đến nhà, bỗng câu thoại đầu sở tham tuôn ra từng tiếng trong cơ thể, như có máy ghi âm bên cạnh, bất cứ đang làm việc gì đều rõ ràng như thế. Lúc đó do tánh hiếu kỳ, con quên tham tiếp câu thoại, chỉ muốn dò tìm đó từ đâu ra? Vậ xin Sư phụ khai thị?

Đáp: Đó là vì ông chỉ niệm câu thoại, không có nghi tình. Vì nghi tình không hiểu không biết, nay biết rõ câu thoại, lại nghe rõ như máy thu băng thì chẳng phải nghi tình. Bây giờ phải nhìn ngay chỗ không biết, chỗ một niệm chưa sanh khởi, gọi là “khán thoại đầu”, vừa nhìn vừa hỏi câu thoại, mới giữ được nghi tình.

Nói “nhìn chỗ đen tối” cũng là vọng tưởng, nhưng vọng tưởng này khác hơn “vọng tưởng của vọng tưởng”, vì vọng tưởng của vọng tưởng dẫn chúng ta đi vào sanh tử, còn vọng tưởng này dẫn chúng ta ra khỏi sanh tử. Nay chẳng cần biết đến xanh vàng đỏ trắng, cứ giữ cái không biết, không cho bộ não tìm hiểu, ghi nhớ, suy lường... hễ

giữ được cái “không biết” là tham thiên, nếu để mặc cho suy nghĩ, biết cái này cái kia thì chẳng phải tham Thiên.

Hỏi: Người tu hành trước kia đã tạo ác, nay đi tu có hết tội không?

Đáp: Thiện với ác là tương đối, Tham thiên đến kiến tánh rồi là đi vào quốc độ tuyệt đối, tất cả tương đối không còn nữa. Mà tương đối cũng là do tâm tạo, nhắm mắt chiêm bao hay mở mắt chiêm bao cũng là chiêm bao, khi thức tỉnh rồi, ra ngoài chiêm bao, lúc đó tìm tội chướng ở đâu? Cho nên, chỉ cần thức tỉnh, thì tất cả việc làm trong chiêm bao đều tìm không ra.

Sư phụ giới thiệu sơ lược về sự tu của Hòa Thượng Thích Hoàng Tu:

Kính thưa Chư Tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni và quý Phật tử:

Sáng nay, Hòa thượng Trụ trì, cũng là Bổn sư của tôi, muốn đích thân lên dạy cách tuần hương của Thiền đường, và đem lên hai cây hương bãng. Nhưng vì bị bận việc, nên để tôi một mình khai thị. Và tôi xin giới thiệu sơ lược về Hòa thượng Bổn sư của tôi:

Hòa thượng năm nay đã tám mươi tuổi, Lúc hai mươi mấy tuổi, Hòa thượng ở tông lâm Chùa Dũng Tuyền, Cổ sơn, huyện Phúc Châu, tỉnh Phước kiến, Trung Quốc.

Hòa thượng tham Tổ Sư Thiền nơi Thiền đường được hai năm, Ở Cổ Sơn chia làm ba lối tu: một là ở Thiền đường, có hai trăm Tỳ-kheo chuyên tu; hai là ở Niệm Phật Đường, có hai mươi mấy vị chuyên niệm Phật, ba là có mười mấy vị chuyên ở trên lầu lễ Sám Đại Bi.

Lúc đầu, tất cả tu sĩ hằng ngày đều dự hai thời khóa tụng và ăn quá đường, nhưng sau một thời gian, những vị tham thiên đã quyết tử chuyên tu rồi, ra hẳn một Thiền đường nhỏ, khỏi dự khóa sớm chiều và ăn quá đường, suốt ngày chỉ đi hương tọa hương, đến giờ ăn thì có người dọn sẵn. Qua một thời gian nữa, những người thật quyết tử, được cho ở cốc một mình, cách chùa hơi xa, cứ nửa tháng về chùa lãnh một túi cơm cháy về tự nấu, có người chỉ ngâm cơm cháy với nước lạnh rồi ăn. Ngày qua ngày, một năm qua một năm, đến nỗi chỉ ăn cơm cháy chứ không thêm ngâm nữa.

Nói chung, sự tu chia làm ba giai đoạn: Lúc đầu ở chùa, sau ở riêng Thiền đường nhỏ, và sau cùng ra ở cốc một mình, chuyên tu khổ hạnh đến kiến tánh.

Cho nên, đối với qui củ Thiền đường, Hòa Thượng nắm rất rõ. Đây là cây hương bãng, sao gọi hương bãng? Khi xưa không có đồng hồ, thời gian đi hương tọa hương chỉ đốt lên một cây nhang: cứ đốt một cây nhang ngồi, gọi là tọa hương; rồi đốt một cây nhang để đi, gọi là đi hương, bắt đầu tọa hương đi hương gọi là khởi hương, lúc xả thiền gọi là phóng hương...

Cây hương bãng là dùng để cảnh sách chúng, ai vi phạm qui củ thì đánh bằng cây hương bãng. Tôi thấy ở trên cây hương bãng của Chùa Cao Mân có ghi hai chữ “Cảnh sách”. Người tuần hương cầm cây hương bãng đứng hoặc đi, chứ không được ngồi. Lúc tọa hương, hễ hành giả nào ngó qua ngó lại hoặc ngủ gục, người tuần hương đánh nhẹ trên vai, nói chuyện thì đánh mạnh hơn.

Trong Thiền đường Trung Quốc, chẳng phải như hiện nay ở đây, muốn đi tiêu tiểu lúc nào cũng được. Quý vị có xem cuốn Thiền Thất Khai Thị Lục thì biết: Vào trong Thiền đường rồi là đóng cửa lại, đến giờ cho đi vệ sinh mới mở cửa. Ngày thường, nếu chưa đến giờ mà muốn ra ngoài, xin phép vị Duy Na, phải chịu sáu hương bãng mới cho ra. Còn ngày đã thất thì không được xin ra, như ngài Lai Quả nói “chẳng thà ỉa trong quần thì được, chứ xin ra thì không”. Nếu người bị bệnh nặng chết rồi, đem

đề dưới quảng đơn, khi giải thất rồi mới đem chôn một lượt. Qui củ Thiên đường nghiêm khắc như thế.

Lại nữa, nhà vệ sinh của Thiên đường Trung Quốc thường cách hơi xa, đến giờ đi vệ sinh, Duy Na thường sai người tuần hương cầm hương bãng đi theo, hễ ai nói chuyện sẽ bị đánh.

Hỏi: Trong cuốn *Bá Trượng Ngũ Lục* và *Quảng Lục* có câu “*Từ Sắc giới trở lên bồ thí là bệnh, bốn xén tham lam là thuốc; từ Sắc giới trở xuống, bốn xén tham lam là bệnh, bồ thí là thuốc*”, nghĩa như thế nào?

Đáp: Cuộc sống hằng ngày của chúng ta đều nằm trong phạm vi tương đối, gọi là nhất niệm vô minh. Nguồn gốc của nhất niệm vô minh là Có và Không. Thiện và ác là tương đối, người thường hay bỏ ác làm thiện, làm thiện được phước báo, làm ác bị khổ báo, là việc trong luân hồi.

Mục đích của Phật Pháp là ra khỏi luân hồi, nên phải quét sạch tương đối: Chẳng phải không làm thiện, nhưng làm thiện không trụ nơi thiện, cho đến chứng quả A-la-hán không được trụ quả vị A-la-hán, chứng quả Bồ tát không trụ nơi quả vị Bồ tát, chứng quả Phật không trụ nơi quả vị Phật v... Nếu có sở trụ tức còn ngã chấp vi tế, ví như chúng đến Niết bàn mà trụ quả Niết bàn, tức còn Niết bàn ngã, là phá được ngũ uẩn ngã lại kẹt nơi Niết bàn ngã, Thiên tông gọi là “mạng căn chưa dứt”. Phải chứng đến cuối cùng mà chẳng biết có ta năng chứng, kể cả cảnh giới chứng cũng tan rã, gọi là “ngộ rồi đồng như chưa ngộ”. Tại sao? Vì có mê mới có ngộ, nay ngộ rồi tức hết mê, hết mê thì cũng hết ngộ.

Lời nói của chư Phật chư Tổ chỉ là phương tiện tạm thời, chấp đến đâu phá đến đó. Nên ngài Lâm Tế có câu “Gặp ma chém ma, gặp Phật chém Phật”, chẳng phải là chém Phật, chỉ là chém tâm chấp Phật của chúng ta mà thôi.

Hỏi: Trong kinh *Pháp Hoa*, *Thường Bất Khinh Bồ tát* lễ lạy mọi người, kể cả *Ưu-bà-tắc*, *Ưu-bà-di*, vậy mọi người được lễ lạy có tổn phước không?

Đáp: Không. Tại sao? Vì Thường Bất Khinh Bồ tát rất từ bi, dạy người phá chấp. Phạm là chánh pháp phải phá ngã chấp, phá hết ngã chấp rồi mới được ra khỏi sanh tử luân hồi. Phật nói “Phật tánh của tất cả chúng sanh đều bình đẳng”, dù nay chưa thành Phật, nhưng Phật tánh của chúng ta với Phật Thích Ca vốn chẳng kém chút nào, chúng sanh dù chưa thể phát huy sự dụng như chư Phật, nhưng cũng đã sẵn sàng, khắp không gian thời gian, không hề gián đoạn. Nay chúng ta dùng được chút đỉnh, gọi là “ứng dụng hằng ngày mà chẳng tự biết”.

Tại sao Thường Bất Khinh Bồ tát gặp ai cũng lễ lạy và nói “Ông sẽ thành Phật”? Vì muốn để cho mọi người có đủ lòng tin tin tự tâm, tăng cường lòng tin tin tự tâm. Cho nên, ngài lạy Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, chẳng những không làm tổn phước, lại giúp cho tăng trưởng lòng tin, sau này được phước báo càng lớn.

Hỏi: Từ trước đến giờ con vẫn đi tìm cầu giải thoát mà chưa từng được nghe và đọc sách *Tham Thoại* đầu, nay có duyên lành gặp được pháp này, con thấy pháp môn *Tham Thoại* đầu đưa hành giả đến chỗ *bất suy lường, bất ngôn ngữ*, từ chỗ đó diệt được cái ngã, tu mà chẳng thấy mình đang tu, vì không thấy pháp môn, khác với một số các nơi khác, người ta cứ cho là mỗi ngày tụng được bao nhiêu thời kinh, niệm được bao nhiêu xâu chuỗi, giảng được bao nhiêu quyển kinh, viết được bao nhiêu kinh sách... và từ chỗ đó, họ thấy được công đức tu của họ, bèn chấp vào chỗ đó.

Còn ở đây, như sự hướng dẫn trong cuốn Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền, vô sở đắc, vô sở ngã. Tuy nhiên, nếu chúng ta khởi lên một ý niệm, cho pháp môn của ta là do chính Tổ sư nói lại, là tối thượng thừa, và chúng ta là người có thượng căn, mới được nhân lành để tu tập pháp môn này... thì con nghĩ đó cũng là chấp ngã, chấp pháp.

Theo con nghĩ, tất cả giáo pháp của nhà Phật đều bình đẳng. Tại sao? Vì tất cả đều hướng về Không, về kiến tánh Như Lai. Tánh Như Lai thể tánh vốn không, an nhiên tịch tịnh, chẳng thể dùng ngôn ngữ tả bày, mà chỉ có thể cảm nhận được thôi. Xét lại tất cả pháp môn con từng dự, ở đâu cũng cho là pháp môn của mình cao, chẳng thấy được tất cả pháp môn đều chỉ đưa tâm mình trở về không, trở về bình đẳng. Ví dụ: Pháp môn Tịnh độ nếu hằng ngày niệm Phật mà tâm không cầu vãng sanh, thì lục tự Di Đà cũng như câu thoại đầu mình tham; bên Thiền Bát Nhã cho thế giới, thân tâm, tất cả pháp đều huyễn, tức trở về không, cũng là bình đẳng. Chúng ta tham thiền để bất niệm, bất suy lường, cũng là trở về không; Thiền tông tọa thiền để định, cho vọng niệm chẳng khởi lên, cũng là trở về không...

Đáp: Ông nói tất cả đều trở về không, cái nghĩa Không mà ông nói đó là nghĩa gì?

Hỏi: Dạ, đó là cái không của Diệu hữu, để tiến về tánh không của vạn pháp, chứ chẳng phải cái không có.

Đáp: Chơn không Diệu hữu là danh từ, chẳng phải việc cụ thể. Phật giảng kinh thuyết pháp đều lấy việc cụ thể trước mắt để dẫn chứng, giải thích cho người nghe được hiểu. Còn Chơn không Diệu hữu, Diệu hữu Chơn không là danh từ, người nghe có đoán mò cũng không ra, chẳng biết thế nào là Chơn không, thế nào là Diệu hữu.

Thật ra, nói đến chữ Không, chẳng phải Chơn không, cũng chẳng phải Diệu hữu, chỉ là hiển bày sự dụng của Tự tánh: Cũng như cái tách, cái bình này, nếu chẳng có cái Không, chỉ là tách chết, không xài được. Cái bàn, căn nhà này cũng vậy. Cái Không rộng chừng nào thì sự dụng lớn chừng nấy. Người đời thường cho chữ Không là tiêu cực, nói rằng tu sĩ vào cửa không bởi chán đời rồi mới đi tu, chẳng biết vào cửa Không là tích cực, là muốn hiển bày được sự dụng sẵn có của tự tánh.

Hỏi: Chơn không Diệu hữu là cái Có của sự huyền diệu?

Đáp: Thế nào gọi là huyền diệu? Những gì không thể hiểu mới gọi là huyền diệu. (Sư phụ giảng về móng tay 3 ngày dài một lần, lược qua) Về sự thật phải ngộ rồi mới biết rõ.

Hỏi: Vậy thưa Hòa Thượng, các pháp chẳng bằng nhau sao? Các pháp có cao thấp sao?

Đáp: Tự tánh bất nhị, đâu có cao thấp! Nếu có cao thấp tức là nhị pháp. Phật tánh của chúng sanh với Phật Thích Ca vốn bằng nhau, sự dụng cũng bằng nhau, chẳng kém hơn chút nào.

Hỏi: Thế còn các pháp môn, có cao thấp không?

Đáp: Làm sao có cao thấp? Ông có nghe tôi nói “Không có sanh tử” chẳng? Nếu không có sanh tử thì làm sao có pháp cao thấp? Người đã chứng ngộ mới biết chẳng có pháp để chứng. Bây giờ chưa ngộ, do tâm suy lường phân biệt pháp này pháp kia, đủ thứ tương đối, ấy là bởi sống trong nhất niệm vô minh. Sở dĩ Phật giáo khác hơn tất cả tôn giáo, vì không kiến lập chơn lý. Nên Phật nói “Vô pháp khả thuyết mới gọi là thuyết pháp”, “Ai nói Như Lai có thuyết pháp là phi báng Phật”, “Chẳng có pháp nhất định để Như Lai thuyết”... Vậy đâu có pháp để ông cho là cao hay thấp!

Hỏi: Con biết, nhưng vì chúng sanh còn chấp pháp, chấp pháp môn mình hành là cao, nên chê báng lẫn nhau!

Đáp: Ấy là lỗi tại người khen chê, đâu phải lỗi tại pháp! Vốn là chẳng có pháp để khen chê, mà những người tự làm tài khôn mới lập ra sự khen chê.

Hỏi: Bên Tịnh Độ, nếu có thân nhân lâm chung là thỉnh các thầy đến tụng kinh, còn Thiền tông thì sao?

Đáp: Mục đích tham Thiền là đạt đến kiến tánh, được tự do tự tại, làm chủ lấy mình. Bát Nhã Tâm Kinh đã nói “không có sanh tử”, thì làm sao có vấn đề lâm chung? Vô minh còn không có mà! Đó là lời Phật nói trong kinh, sao còn không tin? Nếu tin nổi thì vấn đề lâm chung cũng không, làm thế nào cũng được, chỉ là tùy duyên thôi, không cần nhất thiết phải thế này thế kia, là người tham Thiền cứ tham thiền, người niệm Phật cứ niệm Phật, tụng kinh cứ tụng kinh.

Hỏi: Thiền sư Bác Sơn trong Tham Thiền Cảnh Ngữ nói “Người tham thiền hễ trong tâm còn để lại một chút tri giải, người đó không bao giờ kiến tánh được”. Còn ngài Trung Phong lại đưa ra ba điều kiện “Mắt huệ sáng, lý tánh thông, chí kiên cố”. Nếu người nào đầy đủ ba điều trên, dù chưa cất bước, Ngài cũng biết người đó sẽ đi đến đích, liễu thoát sanh tử; Nếu người nào chỉ có mắt huệ sáng mà thiếu hai điều kia, chỉ có thể thành người vác bưng.

Lời nói của chư Tổ, tại sao người thì dạy thế này, người thì dạy thế khác? Nếu theo lời dạy của ngài Bác Sơn, hành giả phải hạ thủ công phu, quyết tử tham thiền, một chút tri giải cũng không cho nhập tâm. Trái lại, ngài Trung Phong nói nếu thiếu một trong ba điều kiện trên thì chỉ thành người vác bưng?

Đáp: Tôi thường nói, lời của chư Phật chư Tổ đều là phương tiện tạm thời để phá chấp của đương cơ, đâu có nhất định! Nhưng phương tiện đó phải có trí huệ mới dùng được, nếu chỉ biết dùng phương tiện mà không có trí huệ, thì bị phương tiện ấy trói buộc.

Nếu chúng ta tin tự tâm thì nó đã sẵn có, làm sao thiếu được? Mắt huệ sáng, lý tánh thông đều sẵn có, bây giờ tại mình mê, nên phải lập chí để thực hành. Vì có sự chấp, bị chướng ngại không thông, nên phải nói “lý tánh thông”, ví như tri kiến lập tri thành chướng ngại, phải phá sự lập tri đó rồi mới thông, gọi là lý tánh thông.

Thật ra, chẳng có một pháp gọi là lý tánh thông, vì đã thông sẵn vậy. Chẳng cần lý đã có lý sẵn, nên Phật giáo khác hơn các tôn giáo khác là không kiến lập chơn lý, vì Tự tánh đã là chơn lý sẵn có, chẳng có bắt đầu và cuối cùng, là nghĩa vô sanh, khỏi cần kiến lập. Do có chấp thật cái lý nên phải phá, ấy là phương tiện.

Hỏi: Sư phụ nói Phật tánh vốn chẳng sanh tử phiền não, nhưng thực tế chúng con không thể tránh khỏi những phiền não ấy. Vậy xin hỏi những thứ đó từ đâu ra, mà khiến chúng con trôi lăn trong dòng sanh tử?

Đáp: Đó là do tâm chấp mà ra, nếu tâm chẳng chấp thật thì vốn không có những thứ đó. Do đã sanh ra chấp tâm, nên có đủ thứ phiền não. Phải tin tự tâm 100%, nay cảm thấy khó tin là vì khi tiếp xúc có thật chất. (Sư phụ giảng về nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao, lược qua). Cho nên chúng ta mới cần tu, Đức Phật mới dạy chúng ta tham Thiền. Nếu người tin nổi, chỉ một sát na là thành Phật, người tin không nổi nên phải trải qua nhiều kiếp. Do đó, trong Phật Pháp, hễ tâm chấp nặng chừng nào là kém chừng nấy, tâm chấp nhẹ thì cao, chứ chẳng phải thông minh lanh lợi là cao, ngu si dốt nát là thấp đâu!

Hỏi: Ngài Duy ma Cật trong lúc giảng kinh cho tứ chúng là cách gián tiếp hay trực tiếp?

Đáp: Ngài vốn là một vị Cổ Phật, nhưng trong kinh Duy Ma Cật, Ngài thị hiện là một vị cư sĩ tại gia để phá chấp của bậc Bồ tát, A-la-hán, và tất cả tập khí xuất thế gian. Ví như trong Phẩm Thăm Bệnh, tất cả A-la-hán, Bồ tát đã bị Duy Ma Cật quở, vì còn tập khí xuất thế gian, cho nên Ngài thị hiện để phá chấp của các bậc Thánh đã chứng quả. Nhưng, lời phá chấp chẳng phải chơn lý, chỉ là phương tiện tạm thời, cũng như bầy chỗ tìm tâm trong kinh Lăng Nghiêm, A Nan chấp tâm trong thân thì Phật phá chẳng phải trong thân, chấp ở ngoài thân thì Phật cũng phá chấp đó... Nếu chấp theo lời Phật thì rốt cuộc tâm ở chỗ nào? Vì tâm vốn khắp không gian, nếu trong thân, ngoài thân không có, thì không cùng khắp ư? Cho nên, dù là lời của Phật, cũng chỉ là để phá chấp thôi, chứ chẳng phải chơn lý.

[03] 28/03/93–03/04/93 tại Chùa Từ Ân, Quận 11.

Hỏi: Xin Sư phụ giảng rõ về cách khởi nghi tình?

Đáp: Pháp môn tham Tổ Sư Thiên chú trọng chữ Nghi, tình trạng nghi gọi là nghi tình. Từ nghi đến ngộ, nghi là nhân, ngộ là quả. Không nghi không ngộ, nên nói bất nghi bất ngộ; nhân nhỏ quả nhỏ, nên tiểu nghi tiểu ngộ; nhân lớn quả lớn, nên đại nghi đại ngộ.

Đối với hai chữ Thoại Đầu, theo sự giải thích của ngài Hư Vân thì “thoại đầu là chỗ trước khi chưa có câu thoại”, là đầu tiên của lời nói, tức chưa nổi niệm muốn nói, mới gọi là thoại đầu, cũng gọi là vô thi vô minh, Thiên tông gọi “Đầu sào trăm thước”, “Đáy thùng sơn đen”, ngài Nguyệt Khê gọi là “Hầm sâu đen tối”, chứ không phải là câu thoại, chỉ dùng lời nói để chỉ thị chỗ trước khi chưa có lời nói, cho nên nói “tham thoại đầu”, chứ chẳng phải tham câu thoại đó.

Hành giả tham thiền bất cứ tham câu nào, hễ có dấu hỏi tức nghi tình, vừa nhìn vừa hỏi, gọi là “khán thoại đầu”, “chiếu cổ thoại đầu”. Phải lấy thoại đầu làm đối tượng, không được lấy câu thoại làm đối tượng, nếu ở trong lời nói tức thành thoại vĩ. Tiếc rằng nhiều người theo tôi mười mấy năm, vẫn còn hiểu sai nghĩa thoại đầu, chẳng những nổi niệm, lại còn chấp vào câu thoại, khiến cách xa thoại đầu, chẳng những không phải thoại vĩ, lại cách thoại vĩ không biết bao xa!

Phật Thích Ca truyền pháp môn này, gọi là Giáo ngoại biệt truyền, là pháp thiền trực tiếp, tức không cho nổi lên một niệm. Tất cả pháp môn khác, thiền quán khác đều dùng cái biết để tu, dùng ghi nhớ biết, tìm hiểu biết để tu. Còn Tổ Sư Thiên thì ngược lại, không cho tìm hiểu, ghi nhớ và suy nghĩ.

Hỏi: Thiền tông này do Phật Thích Ca niêm hoa thị chúng, truyền pháp cho ngài Ca Diếp, nhưng tại sao trong kinh Nikaya không thấy ghi nhận?

Đáp: Kinh Nikaya gồm Trường A hàm, Trung A Hàm, Tăng Nhất A Hàm và Tạp A Hàm, thuộc pháp Tiểu thừa. Ông đã thọ giới Bồ tát chưa? Trong Bồ Tát Giới 48 giới khinh dạy “Nếu mình tu theo pháp Tiểu thừa, hoặc dạy người khác tu, đều là phạm giới”. Đã thọ giới Bồ tát, phải học theo Bồ tát Đại thừa. Nay tạm gác qua pháp xuất thế gian, chỉ nói theo pháp thế gian:

Tiểu thừa là tiểu học, Trung thừa là trung học, Đại thừa là đại học; trong bài của tiểu học làm sao lại có ghi bài của Đại học? Tiểu học chỉ thích hợp cho căn cơ tiểu học, người đã vào đại học, chẳng lẽ lại lui sụt trở về học bài của tiểu học? Nay lại đem bài tiểu học dẫn chứng bài đại học là sai, như thế có phải phạm giới không?

Mặc dù Tiểu học cũng do Phật Thích Ca dạy, nhưng đó chỉ thích hợp cho căn cơ thấp, khi nào học xong rồi phải lên lớp, lên trung học, đại học. Người không chịu lên lớp, Phật quở là “tiêu nha bại chủng”, là “hạt giống cháy”. Nay lại đem những bài tiểu học ra để dẫn chứng bài đại học không đúng, chẳng có trong tiểu học, vậy có đáng buồn cười không?

Cho nên, học Phật không biết nghĩa chữ Phật, học tham thoại đầu không biết nghĩa hai chữ “thoại đầu”, đối với những người mới học không nói làm chi, nhưng những người đã học lâu năm mà vẫn còn chấp vào câu thoại, Đức Phật nói là “thật đáng thương xót!”

Hỏi: Nếu ai ai cũng dùng chánh nghi để quét sạch hồ nghi của khoa học, thì thế gian dựa vào đâu để sống?

Đáp: Hồi xưa chưa có khoa học, người ta vẫn sống và còn sống yên vui hơn bây giờ. Hiện nay, đủ thứ bệnh hoạn, thiên tai, nhân họa. Ví như ở nước ngoài, đáng lẽ khoa học phát minh xe hơi để tiện lợi cho sự đi lại, nay do xe hơi quá nhiều, không đủ đường đi, khiến giao thông cứ bị ách tắc, đi làm tám tiếng phải tốn thêm bốn tiếng đồng hồ trên xe. Ai cũng muốn đi nhanh để kịp giờ, nên tai nạn xe cộ cứ xảy ra mãi. Theo sự thống kê về tai nạn giao thông ở Mỹ, bình quân mỗi ngày có đến 57 ca tử vong, chưa kể trường hợp bị thương, ấy là hậu quả của khoa học đem lại cho loài người.

Tham thiền là không cho bộ não làm chủ, là muốn tước đoạt chủ quyền của bộ não, để Phật tánh làm chủ, bộ não chỉ là dây tợ do Phật tánh sai khiến, chỉ làm điều lành, mới đem lại hạnh phúc cho nhân loại.

Hỏi: Tu theo pháp môn tham thoại đầu, bệnh tâm thần có hết được không?

Đáp: Bất cứ bệnh gì đều do nhân quả, sanh lão bệnh tử, là do nhân của mình gieo, gieo nghiệp nhân phải trả nghiệp quả. Còn việc tham thiền là muốn đạt đến tự do tự tại vĩnh viễn, giải thoát tất cả khổ. Hết tất cả khổ giải thoát rồi, đâu còn bệnh tâm thần nữa! Nói theo ngài Lai Quả là trị bệnh sanh tử, bệnh sanh tử hết thì tất cả bệnh đều hết.

Bây giờ, bất kể có bệnh cũng tu, không bệnh cũng tu, có nghiệp chướng cũng tu, chẳng nghiệp chướng cũng tu. Nói đến nghiệp chướng, ở Thiên đường nước Mỹ, có một vị kỹ sư điện toán, học thức rất cao, đến hỏi tôi: Con nghiệp chướng nặng quá, Thầy có cách nào giúp con trừ nghiệp chướng không?

Tôi hỏi: Vậy nghiệp chướng của ông sanh khởi từ chỗ nào, ông có biết không?

Ông ấy suy nghĩ mãi không ra.

Tôi nói: Nói nghiệp chướng của ông, ông còn không biết, vậy chúng tôi chẳng có nghiệp chướng. Ông biết thế nào là năng và sở chứ? Cũng như tôi thường thí dụ, tánh thấy là cái năng thấy, cảnh vật là sở thấy. Cũng thế, cái gọi “nghiệp chướng” là cái sở biết, sở suy nghĩ của ông, còn cái tâm năng biết, năng suy nghĩ đó vốn là trong sạch, không có nghiệp chướng.

Cái sở thì chẳng phải tâm, nhưng vì tâm vô hình tướng, khó mà hiểu được. Tôi phải dùng hai chân để thí dụ:

Hai chân là năng đi, còn con đường có gai góc cứt sinh là sở đi của hai chân. Con đường đó đâu phải của ông? Nếu hai chân ông không dẫm lên thì đâu có dính mắc mà phải rửa cho sạch! Cứt sinh thúí cách mấy, dơ cách mấy, mặc kệ nó, đâu có dính dáng đến ông?

Tại ông ham đi, ham dẫm lên chỗ gai góc cứt sinh, rồi than đơ than khô. Chỉ cần ông đừng đi, hai chân vốn sạch sẽ. Tâm năng biết, năng suy nghĩ cũng vậy, đừng biết đến cái sở biết, sở suy nghĩ, thì tâm năng biết vốn thanh tịnh, chỉ cần không biết tới, không suy nghĩ thì đâu có vướng mắc? Đâu cần giữ cho sạch, quét cho sạch!

Nay tham thiền nhờ câu thoại đầu khởi lên nghi tình, mới không suy nghĩ.

Hỏi: Thế nào là công đức, thế nào là phước đức? Tại sao công đức không có hết, mà phước đức lại có hạn trong Tam giới?

Đáp: Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ giải thích: Công đức là tự tánh sẵn có, chẳng phải ở ngoài, chẳng do tạo tác. Đã sẵn có thì chẳng có sự bắt đầu, cũng là nghĩa vô sanh; vô sanh tức vô diệt, nên không hết được. Còn phước đức do tạo mới thành, có thành ắt có hoại. Phước đức có số lượng, hưởng dần sẽ hết, công đức không số lượng, nên không hết. Do đó, Chư Phật chư Tổ chỉ muốn chúng ta kiến tánh, thì công đức hưởng hoài không hết.

Hỏi: Tại sao Sư phụ nói pháp Tham Tổ Sư Thiền như một sợi chỉ treo chuông ngàn cân?

Đáp: Sở dĩ tôi nói Thiền tông ngày nay như một sợi tóc treo chuông ngàn cân, có thể đứt bất cứ lúc nào. Vì năm 1992, khi tôi đi thăm Tổ đình của ngài Lai Quả, thì pháp tử của ngài là Hòa thượng Đức Lâm đang trụ trì chùa Cao Môn, lúc đó đã 79 tuổi. Theo tôi thì sau khi ngài Đức Lâm tịch, sẽ chẳng còn ai kế thừa.

Trước kia, chùa Kim Sơn, chùa Cao Môn đều là Thiền đường danh tiếng, Thiền sư Lai Quả kiến tánh ở chùa Kim Sơn, và Thiền sư Hư Vân kiến tánh ở chùa Cao Môn. Nay chỉ có chùa Cao Môn còn giữ đạo tràng Thiền tông, chùa Kim Sơn đã trở thành khu du lịch, trong thiền đường chỉ có hai cụ già tham thiền, kể như một đạo tràng Thiền tông danh tiếng khắp thế giới của Trung Quốc đã bị chấm dứt. Còn lại Chùa Cao Môn, như sợi tóc treo chuông ngàn cân, không biết sẽ bị đứt lúc nào.

Nay Tăng chúng ở chùa Cao Môn có khoảng chín mươi người, Ni chúng được mười chín người nhưng không ở ngay trong chùa. Khi tôi hỏi về công phu thì “Khi hỏi câu thoại đầu, nghi tình nổi lên, rồi sau đó biến mất”, Tôi biết là do không có khán, tức không nhìn vào thoại đầu, và tôi bảo họ phải nhìn vào thoại đầu. Một số người thực hành theo hướng dẫn, nên nghi tình được kéo dài hơn, tập dần như thế mới giữ được nghi tình kéo dài, còn hỏi là để tăng cường nghi tình.

Theo ngài Nguyệt Khê, chỉ có nhìn, không hỏi. Tôi xem lịch sử Thiền tông từ bảy ngàn Tô, vị nào cũng nói khán thoại đầu và tham thoại đầu, tức chiếu cố thoại đầu. Nhưng nay tôi thấy phần nhiều chỉ tham câu thoại chứ không phải tham thoại đầu; khán câu thoại mà chẳng phải khán thoại đầu, ấy là sai. Cho nên, tôi muốn hành giả tham thiền phải thực hành cho đúng, muốn cho nhiều người được kiến tánh để kế thừa Thiền tông này, khiến không bị chấm dứt.

Hỏi: Pháp Thiền chúng ta đang tu tập, là vì cá nhân hay vì chúng sanh?

Đáp: Vì cá nhân mà cũng vì chúng sanh. Chánh pháp phải phá ngã chấp, cái ngã này là cá nhân, cũng ở trong chúng sanh, nên không phân biệt cá nhân hay chúng sanh.

Hỏi: Giải thoát phiền não trong thế giới này thì được nhân quả gì?

Đáp: Nhân quả là ở trong mở mắt chiêm bao, nếu từ mở mắt chiêm bao thức tỉnh, thì nhân quả đã chẳng dính dáng đến mình.

Hỏi: Làm sao mới biết được sự tu tập này đến giai đoạn thành công?

Đáp: Việc đó phải hỏi cô; muốn đến đích thì tự cô phải đi. Phải xem quyết tâm của cô, đi mau thì mau đến, đi chậm thì chậm đến. Nếu không chịu đi, chỉ đứng một chỗ mà hỏi tôi chừng nào đến, tôi làm sao biết được?

Hỏi: Nghi tình dùng tâm để tham hay dùng bộ não để tham?

Đáp: Phương tiện là dùng bộ não, dùng sự không biết của bộ não chấm dứt tất cả biết của bộ não. Đến sau cùng nghi tình bùng nổ, biết và không biết của bộ não tan rã và sạch hết, cái biết của Phật tánh hiện ra, gọi là kiến tánh thành Phật.

Hỏi: Phật tử do sức khỏe yếu, có thể uống bia hoặc sữa không?

Đáp: Từ ngũ giới, mười giới, đến hai trăm năm mươi giới, ba trăm bốn mươi tám giới, mặc dù cấm uống rượu, nhưng có khai, giá, trì, phạm. Thế nào gọi là khai? Trong giới luật có tánh giới và giá giới, những gì liên quan đến sát, đạo, dâm, vọng, là tánh giới, có nhân quả. Còn giá giới, giá là che chở, thì có thể khai, vì không hại đến chúng sanh khác nên không có nhân quả.

Ví như uống rượu, đáng lẽ không có lỗi, nhưng nếu uống say, có thể phạm bốn giới sát, đạo, dâm, vọng, nên Phật cấm uống rượu. Trường hợp có bệnh, thầy thuốc dùng rượu làm thuốc, phải công khai báo cáo vì lý do bệnh, nên phải uống rượu, thì không phạm giới, gọi là khai. Hoặc, loại rượu đó uống không say, cũng là khai; hoặc muốn uống nước lại lấy nhầm rượu, hoặc không cho đó là rượu, như xào thức ăn bỏ rượu vào, cũng không phạm.

Hỏi: Tham thiền đến khi chết mà chưa kiến tánh, kiếp sau có tiếp tục không?

Đáp: Trong lịch sử Thiên tông, có ghi câu chuyện về ông Huỳnh Đình Kiên đời nhà Đường như sau:

Huỳnh Đình Kiên, pháp danh Sơn Cốc, làm quan đến chức Thượng Thư. Lúc ông 26 tuổi, giữ chức Huyện trưởng. Một hôm, sau khi ăn tiệc sinh nhật của mình, nghỉ trưa tại dinh phủ, nằm chiêm bao thấy một mình đi theo con đường nhỏ, gặp một cụ bà mời vào dùng cơm, ăn xong từ giã đi về.

Sau khi thức giấc, cảm thấy cảnh chiêm bao này sao giống như có thật, bèn nảy ý đi tìm. Một mình đi ra ngoài, quả nhiên tìm được con đường trong chiêm bao, đi đến một ngôi làng, gặp ngay cụ bà trong chiêm bao.

Ông hỏi: Hôm nay nhà cụ có làm lễ gì không?

Cụ nói: Có, hôm nay là đám giỗ lần thứ 26 của con gái tôi. Lúc sinh thời, con tôi chỉ lo tu, không lập gia đình, đến lúc lâm chung, tự biết giờ chết. Con tôi có một cái rương, tự nó khóa lại và cất giấu chìa khóa, nói rằng “kiếp sau sẽ tự đến mở khóa”.

Ông Kiên nghe đến đây, thỉnh linh nhớ lại chuyện xưa, hỏi: Chìa khóa cô ấy để ở đâu, cụ có biết không?

- Không.

Ông kiên nói: Tôi biết.

Bèn tự mình vào nhà lấy chìa khóa mở rương, trong đó đựng đầy văn chương, các bài thi đậu tú tài, thi đậu cử nhân của kiếp này, kiếp trước đã làm sẵn, rồi ông rước luôn cụ bà về phủ phụng dưỡng. Sau đó, theo Thiên sư Huỳnh Long tham thiền được kiến tánh.

Sự tích trên có ghi lại trong lịch sử Thiên tông và Chi Nguyệt Lục, kể cả trong cuốn Từ Hải của Từ điển Trung Quốc.

Hỏi: Tịnh độ tông trì kinh niệm chú, có công dụng như tham Thiền không?

Đáp: Ông đã hiểu lầm, trì chú thuộc Mật tông, chứ không thuộc về Tịnh độ. Tịnh độ thì niệm Phật, mà nếu niệm hiệu Phật A Di Đà là thuộc Tây phương Tịnh độ, niệm hiệu Phật Lưu Ly Quang Như Lai là thuộc Địch sư Tịnh độ, (cũng gọi Đông phương Tịnh độ), còn Đâu Suất Tịnh độ niệm hiệu Phật Di Lặc, ba Tịnh độ này đều có người hoàng dương, phổ biến nhất là Tây Phương Tịnh độ, ngoài ra còn có vô lượng vô biên Tịnh độ.

Hỏi: Công án của một vị Tăng hỏi Tổ kiến tánh “Phật là gì?”, Tổ đáp “Ba cân mè”. Con cho là ý của Tổ muốn chỉ đó là cái đang dùng của Sư phụ?

Đáp: Không phải. Bây giờ cứ tham đi, không thể giải thích, không thể cho là. Hai chữ “cho là” xài không được, ấy là kiến giải. Tham thiền là để chấm dứt tất cả suy nghĩ, tìm hiểu, ghi nhớ, tất cả hoạt động của bộ não, chẳng thể qua bộ não suy nghĩ, cho là bất cứ cái gì, cuối cùng cái không biết của bộ não cũng sạch luôn, Phật tánh mới có thể hiện ra khắp không gian thời gian.

Hỏi: Tại sao Duy Ma Cật nói tham sân si là giải thoát?

Đáp: Tham sân si sanh khởi từ chỗ nào? Nếu không biết tức không có, đâu cần đối trị? Tham sân si chỉ là sở biết của tâm, do tâm biết và suy nghĩ, cho là mình có tham sân si, nhưng tâm năng biết đó vốn là không. Tại tâm ham suy nghĩ, ham biết, lấy cái sở suy nghĩ cho là của mình. Thật ra đó chỉ ở ngoài tâm, đâu phải của mình! Thí dụ hai chân vốn không có cứt sinh, tại ham đi con đường đó nên bị dính mắc, rồi mới cho cứt sinh đó là của mình, cần phải rửa cho sạch! Chỉ cần hai chân không dẫm lên con đường đó là được rồi!

Hỏi: Có tham cũng có nghi tình, không tham cũng có nghi tình, vậy lấy có tham hay không tham?

Đáp: Đã tự động có nghi tình, suốt ngày hai mươi bốn giờ không gián đoạn chưa? Bây giờ chưa phải hoàn toàn không biết, tức còn biết, lâu lâu xen lẫn giữa biết và không biết, ấy là thô tâm dụng, chẳng phải không hỏi mà tự động có nghi tình. Nếu không hỏi tiếp, dễ lọt vào vô ký không mà tự mình chẳng hay. Nay vẫn phải hỏi tiếp và nhìn, vừa hỏi vừa nhìn để tăng cường nghi tình.

Hỏi: Xin Sư phụ giải đáp về cái biết của Lục Tổ: Cái biết đầu tiên khi ngài nghe câu kinh Kim Cang; kể đó, Ngài không học hành mà làm được bài kệ, được Ngũ Tổ xác nhận đã đến Bảo sở; Thứ ba: khi ngài trả lời câu hỏi của Ngũ Tổ “Gạo đã trắng từ lâu, chỉ thiếu sàng thôi”; Thứ tư: Khi Ngũ Tổ gõ vào cối ba cái, Ngài biết canh ba vào phòng Tổ để nhận y bát?

Đáp: Tôi không biết sự thắc mắc của ông ở đâu? Những việc kể trên chẳng phải bổn phận của hành giả tham thiền. Bổn phận hành giả tham thiền chỉ đề khởi câu thoại, vừa nhìn thoại đầu, ngoài ra, những hành vi của chư Tổ đừng biết tới, sau này ngộ rồi sẽ tự hiểu. Bây giờ, ông cần giữ nghi tình cho miên mật, nếu cho là biết cái đó là sai, tổn thì giờ mà chẳng dính dáng đến sự kiến tánh của mình.

Hỏi: Tại sao trong trí Bồ đề mà chẳng thấy thanh tịnh?

Đáp: Bồ đề là tiếng Ấn Độ, dịch nghĩa Đại giác. Phật tánh bất nhị, chẳng có thanh tịnh hay không thanh tịnh, nên Tâm Kinh nói “bất cấu bất tịnh”. Nay thấy thanh tịnh hay không thanh tịnh đều là do bệnh chấp thật, vì có thanh tịnh mới có không thanh tịnh; thanh tịnh vốn không, làm sao có cái “không thanh tịnh”!

Thanh tịnh hay không, ấy là lời nói của thế gian, Bồ đề chẳng thể dùng lời nói để diễn tả, “Trong trí Bồ đề thấy không thanh tịnh” cũng thế, là do bệnh chấp vào một bên. Kinh Lăng Nghiêm nói “do con mắt bệnh nên thấy hoa đốm trong hư không”, sự thật trong hư không đâu có hoa đốm!

Hỏi: Trong cảnh giải thoát sao sanh ra ràng buộc?

Đáp: Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói với Pháp sư Ấn Tông “Chỉ nói kiến tánh, không nói đến Thiên định giải thoát”.

Vì theo ý Pháp sư Ấn Tông, giảng Kinh thuyết pháp, cần có thiên định mới đưa đến giải thoát. Tại sao Lục Tổ lại nói như thế?

Lục Tổ nói “Phật Pháp là pháp bất nhị, thiên định giải thoát là nhị pháp”.

Hỏi: Thế nào là pháp Bất nhị của Phật Pháp?

Lục Tổ nói: Pháp sư giảng kinh Niết bàn, trong Kinh, Cao Quý Đức Vương Bồ tát hỏi Phật: Phạm tội ngũ nghịch và nhất xiển đề có đoạn dứt thiện căn Phật tánh không?

Phật nói: Thiện và bất thiện là pháp tương đối, Phật tánh chẳng phải thiện hay bất thiện, nên chẳng thể đoạn dứt.

Tại sao? Loạn với định là tương đối, vì có tán loạn mới cần thiên định, nếu chẳng tán loạn, đâu cần thiên định? Cũng thế, đã không trói buộc, đâu cần giải thoát? Cho nên, Lục Tổ nói Pháp môn Tổ Sư Thiên là Tối thượng thừa, khác hơn Giáo môn là vậy.

[04] 27/04/93–03/05/93 tại Chùa Từ Ân, Quận 11.

Hỏi: Hành giả tham Thiền rất mong có một nơi yên ổn để tu mà không xen lẫn Tịnh Độ. Nay có người muốn hiến mảnh đất nhỏ để tạm lập Thiền đường cho chúng về tu trong khi chờ đợi Sư phụ xây thiền đường, vậy có được không?

Đáp: Được thì được, nhưng nếu hành giả có ý nghĩ như thế thì không được. Sự tu phải ở trong hoàn cảnh khó khăn mà tu được mới mau kiến tánh, tu trong cảnh thuận lại khó hơn. Cho nên, người tu chỉ sợ cảnh thuận, không sợ cảnh nghịch; cảnh thuận tự mê lúc nào không hay, cảnh nghịch mới khuyến khích cho sự tu. Tục ngữ có câu “phú quý học đạo nan”, người giàu sang học đạo càng khó hơn.

Nay có nhiều nơi muốn hiến đất, hiến chùa cho tôi, tôi không chịu nhận, nhiều người lại muốn tự lập chùa tu của mình. Chánh pháp phải phá ngã chấp, điều kiện trước tiên của pháp môn Tổ Sư Thiên là vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ, nay nổi ý muốn cầu một chỗ yên ổn để không bị quấy nhiễu cũng chẳng dễ, vì nếu không phá được ngã chấp thì chỗ nào cũng khó, đã có sẵn ngã chấp như thế làm sao kiến tánh? Chớ nói là ở chỗ đông người, chỉ có hai người là đã có tranh chấp rồi. Nếu là người chơn tu thì bất cứ hoàn cảnh nào, khó khăn nào cũng tu được.

Hỏi: Đối với những nơi bận rộn thì nói không thể tu, tại sao đối với những nơi chẳng bận rộn cũng không thể tu? Ấy có phải chính mình lừa gạt mình không?

Đáp: Bây giờ hãy cùng nhau nghiên cứu chữ Tu, tu là tu cái gì? Nếu nói theo tự tánh thì vô tu vô chứng. Tại sao? Tôi hỏi quý vị: Phật tánh có thể gián đoạn không?

-Không.

-Phật tánh có thể gián đoạn không?

-Không.

Khi tôi hỏi thì quý vị đều biết trả lời như thế, vậy đã sẵn sàng rồi, đâu phải do tu mới đầy đủ Phật tánh! Đã đầy đủ không giảm bớt, gián đoạn, đang hiện hành đây, cho nên, đến cuối cùng mới biết chẳng phải do tu chúng. Vì thế, trong Đại Thừa Tuyệt Đối Luận nói “Vô thượng Bồ đề là qui vô sở đắc”.

Nhưng cuộc sống hằng ngày của chúng ta lại nghịch với Phật tánh của mình, cho nên mới có ý niệm cần tìm một nơi vắng lặng để tu, ấy là cái vọng. Phật tánh bất cứ ở nơi nào cũng chẳng thêm bớt, tức yên ổn rồi, đâu phải do tu mới được như thế!

Hỏi: Phật tánh không thêm bớt, nhưng chính trong lòng chúng con có tăng giảm thì sao?

Đáp: Đó là do mình ham suy nghĩ tìm hiểu, Phật tánh đâu cần suy nghĩ tìm hiểu? Những suy nghĩ tìm hiểu đó chẳng phải Phật tánh, trong Phật tánh chẳng có những thứ đó. Cũng như tôi thí dụ hai chân vốn không có cứt sinh, tại ham đi con đường cứt sinh nên bị dính mắc, rồi cho cứt sinh đó là của mình, cần phải rửa sạch! Chỉ cần hai chân không dẫm lên con đường đó là được rồi!

Cũng có người nói “nếu không đi lên con đường đó, đâu còn đường để đi?”

Phật dạy tám mươi bốn ngàn pháp môn là tám mươi bốn ngàn con đường, tại sao không chịu đi? Lại đồ thừa rằng “Sao chẳng giúp cho tôi phương tiện để không dính mắc cứt sinh”. Tại ham đi mới bị dính mắc, chứ đâu có phương tiện gì!

Chơn tâm của mình luôn trong sạch, chẳng phiền não vọng tưởng, cũng chẳng có nghiệp chướng, do tâm suy nghĩ mới có phiền não nghiệp chướng. Chữ Tu của con người là vì đi trên con đường có cứt sinh, nhưng chỗ có chỗ không, chẳng phải đầy khắp con đường, nên phải tránh chỗ có, đi chỗ sạch, rồi nói “tránh cứt sinh là tu”, hoặc vừa đi vừa rửa, đi một đoạn rồi dừng lại rửa ... Thôi thì bỏ con đường đó, đi con đường khác, khỏi cần rửa, khỏi cần tu, đâu cần đi một đoạn dừng lại rửa!

Hỏi: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, chỉ do một niệm vô minh bất giác thành chúng sanh, vậy tu để làm gì?

Đáp: Trong Bát Nhã Tâm Kinh nói “vô lão tử diệc vô lão tử tận”, vốn chẳng già chết, do sự cảm giác sai lầm cho là có sanh tử, nên phải tu để giải thoát sanh tử, gọi là Niết bàn. Thật ra, như kinh Viên Giác nói “Tất cả chúng sanh đều đã thành Phật”, Ngoài ra, Đức Phật còn dẫn chứng thêm với thí dụ quặng vàng:

- Trong quặng, vàng đã thành sẵn, chỉ là lẫn với đất cát tạp chất, nay luyện bỏ đất cát thì vàng thiệt hiện ra. Nếu trong quặng không có vàng sẵn thì dù luyện thế nào cũng đâu có?

Ấy là lời thí dụ phương tiện của Phật, Phật tánh không thể giảm bớt gián đoạn, thì bây giờ cũng đã sẵn, chỉ đừng nổi lên tâm này tâm kia như: Muốn tu thành Phật, muốn bỏ vọng tưởng, muốn trừ nghiệp chướng, chúng Bồ đề... vì những thứ đó ở trong Thiên tông đều gọi là vọng tưởng.

Do vọng tưởng của sư đang suy nghĩ, nên mới có câu hỏi này. Chính câu hỏi đã là vọng, nếu tôi giải đáp theo sư thì câu trả lời cũng sai theo. Nay tham thiền cứ nhìn vào chỗ chưa nổi một niệm nào hết. Chính do tâm mình cứ nổi lên niệm này niệm kia, nên trong cuộc sống hằng ngày đều ở trong nhất niệm vô minh.

Ngài Nguyệt Khê giải thích thế nào là nhất niệm vô minh: Cho cái tách này là tách, cũng là nhất niệm vô minh; cho cái bình này là bình, cũng là nhất niệm vô minh; cho Phật tánh là Phật tánh, cũng là nhất niệm vô minh; cho chúng sanh là chúng sanh,

cũng là nhất niệm vô minh... chẳng có niệm nào không nằm trong nhất niệm vô minh.

Khi chưa khởi một niệm nào, gọi là vô thi vô minh. Khi nào hết nhất niệm vô minh, chẳng còn một niệm nào là lọt vào vô thi vô minh, cũng gọi là thoát đầu, cũng gọi đầu sào trăm thước, phải từ đầu sào trăm thước tiến thêm một bước, tư tưởng không còn, mới là triệt để, mới được gọi là kiến tánh.

Phật nói “Phàm là lời nói đều không có nghĩa thật”, cho nên, câu trả lời của tôi cũng là nhất niệm vô minh, nay đầu cho bỏ hết nhất niệm vô minh, cũng còn lọt vào vô thi vô minh.

Hỏi: *Vậy theo Sư phụ, muốn bỏ là phải dứt niệm?*

Đáp: Vốn đã sẵn sàng, khởi cần bỏ, do Sư muốn bỏ cái này lấy cái kia, nên tôi bảo bỏ, nếu không muốn lấy thì đầu cần bỏ!

Hỏi: *Sư phụ nói dùng cái không biết chấm dứt tất cả biết, vậy sao Sư phụ biết nhiều thế? Cái biết của Sư phụ là cái biết của bộ não hay cái biết của Phật tánh?*

Đáp: Cái biết của tôi là muốn chấm dứt cái biết của ông, chứ chẳng phải có chỗ sanh khởi. Chẳng có chỗ sanh khởi mới gọi là vô thi, cũng là nghĩa vô sanh. Thật ra, bất cứ cái gì, luôn cả Phật tánh đều chẳng thể có cái lý sanh khởi, tức không có lý bắt đầu, nên Phật nói vô thi.

Theo người đời, nếu đem những việc không mà nói thành có, ấy là nói dối, nói bậy; phải không? Vậy nếu có sự bắt đầu thì phải từ chỗ không biến thành có; nếu bắt đầu từ chỗ có thì chỗ có đó đã là bắt đầu rồi! Nếu từ chỗ không mà sanh ra có, thì hiện nay chúng ta đầu cần tu! Vì từ không có Phật có thể sanh ra Phật, vậy đầu cần tu! Chính không có sự sanh khởi, nên người chứng quả gọi là ngộ pháp vô sanh, vì không có cái lý sanh khởi, nên Phật nói vô thi.

Hỏi: *Có một vị hành giả tánh hay quên, cứ đề câu thoại đầu lên rồi quên mất, vậy có thể niệm một câu thoại lần một hạt chuỗi được không?*

Đáp: Không được. Nếu lần chuỗi quên rồi, sau này không có xâu chuỗi là không tham được. Vả lại, lúc làm công việc không có xâu chuỗi thì không tham sao! Lúc đầu chưa quen thoại đầu, có thể nhìn vào tờ giấy, cứ niệm cho quen rồi mới tham.

Hỏi: *Con tin pháp môn tham Thiền 100%, nhưng sao con không thể tin tự tâm?*

Đáp: Vậy cô tin lời Phật không? Đức Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tin không?

Hỏi: *Lúc trước thì con tin, sao bây giờ con không tin nữa?*

Đáp: Vậy làm sao nói là tin lời Phật? Làm sao gọi là tin pháp môn? Vì pháp môn là do Phật truyền, và người không tin lời Phật là Nhất-xiên-đề! Bất cứ pháp môn nào, thế gian hay xuất thế gian, ngay từ ban đầu phải có chữ Tin đi trước, nếu không tin làm sao thành tựu được? Nay nếu cô đã không tin lời Phật thì chẳng những phải bỏ pháp môn này, mà luôn cả đạo Phật cô cũng phải bỏ, chẳng thể tiếp tục mặc áo tu sĩ nữa.

Hỏi: *Bạch Sư phụ, vậy có cách nào không?*

Đáp: Chỉ có cách lột áo Cà sa ra, không theo đạo Phật nữa. Ngoài ra chẳng còn cách khác.

Hỏi: Con ở trong chùa Tịnh độ, mặc dù theo pháp môn Tổ sư Thiền, nhưng ở chùa phải theo chúng tụng kinh, bái sám, đi đám, vì việc này cũng cần cho Tu sĩ. Cho nên, sự tham của con không được liên tục, những lúc con đang công phu, lại xen lẫn những câu kinh kệ nổi lên, khiến công phu chẳng đắc lực, vậy có cách nào không?

Đáp: Sư nói tụng kinh, bái sám, đi đám là việc cần cho Tu sĩ, ấy là sai. Đó chỉ do người đời sau bày đặt ra, thời Phật đâu có! Sở dĩ công phu chưa được, là vì công việc hằng ngày đã quen, còn câu thoại đầu thì mới lạ, nên cứ bị xen lẫn. Nên ngài Lai Quả nói phải tập dần, hễ thoại đầu quen được một ngày, thì cái kia sẽ lạ đi một ngày.

Nay thí dụ bằng con số: Những cái kia là số một triệu, thoại đầu chỉ là số một; thoại đầu quen dần thì cái kia phải bớt, khi thoại đầu lên đến một triệu thì cái kia sẽ hết.

Hỏi: Xin Sư phụ chỉ cách cho con tin tự tâm triệt để?

Đáp: Nay tôi hỏi cô: Có Phật tánh không?

- Dạ có.

- Phật tánh có gián đoạn không?

- Dạ không.

- Phật tánh có thêm bớt không?

- Dạ không.

- Nếu Phật tánh không gián đoạn thêm bớt, thì Phật tánh của cô, thần thông trí huệ đầy đủ bằng Phật Thích Ca, đang hiện hành, chỉ là cô ứng dụng hằng ngày mà chẳng tự biết, còn của Phật thì khắp không gian thời gian, chẳng chỗ nào không biết, chẳng lúc nào không biết. Chỉ xê xích như vậy thôi.

Hỏi: Tại sao có lúc công phu của con rất tiến bộ, có lúc lại thối lui?

Đáp: Thế nào gọi là tiến bộ, thế nào gọi là thối lui?

Hỏi: Lúc con mới bắt đầu tập tham, đề câu thoại đầu lên; lại có một lúc công phu đề mãi không lên, bị thối lui hoài.

Đáp: Ngài Lai Quả trong Thiền Thất Khai Thị Lục nói, công phu của Ngài đôi khi đề lên không nổi trong vòng một – hai ngày, nhưng đề không lên cũng phải đề, chẳng có nghi tình cũng phải đọc, vì nghi tình là dấu hỏi, đọc mãi thì nghi tình sẽ có trở lại, ấy cũng chẳng phải là lui sụt.

Hỏi: Cuộc sống hằng ngày là sống trong vọng tưởng, vậy tham thiền có phải vọng tưởng không?

Đáp: Tại sao cô nói cuộc sống hằng ngày là sống trong vọng tưởng? Mới vừa nói Phật tánh đang hiện hành, thì Phật tánh đâu phải vọng tưởng? Vọng tưởng của cô xuất phát từ chỗ nào?

- Từ ý thức phân biệt.

- Ý thức phân biệt xuất phát từ chỗ nào?

- Không biết.

- Nếu không biết thì tại sao biết hằng ngày sống trong vọng tưởng? Nếu không biết tức không vọng tưởng. Vọng tưởng của cô chỉ là sở biết, sở suy nghĩ của tâm cô; sở là ở ngoài tâm, chẳng phải của cô, còn tâm của cô, tức năng suy nghĩ, năng biết đó, mới

là của cô, chẳng có vọng tưởng.

Nói cuộc sống hằng ngày là sống trong tâm thì được, nói sống trong vọng tưởng là không thể được, nhưng vì tâm chẳng hình tướng số lượng, nên chẳng thể tự thấy biết. (Sư phụ dẫn dụ về hai chân dính cứt sinh, lượm qua).

Hỏi: Ngày thường chúng con ở chùa vẫn tu, đến kỳ Thiền thất, chúng con cứ vẫn tu tại chùa hay đến dự Thiền thất? Dự Thiền thất có tốt hơn không?

Đáp: Dĩ nhiên là dự thiền thất tốt hơn, đông người khích lệ lẫn nhau, lười biếng không được, cũng như Tu sĩ sống trong chúng tốt hơn một mình ở cốc riêng. Việc tu là việc của mình, mọi người đến dự là vì sự sanh tử của mình, chứ chẳng phải vì Thiền thất. Chứ tu là sửa đổi hành vi của mình. Như tôi vừa nói, đường gai góc cứt sinh không nên đi, pháp môn dạy của Phật là những con đường trong sạch nên đi.

Hỏi: Thế nào là Nghĩa Khẩn - chánh - miên mật – dung hoát của ngài Bác Sơn?

Đáp: Khẩn là thông thiết vì sanh tử, Chánh là đúng với tông chỉ “vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ” của Thiền tông, Miên mật là vừa nhìn vừa hỏi câu thoại đầu, chẳng có gián đoạn, chẳng kể hờ cho phiền não nổi lên; Dung là dung thông, Hoát là trống rỗng, là chỗ thoại đầu chẳng một niệm sanh khởi. Hễ nổi lên một niệm, bất cứ biết cái gì; dù là biết Phật, biết Bồ tát vẫn là không dung hoát, nổi lên một niệm “không biết” cũng là không dung hoát.

Hỏi: Thế nào là “thế giới rộng một trượng thì gương xưa rộng một trượng; gương xưa rộng một trượng thì lò lửa rộng một trượng”?

Đáp: Ấy là nghĩa tất cả đều bằng nhau, cũng là nghĩa bất nhị. Hễ một chơn thì tất cả đều chơn; một giả thì tất cả đều giả, nhưng không có chơn cũng không có giả.

Hỏi: Có người nói “Bát nhã vô tri” là chẳng sanh tâm phân biệt, kể cả việc thiện việc ác, kể cả dùng những thức ăn dơ bẩn mà chẳng thấy ghê tởm, phải không?

Đáp: Nói như thế đã là phân biệt rồi! Hễ nổi lên một niệm đã là chẳng phải, hướng là nhiều niệm! Tham thiền nói “nhìn” là nhìn chỗ một niệm chưa sanh khởi, nói “tham” cũng là tham chỗ một niệm chưa sanh khởi. Bây giờ lại nổi niệm cho là làm việc thiện việc ác, ăn đủ thứ dơ bẩn ... Thiền tông nói “Ăn gậy của Diêm La Vương thì có phần của ông!”

Hỏi: Vị đó còn dẫn chứng những việc làm của Hòa thượng Tế Diên, cho làm như thế là giải thoát tự tại?

Đáp: Có dẫn chứng đều là sai. Như Phật nói “phàm là lời nói đều chẳng có nghĩa thật”, “Ai nói Như Lai có thuyết pháp là phỉ báng Phật”, “Vô pháp khả thuyết mới gọi là thuyết pháp” ..., những lời trên sao ông đó không dẫn chứng? Nay bất cứ dẫn chứng cách nào đều là niệm, đều có sanh khởi, Phật nói vô tri, cũng là nghĩa vô sanh. Nếu có sanh khởi tức có bắt đầu, nhưng bất cứ dùng nghĩa lý cao siêu nào cũng chẳng thể thành lập lý bắt đầu, nên nói vô sanh.

Trước kia tôi có giảng cuốn Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải, Tịch là phủ định, là quét sạch, phàm có nghĩa giải đều không đúng. Do người đời dẫn chứng cuốn Tín Tâm Minh để luận đàm, nghịch với ý chỉ Tín Tâm Minh, tức phỉ báng Tổ Tăng Xán, nên ngài Trung Phong mới viết bài Tịch Nghĩa Giải. Vì con người ham nghĩa giải, nên ở Nhật có cuốn Thiền Học Đại Thành, chỉ trích ra các đoạn nghĩa giải, còn phần tịch nghĩa giải thì không in ra, ấy là nghịch với ý của Tổ vậy.

Ví dụ: Câu đầu tiên của bài Tín Tâm Minh là “Chí đạo vô nan, duy hiềm giản trạch”.

Nghĩa giải rằng: Chí đạo là tự tánh, tức đạo cùng tốt của Phật tánh. Muốn đạt đến đạo cùng tốt của Phật tánh chẳng phải là khó, chỉ do lựa chọn nên mới thành khó. Trên đây là giải thích theo mặt chữ.

Bốn câu kệ kết thúc của ngài Trung Phong:

Chí đạo chớ nên chê lựa chọn,
Chớ cho lựa chọn đọa phạm tình.
Cần phải đâm mù mắt mẹ đẻ,
Ban ngày đốt đèn đọc bài Minh.

Đâu có gì để cho giải thích suy nghĩ! Nay tôi đang dịch cuốn Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải, sau này xuất bản, để cho quý vị thấy được bản lai diện mục của Tín Tâm Minh.

Hỏi: Tham Thiên Cảnh Ngữ nói “Khi nghi tình phát khởi, tương ứng với lý pháp thân”, tại sao lại phải cắt đứt mạng căn?

Đáp: Tham Thiên Cảnh Ngữ nói “phát chơn nghi” tức đến được thoại đầu, mới là phát chơn nghi, chưa đến thoại đầu là chưa phát được nghi tình. Sự thật, nếu công phu đến thoại đầu thì câu thoại tự mất. Còn nói đến pháp thân thì người nào cũng đầy đủ pháp thân, đâu có mất, đâu có ngưng? Vì con người ham dùng tâm suy nghĩ so đo, cho là phải như vậy và chẳng phải như vậy, tức tự làm ra dây trói buộc mình. Cho nên, phải nhìn ngay chỗ một niệm chưa sanh khởi. (*Sư phụ giảng về cuộc sống trong nhất niệm vô minh, xem trang 57*).

Hỏi: Giáo môn nói “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức biến hiện”, còn Thiên tông nói “Tức tâm tức Phật”, hai nghĩa này có giống nhau không?

Đáp: Không khác. Có người hỏi Mã Tổ, Tổ trước thì đáp “Tức tâm tức Phật”, sau thì nói “Phi tâm phi Phật”, rồi một vị Tăng hỏi “Sao trước nói tức tâm tức Phật, sau nói phi tâm phi Phật?” Mã Tổ trả lời “Vì muốn gạt cho con nín nín khóc”.

Bây giờ nói muôn pháp duy tâm hay muôn pháp duy thức cũng vậy.

Trong Phật tánh của mình tất cả đều sẵn sàng mà không có mấy thứ này, do con người bày ra những thứ này mới che khuất Phật tánh, gọi là “ứng dụng hằng ngày mà chẳng tự biết”. Vì đã dùng cái biết của nhất niệm vô minh, thì làm sao hiển bày cái biết của Phật tánh!

Hỏi: Khi con nhìn vào chỗ không biết, thì rõ ràng là “bỏ lai vô nhất vật”, chẳng có vọng tưởng, cũng chẳng có vọng niệm, phải không?

Đáp: Không phải. Bất cứ thấy cái gì đều không phải. “Bỏ lai vô nhất vật” của Lục Tổ là để phá bài kệ của Thần Tú, chứ bỏ lai vốn chẳng phải vô nhất vật, cũng chẳng phải hữu nhất vật. Hữu vô là tương đối, cái bỏ lai chẳng phải tương đối; đã có một niệm thấy “bỏ lai vô nhất vật” là niệm đã biết rồi, chứ chẳng phải là không biết.

Hỏi: Hàng xuất gia chúng con cứ mỗi năm nhập Hạ thì được một tuổi Hạ, vậy tuổi Hạ này ai chứng minh cho chúng con?

Đáp: Đâu cần ai chứng minh, vào kiết Hạ đã là chứng minh rồi! Sở dĩ nhập Hạ là vì trong mùa Hạ có nhiều côn trùng ở trên đường, nếu chúng ta đi, dễ đạp nhầm chúng khiến sát sanh. Lại nữa, mùa Hạ ở Ấn độ quá nóng bức, bất tiện cho việc đi khất thực. Do nhiều nguyên nhân, nên Đức Phật cho ba tháng hạ cấm túc, ấy là thích ứng ở Ấn độ, nhưng vì Phật đã cho thực hiện như thế, đã ghi vào giới luật thì nơi khác cũng thực hiện theo.

Hỏi: Vậy tham Tổ Sư Thiên không nhập Hạ thì không có tuổi hạ ư?

Đáp: “Hạ” cũng là tuổi Lạp, thọ giới được một năm thì được một tuổi hạ. Tất cả Tu sĩ đều phải nhập Hạ, cũng có một số du Tăng ngày thường đi khắp mọi nơi, không tụ tập một chỗ, chỉ có ba tháng Hạ là tụ chúng chuyên tu, bắt buộc phải tu trong ba tháng Hạ, ấy cũng là một việc hữu ích để nhắc nhở cho sự tu.

Hỏi: Con tưởng là phải nhập Hạ rồi mới có tuổi hạ?

Đáp: Nếu là người chơn tu thì ngày nào cũng như ngày nấy, suốt năm đều là Hạ. Cũng như hành giả tham Thiên, chẳng phải chỉ có chín mươi ngày là Hạ, Tổ sư nói “Ngay từ bắt đầu tham là nhập Hạ, đến khi kiến tánh mới giải Hạ”. Nếu chưa kiến tánh thì chưa giải Hạ.

Hỏi: Con vốn chuyên tu niệm Phật trì chú, cũng tham thiền “Lục Diệu pháp môn” do Thượng tọa Thanh Từ hướng dẫn, nhưng cũng gặp những chướng ngại về sự ma chay do nhu cầu của phật tử xin tụng kinh sám. Vậy không biết khi thực hành theo Pháp môn Tổ Sư Thiên, có gặp phải những trở ngại như trên không?

Đáp: Các phật sự cứ việc làm, bất kể làm nghề nghiệp gì cứ làm, trong lịch sử Thiên tông, ông vua kiến tánh vẫn làm vua, Thừa tướng kiến tánh vẫn làm Thừa tướng, bộ trưởng, tỉnh trưởng, cho đến bà cụ tay bưng vai gánh, bán rong ở ngoài đường, kiến tánh rồi vẫn y như cũ. Làm nghề tụng kinh cứ tụng kinh, nhưng đừng quên thoại đầu, đừng cho nghi tình gián đoạn là được, chẳng có gì trở ngại.

Hỏi: Kiến tánh rồi đi về đâu?

Đáp: Phật tánh của tất cả chúng sanh, người nào cũng cùng khắp không gian thời gian, đã cùng khắp thì đâu thể chỉ ra? Khi đã kiến tánh rồi, đâu còn đi về đâu? Có “đi về đâu” ắt chưa cùng khắp. Ví như người đời luyện tập thần thông, từ đây bay qua Mỹ cần năm phút, nhưng đó chẳng phải thần thông sẵn có của Phật tánh. Thần thông của Phật tánh khắp không gian, chẳng cần bay, muốn hiện chỗ nào cũng được, phải tự tin rằng mình đã sẵn đủ tất cả.

Hỏi: Nếu tự có sẵn nghi tình, lấy đó tham tiếp mà không chọn những câu thoại trong sách, được không?

Đáp: Nếu đã có nghi tình từ nhỏ, đối với vũ trụ vạn vật hay đối với việc của mình, đã thắc mắc rồi, lấy đó để tham cũng được, nhưng phải chẳng thể giải thích, chẳng thể tìm hiểu mới được. Nếu có thể dùng một lý lẽ nào đó, hoặc dùng phật Pháp để giải ra đáp án thì không được.

Hỏi: Tại sao gọi người đã kiến tánh là Tổ chứ chẳng gọi là Phật?

Đáp: Sau khi chứng Diệu Giác mới gọi là Phật, người kiến tánh rồi cao nhất là đến Đẳng giác, tức chưa đến Diệu giác, vì tập khí xuất thế gian vẫn còn. Lại nữa, phàm phu kiến tánh, tập khí thế gian vẫn còn, làm sao gọi là Phật! Đến quả Diệu Giác, tập khí thế gian lần xuất thế gian đều sạch, bản thể của Phật tánh luôn hiện hành khắp không gian thời gian. Còn chư Tổ thì tập khí thế gian còn chưa dứt sạch, huống là tập khí xuất thế gian! Nên chỉ được gọi là Tổ, không thể gọi là Phật, mặc dù đã kiến tánh thành Phật. Bây giờ chưa kiến tánh cũng đã thành Phật rồi, “tất cả chúng sanh đều đã thành Phật”, ấy là lời nói của Phật trong kinh Viên Giác.

Hỏi: Tham Thiên có cần tụng giới không?

Đáp: Theo giới luật thì tu pháp môn nào cũng phải có giới luật, nửa tháng bố-tát một lần. Bố-tát không phải chỉ tụng giới, trước khi tụng phải kiểm thảo, tự kiểm thảo mình

trong nửa tháng nay có phạm giới không? Nếu có, phải ra sám hối trước đại chúng. Sám hối xong, tội phạm giới mới sạch, mới có tư cách nghe tụng giới.

Nếu người phạm giới không tự ra sám hối trước đại chúng, thì người ở chung phải ra cử tội, nếu không ra cử tội, sau này bị phát hiện thì người phạm và người không cử tội sẽ bị cùng một tội vì che giấu. Hồi xưa, bố-tát truyền giới cho cả Sa-di và Bồ tát, sau này mới lập riêng giới đàn. Cho nên, bố-tát không có nghĩa là chỉ tụng giới mà thôi.

Hỏi: Tu sĩ phạm tội Ba-la-di có thể sám hối được không?

Đáp: Sau khi phạm tội Ba-la-di, phải trong nửa tiếng báo cáo Tăng đoàn, Tăng đoàn mới hứa khả cho sám hối, nhưng chưa phải như thế là nhất định được sám hối. Vì theo pháp Yết-ma, muốn sám hối tội Ba-la-di phải hai mươi vị Tỳ-kheo, người xin sám hối phải săn sóc hai mươi vị đó trong nửa tháng, về cuộc sống hằng ngày cho đầy đủ. Nếu hai mươi vị đều cảm thấy người đó thành tâm muốn sám hối, đồng ý cho sám hối thì mới thành lập được; nếu trong đó có một vị không đồng ý, cũng chẳng thể tổ chức sám hối.

Hỏi: Sở dĩ Đức Phật chế định giới luật cũng là căn cứ theo luật pháp nhà nước, ví như giới Ba-la-di, cũng bằng như luật tử hình của nhà nước, phải không?

Đáp: Phật tử vi phạm luật pháp của nhà nước, tức vi phạm giới luật của nhà Phật, đó là do Đức Phật muốn sự hoằng pháp đến nước nào cũng được hoan nghinh. Tỳ-kheo có bốn giới Ba-la-di và Tỳ-kheo-ni có tám. Tội Ba-la-di, cũng bằng tội tử hình của nhà nước, nhưng tội tử hình của nhà nước có xử tử thật, còn tử hình bên nhà Phật chỉ là kiếp này không được làm Tỳ-kheo nữa, coi như vị Tỳ-kheo đó đã chết. Nếu xin sám hối mà được chấp nhận, chỉ giữ được Sa-di, nếu sám hối không được, thì luôn cả Sa-di cũng không còn, phải đợi kiếp sau bắt đầu lại.

Hỏi: Luật pháp Nhà nước thời nay có nhiều châm chước thuyên giảm, vậy giới luật nhà Phật có thể ứng dụng như thế nào để phù hợp theo thời đại không?

Đáp: Giới luật nhà Phật cũng có phần linh động, nhưng thuộc về phần Giá giới, còn về Tánh giới thì không được. (Sư phụ giảng về Tánh giới và Giá giới, lược qua).

Về tánh giới, nếu đã phạm thì có tội phá giới, nếu chưa thọ giới cũng phải có tội nhân quả. Tội phá giới thì sám hối có thể hết, ví như tội phá giới Ba-la-di phải đọa địa ngục chín triệu năm, hễ sám hối là hết; còn tội nhân quả thì không thể sám hối được, nhân nào quả nấy.

Có người nói “Vậy thì không thọ giới tốt hơn, chỉ phải chịu tội nhân quả, khỏi bị hai lớp tội”. Sự thật, người có thọ giới phải để ý về vấn đề giữ giới, nên tội nhân quả cũng ít, người không thọ giới hằng ngày cứ theo thói quen mà làm, dễ phạm phải tội nhân quả.

Hỏi: Tại sao Thiền sư Bác Sơn nói “Công phu khẩn mà không chánh thì uổng dụng công, chánh mà chẳng miên mật thì không thành dung hoá, chẳng dung hoá thì không tương ưng, chẳng tương ưng thì không thể nhập, và không thể hóa cảnh”?

Đáp: Việc đó là lẽ dĩ nhiên rồi, vì công phu không miên mật tức có kẽ hở, vọng tưởng phiền não từ đó nổi lên, làm sao dung hoá! Làm sao nói là khẩn, là chánh? Hóa cảnh tức dung hoá.

Hỏi: Vậy còn các từ “chuyển thân nhĩ khí”, “chuyển vị khai cơ”, “hồi quang phản chiếu”... là như thế nào?

Đáp: (Sư phụ kể về câu chuyện một ngoại đạo có thân thông và xá lợi, không bằng đáp được một câu chuyện ngữ của Thiền sư, xem trang 19).

Tại sao Thiền tông chú trọng câu chuyện ngữ? Vì bản thể của tự tánh là vô sở trụ, chuyên ngữ tức là lời vô sở trụ. Chỉ cần đáp được một chuyên ngữ là thấy biết người trò đó đã kiến tánh và ấn chứng liền. Nay chưa kiến tánh, cứ đuổi theo lời nói có sở trụ, trả lời cho hợp lý đúng nghĩa, nhưng đó chẳng phải chuyên ngữ. (Sư phụ kể về câu chuyện bà già đốt am, lược qua), “Chuyển thân nhĩ khí”, “đề hồ lô trên nước” v... đều là những câu vô sở trụ.

Hỏi: Thế nào là “Ngôi học còn dính bụi”?

Đáp: “Ngôi học còn dính bụi, cực sáng tức Như Lai”, đó là bài kệ trong kinh Lăng Nghiêm, tả về biên giác của Tự tánh. Theo cuốn Hoa Nghiêm Hợp Luận, tác giả Lý Thông Huyền là một cư sĩ kiến tánh, nói “Sơ tâm Bồ tát vì lòng tin chưa vững chắc, được thấy biết ít phần pháp thân Như Lai chẳng đoạn diệt, chẳng khứ lai. Chẳng đoạn diệt tức khắp thời gian, chẳng khứ lai tức khắp không gian, nhưng Bồ tát này còn chưa thể lìa sự phân biệt vi tế, nên chỉ thấy thô dụng, chưa vào được ngôi pháp thân.

Tiến thêm một bước, Tịnh tâm Bồ tát hơn Sơ tâm Bồ tát, nhưng còn thấy vi tế dụng. Như thế dần dần tiến lên, đến bậc Bồ tát cứu cánh, mới hết thấy vi tế dụng, gọi là thân thọ dụng.

Vì còn có nghiệp thức, nên thấy tâm có thọ dụng, nếu lìa nghiệp thức thì chẳng thể thấy. Tại sao? Vì tất cả Như Lai đều là pháp thân, pháp thân chẳng có sắc tướng sai biệt để thấy nhau, nên chẳng thể thấy. Tại sao hết thấy vi tế dụng gọi là thân thọ dụng? Vì còn có thân thọ dụng để biết sự hết thấy, vẫn là tướng vi tế của nghiệp thức. Các bậc hữu học và vô học còn dính mắc với tướng vi tế này, như tấm gương còn dính bụi, nên nói “ngôi học còn dính bụi”.

Nếu nghiệp thức vi tế đã sạch, chẳng thấy có sự thọ dụng, gọi là Pháp thân Như lai. Vậy bụi sạch thì gương sáng tỏ, nên nói “Cực sáng tức Như lai”.

Đối với câu “Phản văn Tự tánh văn”, nhiều người còn hiểu sai về câu này, nên tôi ghi chú thêm:

Nếu chấp cái nghe là thật thì không nghe ngoài phải nghe trong, không nghe động phải nghe tịnh; nghe trong ngoài động tịnh đều là bỏ gốc theo ngọn, nên gọi là cái nghe điên đảo. Nay xoay cái nghe điên đảo này về chánh, chánh thì chẳng có năng nghe sở nghe, mới gọi là phản văn, cũng là bản tánh văn. Nghịch cảnh trần, hợp giác tánh, mới gọi là chánh. Đã trở về bản tánh văn, tức thấy bản lai diện mục của Phật tánh, cũng là tánh văn này, liền thành Vô thượng Bồ đề.

Trong kinh Lăng Nghiêm nói: Do có lục trần mới phát ra cái tri, vì có lục căn mới hiện ra tướng này tướng kia, nên nói “do trần phát tri, nhân căn hữu tướng”. Nếu không có lục trần thì kiến văn giác tri đặt ở chỗ nào? Chẳng thể sanh ra được.

Lục trần lục thức sanh lẫn nhau, cũng như con gà với trứng gà; chẳng có lục trần thì lục căn không có đối tượng để đặt. Lại nữa, chẳng có lục căn thì không thể biết đến lục trần, nhưng cái biết phải có lục trần mới có thể sanh khởi. Chúng sanh điên đảo, cho những thứ đó là của mình, nên Đức Phật mới ở trong Bát Nhã Tâm Kinh dùng chữ Vô để quét sạch lục căn, lục trần, lục thức.

Hỏi: Tịnh khẩu có ích lợi gì không?

Đáp: Chẳng những không có lợi ích, lại còn có hại vì làm cho mình tu không được.

Hỏi: Kiến tánh là gì?

Đáp: Đợi ông kiến tánh rồi thì biết.

Hỏi: Trong bốn tội Ba-la-di, trường hợp tứ chúng biết được người ấy phạm tội, báo lên vị Trụ trì, Trụ trì không cử tội thì tứ chúng có lỗi không?

Đáp: Bây giờ đâu có Tăng đoàn để cử tội? Lại nữa, trong Phật Pháp rất linh động, cái nào cần cử tội mới cử tội, những việc không cần cử tội, chỉ cho trách tâm sám. Đức Phật hoàng dương Phật Pháp, muốn cho thiên hạ đều tôn trọng Phật giáo, tôn trọng tăng ni, Phật tử chơn chánh hoặc thọ ngũ giới hay Bồ tát giới. Cho nên, giới Bồ tát không cho nói lỗi của Tứ chúng; Tỳ-kheo-ni nói lỗi của người khác cũng phạm tội Ba-la-di. Lại nữa, đối với những người trong Phật giáo hoằng pháp rộng, nhiều người biết tên tuổi, thì trong giới luật không cho cử tội. Tại sao? Vì sợ ảnh hưởng uy tín của Phật giáo. Mặc dù không cho cử tội, nhưng nếu họ phạm Ba-la-di, tội địa ngục phải chín triệu năm chứ không bớt được.

Hỏi: Như hiện giờ một vị có tội, chúng đã phát hiện, người đó chẳng những không sám hối, vẫn sống bình thường như người không phạm, vẫn đắp áo Cà sa, vậy là thế nào?

Đáp: Trong giới luật có hơn 130 thứ Yết-ma, pháp Yết-ma của Phật giáo rất kỹ, mỗi thứ Yết-ma làm về việc gì, phải có bao nhiêu người, hai mươi người, mười người, năm người hoặc hai người... Hai người gọi là “đôi thú Yết-ma”, tức không có ai ngoài hai người đó biết. Yết-ma xử tội, phải thấy, nghe hoặc nghi, rồi phải có bằng chứng, bằng chứng có thể mời một nữ cư sĩ ra làm chứng. Mà cư sĩ đó phải được Tăng đoàn mời, nếu không được mời mà tự ra làm chứng là phạm giới.

Nay không có Tăng đoàn, không có Yết-ma để xử tội, thì làm sao phán đoán là người ấy có tội? Còn những người phạm thượng, tự đã có tội trước, lại công khai nói tội của người khác, là phạm giới. Vì giới Bồ tát không cho nói lỗi của tứ chúng. Nếu muốn nói cũng được, nhưng chỉ có hai người, không có người thứ ba, rồi mình khuyên người đó.

Hỏi: Nếu bằng chứng đã có, hai người đã khuyên với nhau, nhưng người ấy vẫn không sửa đổi?

Đáp: Ai xử cho người đó có tội? Người ta phải tổ chức Yết-ma rồi xử tội, hoặc trong lúc bố-tát, báo cáo với vị chủ tịch được chúng cử ra để xử tội, đâu phải người nhỏ xử tội người lớn được! Nhỏ mà nói lỗi của người lớn, tự mình còn có lỗi nữa!

Tại sao giới luật của Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni không cho người chưa thọ giới nghe và xem? Sa-di, Thức xoa không được nghe và xem giới Tỳ-kheo-ni, nhưng Tỳ-kheo phải biết giới của Tỳ-kheo-ni. Vì trong giới luật có ghi về pháp Bát kinh của Tỳ-kheo-ni, mỗi nửa tháng phải mời Tỳ-kheo đến dạy, cho nên, Tỳ-kheo phải thông suốt giới luật của Tỳ-kheo-ni.

Chưa thọ giới Tỳ-kheo không được xem giới Tỳ-kheo, vì sợ khi biết rồi phi báng Tỳ-kheo, cho Tỳ-kheo này là phạm giới, là tự mình tạo tội. Tỳ-kheo phạm giới tự phải chịu tội, bởi vì người nào cũng có sai sót. Có phạm, phạm rồi có sám hối, hễ sám hối là hết tội phá giới. Nếu người chưa thọ giới nói lên lỗi đó, chẳng những làm mất uy tín của Phật giáo, lại phạm tội nói lỗi tứ chúng. Nay có nhiều người tự ý thông minh lanh lợi, phi báng người cao hơn, ấy là tự tạo lỗi vậy.

Hỏi: Tại các chùa có từ bốn vị Tỳ-kheo trở lên, phải tác pháp Yết ma, ấn định cương giới, sau đó làm Phật sự mới đúng pháp, phải không?

Đáp: Phải. Theo pháp Yết-ma trong giới luật ấn định, bất cứ cái gì, đều phải qua pháp Yết-ma. Nhưng nay ở Việt nam, chỉ có truyền giới hoặc bố-tát, kiết hạ mới qua Yết-ma, những Yết-ma của bố-tát cũng không đủ, chỉ là tụng giới.

Hỏi: Tham thoại đầu với Bát nhã ba la mật có tương ưng không?

Đáp: Bát nhã dịch là trí huệ, nhưng chẳng phải trí huệ của bộ não, không qua bộ não, là trí huệ của Tự tánh. Tổ Sư Thiên là muốn hiển bày trí huệ của Tự tánh. Tên gọi Bát nhã chỉ là một trong muôn ngàn tên gọi. Vì bản thể của Phật tánh cùng khắp không gian thời gian, nên sự dụng của Phật Tánh cũng cùng khắp, chẳng số lượng, chỉ tùy dụng mà lập danh: Vì Phật tánh khắp không gian chẳng khứ lai, nên gọi là Như lai, đúng như Bản lai; cùng khắp thời gian, không gián đoạn, sanh diệt, nên gọi là Niết bàn; vì muốn hiển bày cái dụng vô sở trụ, nên gọi Vô trụ; vô trụ thì không có chỗ, không có lúc, nên gọi Tánh không... Mặc dù tên gọi có khác, nhưng thể dụng chẳng khác.

Hỏi: Sự dụng của chư Phật, chư Tổ có khác nhau không?

Đáp: Luôn cả sự dụng của cô, với chư Phật chư Tổ cũng chẳng khác; không những là cô, luôn cả các loài động vật cũng chẳng khác. Đã là bất nhị, thì thân Phật, thân Bồ tát, thân người, thân động vật dù khác, nhưng Phật tánh chẳng khác.

Hỏi: Tại sao chư Phật, chư Tổ một nghe ngàn ngộ, mà chúng con được Sư phụ khai thị nhiều vẫn chưa được ngộ? Và Sư phụ chưa chỉ định một vị nào sau này nối tiếp Sư phụ?

Đáp: Chưa kiến tánh là tại mình chưa chịu đi, nếu có tâm quyết tử như chư Tổ mới mau được. Nay mặc dù chưa kiến tánh, nếu thực hành đầy đủ, đúng pháp, cũng đã gieo chánh nhân, kiếp này chưa ngộ, kiếp sau cũng tiếp tục. Tôi thì chưa kiến tánh, chỉ là biết được đường lối thực hành của chư Tổ và chuyên dạy cho quý vị. Mọi người cứ tiếp tục theo đường lối đó tu hành là đủ.

Hỏi: Ngài Lai Quả nói “đánh chết người phạm qui củ”, vậy có phải thiếu lòng từ bi và phạm tội sát sanh không?

Đáp: Dùng hương bãng đánh người phạm qui củ là tỏ lòng từ bi rất thiết tha. Ngài nói trong Tham Thiên Phổ Thuyết và giải nghĩa rất kỹ: Sở dĩ đánh là muốn đưa tới giác ngộ giải thoát tất cả khổ. Ấy là lòng từ bi không gì so sánh bằng.

[05] 20/10/93–26/10/93 tại Chùa Từ Ân, Quận 11.

Hỏi: Khi chúng con ngồi tham, phải nhắm mắt hay mở mắt?

Đáp: Ban đầu không biết cách nhìn phải nhắm mắt để tập. Tại sao? Vì khi mở mắt, thấy những cảnh vật trước mắt, biết cái này là bình, cái kia là tách, hề nhắm mắt là không thấy, không thấy thì không biết, chỉ thấy đen tối mịt mù, cứ nhìn vào chỗ đen tối, mặc dù đó chưa phải là thoại đầu. Nay chưa đến thoại đầu, nhưng phải lấy thoại đầu làm mục tiêu, nhìn chỗ chưa có niệm nào, vừa nhìn vừa hỏi câu thoại để kích thích khởi lên nghi tình, chẳng phải dùng con mắt nhìn, mà dùng tâm, tức tánh thấy để nhìn.

Khi tập đến nhìn được rồi thì mở mắt cũng như nhắm mắt, thấy như chẳng thấy, nghe như chẳng nghe. Tâm Kinh nói “vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, vô sắc thanh hương vị xúc pháp, vô nhãn thức giới cho đến vô ý thức giới...”, lục căn tiếp xúc lục trần như không tiếp xúc, thì chẳng sanh lục thức; chẳng sanh lục thức tức không biết, không biết này gọi là nghi tình.

Giữ được nghi tình rồi, khỏi cần hỏi câu thoại cũng được, cứ suốt ngày nhìn chỗ mịt mù đen tối, không biết là cái gì, ngài Nguyệt Khê gọi là “hầm sâu đen tối”, Thiền tông hình dung sự đen tối đó là “thùng sơn đen”. Giờ phút kiến tánh được hình dung là “thùng sơn lung đáy”, thùng lung thì thấy sáng, nghi tình đến thoại đầu, giờ phút cuối cùng bùng nổ một cái, tức giác ngộ kiến tánh thành Phật, cũng là từ mở mắt chiêm bao thức tỉnh, tất cả khổ trong chiêm bao đều tự mất.

Hỏi: Tham thiền có tâm đợi ngộ, được không?

Đáp: Tâm đợi ngộ là có sở cầu, tức cầu ngộ. Điều kiện đầu tiên tham Tổ Sư Thiền là “vô sở cầu”, chẳng nổi tâm cầu ngộ, cũng đừng sợ mình không ngộ, vì có đi ắt phải đến, đi nhanh đến nhanh, đi chậm đến chậm, chứ không cần cầu ngộ đợi ngộ. Đến khi ngộ, chẳng phải ngộ câu đáp án của thoại đầu, mà là ngộ bản tâm bản tánh của chính mình.

Hỏi: Tham thiền muốn tránh tẩu hỏa nhập ma phải như thế nào?

Đáp: Tất cả thiền khác có thể tẩu hỏa nhập ma, Tổ Sư Thiền thì không. Tại sao? Vì các pháp Thiền kia là dùng tâm biết để tu, biết thì có yêu ghét, có ham thích, người thì để ý hơi thở, người thì để ý cái này cái kia... ma có thể thừa cơ đột nhập. Còn Tổ Sư Thiền là dùng cái không biết để tu, chẳng yêu ghét ham thích, nên ma chẳng có dịp để quấy phá.

Hỏi: Người chưa ăn chay trường có thể tham Thiền được không? Có được lợi ích gì?

Đáp: Nếu tham đúng theo tông chỉ Tổ Sư Thiền thì được lợi ích. Ăn chay chẳng phải có công đức gì như người đòi thường hiểu lầm, ăn chay thuộc về nhân quả: Vì chúng sanh bình đẳng, tất cả đều có Phật tánh, hễ giết một mạng phải trả một mạng, ăn cục thịt phải trả cục thịt, mình ăn người ta thì người ta sẽ ăn lại mình... chúng sanh ăn nuốt lẫn nhau. Kiếp này người ăn dê, kiếp sau con dê làm người, người làm con dê, cứ thay phiên ăn nuốt lẫn nhau, cũng như tự mình ăn thịt mình vậy.

Hỏi: Tổ Sư Thiền ngồi 2-3 tiếng đồng hồ có lỗi gì không? Thay vì đi nửa tiếng ngồi nửa tiếng?

Đáp: Ngồi mười tiếng cũng không có lỗi. Lỗi chẳng tại ngồi, mà tại chấp tâm. Bất cứ chấp cái gì, chấp ngồi cũng thành lỗi, chấp đi cũng thành lỗi, kể cả chấp Phật cũng thành lỗi, nếu chẳng chấp thì không thành lỗi. Ví như Cõi Tứ Không, nhập định tám muôn đại kiếp, đâu có lỗi! Chỉ do chấp mà không ra khỏi sanh tử luân hồi, chứ chẳng phải do ngồi.

Hỏi: Trong Tứ Hoàng Thệ Nguyễn có câu “Vô lượng pháp môn thệ nguyện học”, nếu Thiền tông chỉ tu một pháp môn, chỉ bám chặt câu “tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên” mà cố giữ lấy pháp tu của mình, khi ra hoàng pháp, làm sao có thể thích ứng với mọi căn cơ? Ví như gặp người thích Phật Di Đà thì ta phải tán thán Phật Di Đà; gặp người thích Phật Thích Ca thì ta tán thán Phật Thích Ca v.v...Do đó, con kết luận: Đạo phải như trái banh trên mặt nước, có thể luân chuyển được bốn phương tám hướng, nếu chỉ nói về Tổ Sư Thiền thì con thấy hạn hẹp quá?

Đáp: Lời của ông nói rất đúng, nhưng khi hoàng hóa phải dạy người ta nhất môn thâm nhập. Ví như trường đại học nơi thế gian, học đến cao rồi, chỉ chuyên một ngành, chứ chẳng thể học bao quát được. Cũng như chế tạo máy bay, một người chẳng thể học hết toàn bộ hệ thống trong máy bay... Nhưng nếu người dạy biết hết là tốt. Tại sao? Vì đều bao gồm trong Tự tánh. Như Chư Tổ kiến tánh rồi, bất cứ hỏi về tông phái nào đều trả lời được, đều dạy được. Ví như Thiền sư Trung Phong, có người hỏi về Tịnh

độ thì ngài dạy pháp Tịnh độ, nên người đời đồn rằng ngài kiến tánh rồi sao còn học pháp Tịnh độ, ấy là sai!

Mặc dù tôi chưa kiến tánh, nhưng người ta hỏi về pháp nào tôi phải trả lời pháp đó. Tôi đi các nước Canada, Úc, cho đến các trường Phật Học Cơ Bản ở Việt Nam, Phật tử hỏi về pháp Thiền của tông Thiên Thai; về pháp Tín, Nguyện, Hành của Tịnh độ v.v...tôi phải trả lời theo pháp đó, dạy về đường lối tu Tịnh Độ ... Đa số người tu Tịnh Độ chỉ biết có Tây phương Tịnh độ, thật ra còn có Đông phương Tịnh độ, Đâu Suất Tịnh độ ... Cho nên, đâu phải tôi bắt buộc mọi người phải tu Tổ Sư Thiền! Chỉ là tôi chuyên hoằng dương Tổ Sư Thiền thôi.

Hỏi: Theo con nghĩ, khi Phật Thích Ca vừa thành đạo, nghĩ rằng chẳng thể dùng Nhất Phật thừa để dạy chúng sanh, nên thuyết Tam thừa. Nay Sư phụ tự nói chưa kiến tánh, lại dùng Nhất Phật thừa độ chúng con, vậy có sai ý của Phật không?

Đáp: Cô cho cái gì gọi là Nhất Phật Thừa, cái gì gọi là Tam Thừa? Kinh Pháp Hoa nói “Duy có nhất Phật thừa, chẳng có hai và ba”, nói hai nói ba đều là phương tiện. Mặc dù nói nhất thừa, nhưng bao gồm tất cả; chẳng những Tam thừa, kể cả thế gian công thương kỹ nghệ, đến tà ma ngoại đạo đều bao gồm trong đó, chẳng có cái nào ở bên ngoài. Tại sao? Vì chơn tâm khắp không gian thời gian, đâu có cái gì ở ngoài!

Do có tâm phân biệt nên bị hạn chế, như tôi thường nói: Hạn chế cái Không ở trong cái tách, hạn chế cái Không ở trong cái bình; thật ra, cái Không ở trong tách và ở trong bình đâu có khác nhau? Cái Không ở trong nhà và ở ngoài nhà đâu có khác? Chỉ là tự mình hạn chế nhỏ lại rồi cho là khác. Đủ thứ khác biệt đều do tự mình hạn chế, kỳ thật đều ở trong Nhất thừa.

Do tâm của mỗi người mỗi khác, trong Phật Pháp nói đến hữu học và vô học, vô học cao hơn hữu học, vậy thì không cho học, đừng học, được không? Nếu không cho học thì tu không được, rồi chìm đắm mãi trong sanh tử sao? Cho nên, Đức Phật đặt ra đủ thứ phương tiện, tám mươi bốn ngàn pháp môn, tùy theo căn cơ để giáo hóa. Do đó, mặc dù tôi chuyên hoằng Tổ Sư Thiền, nhưng cũng tùy theo căn cơ dạy các pháp môn, ai hỏi pháp môn nào tôi trả lời theo pháp môn đó.

Hỏi: Sư phụ dù chỉ rõ hạt châu trong áo của chúng con, nhưng Sư phụ là người phước trí vẹn toàn còn chưa kiến tánh, vậy chúng con phải tu đến bao giờ?

Đáp: Nếu tự tin có hạt châu thì hãy lấy ra xài, đâu cần tìm nơi khác!

Hỏi: Sư Phụ còn chưa lấy ra được, chúng con làm sao lấy ra?

Đáp: Mặc dù hiện nay tôi chưa lấy ra được, nhưng cũng xài được chút đỉnh. Tại sao? Tôi chưa có học qua Viện Phật Học một ngày nào, tuy không có học kinh, nhưng nay người nào hỏi về kinh gì tôi đều giải đáp được. Tôi chưa học qua Giới luật, nhưng khi có người hỏi về giới luật, lời tôi giải đáp khiến họ cứ tưởng tôi là Luật sư. Hôm trước tiếp chuyện với Hòa thượng Huệ Hưng, Ngài chuyên dạy về Giới luật, cũng tưởng tôi chuyên về Luật, là Luật sư, Hòa thượng Tuệ Đăng Chùa Kim Cương cũng tưởng như thế.

Tôi không có học, chẳng qua trong Tự tánh đã sẵn có. Lại nữa, trình độ học của tôi cũng chẳng phải là cao, tôi chỉ học đến tiểu học, nhưng sau này tôi dạy cả học sinh tú tài, tôi trước tác sách Hán văn; đó đâu phải do học, lúc công phu đến mức thì sức dụng của Tự tánh tự hiện. Ví như quý vị hỏi về Phật Pháp, bất cứ điều gì, tôi đều trả lời ngay, đâu cần suy nghĩ!

Ở nước Mỹ, tôi trả lời phật Pháp bằng tiếng Phổ thông qua Đài “Tiếng nói Trung Hoa”, hễ có hỏi là trả lời liền, đâu cần đem theo kinh sách! Cho nên, những người cần học thì phải học, những người chẳng cần học thì khỏi học, chứ chẳng phải người nào cũng giống người nào. Do có chấp tâm cho là phải học, nếu người cần học chẳng cho học, còn người ta không cần học lại bắt học, há có được chẳng? Cũng do có tâm chấp, cho là không học tức tu mù, đâu phải vậy!

Thuở nhỏ, người lối xóm gọi tôi là “nấu không chín”, ý nói là thẳng khờ, nhưng bây giờ tôi đi thuyết pháp khắp thiên hạ, có ai nói tôi là “nấu không chín” đâu!

Hỏi: Khi con ngồi tham thiền, đủ thứ cảnh giới bao vây lấy con, vậy phải làm sao?

Đáp: Đó đều là vọng tưởng, do vọng tưởng mới hiện ra đủ thứ cảnh vật. Người tham thiền là dùng cái không biết để tu, còn cảnh giới khủng khiếp, cảnh giới vui, cho đến Phật Thích Ca đến rờ đầu thọ ký mình thành Phật v... đều là vọng, không biết tới. Đường lối thực hành của mình là không biết, tại sao lại biết đến những thứ đó! Ấy là do tập khí phiền não từ lâu đời, nay cứ giữ lấy nghi tình, bất cứ hiện cảnh giới gì đều mặc kệ nó, hiện cứ hiện, tham cứ tham, chỉ nhìn vào thoại đầu tham tới mãi, vậy là được rồi.

Hỏi: Có người lập lại lời “Một hớp nuốt hết nước Tây Giang” của Mã Tổ đáp Bàn Uẩn, vậy có phải là Thiền bệnh không?

Đáp: Không phải. “Một hớp nuốt hết nước Tây Giang” là câu thoại đầu, tất cả công án đều là chỉ chỗ thoại đầu, chứ chẳng phải để cho người giải thích ý nghĩa. Nay thiền Nhật Bản và thiền Đại Hàn là giải thích công án, chẳng bao giờ kiến tánh được. Tất cả lời của chư Phật chư Tổ ý chẳng ở chỗ lời nói, là muốn chấm dứt tác dụng tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ của bộ não. Người tìm hiểu lời nói, suy nghĩ ra đáp án để trình chỉ là kiên giải, chẳng phải là ngộ. Người đã ngộ Phật tánh khắp không gian thời gian, đâu có gì để hỏi nữa.

Hỏi: Thế nào gọi là Thiền bệnh?

Đáp: Trong kinh Lăng Nghiêm nói đến năm mươi thứ ma ngũ âm, kể rõ về các thứ thiền bệnh. Sở dĩ có thiền bệnh, vì có sở cầu sở đắc, có cái ta, ma mới nhập được. Còn điều kiện đầu tiên của Đường lối Thực hành tham Tổ sư Thiền là phải phá ngã chấp, ta còn chẳng có, ma nhập vào ai? Nếu không phá ngã chấp thì chẳng thể ra khỏi sanh tử luân hồi.

Do có cái chấp, nên mới phải phá, không chấp thì chẳng cần phá; do có cái ta, ma mới nhập được, nếu không có ta, lấy gì để nhập? như Lục Tổ nói “bỏ lai vô nhất vật” thì lấy gì để dính bụi trần!

Hỏi: Vừa rồi con có nhập thất, khi công phu xong, con ra ngắm trăng, tự nhiên trong tâm lưu xuất năm câu “Sống diên đảo, nói diên đảo, ăn diên đảo, nghĩ diên đảo, tưởng diên đảo”, con không biết đó là cái gì?

Đáp: Dẫn cho lưu xuất đúng với Chơn như Phật tánh cũng là vọng, đừng biết tới, nếu khởi lên cái biết, Thiền tông gọi là “cửa của tất cả tai họa”. Tổ Sư Thiền là dùng cái không biết để tu, giữ cái nghi để đưa đến kiến tánh, khi kiến tánh sẽ biết hết. Nay có biết tức chướng ngại cho sự tu, nên nói chữ Tri là cửa tai họa.

Ví như Hòa thượng Thủy Lạo, bình thường đã có công phu nhưng chưa ngộ, xin yết kiến Mã Tổ để trình công phu, Mã Tổ nói: Đánh lễ đi!

Vừa lạy xuống bị Mã Tổ đá nhào một cái liền ngộ.

Ấy là thành linh chặn đứng sự suy nghĩ phân biệt. Ý thức của chúng ta như nguồn suối, ngày đêm chảy xiết, nên cái biết của Phật tánh chẳng thể hiện ra được. Khi thành linh bị chặn đứng thì Phật tánh liền hiện, khỏi cần hỏi nữa, mới biết thủ đoạn của Tổ sư.

Ví như ngài Huỳnh Bá, bảo nhiệm sau khi ngộ. Người khác thì nhập thất để bảo nhiệm, còn Ngài lại đi vào một ngôi chùa làm công quả, ai sai việc gì làm việc nấy.

Một hôm, Thừa tướng Bùi Hưu đến viếng chùa, thấy trên vách vẽ một vị cao Tăng, hỏi người chủ chùa: Đây là hình tượng của ai?

- Cao Tăng.

- Hình vẽ đây rồi, còn cao Tăng ở đâu?

Chủ chùa trả lời không được.

Bùi Tướng quốc hỏi: Chùa này có Thiền sư không?

- Có một vị mới đến mấy hôm, đang làm công quả, xem cử chỉ thì giống Thiền sư.

- Vậy thì mời Sư đó ra.

Gặp Hoàng Bá, Tướng quốc hỏi: Hồi nãy tôi thấy bức tranh này, hỏi Chủ chùa, nhưng Ngài lại tiếc lời dạy bảo, chẳng biết Sư có thể chỉ dạy không?

- Xin hỏi.

- Hình tượng ở đây, còn cao Tăng đâu?

Huỳnh Bá hét lên gọi: Bùi Hưu!

Bùi Hưu đáp: Dạ.

- Ở đâu?

Bùi Tướng quốc liền ngộ, khen rằng: “Thật là Thiền sư!”, bèn mời về phủ cúng dường, và lễ Ngài làm thầy.

Cho nên, Phật Pháp chẳng phải do học, chỉ có Thiền sư kiến tánh rồi mới có cơ xáo đó, khiến người khai ngộ. Nếu người chưa kiến tánh, cứ theo lời nói để trả lời thì làm sao ngộ được! Nay quý vị hỏi mà tôi trả lời, là muốn khiến cho tin tự tâm đầy đủ, cứ giữ mãi nghi tình, sau này sẽ ngộ.

Hỏi: Người chết rồi tùy theo nghiệp lực vãng sanh nơi lục đạo, vậy địa ngục ở đâu?

Đáp: Địa ngục do tâm tạo, thân này cũng do tâm tạo, thế giới Ta bà do cộng nghiệp tạo, Thế giới Tây phương cũng là do cộng nghiệp tạo, tất cả đều do tâm tạo, địa ngục cũng vậy.

Hỏi: Sư cô Thanh Hải ở Mỹ tự xưng là Vô Thượng Sư, vậy có đúng không? Nếu không, sao lại có nhiều người theo?

Đáp: Vô Thượng Sư là Phật. Chư Tổ kiến tánh hơn bảy ngàn vị, chẳng vị nào dám xưng là Vô Thượng Sư, vì đó là hiệu Phật, đã chứng quả Diệu giác. Chứng đến Đẳng Giác rồi còn chưa thể gọi là Vô Thượng Sư, trên cõi Ta Bà này, ngoài Đức Phật Thích Ca ra, các vị Bồ tát, Cổ Phật cũng chưa ai tự xưng là Vô Thượng Sư.

Trong Thiền tông, có một vị Tổ đã kiến tánh nhưng chẳng ai theo. Vị đó mỗi ngày thuyết pháp hai thời, một thời vào buổi sáng và một thời vào buổi chiều, không ai đến nghe; cứ như thế trải qua ba mươi mấy năm, vì không có nhân duyên vậy.

Hỏi: Nếu tâm mình nghĩ thiện, nhưng làm không đúng tâm nguyện, vậy có tội không?

Đáp: Nếu phát tâm thiện nhưng chưa có làm, hoặc do hoàn cảnh không cho phép, chứ chẳng phải không muốn làm, cũng gieo được một thiện quả.

Hỏi: Ví như ban đầu phát tâm muốn cúng dường chỗ này, sau lại đem cúng dường chỗ kia, vậy có lỗi không?

Đáp: Theo giới Bồ tát thì “niệm sau không được cướp đoạt niệm trước”, hễ cướp thì cũng như ăn cắp. Ví dụ cái tách của mình bị người khác lấy cắp rồi, tự mình khởi niệm coi như bỏ thí cái tách đó, tức đã không thuộc sở hữu của mình nữa. Dầu cho sau này có gặp lại, cũng chẳng thể nói “đó là cái tách của tôi” mà lấy lại, vì lấy lại tức trở nên phạm tội trộm cắp, vì đã bỏ thí rồi còn lấy lại, là niệm sau cướp đoạt niệm trước.

Hỏi: Thời gian một đại kiếp là bao lâu?

Đáp: Một đại kiếp gồm bốn trung kiếp, một trung kiếp bằng hai mươi tiểu kiếp; một tiểu kiếp là mười sáu triệu bảy trăm chín mươi tám ngàn năm. Tức là: $16.798.000 \text{ năm} \times 20 \times 4 = 1.343.120.000 \text{ năm}$

(một tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu một trăm hai mươi ngàn năm)

Hỏi: Khi đang tham thiền khởi tạp niệm, phải đối trị như thế nào?

Đáp: Khởi tạp niệm cũng tham, không khởi tạp niệm cũng tham, chỉ biết khán thoại đầu là nhìn chỗ không biết, tham thoại đầu cũng là không biết, cứ nhìn như thế thì làm sao biết có tạp niệm? Tạp niệm khởi lên mặc kệ nó, mình tham cứ tham, tham mãi thì tạp niệm muốn nổi lên cũng chẳng được.

[06] 19/11/93–25/11/93 tại Chùa Từ Ân, Quận 11.

Hỏi: Thế nào là thoại đầu?

Đáp: Thoại là lời nói, Đầu là đầu tiên lời nói, tức trước khi chưa có câu thoại. Ngài Hư Vân giải thích rằng “Khi muốn nói một lời, phải nổi niệm mới có thể nói ra, khi chưa nổi niệm muốn nói, gọi là thoại đầu; nếu đã nổi niệm, mặc dù chưa nói ra miệng, đã thành thoại vĩ, là đuôi chứ chẳng phải đầu”.

Tại sao dùng câu thoại để hỏi? Là dùng câu thoại chỉ chỗ chưa có câu thoại, và kích thích để khởi lên nghi tình. Vì câu thoại có dấu hỏi: Ví như hỏi “Khi chưa có trời đất ta là cái gì?” không biết là cái gì, ấy là dấu hỏi; “Muôn pháp về một, một về chỗ nào?” cái chỗ nào đó cũng là dấu hỏi. “Trước khi cha mẹ chưa sanh, mặt mũi bỗ lại của ta ra sao?” cái ra sao đó cũng là dấu hỏi. “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, là cái gì?” khi đưa ra câu hỏi mà không biết, tức khởi lên nghi tình. Hỏi câu thoại để kích thích nghi tình, chứ không phải lấy câu thoại làm mục tiêu để tìm hiểu đáp án. Nếu tìm hiểu đáp án của câu thoại là sai lầm, chẳng phải tham thiền.

Tham Thiền gọi là “Khán thoại đầu” và “tham thoại đầu”. Khán tức nhìn; chẳng phải dùng con mắt nhìn, là dùng tâm nhìn, nói đúng hơn là dùng tánh thấy để nhìn. Vừa nhìn vừa hỏi câu thoại để kích thích khởi lên nghi tình, nếu không có nhìn thì nghi tình vừa khởi liền mất, nên phải Khán phải Nhìn để giữ nghi tình được kéo dài.

Nhìn và hỏi phải một lượt, chẳng có trước sau. Có người nghe tôi nói như thế, tưởng là phải đồng thời có hai tâm, tức một tâm để nhìn, một tâm để hỏi. Tôi nói “chẳng phải hai tâm, cũng chẳng phải một tâm”, vì thoại đầu là chưa có niệm nào hết, chẳng

hình tướng số lượng để diễn tả. Và lại, nhìn là dùng tâm nhìn, hỏi là dùng tâm hỏi, cũng chẳng có hình tướng số lượng diễn tả, cho nên hành giả cảm thấy khó hiểu.

Nay tôi dùng những gì có hình tướng số lượng diễn tả, chứng tỏ là một lượt, chẳng có trước sau, cũng chẳng phải hai tâm hay một tâm:

- Tôi đem đồng hồ kim gió thay cho thoi đầu, kim gió nhảy một cái là một giây, không có gián đoạn. Con mắt mình nhìn ngay kim gió, con mắt đang nhìn, kim gió đang nhảy; con mắt nhìn không ngừng, kim gió nhảy cũng không ngừng, hỏi “trước khi kim gió là cái gì?” cũng không ngừng, vừa hỏi dứt hỏi nữa, liên tiếp không ngừng, ba cái đồng thời, là một lượt, chẳng trước sau, nên không phải là hai hay một. Cho nên nói “nhìn” và “hỏi” là một lượt, chẳng có trước sau.

Khi nhìn đến nghi tình giữ được rồi, không cần hỏi cũng được, chỉ nhìn và giữ nghi tình, nuôi nghi tình cho cực mạnh, như bom bong bóng, bom đến cực độ bong bóng tự nổ, lúc bong bóng nổ tức nghi tình vỡ, gọi là kiến tánh thành Phật, lúc đó chẳng còn gì để nghi nữa, gọi là đoạn dứt nghi căn, tiếng Hán gọi “đốn đoạn nghi căn”, tức căn bản của sự nghi sạch hết, cái biết khắp không gian thời gian, chẳng còn thiếu sót. Kinh nói “Một giọt mưa ngoài hằng sa thế giới đều biết”, tất cả chúng sanh, hễ một chúng sanh nổi một niệm gì đều biết, gọi là Chánh Biến Tri.

Sao gọi Chánh Biến Tri? Chánh là đúng với thực tế, Biến là phổ biến không gian thời gian chẳng thiếu sót, Tri là biết.

Mục đích tham thiền: muốn hiện cái biết Chánh biến tri, thì phải ngưng cái biết của bộ não. Cái biết của bộ não ví như mây đen, cái biết của Chánh biến tri cũng như ánh sáng mặt trời chiếu khắp không gian thời gian. Sở dĩ chúng ta không thấy được ánh sáng mặt trời, là do bị mây đen che khuất, chứ chẳng phải ánh sáng mặt trời có thiếu sót gián đoạn. Nếu có gió lớn thổi tan đám mây, hễ thổi tan một chút là như có một lỗ nhỏ thì ánh sáng từ lỗ nhỏ đó hiện ra. Sự hiện ra đó chẳng phải là mới hiện, là đã hiện từ vô thủy, chỉ vì bị mây đen che khuất thôi. Nếu thổi tan sạch thì ánh sáng chiếu khắp.

Ánh sáng mặt trời dụ cho cái biết của Phật tánh, mây đen dụ cho cái biết của bộ não, gió lớn dụ cho nghi tình. Nghi tình của mình sẽ dẹp hết mây đen, cái biết của Phật tánh hiện lên, chiếu khắp không gian thời gian, cái dụng cũng vậy. Hành giả tham thiền không cần tìm hiểu câu thoại, chỉ cần giữ cái không biết của nghi tình là được.

Hỏi: Qua câu thoại đầu, quyết định đời nay phải thấy Phật tánh, con để tâm vào nơi phát xuất câu hỏi trong đầu, và con đã định tâm được, vậy có đúng với Thiền tông không?

Đáp: Không đúng, Bát nhã đâu thể cây được! Bát nhã là trí huệ của Tự tánh đã sẵn từ đời nào, chẳng phải do cây hoặc trồng lên. Ấy là cái thuyết của Giáo môn, còn Thiền môn chỉ là phát hiện thôi. Mặc dù nói kiến tánh thành Phật, nhưng đến khi kiến tánh rồi mới biết chẳng có Phật để thành.

Hỏi: Người tham thiền phải quên và không biết thì làm sao tham khảo kinh sách?

Đáp: Đã dùng không biết để tu, còn muốn biết về kinh sách làm gì? Nói vậy cũng mâu thuẫn, như hiện nay tôi đang dịch kinh Lăng Già, và trước kia tôi đã dịch các kinh Thủ Lăng Nghiêm, kinh Viên Giác, kinh Kim Cang... Tại sao tôi phải dịch kinh? Vì hiện nay chúng ta chưa tin Phật tánh sẵn đủ của mình, phải nhờ kinh Phật, nhờ Thánh ngôn lượng, tức dùng ngôn thuyết của bậc Thánh để tăng trưởng lòng tin, tin tự tâm của mình, nên mới cần đọc kinh xem kinh. Nếu lòng tin tự tâm đã đủ 100% thì tất cả mọi thứ đều là dư.

Khi lòng tin đầy đủ thì sự thực hành mới mau có hiệu quả, Tổ sư nói “Tin có mười phần thì sự nghi mới có mười phần; nghi được mười phần thì sự ngộ mới được mười phần”. Cho nên, bắt đầu từ chỗ tin, tin tự tâm sẵn đủ tất cả chẳng thiếu sót, chỉ cần thực hành để phát hiện nó thôi.

Hỏi: Vì con tu theo pháp môn Tổ Sư Thiền, nhưng gia đình không hiểu, chồng con đánh đập chửi mắng, đến nỗi con phải xin ly dị, vậy con có lỗi không?

Đáp: Trong Giáo môn có sáu ba-la-mật, và nhẫn nhục là một trong sáu ba-la-mật đó. Cái cùng tốt của Nhẫn nhục ba-la-mật là không biết nhẫn nhục. Nếu tự còn biết mình đang nhẫn nhục, ấy chẳng phải thật nhẫn nhục; còn cái thật nhẫn nhục là nghe người ta chửi mắng đồng như khen ngợi, chẳng biết là do mình có sự nhẫn nhục. Nếu nghe tiếng chửi mắng đồng như khen ngợi thì đâu cần nhẫn nhục nữa! Ấy mới thật sự đạt đến cùng tốt của nhẫn nhục vậy. Chỉ cần giữ được nghi tình miên mật, chẳng biết tới người ta đang sỉ nhục chửi mắng.

Hỏi: Kiến giải thế nào là thật sự kiến tánh? Kiến giải thế nào là chưa thật sự kiến tánh?

Đáp: Nếu có một chút kiến giải là chưa kiến tánh, vì còn trụ nơi kiến giải, tức có hai chữ “cho là”. Bất cứ cho là cái gì, cho là Niết bàn, cho là Phật... đều chưa phải kiến tánh.

Hỏi: Khi có người chết, gia đình thường cúng cơm, vậy người chết có ăn được không? Nếu không cúng, người chết có bị đói không?

Đáp: Người chết rồi chỉ còn cái xác, thiêu thì thành tro, chôn thành đất, đâu còn biết ăn! Người thế tục theo truyền thống đời xưa nói có linh hồn, nhiều phật tử cũng tin là có linh hồn, nhưng chính giáo lý của phật giáo không thừa nhận linh hồn, chỉ thừa nhận thân thức. Tại sao? Theo sự tưởng tượng của người thế gian, cho linh hồn theo cơ thể biến đổi, như trẻ con chết thì linh hồn là trẻ con, người lớn chết thì linh hồn người lớn... Nếu theo cơ thể biến đổi thì cơ thể đã chết mất, linh hồn cũng chết theo. Đức Phật trong kinh Lăng Nghiêm đã chứng tỏ “Những gì có biến đổi lay động phải chết mất, còn cái tồn tại vĩnh viễn thì không lay động, nên không thể chết”. Linh hồn đã theo cơ thể biến đổi thì đâu thể tồn tại được!

Nói đến vấn đề ăn, trong kinh Lăng Nghiêm có bốn thứ ăn: Loài người và thú thì ăn những thứ có thật chất, có loài chỉ ăn qua ngửi mùi, có loài chỉ tiếp xúc gọi là ăn, có loài chỉ xem, ví như xem sách, ăn những trí thức trong đó. Cúng cơm là vật chất, phải có thân xác mới ăn được, chẳng có thân xác lấy gì để ăn? Cho nên, nói cúng chỉ là tỏ lòng hiếu thảo, kỷ niệm và ghi nhớ ông bà thì được, nhưng người có tu hành thì có sự cảm ứng. (Sư phụ kể về câu chuyện Huỳnh Đình Kiên, xem trang 52)

Hỏi: Con đi làm công đức gieo duyên các nơi, mọi người trong gia đình đều ủng hộ, ví như con trồng một cây, đến lúc có trái, cả gia đình con đều được hưởng hay chỉ một mình con được hưởng?

Đáp: Những người thấy người khác bố thí mà phát tâm tùy hỷ, phước đức bằng với người bố thí, huống là có sự góp sức, thì quả đều bằng nhau.

Hỏi: Những vị Tổ đã kiến tánh, ngoài việc có thân thông ra, vẫn đói ăn khát uống như người thường, đâu có gì đặc biệt?

Đáp: Đặc biệt ở chỗ sanh tử tự do, muốn sống muốn chết đều tự do. Ví như có một vị Tổ, đang sống khỏe mạnh chẳng bị bệnh gì, bỗng tự tập đồ chúng đả tiệp chia tay, ăn xong tự mình nằm trong quan tài, bảo đồ chúng đây nắp lại đem đi thiêu. Các đệ tử

thấy thầy mình vẫn khỏe mạnh, trong tâm nghi ngờ, chỉ dậm nắp hòm lại, không dám đóng đinh, cũng chẳng đem đi thiêu. Ba ngày sau, không biết thầy mình ra sao, bèn hé mở nắp hòm, Tổ ngồi dậy mắng chúng một trận, nói: Các người theo ta đã lâu, còn không tin ta sao!

Nói xong bước ra khỏi quan tài, lại đãi tiệc, ăn xong nói: Tiệc này gọi là tiệc ngu si, bởi các người quá ngu si. Sau này nhất định phải nghe theo lời dặn của ta, đem quan tài đi thiêu. Ai còn lén mở nắp hòm thì chẳng phải đệ tử của ta.

Đến lần thứ hai các đệ tử mới thật sự đem đi thiêu.

Hỏi: Thế nào là đời sống bị ràng buộc, thế nào là đời sống an vui giải thoát?

Đáp: Hễ chấp thật thì bị ràng buộc, không chấp thật tức được an vui. Cũng như tôi nói về thế lưu bố tướng và trước tướng. (*Sư phụ giảng về thế lưu bố tướng và trước tướng, lược qua*).

Hỏi: Thế nào là Thiên cứu cánh và thế nào là thiên phương tiện?

Đáp: Nói cứu cánh trong Thiên tông là phá mặt hậu lao quan, tức bản thể của Phật tánh và diệu dụng đều hiện khắp không gian thời gian, tất cả tập khí phiền não đều dứt sạch, gọi là cứu cánh, Nếu chưa đến bậc đó chưa được gọi là cứu cánh.

Hỏi: Sau khi Phật nhập Niết Bàn bao lâu thì kinh điển Phật được kết tập? Cả kinh Đại thừa và Tiểu thừa cùng kết tập một lúc hay có trước, sau?

Đáp: Các kinh Đại thừa liễu nghĩa và kinh Tiểu thừa không kết tập một lượt, nay các nước Tiểu thừa không công nhận có Đại thừa. Năm 1974, tôi đi thăm Thái Lan hơn một tháng, gặp các sư Thái Lan và Tích Lan. Nước Tích Lan lấy Phật giáo làm quốc giáo, tất cả quan chức đều là Phật giáo đồ, nhưng không biết có Phật A Di Đà, luôn cả hiệu Phật cũng không biết! Lại nữa, Tu sĩ các nước Tiểu thừa chỉ thọ giới Tỳ-kheo, không thọ giới Bồ tát.

Trước kia, Phật thuyết pháp Tiểu thừa bằng tiếng Pali, tiếng Pali là tiếng địa phương, chỉ có âm, không có chữ, truyền đến Thái Lan thì dùng chữ Thái viết ra kinh Pali, truyền đến Tích Lan cũng vậy. Ngoài ra, nước Campuchia, Lào v.v... đều dùng chữ của nước họ viết ra kinh Pali. Còn Phật thuyết Đại thừa bằng Tiếng Phạn.

Chớ nói giữa kinh Đại thừa và Tiểu thừa có sự khác biệt, chỉ nói trong kinh Tiểu thừa thôi cũng có khác. Lúc kết tập Tiểu thừa thì giống nhau, sau đó chia thành hai bộ, tức Thượng Tọa Bộ và Đại Chúng Bộ; hai bộ đó lại chia thành 9 bộ phái và 11 bộ phái, thành ra Tiểu thừa có 20 bộ phái khác nhau, nhưng tất cả đều không thừa nhận có Đại thừa.

Cũng như nay ở Đại Học Vạn Hạnh Việt Nam, Hòa thượng Minh Châu dạy về pháp Tiểu thừa, lấy kinh Pali làm Đại Tạng Kinh, trong đó không có kinh Đại Thừa. Còn trong Đại Tạng Kinh của Đại Thừa thì bao gồm cả Đại, Trung, Tiểu thừa.

Nay chỉ nói về ngày sanh của Phật Thích Ca, cũng có mấy mươi thuyết khác nhau, đến gần đây, Hội Phật giáo Thế Giới họp tại Campuchia mới thống nhất ngày lễ Phật Đản vào 15 tháng 4, còn ở Trung Quốc thì mừng 8 tháng 4.

Về Phật lịch, tính theo Thiên tông thì năm nay là 3021 năm, còn theo Phật lịch Tiểu thừa là 2537 năm, chênh lệch cả mấy trăm năm.

Có Phật tử hỏi tôi về Phật lịch, rốt cuộc là 2537 năm? Hoặc như kinh Pháp Hoa nói là từ vi trần kiếp trước? Hoặc 3021 năm? Cái nào đúng? Tôi nói: Nói đúng thì tất cả đều đúng, hễ nói sai thì tất cả đều sai!

Chính Đức Phật đã nói là “Vô thi”, tức chẳng có sự bắt đầu, cũng là nghĩa vô sanh. Nếu có sự sanh khởi, tức phải có bắt đầu, vốn là chẳng có sự sanh khởi, làm sao có bắt đầu? Chẳng những con người không có sự bắt đầu, tất cả vũ trụ vạn vật đều không có lý bắt đầu.

Nhưng nay chúng ta thấy có sự sanh diệt rõ ràng, có sự bắt đầu rõ ràng, vậy cái bắt đầu đó từ đâu? Phật nói ấy là do bệnh nhệm mà thấy có hoa đóm trên không. Cũng trong kinh Lăng Nghiêm, Phật nói với A Nan:

- Nay người thấy có người có ta, thấy núi sông đất đai, vũ trụ vạn vật, đều là bệnh đã thành từ vô thi, do tâm tạo mới có.

Sự thật chẳng phải là không có, chỉ là không có sự bắt đầu; không có sự sanh khởi chứ chẳng phải đoạn diệt hoàn toàn chẳng có gì cả.

Hỏi: Sức kỳ diệu của tâm như thế nào?

Đáp: Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật nói “Nhất thiết duy tâm tạo”, tôi mới vừa nói “Vô thi vô sanh”, nay thấy có sự sanh là do tâm tạo, cho đến đù thứ sai biệt đều là do tâm tạo. Sức tâm của chúng ta rất kỳ diệu, nếu phát huy ra, như Đại Trí Độ Luận nói “nổi lên một niệm có thể làm đại thiên thế giới tan rã thành hạt bụi”, mạnh hơn bom nguyên tử không biết bao nhiêu triệu lần. Bởi bản thể của tâm khắp không gian thời gian, thì sức dụng cũng khắp không gian thời gian, chẳng có gì hạn chế nổi.

Hỏi: Trong Hư Vân Niên Phổ có ghi: Sau khi kiến tánh, ngài Hư Vân vẫn còn áp dụng những Dịch lý, xem phương hướng để xây dựng các đại tông lâm, xây tháp cho các vị Tổ v v... Sau khi đi quyên tiền, Ngài có nhập định một lần để thuyết pháp tại nước Xiêm (Thái lan), 9 ngày mới xuất định, sau đó bị chứng tê bại, chính ngài có cầu đảo thần y Hoa Đà để trị bệnh. Tại sao người đã kiến tánh còn có thể tin việc thần quyền cầu đảo?

Lại nữa, mỗi khi ngài Hư Vân đi đến đâu đều có hiện tượng ứng điềm lành, ví như vườn cải xanh có thể hiện thành hoa sen xanh, cây khô trở hoa, cây hoa mai mọc hoa sen v v... Xin hỏi, đó có phải cảnh trí Thánh vượt khỏi phàm tình? Thay vì như Sư phụ nói là nhân nào quả nấy, cây lý sanh ra lý, cây đào sanh ra đào?

Đáp: Tự tánh bất nhị, chẳng hình tướng số lượng, chẳng phải bộ não có thể nhận biết được. Tại sao? Vì bộ não này là sanh diệt, sau khi chết đều biến thành tro thành đất, còn Phật tánh là vô thi, chẳng sanh diệt. Cái biết của Phật tánh là Chánh biến tri, nên biết được cái biết của bộ não, cái biết của bộ não chẳng thể biết được cái biết của Phật tánh.

Tất cả câu hỏi của Sư đều là cái biết của bộ não.

Lại nữa, sự kiến tánh cũng có sâu và cạn, như Sơ quan, Trùng quan, Mật hậu Lao quan, không phải kiến tánh liền triệt để. Dẫu cho kiến tánh triệt để, vẫn còn tập khí. Theo Giáo môn, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, đến Thập Hồi Hướng, tập khí thế gian dứt sạch rồi mới lên Sơ địa, nhưng vẫn còn tập khí xuất thế gian, phải đến Diệu Giác mới hết tập khí.

Người phá Lao quan đến cùng tột, tập khí thế gian còn chưa dứt, huống là tập khí xuất thế gian! Người kiến tánh thì sự ngộ bằng Đẳng giác, nhưng tập khí còn, nên thần thông không hiện ra được, phải qua sự bảo nhiệm, tự động dứt tập khí. Hễ tập khí còn thì việc làm đều giống người thế gian, đâu có gì lạ!

Lại nữa, có Bồ tát hiện nghịch độ, là tạo tội còn hơn người đời. Thuận độ thì người đời dễ tin, nhưng vì phương tiện hóa độ chúng sanh, chứ chẳng phải người kiến tánh

rồi còn tệ hơn người đời. Chúng ta còn là phàm phu, chẳng thể dùng sự hiểu biết của mình đoán mò bậc Thánh. Kinh Lăng Nghiêm nói “Tất cả hiểu biết đều là vọng”, đều không có thật.

Hỏi: Thế nào là công phu cách vật và đến lúc vật cách?

Đáp: “Cách vật” là lời nói của nhà Nho, gọi “Trí tri cách vật”. Ngài Đại Huệ muốn phá sự chấp của nhà Nho, nên nói “vật cách”, chứ chẳng phải có nghĩa lý gì. Tổ Sư Thiên là dùng cái không biết để tu, làm sao biết đến cách vật hay vật cách! Nếu biết đến cách vật hay vật cách là không có công phu, vì công phu chỉ có nghi tình, không biết đến cái khác.

Hỏi: Làm thế nào để đạo lực chuyển được nghiệp lực?

Đáp: Nếu giữ được nghi tình, có công phu thì nghiệp lực cũng không biết, đạo lực cũng không biết. Vì tự tánh bất nhị, bất nhị thì không có đạo lực, cũng không có nghiệp lực. Vốn là chẳng có hai thứ này, nên nói tất cả do tâm tạo. Nay cho là có nghiệp lực, cho là có đạo lực, đều là “cho là”, có “cho là” thì chẳng phải công phu vậy.

Lời của chư Tổ chỉ là dùng để phá chấp, như bài kệ của Lục Tổ phá chấp của Thần Tú “Bỏ lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai”, nếu chấp vào “bỏ lai vô nhất vật” cũng là kiến chấp, cũng là có sở trụ, chẳng phải bản thể vô trụ.

Nói tóm lại, xem Kinh và Ngữ lục của Tổ sư, hễ ngộ thì ngộ ngay lúc đó, nếu chẳng ngộ tức không hiểu, cứ giữ cái không hiểu đó, gọi là nghi tình, sau này sẽ được ngộ, chứ đừng cho là thật có cái nghĩa lý rồi đi tìm hiểu, ấy là nghịch với Tổ Sư Thiên.

Hỏi: Làm sao thoát khỏi nghiệp nhân quả đã tạo?

Đáp: Chỉ cần giữ nghi tình không hiểu không biết, do nghi tình chấm dứt tất cả biết của bộ não, đưa mình đến chỗ kiến tánh. Sau khi kiến tánh triệt để rồi, tất cả nghiệp chướng đã tạo trước kia đều tự tiêu. Tại sao? Vì trước kia là chưa thức tỉnh, còn ở trong chiêm bao, phải chịu nhân quả trong chiêm bao, nếu đã kiến tánh, tức nhảy ra ngoài chiêm bao, thì nhân quả trong chiêm bao tự dứt. (*Sư phụ giảng về nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao, lược qua*). Cho nên, chỉ cần lo mình làm sao đến kiến tánh, ngoài ra khỏi lo gì cả.

Hỏi: Chư Tổ dạy rằng “Công phu bắt đầu từ đa tâm đến thiểu tâm, nhất tâm rồi vô tâm”. Vậy chúng con phải nương theo đó để biết tiến triển của công phu, hoặc chỉ giữ nghi tình mà thôi?

Đáp: Đây là lời của ngài Lai Quả, nhưng ngài cũng nói “Nếu nói là vô tâm thì lấy gì để biết?” Tôi cũng thường nói có “cho là” tức đã nổi niệm biết. Mục đích của mình là khán thoại đầu, tham thoại đầu, thoại đầu là không biết, vậy còn muốn biết những thứ đó làm gì? Cứ muốn biết hoài thì làm sao đến chỗ vô tâm?

Hỏi: Sư phụ dạy dùng tâm nhìn chỗ không biết, nhưng con nhìn một hồi, biết là tâm con đang nhìn, vậy cái biết đó là tâm hay bộ não?

Đáp: Là bộ não biết hay tâm biết, hai cái đều dùng biết mới là nghi tình. Bây giờ cho cái gì là tâm? Cho cái biết của bộ não gọi là vọng tâm, cái biết của Phật tánh gọi là chơn tâm?

Thật ra, con người chỉ có cái tâm khắp không gian thời gian, chẳng vọng tâm với chơn tâm, do có bộ não phân biệt gọi là thức, vì có thức phân biệt, mới có vọng tâm và chơn tâm, cũng như mặt mũi chỉ là một, khi bệnh thì hiện tướng xanh vàng ốm

yếu, khi mạnh thì hiện ra tướng hồng hào. Khi hiện ra tướng bệnh thì tướng mạnh bị che khuất, hiện ra tướng mạnh thì tướng bệnh không còn nữa. Dù tướng bệnh hay tướng mạnh, cũng chỉ là mặt mũi này thôi, chẳng phải có cái khác.

Hỏi: Trong kinh Viên Giác, Đức Phật nói “Nếu chúng sanh thời mạt pháp muốn cầu Thiện tri thức, phải tìm người có chánh kiến, xa lìa nhị thừa, tâm chẳng chấp tướng, và không còn tác chỉ nhậm diệt”. Con nghi rằng nếu tâm chẳng chấp tướng, có thể sai phạm luật nghi không? Thế nào là bốn bệnh tác, chỉ, nhậm, diệt?

Đáp: Tôi thường nói: Chúng ta đang ở trong mở mắt chiêm bao, phải từ mở mắt chiêm bao thức tỉnh, tất cả khổ trong chiêm bao mới được chấm dứt. Cho nên, việc cần thiết là phải thức tỉnh từ mở mắt chiêm bao. Nói là “thành Phật” thì Phật tánh đã thành sẵn, chỉ là phát hiện cái đã thành sẵn, đó gọi là “kiến tánh”, tức hiện bản tánh đầy đủ tất cả năng lực đã sẵn ấy, chứ chẳng phải do tác mà thành, nên nói ‘tác’ là bệnh; ‘Chỉ’ cũng vậy, chẳng phải do chỉ mà thành; ‘nhậm’ là bệnh mặc kệ, diệt cũng thế. Tất cả vốn đã sẵn, nên tác, chỉ, nhậm, diệt đều là bệnh. Nay nói tâm chấp tướng hay tâm không chấp tướng đều lọt vào tứ cú, đều do vọng tưởng của mình tạo ra, phải lìa hết, kể cả chấp hay chẳng chấp.

Hỏi: Trong lúc công phu bị hôn trầm phải thế nào?

Đáp: Hành giả tham Thiền có hai tướng: Hôn trầm và tán loạn. Vọng tưởng nổi lên nhiều là tán loạn, vọng tưởng bớt mà cảm thấy buồn ngủ, gọi là hôn trầm. Có câu thoại đầu phải có nghi tình, khi nghi tình mạnh thì chẳng hôn trầm, lúc nghi tình yếu mà vọng tưởng bớt đi, dễ lọt vào hôn trầm.

Hành giả tham thiền phải lìa hai tướng này, tức bình thường tham không bị hôn trầm tán loạn thì mắt hơi mờ, khi cảm thấy hôn trầm phải mở to hai mắt. Nếu vẫn còn thấy hôn trầm, phải dùng nước lạnh rửa mặt hoặc đứng dậy đi kinh hành, hay kiếm công việc làm.

Thời Xuân Thu có ông Tô Tần muốn chống lại sự hôn trầm, đã cầm cây dùi đâm thẳng vào bắp chân!

Nay trong lúc tọa hương giữa đại chúng, không thể đứng dậy đi kinh hành, hễ hôn trầm có thể dùng móng tay tự ngắt vào mình cho tỉnh, hễ tán loạn thì đề câu thoại đầu cho gấp, cho mạnh, để vọng tưởng chẳng nổi lên được. Ấy là tùy theo sự quyết chí của hành giả tự điều chỉnh, chứ không thể nói nhất định được.

Hỏi: Nếu nói Đức Phật không có nhập Niết bàn, là bất sanh bất diệt, thì tại sao Ngài lại còn sanh ra nữa?

Đáp: Câu hỏi của cô là do tư tưởng chấp thật mà có. Theo thực tế của Tự tánh, bản thể khắp không gian thời gian, tức chẳng có hai cái hư không, gọi là bất nhị. Bất nhị thì chẳng thuộc về hữu hay vô, do đó, cho là “có” hay “không” đều là tư tưởng chấp thật. Ví như nói là Phật nhập Niết bàn, có thí dụ trong Kinh rằng:

Một ông thầy thuốc trị bệnh rất giỏi, có ba người con (*dụ cho Tam thừa*), khi ba người con mắc bệnh, phải uống thuốc mới khỏi. Đứa con đầu nghe lời cha, uống thuốc liền khỏi; đứa thứ nhì lúc đầu chẳng tin, nhưng sau đó cũng chịu uống thuốc rồi mới hết bệnh. Chỉ có đứa con út, mặc dù nói là tin, nhưng cứ ỷ lại cha, chẳng chịu uống thuốc ngay. Người cha biết ý của con, liền từ giã các con đi phương xa, và cho người báo tin về rằng ông ấy đã chết, tức nhập Niết bàn. Mất đi sự nương tựa, đứa con út hoảng sợ mới chịu uống thuốc chữa bệnh.

Thật ra, Niết bàn của Phật là phương tiện để độ những chúng sanh như đứa con út vậy.

Hỏi: Địa ngục ở tại thế gian hay ở một cảnh giới nào khác?

Đáp: Tất cả do tâm tạo, ở chỗ nào cũng có, tất cả thế giới đều có. Cũng như nói địa ngục A-tỳ, tức địa ngục Vô gián, từ kiếp này sang kiếp khác chẳng gián đoạn, cho đến thế giới này hoại rồi đời sang thế giới khác vẫn tiếp tục chịu khổ địa ngục. Nhưng tất cả đều do tâm tạo, cho nên, dù địa ngục A-tỳ, nếu đã gieo một hạt giống Phật, trong lúc chịu khổ, thành linh nhớ lại, dù một câu niệm Phật, cũng có thể chấm dứt cái khổ của địa ngục Vô gián, vì tâm đã chuyển biến. Ví như bà mẹ của Mục Kiền Liên, nhờ tâm lực của chư Tăng, khiến tâm niệm bà chuyển biến, liền được thoát khỏi cảnh Ngạ quỷ.

Hỏi: Theo kinh Phật, Nhất Xiển Đề không tin nhân quả và tội phước, luôn phải sống trong địa ngục muôn đời muôn kiếp, vậy cuối cùng những người này có thể thành Phật không?

Đáp: Nhất Xiển Đề mặc dù trước mắt không có lòng tin Phật Pháp, nhưng chỉ là một khoảng thời gian thôi, chẳng phải vĩnh viễn. Tại sao? Vì Nhất Xiển Đề cũng đầy đủ Phật tánh, chủng tử trong Phật tánh đã sẵn thì sau này có nhân duyên khiến tin rồi tu hành thì cũng thành Phật.

Hỏi: Theo học thuyết của nhà Phật, thân hiện tại này vốn do thức biến hiện, phải không?

Đáp: Chẳng những thân hiện tại, mà cả thân quá khứ, thân vị lai cho đến vũ trụ vạn vật, đều do thức biến hiện, nên gọi là Duy thức.

Hỏi: Thân hiện tại này dựa vào đâu được hình thành?

Đáp: Đã nói là vô thì làm sao có chỗ dựa? Như trong kinh Lăng Nghiêm, Phú Lô Na hỏi Phật “Trong Như Lai Tạng vốn là trong sạch, tại sao bỗng hiện núi sông đất đai, tất cả chúng sanh sanh rồi diệt, diệt rồi sanh?”

Phật bảo “Đã nói là vọng thì chẳng thể có tại sao, vọng chẳng có nhân, nếu có tại sao tức chẳng phải vọng”. Phật chỉ trả lời như thế.

Hỏi: Vì muốn dụng công tham thiền, nên ban đêm ráng thức để tu, và ban ngày khi tọa hương thì bị ngủ gục hoặc hôn trầm, phải khắc phục như thế nào?

Đáp: Vậy là không đúng. Theo lời của chư Tổ, hãy buồn ngủ cứ ngủ, ngủ rồi thức dậy mới đủ tinh thần tham. Lúc cần ngủ thì không ngủ, đến lúc tham cũng không đủ tinh thần, thành ra ngày đêm đều tham không được.

Về vấn đề “muốn không cho hôn trầm”, ấy là quá trình của người tu, khi tham đến vọng tưởng ít rồi, tự nhiên sẽ hôn trầm, nên nói “tài, sắc, danh, thực, thù” là ngũ dục đối với người tu hành. Lúc tôi mới nghe như vậy, nghĩ rằng tại sao ngủ cũng là tham dục? Vì bốn thứ trước là ở ngoài thân, hành giả dễ dứt, còn sự ngủ là do sinh lý đòi hỏi, khó dứt, nên đem việc ngủ xếp trong năm thứ tham dục.

Theo kinh nghiệm của tôi, phải tranh đấu đến mấy tháng mới hết. Cho nên, lúc cần ngủ thì cứ ngủ, chứ đừng cố ráng sức. Tu hành khỏi cần ráng, như ngài Đại Huệ nói “Ít phí sức chừng nào tốt chừng nấy”.

Hỏi: Có một vị Tu sĩ khi xuất gia phát nguyện trọn đời đi theo con đường tu hành, nay vì hoàn cảnh phải ra đời, vậy có tội lỗi không? Khi ra đời rồi, vị ấy có thể tiếp tục tu pháp Tổ Sư Thiền không?

Đáp: Vị này phát tâm xuất gia, nay vì hoàn cảnh ra đời, không bằng người giữ bản nguyện ban đầu, tiếp tục tu xuất gia. Nếu sau khi ra đời tiếp tục tu pháp Tổ sư Thiên, thì cũng như những cư sĩ tại gia tu Thiên vậy, tốt hơn so với người không tu.

Theo hoàn cảnh thực tế hiện nay, tôi cảm thấy người nữ tu hành xuất gia muốn tu giải thoát, phần nhiều không bằng người còn tại gia. Cho nên tôi thường khuyên các nữ cư sĩ có tâm muốn xuất gia, bảo họ đừng xuất gia. Như ngài Lục Tổ nói “Chẳng phải xuất gia mới tu, tại gia cũng tu được”, nếu như thân xuất gia mà tâm tại gia, chỉ bằng tâm xuất gia mà thân tại gia, nếu giữ được tâm quyết tử tu hành thì không phân biệt tại gia hay xuất gia.

Theo tôi thấy, người nữ với nhau thường có nhiều ý kiến đối chọi nhau, sanh ra thù ghét lẫn nhau, nên Phật Thích Ca lúc đầu không cho nữ giới xuất gia. Sau Tôn giả A Nan vì người mẹ nuôi của Phật năn nỉ Đức Phật ba lần, Phật mới cho xuất gia, với điều kiện phải hành theo pháp Bát Kinh.

Vì tâm sinh lý của giới nữ rất khó trị, nên Phật chế ra giới luật. Nhiều người cho là không bình đẳng: Tỳ-kheo có bốn tội Ba-la-di, Tỳ-kheo-ni phải có tám Ba-la-di; giới luật của Tỳ-kheo chỉ có 250 giới, Tỳ-kheo-ni đến 348 giới; Tỳ-kheo được phép xuất gia 7 lần, Tỳ-kheo-ni chỉ được một lần. Phật Thích Ca nói là chúng sanh bình đẳng, tại sao chế ra giới luật không bình đẳng? Cùng là loài người với nhau đã không bình đẳng, huống là đối với tất cả chúng sanh! Tại sao?

Vì tâm sinh lý của giới nữ khác hơn nam, ví dụ: Nam giới không mặc áo có thể đi ra ngoài đường, nữ đâu thể được! Nên phải chế thêm giới luật để kèm chế.

Phật Thích Ca đã chế ra giới luật nghiêm ngặt như thế, kèm chế như thế, mà hiện nay bất cứ ở nước nào, Việt nam, Campuchia, Thái Lan, Malaysia... chùa của Tăng mà người nắm quyền lại là Ni, chùa nào cũng như chùa nấy. Sự thật chứng tỏ, giới luật nghiêm như thế vẫn kèm chế không nổi.

Như câu chuyện của ông Huỳnh Đình Kiên, là từ thân nữ chuyển thành nam, làm quan vẫn kiến tánh. Sau khi kiến tánh rồi vẫn làm quan, đâu cần xuất gia mới tu được? Xuất gia là để tiện cho việc hoằng pháp, như ngài Lục Tổ, cư sĩ kiến tánh, đã được truyền y bát làm Tổ, vẫn còn trải qua mười lăm năm mới xuất gia, và xuất gia vì mục đích hoằng pháp. Nếu chỉ là tự mình tu giải thoát thì xuất gia hay không chẳng quan trọng.

Hỏi: Tại sao vọng tưởng nổi lên nếu không suy nghĩ phân biệt thì vọng tưởng liền diệt, nếu vọng tưởng nổi lên mà suy nghĩ phân biệt thì vọng tưởng đó kéo dài không dứt?

Đáp: Nghi tình là không biết, bất cứ vọng tưởng gì nổi lên đều không biết, chẳng những vọng tưởng nổi lên không biết, không có vọng tưởng nổi lên cũng không biết, tức chẳng biết mình là không có vọng tưởng, mới giữ được nghi tình. Bây giờ lại phân biệt là vọng tưởng loại này hay loại kia, còn bảo tôi phân tích nữa!

Tôi đã nói: Pháp môn này dùng cái không biết để tu, giữ nghi tình thì tất cả đều không biết; chẳng những vọng tưởng không biết, chơn lý cũng không biết, Phật, Bồ tát cũng không biết. Tu đến cuối cùng rồi, nghi tình sẽ đưa đến kiến tánh thành Phật, thành Phật rồi thì Bồ đề viên mãn, qui vô sở đắc. Nếu còn sở đắc tức thành Niết bàn của Tiểu thừa, kinh Lăng Già nói “Chẳng có Phật Niết bàn, chẳng có Niết bàn Phật”. Niết Bàn là đối với sanh tử, sanh tử đã chẳng có, làm sao có Niết bàn ư? Cũng như nói “phiền não tức bồ đề”; do có phiền não mới có bồ đề, phiền não đã sạch thì làm sao có

bồ đề! Nên người kiến tánh ngộ rồi đồng như chưa ngộ, vì có sự mê mới có sự ngộ, mê đã hết thì ngộ cũng không còn.

Hỏi: Trong lúc công phu đến cuối cùng của ý thức, câu thoại đầu tự mất, chỉ có nghi tình hiện tiền, nếu sức nghi mạnh, có thể ngộ triệt thấu tam quan. Nhưng trong lúc triệt ngộ, nếu không có thiện tri thức, hành giả có thể tự biết không? Có cần phải thiện tri thức ấn chứng không? Hoặc chưa thấu triệt để, chỉ phá Sơ quan hay Trùng quan, thì hành giả có thể tự biết được không? Làm sao có thể tự thấy được chỗ chưa thấu triệt nếu không gặp thiện tri thức?

Đáp: Theo ngài Nguyệt Khê trong Đại Thừa Tuyệt Đối Luận, cuốn Cội Nguồn Truyền Thừa và Phương Pháp Tu Trì của Thiên Tông, nói “Người đã kiến tánh, hoặc phá Sơ quan, hoặc phá Trùng quan hay Mạt hậu lao quan, nếu lúc đương thời có người Thiện tri thức đã kiến tánh, thì xin vị đó ấn chứng cho, nếu không gặp Thiện tri thức, nên dùng kinh Đại thừa liễu nghĩa hoặc Ngũ lục của Tổ sư ghi trong Truyền Đăng Lục để ấn chứng cũng được”.

Vì nay là thời mạt pháp, người kiến tánh rất ít, có những vị đã kiến tánh rồi, do không có nhân duyên hoằng pháp nên sống ẩn trong rừng núi hay chợ búa mà người ta chẳng biết, nên phải nhờ các kinh Đại thừa như kinh Lăng Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa v... để ấn chứng.

Hỏi: Nếu không dùng kinh điển thì người kiến tánh đó có thể tự biết mình kiến tánh triệt để hay chưa triệt để?

Đáp: Có người biết, có người không biết, vì do tập khí từ lâu đời rất khó dứt sạch. Nếu là người đã dứt tập khí thế gian và xuất thế gian thì tự biết được; còn chưa dứt tập khí thế gian và xuất thế gian thì có người cũng chẳng thể tự biết. Cho nên, trong kinh Lăng Nghiêm, Phật giải thích rất kỹ về 50 thứ ma ngũ âm, dặn Tôn giả A Nan phải giải thích rất kỹ cho người đời sau, khiến chẳng lọt vào cái thuyết của tà ma ngoại đạo. Cũng như nay có nhiều người vì ham thích thần thông, phát được thần thông, tự cho mình đã kiến tánh, mà chẳng biết ma cũng có thần thông, nên phải dùng Kinh ấn chứng.

Hỏi: Khi phá được Sơ quan hay Trùng quan, phải dụng công như thế nào để vượt qua những cảnh giới đó, thấu triệt đến Mạt hậu lao quan?

Đáp: Kiến tánh triệt để tức phá được Mạt hậu lao quan, gọi là đốn dứt nghi căn, tức gốc nghi sạch hết, lúc đó cái biết của tự tánh hiện lên, khắp không gian thời gian, chẳng chỗ nào không biết, chẳng lúc nào không biết. Nếu còn một chút không biết, tức còn có nghi chưa dứt, không phải là dứt sạch nghi căn.

Hỏi: Như vậy là lúc chưa kiến tánh triệt để, nghi tình vẫn còn, phải không?

Đáp: Còn có chỗ không hiểu, chỉ là dứt được phần nhiều, nhưng vẫn còn chút ít. Nếu kiến tánh triệt để thì chẳng còn một chút nào.

Hỏi: Cái biết của Phật tánh là chẳng chấp trước phân biệt, còn cái biết của bộ não là cái biết chấp trước phân biệt, ví như nước và làn sóng. Làn sóng dụ cho cái biết của bộ não bị bát phong thổi lên, nước trong lặng dụ cho thể thanh tịnh của Chơn như Phật tánh, phải không?

Đáp: Thí dụ như thế không đúng, và thí dụ này đã bị ngài Nguyệt Khê bác bỏ: Nước trong lặng chỉ có thể dụ cho vô thị vô minh, tức chỗ thoại đầu, còn làn sóng là vọng tưởng. Nước trong lặng chẳng thể dụ cho bản thể Phật tánh, tại sao? Phật tánh chẳng lay động, gọi là như như bất động, chứ chẳng thể bị gió thổi hoặc làn sóng lay động.

Nếu Phật tánh còn có thể bị gió thổi, nổi lên làn sóng, mà làn sóng là sanh tử luân hồi; Phật tánh còn luân hồi thì tu giải thoát có ích lợi gì?

Hỏi: Giữa Bồ tát Bát nhã và Bồ tát Hoa nghiêm khác nhau như thế nào?

Đáp: Chẳng phải có sự khác nhau giữa Bồ tát Bát nhã và Hoa nghiêm, chỉ khác biệt bởi cấp bậc Sơ địa, Nhị địa, Tam địa đến Thập địa, cho đến Đẳng giác vẫn là Bồ tát. Nay chúng ta thọ giới Bồ tát, dù chưa chứng quả, là học hạnh của Bồ tát, gọi là Sơ học Bồ tát. Hoa Nghiêm và Bát Nhã đều là Kinh, là lời dạy của Phật về cách tu hành, chẳng phải cấp bậc chứng quả, nên chẳng thể nói là khác hay chẳng khác.

Hỏi Thế nào là “tà khởi phiền não tới, chánh đến phiền não trừ, tà chánh đều chẳng chấp, thanh tịnh đến cùng tột” trong kinh Pháp Bảo Đàn?

Đáp: Nếu chấp vào tà kiến như không tin nhân quả, làm điều trái với nhân quả thì phiền não và khổ phải đến, vì tạo ác nhân ắt chịu khổ quả. Còn chánh là dùng để đối trị cái tà, chẳng làm nhân ác thì chẳng phải chịu khổ quả, nên phiền não trừ. Nhưng tà với chánh là tương đối, còn trụ nơi tương đối thì chẳng thể đạt đến giải thoát cuối cùng, vì còn sở trụ, do đó, tà chánh đều quét sạch, chẳng còn sự tương đối, tức nhập vào quốc độ tuyệt đối.

[07] Khai thị tại Thủ Đức.

Hỏi: Thiền tông tại sao nói “té chết rồi phải tan nát”?

Đáp: Phá được Trùng quan đã ra khỏi luân hồi, ấy là do có ngộ, nhưng trong tâm còn giữ cảnh giới ngộ chưa tan rã. Cho nên, dù phá được Trùng quan, chưa đến triệt để, phải phá được Mạt hậu lao quan, cảnh giới ngộ tan rã, sát na đó đến mới là tới cuối cùng, chẳng còn mê nữa, mới được cứu cánh, nên nói “ngộ rồi đồng như chưa ngộ”.

Hỏi: Thế nào là sanh tử tự do?

Đáp: Trong Truyền Đăng Lục có một câu chuyện như sau:

Một vị vua nghe nói có một Thiền sư đã kiến tánh sống ẩn trong núi, bèn sai đại thần rước về Kinh thành xin thỉnh giáo. Đại thần vào núi truyền thánh chỉ của vua, Thiền sư chẳng ngó ngang đến, cũng chẳng chịu đi. Mời một lần, hai lần đều không được, đến lần thứ ba, vua nổi giận lên, bảo: Lần này nếu Thiền sư không đến thì hãy mang cái đầu y về.

Đại thần đến gặp Thiền sư, nói: Kỳ này nếu Ngài không chịu đi, vua ra lệnh phải mang đầu của Ngài về. Dĩ nhiên con chẳng dám lấy đầu của Ngài, nhưng e rằng đầu của con cũng không giữ được! Mong Ngài thương tình, hãy cùng con đi gặp vua.

Thiền sư nói: Vậy mời quan cứ đi về trước, tôi sẽ đi sau.

Đại thần nói: Thôi, xin Ngài hãy cùng đi một lượt để con chăm sóc Ngài.

Thiền sư nói: Cũng được. Rồi quay lại hỏi các đệ tử: Có ai muốn đi cùng thầy không?

Một đệ tử nói: Con xin đi cùng thầy.

Thiền sư hỏi: Mỗi ngày đi được bao nhiêu dặm?

- Năm mươi dặm.

- Không được.

Vị khác nói: Con xin đi cùng thầy.

- Mỗi ngày đi được bao nhiêu dặm?

- Bảy mươi dặm.

- Không được.

Vị khác xin đi cùng, hỏi: Mỗi ngày đi được bao nhiêu dặm?

- Chín mươi dặm.

- Cũng không được.

Cuối cùng, Thị giả nói: Con xin đi cùng thầy.

- Mỗi ngày đi được bao nhiêu dặm?

Thị giả đáp: Con không biết, hễ thầy đến là con đến.

Thiền sư nói: Vậy thì được.

Nói xong liền ngồi ngay thị tịch, Thị giả cũng đứng một bên tịch luôn. Đại thần mới biết uy quyền của vua chẳng thể áp đặt cho Thiền sư. Cho nên sanh tử tự do, tự mình làm chủ được mới dứt hết tất cả khổ. Hễ còn một chút khổ chưa dứt sạch, dù muôn ngàn kiếp sau khổ còn trở lại, cũng chẳng được gọi là tự do tự tại, vì còn bị thời gian số lượng hạn chế. Sự tích cực của Phật Pháp là hiển bày sự dụng chẳng bị hạn chế, không gì có thể so bằng.

Hỏi: Một số sách Thiền ở Việt Nam dẫn chứng rằng Tổ Qui Sơn Linh Hựu chủ trương Thiền Giáo song hành, phải không?

Đáp: Có hai chữ “chủ trương” đã là không đúng rồi, tất cả vốn sẵn sàng, làm sao thêm vào chủ trương được! Hai chữ “cho là” cũng không đúng; cho là “phải” là thị, cho là “không phải” là phi, có thị phi tức sanh ra tranh cãi, làm sao có thể đúng được!

Hỏi: Hiện nay có một số tác phẩm về Thiền học lưu hành tại Việt Nam như Nguồn Thiền của ngài Tông Mật, Chơn Tâm Trực Thuyết, Thập Mục Ngưu Đồ, Thiền Luận của ông Suzuki, Thiền Đạo Tu Tập của Trương Trùng Cơ v... hành giả tham thiền có thể nhờ những tác phẩm trên tăng thêm kiến giải về Thiền học được không?

Đáp: Thiền Luận của Suzuki là giải thích công án, tác dụng của công án là để cho hành giả ngay đó ngộ, nếu không ngộ thì phải phát nghi, rồi từ nghi đến ngộ. Bây giờ đem công án giải thích ra, lấp bích cửa ngộ của hành giả, chẳng những không giúp ích, lại thành chướng ngại, không thể phát khởi nghi tình, gọi là bất nghi bất ngộ.

- Nguồn Thiền là đem Tổ Sư Thiền và Giáo môn hòa lẫn nhau diễn thành giáo lý. Lý đó ở Giáo môn rất cùng tột, nhưng chính vì có cái lý, ở Thiền môn lại thành lý chướng. cho nên, phái Hà Trạch – Thần Hội truyền tới ngài Khuê Phong là tuyệt truyền. Nếu học về Giáo môn thì rất hay, trước kia tôi cũng trích một đoạn trong đó dạy về Giáo môn, nhưng áp dụng cho Thiền môn thì không được.

- Về Thiền Đạo Tu Tập của Trương Trùng Cơ, ông ấy là người tu Mật tông, là giáo sư dạy môn Triết ở Mỹ, nay đã mất. Lúc hai mươi tuổi đi học Mật tông ở Tây Tạng, đối với Tổ Sư Thiền chỉ là nghiên cứu, không có thực hành, đọc sách thiền của Nhật bản, rồi cho Mặc chiếu là của Tông Tào Động, thật là sai lầm. Mặc chiếu là tà thiền, ngài Đại Huệ trong lá Thư Thiền cũng đã chỉ trích về vấn đề này.

[08] 18/12/93–24/12/93 tại Chùa Từ Ân, Quận 11.

Hỏi: Trong pháp hội ngày xưa, các vị Tổ dùng cơ xảo để dạy cho chúng được đạt đạo mà cơ xảo đó mọi người chẳng biết, chính chúng ta cũng không thể chấp vào lời nói đó mà suy nghĩ, ngay cả đôi với văn tự của Sư phụ cũng thế. Nay có một số

huynh đệ lại đem những gì ngoài pháp nhũ của Sư phụ, dạy cho các huynh đệ khác mà chẳng nắm rõ căn cơ trình độ của mỗi chúng sanh như thế nào, ngoài ra họ còn cho là có sở chứng, vậy họ có hiểu được thâm cơ của Sư phụ không?

Đáp: Nói cơ xảo là những vị Tổ kiến tánh mới dùng được, chẳng phải để dạy người, mà là để kích thích đương cơ kiến tánh ngay lúc đó, nếu không thì phải phát khởi nghi tình, sau này sẽ được kiến tánh. Còn tôi thì chưa kiến tánh, chẳng biết dùng cơ xảo. Tôi chỉ ăn đàm giải của chư Phật chư Tổ, rồi đem dạy lại quý vị mà thôi.

Đối với những người chưa chứng chưa đắc mà nói đã chứng, ấy là đại vọng ngữ. Tu sĩ nói vậy là phạm tội Ba-la-di, phải đọa địa ngục. Tại sao phải đọa địa ngục? Vì tác hại rất lớn, chẳng phải chỉ hại 1-2 người, mà là từ người này sang người kia. Cho nên, hại nhiều chùng nào tội lớn chùng nấy; nói đại vọng ngữ chẳng ai tin thì tội còn nhỏ, hễ khiến được một người tin thì tội lớn hơn, khiến được mười người, trăm người tin, tội lại càng lớn.

Hỏi: Trong kinh Pháp Hoa, Long Nữ dâng hạt châu cúng dường hai vị Phật, hạt châu ấy từ đâu mà có?

Đáp: Lời ở trong kinh nói đều là phương tiện để phá chấp chúng sanh. Ví như hàng Thanh văn Tiểu thừa cho rằng người nữ có năm thứ chướng nên không thể chứng quả, Phật muốn phá chấp ấy nên nói Long Nữ thành Phật ngay trước mắt cả triệu chúng. Long Nữ chẳng những là phái nữ, lại thuộc hàng súc sinh, ấy chỉ là phương tiện thí dụ để phá chấp, chỉ cần tu đúng chánh pháp là có thể thành Phật.

Hỏi: Lục Tổ Huệ Năng để lại kinh điển rất nhiều, sao không thấy thờ Ngài; còn Tổ Đạt Ma thì không thấy để lại kinh điển, nhưng chùa nào cũng thờ Tổ?

Đáp: Tổ Đạt Ma là Tổ thứ 28 kiến tánh tại Ấn Độ, đem pháp môn Tổ Sư Thiền truyền qua Trung Quốc, làm Sơ Tổ của Trung Quốc. Nhờ có Tổ Đạt Ma truyền qua Trung Quốc, và từ Trung Quốc truyền sang Việt Nam mới có Thiền Tông, nên các chùa đều thờ Tổ Đạt Ma..

Lời Chư Tổ nói là phương tiện, tùy theo căn cơ trình độ, dạy chúng sanh tu được giải thoát. Thiền tông vì là pháp tu trực tiếp, không qua văn tự lời nói, gọi là “Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”, là dùng cái nghi tình để tu, nên chư Tổ Thiền tông đều không có kinh điển.

Tổ Đạt Ma qua Trung Quốc, vì là Sơ Tổ, lúc ấy chưa ai kiến tánh, chẳng có người ấn chứng, e sợ người đời không tin, nên truyền cho Nhị tổ Huệ Khả cuốn kinh Lăng Già, nói “dùng kinh Lăng Già để ấn chứng” chứ không có trước tác, chỉ là đệ tử ghi lại lời nói của Ngài mà thôi. Trong cuốn “Công án của Phật Thích Ca và Tổ Đạt ma”, cũng có ghi lời của Tổ, Lời của Lục Tổ cũng vậy, kể cả lời của Đức Phật, chỉ do người đời sau kết tập lại những lời dạy thành kinh điển.

Hỏi: Đã nói bất sanh bất diệt, sao lại nói thời nay là mạt pháp?

Đáp: “Lời của chư Phật chỉ tùy theo căn cơ của từng chúng sanh mà nói, gọi là tùy bệnh cho thuốc, nói “Thời mạt pháp” cũng vậy. Như ngài Bác Sơn nói “có thể chuyển mạt pháp thành chánh pháp, chuyển hạ căn thành thượng căn”, chứ chẳng phải nhất định..

Hỏi: Theo giới trẻ thời nay, phần đông chịu sự ảnh hưởng của văn minh về học thuyết duy vật và duy lý của phương Tây, tất cả đều muốn biết một cách cặn kẽ của vấn đề. Theo sách Phật giáo Nguyên thủy cho rằng: Sau khi nhập diệt Vô dư Niết bàn thì không còn sự hiện hữu của Đức Phật Thích Ca hay bất cứ một vị Phật quá

khứ nào khác, đó mới thật sự không còn bị sanh tử luân hồi. Vì theo Phân tâm học của Phương Tây, hễ còn có sự tồn tại trên bất cứ cõi nào, tức còn có tâm trí muốn tồn tại, đó là nguồn gốc của sự sanh tử luân hồi.

Theo Kinh điển của Phật, một khi đã chứng đắc quả A-la-hán hay quả Phật là đi ra khỏi sanh tử. Trong giáo lý Đại thừa, mà Đại thừa là có từ sau khi Đức Phật nhập diệt, xuất phát từ những vị Tổ sư, hoặc căn cứ vào những lời Phật tuyên thuyết, nhưng những bộ kinh Đại thừa thì không được chấp nhận trong Phật giáo Nguyên thủy, cho rằng “Sau khi Phật nhập Niết bàn vẫn còn hiện hữu, đó là do tâm cảm ứng, tức vạn pháp duy tâm, do sức tâm tạo ra cảnh giới thiên đàng địa ngục vv...” Từ đó con có một sự qui kết như sau:

Theo con, những người Âu Mỹ thường đặt câu hỏi với con: Tu đạo Phật là tu cái gì? Đắc quả vị Phật là đắc cái gì? Con trả lời “Tu đạo Phật là tu sự triệt tiêu, đắc quả Phật là đi đến một sự triệt tiêu”. Triệt tiêu ở đây có nghĩa là ra khỏi sanh tử, triệt tiêu ý chí muốn tồn tại muốn sống, ấy mới có thể ra khỏi sanh tử luân hồi. Vậy có đúng không?

Đáp: Hễ có hai chữ “cho rằng” đều là sai lầm. Phật tánh vô thi vô chung, chẳng có “cho rằng” là cái gì, vì không có sự sanh khởi. Nếu có “cho rằng”, ấy là nhận thức của bộ óc, nhưng bộ óc này là pháp sanh diệt, sau khi chết sẽ thành đất thành tro. Còn Phật tánh chẳng sanh diệt, nên người chứng quả gọi là ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhãn. Có “cho rằng” tức có sanh khởi, trái với giáo lý nhà Phật. Lại nữa, nhà Phật chẳng có kiến lập chơn lý, vì Phật tánh đã là chơn lý rồi, nếu kiến lập thêm một chơn lý tức thành hai, như trên đầu mọc thêm đầu, phải mời bác sĩ phẫu thuật cắt bỏ.

Hỏi: Bà nội của con bệnh già nằm hoài, lúc trước con theo pháp môn Tịnh độ, thường rước quý thầy về tụng kinh cầu an, nay con tham thiền, phải làm thế nào cho bà nội bớt nghiệp?

Đáp: Phật Thích Ca cũng chẳng thể làm cho người ta bớt nghiệp, vì nghiệp là nhân quả, ai làm nấy chịu. Nếu người này có thể làm cho người khác bớt nghiệp thì không có nhân quả, nên muốn bớt nghiệp phải tự mình làm.

Hỏi: Nhưng lúc trước bà không biết tu, nay con cháu đem tiền của làm việc thiện, vậy có thể giúp cho bớt nghiệp không?

Đáp: Không được. Con cháu làm thiện bố thí thì con cháu được phước. Nếu sự bố thí đó do bà ấy phát tâm thì bà cũng được hưởng phước quả do bố thí, nhưng cũng chẳng thể khiến tiêu ác nghiệp.

Hỏi: Thế nào là trí huệ và mê trí huệ?

Đáp: Trong Bát Nhã Tâm Kinh có câu “vô trí diệt vô đắc”, chẳng có trí huệ để đắc. Tại sao Phật nói như thế? Vì trí huệ của mình đã sẵn, khỏi cần đắc nữa. Nói “Bát nhã” ấy là trí huệ của Phật tánh, chẳng phải trí huệ của bộ não, tất cả thần thông trí huệ năng lực, mọi chúng sanh đã sẵn có, nên nói “vô trí diệt vô đắc”. Nếu có đắc tức chẳng phải trí huệ.

Khoa học hiện nay phát minh máy vi tính có kỹ năng rất cao, chứng tỏ năng lực của con người sẵn sàng. Nhà khoa học đem năng lực đó phát huy, chế tạo thành các máy móc tinh vi, ấy chỉ thể hiện một phần rất nhỏ của năng lực mà thôi. Thật ra, Phật tánh của mình sở dĩ gọi là Chánh Biến Tri, chẳng chỗ nào không biết, chẳng lúc nào không biết, chứng tỏ năng lực chẳng có số kể, chỉ tại mình không tin nên chẳng thể nhận được.

Hỏi: Tại sao nói “năm đầu sơ tham, năm thứ hai lão tham, năm thứ ba chẳng tham”?

Đáp: Lời này của ngài Hư Vân, nói về những người chẳng phải là chánh nhân. Tại sao chẳng phải chánh nhân? Chánh nhân là phải giải quyết vấn đề sanh tử của chính mình. Người nào cũng sợ già, sợ bệnh, sợ chết, nhưng ai cũng phải trải qua. Vừa rồi có một cụ già nói với tôi “Già cả chóng mặt tham không được, chân yếu đi không được, cứ phải lo hoài”. Tôi nói “Bây giờ tham thiền là muốn giải quyết vấn đề này”. Căn bản tham Tổ sư Thiên là vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ, nay cứ sợ già sợ yếu, thì tuổi tác càng cao, sức khỏe càng yếu, bệnh phải nhiều thêm, đến một lúc nào không thể gánh chịu nữa thì phải chết. Tham thiền là muốn giải quyết vấn đề này trước khi chết.

Nay nhiều người đi tu chẳng phải vì sanh tử, chỉ vì buồn phiền chuyện gia đình, sự nghiệp thất bại mới bỏ đi tu, ấy chẳng phải chánh nhân. Còn vấn đề chóng mặt nhức mỏi, mặc kệ nó, mình tham cứ tham, phải sẵn sàng giờ phút nào, lúc nào ngã chết cũng được, không biết tới.

Hỏi: Xin Sư phụ kể qua câu chuyện của Bàn Cư Sĩ, và thế nào là hỷ xả?

Đáp: Bàn Uẩn là một vị cư sĩ kiến tánh trong Thiên tông, ngài cũng có Ngũ lục truyền đến ngày hôm nay. Cả gia đình Bàn cư sĩ gồm hai vợ chồng, một người con trai và một người con gái, đều kiến tánh. Người kiến tánh sanh tử tự do. Một hôm, Bàn Uẩn bảo con gái: Khi nào mặt trời đúng Ngọ hãy cho ta biết.

Cô con gái biết là cha muốn đi, vào báo rằng: Hôm nay bị nhật thực.

Bàn Uẩn nói: Sao có chuyện kỳ lạ thế!

- Cha không tin thì đi ra xem!

Bàn Uẩn đi ra, người con gái bèn ngồi trên ghế của cha rồi thị tịch.

Bàn cư sĩ đành dời việc mình đến một tuần sau. Lúc đó, ông Tỉnh trưởng cũng là người tham thiền, biết được việc này, đến thăm Bàn cư sĩ, nói rằng: Trước khi ông đi, hãy để lại vài lời cho người đời sau, khiến mau kiến tánh.

Bàn cư sĩ nói: Cái nào đã có nên xả bỏ, cái nào không có chớ nên lấy vào.

Sự thật thì bấy lâu nay Ngài đã thực hành như thế; Ngài vốn là triệu phú, đem tất cả gia tài đổ xuống biển, hằng ngày tự mình đan tre cho cô con gái đem ra chợ bán kiếm sống qua ngày để tu. Mọi người hỏi: Tại sao đem đồ xuống biển quá lãng phí mà không bố thí cho người nghèo?

Ngài nói: Tôi đã bị hại nhiều rồi, chẳng lẽ còn đem hại người khác sao!

Ấy là xả vậy.

Sau khi Ngài thị tịch rồi, Bà Bàn nói “Sao hai người cứ bỏ đi như thế?” Bèn đi đến chỗ ruộng mà người con trai đang làm để báo tin. Lúc đó người con trai đang cầm cuốc để cuốc đất, nghe xong, tựa cầm vào đầu cán thị tịch luôn.

Bà nói “Các người sao ai cũng giành đi trước vậy!” Rồi đi vào núi không còn ai biết tung tích nữa.

Công án về sự kiến tánh của ông Bàn Uẩn như sau:

Bàn Uẩn hỏi Mã Tổ: Người không cùng tất cả vạn pháp làm bạn là ai?

Mã Tổ nói: Đợi ông một hớp nuốt cạn nước Tây Giang thì tôi sẽ nói cho ông biết.

Ngài vừa nghe liền ngộ.

Hỏi: Thế nào là Diệu trạm tổng trì bất động tôn?

Đáp: Chữ Diệu là bất khả tư nghì, suy nghĩ chẳng thể đến. Trạm là hình dung sự trong lặng chẳng chút làn sóng, chẳng động tịnh là trạm, nhưng chưa phải diệu trạm; chẳng dính mắc với động tịnh mới gọi là “diệu trạm”. Nếu giải thích theo Giáo môn, trạm xuất là thức, trạm nhập mà nhập đến không còn chỗ nhập mới tới diệu. Nay nói Diệu Trạm là siêu việt động tịnh. Hai chữ Tổng Trì là tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa. Phật Pháp muốn nói giáo lý phải nói đến nghĩa, Tổng trì là bao gồm tất cả nghĩa, bao gồm tất cả pháp. Bất Động Tôn là biệt danh của Đức Phật.

Diệu trạm tổng trì Bất Động Tôn là tả cảnh giới của Phật, chẳng có gì ở ngoài, cũng như biệt danh “Tánh Không”, chẳng nhúc nhích mà hiển bày sự dụng, tất cả dụng đều không ở ngoài cái Không này.

Hỏi: Thế nào là “tương thử thâm tâm phụng trần sát”?

Đáp: Đây cũng là bài kệ trong kinh Lăng Nghiêm. Thâm là thâm sâu; Tâm Kinh nói “hành thâm Bát nhã Ba-la-mật đa thời”, đây chẳng phải đối với cạn mà nói sâu, mà là siêu việt số lượng. Cũng như trong Kinh hay dùng từ Ma-ha để hình dung cái lớn; dùng Kim Cang hình dung độ cứng; nhưng chẳng phải đối với nhỏ mà nói lớn, đối với mềm mà nói cứng. Vì bản thể của tâm khắp không gian thời gian, nay đem phụng sự vô lượng vô biên cõi Phật, số lượng nhiều như bụi trần. Chúng ta tu hành luôn phải phá ngã chấp, nay đem cái thân này, luôn cả cái tâm cống hiến cho tất cả vô lượng vô biên chúng sanh, sở dĩ có đủ thứ việc xảy ra đều do có cái ngã, nếu thực hiện theo câu này thì đâu còn việc gì xảy ra!

Hỏi: Chúng con tha thiết mong đợi Sư phụ có một Thiên đường để mai sau chúng con được noi theo?

Đáp: Trước kia tôi cũng có ý này, nhưng nay thì chưa được. Tại sao? Vì không có người quản lý, chẳng có mấy người đảm nhiệm chức vụ. Lúc đầu tôi tính gọi một số vị đến Chùa Cao Môn học, nhưng tôi thấy khó lắm. Cho nên, tôi chỉ có thể giúp các chùa nuôi Tăng ni rồi tôi đến dạy. Nay tôi cũng đã già rồi, tôi chỉ lo việc hoằng pháp, được một ngày hay một ngày; đồng thời cũng khuyên các vị ở đây, tự lo cho mình tu giải thoát, chứ đừng lo việc của người khác. Mà lo là lo việc giải thoát, chứ chẳng phải tăng cường ngã chấp, lo cho gia đình con cháu, lo cho mình được hưởng. Chính cái thân này cũng không cần lo, vì dẫu cho lo đến mức nào, cuối cùng cũng phải chết, sau khi chết, thiêu thành tro, chôn thành đất. Lo cho bản thân đã chẳng xong, huống là lo cho gia đình con cháu! Nên phải lo tu đến giải thoát, khỏi bị khổ sanh tử luân hồi nữa.

Hỏi: Thế nào là “Do giác minh thành lỗi lầm” trong kinh Lăng Nghiêm?

Đáp: Trong kinh Lăng Nghiêm có nói đến chữ “minh”; minh là sáng, Phật tánh của mình vốn đã sáng, sáng ấy là diệu sáng, chẳng tương đối. Nay chúng ta nói đến sáng và tối, ấy là tương đối, là sanh diệt. Vì hễ có tối thì chẳng sáng, có sáng thì chẳng tối. Còn cái sáng của Phật tánh chẳng phải sự sáng tối mà bộ óc có thể nhận biết được, nay mọi người đuổi theo mặt chữ, có sáng thì có chiếu soi, từ đó sanh ra năng sở, cho sáng là năng chiếu, chỗ đen tối là sở chiếu, nên Kinh nói “Hễ lập ra cái sở thì tánh chiếu bị đánh mất, chẳng phải cái sáng của Phật tánh, mà thành cái sáng có sanh diệt. Sanh diệt là luân hồi, nên thành lỗi lầm”.

Hỏi: Như vậy là do con người đuổi theo lời nói thành ra lỗi lầm?

Đáp: Đúng vậy, hễ đuôi theo lời nói đều sai, vì do bộ óc suy nghĩ, nên Kinh nói “Phàm là lời nói đều chẳng có nghĩa thật”.

Hỏi: Tại sao Phật nói nghĩa nhân duyên chẳng phải rốt ráo?

Đáp: Nghĩa rốt ráo chẳng có tương đối, gọi là bất nhị, nghĩa này phải tự ngộ, dùng đầu óc tìm hiểu không được. Vì sự biết của bộ não là sanh diệt, dù con người có thể sống đến hai trăm năm, nhưng hễ chết là không biết rồi. Còn cái biết của Phật tánh không có chết, khắp thời gian, là vĩnh viễn, nên cái biết của Phật tánh biết được cái biết của bộ não.

Hỏi: Trong Tham Thiền Phổ Thuyết có câu “Trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, chư Phật và chúng sanh chỉ cách nhau một cái vọng tưởng: Hữu tâm thì thành chúng sanh, ly tâm tức thành chư Phật”, ý đó như thế nào?

Đáp: Chơn tâm Phật tánh của mình vốn chẳng nhúc nhích, hiển bày sự dụng mà chẳng lay động, vì không lay động nên không biến đổi sanh diệt, cũng như tánh thấy không lay động, mà chúng ta thấy được vật là nhờ tánh thấy. Nếu hữu tâm tức đã nổi niệm, như trong kinh Lăng Nghiêm nói “tri giác nãi chúng sanh”; Phật nói với A Nan “Nay người thấy ta, thấy vũ trụ vạn vật... đều là kiến bệnh đã thành từ vô thi”, ấy là hữu tâm.

Tất cả những gì do bộ não nhận biết được đều là tướng bệnh, nên Tâm Kinh nói “Vô lục căn, lục trần, lục thức... cho đến vô Tứ diệu đế, vô Thập nhị nhân duyên, vô lão tử, vô trí diệc vô đắc”, đều dùng chữ Vô để quét sạch. Nếu hữu tâm thì tất cả đều có, có tức thành bệnh. Hễ hết sạch cái Có thì tướng mạnh hiện lên, tướng mạnh tức Phật tánh, cũng là chư Phật. Sở dĩ có tướng bệnh là do vọng tưởng, cho nên chỉ cách nhau bởi vọng tưởng.

Theo người thường thì cho rằng: Suy nghĩ việc ác mới là vọng tưởng, suy nghĩ việc thiện tại sao cũng là vọng tưởng? Kỳ thật, suy nghĩ việc thiện thì vọng tưởng sạch, suy nghĩ việc ác thì vọng tưởng dơ, thuộc cấu bẩn, nhưng cũng là vọng tưởng, trong Kinh nói tịnh duyên là thiện và nhiễm duyên là ác. Cho nên, bất cứ suy nghĩ việc thiện việc ác đều là vọng tưởng, còn cái biết của Phật tánh chẳng có sạch dơ, chẳng tương đối.

Sư phụ khai thị đại chúng:

Đối với thời gian trong Thiền thất rất quý, qua đi một ngày là mất đi một ngày, cũng như quý vị thường đọc tụng vào buổi chiều “một ngày đã qua, như cá cạn nước”, chúng ta đến dự Thiền thất là muốn giải quyết vấn đề sanh tử của mình, phải thiết tha vì việc sanh tử. Cho nên chúng ta đừng cô phụ những ai đã phát tâm hộ Thiền thất cho mình, những người phát tâm cúng dường, người lo bếp núc nấu nướng, kể cả chính quyền phải lo bảo vệ an ninh, Giáo hội phải chịu trách nhiệm cho Thiền thất, cho đến Long thiên hộ pháp cũng âm thầm hộ vệ cho mình. Phải siêng năng tinh tấn mới không phụ lòng mọi người giúp đỡ cho mình. Bởi vì việc sanh tử là việc của chính mình, chẳng phải việc của người khác. Mọi người tạo điều kiện giúp đỡ để có được đạo tràng cho chúng ta tu tập đến kiến tánh giải thoát tất cả khổ, đạt đến tự do tự tại.

Hỏi: Sư Phụ nói tu pháp Tổ Sư Thiền phải phá ngã chấp, vậy xin khai thị về phạm vi của ngã chấp rộng như thế nào?

Đáp: Trong phần sau của Đường lối thực hành, tôi có thêm vào mục tin tự tâm và phát nghi tinh. Thế nào là tin tự tâm? Nói “tự tâm” tức chơn tâm Phật tánh của mình, phải tin rằng tất cả thần thông trí huệ đều bằng như chư Phật, nay chúng ta chỉ cần phát hiện và ứng dụng thôi.

Bản thể Phật tánh cùng khắp không gian thời gian, ngoài không gian chẳng có không gian, ngoài thời gian chẳng có thời gian. Vì hư không chẳng hai hư không, tất cả vũ trụ vạn vật đều ở trong tâm mình chứ không có ở ngoài, tất cả đã sẵn trong tâm thì đâu cần cầu nữa? Cũng chẳng có chỗ để cho cầu, vì đâu có gì ở ngoài cho mình cầu mình đắc? Nếu tin được như thế, tự nhiên thực hành được chín chữ “vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ”. Hễ còn có sở cầu sở đắc sở sợ tức chưa phá ngã chấp.

Phật tánh đã khắp hư không thì chẳng có ta và người, vì bất nhị; nếu thấy lỗi của người khác tức thành hai. Phật tánh chẳng hình tướng số lượng nên bộ óc chẳng thể nhận biết, dùng miệng chẳng thể diễn tả. (*Sư phụ thí dụ ánh sáng cây đèn, xem trang 30*).

Hỏi: Tại sao ngài Lai Quả trong cuốn Thiên Thất Khai Thị Lục nói thiện nhân chiêu ác quả?

Đáp: Đó là nói về Tu sĩ chúng tôi. Trong giới luật nhà Phật có 16 điều nói về thiện nhân chiêu ác quả, nay lấy tôi để thí dụ: Tôi cạo đầu, mặc đồ tu sĩ, thọ giới Tỳ-kheo, và thọ nhận sự cúng dường của mười phương, tất cả ăn, mặc, ở, đi lại ... đều là tiền của mười phương. Người ta cúng dường tôi để làm gì? Là mong tôi tự mình tu giải thoát và giải thoát cho chúng sanh, ấy mới đúng với nghĩa chữ Phật. Tôi phải có sự chơn tu đến giải thoát, giải thoát cho tất cả chúng sanh, đó là bổn phận của tôi. Bây giờ tôi không tu giải thoát, chỉ đem tiền cúng dường của mười phương xây dựng địa vị của tôi: Người ta không có ăn tôi cho ăn, không có áo mặc tôi cho mặc, người ta có bệnh tôi cho tiền thuốc, mọi người khen ngợi tôi là Phật sống, là Bồ tát sống, đó là danh dự của tôi. Ở ngoài thế gian không biết, cứ cho ông sư này tốt lắm, làm việc từ thiện giúp đỡ thiên hạ. Sự thật là tốt, nhưng vì không có tu thì làm sao giải thoát được? Làm sao giải thoát cho chúng sanh? Chúng ta là Tu sĩ Phật giáo, nhận sự cúng dường của mọi người, Sa-di có bổn phận của Sa-di, Tỳ-kheo có bổn phận của Tỳ-kheo, nay bỏ bổn phận của mình đi làm những việc khác, để xây dựng địa vị của mình, ấy cũng là cái ngã, nên nói “thiện nhân chiêu ác quả”.

Hỏi: Sư phụ dạy người tham thiền phải khán câu thoại đầu, tức nhìn vào thoại đầu, vậy nhìn như thế có trụ vào cái nhìn của mình không?

Đáp: Sư lấy gì để trụ? Muốn trụ phải có hình thể, ví như trụ ở cái bàn này, cái tách này v.v... còn thoại đầu thì trụ ở đâu? Có chỗ nào để trụ? Nhìn vào nghi tình là nhìn mà chẳng biết mới thành nghi tình, chứ chẳng phải nghi tình là sở nhìn. Vả lại, nghi tình cũng chẳng có chỗ để trụ, và nhìn là nhìn thoại đầu.

Hỏi: Nếu nói ngộ rồi đồng như chưa ngộ, vậy ngộ là ngộ cái gì? Đồng như chưa ngộ là chưa ngộ cái gì? Sau khi ngộ rồi thấy Phật với chúng sanh là đồng hay khác?

Đáp: Tại Sư còn có tư tưởng chấp thật nên có câu hỏi này.

Hỏi: Nếu không chấp thật thì làm sao tu thật được? Nếu không chấp vào pháp tu thì làm sao tu?

Đáp: Nay tôi cho một ví dụ: Con ve chỉ sống được một mùa hè, nên chỉ biết có mùa hè thôi, còn con vật khác sống được một năm thì biết cả bốn mùa xuân hạ thu đông, nó kể cảnh mùa thu cho con ve ve nghe thì con ve cũng chẳng hiểu được. Phật tánh vô thì vô chung, chẳng có sự bắt đầu, chẳng hình tướng số lượng, chẳng thể dùng bộ óc để hiểu, cũng như con ve muốn hiểu mùa thu, làm sao hiểu cho nổi! Bởi vì chỉ có khoảng đó thôi; còn Phật tánh thì vĩnh viễn, chẳng có khoảng nào hết.

Hỏi: Nếu vậy tại sao Đức Phật nói tất cả chúng sanh đều đồng Phật tánh? Theo Hòa thượng giảng thì có xuân hạ thu đông, mỗi cái khác nhau như thế làm sao gọi là bình đẳng?

Đáp: Phải, Phật tánh của tất cả chúng sanh đều đồng nhau, chẳng những con người, kể cả thú vật. Nhưng vì do vọng tưởng từ vô thi làm thành nghiệp, như thân của Sư, cũng do cái tâm tạo thành nghiệp mới có thân hiện tại này. Dù tạo nghiệp gì nhưng Phật tánh vẫn chẳng khác, chỉ theo nghiệp mà hiện. Ví như tạo nghiệp của con dơi thì đầu thai thành con dơi, nghiệp của con dơi có rada, nhà khoa học phải học con dơi mới phát minh rada; còn nghiệp của con người sanh ra có bộ não, nhà khoa học căn cứ cấu tạo tinh vi của bộ não mới phát minh vi tính. Bây giờ sư muốn dùng bộ não để hiểu biết thì biết không nổi.

Hỏi: Vì Đức Phật dạy rằng chơn không diệu hữu, mà Hòa thượng dạy chỉ có một bên, nên con phải hỏi tới hoài. Nếu Hòa thượng nói được hai bên thì con sẽ không bao giờ hỏi tới, vì đã là Chơn không thì phải Diệu hữu.

Đáp: Sư biết chữ Diệu như thế nào không?

- Diệu hữu tức có là không, không là có.

- Sư nói vậy là ngoại đạo. Nếu cho cái có là thật thì phải có hoài; nếu cho không có là thật thì phải không có hoài. Đem Có nói thành Diệu thì chẳng phải diệu vậy.

Hỏi: Con thắc mắc điều này: Nếu nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thì trong đó tự đầy đủ tất cả, tự đã thanh tịnh rồi, tại sao lại bị luân hồi? Vậy có phải từ không mà có? Bây giờ lại phải tu để trở về Phật tánh, thế có phải đi lòng vòng không?

Đáp: Nếu nói theo sư thì từ kiếp này sang kiếp khác cũng không hết. Vì sư dùng vọng tưởng chấp thật để tìm hiểu, sẽ chẳng thể hiểu được như con ve mà tôi vừa thí dụ vậy.

Hỏi: Con xin hỏi Hòa thượng: Thí dụ con vọng tưởng để hỏi Hòa thượng, thì vọng tưởng của con từ đâu mà có? Có phải xuất phát từ tâm?

Đáp: Cái đó phải hỏi sư, vì tôi đã nói là vô thi vô sanh rồi. Phật đã nói không có sự bắt đầu, vô sanh là không có sự sanh khởi, nên người chứng quả gọi là ngộ pháp vô sanh. Nếu đã không có sự sanh khởi thì làm sao có lời của sư nói?

Hỏi: Vậy nếu con tham Tổ Sư Thiền khởi lên nghi tình, thì đó có phải vọng tưởng không?

Đáp: Vì sư không có tham, nếu thật sự có tham sẽ không có lời nói như vậy. những điều sư thắc mắc đều nằm trong cuốn kinh Lăng Già, khi nào sách phát hành, sư đọc qua sẽ rõ.

Hỏi: Nếu như kinh sách Hòa thượng viết ra để phát hành, khi con đọc những sách đó để tìm hiểu thì con có vọng tưởng hay không? Con có đi sai lệch đường lối tu Tổ Sư Thiền không?

Đáp: Cũng có thể đi sai, nếu cứ chiều theo tư tưởng chấp thật là sai.

Hỏi: Con tu theo Tổ Sư Thiền, mặc dù tâm chẳng thối chuyển, nhưng năm nay con đã 73 tuổi mà chưa biết kiến tánh là gì, tuổi già càng suy yếu dần, nếu chết đi về đâu? Kiếp sau có gặp được Tổ Sư Thiền không?

Đáp: Bây giờ chớ nói bà đã 73 tuổi mà chưa biết kiến tánh là gì, tất cả mọi người ở đây đều chưa biết. Chính vì không biết kiến tánh là gì nên phải đi đến kiến tánh. Nếu nói 73 tuổi là già sợ trẻ thì chưa trẻ, Tổ thứ mười của Thiền Tông là Hiếp Tôn Giả, 80

tuổi mới xuất gia, mọi người chê cười Ngài quá già xuất gia đâu có lợi ích, Ngài nói: Nay tôi 80 tuổi, đến 83 tuổi tôi phải kiến tánh. Các người thanh niên chưa ai bì kịp tôi đâu. Thật vậy, cho nên, 73 tuổi so với 80, còn trẻ hơn 7 tuổi.

Nếu sợ chết rồi không biết đi về đâu, Phật tánh vốn khắp hư không, đâu có chỗ về? Nếu có chỗ để đi về thì không cùng khắp, chẳng phải Phật tánh. Nay chúng ta chưa kiến tánh, dù hôm nay mới học được một ngày, ngày mai lại chết, thì chánh nhân đã gieo, chánh quả sẽ đến, nhân quả rõ ràng, kiếp sau sẽ có nhân duyên tiếp tục tu đến kiến tánh, không cần lo lắng.

Hỏi: Vậy thì có thể lo cho con cháu xong mới xuất gia cũng chưa muộn, phải không? Đâu cần xuất gia sớm?

Đáp: Nói vậy cũng không đúng. Vì đâu phải người nào cũng quyết chí như Hiệp Tôn Giả? Nếu nói đợi đến con cháu già cưới xong mới xuất gia thì không bao giờ kiến tánh, vì đâu có quyết chí! Như ngài Nguyệt Khê 22 tuổi ra hoàng pháp, giảng kinh thuyết pháp rất hay, nói đến “bớt được một phần phiền não thì chứng được một phần pháp thân”. Nếu bớt được mười phần phiền não thì chứng mười phần pháp thân, là thành Phật. Lúc đó có một vị lão tu hành nghe được, đợi Ngài giảng kinh xong, nói với Ngài rằng: Phiền não mà ông nói đó, là từ bên ngoài đến hay từ bên trong ra? Nếu từ bên ngoài đến thì chẳng dính dáng với ông, đâu cần diệt trừ? Nếu từ bên trong ra, như nguồn suối chảy xiết, đến khi nào mới hết?

Ngài Nguyệt Khê không trả lời được, xin vị lão tu hành chỉ dạy cho. Ông nói: Người đã kiến tánh thì giảng kinh chẳng sai, nói gì cũng được, chú giải cũng vậy. Cái mà ông giảng đó là chú giải của người khác. Nay hãy đi đến núi Ngưu Thụ, gặp Thiền sư Thiết Nham, sẽ chỉ dẫn cho ông.

Ngài Nguyệt Khê nghe vậy liền thu dọn hành trang lên đường ngay đêm tối, chẳng đợi đến trời sáng, đến núi Ngưu Thụ gặp ngài Thiết Nham, Nguyệt Khê hỏi: Ông ở đây làm gì?

- Đạo chơi nơi non nước

- Vậy thì uống qua thì giờ rồi!

- Ngài Thiết Nham nói: Tôi thì uống qua được, ông thì không. Đợi chừng nào ông đi đến điền địa như tôi mới có thể uống qua.

- Làm sao có thể đi đến điền địa kia?

Ngài Thiết Nham dạy khán thoại đầu, Nguyệt Khê ngày đêm miệt mài công phu, quên cả sự ăn uống, chỉ còn da bọc xương, thân xác như củi khô, nhưng đến 25 tuổi là kiến tánh.

Năm kia, tôi cùng đoàn hành hương của Thiền Đường nước Mỹ đến Hồng Kông, có chiêm ngưỡng nhục thân của Ngài. Cho nên, sự quyết chí phải như thế mới mong kiến tánh.

Hỏi: Làm thế nào để bỏ được tâm chấp thật?

Đáp: Ngoài khán thoại đầu và hỏi câu thoại ra, chẳng có cách khác. Khi công phu đến mức sẽ kiến tánh. Đối với vấn đề con người cứ chấp thật vào vọng tưởng, tôi kể câu chuyện về Trang Tử để thí dụ:

Trang Tử nói: Có một con rùa sống ở đáy giếng từ nhỏ đến lớn, từ đáy giếng nhìn lên thấy bầu trời chỉ lớn hơn miệng giếng một chút. Một hôm, một con rùa biến đi ngang giếng, bất chợt bị rơi xuống, hai con rùa gặp nhau, rùa giếng hỏi: Bạn từ đâu đến?

- Rùa biển đáp: Tôi từ biển đi vào.
- Biển bao lớn vậy?
- Lớn lắm.
- Con rùa giếng liền lội khoản 1/3 diện tích giếng, hỏi: Rộng cỡ này không?
- Lớn hơn nhiều!
- Rùa giếng bơi tiếp khoảng 2/3 mặt giếng, hỏi: Lớn bằng vậy không?
- Lớn hơn nhiều.
- Vậy là lớn bằng giếng của tôi sao?
- Lớn hơn nhiều.
- Đâu có lý như thế! Biển của bạn có phải ở dưới bầu trời này không?
- Phải.
- Vậy là bạn nói dối rồi! Bạn hãy nhìn lên bầu trời kia, đâu có lớn hơn miệng giếng của tôi bao nhiêu? Vậy mà bạn nói biển lớn hơn cái giếng của tôi, thật vô lý, chỉ có nhỏ hơn mới đúng. Nếu bạn nói cái biển của bạn lớn hơn nhiều, vậy là bao nhiêu, hãy nói ra xem!
- Tôi chẳng nói được.
- Đó, phải không? Nói còn không được, vậy cứ nói là lớn hơn! Còn tôi thì nói được hết, có thể so sánh bằng 1/3, 2/3, 3/3 hoặc bằng với bầu trời, có sự thật chứng minh rõ ràng. Còn bạn thì nói không ra, vậy ai tin cho nổi!
- Con rùa biển nói: Thôi, tôi chịu thua, vì chẳng thể nói cho bạn biết được.

Cho nên, về vấn đề này, tôi cũng chịu thua, quý vị có ai chưa chịu thua, xin cứ thay cho rùa biển để trả lời rùa giếng vậy.

Hỏi: Con có vài điều nghi vấn về Giới luật: Theo Giới luật, tội Ba-la-di là tội tứ khí, bị vứt bỏ ra ngoài Phật Pháp. Nhưng con còn nghi điều này: Trên danh nghĩa, tội Ba-la-di của Tỳ-kheo là có làm rồi mới phạm, còn về giới Bồ Tát, tội Ba-la-di khi khởi niệm là đã có tội. Vậy xin thưa Sư phụ, chỗ làm có khác, nhưng chỗ thọ tội báo có đồng hay không? Nếu khác thì danh nghĩa phải khác; nếu đồng thì chắc chúng con không thể lãnh thọ nổi Giới Bồ Tát?

Đáp: Ngũ giới của cư sĩ, mười giới của Sa-di, đến 250 giới của tỳ-kheo, 348 giới của tỳ-kheo-ni, tất cả đều là giới Thanh văn, còn giới Bồ tát là giới Đại thừa. Đức Phật chế ra giới Thanh văn để kèm chế cho thân chẳng phạm rồi mới đến tâm chẳng phạm.

Giới Tiểu thừa gọi là Tác phạm, tức có làm mới phạm; giới Đại thừa gồm hai phần: có phần thì tác là phạm, có phần thì chẳng tác là phạm (*tức cần phải làm, không làm thì phạm*), gọi là chỉ trì và tác trì. Ví dụ muốn ăn cắp cái tách này, theo Tiểu thừa thì: tay đã chạm vào cái tách, thấy có người đến bèn rút tay lại, chưa phạm. Nếu cầm cái tách lên rồi chõ cữ rồi mới phạm. Còn giới Bồ tát Đại thừa thì ngay khi khởi tâm muốn ăn cắp là đã phạm rồi, nên gọi là giới tâm địa.

Tất cả Phật Pháp đều nói về tâm, gọi là nhất thiết duy tâm tạo, tâm mình khắp không gian thời gian, nay tôi đề cử một sự thật: Dân số ở nước Mỹ gần 300 triệu, mỗi công dân đều có một thể an sinh xã hội, kể cả tôi, dù tôi chưa phải thuộc quốc tịch Mỹ. Tất cả công dân đều có hồ sơ lý lịch trên máy vi tính, khi bị phạt vi cảnh, lý do bị phạt được ghi nhận vào đó; nếu người bị phạt chưa nộp tiền phạt cũng được ghi nhận vào

đó, kể cả những giấy phạt do Tòa án gửi đến bao nhiêu lần, thời gian nào v v... đều ghi vào hồ sơ. Khi muốn xin việc làm, các công ty đều dựa trên hồ sơ lý lịch để đánh giá, dù chỉ vi phạm một lỗi lầm nhỏ hoặc thiếu nợ mười đồng cũng không được nhận việc làm... Trên đây chỉ là một ví dụ về những máy móc do sức tâm kỳ diệu của con người chế tạo ra, đó chỉ là một phần thật nhỏ của sức tâm mà thôi.

Vì nay chúng ta còn chưa tin tự tâm của mình có đủ thứ năng lực, lại hướng ngoại tìm cầu đề cho tâm thân này được sung sướng, lo cho gia đình vợ con v v... Nhưng sự thật ngài Lai Quả có bài “Cứu tâm”, tôi đã dịch trong cuốn Góp Nhặt Lời Phật Tổ và Thánh Hiền. Nói đến cứu tâm: Thân này làm tội, đến chết rồi cái thân cũng mất, Diêm Vương buộc tội là buộc cái tâm. Thân này làm, mà tâm cứ lo cho thân, cuối cùng khiến tâm bị liên lụy, làm oan cho tâm, nên phải cứu tâm của mình.

Đức Phật chế ra giới luật là để chúng ta tập dần từ 5 giới, 10 giới, đến 250 giới, từ chỗ thân chẳng phạm, dần đến tâm cũng chẳng phạm, gọi là Tam đàn Đại giới: Tiểu thừa, Đại thừa truyền một lượt, thọ giới Sa-di rồi thọ luôn giới Tỳ-kheo, giới Bồ tát.

Ở Trung Quốc, một giới đàn kéo dài năm mươi ba ngày; sau khi thọ giới Sa-di, phải có thời gian tu tập cho quen, rồi mới thọ giới Tỳ-kheo 250 giới, giảng từng điều một cho thật rõ, chẳng những giảng thật kỹ, về 100 điều oai nghi, về cách ăn uống, từ tư thế cầm chén, đũa, cho đến khi ăn quá đường, muốn uống nước đầy chén hay phân nửa, phải ra dấu như thế nào ... Cả mấy trăm người cùng ăn chẳng phát ra một tiếng động; cho đến đi tiêu tiểu, tư thế nằm nghỉ v v... oai nghi đi đứng nằm ngồi đều dạy kỹ càng. Sở dĩ tỉ mỉ như thế là vì tập khí con người rất sâu, phải sửa dần từ giới Tiểu thừa đến giới Đại thừa.

Thời nay chia làm giới tiệm lập và đốn lập: 5 giới, 10 giới, 250 giới, đến 348 giới thuộc giới tiệm, muốn thọ 10 giới phải qua 5 giới, muốn thọ 250 giới phải qua 10 giới, từng bước tiến lên không được vượt bậc. Còn đốn lập là thành linh; như Bát quan trai và giới Bồ tát, khỏi cần qua các giới. Ví dụ cư sĩ có thể thọ giới Bồ tát, người chưa qui y cũng có thể thọ Bát quan trai. Mặc dù nói chưa qui y, nhưng bất cứ thọ giới gì cũng có qua Tam qui y. Cho nên những giới luật do Phật chế ra rất tỉ mỉ, mặc dù tên gọi đủ thứ sai biệt, nhưng ý vốn chẳng khác, tất cả đều muốn đối trị bệnh của tâm chúng ta. Khi bệnh của tâm hết thì bệnh của thân cũng hết luôn.

Hỏi: Kính bạch Sư phụ: Như trong giới luật, khi phạm các điều như Tăng tàn, Xả đọa và Bách chúng học, phải hội đủ 20 vị Tăng để tác pháp Yết ma cử tội, nếu không đủ thì chẳng thể giải tội được. Như vậy, đối với chúng con tập khí còn thô, những điều này luôn luôn tái phạm, đời nay thì không có nhân duyên, không có phương tiện, cũng như không có Tăng đoàn hòa hợp để giải pháp cử tội, vậy chúng con có thể tâm sám được không?

Đáp: Có thể được. Cũng như ba cấp trì giới: Nửa tháng Bồ-tát là cấp phổ thông, cấp thứ nhì là Thiên giới, cũng gọi Định cộng giới, có thiên định tức là giới. Cấp thứ ba là Lậu tận giới, tức đã chứng quả, tập khí dứt sạch, tự nhiên chẳng phạm, thì không cần giữ giới đã là giới rồi. Người đắc đạo gọi là Đạo cộng giới. Hành giả tham thiên, nếu giữ được nghi tình không mất thì chẳng có phạm giới.

Đối với vấn đề sám hối, bởi do tâm tạo thì phải tâm sám, như bài kệ “Tội tùng tâm khởi tương tâm sám, tâm nhược diệt thời tội diệt vong, tội vong tâm diệt lưỡng câu không, thị tắc danh vi chơn sám hối”. Bởi tội do tâm tạo, nay muốn sám phải sám hối cái tâm, tâm đã diệt rồi thì tội cũng không, tâm diệt tội không cả hai đều chẳng còn nữa, ấy mới gọi là chơn sám hối. Do đó, nếu sám hối theo bài kệ này cũng được.

Hỏi: Trong hành giả tham Thiền, nhiều vị cho rằng tham thiền chẳng cần học giới luật, nhưng con tự xét bản thân, từ khi thọ giới đến nay chưa dự pháp hội nào giảng về luật, đối với danh chứng tánh tướng, khai giá trị phạm của giới luật con chẳng thông suốt.

Đáp: Nói khỏi học giới luật là không đúng, Hòa thượng Bác Sơn đã kiến tánh còn đi thọ giới Tỳ-kheo, làm sao nói là “không học giới Luật” được! Bất cứ pháp môn nào đều phải lấy giới luật làm căn bản, Phật giáo tồn tại nơi thế gian là do giới luật, nếu không có giới luật thì Phật Pháp không còn ở thế gian, thì cũng như người đời vậy thôi. Nhưng nếu người quyết tử tham Thiền thì tự nhiên hợp với giới luật, vì tất cả đều ở trong tâm mình.

Tôi đã từng nói chuyện với các vị về giới luật như Hòa thượng Huệ Hưng, Thượng tọa Kim Cang v... bởi do tôi nói thông suốt về giới luật, quý vị cứ tưởng là tôi học về Luật. Thật sự tôi chưa từng nghiên cứu luật, tôi chỉ thực hành theo tham thiền thôi. Nhưng tất cả giới luật đều phải ở ngoài tâm, nên nói hễ tâm thông thì thuyết thông, tất cả đều thông, vì tâm sẵn đủ tất cả, đều khắp không gian.

Về tội Ba-la-di bằng như tội tử hình, còn Tăng tàn, tàn có nghĩa là tàn phế, chưa phải chết, thuộc tội thứ nhì, còn giữ được Tỳ-kheo. Người phạm tội Ba-la-di lẽ ra không được sám hối, nhưng nếu trong nửa giờ đồng hồ lập tức báo cáo Tăng đoàn, thì Tăng đoàn mới có thể chấp thuận. Nếu quá nửa giờ thì không được sám hối. (*Sư phụ giảng về tội Ba-la-di, đã giảng ở phần trước, xem trang 70*).

Hỏi: Xin Sư phụ nói rõ bốn phạm của giám sát viên thiền đường?

Đáp: Để tránh sự quấy phá làm mất trật tự an ninh trong thiền đường, người đến dự thiền phải đăng ký tên họ địa chỉ, giám sát viên phải kiểm tra xem người nào có hoạt động gì trong thiền đường không? Nếu có hút thuốc, nói chuyện về các vấn đề chính trị, hoặc gây gỗ đánh lộn, làm mất trật tự an ninh, thì phải tiến hành can thiệp liền. Người thừa hành chức sự phải đeo phù hiệu để mọi người biết và tuân thủ, giữ đúng qui củ của Thiền đường.

Hỏi: Cuồng tâm ngưng nghỉ tức Bồ đề, tại sao cổ nhân lại quả hai chữ Bồ đề là thăng chết?

Đáp: Bồ đề nghĩa là giác ngộ, tham thiền là muốn đạt đến giác ngộ, đến chừng giác ngộ rồi là viên mãn Bồ đề qui vô sở đắc, chứ chẳng phải đắc được Bồ đề. Vì tất cả đều của mình sẵn đủ, chẳng phải đắc từ bên ngoài; Bồ đề cũng sẵn, Phật tánh cũng sẵn, đã thành từ lâu, chỉ vì bị vọng niệm che khuất mà thôi. Cho nên tất cả lời nói của chư Tổ chỉ là phương tiện, nếu đuổi theo lời nói là con chó đuổi theo cục xương. Cuồng tâm là vọng tưởng, khi vọng tưởng ngưng nghỉ hết thì thể Bồ đề tự hiện, nên nói “Cuồng tâm ngưng nghỉ tức là Bồ đề”.

Hỏi: Tại sao Tăng độ Ni chúng lại có lỗi?

Đáp: Đức Phật đã qui định, đáng lẽ Tăng với Ni không được ở chung một chùa mà phải cách nhau khoảng nửa cây số, nhưng lại không thể cách xa quá, vì mỗi nửa tháng bên Ni phải mời hai vị Tỳ-kheo tăng đến giảng dạy cho Tỳ-kheo-ni. Cho nên xa quá không được, gần quá cũng không được. Mà bốn sư xuống tóc gọi là thân giáo sư, chẳng những trong Phật giáo, ngay cả Nho giáo cũng có câu “Nam nữ thọ thọ bất thân”, nên làm sao có thể thân giáo? Lại nữa, xuống tóc cho một người rồi phải có trách nhiệm dạy cho thông suốt Phật Pháp và Giới luật, Tỳ-kheo phải thông suốt hai bộ giới luật Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, còn Tỳ-kheo-ni phải thông suốt giới luật Tỳ-kheo-ni. Xuất gia rồi phải theo bốn sư học mười năm về tất cả Phật Pháp và giới luật,

mãn mười năm mới có thể xa rời thầy, đi làm thầy cho người khác, gọi là Hòa Thượng. Ở Việt nam, danh xưng Hòa Thượng là cao nhất, còn ở Trung Quốc, xuất gia trên mười năm gọi là Hòa thượng, trên hai mươi năm gọi là Thượng tọa, lại nữa, Đại đức cũng chẳng phải là thấp, trong Kinh, hàng Bồ tát như Văn Thù Sư Lợi cũng xưng là Đại đức, gọi Phật Thích Ca cũng là Đại đức.

Hỏi: Thế nào là vô phương sở, vô năng sở, vô đắc thất, vô tướng mạo?

Đáp: Chữ Vô trong Phật Pháp là vô thật, là bảo chúng ta đừng chấp thật thối. Tất cả sự hiểu biết của mình đều không phải thật, như trong kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật nói với A Nan “Như người thấy ta, thấy núi sông đất đai đều là kiến bệnh đã thành từ vô thi”. Cho nên, mặc dù thấy nhưng chẳng phải thật, chẳng những bốn thứ kể trên, tất cả đều như thế, luôn cả thân này cũng vậy.

Hỏi: Tại sao Phật giáo Tiểu thừa không cho nữ giới thọ Tỳ-kheo?

Đáp: Các nước Phật giáo Tiểu thừa như Thái Lan, Campuchia, Tích Lan, Lào không cho nữ giới xuất gia, ngoài ra họ còn chấp rằng người nữ chỉ có thể chứng đến Tam quả A-na-hàm, chứ không chứng đến A-la-hán. Chỉ có bên Đại thừa mới cho nữ giới xuất gia.

Hỏi: Như thế có trái với ý Phật không?

Đáp: Ý Phật là muốn tất cả chúng sanh đều thành Phật, nhưng vì căn cơ của Tiểu thừa không tin pháp Đại thừa. Ví như khi Phật sắp thuyết kinh Pháp Hoa thì trong hội có năm ngàn người bỏ đi không muốn nghe, ấy là vì căn cơ chưa đến mức, nhưng chẳng phải vĩnh viễn, khi nhân duyên chín muồi rồi họ cũng sẽ tiến lên Đại thừa.

Những người chứng quả A-la-hán thì cho quả Niết bàn đã là cùng tột, Đức Phật nói đó chỉ là nửa đường, là Hóa thành chứ không phải Báo sở, nhưng họ vẫn chẳng tin. Phật nói đó là do say rượu Niết bàn, phải đợi khi tỉnh rượu rồi mới có thể rời bỏ A-la-hán.

Trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật nói chính áo mình có hạt châu như ý lại không biết đem ra xài, cứ cho mình là nghèo khổ phải đi ăn xin khắp các nơi, tức đi khắp lục đạo luân hồi. Một thí dụ khác là ví như người cha thì giàu sang, muốn trao toàn bộ gia tài cho con, nhưng đứa con lại chẳng chịu nhận, cứ cho mình là kẻ nghèo khổ, trải qua hai mươi năm làm việc cực khổ mới chịu thừa nhận, đó là dụ cho Tiểu thừa.

Hỏi: Phạm tội trộm Ba-la-di đối với xã hội hiện tại, pháp luật nhà nước xử như thế nào?

Đáp: Thời nay khác với thời xưa; xưa kia trộm cắp 5 chỉ là bị tử hình, thời nay trộm cắp 5 lượng vẫn không bị. Tử hình trong Phật giáo không phải bị xử tử, chỉ đuổi ra khỏi Tăng đoàn, không thừa nhận là tu sĩ nữa. Nếu thông qua sự sám hối, còn được nhận là Sa-di, nhưng thân phận Tỳ-kheo đã hết. Thời nay nếu chiếu theo khoảng tiền nhiều hay ít thì chẳng có tiêu chuẩn nào, nhưng hề phạm vào tội trộm cắp là tội Ba-la-di.

Hỏi: Thế nào là cùng đạo tương ưng, cùng tình tương ưng?

Đáp: Ngài Đức Sơn nói “Tình sanh thì trí cách”, hiện nay trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta đều sống trong tình thức. Kinh Lăng Nghiêm nói “Tình càng nhiều càng chìm lặng”, nếu chúng ta cứ chấp thật là nghiêng về bên tình, tình cảm nhiều chừng nào càng chìm sâu chừng nấy, ấy gọi là tương ưng với tình. Tương ưng với đạo thì phải bớt tình đi, tình cảm nhẹ bớt được một phần là tương ưng với đạo một phần, hết tình thì hoàn toàn là đạo.

Hỏi: Khi không có Sư phụ, chúng con biết nương ai để tu?

Đáp: Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói “Nếu các người chẳng tu chơn thật thì có tôi cũng như không, hề tu chơn thật thì có hay không chẳng ảnh hưởng”. Sự quyết định ở nơi chính mình, nếu ý lại có tôi mới tu 100% thì tôi làm sao có thể ở bên cạnh hoài? Mỗi người đều có cuộc sống riêng, mỗi người đều đã thành Phật.

Trong kinh Viên Giác, Phật Thích Ca sợ mọi người không tin, nên đã dùng quặng vàng để thí dụ: Trong quặng, vàng đã thành sẵn, chỉ là lẫn với đất cát tạp chất nên không phát hiện được, nếu luyện bỏ đất cát thì vàng thiệt hiện ra. Phật tánh của chúng ta cũng vậy, đã thành từ vô thủy, chỉ là lẫn với đủ thứ phiền não tham sân si, khiến chẳng được hiện lên. Nay chúng ta tham thiền, dùng cây chổi tức nghi tịnh quét sạch tất cả thì Phật tánh hiện lên. Cho nên nói “thành Phật” chỉ là luyện bỏ tạp chất mà thôi. Chỉ cần chơn tu, có tôi hay không chẳng ăn thua gì, chỉ cần đi đúng đường lối, cuối cùng sẽ thành Phật.

Hỏi: Ngài Đạt Ma nói “Dù đã tạo tội lớn, khi kiến tánh triệt để cũng được giải thoát”, vậy đối với nhân quả như thế nào?

Đáp: Kiến tánh là ở trong chiêm bao thức tỉnh, khi thức tỉnh tự nhiên mọi việc trong chiêm bao tự hết, nhưng phải kiến tánh triệt để. Mặc dù hết, Phật Bồ tát vì muốn độ chúng sanh cũng thị hiện nhân quả. Ví như trong Hư Vân Niên Phổ đề cập đến dòng tộc Thích Ca bị vua Lưu Ly giết hết, chỉ còn Đức Phật không bị giết, nhưng lại nhưc đầu ba ngày. Phật kể lại nhân duyên khi xưa:

Kiếp trước, dòng Thích Ca là dân làng chài cá, vua Lưu Ly là con cá lớn trong ao, tất cả binh lính của vua là cá con, bị dân làng xả nước bắt hết cá trong ao để ăn, chỉ có một cậu bé không ăn không bắt, mà chỉ dùng cây gõ ba cái vào đầu con cá lớn, cho nên Đức Phật cũng phải nhưc đầu ba ngày để trả quả báo.

Vì muốn khuyên chúng sanh tin nhân quả nên Phật nói như thế, sự thật thì chẳng bị nhưc đầu, ấy chỉ là phương tiện chứ chẳng phải vọng ngữ.

Hỏi: Có một vị Sa-di chê một vị Tỳ-kheo tụng kinh như chó sủa, đã sám hối rồi, sao lại phải đọa thân chó năm trăm kiếp?

Đáp: Tại phi báng vị Tỳ-kheo tụng kinh như chó sủa, nên phải đầu thai thành con chó sủa. Vị Tỳ-kheo đó là người có tu hành chứng quả mà vị Sa-di kia không biết. Nay người cư sĩ tại gia mà phi báng một tu sĩ phạm phu phá giới, cũng còn có tội nặng hơn phi báng một người đời. Lại nữa, nếu người bị phi báng hạnh tu cao chừng nào thì tội của người phi báng nặng chừng nấy. Cũng như bồ thí, trong kinh Bốn Mươi Hai Chương, bồ thí cho mười người ác không bằng bồ thí cho một người thiện, bồ thí một trăm người thiện không bằng bồ thí cho một người thọ ngũ giới; bồ thí một ngàn người thọ ngũ giới không bằng bồ thí cho một Sa-di... cứ từng bậc đi lên như thế, tội phi báng cũng vậy, từng bậc tăng lên. Vì Tỳ-kheo đó đã chứng quả, nên sau khi Sa-di kia sám hối, Ngài nói “Tội địa ngục thì khỏi, nhưng tội nhân quả phải đầu thai thành con chó”.

Hỏi: Nhân quả xuất phát từ tâm, nếu vô tâm mà phạm thì vẫn phải chịu nhân quả?

Đáp: Nhất thiết duy tâm tạo, còn tâm còn nhân quả, hề tâm tạo nhân thì tâm phải chịu quả.

Hỏi: Như chúng con dù tại gia hay xuất gia, nếu chưa thông suốt giới luật mà phạm thì vẫn bị nhân quả như thế không?

Đáp: Đã thọ giới nào thì theo giới luật đó mà xử phạm. Như tội nào thuộc Ba-la-di, tội nào thuộc Tăng tàn... nếu hai tội Ba-la-di và Tăng tàn đều không thành lập thì lọt vào cấp thứ ba, gọi là Thân lan giá, tất cả đều do Đức Phật chế định sẵn.

Nếu như người làm mà không biết thì không tâm để tạo nhân, không nhân thì không quả, chẳng những không có tội phá giới, tội nhân quả cũng không có. Mặc dù không có, nhưng nếu sau đó mình biết được cũng phải chịu tội nhân quả, bất quá tội nhẹ hơn. Ví như đã vô ý giết chết người khác thì sau này cũng sẽ bị người khác vô ý giết chết. Kinh Pháp Hoa nói “Như thị nhân như thị quả”.

Hỏi: Rùa giếng hỏi rùa biển “Ông nói biển lớn hơn giếng, cuối cùng lớn cỡ nào, lớn bao nhiêu?”, rùa biển nói không được, vậy nhờ Sư phụ khai thị cho chúng con rõ.

Đáp: Câu hỏi của con rùa giếng là đúng, mà lý của con rùa biển cũng là đúng; lớn hơn nhiều, nhưng lớn hơn bao nhiêu thì không biết. Hiện nay nhà khoa học có thể dùng kỹ thuật khoa học đo lường diện tích nước của Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, kê cả biển Nam Cực và Bắc Cực. Nếu đo thêm diện tích của giếng để so sánh, cũng có thể nói được, nhưng bầu trời thì đo không được, hư không đo không được, dầu cho đo được các biển, cũng chỉ hạn chế trên quả đất này thôi, ngoài quả đất ra thì đo không được.

Trái đất này trong Kinh Phật gọi là Nam Thiệm Bộ Châu, chỉ là một trong bốn bộ châu của một tiểu thế giới. Một ngàn tiểu thế giới hợp thành một tiểu thiên thế giới; một ngàn tiểu thiên thế giới bằng một trung thiên thế giới; một ngàn trung thiên thế giới bằng một đại thiên thế giới. Vì có ba lần ngàn nhân với nhau, nên gọi là Tam thiên đại thiên thế giới. Cho nên, cả tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu biển, đâu thể đo đạc! Đó chỉ là đối với Cõi Ta Bà, ngoài ra còn có vô lượng vô biên cõi, chẳng thể kể xiết.

Hỏi: Cách đây ít lâu, nhân đọc kinh Kim Cang con được ít giải ngộ. Con thâm nhận rằng ngoài thân tâm này có một cảnh giới khác rộng lớn, là ý nghĩa cùng tột của Bát Nhã. Nhưng đi tham vấn các nơi, chẳng được sự giải đáp nào vừa ý; sau khi gặp được Sư phụ khai thị, con nhận được điều tin nơi tự tâm. Mấy hôm nay cũng bao nhiêu vị đến hỏi những thắc mắc về làm sao kiên cố lòng tự tin. Vậy kính xin Sư phụ có thể dùng những thí dụ tương đối để diễn tả phần nào về tuyệt đối, để đại chúng vững chắc về lòng tin tự tâm không?

Đáp: Tương đối làm sao diễn tả được tuyệt đối? Đối với hành giả tham thiền, chư Tổ xưa nay chỉ nói “Tu hành chẳng bí quyết, chỉ cần sanh tử thiết”. Chúng ta cũng đã tin mình có Phật tánh rồi, cũng tin Phật tánh sẵn đủ chẳng thể giảm bớt gián đoạn, tại sao lại không thể phát huy ra cái sẵn đủ của mình? Tại sao lại phải sanh tử? Chính những cái không hiểu đó làm tăng thêm nghi tình.

Còn về lòng tin tự tâm, nhà khoa học phát minh máy vi tính, tại sao cái máy lại làm việc hơn con người? Chính vì con người bị sự suy nghĩ chướng ngại, tất cả đều muốn giành cho mình trước, còn cái máy thì không có sự suy nghĩ. Nếu có thể phát huy hết sức dụng, có thể học theo cái máy thì chẳng chướng ngại. Nay chúng ta tham thiền, lấy cái không biết để tu, ấy là học theo cái máy, chẳng cho suy nghĩ tìm hiểu, quét sạch tất cả thì tự nhiên năng lực phát huy được.

Hỏi: Làm sao tránh sát sanh trong lúc trồng trọt hoa màu?

Đáp: Thiên tông ngài Bá Trượng cũng có nông thiền, cũng phải cuộc đất canh tác. Theo trong Kinh nói “Người chúng sư quả sẽ không phạm vào côn trùng sâu bọ, họ tự

nhiên tránh khỏi bốn tác, còn người chưa chứng thì sự sát sanh là không thể tránh khỏi. Cho nên trong giới Bồ Tát, người muốn canh tác phải chọn đất trong sạch, tức chẳng có kiến, sâu bọ mới có thể trồng trọt. Nhưng trên thật tế có nhiều sinh vật rất vi tế, ví như trong cơ thể con người đã có biết bao sinh vật tồn tại, khi chúng ta bệnh, đi chữa bệnh để tiêu diệt vi trùng bệnh, đâu thể khuyên người ta không đi điều trị?

Dù nhân quả rất vi tế, nhưng đó chỉ là nhân quả trong chiêm bao, muốn giải quyết triệt để, phải thức tỉnh mới rời khỏi chiêm bao, chẳng lọt vào nhân quả chiêm bao. Nếu không thì chính trong thân này đã có biết bao nhiêu chúng sanh trong đó, mỗi ngày chẳng biết bao nhiêu tế bào chết rồi lại sanh.

Hỏi: Thời gần đây có những trước tác và kinh điển mượn danh nghĩa của Phật giáo để lưu hành, ví như cuốn Đại Thừa Khởi Tín Luận; theo nguyên lý cuốn sách này nói “Ngay nơi bản thể của Tự tánh, do một niệm bất giác sanh khởi vô minh mới tạo tác việc sanh tử, muốn chấm dứt sự sanh tử này phải thu hồi vọng niệm, mới có thể phục hồi lại bản thể Chơn như”. Vậy xin hỏi lý thuyết này so với Phật giáo như thế nào?

Đáp: Chính ngài Nguyệt Khê nói đây là tác phẩm của ngoại đạo, Ngài chỉ căn cứ bốn chữ “Chơn như duyên khởi”: Chơn như là bản thể của Phật tánh, trong kinh Lăng Nghiêm và Hoa Nghiêm nói “Vốn chẳng lay động biến đổi”. Nếu Chơn như có duyên khởi, có sanh khởi thì phải biến đổi sanh diệt, ấy là luân hồi. Nếu Phật tánh còn sanh diệt luân hồi thì thành Phật đâu có lợi ích? Nên ngài nói là tác phẩm của ngoại đạo chứ chẳng phải của ngài Mã Minh. Vì Mã Minh là Tổ thứ mười hai của Thiên tông, chẳng thể có những lời nói như vậy.

Như trong kinh Lăng Già là để phá chấp của ngoại đạo, họ cũng có những lý luận dùng danh từ và giải thích giống như lời Phật, những người không hiểu sẽ rất khó phân biệt, nên trong kinh Bồ tát Đại Huệ đại diện cho đương cơ hỏi Phật: Lời của Đức Phật và lời của ngoại đạo vốn chẳng khác, làm sao phân biệt?

Trong kinh Lăng Già, Đức Phật giải thích rất kỹ càng, trong lời dịch giả tôi cũng có nói “Giống thì rất giống, phải thì chẳng phải”. Tại sao? Vì ngoại đạo có sở trụ, Phật thì vô sở trụ. Ngoại đạo vì có sở trụ, trong thế lưu bố tướng sanh ra trước tướng, nên thành điên đảo tướng. Còn Phật cũng nói như thế nhưng vô sở trụ, tức chỉ có thế lưu bố tướng, chẳng có trước tướng, nên không điên đảo như ngoại đạo vậy.

Sự thật rất khó phân biệt, trong kinh Lăng Nghiêm nói đến 50 thứ ma ngũ âm, thời Phật hồi xưa ngoại đạo đã đầy đầy, thời ấy có 96 thứ ngoại đạo, còn thời nay thì vô số kể, ai cũng lấy ý mình mà gắng báng hiệu của Phật, hành theo pháp ngoại đạo, chẳng cách nào ngăn chặn được. Cũng như con rùa biển và con rùa giếng, mặc dù rùa biển thật biết biển lớn hơn giếng, nhưng cũng không có cách để nói cho rùa giếng biết, chỉ có thể nói là chịu thua thôi.

Hỏi: Xin Sư phụ giảng rõ về ngũ nhãn trong kinh Kim Cang?

Đáp: Có bài kệ rằng:

Thiên nhãn thông phi ngại,
Nhục nhãn ngại phi thông
Pháp nhãn duy quán tục,
Huệ nhãn liễu tri không,
Phật nhãn như thiên nhựt,
Chiếu dị thể hoàn đồng.

Phật nhân như ngàn cái mặt trời, mặc dù sở chiếu đến vũ trụ vạn vật muôn ngàn sai biệt, nhưng bản thể ánh sáng mặt trời thì chẳng khác. Chỉ có Phật mới đủ ngũ nhãn, phạm phu chỉ có nhục nhãn, ngoại đạo có tu hành cũng có được thiên nhãn, còn pháp nhãn và huệ nhãn thì người tu chánh pháp mới có, người chấp ngã thì không được. Khi chứng tới cùng tột mới có Phật nhân.

Hỏi: Trong kinh Bát Nhã nói “Không tu không chứng không đắc”, Sư phụ cũng nói như vậy, thế thì Sư phụ và chúng con ở đây làm gì?

Đáp: Ở đây tham thiền. Bây giờ là còn tu, đến chừng kiến tánh rồi mới biết là chẳng phải tu, cũng chẳng chứng đắc. Trong kinh Kim Cang, Phật nói “Nếu nói ta có chứng đắc Vô thượng Bồ đề, thì Phật Nhiên Đăng đã không thọ ký ta thành Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni. Vì ta chẳng chứng đắc Vô thượng Bồ đề, nên Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta thành Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni”. Theo như sư hỏi, đã không chứng đắc thì thọ ký cái gì, phải không? Sư hãy hỏi thử Phật Nhiên Đăng vậy.

Hỏi: Thế thì chưa chứng đắc vẫn phải tu, phải không?

Đáp: Nếu không dùng danh từ “Tu” thì dùng danh từ gì để nói? Nhưng Phật thì chẳng phải do tu mới thành, đã thành sẵn như trên tôi đã nói.

Hỏi: Vì chúng con chưa tin tự tâm, nên còn thắc mắc còn hỏi; Sư phụ thường dạy trong Tự tánh sẵn đủ tất cả, không cần phải học, nhưng khi Sư phụ giảng pháp thường dẫn chứng kinh này kinh kia, vậy xin hỏi đó là tự tánh của Sư phụ biết hay phải đọc qua kinh điển?

Đáp: Nói “biết” là biết của bộ não, cái biết của bộ não chưa phải là biết. Bây giờ tham thiền là muốn dẹp cái biết của bộ não, chứ không phải muốn cho bộ não biết thêm. Tổ Sư Thiền này do Phật Thích Ca thân truyền, chỉ chú trọng chữ Nghi, nghi là không hiểu không biết, chẳng có nghi thì chẳng phải tham thiền. (Sư phụ giảng về cách tu Tổ Sư Thiền, lược qua).

Sở dĩ dẫn chứng các kinh, chẳng phải có ý để biết thêm giáo lý cao siêu, nhưng vì có người chưa tin, nên chỉ để tăng cường lòng tin tự tâm mà thôi.

Hỏi: Phật tử đã thọ giới Bồ tát, khi phạm giới phải sám hối với ai? Bằng cách nào cho hết tội? Giới Bồ tát còn hay mất?

Đáp: Sám hối thì giới còn, không bị mất, và sám hối với người đã thọ giới Bồ tát. Nếu thọ giới Bồ tát tại gia thì sám hối với người Bồ tát tại gia cũng được, với người thọ giới Bồ tát xuất gia cũng được. Nếu đã thọ ngũ giới thì sám hối với người đã thọ ngũ giới. Cách sám hối rất dễ, chỉ nói với người ấy rằng “Tôi vô ý phạm phải giới này, xin ông chứng minh, về sau tôi không phạm nữa”.

Hỏi: Ví như khởi tâm muốn trộm cắp một món đồ gì thì sám hối được, nhưng nếu phạm giới Ba-la-di thì sao?

Đáp: Cũng sám hối được, giới Bồ tát hoàn toàn sám hối được.

Hỏi: Công năng của thần chú Lăng Nghiêm như thế nào? Tại sao có người trì chú vẫn bị ma quấy phá?

Đáp: Tất cả duy tâm tạo, trì chú có công hiệu hay không là do tâm chứ chẳng phải do chú. Người có tâm lực mạnh thì trì chú có công hiệu, dầu cho không trì chú vẫn có công hiệu; còn người tâm lực yếu thì có trì chú cũng chẳng công hiệu. Người giữ giới trong sạch, tâm luôn thanh tịnh thì trì chú có công hiệu.

Hỏi: Trong cuốn Noi gương Niệm Phật nói “Niệm một câu A Di Đà Phật diệt được tám mươi bốn ngàn tội sanh tử, được tám mươi bốn ngàn công đức vi diệu”. Trong công quả hằng ngày, lúc quét nhà lau nhà lỡ giết hại con kiến côn trùng thì câu Phật hiệu có diệt được tội đó không?

Đáp: Nếu nói niệm Phật diệt được tội thì không có nhân quả, ví như tạo ác nhân mà niệm Phật có thể tiêu tội thì đâu sợ tạo nghiệp! Ai cũng biết niệm Phật, kể cả con nít biết nói, chỉ cần dạy cho nó niệm Phật cũng được vậy! Chúng ta không thể y văn giải nghĩa, làm oan cho tam thế Phật. Hễ người phạm giới mà sám hối cũng chỉ diệt được tội phá giới, vẫn phải chịu tội nhân quả, chứ chẳng thể sám hối tội nhân quả. Nếu vô ý giết hại con vật thì sau này sẽ bị vô ý giết lại.

Hỏi: Chúng con còn chấp rằng phải lên chánh điện tọa hương đi hương mới có tâm tham thoại đầu, nếu làm việc nhiều quá thì tham không được, vậy phải làm sao?

Đáp: Chư Tổ nói “Phải thông thiết vì sanh tử”, nếu phát khởi nghi tình không được, phải tạm ngưng tham thiền mà suy nghĩ đến việc sanh tử của mình: Nay dù còn sống, nhưng có thể tối nay chết, có thể một lát ra đường bị xe đụng chết, có thể ngày mai chết... Bây giờ không nghĩ đến chết, cứ cho là còn sống đi; năm nay còn sống, sang năm thì thế nào? Dẫn cho sang năm còn sống, như tôi năm nay 71 tuổi, còn ngồi đây giải đáp thắc mắc cho quý vị, đến 81 tuổi tôi ở đâu? Đến 91 tuổi thì ra sao? 101 tuổi ở đâu? Thời gian có thể tiếp tục mãi, còn sự sống đâu thể tiếp tục mãi! Cũng phải có ngày phải chết.

Nay không lo giải quyết việc sanh tử, cứ lo việc ở ngoài: Lo thân, lo tiền lo của, lo gia đình con cháu... những thứ này vốn chẳng dính dáng đến mình, mà chẳng biết sau khi chết sẽ ra sao, hay sẽ đầu thai thành con chó, con heo? Cho nên nói sanh tử là việc lớn, phải giải quyết vấn đề sanh tử trước khi chết.

Hỏi: Ngài Lai Quả bảo buông bỏ kiến văn giác tri, thân tâm thế giới, tâm ý, ý thức để tiến đến đầu sào trầm thức. Còn ngài Nguyệt Khê lại bảo phải nương tựa lục căn, phá tan hầm sâu đen tối, vậy lời của hai vị ai đúng?

Đáp: Hai vị dù nói khác nhưng ý chẳng khác. Nếu theo ngài Nguyệt Khê thì mọi thứ tự động buông bỏ, ngài Lai Quả cũng vậy. Ngài thí dụ: Bốn phía áp nhau, trước có súng, sau có dao, hai bên là lửa, tới lui đều chẳng được, làm sao ra khỏi? Phải nhờ nghi tình. Lúc nghi tình nổi lên, đâu biết đến bốn phía như thế nào, cứ vậy mà đi là ra khỏi. Nói buông bỏ hay không buông bỏ chỉ là lời nói phương tiện mà thôi, hễ có nghi tình thì tự động buông bỏ, nếu không có nghi tình thì muốn buông bỏ cũng chẳng được.

Hỏi: Nghi tình phát khởi, ngày đêm ngủ không được, vậy có cần buông bỏ không?

Đáp: Nếu ngày đêm có nghi tình làm cho không ngủ được là tốt, chẳng ảnh hưởng đến sức khỏe.

[09] 14/07/94–20/07/94 tại Chùa Từ Ân , Quận 11.

Hỏi: Theo Tịnh độ có 9 phẩm, tùy theo sự tu chứng của mỗi người đi về từng phẩm, còn theo Tổ Sư Thiên phải đi đến kiến tánh thành Phật. Nhưng nếu trong thời mạt pháp, chúng con không thể kiến tánh ngay kiếp này thì sẽ đi về đâu? Và nợ cơm áo của Đàn na tín thí làm sao trả?

Đáp: Đối với vấn đề đi về đâu; Phật tánh khắp mọi nơi, khắp không gian thời gian, chẳng có chỗ sanh khởi và cuối cùng, ấy mới là bất sanh bất diệt của Phật tánh, nếu có

chỗ về thì chẳng phải Phật tánh. Như Tịnh độ nói “Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh”, vô sanh là chẳng có sự sanh khởi, hễ có sanh tức có bắt đầu, có sanh tức có diệt, vẫn còn trong sanh tử luân hồi. Nên người chứng ngộ nói “ngộ pháp vô sanh”, đã vô sanh thì đi về đâu? Do chấp thật có sanh nên mới có tử, mới nói là có chỗ về, nên cứ ở trong sanh tử luân hồi mãi.

Hỏi: Con muốn xuất gia, nên tìm đọc quyển lịch nói về năm xuất gia xem có thuận lợi hay không, trong đó có chỉ dẫn cả ngày giờ xuống tóc, đọc xong khiến con do dự, vì năm nay con gặp năm súc sanh, năm tới gặp năm ngựa quý, tuy nhiên người tu hành không cần xem xét những vấn đề này, nhưng vì con tuổi già sức yếu, không biết có vượt qua những khảo đảo và bệnh hoạn hay không?

Đáp: Người viết cuốn sách này đã gieo tội địa ngục, vì không biết Phật Pháp, dùng pháp mê tín hại người, gọi là cuồng vọng thuyết pháp, tạo tội địa ngục. Phật tánh của mọi người đều đầy đủ, mặc dù nay là chúng sanh, nhưng đã thành Phật. Những gì bà nói đều là pháp mê tín, xuất gia là vì muốn liễu thoát sanh tử luân hồi, chứ đâu phải vì cái khác mà phải sợ đến tướng số!

Nay nhiều người xuất gia, ở chùa hưởng sự cúng dường của Phật tử mười phương nhưng vẫn còn lo cho gia đình, như đám giỗ ông bà cha mẹ cũng do Phật tử cúng dường, đã xuất gia thì không có nhà, nay lợi dụng sự xuất gia, nhờ Phật tử giúp đỡ cho gia đình, lo cho con cháu, ấy là hư tiêu tín thí, là tội địa ngục, sau này từ địa ngục ra, còn phải làm trâu làm ngựa trả nợ thí chủ, hại còn nhiều hơn ích, chẳng thà không xuất gia còn không gây tội nặng như thế. Cho nên tôi thường khuyên ai muốn xuất gia phải là người quyết tử, không biết đến gia đình con cháu mới được, nếu không chẳng thà tu tại gia tốt hơn.

Hỏi: Tâm mình trong sạch, tại sao lại ham dính bụi?

Đáp: Sắc thanh hương vị thuộc tiền trần, trần là bụi, khiến dơ mình, tại sao lại cứ muốn dính bụi? Ví như tâm gương vốn sáng, chiếu soi rõ mặt mũi, hễ dính đầy bụi thì mất tác dụng chiếu soi, nay muốn cho không dính bụi, nên phải tham thoại đầu. Tại sao? Sở dĩ dính bụi là do sự biết: Biết sắc đẹp thì ham, biết sự khen ngợi của người khác thì mừng... Nay tham thiền dùng cái không biết để tu, thấy sắc chẳng biết xấu hay đẹp, nghe tiếng cũng chẳng biết khen hay chê thì đâu dính bụi? Nên phải dùng cái không biết để cho không dính bụi. Hễ không dính bụi thì ánh sáng gương được hiện, người nam đến thì hiện tướng nam, nữ đến hiện tướng nữ, rõ ràng chiếu soi.

Hỏi: Phiền não của con rất sâu đậm, con chẳng thể phá tan được, kính xin Sư phụ khai thị?

Đáp: Kinh nói “Trực tâm là đạo tràng”, nay tôi hỏi cô, mà tôi hỏi cái nào thì cô trả lời cái nấy, phải dùng tâm ngay thẳng để trả lời:

- Cô nói phiền não sâu đậm, vậy cô phải biết phiền não của cô sanh khởi từ chỗ nào?
- Dạ thưa sanh khởi từ lửa sân.
- Vậy lửa sân sanh khởi từ chỗ nào?
- Dạ thưa nó có đủ thứ...
- Tôi chỉ hỏi cô nó sanh khởi từ chỗ nào, trong thân của cô thì cô phải biết nó sanh khởi từ đâu chứ! Ví như trong túi tôi có tiền, người ta hỏi tôi “Trong túi ông có tiền không?” Tôi nói “có”, Hỏi “Có bao nhiêu?” Tôi nói “Có mười ngàn”.

- Đồ của mình thì mình phải biết, cô nói phiền não của cô mà cô lại không biết nó sanh khởi từ đâu?

- Dạ thưa vì việc gia đình của con, việc gì nó cũng dồn tới ...

- Thân cô đâu phải của gia đình? Cho dù là cha mẹ cô thì cũng là thân của người khác, đâu phải của cô? Ví như bây giờ cô đang đói, cha mẹ cô có thể ăn no giùm cô được không? Anh em có thể ăn no giùm cô được không? Cha mẹ anh em khác hơn thân của cô mà! Bây giờ phiền não đó đâu phải là cha mẹ hay anh em sanh ra? Làm sao nói là gia đình được?

- Dạ, cũng như con cháu của con nó không nghe lời ...

- Con cháu đâu phải thân cô? Nay tôi nói cho cô biết, phiền não đó chẳng phải của cô, tại cô suy nghĩ phiền não nên mới thành phiền não. Cái suy nghĩ đó tức là biết, do bộ óc suy nghĩ cho cái này cái kia là phiền não, nhưng sự thật bộ óc vốn trong sạch chẳng phiền não, phiền não là ở ngoài bộ óc của cô. Nếu cô không suy nghĩ đến những phiền não đó thì phiền não đâu dính mắc? Bây giờ cô thì không biết có bộ óc, nhưng cô cũng biết có suy nghĩ, thì năng suy nghĩ đó là bộ óc, sở suy nghĩ là phiền não. Năng thì chẳng phải sở, sở chẳng phải năng; năng suy nghĩ đó mới là của cô, sở suy nghĩ chẳng phải của cô. Cho nên phiền não chẳng phải của cô, tại cô suy nghĩ rồi lấy cái đó cho là của cô. Do cô tự mình không biết được nguồn gốc suy nghĩ đó, bản thể suy nghĩ đó, nay tôi đem những việc trước mắt có thể thấy thí dụ cho cô được rõ:

Hai chân của cô là năng đi, con đường có gai góc cứt sinh là sở đi của hai chân, cũng như tâm là năng suy nghĩ, phiền não là sở suy nghĩ của cô; cái năng suy nghĩ vốn chẳng có phiền não, cũng như hai chân vốn chẳng dính cứt sinh, con đường có gai góc cứt sinh đó chẳng dính dáng với hai chân, tại hai chân ham đắm lên con đường cứt sinh mới bị dính mắc, rồi cho cứt sinh đó là của cô, vậy có được không?

Đức Phật đã chỉ cho chúng ta con đường bằng phẳng, nhưng mình không chịu đi, cứ ham đi trên đường gai góc cứt sinh, rồi nói “Con đường đó dơ quá khiến tôi bị dính mắc cứt sinh”. Lại nói “Cứt sinh đó của tôi!” Nếu không đắm lên con đường đó thì đâu bị dính? Phải vậy không? Cho nên, cô nói “bị phiền não sâu đậm” là không đúng, đó ở ngoài tâm cô. Bây giờ cô chỉ tham thiền, không biết tới những cái đó, tức không suy nghĩ thì chẳng bị phiền não chướng ngại.

Hỏi: Trong Kinh dạy “người tu hành phải phát Bồ Đề tâm, nếu không thì như cày ruộng mà không gieo giống”. Kính bạch Sư phụ, Bồ đề tâm này có tương đương với Từ bi tâm không? Chúng con phải phát Bồ đề tâm để tu hành không?

Đáp: Bây giờ tôi hỏi bà: Bà nói Bồ đề tâm, vậy Bồ đề tâm là cái gì?

- Dạ con chưa được rõ lắm.

- Bà nghe vị giảng sư nào giảng “Phải phát Bồ đề tâm” mà bà không hiểu thì phải hỏi vị giảng sư ấy, nếu không thì làm sao phát tâm?

- Vậy kính xin Sư phụ giảng cho con được rõ.

- Hai chữ Bồ Đề là tiếng Ấn Độ, nghĩa là giác ngộ, cũng có người dịch là “Đạo”, tức đạo giác ngộ. Vậy giác ngộ cái gì? Giác ngộ cuối cùng gọi là “vô sở đắc”. Tại sao? Vì trong tâm sẵn đủ thân thông trí huệ, khắp không gian thời gian, chẳng thiếu sót chút nào, nên chẳng cần đắc nữa. Nếu còn có sở đắc thì chẳng phải Bồ đề tâm. Cho nên, phát tâm Bồ đề tức phát tâm vô sở đắc. Đó cũng là tại sao trong mười điều kiện thực hành tham Tổ Sư Thiền, điều trước tiên là “Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”, thì tâm này là tâm Bồ đề.

Chư Tô có câu “Phiền não tức Bồ đề”. Tại sao? Vì vô sở đắc thì làm sao đắc phiền não? Đắc sự hạnh phúc sung sướng còn không có, huống là phiền não? Không có phiền não tức Bồ đề, chẳng những phiền não tức Bồ đề, tất cả đều là Bồ đề, vì vô sở đắc vậy.

Hỏi: Trong lúc con dự Thiền thất, có hai buổi con bị rơi vào tình trạng như sau: Gần cuối giờ tọa thiền, đang tham con ngủ thiếp đi lúc nào không hay nhưng vẫn ôm câu thoại đầu, khi thức tỉnh thì thấy thầy đang dẫn chúng đi hương, Xin Sư phụ chỉ ra chỗ sai của con để con sửa, hầu tránh tình trạng đi sai một bước cách xa ngàn dặm?

Đáp: Bây giờ biết đúng cũng là sai, biết không đúng cũng là sai, biết mình tinh tấn cũng là sai, biết không tinh tấn cũng là sai, vì tham thiền là dùng sự không biết để tu, nay có một niệm biết tức chẳng phải tham thoại đầu, có sự biết là trái với nghi tình, nên không thể cho là đúng hay sai.

Nay đang tập tham tất nhiên còn có sự biết, đến khi tới thoại đầu rồi tất cả đều không biết. Mục đích của chúng ta là muốn đến chỗ đó, nên phải tập giữ cái không biết để tu. Mà cái không biết này khác hơn cái không biết của ngủ mê, khác hơn cái không biết của người tâm thân, người khờ ngốc, vì những cái không biết kể trên không có tánh ham biết. Con người thì có tánh ham biết, khi giữ cái không biết để tu, đụng với tánh ham biết mới khởi lên thành nghi tình, mới gọi là tham thiền.

Hỏi: Để phá tan phiền não vọng tưởng trong lúc tham thoại đầu, con nhớ sáu câu kệ của ngài Lục Tổ “Tà đến phiền não tới, chánh đến phiền não trừ. Tà chánh đều chẳng chấp, thanh tịnh đến cùng tột. Hễ bỏ tâm chấp quấy, phiền não tự tan rã”. Những lúc vọng tưởng đến, con có thể tạm ngưng thoại đầu trong giây lát để áp dụng sáu câu này không?

Đáp: Không cần. Sáu câu này của Lục Tổ dạy là muốn chúng ta giữ được nghi tình, hễ giữ được nghi tình là đã thực hành sáu câu này rồi. Nói tà đến là vọng tưởng, chánh đến là nghi tình, đến cuối cùng nghi tình bùng nổ thì tà chánh đều hết, lúc đó mới tới cùng tột. Nay chưa tới cùng tột, giữ được cái chánh tức nghi tình thì vọng tưởng nổi lên chẳng được tức tà không đến.

Lúc mới tập tham, vọng tưởng cứ nổi lên hoài, lúc vọng tưởng nổi lên thì nghi tình ngưng, đề khởi nghi tình thì vọng tưởng ngưng, vọng tưởng với nghi tình đánh nhau, có khi vọng tưởng thắng thì nghi tình mất, khi nghi tình thắng thì vọng tưởng mất, tập dần dần đến khi nghi tình thắng hoàn toàn, vọng tưởng nổi lên không được, chỉ còn cái chánh. Khi nghi tình bùng nổ thì tà chánh đều sạch, lúc đó mới là thanh tịnh đến cùng tột. Chỉ cần giữ câu thoại đầu tham tới mãi, chứ không cần niệm sáu câu này.

Hỏi: Thế nào là Vô Môn Quan?

Đáp: Vô môn quan là công án của Thiền tông: Vô môn là không có cửa, Quan là cửa ải, ví như bốn bề là vách tường, chẳng có cửa mà ra vào được, là thấu Vô Môn Quan. Thiền tông gọi Vô môn quan tức khán thoại đầu và tham thoại đầu, từ chỗ không cửa mà thấu qua được tức kiến tánh.

Hỏi: Nói Thân cận Thiện tri thức, mục đích chỉ vì cầu pháp cầu trí huệ, vậy tại sao Đức Phật trong kinh Kim Cang nói “Ta ở nơi Phật Nhiên Đăng, chẳng có thật đắc pháp A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề”? Như thế chẳng phải đánh mất mục tiêu cầu pháp cầu trí huệ sao?

Đáp: Phải biết tại sao Đức Phật nói như thế? Câu nói này chỉ có người kiến tánh rồi mới có thể nói, vì người đã kiến tánh tất cả thần thông trí huệ đều sẵn đủ, không lọt

vào có không. Nếu còn kiến lập một pháp nào, nói Có là thật có, ấy là thêm; nói Không là thật không, ấy là bớt. Vì muốn phá chấp có và không của chúng sanh, nên không có kiến lập. Đây cũng chính là sự khác nhau giữa Phật giáo và các tôn giáo khác; các tôn giáo đều kiến lập chơn lý, Phật giáo thì không. Vì Phật tánh sẵn có này đã là chơn lý rồi, nếu còn kiến lập tức thành hai chơn lý, hễ có hai chơn lý tức chẳng phải chơn lý rồi.

Hỏi: Đức Phật đã kiến tánh, nói như thế thì được, nhưng đối với hàng phàm phu chúng tôi, có phải nên cầu mới đắc?

Đáp: Nếu cầu mà đắc thì không có nhân quả, phải không?

Hỏi: Vậy thì đâu cần thân cận Thiện tri thức nữa?

Đáp: Nếu nói không cần cũng không được, nếu chẳng luyện bỏ tạp chất thì vàng thiệt đâu thể hiện ra? Cho nên, chẳng phải là cần hay không cần, đó tùy thuộc vào căn cơ trình độ của mỗi người, nên mới có tám mươi bốn ngàn pháp môn.

Hỏi: Thế nào là lọt vào vô ký không?

Đáp: Bây giờ chúng ta tham thiền phải chú trọng nghi tình, có nghi tình mới gọi là tham thiền. Nhưng vì mới tập tham, vọng tưởng cứ nổi lên hoài, vọng tưởng nổi lên thì nghi tình mất, nghi tình nổi lên thì vọng tưởng mất, có vọng tưởng có nghi tình hai thứ cứ xen lẫn nhau. Tham được một thời gian, vọng tưởng bớt mà nghi tình cũng không nổi lên, tức không có vọng tưởng cũng không có nghi tình, gọi là lọt vào vô ký không. Hễ lọt vào vô ký không thì chẳng thể kiến tánh, nên phải mau mau đề khởi thoát đầu đề có nghi tình lại. Vì nghi là nhân, ngộ là quả, không có nhân thì không có quả, nên người tham thiền phải luôn giữ được nghi tình.

Hỏi: Có một vị hành giả tự mình ăn chay nhưng lại bán đồ mặn, vậy có bị nhân quả không?

Đáp: Dĩ nhiên là bị nhân quả, hễ khởi tâm động niệm đều có nhân có quả, huống là làm! Ví dụ: Cha mẹ vì sợ nhân quả nên ăn chay, lại thương con đi mua thịt cho con ăn, ấy là phải chịu nhân quả, thịt thì con ăn, nợ thì cha mẹ phải chịu.

Hỏi: Phật Pháp và thế gian pháp là một hay hai?

Đáp: Phật Pháp cũng là thế gian pháp, vì thế gian pháp cũng là tâm, Phật Pháp cũng là tâm. Tâm cũng như đất, chẳng cái gì rời khỏi đất mà sanh trưởng cả, nên nói là tâm địa. Người thế gian cũng phải sống trên mặt đất, nhà cửa cây cối cũng phải ở trên mặt đất, mà mặt đất thì ở trên tâm chứ chẳng phải ở ngoài. Phật nói “Nhất thiết duy tâm tạo”, nếu thế gian ở ngoài Phật Pháp thì chẳng phải nhất thiết rồi.

Hỏi: Thiền sư Bác Sơn nói “Dù cho bát cảnh thay nhau hiện trước mắt cũng chẳng màng đến”, vậy thế nào là bát cảnh?

Đáp: Bát cảnh cũng là bát phong, tức được, mất, khen, chê, vinh, nhục, khổ, vui. Ý nói là đối với tất cả những tình cảm tốt xấu đều không bị ảnh hưởng, gọi là bát phong thổi chẳng động.

Trong Thiền tông có một công án: Ông Tô Đông Pha là nhà văn nổi tiếng đời nhà Tống Trung Quốc, đồng thời cũng là một vị có tu hành, chơi thân với Thiền sư Phật Ấn, một vị Thiền sư đã kiến tánh. Tô Đông Pha thường hỏi pháp với Thiền sư, lúc đó hai người ở cách nhau bởi con sông Trường Giang.

Một hôm, Tô Đông Pha viết một lá thư cho Thiền sư, nói rằng ông đã tu đến bát phong thổi chẳng động. Thiền sư nhận được thư, hạ bút phê trên đó hai chữ “địt, địt” (*trung tiện, cũng có nghĩa là nói bậy*) và gửi trả lại cho Tô Đông Pha.

Khi nhận được thư, Tô Đông Pha rất giận, nói “Tôi chỉ trình công phu, sao lại sỉ nhục tôi như thế!” Liền qua sông trách vấn Thiền sư. Thiền sư nói “Chẳng phải trong thư ông nói là bát phong thổi chẳng động ư? Sao lại bị hai cái địt đó thổi qua sông vậy!”

Tôi thấy nhiều hành giả tham thiền cũng có tình trạng như thế, tự mình khoe công phu đắc lực, sự thật thì không phải.

Hỏi: Tổ Sư Thiền là dùng cái không biết để tu đến khi bùng vỡ sự không biết, nhưng Như Lai Thiền là dùng sự biết để tu, làm sao lại có thể đạt đến chỗ không nghi tan rã?

Đáp: Như Lai Thiền dùng sự biết để tu, biết bao nhiêu mới tu bấy nhiêu. Ví như Giáo môn thuộc Như Lai Thiền, ở Trung Quốc gồm bốn tông: Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức. Nay trong Phật học viện cũng còn dạy Duy thức, nhưng Duy Thức Quán Thiền lại chẳng có ai tu.

Ở Việt Nam còn pháp Chi Quán thiền của tông Thiên Thai, gồm tam chỉ tam quán, gọi là Không, Giả, Trung. Người tu chỉ ngưng nghi quán xét, ban đầu quán Giả, ví như quán cái tách này không thật, cái bàn này không thật, cho là giả, quán đến cuối cùng thì giả cũng chẳng phải thật giả, lại quán Không, đến cuối cùng thì Không cũng chẳng phải thật không. Chẳng phải thật giả, chẳng phải thật không, là cái gì? Phải quán Trung, cũng như Không với Giả là hai đầu, Trung là ở giữa. Hai đầu đã không thành lập thì ở giữa làm sao thành? Vậy chẳng phải giả, chẳng phải không, chẳng phải trung, là cái gì? Từ đó mới phát lên nghi tình như tham thiền vậy.

Chỉ là ngưng nghi, có ba cấp:

1/ Hệ duyên chỉ: Tâm mình như con khi chẳng chịu ngưng nghi, nay đem buộc lại ở dưới rốn không cho phan duyên, gọi là Hệ duyên chỉ.

2/ Tiến thêm một bước, gọi là Tùy duyên chỉ, ví như ham thích cái này, nay không còn ham thích nữa; ghét cái này từ nay không ghét nữa, tùy duyên ngưng nghi là chỉ.

3/ Cuối cùng phán xét ba thứ Không, Giả, Trung đều chẳng phải, vậy là cái gì? Phát khởi nghi tình, gọi là Thể chơn chỉ. Thể là thể cứu, thể cứu chơn thật, sau cùng phát nghi rồi đến ngộ.

Ví như người tu Tịnh độ muốn sanh cõi Cực Lạc, vì tin tham thiền không nổi, nên chỉ tu pháp Tịnh độ tới Bất Thối Địa tức không lui sụt, đến Cõi Cực Lạc rồi do Phật A Di Đà dạy tham thiền, phát nghi rồi đến ngộ.

Pháp môn nào cũng vậy, cuối cùng là từ nghi đến ngộ, cuối cùng cũng thành Phật, nhưng phải trải qua con đường xa hơn, còn tham Tô Sư Thiền là pháp thiền trực tiếp, thẳng tắt hơn.

Hỏi: Con xem kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật có dùng phương tiện phá lục căn và lục trần không thật. Lục căn và lục trần sanh ra lục thức, căn và trần không thật thì thức cũng không thật, vậy tại sao Đức Phật không phá luôn một thể, mà phải dùng đủ thứ thí dụ chứng tỏ lục thức chẳng thật?

Đáp: Thức là sự phân biệt của bộ não, phạm tất cả do bộ não nhận thức được đều không thật. Trong kinh Lăng Già giảng về Duy thức để phá sự chấp của ngoại đạo, ngoại đạo giảng Kinh cũng dùng danh từ và giải nghĩa giống như Phật, khiến nhiều

người hiểu lầm. Mặc dù lời của Phật và lời của ngoại đạo giống nhau, nhưng nếu xem xét kỹ thì khác. Tại sao? Vì ngoại đạo có sở trụ còn Phật thì vô trụ.

Tất cả danh từ lục căn, lục trần, lục thức ... đều có số lượng, trong Kinh gọi là tự tâm hiện lượng. Nếu hiện ra số lượng thì chẳng phải chơn tâm, vì chơn tâm của mình tức Phật tánh, vốn chẳng hình tướng số lượng. Nay dù có trí huệ cao nhất, số lượng cao nhất cũng là vọng, cũng gọi là tự tâm hiện lượng. Trong Kinh nói “Nếu ngộ được tự tâm hiện lượng tức giải thoát”. Trong kinh Lăng Nghiêm cũng có giải thích, nhưng kỹ càng nhất là kinh Lăng Già.

Hỏi: Tu theo tông chỉ của Tịnh độ và tông chỉ của Thiền tông đưa đến kết quả như thế nào?

Đáp: Tông chỉ của Tịnh độ, của Thiền tông, kể cả của các tông các phái trong Phật giáo, mục đích đều như nhau, cũng là muốn thành Phật. Thành Phật không phải trở thành một vị thần linh, mà là giác ngộ, ở trong chiêm bao thức tỉnh thì khổ trong chiêm bao tự dứt. Vì giác ngộ mới giải thoát tất cả khổ, đạt đến tự do tự tại, cho nên nói là thành Phật, kỳ thật Phật đã thành sẵn, Kinh Viên Giác nói “Tất cả chúng sanh đều đã thành Phật” (*Sư phụ thí dụ quặng vàng, lược qua*).

Tất cả pháp môn cuối cùng chỉ là hiện ra Phật tánh, thật ra nói Phật tánh là tâm. Tại sao nói Phật tánh? Vì chữ Phật nghĩa là giác ngộ, tâm này có tánh giác ngộ, nên gọi Phật tánh; nếu không có tánh giác ngộ thì chẳng thể thành Phật.

Nói đến chữ Tâm thì tất cả đều là tâm, “vạn pháp duy tâm”, “tất cả do tâm tạo”, vũ trụ vạn vật, địa, thủy, hỏa, phong v.v... đều bao gồm trong đó, chẳng cái nào thiếu sót, cho nên nói tất cả pháp thế gian đều là Phật Pháp; Lục Tổ nói “Phật Pháp tại thế gian, chẳng lìa thế gian giác”, cái tách này, bình này, kể cả cái thân này đều từ diệu tâm sanh ra. Bây giờ chúng sanh chấp cái thân này là ta, còn cái tách, cái bình chẳng phải ta, nếu theo Phật Pháp thì tất cả đều là ta, bởi vì tất cả đều từ tâm sanh ra, thì đâu có cái nào ở ngoài tâm? Nên nói đều là tự kỷ. Nếu tất cả đều là tự kỷ, thì mặc dù nói là ta, nhưng đã phá được ngã chấp, chẳng còn tương đối, nên nói là đồng thể bi, tất cả đồng một bản thể (*tâm*).

Thế thì Tịnh độ cũng là tâm, Thiền cũng là tâm, những người tu Tịnh độ do không biết nên chấp thật cái thân này.

Nếu nói cho đúng thì Phật giáo chẳng phải là một tôn giáo, hai chữ Tôn Giáo là do người Nhật đặt ra, tất cả các tôn giáo khác như Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo... chú trọng về tín ngưỡng, phải tin Giáo chủ, nên thuộc về tôn giáo; còn Phật giáo thì khác, Phật Thích Ca nói “Tất cả chúng sanh đều là Phật”, đều bằng với Phật.

Vì tâm chẳng có hình tướng số lượng, bộ não chẳng thể nhận biết, nhưng sự dụng thì rõ ràng, ví như cái thân này, cái tách này, cái bàn này, ghế này... đều là dụng của tâm, vũ trụ vạn vật đều là dụng của tâm, nên Đức Phật nói “Nhất thiết duy tâm tạo”. Nhưng nhà khoa học thì không tin, chỉ tin vào vật chất, nói tâm này cũng do vật chất sanh ra. Ngài Nguyệt Khê trong Đại Thừa Tuyệt Đới Luận có một biểu đồ nói về bốn thừa: Tiểu thừa nói về duy vật, Trung thừa nói về duy tâm, Đại thừa nói tâm vật hợp một, Tối thượng thừa thì vô sở trụ, nói chẳng phải tâm, chẳng phải vật, tức chẳng phân biệt tâm khác với vật, là phi tâm phi vật, chẳng phải có hai.

Ví như mấy mươi cây đèn trong một phòng, đèn lớn ánh sáng mạnh, đèn nhỏ ánh sáng yếu, đèn dù khác nhau nhưng ánh sáng chẳng phải có hai; năm cây đèn cũng chỉ một ánh sáng, một triệu cây đèn cũng chỉ một ánh sáng. Lại nữa, những người học khoa

học thì biết rõ ánh sáng cùng khắp hư không, đã cùng khắp thì sự tương đối tự nhiên tiêu diệt, chẳng còn tương đối nữa.

Theo Phật Pháp, nguồn gốc của tương đối là hữu và vô, hữu là có, vô là không. Tất cả chúng sanh đều do chấp ngã mới gây ra đủ thứ khổ và phiền não, tức chấp thân này là ta, bây giờ thành lập có ta tức hữu ngã, được không? Ví dụ thân ta là một trong những cây đèn, muốn thành lập hữu ngã thì phải chỉ ra ánh sáng đèn nào thuộc về của ta, quý vị có ai chỉ ra được không? Ánh sáng đèn cùng khắp chánh điện này, có ai chỉ ra được ánh sáng nào là của ta? Không được. Tại sao? Vì ánh sáng đèn nào cũng cùng khắp, dù lớn hay nhỏ, bao nhiêu triệu cây đèn cũng cùng một ánh sáng, chẳng sức mạnh nào chia thành hai ánh sáng được.

Thế thì nói là không có ta, tức vô ngã, được không? Muốn thành lập vô ngã, quý vị phải chỉ ra chỗ nào không có ánh sáng đèn của ta? Chỗ nào cũng cùng khắp, vậy muốn thành lập nghĩa vô ngã cũng không được, vì chẳng thể chỉ ra.

Mặc dù chẳng thể chỉ, nhưng không phải là không có những cây đèn khác biệt, ví như một trăm cây đèn vẫn là một trăm cây, đèn lớn vẫn phát ra ánh sáng mạnh hơn, đèn nhỏ vẫn phát ra ánh sáng yếu hơn, chứ chẳng phải tương đối tiêu diệt rồi ánh sáng và đèn cũng tiêu diệt luôn. Cho nên, tất cả chúng sanh dù cùng một Phật tánh, cùng một tâm, nhưng mỗi mỗi chúng sanh vẫn là khác nhau, cũng như tất cả đèn cùng chung một ánh sáng mà mỗi mỗi đèn vẫn khác nhau vậy.

Nếu chúng ta sanh khởi tâm chấp thì có cái này cái kia, muôn ngàn sai biệt; có Tịnh độ, Thiên tông, Thiên thai, Hiền thủ, Duy thức, Tam luận... đủ thứ tông phái, cho đến tà ma ngoại đạo, thế gian công thương kỹ nghệ... Nhưng công thương kỹ nghệ, tà ma ngoại đạo, tông phái này tông phái kia đều là một tâm chứ chẳng phải hai tâm. Do đó, nói Phật giáo chẳng phải tôn giáo, vì tất cả đều gồm trong đó. Nếu hiểu được tất cả đều ở trong tâm, chẳng phải ở ngoài thì khỏi cần phân biệt Tịnh độ và Thiên, sở dĩ có phân biệt vì có tâm chấp vậy.

Nay người đời nhìn Phật giáo như là một tôn giáo, vì thấy Phật giáo đồ mê tín, cho rằng Phật giáo là một tôn giáo mê tín. Sự thật thì giáo lý của Phật giáo là chánh tín, là phá mê tín, nhưng vì Phật giáo đồ không hiểu, trong Thiên tông có nói “Ấy chẳng phải lỗi tại đệ tử, là lỗi tại người Thầy”, tại Tu sĩ tự mình mê tín rồi dạy Phật tử cũng mê tín theo.

Tại sao nói chánh tín là phá mê tín? Như Bát Nhã Tâm Kinh, các chùa ngày thường đều tụng mấy lần, tụng thì tụng, mà trong cuộc sống hằng ngày thì nghịch với Kinh: Trong Kinh nói “Vô lục căn, lục trần, lục thức, vô lão tử... cho đến vô Khổ Tập Diệt Đạo, vô trí diệc vô đắc”, vô lão tử là không có già chết, cái đó còn thuộc phạm vi Giáo môn chứ chưa phải Thiên môn, người ta còn tin không nổi, huống là Thiên môn bất lập vẫn tự, làm sao tin nổi! Nếu muốn phổ biến cho nhiều người thì phải dạy người ta mê tín, đó mới dễ tin và phổ biến được nhiều, vì những người mê tín rất dễ dàng đem gia tài đi cúng, họ cho rằng càng cúng nhiều càng được phước nhiều. Còn dạy người chánh tín thì tất nhiên khó tin rồi. Chỉ có những người đã phát tâm tu giải thoát, kiếp trước đã tu, đã gieo trồng thiện căn rồi, kiếp này mới có lòng tin chơn thật. Kinh Kim Cang nói “Phát lòng tin trong sạch, chẳng phải chỉ kiếp trước nơi một Phật hai Phật gieo trồng thiện căn, mà là vô lượng vô biên hằng sa chư Phật gieo trồng thiện căn”, mới được lòng tin trong sạch như hiện nay vậy. Có lòng tin chắc chắn, sự tu mới chắc chắn, giải thoát mới chắc chắn.

Nhiều người đã phát tâm tu, ấy là nhiều kiếp đã gieo trồng thiện căn, mới có nhân duyên đến dự Thiên thất, đến nghe tôi giảng về pháp chánh tín. Tôi không bao giờ

giảng về mê tín, người cúng dường chánh tín không mong đợi phước báo và cúng dường vô điều kiện, không đòi hỏi tôi tụng kinh cầu an cầu siêu, cũng không cần biết phước báo đó sẽ lớn như thế nào.

Tôi đến giảng tại các Phật học viện, mặc dù tôi chuyên hoằng Tổ Sư Thiên, nhưng người ta hỏi về Tịnh độ thì tôi giải đáp về Tịnh Độ, hỏi về Thiên giải đáp thiên, cho đến các pháp môn khác. Ai thích tu pháp môn nào thì tôi dạy pháp môn đó, chứ chẳng phải bắt buộc mọi người phải tu Tổ Sư Thiên.

Hỏi: Trong chùa có nuôi chó mèo, con mèo không chịu ăn chay, vậy có thể mua cá cho nó ăn không?

Đáp: Người nào mua cá cho mèo ăn thì người đó trả nợ giùm con mèo.

Hỏi: Vậy nếu con mèo bị chết đói thì chúng con có phải chịu tội nhân quả không?

Đáp: Trong giới Bồ tát cấm nuôi mèo, tại sao? Vì nó sát sanh. Nay muốn nuôi con mèo để nó bắt chuột là gián tiếp sát sanh, còn phải trả nợ mạng nữa.

Hỏi Những vật thực cúng vong, người tu không ăn được, tại sao?

Đáp: Tôi thì có ăn, người ta cho tôi, tôi ăn hết.

Hỏi: Tại sao lúc nhập Hạ, buổi trưa ăn cơm quá đường thường cúng súc sanh, và đọc câu “Đại bàng kim xí điều, khoáng giả quỷ thân chúng” là như thế nào?

Đáp: Đó gọi là thí thực, nhưng nếu nói biến một hạt gạo thành bảy, bảy biến thành bốn mươi chín, cứ biến hoài bằng biến thực chơn ngôn ấy phải có sức biến, nếu không có sức biến tức trở thành lừa gạt. Vì có mấy hạt cơm thì làm sao đủ cho người ta ăn no? Hễ biến được thì bao nhiêu cũng đủ, dầu biến cho con người ăn cũng được nữa.

Hỏi: Vậy phải là người kiến tánh rồi mới biến được?

Đáp: Không phải, người ấy phải trì giới trong sạch, phải có sức tu và tâm lực mạnh mới biến được, vì nhất thiết duy tâm tạo. Cho nên, nếu là người không đủ sức biến tức thành lừa gạt.

Hỏi: Nhân quả và nghiệp lực có giống nhau không?

Đáp: Nghiệp do nhân quả mới có, gọi là nghiệp nhân nghiệp quả; hễ nổi lên một niệm thiện thì tạo nghiệp thiện được thiện quả, nổi một niệm ác là tạo ác nghiệp bị ác quả. Có nghiệp nhân mới có nghiệp quả, nay chúng ta chưa kiến tánh, vẫn phải theo nghiệp xoay chuyển: nổi niệm lên cũng là nghiệp, theo niệm đi làm cũng là nghiệp, nếu không có nghiệp thì không có luân hồi.

Hỏi: Chúng sanh trong vòng tam giới chưa được giải thoát, các Bồ tát và A-la-hán đã giải thoát rồi, vậy cảnh giới của những vị này đang trụ xứ khác hay không khác?

Đáp: Bây giờ không lo cho mình tu giải thoát mà lo cho các bậc Thánh, cảnh giới của những bậc này đâu cần mình lo! Dầu cho lo cũng đâu biết được? Công phu của mình đến chỗ nào mới biết đến chỗ đó, Bồ tát chúng quả Sơ địa muốn biết về Nhị địa cũng không được, chúng quả Nhị địa rồi muốn biết cảnh giới Tam địa cũng không được. Bậc Bồ tát đã cao hơn A-la-hán, Bích Chi Phật còn không thể biết, huống là chưa chúng ư! Biết có lợi ích gì? Muốn biết thì phải lo tu.

Hỏi: Trong kinh Pháp Bảo Đàn có câu “Hữu tình lai hạ chủng, gieo nhân quả ắt thành, vô tình diệp vô chủng, vô tánh diệp vô sanh”. Vậy thế nào là vô tánh diệp vô sanh?

Đáp: Bài kệ này là kệ truyền Pháp của Ngũ Tổ truyền cho Lục Tổ: Hữu tình mới có thể gieo giống, tức tu thành Phật, có nhân địa quả mới được sanh, còn vô tình thì không phải hạt giống Phật, chẳng thể thành Phật.

Hỏi: *Vậy tại sao trong Tam tạng giáo điển lại nói “Hữu tình vô tình đồng viên chủng trí”?*

Đáp: Nếu không phân biệt thì hữu tình và vô tình đều là do tâm tạo. Nhưng hữu tình mới có tâm, vô tình thì chẳng tâm; có tâm đã thành Phật, vô tình vô tâm, lấy gì để thành Phật? Nó chỉ sanh trưởng theo công thức mà thôi. Cũng có người nói: Cây cỏ cũng có sinh mạng, như lấy dao chặt cây cũng ra mù như con người ra máu vậy; giết hữu tình là sát sanh, đốn cây chặt cỏ cũng sát sanh, phải không?

Không phải. Hai chữ Bồ tát tức Bồ đề Tát đỏa, dịch là giác hữu tình. Bồ tát chỉ có thể giác ngộ hữu tình, không thể giác ngộ cho vô tình, vì vô tình không có tâm giác ngộ, nên chẳng thể thành Phật.

Hỏi: *Vậy xin Sư phụ khai thị lại hai câu cuối của bài kệ?*

Đáp: Thật ra sanh tử đã không có sự bắt đầu tức là vô tánh cũng vô sanh, đã nói vô thì vô sanh thì tánh bắt đầu từ đâu, sanh bắt đầu từ đâu? Nếu có sanh ắt phải có sự bắt đầu. Nên người chứng ngộ gọi là ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhãn.

Hỏi: *Thế thì hai câu sau với hai câu trước cho thấy hai thái cực khác nhau?*

Đáp: Do có tâm chấp thật mới thành khác. Nói “hữu tình lai hạ chủng” chẳng phải là thật, “vô tình diệt vô chủng” cũng chẳng phải là thật, đều là vô tánh vô sanh. Nếu hữu tình lai hạ chủng là thật có chủng để sanh thì làm sao nói là vô tánh diệt vô sanh? Vì có sự bắt đầu, có sự sanh khởi rồi! Có sanh có chủng với vô sanh vô chủng chẳng khác, cũng như nhắm mắt chiêm bao và mở mắt chiêm bao đều là chiêm bao. Nhất thiết duy tâm tạo: hữu tình lai hạ chủng là tâm tạo, vô tình diệt vô chủng cũng là tâm tạo, tâm tạo thì chẳng thật, chẳng thật thì không có tánh, nên nói vô tánh diệt vô sanh, đâu có mâu thuẫn?

Hỏi: *Người tu hành chỉ thọ bữa cơm Ngọ, có lợi ích gì trong việc tu hành?*

Đáp: Trong mười giới của Sa-di có một điều là không ăn phi thời. Quá giờ Ngọ cho đến rạng sáng hôm sau thuộc phi thời, uống thì được, những thực phẩm phải nhai thì không được dùng. Đó có hai nguyên do: Một là sau khi ăn no ngồi thiền rất khó, hai là buổi chiều nếu còn ăn thì người tại gia phải lo tiếp một bữa cơm nữa. Theo phong tục ở Thái Lan, người xuất gia nào cũng phải đi khát thực, kể cả ông vua xuất gia cũng vậy. Người tại gia muốn cúng dường bao nhiêu phần thì chuẩn bị bao nhiêu xuất, sáng sớm đem dọn ra trước cửa, đợi các vị Tu sĩ đi qua, cúng dường xong mới dọn bàn. Các vị Tăng nhận được phần ăn sẽ chia làm hai: Bữa sáng một nửa và bữa trưa một nửa, hẳn quá giờ Ngọ là không ăn.

Cho nên ở Thái Lan, Tu sĩ không được đi mua đồ ăn vào buổi chiều, mọi người sẽ cho là phá giới, mặc dù phần ăn đó là chuẩn bị cho ngày mai cũng không được. Những Tu sĩ người Hoa không trì Ngọ, khi dùng bữa chiều phải đóng cửa lại ăn lén, sợ người Thái Lan thỉnh linh bắt gắp cho là không giữ giới.

Hỏi: *Vấn đề trì Ngọ ở Việt Nam như thế nào? Chúng con ở chùa nếu không ăn tối không đủ sức kinh hành.*

Đáp: Việt Nam xứ nóng, còn dễ, Trung Quốc là xứ lạnh, mùa đông thường lạnh đến chịu không thấu, ở Chùa Cao Mân vào mùa đông lại thường đã luôn mười thất, liên tiếp 70 ngày, theo giới luật là phải trì Ngọ, ngài Lai Quả thấy mấy vị Tăng trẻ lúc

bào hương không đủ nhiệt năng để chống lại rét lạnh, ảnh hưởng đến sự tu, nên Ngài cho buổi chiều dùng cháo, ấy cũng là phương tiện giúp cho tu giải thoát.

Nếu theo giới luật ấy là phá giới, nhưng sở dĩ trì Ngộ là vì sự tu đến giải thoát, mà không trì Ngộ cũng vì sự tu để đi đến giải thoát, chứ không phải phá giới. Tất cả những giới luật chương ngại đến sự tham thiền ngài Lai Quả đều bãi bỏ, ấy là vì sự tu chứ chẳng phải phá giới. Đức Phật cũng có nói “Tùy theo phương tiện có thể sửa đổi”.

Ví như ở Ấn Độ, Tu sĩ đi làm ruộng là phá giới, còn ở Trung Quốc thì phong tục lại khác, Tu sĩ đi xin ăn thì người đòi cho là “con một gạo”, còn Tu sĩ đi trồng trọt mới được khen ngợi. Cho nên, ở Ấn Độ làm ruộng là phá giới, ở Trung Quốc làm ruộng là trì giới. Sở dĩ Đức Phật chế định Giá giới vì muốn Phật Pháp được hoàng dương nơi thế gian, nếu người thế gian không chịu thì làm sao hoàng dương? Thế nên Phật Pháp đến bất cứ nơi nào trên thế gian đều được hoan nghinh, vì theo giới luật của Phật giáo: Nếu ai phạm luật của nhà nước, tức phạm giới luật nhà Phật.

Hỏi: Ni chúng chỉ được xuất gia một lần, nếu có những vị đã ra đời rồi trở lại chùa, Thầy cho xuất gia thọ giới lại nữa, vậy có nhân quả gì không?

Đáp: Tức là xuất gia hai lần. Nếu bổn sư biết mà vẫn tiến hành thì vị bổn sư đó phải chịu nhân quả.

- Nếu người đó dù ra đời nhưng vẫn còn độc thân, không có lập gia đình?

- Đó là ý của người bổn sư chứ không phải theo đúng nhà Phật, thì bổn sư đó phải chịu nhân quả.

Hỏi: Thế nào là làm cho thân Phật chảy máu?

Đáp: Đốt kinh Phật, phá hủy tượng Phật là làm cho thân Phật chảy máu.

Hỏi: Thế nào là phá Hòa hợp Tăng?

Đáp: Phá Hòa hợp Tăng là tội lớn. Chữ Tăng là tiếng Ấn Độ, dịch là hòa hợp chúng, theo qui định phải từ bốn vị Tỳ-kheo trở lên mới gọi là Tăng. Nếu dùng những hình thức như thị phi hai đầu, khiến Tăng đoàn bị tan rã, ấy là phá hòa hợp Tăng, phỉ báng Tăng đoàn.

Hỏi: Thế nào là giết A-xà-lê?

Đáp: A Xà Lê là tiếng Ấn Độ, dịch là thân giáo sư. Ví như đi thọ giới, vị giáo thọ sư gọi là Giáo thọ A Xà Lê, người dạy về Yết-ma gọi là Yết-ma A Xà Lê. Tu sĩ giết hại người thường cũng còn phạm tội Ba-la-di, nếu giết hại A-xà-lê thì tội càng nặng hơn.

Hỏi: Nếu như tình cờ đốt hết nguyên một ổ kiến thì chúng con cũng phải đầu thai thành từng con kiến một để trả nợ sao? Vì con nghĩ con người lớn hơn con kiến mà!

Đáp: Phải, vì nó cũng là chúng sanh, cũng có Phật tánh, sau này cũng sẽ thành Phật. Chúng sanh bình đẳng, chẳng phải vấn đề lớn hay nhỏ, ví như con voi tuy lớn như thế, cũng chỉ là một sinh mạng.

Hỏi: Con cái khó dạy khiến bậc cha mẹ luôn phải lo lắng phiền não, vậy có phải là nghiệp quả kiếp trước hay kiếp này không? Làm sao tiêu trừ nghiệp chướng?

Đáp: Tâm của chúng ta vốn chẳng nghiệp chướng, ấy là bởi do mình suy nghĩ nên trở thành nghiệp chướng của mình. Cái tâm năng suy nghĩ vốn chẳng có nghiệp, nghiệp là sở suy nghĩ của tâm, nếu tâm chẳng suy nghĩ thì không có nghiệp chướng. Nay

chúng ta tham thiền là không cho tâm suy nghĩ, chỉ cần giữ được nghi tình không biết, nghiệp chướng chẳng cần diệt, tự nó sẽ tiêu trừ.

Hỏi: Con tham thiền không chú ý câu thoại đầu, có bị tẩu hỏa nhập ma không?

Đáp: Tẩu hỏa nhập ma phải có nhân do: Có sở cầu, có sở đắc, có sở sợ thì có thể tẩu hỏa nhập ma. Còn đường lối thực hành tham Tổ Sư Thiền là vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ, tức đã phá được ngã chấp thì ma nhập ở chỗ nào? Tham không đúng chỉ là không có công hiệu thôi.

Hỏi: Trước khi tham Tổ Sư Thiền và dự Thiền thất thì con ăn mặn, vậy có tội gì không?

Đáp: Ăn mặn là nhân quả, có tu Tổ Sư Thiền hay không tu Tổ Sư Thiền thì ăn một cục thịt vẫn phải trả một cục thịt, giết một mạng phải trả một mạng, chứ không dính dáng với Tổ Sư Thiền.

Hỏi: Ý con muốn hỏi là trong thời gian dự Thiền thất, phải ăn chay đúng bảy ngày không?

Đáp: Mục đích tham dự Thiền thất là muốn đạt đến kiến tánh thành Phật, giải thoát tất cả khổ, chẳng dính dáng đến mấy vấn đề trên.

Hỏi: Con nghĩ rằng nếu căn cứ trên vấn đề nhân quả, mà người tu hành chỉ chú trọng tu phước không tu huệ, thì A-la-hán còn ôm bát không. Lại nữa, trong lịch sử Thiền tông có những vị Tổ sau khi kiến tánh rồi còn thiếu duyên về hoàng pháp lợi sanh, phải ở ẩn không ra hoàng pháp. Đức Phật cũng nói “Nếu người thường tạo phước hữu lậu, khi chứng quả thì phước hữu lậu sẽ trở thành phước vô lậu”, sao Sư phụ lại nói không dính dáng với Tổ Sư Thiền?

Đáp: Mục đích tu Tổ Sư Thiền là muốn phát hiện bản tâm của mình, khi bản tâm hiện lên gọi là kiến tánh thành Phật, tất cả năng lực đều sẵn đủ, chứ chẳng phải do tu phước, tu huệ mới thành.

Thiền tông tạm gác qua, nay nói về Giáo môn: Bát Nhã Tâm Kinh nói “Vô trí diệt vô đắc”, bài này mỗi chùa hằng ngày đều tụng trên ba lần, nói “Tu phước, tu huệ” chỉ là lời phương tiện để lừa gạt chúng sanh cho ham thích sự tu, ấy cũng như Thiền tông nói “lấy lá cây vàng gạt con nín nín khóc” mà thôi!

Những gì ông hỏi đều là phương tiện đối với người có bệnh chấp nặng, còn Thiền tông thì khác, vì đó là pháp Thiền trực tiếp, để cho những người tin được ít phí sức, mau đạt đến tự do tự tại, tự làm chủ cho mình. Người tu phước tu huệ dẫn cho thành công cũng chẳng thể giải thoát, vì ngã chấp còn quá nặng; hễ ngã chấp còn, dù tu thành cũng chỉ thành tà ma ngoại đạo. Trong Phật Pháp bất cứ Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, căn bản đều phải phá ngã chấp, nay dùng ngã chấp để dạy người, dẫn cho mọi người nghe theo, đâu có ích lợi gì?

Hỏi: Nếu những người không đủ lòng tin đối với Tổ Sư Thiền thì sao?

Đáp: Nếu họ theo tà ma thì thành tà ma, theo ngoại đạo thành ngoại đạo. Mà tu theo Tịnh Độ cũng được, tu theo các tông phái của Giáo môn cũng được, đâu nhất thiết phải bắt buộc tu theo Tổ Sư Thiền!

Hỏi: Trong cuốn Thiền Thất Khai Thị Lục, ngài Lai Quả dạy rằng trong quá trình dụng công có ba trạng thái xảy ra “cực lạ, cực quen và phi phạm phi thánh” là như thế nào?

Đáp: Vọng tưởng đã quen từ lâu đời, nghi tình thì lạ; nghi tình quen được một ngày thì vọng tưởng lạ đi một ngày, đến khi nghi tình quen thuộc hết thì vọng tưởng không còn, lúc đó là đến thoái đầu, tức sắp kiến tánh.

Hỏi: Lúc dụng công ở Thiền đường, ví dụ khi tọa hương, nghi tình được mười phần thì khi mở mắt chỉ còn năm, đứng dậy đi kinh hành còn lại hai, về đến nhà chỉ còn một, và đôi khi mất tiêu luôn?

Đáp: Vì công phu còn lạ, còn dùng tâm phân biệt, còn có sự biết chứ không phải là tâm không biết. Bây giờ bất cứ biết có năm phần mười phần, cho dù biết có 100% cũng không được, đều là biết, thoái đầu là chưa nổi niệm biết, chưa có niệm nào hết mới là tham thiền, cứ dùng cái biết để tham thì chẳng phải tham thiền, chỉ là niệm câu thoái, tham thoái vĩ mà thôi.

Hỏi: Vậy khi dụng công ở Thiền đường là có Long thần Hộ pháp, hay từ lực của Sư phụ?

Đáp: Tôi đã nói là “Giữ nghi tình không biết”, nay cứ muốn tìm hiểu, muốn biết, là nghịch với nghi tình rồi. Nếu chỉ dùng sự không biết để tu thì chỗ nào cũng như nhau, đã không biết thì chỗ nào nhiệt cũng không biết, chỗ vắng lặng cũng không biết.

Hỏi: Con là người ăn chay, nhưng ở nhà nấu cơm cho con cháu ăn thì con có dùng mỡ để làm đồ ăn. Tối đến, con chiêm bao thấy Phật bà nói với con rằng “Hãy giữ mười hai giới cấm”. Theo con biết, cư sĩ chỉ có ngũ giới, vậy là thế nào?

Đáp: Tại người có tà kiến nên mới thấy Phật bà. Phật bà là gì? Trong đạo Phật không có Phật bà, nay thấy có Phật bà tức có tà kiến mới thấy. Vì đó là tà nên khác hơn ngũ giới của cư sĩ, Sa-di cũng chỉ có mười giới, tại gia làm sao có mười hai giới!

Hỏi: Kính bạch Sư phụ, con vừa hỏi câu thoái, vừa nhìn chỗ không biết đó, càng nhìn càng hỏi càng thắc mắc, công phu như vậy có đúng không?

Đáp: Nếu công phu thật sự như vậy, giữ được nghi tình như vậy là đúng,

Hỏi: Con vừa tham thiền vừa xem kinh sách của Sư phụ để tăng trưởng lòng tin tự tâm, được không?

Đáp: Khi tin tự tâm chưa đầy đủ thì phải như vậy, nếu tin tự tâm 100% thì không cần xem kinh sách, và nếu tin tự tâm 100% cũng chẳng còn hứng thú để xem nữa.

Hỏi: Người tham thiền vừa đề lên câu thoái đầu là nghi tình nổi lên liền, hay là tham một thời gian sau nghi tình mới nổi lên?

Đáp: Ấy là tùy theo mỗi người, có người lúc đầu chỉ là niệm câu thoái tức tham thoái vĩ, có người vừa đề câu thoái thì có thắc mắc, tức có nghi tình nổi lên; cũng có người tham một thời gian rồi thành linh nghi tình bị ngưng lại một hai ngày. Ngài Lai Quả cũng có kinh nghiệm này, nhưng không sao.

Hỏi: Con tham câu “Sanh từ đâu đến, chết đi về đâu?”, tự hỏi thăm câu thoái, muốn biết nơi đi về khi chết nhưng không biết được nên thắc mắc, con dùng tâm nhìn chăm chăm cái thắc mắc như mèo rình bắt chuột, muốn soi thũng cái cản trở không cho mình biết. Khi cái thắc mắc đó lặng hết, con lại thăm hỏi nữa, công phu như thế có đúng không?

Đáp: Đúng một phần nào. Tại cứ dùng cái biết để so sánh, chẳng giữ cái không biết, mà cứ so sánh cho là mình như thế này, thế kia. Bây giờ tham thiền cứ nhìn chỗ không biết và hỏi câu thoái để kích thích sự không biết đó, đừng dùng ý thức cho là cái gì cả.

Hỏi: Sư phụ dạy phải vô sở trụ, nhưng chúng con nghe pháp của Sư phụ nói đến đâu thì trụ đến đó, trụ hoài chẳng bỏ được, vậy phải làm sao?

Đáp: Cũng là do cái ngã, do muốn đắc muốn cầu, còn sợ, tức chưa thực hành chín chữ “Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ” và chưa tin tự tâm, hoặc tin tự tâm chưa đầy đủ, nên còn muốn tìm kiếm ở ngoài.

Hỏi: Niết bàn của Tiểu thừa có phải tới vô thủ vô minh không?

Đáp: Phải.

Hỏi: Tại sao ở nơi vô thủ vô minh lại sanh ra nhất niệm vô minh?

Đáp: Vô thủ vô minh bị kích thích, nổi lên một niệm, gọi là nhất niệm vô minh. Tiểu thừa dẹp được nhất niệm vô minh thì trở lại vô thủ vô minh. Nếu không phá được vô thủ vô minh, cứ trở đi trở lại, hễ bị kích thích lại nổi lên nhất niệm vô minh, dẹp được nhất niệm vô minh lại trở về vô thủ vô minh. Trong Đạo giáo Trung Quốc nói “Vô cực” tức vô thủ vô minh, nói từ vô cực nổi lên một niệm gọi là Thái cực, từ Thái cực sanh lưỡng nghi tức âm dương. Triết học Phương Đông và Triết học Phương Tây cũng đến được vô thủ vô minh: Triết học phương Tây thì dùng ý thức suy nghĩ đến Vô thủ vô minh, còn triết học phương Đông như Lão Tử, Trang Tử dùng sự tu, có kinh nghiệm trực tiếp chứ chẳng phải dùng suy luận để đến vô thủ vô minh, nên hơn Triết học phương Tây. Nhưng vì cho chỗ đó là cuối cùng tức là Niết Bàn.

Hỏi: Vậy từ chỗ nào kích thích để nổi lên nhất niệm vô minh?

Đáp: Thấy cái đẹp liền nổi niệm ham thích, biết cái xấu liền nổi niệm chê bai, ấy là kích thích. Mắt thấy tai nghe đều có kích thích, ngửi, nếm, xúc đều có kích thích, tức lục căn tiếp xúc lục trần đều có kích thích, tai thì muốn nghe lời khen ngợi chứ không muốn nghe tiếng chửi mắng chê bai, hễ gặp người chửi mắng liền tức giận, đó là kích thích.

Hỏi: Vậy tập khí từ đâu ra?

Đáp: Tập khí tức thói quen: Ví như xưa kia chưa có đèn điện, mọi người quen dùng đèn dầu, nay đã quen dùng đèn điện, thỉnh thoảng cúp điện một buổi liền thấy bực bội, ấy là tập khí khiến thành kích thích. Bây giờ chúng ta tu là muốn dứt hết tất cả tập khí.

Hỏi: Đã nói là tâm thì tại sao lại bị kích thích?

Đáp: Tại có tâm chấp.

Hỏi: Con tham câu “Sanh từ đâu đến, chết đi về đâu?”, con nhìn vào chỗ không biết, chăm chăm như mèo rình bắt chuột, công phu như thế phải không?

Đáp: Phải thì phải, nhưng không cần nổi niệm biết như mèo rình chuột.

Hỏi: Người hành giả tham Tổ Sư Thiên có được chư Thiên hoặc ai đó hộ trì không?

Đáp: Trong các Kinh đều nói đến Long thiên Hộ pháp, những người chơn tu chánh pháp đều được Long thiên Hộ pháp ủng hộ, chứ không phải chỉ có người tham thiền.

Hỏi: Trong cuốn Nghiên Cứu Kinh Lăng Già của Thiền sư Suzuki nói “Bỏ tất muốn thành Phật phải nhờ Phật gia trì”, như vậy đúng không?

Đáp: Không đúng. Vì Suzuki là dùng tri giải, dùng kiến thức của ý thức. Suzuki có trước tác cuốn Thiền Luận, chỉ hai chữ “Thiền Luận” đã là không đúng rồi. Tổ Sư Thiên không thể luận, có luận thì chẳng phải Tổ Sư Thiên. Ngã chấp của ông ấy còn

quá nặng, tại sao biết? Nếu là người thật sự kiến tánh thì không cần người biết, không muốn người ta biết, còn Suzuki lại đi khắp thiên hạ để khoe tài, đem những lời nói của Phật Thích Ca đã bỏ vào thùng rác, lượm lên cho là quý báu để đi khoe khoang, cho những lời đó không phải của Phật Thích Ca mà là của y. Tuy ngã chấp rất nặng, nhưng vì ông ấy giải thích công án rất có lý, nên giới trí thức rất khâm phục, cho ông ấy là đệ nhất Thiên sư trên thế giới.

Hỏi: Hồi hướng là gì? Phóng sanh rồi đem công đức hồi hướng cho người khác được không? Gia trì luật là gì? Và Phật gia trì cho ai? Bằng cách nào?

Đáp: Thập Hồi Hướng là của Giáo môn, dùng để phá ngã chấp, thời nay đệ tử của Tam bảo lại mượn hai chữ Hồi hướng để tăng cường ngã chấp, cho làm việc lành đó là của tôi, tôi muốn hồi hướng cho ai cũng được: Người này là thân nhân của tôi nên tôi hồi hướng; người kia tốt với tôi nên tôi hồi hướng... tức tăng thêm ngã chấp, ấy là nghịch với ý của Phật. Còn Đức Phật dạy về Thập Hồi Hướng là để phá hết ngã chấp rồi lên Sơ Địa.

Về sự phóng sanh: Phóng sanh tự nhiên sẽ được phước đức, sau này những con thú đó sẽ báo ơn lại, chứ không cần hồi hướng. Bồ thí cũng vậy. Nay người ta muốn phóng sanh, đi mua xong đem về chùa, tụng kinh tụng chú rồi mới thả, mấy trăm con chim nhốt chặt trong lồng, đến khi tụng kinh xong muốn phóng thì đã chết hết một số. Lại nữa, có người sợ đến ngày phóng sanh không có chim, phải đi đặt trước, tức mượn người ta đi bắt, bắt xong rồi thả, cho nên đó không đúng với ý nghĩa phóng sanh. Phóng sanh là khi gặp ở ngoài đường liền mua liền thả, hoặc chỉ cần niệm Phật hay đọc tam qui y, không cần niệm chú, vì dù nó có nghe cũng đâu biết là gì?

Còn nói đến gia trì: không thể gia trì được. Nếu Phật có thể gia trì cho mình thì không có nhân quả, tức là không trồng bí mà xin Phật gia trì cho mình được quả bí, không nhân mà được quả. Lại nữa, như trồng đậu mà xin gia trì được quả bí, ấy là không đúng nhân quả. Làm thiện được phước quả, làm ác bị khổ quả, bây giờ làm ác rồi xin Phật gia trì cho phước quả sao? Cho nên, nếu gia trì được là không có nhân quả.

Tất cả đều do tâm mình tự tạo, chứ chẳng thể do người khác tạo cho mình, nên tôi thường dùng ăn cơm để thí dụ: Ai ăn này no, cha mẹ dù thương con thế nào cũng không thể ăn no giùm con, con dù hiếu thảo đến đâu cũng không thể ăn no giùm cha mẹ.

[10] 12/08/94–18/08/94 tại Chùa Từ Ân, Quận 11.

Hỏi: Phật tánh là sanh hay chẳng sanh? Nếu nói sanh thì đồng với nghĩa thức tâm phan duyên, sanh các loại hiện thức lưu chú; nếu nói chẳng sanh thì đồng với lý rỗng không tịch diệt của Thanh văn Nhị thừa. Người trí nơi các duyên sanh khởi các loại thức tưởng thì làm sao giác được tự tâm hiện lượng? Xin Hòa thượng giải nghi cho con chỗ này.

Đáp: Phật tánh chẳng phải sanh hay vô sanh, nói “Phật tánh” cũng chẳng phải Phật tánh nữa. Tất cả Phật Pháp đều nói về cái tâm, tại tâm có tánh giác ngộ, nên gọi là Phật tánh. Bản thể của tâm cùng khắp không gian chẳng khứ lai, nên gọi Như Lai; vì vốn chẳng sanh diệt, nên gọi Niết Bàn. Đã không sanh không diệt thì làm sao có sanh và vô sanh? Sanh, vô sanh là do có bệnh chấp, do chúng sanh chấp thật sự sanh nên Phật nói vô sanh, nếu chấp vào vô sanh thì bệnh chấp vẫn còn.

Không trụ chỗ sanh, cũng không trụ chỗ vô sanh, đó là nghĩa vô trụ, hễ trụ vào sanh hoặc vô sanh tức có sở trụ, có sở trụ thì mất hết cái dụng của tâm. Kinh Kim Cang nói “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, vô sở trụ là thể của tâm, sanh kỳ tâm là dụng của

tâm, thể và dụng là một chứ chẳng phải hai. (Sư phụ ví dụ sự dụng của cánh tay, lược qua)

Hỏi: Thiên thất là khai thị ngộ nhập tri kiến Phật cho chúng sanh để đi đến thành tựu đạo quả của Bồ Đề, vậy xin hỏi: Người ngộ đạo là do công phu miên mật, một phen liễu ngộ, ngộ được tự tánh nhất như cùng với Phật không hai không khác.. Nhưng vì tập khí vọng tưởng huân tập nhiều đời nhiều kiếp, chẳng thể một lần nhảy thẳng vào biển thanh tịnh giác của Như Lai. Thì các vị đó phải dùng phương tiện gì, tu hành như thế nào để lột bỏ những tập khí hữu lậu?

Đáp: Thiên thất không phải để khai thị, không cần khai thị, khai thị cũng là vọng. Thiên thất cũng như trường thi, hồi xưa người ta khổ học mười năm rồi vào trường thi là muốn thi đậu, chứ đâu phải vào trường thi để nghe khai thị! Xưa kia chư Tổ trong khi dự Thiên thất, có người ngay nơi thất thứ nhất khai ngộ, có người ở thất thứ nhì ngộ, người thì thất thứ ba ngộ... tức bình thường đã có công phu, đã đến mức rồi, như qua mười năm khổ học tất cả đều biết hết, bây giờ là đi thi, mong cho được đậu chứ chẳng phải đến trường thi để học.

Đối với tâm và Tự tánh, nay tôi hỏi ông: Có tin lời của Phật Thích Ca không?

- Dạ, dĩ nhiên con tin rồi, qua các Tam tạng Giáo điển, qua lịch sử tu chứng của chư Tổ, con rất tin tưởng về lời dạy của Đức Phật.

- Đức Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, có tin không?

- Dạ tin.

- Mà ông tin ông có Phật tánh không?

- Dạ tin.

- Phật tánh có thể giảm bớt không?

- Dạ không thể giảm bớt.

- Phật tánh có gián đoạn không?

- Dạ cũng không gián đoạn.

- Nếu ông nói vậy thì ông còn muốn nghe khai thị để làm gì? Phật tánh không thể giảm bớt thì bây giờ tất cả thần thông trí huệ năng lực đều bằng với Phật Thích Ca, chẳng kém hơn một tí nào, phải không? Ông đã nhìn nhận ông có Phật tánh rồi, nếu có kém hơn tức là giảm bớt; nếu bây giờ ông không phải là Phật thì là gián đoạn! Tất cả đã sẵn, đâu phải nhờ khai thị? Tại ông học rồi đuổi theo văn tự lời nói, quên mất Phật tánh sẵn có của mình. Do lòng tin chưa đầy đủ, mặc dù nói là tin, sự thật chỉ tin một phần nào thôi. Nay chỉ cần tăng trưởng lòng tin tự tâm cho đầy đủ, phát hiện cái sẵn có của mình.

Tôi thí dụ cái sẵn sàng đó cho ông biết để tăng trưởng lòng tin:

Phật tánh khắp không gian thời gian, mặc dù chẳng hình tướng số lượng, nhưng đã sẵn sàng. Trong Bát Nhã Tâm Kinh nói “Tánh không” tức là cái tâm này. Nói đến tánh không, nhiều người hiểu lầm Phật giáo và Tu sĩ chúng tôi tại chán đời tiêu cực mới đi vào cửa không, nhưng sự thật thì Phật Pháp rất tích cực, phàm nói đến chữ Không là hiển bày sự dụng. Tại sao? Vì bất cứ cái gì, muốn dùng phải có cái Không, chẳng có cái không thì chẳng thể dùng. (Sư phụ nói về nghĩa không của cái tách, cái bình, lược qua)

Cái không này chẳng nhúc nhích, nhưng tự nhiên hiển bày sự dụng: Vũ trụ vạn vật, mặt trăng mặt trời, nhà cửa cây cối... đều phải nhờ cái không này mới hiển bày sự dụng.

Chính cái Không tức cái tâm, do tâm có sức dụng nên gọi “Tánh không”, sự dụng sẵn sàng và vô biên, tất cả dùng đều phải nhờ nó. Nó vốn hoàn toàn chẳng có cái gì hết, nhưng chính vì vậy mới hiển bày sự dụng được. Cho nên, ngài Long Thọ, Tổ thứ 14 của Thiền tông Ấn Độ trong Trung Quán Luận nói “Vì có nghĩa Không, nên thành tựu tất cả pháp”, nếu chẳng có cái không thì thế giới này thành thế giới chết.

Bây giờ con người thông minh, đem cái Không này hạn chế thành cái tách, rồi giải thích sự dụng của cái tách; đem hạn chế thành cái bình rồi giải thích sự dụng của cái bình, cho rằng cái không của tách khác hơn cái không của bình; cái không của bình khác hơn cái không của căn nhà vv... mà chẳng biết đều cùng một cái không. Bây giờ cái tách này vỡ đi, cái bình này bể đi, căn nhà này sụp đổ, cái Không vẫn y như cũ, chẳng có thêm bớt, cho đến một quả bom nguyên tử làm nổ tung trái đất này, mặt trăng mặt trời tan rã hết, nhà cửa cây cối tan rã hết, vũ trụ vạn vật tan rã hết, đối với cái không cũng vẫn y như cũ, chẳng bị ảnh hưởng, chẳng bị tổn thương một chút nào. Vậy đâu có nghĩa lý gì? Nay cứ đặt ra nghĩa lý của cái tách cái bình, đối với cái không này đâu ăn thua gì? Tại con người thông minh, cứ tự mình đặt ra để tự hạn chế.

Hỏi: Tự tánh chơn không, mọi hiện tượng đều từ chơn tánh lưu xuất, nhưng tại sao đã nói tâm không rồi, lại sanh ra các pháp phiền não, lại phải nhọc nhằn để độ thoát?

Đáp: Tại do ông đem cái không này hạn chế thành cái tách, rồi đặt ra nghĩa lý của cái tách, thì tách này hư cũng là phiền não, bể cũng là phiền não, dơ cũng là phiền não ... ấy do tự mình tạo ra, đối với cái không đâu dính dáng! (*Sư phụ thí dụ đâm chân lên cát sinh và trừ nghiệp chướng phiền não, lược qua*)

Hỏi: Tham Thiền này có giống thiền Yoga của phương Tây không?

Đáp: Yoga là thiền Ấn Độ, chẳng phải của phương Tây, đó là phương pháp tập để trị bệnh. Còn tham thiền là muốn đạt đến kiến tánh để vĩnh viễn tự do tự tại, giải thoát tất cả khổ. Tập Yoga là để hết bệnh, nhưng bệnh này hết thì bệnh kia đến, tuổi già chùng nào bệnh nhiều chùng này, đến tập Yoga cũng không trị được thì phải chết. Còn tham thiền là muốn trị cho triệt để, chẳng còn bệnh nữa.

Hỏi: Khai quang điểm nhãn có lợi ích gì?

Đáp: Chư Phật Bồ tát nếu phải nhờ khai quang điểm nhãn thì đâu có giá trị gì? Ấy là sự mê tín.

Hỏi: Gia đình có người mất, con cháu cúng heo quay thì người cúng có tội hay người chết có tội?

Đáp: Người cúng có tội trực tiếp, vong linh nếu có biết sẽ ham thích muốn ăn, cũng bị liên lụy, vì hề giết một mạng phải trả một mạng, ăn một miếng thịt phải trả một miếng.

Hỏi: Tham thiền cần chú trọng nghi tình và khán thoại đầu, nhìn về một niệm chưa sanh khởi và hướng về tự tánh cùng khắp mà không hiểu không biết, đúng không?

Đáp: Tôi chỉ nói là nhìn chỗ thoại đầu, đâu có bảo là hướng về tự tánh! Tự tánh làm sao có chỗ để hướng? Vì bản thể Tự tánh khắp không gian thời gian, nếu có chỗ hướng tức chẳng phải Tự tánh.

Hỏi: Sư phụ thường khai thị pháp môn Tổ Sư Thiền là Tối thượng thừa, dùng để tu giải thoát, nếu như đã biết mà không tu là tự làm chướng ngại cho mình, tức đọa địa ngục?

Đáp: Ai nói câu này? Có tạo cái nghiệp địa ngục mới phải đọa địa ngục, chứ “Không tu Tổ Sư Thiền phải đọa địa ngục”, là ai nói vậy? Khi nào phỉ báng Tổ sư Thiền, tự mình phỉ báng không dám tu, ấy là tội phỉ báng, chứ đâu phải tội không dám tu! Không tu chỉ là không được kiên tánh mà thôi, nếu không phỉ báng thì làm sao tạo tội địa ngục?

“Phỉ báng Tổ Sư Thiền mà tự mình không dám tu, ấy là tội địa ngục một đại kiếp; còn phỉ báng Tổ Sư Thiền khiến người khác không dám tu, là tội địa ngục bốn đại kiếp”, đó là lời của ngài Lai Quả, chứ tôi có nói là “Không tu Tổ Sư Thiền tức tạo tội địa ngục” đâu! Ấy là phỉ báng tôi vậy.

Hỏi: Ví như mình có một ngôi chùa hoặc một phương tiện nào để cho người khác tu hành, có người đến xin tu mà mình không cho ở, vậy có nhân quả gì?

Đáp: Chùa là đạo tràng, lập đạo tràng có hai mục đích: Một là để cho chúng tu, hai là hoằng dương chánh pháp. Còn nếu đi quyên tiền thí chủ mười phương để lập đạo tràng mà không cho người ta tu chánh pháp, cho tu theo pháp tà ma, thì dầu cho có tu cũng không được. Phải tu đúng theo chánh pháp, phải hoằng dương chánh pháp, chứ không phải lấy bằng hiệu Phật Pháp mà tu theo tà ma ngoại đạo, ấy là tội địa ngục, thầy và trò đều có tội.

Hỏi: Nếu còn có khởi niệm là chưa đến thoát đầu, phải không?

Đáp: Niệm cũng như nghi tình, nếu chỉ có nghi tình, không có niệm khác là tới thoát đầu, nếu có niệm khác là chưa tới thoát đầu.

Hỏi: Đức Phật trong kinh Bát Đại Nhon Giác nói “Khi trả lời vấn đáp, người xuất gia phải đầy đủ bốn yếu tố: Tự tha, chánh tha, tùy nghi vấn đáp, theo ý nhân duyên”. Vậy thế nào là tự tha?

Đáp: Về vấn đề này, trong kinh Bát Đại Nhon Giác nói chưa rõ bằng kinh Lăng Già: Bốn thứ đáp ấy là: Quyết định đáp, đáp hai mặt, hỏi ngược lại và im lặng, tức không đáp mà đáp. Nhưng đến cuối cùng thì Phật nói “Từ lúc đắc đạo đến khi nhập Niết Bàn, ở khoảng giữa chẳng có nói một chữ, cũng chẳng đáp một chữ”. Vì sở dĩ có hỏi là do có bệnh nhưng là bệnh giả, cái đáp đó là thuốc giả để trị bệnh giả của người hỏi, nên có bốn cách trả lời.

Tất cả kinh Phật đều là phương tiện giả lập để phá chấp của chúng sanh, ví như có thứ kinh phá chấp của Bồ tát, có thứ kinh phá chấp của thừa Duyên giác, thứ thì phá chấp của thừa Thanh văn, thứ thì phá chấp của ngoại đạo, như kinh Lăng Già là phá chấp của ngoại đạo. Cho nên, dù lời kinh chẳng giống nhau, nhưng ý vẫn không khác, chỉ là dùng thuốc giả để trị bệnh giả, bệnh giả hết thuốc giả cũng phải bỏ.

Hỏi: Trong tám thức có A-lại-da thức, Mạt-na thức, tâm sở và tâm vương. Thế nào là tâm sở và tâm vương?

Đáp: Tám thức đều là tâm vương: Tiền ngũ thức, thức thứ sáu, thức thứ bảy và thức thứ tám đều gọi là tâm vương, vì nó chủ động. Tám thức chẳng phải có tám người, chỉ là chia thành tám nhiệm vụ, mỗi thức đảm trách một nhiệm vụ, cũng có thức lãnh hai nhiệm vụ:

Ví như nhãn thức lãnh nhiệm vụ xem, nhĩ thức lãnh nhiệm vụ nghe, tỷ thức về ngửi, thiệt thức về nếm, thân thức về xúc, ý thức về biết. Còn thức thứ bảy lãnh hai nhiệm vụ

vụ: một là ngày đêm chấp thức thứ tám là ta, hai là lãnh nhiệm vụ truyền tống, tức thức thứ sáu làm những việc thiện việc ác, làm thiện tạo chủng tử thiện, làm ác tạo chủng tử ác, thức thứ bảy đem hạt giống này chứa vào tạng thức (*thức thứ tám*), khi chín mùi rồi đem trở ra giao cho thức thứ sáu thi hành. Đưa ra đưa vào nên gọi là truyền tống, còn thức thứ tám chỉ có một nhiệm vụ kho tàng, nên gọi là tạng thức.

Tám thức này trong Duy Thức gọi là Tâm vương, thuộc về năng, có năng ắt có sở, cũng như nhãn thức là năng xem, và ngoại cảnh là sở xem; nhĩ thức là năng nghe, âm thanh là sở nghe; thức thứ sáu là phân biệt, là năng biết, như nhãn thức năng xem, qua thức thứ sáu phân biệt thấy cái đẹp thì ham thích, thấy cái xấu thì chê ghét, sự yêu ghét ấy gọi là tâm sở. Trong Duy Thức phân tích buồn vui yêu ghét... tính chung gồm 51 thức tâm sở.

Hỏi: Thế nào là nhân sinh quan và vũ trụ quan?

Đáp: Tức chủ quan của mình cho là nhân sinh phải như vậy như vậy, còn người khác lại cho là nhân sinh phải như vậy như vậy... Cũng như nhân sinh quan giữa nhà khoa học với nhà triết học đã khác nhau rồi, vũ trụ quan cũng vậy. Làm thế nào hình thành vũ trụ? Vũ trụ có tác dụng gì? Làm sao thành lập nhân sinh? Nhân sinh có tác dụng gì?... Nhà triết học thì muốn biết tại sao, còn nhà khoa học thì muốn biết bắt đầu từ chỗ nào, muốn truy cứu nguồn gốc sanh ra vũ trụ, nguồn gốc sanh ra con người.

Nếu theo Phật giáo thì Đức Phật nói những người này đều là ngu si. Nói Nhà khoa học là ngu si thì mọi người đều phản đối, vì mọi người đều sùng bái khoa học, thế thì tại sao nói như thế? Vì Đức Phật nói là vô thi, bất cứ cái gì đều không có sự bắt đầu, không có lý bắt đầu, gọi là nghĩa vô sanh. Tại sao? Tôi thường lấy con gà và trứng gà làm thí dụ: con gà thì khác với trứng gà, trứng gà khác với con gà, vậy thì con gà bắt đầu trước hay trứng gà bắt đầu trước? Không có con gà làm sao có trứng gà? Mà không có trứng gà làm sao ấp ra con gà? Sự thật chứng tỏ, hai cái đều không thể bắt đầu, ấy là nghĩa vô sanh.

Nhà khoa học tìm sự bắt đầu không được thì cho là tự nhiên, còn Phật thì phủ nhận tự nhiên, mặc dù Phật nói là nhân duyên, nhưng nhân duyên cũng chẳng phải thật, cho nên Kinh Lăng Nghiêm nói “Phi nhân duyên, phi tự nhiên”. Tại sao? Vì chẳng có nhân đầu tiên thì nhân thứ nhì, thứ ba làm sao có? Cũng như con gà và trứng gà làm nhân với nhau nhưng không có cái nhân bắt đầu; nếu nói tự nhiên cũng không được, vì chẳng thể tự nhiên có con gà, muốn có con gà phải có trứng gà; chẳng thể tự nhiên có trứng gà, muốn có trứng gà phải có con gà.

Hỏi: Con đã thọ giới Bồ tát mà chưa hiểu Giới Bồ tát là gì, muốn giữ được tâm giới trong giới Bồ tát phải làm gì?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói “Chẳng những thân không phạm, tâm không phạm, luôn cả cái không phạm cũng không còn”, tức thân tâm đều dứt, luôn cả cái dứt cũng không có, như thế đối với Vô thượng Bồ đề mới có hy vọng. Lại nữa, trong Kinh nói “Có sát đạo tâm là trong tam ác đạo, mà không có sát đạo tâm là tam thiện đạo, vẫn còn ở trong luân hồi”; vì có và không là đối đãi, thành có luân hồi. Còn Vô thượng Bồ đề là không đối đãi, chẳng những cái có, luôn cả cái không có cũng không còn, tức dứt sạch thân tâm, dứt sạch tâm tâm, luôn cái “dứt sạch” cũng không còn, mới là thật trong sạch.

Hỏi: Kính bạch Sư phụ, con tham câu “Niệm Phật là ai” sau một thời gian, con thấy tâm được thanh tịnh, cho đến liễu liễu thường tri. Như vậy nghi tình con vẫn giữ, vẫn tiếp tục tham đến cứu cánh hay là thế nào?

Đáp: Tôi đã nói Tổ Sư Thiên là dùng không biết để tu, nghi tình là không hiểu không biết, liễu liễu thường tri là biết, là nghịch với tham thiền. Thiền tông nói “Tri chi nhất tự, chúng họa chi môn”, nếu có liễu liễu thường tri thì làm sao nói là tu Tổ Sư Thiên!

Đó là vì ông lấy câu thoại làm mục tiêu chứ không phải lấy thoại đầu làm mục tiêu, ấy là tham thoại vĩ, chẳng phải tham thoại đầu. Thoại đầu là chưa có câu thoại, đã có câu thoại thì chẳng phải thoại đầu rồi.

Tôi phát hiện những người tham câu “Niệm Phật là ai” không có nghi tình. Tại sao? Vì nếu thật không biết niệm Phật là ai thì mặc áo ăn cơm cũng không biết, nói chuyện cũng không biết. Nếu như tất cả đều biết, chỉ không biết niệm Phật là ai, ấy là tự dối. Ví như ăn cơm biết là tôi ăn, mặc áo biết là tôi mặc, chỉ có niệm Phật lại không biết là tôi niệm, vậy có mâu thuẫn không?

Hỏi: Loài hữu tình như con người khi tạo tội có đọa thành loài vô tình để trả quả không? Trong chuyện Quy Ngươn Trục Chỉ có đoạn viết: Một hôm Đức Phật và A Nan đi ngang một cây cổ thụ, A Nan thấy có loài sâu đục từ trong thân cây ra và ăn thân cây. A Nan bạch Phật “Loài sâu này tạo nhân gì mà hôm nay phải làm thân sâu ở trong bọng cây?” Phật bảo “Không chi lạ trước đây vị trụ trì lấy cho thân bằng quyền thuộc lợi dưỡng của thường trụ mà không tu, nên hiện giờ đọa làm thân cây, và những con sâu chính là thân bằng quyền thuộc”. Có phải vậy không? Xin Sư Phụ từ bi khai thị.

Đáp: Tất cả lời nói của chư Phật đều là phương tiện tạm thời. Kinh Lăng Nghiêm nói “Cái thân này với cái tách này, bình này đều bình đẳng, đều do Diệu tâm biến hiện”. Nhưng nay con người chấp cái thân này là ta, còn cái tách thì chẳng phải ta, ấy là do ý thức phân biệt, đã là che khuất cái tâm.

Thật ra, tất cả vũ trụ vạn vật, hữu tình vô tình, đều do Diệu tâm biến hiện, hễ kiến tánh thì tất cả đều là ta, tất cả hữu tình vô tình đều không ngoài tánh không, tức hư không này là tâm. Do tâm tạo ra đủ thứ núi sông đất đai, nhà cửa cây cối v...rồi lại phân biệt cái này là ta, cái kia chẳng phải ta; cái này là hữu tình, cái kia là vô tình...đều là vọng chấp, là bệnh mới có sự phân biệt như vậy. (Sư phụ ví dụ một trăm cây đèn, lược qua)

Hỏi: Về vấn đề đi nhanh hay chậm trong lúc kinh hành có ảnh hưởng gì không?

Đáp: Không ảnh hưởng. Ở Thiên đường Trung Quốc, có lúc thấy mọi người buồn ngủ thì đánh bằng bão hương, đi thật nhanh như bay, còn bình thường thì đi chậm. Dù đi nhanh hay chậm, trong bụng vẫn vừa nhìn vừa hỏi tham liên tiếp.

Hỏi: Thế nào là Hòa Thượng Duy Lực?

Đáp: Chẳng có thế nào hết. Cũng như tôi đâu phải gọi là Duy Lực? Thầy bốn sư tôi đặt tên Duy Lực thì mọi người gọi tôi là Duy Lực; người ta khen ngợi Duy Lực cũng chẳng dính dáng với tôi, chê cười Duy Lực cũng chẳng dính dáng với tôi. Không những Duy Lực là giả danh, cho đến Phật Thích Ca cũng là giả danh. Trong kinh Pháp Hoa, Phật nói “Nay đồng thời ở vô lượng vô biên thế giới hoàng dương Phật Pháp, mỗi thế giới đều có tên họ, tuổi tác khác nhau”, vậy cho tên họ nào là chính Phật Thích Ca? Nói Phật Thích Ca cũng chẳng phải Phật Thích Ca nữa, tức Phật còn phủ nhận, huống là Duy Lực! Trong kinh Kim Cang, Đức Phật nói “Do ta chẳng đắc Vô thượng Bồ đề nên Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta sau này thành Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni, nếu ta có đắc Vô thượng Bồ đề thì Phật Nhiên Đăng đã chẳng thọ ký cho ta thành Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni”. Tại ông có tư tưởng chấp thật, mới có những câu hỏi như vậy.

Hỏi: Đã chẳng có thì chẳng lập chơn, vậy những bậc cổ đức xưa kia ngộ đạo rồi nương vào cái gì để an thân lập hạnh?

Đáp: Hôm trước tôi đã hỏi ông Phật tánh có thể giảm bớt gián đoạn không, thì ông nói là không. Nếu Phật tánh không gián đoạn thì đâu cần thành Phật gì nữa! Chính ông cũng biết Phật tánh không gián đoạn không giảm bớt rồi, bây giờ đề ra câu hỏi nghịch lại, có phải mâu thuẫn không?

Hỏi: Thuận đã chẳng có thì làm sao có nghịch? Vậy thì đúng là Hòa thượng Duy Lực rồi.

Đáp: Vì ông có tư tưởng chấp thật quá nặng, nên phải chấp vào một chỗ nào mới được, chứ không tin Phật tánh của mình khắp không gian thời gian, dù nói tin mà không tin, hãy xem kỹ cuốn kinh Lăng Nghiêm và kinh Lăng Già .

Hỏi: Trong Thiền Thất Khai Thị Lục, ngài Lai Quả nói “Tất cả chúng sanh cũng là chướng, phiền não cũng là chướng, Phật cũng là chướng, hư không đại địa cũng là chướng”. Đã là hư không thì làm sao bị chướng? Con không hiểu đoạn này, xin Sư phụ từ bi khai thị.

Đáp: Tại ở trong thế lưu bố tướng sanh ra trước tướng, thành điền đảo tướng mới thành chướng, nếu chỉ có thế lưu bố tướng, không có trước tướng thì chẳng thành chướng, tất cả đều là Chơn như, tất cả đều là tuyệt đối. Nếu không sanh ra chấp trước tướng thì Bồ đề và phiền não chẳng khác, chúng sanh với chư Phật cũng chẳng khác, cho đến tham sân si cũng là giải thoát.

Tất cả vũ trụ vạn vật, pháp thế gian pháp xuất thế gian đều do vọng tâm kiến lập, kiến lập rồi lại phủ nhận. Kinh Lăng Già nói “Kiến lập và phủ nhận đều là vọng”, vì tâm mình chẳng thể kiến lập, kiến lập còn không thể, làm sao phủ nhận? Nhưng bây giờ tất cả Phật Pháp muốn giảng ra để chúng sanh được hiểu biết và theo đó tu hành thì phải kiến lập rồi phủ nhận, tức là hai chữ “lập” và “phá”: Năm thừa gồm Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, Nhơn thừa và Thiên thừa . Nhơn thừa, Thiên thừa chỉ có lập không có phá, Tiểu thừa, Trung thừa cho đến Đại thừa đều có lập có phá, Tối thượng thừa thì không có lập chỉ có phá. Nếu đến cùng tốt thì lập cũng không, phá cũng không, tức đến Diệu Giác rồi, đó mới là bản lai diện mục, chẳng có cái gì để lập, cũng chẳng có cái gì để phá.

Hỏi: Trong kinh Viên Giác nói “Nếu dùng tâm phàm phu này đo lường cảnh giới của Như lai, chẳng khác gì lấy lửa đom đóm đốt núi Tu di” là thế nào?

Đáp: Cũng trong kinh Viên Giác nói “Nếu chưa ra khỏi luân hồi mà luận bàn viên giác, thì viên giác ấy cũng là luân hồi”. Nay dùng lời nói thế gian thì nói đi nói lại cũng là pháp thế gian, chẳng thể ra ngoài thế gian được. Cho nên, dùng ngôn ngữ chẳng thể nhập tri kiến Phật. Nói đến tri kiến Phật, nhiều người lầm tưởng có cái kiến giải, có cái sở tri của Phật. Nếu có kiến giải, có sở tri thì chẳng phải tri kiến Phật, chẳng lập tri kiến nào cả, trống rỗng tánh không mới là tri kiến Phật. Hễ có nổi lên một tri kiến nhỏ như hạt bụi cũng chẳng phải tri kiến Phật, mà ấy là vọng.

Hỏi: Thế nào là tri huyễn tức ly, ly huyễn tức giác?

Đáp: Ly là lia, bây giờ muốn lia cái gì? Đã trống rỗng tánh không rồi lấy cái gì để lia? Biết đó là tánh không đã là lia, biết chẳng có cái gì để lia đã là lia rồi! Nếu chấp thật có cái gì để lia thì chẳng lia được, là không dây tợ trời. Cũng như Tổ Đạt Ma ấn chứng cho Nhị tổ Huệ Khả:

Huệ Khả nói: Tâm con bất an, xin thầy an tâm cho.

Tổ nói: Dem tâm lại để thầy an cho.

Huệ Khả tìm một hồi rồi nói: Tim tâm không ra.

Tổ nói: Đã an tâm cho con rồi đó.

Huệ Khả liền ngộ.

Hỏi: Có một vị Phật tử, lúc trước học theo phái khát sĩ, Hòa thượng Khất sĩ bảo “Phật tử tại gia không ngồi thiền được, vì va chạm ngoài đời nhiều vọng động, không nên ngồi thiền”. Còn Phật tử tại gia tu theo Tổ Sư Thiền rất dễ, con hơi thắc mắc điều này, xin Sư phụ từ bi khai thị.

Đáp: Theo Tổ Sư Thiền, ông vua cũng có kiến tánh, Thừa tướng, Bộ trưởng cũng có kiến tánh, bà già vai gánh tay bung rao bán ngoài đường cũng kiến tánh, đứa bé 8 tuổi như Long Nữ trong kinh Pháp Hoa cũng kiến tánh thành Phật, những người này đều là tại gia, chẳng những tu thiền được, còn kiến tánh nữa. Phái Khất sĩ nếu quyết tử tu cũng kiến tánh vậy, đâu có phân biệt tại gia xuất gia? Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói “Xuất gia chẳng tu thì không bằng tại gia có tu” (Sư phụ kể về thân xuất gia và tâm xuất gia, và câu chuyện của gia đình ông Bàng Công Uẩn, lược qua)

Hỏi: Thế nào là “Vi thuận tương tranh, thị vi tâm bệnh. Bất thức huyền chỉ, đồ lao niệm tịnh” trong bài Tín Tâm Minh?

Đáp: Ông hãy xem lại cuốn Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải sẽ rõ. Chỉ cần hiểu được hai câu đầu tiên của bài này sẽ hiểu tất cả. Bài Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải là do ngài Trung Phong thấy người ta chấp vào Tín Tâm Minh của Tổ Tăng Xán, dùng Tín Tâm Minh dẫn chứng là nghịch với Tín Tâm Minh và ý của Tổ Tăng Xán, là phi báng Tổ.

Ý của chư Phật, chư Tổ chẳng phải ở trong lời, nên Tú y nói “Y nghĩa bất y ngữ”, phải y theo ý nghĩa chứ không được y theo lời nói. Bây giờ người ta cứ đuổi theo lời nói mà nghịch với ý nghĩa, nên ngài Trung Phong mới làm ra bài Tịch Nghĩa Giải. Tịch là phủ định nghĩa giải, lời của Ngài dù cao hơn nghĩa giải của Giáo môn nhiều nhưng cũng phải quét sạch.

Thật ra, nói “Ý nghĩa” đã là không đúng, lập ra nghĩa đã là sai. Như ở trên tôi đã nói, tánh Không có nghĩa lý gì đâu? Lập ra cái nghĩa không của cái tách, của cái bình, của căn nhà, đối với nghĩa không của thực tế có dính dáng gì!

Hỏi: Tại sao lúc Đức Phật ra đời trời đất rung chuyển, khi Phật nhập Niết bàn thì trời người chim muông đau thương?

Đáp: Chính Phật Thích Ca nói là vô thi vô sanh, thì làm sao Phật lại có sanh và nhập Niết Bàn? Kinh Lăng Già nói “Chẳng có Phật Niết bàn, chẳng có Niết bàn Phật”, nếu y theo lời nói thì rất mâu thuẫn, nên phải hiểu theo nghĩa: Tám tướng thành đạo từ Đức Phật sinh ra đến khi nhập Niết bàn, là muốn thị hiện cho người đời biết, nên có trời đất rung chuyển, sự thật thì chẳng có sanh, cũng chẳng có Niết bàn.

Hỏi: Có phải số mạng con người thể hiện trên chỉ tay?

Đáp: Tôi chỉ biết nhân quả, không biết coi chỉ tay. Nhân quả do tâm tạo, tâm mình tạo thì tâm mình cũng sửa được, chứ người khác thì sửa không được.

Hỏi: Phật tử đông có tốt không?

Đáp: Vấn đề chẳng phải là đông hay không đông, mà phải tu đúng chánh pháp mới là tốt. Dù Phật tử chỉ có một người mà tu đúng chánh pháp ấy là tốt, còn nếu Phật tử một ngàn người, tu theo tà pháp thì không tốt. Tại sao? Vì tu đúng chánh pháp được giải

thoát, một người thành Phật độ vô lượng vô biên chúng sanh; còn một ngàn người tu theo tà đạo, chẳng những không được giải thoát, còn phải đọa địa ngục, ấy là hại người, đong chùng nào hại nhiều chùng nấy.

Hỏi: Thế nào là chuyển thức thành trí?

Đáp: Thức là tám thức, chuyển thức thành trí là kiến tánh: Thức thứ tám chuyển thành Đại Viên Cảnh trí, thức thứ bảy chuyển thành Bình Đẳng Tánh trí, thức thứ sáu chuyển thành Diệu Quan Sát trí, tiền ngũ thức chuyển thành Thành Sở Tác trí, tức tám thức chuyển thành tứ trí. Hễ chuyển thành trí rồi thì con mắt có thể nghe, lỗ tai có thể xem, tức lục căn hỗ dụng, vì tám thức chẳng phải có tám người, chỉ chia thành tám tác dụng, nay đã chuyển thành trí thì không có phân biệt nữa.

Hỏi: Ăn chay có đủ dinh dưỡng không? Mẹ con bị liệt bán thân, con muốn cho mẹ ăn chay nhưng sợ không đủ dinh dưỡng, hoặc con phải cúng dường trai Tăng, hồi hướng công đức cho mẹ con bớt nghiệp?

Đáp: Nhiều người cho là ăn chay không đủ dinh dưỡng, chính bác sĩ cũng nói vậy. Nhưng ở các nước phương Tây, các nhà nghiên cứu tâm lý và vật lý học, lại khuyên mọi người dùng rau cải thay vì dùng cá thịt. Ấy có sự dẫn chứng cụ thể: như con voi, trâu, bò, ngựa... những loại động vật này đều ăn chay (ăn cỏ) mà rất khỏe mạnh. Người ta cho là dùng huyết bò, thịt bò là bổ, nhưng con bò chỉ ăn cỏ, vậy là chất bổ lấy từ cỏ, mà con người ăn chay là trực tiếp hấp thụ chất bổ.

Nhà Tâm lý học đem ra một số thí nghiệm: Họ dùng một mảnh kiếng, cho người đang nổi sân hận phả hơi thở vào mảnh kiếng, thì hơi thở trên kiếng có màu hơi vàng, đem rửa ra cho con sâu nhỏ ăn, liền bị độc chết. Còn người không nổi sân hận, tâm thanh nhàn thì hơi thở phả ra có màu trắng, con sâu ăn phải không bị chết.

Thí dụ trên chứng tỏ, lúc con vật bị đưa ra giết hại thì tâm rất sân hận, tự nhiên máu thịt của nó sẽ chứa đầy chất độc.

Lại nữa, có một người Mỹ là chuyên viên kiểm dịch thực phẩm, khi được mời đi nhà hàng thì ông ấy không bao giờ dùng món thịt cá mà chỉ ăn rau cải, mọi người hỏi ông ấy là đạo Phật hay đạo gì mà không ăn thịt? Ông đáp “Tôi chẳng có đạo gì hết, sở dĩ không ăn thịt chỉ vì sức khỏe thôi”. Hỏi lý do thì ông ấy nói “Tôi là kiểm phẩm viên, mỗi khi tôi kiểm dịch thực phẩm đều phát hiện trên đó chứa đầy vi trùng, nếu tôi nghiêm khắc quá chắc thị trường không có thịt để bán, nên chỉ cấm những loại hàng nào quá tệ thôi, vì đó nên tôi không dám ăn”.

Qua sự thống kê hàng năm của các công ty bảo hiểm nhân thọ, phát hiện rằng người ăn mặn thường có tuổi thọ ngắn hơn người ăn chay, nên khi họ nhận bảo hiểm cho người ăn chay họ sẽ có lợi hơn. Vậy đủ chứng tỏ ăn chay là dinh dưỡng trực tiếp, còn ăn thịt là dinh dưỡng gián tiếp, lại thêm vào độc tố, vi trùng, mầm bệnh...

Hỏi: Lo tham thiền không màng đến buôn bán thì cuộc sống con cái ra sao?

Đáp: Pháp sư Đàm Hư ở Hồng Kông (thọ 90 tuổi, tịch ở HK) trước khi xuất gia là một người thầy thuốc, mở một tiệm thuốc Bắc và có năm đứa con. Khi Sư phát tâm xuất gia thì đứa con nhỏ nhất chỉ mới một tuổi, vì sợ bị cản trở, nên không dám báo cho vợ biết mà lén đi xuất gia.

Đang đi nữa đường, chợt nghĩ: Nếu ra đi như thế thì tiệm thuốc sẽ ra sao? Phải đóng cửa ư? Rồi làm sao duy trì cuộc sống cho cả nhà? Cả bảy con còn non dại, rui người vợ chịu không thấu đi lấy chồng khác thì ai nuôi con?

Lại nghĩ: Trên đời này thiếu gì người tái giá, nếu như ta không phải vì xuất gia mà là bị bệnh chết, chẳng phải mấy đứa con cũng thành mồ côi sao!

Nghĩ đi nghĩ lại, cuối cùng cũng chọn con đường xuất gia. Vài năm sau, khi trở thành Pháp sư rồi, trên đường đi hoằng pháp có dịp đi ngang quê nhà, thì con cái đã trưởng thành, tiệm thuốc vẫn còn. Lúc đầu bà vợ rất giận, nhưng cũng ráng nuôi các con. Về sau, vợ ông ấy cũng tu theo pháp Tịnh độ mà được vãng sanh, cũng có người con trai đi theo con đường xuất gia vậy.

Lại nữa, chính lúc Phật Thích Ca lên đi xuất gia thì đứa con là La Hầu La mới chỉ ra đời có mấy ngày.

Hỏi: Thế nào là ngũ phân hương?

Đáp: Trong kinh Pháp Bảo Đàn, ngài Lục Tổ giải thích năm thứ hương: Giới hương, định hương, huệ hương, giải thoát hương, giải thoát tri kiến hương.

Năm thứ hương này là hương của tâm, mọi người đều có. Nay chúng ta tham thiền, hỏi câu thoại giữ được nghi tình thì giới hương, định hương, huệ hương... năm thứ hương đều đang đốt. Vì nghi tình là không biết, không biết thì không phạm giới, ấy gọi là Giới hương; không biết thì tâm chẳng tán loạn, ấy là Định hương, không biết thì chẳng phân biệt, hề có phân biệt là thức, chẳng phân biệt là trí, ấy là Huệ hương. Không biết thì đâu còn tri kiến gì? tức giải thoát tri kiến hương, luôn cả giải thoát tri kiến cũng không còn, là đầy đủ ngũ phân hương.

Hỏi: Sư phụ dạy tham thoại đầu là đi đến chỗ vô niệm, nói Phật tánh của mọi người sẵn đủ, nhưng trong lý này, thật ra con thấy ít ai nhận được, đâu có đem tâm tu đạo nhưng tâm chưa nhập đạo cũng chẳng thể thấy được lý pháp thân. Ở đây Sư phụ cho hỏi những thắc mắc, nhưng hề có thắc mắc là đã rơi vào có niệm rồi! Vậy hỏi như thế nào để khỏi rơi vào năng sở và kẹt vào chỗ có không?

Đáp: Bây giờ nghi tình cũng là có niệm, nghi tình cũng là nhất niệm vô minh, đâu phải vô niệm? Tôi đâu có nói là vô niệm? Ông còn chưa biết ý nghĩa của vô niệm: Trong Pháp Bảo Đàn nói “Hữu niệm niệm thành tà, vô niệm niệm tức chánh, tà chánh đều quét sạch, thanh tịnh đến cùng tốt”, Tà chánh đều phải quét sạch, vô niệm cũng phải quét, đâu phải cần vô niệm? Hai câu kệ “Chớ nói vô niệm tức là đạo, vô niệm còn cách muôn trùng quan”, ai nói là phải vô niệm?

Tôi không có nói tham thiền cần vô niệm, chỉ nói là “Nhu Lai Thiên là dùng cái niệm biết để tu, còn Tổ Sư Thiên là dùng sự không biết để tu”, không biết cũng là niệm, mới thành nghi tình.

Hỏi: Vô sư trí nghĩa là không có thầy dạy, không có người chỉ mà nói ra được, ấy là của mình, phải không? Trong sự tham thoại đầu hằng ngày có được vô sư trí không? Vô sư trí và kiến tánh khác nhau như thế nào?

Đáp: Lúc kiến tánh tức hiện ra vô sư trí. Vô sư trí là cái tâm mình sẵn có, mục đích tham thiền là phát hiện cái mà mình sẵn có. Còn những gì học được là của người khác, nếu muốn đem dạy lại người khác, tự phải có trí huệ phân biệt nó đúng hay sai. Lại nói là “tự mình biết”, có phải thật rõ biết hay không, ấy cũng là một vấn đề.

Theo tánh của con người thường ham làm thầy của người khác, dạy pháp thế gian nếu không đúng bất quá học không thành mà thôi, chẳng có tác hại; còn Phật Pháp nếu dạy không đúng thì có hại. Thiên tông có công án về Bá Trọng và con chồn năm trăm kiếp (*lược qua*). Cũng như bây giờ tôi giải đáp vì nhiều người tin tôi rồi, hề tôi

trả lời sai cũng có tội, chẳng thà nói mà chẳng ai tin thì không có tội. Cho nên, trong Phật Pháp muốn dạy người không phải dễ.

Hỏi: Có phải dâng bông, thắp đèn cúng Phật thì kiếp sau sẽ được tướng hảo, được trí huệ sáng không?

Đáp: Trong Phật giáo, tác dụng của Phật Pháp là muốn người ta tu giải thoát tất cả khổ, còn nếu chỉ muốn kiếp sau được giàu sang, được tướng tốt thì đó là chướng ngại sự giải thoát, phải tự tu rồi trí huệ mới sáng, nếu khởi tu thì không có nhân quả. Cúng bông cúng đèn cũng có cái nhân, nhưng nhân này rất nhỏ, còn tự mình tu phát hiện cái mình sẵn có ấy mới là chơn thật triệt để.

Về vấn đề bố thí cúng dường, trong kinh Kim Cang nói “đem thất bửu chất đầy tam thiên đại thiên thế giới cúng dường chư Phật, phước đức đó không bằng giải thuyết tứ cú kệ”. Tại sao? Vì giải thuyết tứ cú kệ người ta theo đó tu được giải thoát, còn cúng dường bao nhiêu, phước lớn chừng nào, hưởng dần cũng sẽ hết. Lại nữa, trong lúc hưởng phước còn có thể gây thêm tội, kiếp sau nữa phải chịu khổ báo. Cho nên, người chơn tu chỉ cần giải thoát không cần phước, vì phước đó tự tánh sẵn có, hưởng đâu có hết!

Giáo môn dạy người phước huệ song tu, đó chỉ là phương tiện, còn tôi dạy Tô Sư Thiên là vô sở đắc, không được phước cũng không được huệ, vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ là để phá ngã chấp, mau đạt đến giải thoát, tức kiến tánh thành Phật. Đã kiến tánh thì phước đó không gì bằng, vì tất cả đều đầy đủ chẳng thiếu sót.

[11] 11/09/94–17/09/94 tại Chùa Từ Ân, Quận 11.

Hỏi: Thế nào là ngũ giới của cư sĩ tại gia?

Đáp: Giới thứ nhất là sát sanh, thứ nhì là trộm cắp, thứ ba là tà dâm, thứ tư là vọng ngữ, thứ năm là uống rượu.

Giới thứ nhất cấm sát sanh: Đã muốn thọ giới của Phật thì trước tiên là cấm sát sanh, bất cứ sinh vật gì thuộc hữu tình đều cấm giết hại.

Giới thứ nhì cấm trộm cắp: Đồ vật của cải của người khác, nếu muốn lấy xử dụng phải được sự đồng ý của chủ nó, nếu không được sự đồng ý mà lén lấy thì gọi là trộm cắp. Dĩ nhiên các đồ vật trong gia đình giữa cha mẹ anh em thường dùng qua dùng lại lẫn nhau là không phạm, nhưng cái nào cũng có sự giới hạn, ví như con cái ăn cắp tiền của cha mẹ cũng phạm giới trộm cắp.

Giới thứ ba cấm tà dâm. Thế nào là tà dâm? Người tại gia thường có gia đình, quan hệ vợ chồng chính thức là chánh dâm, ngoài vợ chồng chính thức ra đều thuộc tà dâm, phải cấm. Còn người xuất gia thì chánh dâm, tà dâm đều cấm.

Giới thứ tư cấm vọng ngữ, gồm bốn thứ: Vọng ngôn, ý ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt. Vọng ngôn là nói dối, tức nói có thành không, nói không thành có; Ý ngữ là lời nói thù dật, Ác khẩu là chửi mắng người khác; Lưỡng thiệt là thị phi hai đầu, làm cho hai bên bất hòa, khiến thù oán nhau, cũng thuộc về vọng.

Giới thứ năm cấm uống rượu: đáng lẽ uống rượu chẳng có hại, nhưng vì uống rượu rồi có thể phạm phải bốn giới trước nên cấm. Giới nhà Phật có khai giá trị phạm, ví như mình có bệnh, thầy thuốc nói phải dùng thuốc rượu, tự mình công khai nói ra là có thể uống được. Lại nữa, có trường hợp vì không biết đó là rượu mà uống phải thì chẳng phạm; hoặc trong lúc nấu nướng cần bỏ rượu vào để chế biến cũng chẳng phạm. Ngoài ra, một số thực phẩm có men rượu nhưng ăn vào không bị say như cơm rượu... cũng dùng được.

Ngũ giới này của cư sĩ tại gia, đã thọ rồi phải suốt đời giữ theo giới, nếu sơ ý phạm phải thì sám hối với một người cư sĩ đã thọ ngũ giới rằng “Xin ông hãy chứng minh cho tôi đã lỡ phạm giới này, từ nay về sau tôi không dám phạm nữa”. Vậy là hết tội phá giới, còn tội nhân quả thì chẳng thể sám hối được, giết một mạng phải trả một mạng, ăn cục thịt trả cục thịt.

Có người nói “Thế thì chẳng thà không thọ giới, khỏi phải mắc đến hai tội, vừa tội nhân quả vừa tội phá giới; nếu không thọ giới thì chỉ mắc một tội nhân quả mà thôi”. Sự thật là nếu không thọ giới thì hay phạm nhiều tội nhân quả, mắc nợ nhiều; còn thọ giới rồi sẽ cẩn thận hơn, ít phạm tội nhân quả, ít mắc nợ, cho nên có thọ giới vẫn tốt hơn.

Hỏi: Khi nào mới có thể thọ giới Bồ tát?

Đáp: Muốn thọ giới Bồ tát phải hành theo hạnh Bồ tát, tám chữ “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành” là đạo Bồ tát, Tất cả ác không làm tức chỉ trì, tất cả thiện đều phải làm, nếu cảm thấy có thể hành theo thì thọ giới Bồ tát được.

Theo giới Bồ tát, trước khi thọ phải nghe giảng các điều giới, nếu cảm thấy đủ sức thực hành được mới thọ, hễ thấy tự mình còn chưa thể làm được thì đừng thọ, vì giới Bồ tát phải hy sinh mình đi cứu giúp người khác, thọ xong là phải giữ, chứ thọ giới mà không giữ được giới tức phạm giới, tội còn nhiều hơn. Cho nên, các giới khác không cho nghe trước, riêng giới Bồ tát là phải nghe trước.

Hỏi: Thưa Sư phụ, tại sao lại có chỗ nói là chưa thọ giới thì không được học giới, học như vậy là phạm luật?

Đáp: Đó là nói về giới Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni của hàng xuất gia: Người thọ giới Tỳ-kheo-ni mới được học giới và xem giới Tỳ-kheo-ni, nếu chưa thọ thì không được xem. Tại sao? Ý của Phật muốn cho người ta không phỉ báng Tam Bảo, nếu biết giới của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni rồi, thấy người ta phạm giới, hễ nói là không được. Theo giới Bồ tát không được nói lỗi của tứ chúng, nói là phạm.

Chẳng những như thế, Tỳ-kheo thì được xem giới luật Tỳ-kheo-ni, phải thông suốt giới luật Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, còn Tỳ-kheo-ni chỉ được thông suốt giới Tỳ-kheo-ni, không được biết giới Tỳ-kheo. Tại sao Tỳ-kheo phải thông suốt giới luật Tỳ-kheo-ni? Vì theo pháp Bát kinh, Tỳ-kheo-ni mỗi nửa tháng phải mời hai vị Tỳ-kheo đến chùa Ni dạy Tỳ-kheo-ni, nên phải thông suốt giới luật. Lại nữa, trong pháp Bát kinh, Tỳ-kheo có thể cử tội Tỳ-kheo-ni, nhưng Tỳ-kheo-ni không được cử tội Tỳ-kheo, nên Tỳ-kheo-ni không được biết giới của Tỳ-kheo.

Hỏi: Con tham thiền trong lúc công phu thì có nghi tình, nhưng đến lúc đi ngủ thì không tham, mà tự nhiên nghi tình vẫn cuộn cuộn nổi lên rất mạnh, rất căng, cảm giác ấy nhiều lúc cũng gây khó chịu, muốn buông cũng không được, muốn tiến cũng không được. Tình trạng cứ như vậy hoài, cho đến khi ngủ quên rồi thức dậy thì nó không còn gì nữa. Tình trạng như vậy là thế nào? Kính xin Sư phụ từ bi khai thị.

Đáp: Nếu trong lúc ngủ còn có nghi tình là tốt, là công phu tiến tới, đi sâu vào thì ngủ cũng có nghi tình, hễ công phu tự động rồi mới tự nó cuộn cuộn nổi lên, không đề khởi mà tự nó như thế là tốt, khỏi hỏi câu thoại cũng được. Nhưng nghi tình là thác mắc, còn nếu chỉ nổi lên câu thoại như niệm thì không phải, cần có nghi tình miên mật.

Hỏi: Ngay sau khi Đức Phật thành đạo, người đầu tiên được Ngài độ là năm anh em Kiều Trần Như, vậy giữa Đức Phật và họ có nhân duyên gì?

Đáp: Kiều Trần Như là do vua Tịnh Phạn sai đi chăm sóc thái tử. Nói đến nhân duyên, Trong quá khứ kiếp, khi Đức Phật còn là vị nhẫn nhục tiên nhân tu theo như đạo, lúc đó Kiều Trần Như là vua Ca Lợi. Một hôm vua đi săn bắn, đem theo cung phi mỹ nữ, họ thấy vị tiên nhân một mình tu trong rừng núi, bèn bu lại cười giỡn. Vua thấy vậy đến hỏi tiên nhân có biết mấy vị này là cung nữ hay không? Tiên nhân trả lời “Biết”. Ông vua nghe rồi nổi giận, liền dùng dao cắt xén từng bộ phận cơ thể của tiên nhân cho đến chết. Ngay lúc vị nhẫn nhục tiên nhân bị sát hại, chẳng những trong lòng không oán hận, còn cảm thấy thương xót rằng ông vua làm như thế tạo tội rất nặng, sau này tất phải chịu khổ báo nặng, bèn phát nguyện rằng “Sau này nếu tôi thành Phật tôi sẽ độ ông này trước”. Do nhân duyên này nên Đức Phật độ Kiều Trần Như trước.

Tất cả chúng sanh đều có nhân duyên quan hệ với nhau, quá khứ đều là cha mẹ, anh em hoặc vợ chồng, dù phức tạp nhưng đã có nhân ắt có duyên, cái đó tự nhiên, chẳng thể giải thích được. Nói tóm lại, tất cả đều là việc trong chiêm bao, hễ tu đến giác ngộ thành Phật thì biết đó là việc chiêm bao, nhưng vì Phật muốn độ chúng sanh còn trong chiêm bao, nên mới kể những việc trong chiêm bao, để cho mọi người biết đó chỉ là chiêm bao, chớ sanh tâm lưu luyến những giàu sang phú quý hầu mau được thức tỉnh, ra ngoài chiêm bao.

Hỏi: Thế nào là Tác, Chỉ, Nhậm, Diệt?

Đáp: Ấy là bốn thứ bệnh được nói đến trong kinh Viên Giác: Tác là làm, mục đích của Phật Pháp là đi đến kiến tánh thành Phật, nhưng Phật chẳng phải do tác mà thành, nếu chấp tức thành bệnh. Chỉ là ngưng, nay nhiều người nói vọng tưởng nhiều quá, phải cho nó ngưng lại, nhưng thành Phật chẳng phải do chỉ, nên chấp tức thành bệnh. Thế thì mặc kệ ư? Nhậm là mặc kệ, vọng tưởng nổi lên cho nó lên, vọng tưởng xuống cho nó xuống, mặc kệ nó, nhưng thành Phật chẳng phải do mặc kệ, hễ chấp tức thành bệnh. Diệt là tiêu diệt, cũng như nhiều người nói phải tiêu diệt nghiệp chướng phiền não, nhưng thành Phật cũng chẳng phải do diệt mà được, nên chấp thật cũng thành bệnh. Bây giờ chưa kiến tánh thì dùng đó làm công cụ cũng được, nhưng không được chấp, không được trụ vào đó, hễ có trụ tức thành bệnh.

Hỏi: Có phải sau khi kiến tánh thì tất cả không gian thời gian tâm mình đều biết hết?

Đáp: Bây giờ chưa kiến tánh, bản thể của tâm cũng khắp không gian thời gian, chỉ là tự mình tin không nổi, phải đến khi kiến tánh rồi, tâm mình hiện lên, được tự chứng phân rồi, lúc đó mới tin.

Hỏi: Con xin mạn phép hỏi Sư Phụ kiến tánh chưa? Nếu chưa kiến tánh, làm sao biết giảng pháp?

Đáp: Tôi đã tuyên bố nhiều lần là tôi chưa kiến tánh. Tôi giảng pháp không phải giảng giáo lý cao siêu cho quý vị được biết nhiều thêm, mà chỉ là đem thuốc giả của chư Phật chư Tổ để trị bệnh giả, tức đem đùm giải của chư Phật chư Tổ truyền lại thôi, và tôi cũng đang trị bệnh vậy. Quý vị nay đã biết bệnh sanh tử của mình thì tự phải lo điều trị, chớ đừng lo cho người khác, dù lo cho bạn đồng tham cũng không được. Vì pháp môn này là dùng cái không biết để tu, nếu ngoài muốn biết cái của mình ra, còn muốn biết thêm của người khác thì mênh mêng, làm sao biết hết được! Dẫu cho biết hết cũng đâu có ích lợi gì? Ấy là chướng ngại, là nghịch với pháp môn rồi!

Pháp môn này là dùng sự không biết để tu, không cho tìm hiểu, không cho ghi nhớ, phải chỉ ông tìm hiểu cách thực hành để đi cho đúng cũng còn được đi, nay lại đi tìm hiểu cái vô ích, tìm hiểu cái nghịch với cách thực hành! Chư Tổ nói “Hiểu thiên hiểu

đạo còn không cho, ghi nhớ, suy nghĩ cũng vậy”. Tất cả đều phải nhờ nghi tình này chấm dứt hết, nay chẳng những không chấm dứt, lại cho là có cái tài khôn muốn trở lại khảo thầy!

Hỏi: Khi con ngồi tham thiền, thấy lửa cháy xung quanh người, vậy có sao không?

Đáp: Chớ nói đó chỉ là ảo tưởng, cho dù lửa cháy thật, nếu lòng tin chơn thật đầy đủ cũng không sợ. Có một vị Thiền sư đi với nhiều người lên núi, đang đi đột nhiên gặp đám cháy to, mọi người hoảng sợ bỏ chạy, Thiền sư nói “Nhất thiết duy tâm tạo, nếu tâm không tạo thì làm sao có”. Lửa cháy xung quanh, nhưng khi đến gần Thiền sư thì tự tắt.

Hỏi: Con đang đi xe, đang làm việc đồng thời cũng đang tham, mà cũng chạy đến đúng chỗ, vậy phải là có hai tâm?

Đáp: Không phải có hai tâm, tâm chỉ có một. Mỗi người chỉ có một cái biết, lúc dùng cái biết của bộ não thì cái biết của chánh biến tri bị che khuất, hễ cái biết của bộ não ngưng thì cái biết của chánh biến tri tự động thay thế để làm việc, trường hợp như vậy đã có nhiều Phật tử chứng tỏ, như cô thợ may, như Trương Quốc Anh v v...

Hỏi: Đang tham thiền có vọng tưởng con vẫn biết, Sư phụ đang giảng con cũng đang nghe, như vậy phải là có hai tâm?

Đáp: Nếu có nghi tình phải là không biết, hễ biết thì lúc đó không có nghi tình, tức cái biết và nghi tình xen lộn hoài chứ chẳng phải có hai tâm.

Hỏi: Thế nào mới được giải thoát sanh tử?

Đáp: Kiến tánh thì được giải thoát sanh tử.

Hỏi: Các bài chú có hiệu nghiệm như thế nào?

Đáp: Bài chú chẳng có hiệu nghiệm gì cả, tại sao? Nếu bài chú có hiệu nghiệm thì ai tụng cũng hiệu nghiệm, phải không? Sở dĩ hiệu nghiệm là tại tâm mình. Tôi thường nói: sức dụng của tâm vô lượng vô biên, chẳng có sự hạn chế, người có tâm lực mạnh mới có hiệu nghiệm, còn người tâm lực yếu thì tụng cách mấy cũng chẳng hiệu nghiệm, đủ chứng tỏ đó là do sức tâm chứ chẳng do bài chú.

Hỏi: Thế nào là pháp?

Đáp: Tất cả vũ trụ vạn vật đều là pháp, cái tách này, bình này, bàn này, cái thân của ông v v...đều là pháp, cái Có cũng là pháp, cái Không cũng là pháp, pháp hữu vi cũng là pháp, pháp vô vi cũng là pháp.

Hỏi: Vậy pháp giới là gì?

Đáp: Tất cả pháp gọi là pháp giới.

Hỏi: Thế thì muôn pháp về một là về với cái tâm, phải không?

Đáp: Nói về với cái tâm cũng được, nhưng tâm về chỗ nào? Bây giờ đừng có cho là cái gì, cứ giữ cái không hiểu không biết mà tham là được rồi.

Hỏi: Tập khí cụ thể là cái gì?

Đáp: Tập khí làm sao có cụ thể?

Hỏi: Có phải phiền não tham sân si là tập khí phiền não?

Đáp: Phiền não là cái gì?

- Dạ thưa là người ta làm cho mình buồn phiền không vừa ý.

- Làm cho buồn mới là phiền não, còn đau ngứa có phiền não không?
- Dạ cũng có.
- Ăn không tiêu có phiền não không?
- Dạ có.
- Vậy những thứ này đâu có ai làm cho buồn, phải không?

Hỏi: Thế thì trừ tập khí là trừ cái gì?

Đáp: Tập khí là huân tập thói quen, tập khí tức thói quen. Cũng như ông mỗi ngày đều dùng ba bữa cơm, lâu ngày thành tập khí; hằng đêm đều đi ngủ lúc tám giờ, lâu ngày cũng thành tập khí.

Hỏi: Nếu bỏn lai vô nhất vật thì làm sao có chơn tâm?

Đáp: Chơn tâm là gì? Nếu chơn tâm là vật chất phải có hình tướng số lượng, vậy chơn tâm có hình tướng số lượng không? Tôi thường nói Tánh không tức tâm, vốn như hư không chẳng hình tướng số lượng, hư không chẳng phải vật, thế thì không có vật tức chẳng có hư không sao? Nếu chẳng có hư không thì chúng ta làm sao có thể ngồi tại đây? Nó vốn là không có vật gì mà!

Hỏi: Vía Quán Thế Âm Bồ tát có tất cả ba ngày, vậy ngày nào là chính?

Đáp: Chẳng có ngày vía nào chính, cũng chẳng có ngày vía nào không chính. Quán Thế Âm Bồ tát là do Phật sở thuyết, nói chi Quán Thế Âm Bồ tát, chính ngày Phật Đản cũng có đủ thứ sai biệt, Phật giáo Thế giới phải họp lại để chọn một ngày cho thống nhất, hướng là ngày vía Quán Thế Âm Bồ tát! Như ở trong kinh Vạn Phật, cùng một hiệu Quán Thế Âm biết bao nhiêu, cũng như ở đây, mỗi người đều có tự tánh Quán Âm, không những Tự tánh Quán Âm, Tự tánh Phật nữa!

Hỏi: Thế nào là vô lượng vô biên?

Đáp: Hư không là vô lượng vô biên, tâm của mọi người cũng như hư không vô lượng vô biên.

Hỏi: Thế nào là Viên giác Diệu tâm? Viên giác Diệu tâm có phải Phật tánh không?

Đáp: Phải, Phật tánh cũng là cái tâm, Viên giác Diệu tâm cũng là cái tâm. Kinh Phật nói đến chữ Diệu là bất khả tư nghì, chẳng thể suy lường. Diệu tâm là tâm của mọi người, hễ bộ não có thể nghĩ đến, lục căn có thể tiếp xúc được thì chẳng thể nói là diệu. Tại sao? Vì Diệu tâm chẳng hình tướng, con mắt không thể thấy; Diệu tâm chẳng âm thanh, lỗ tai không thể nghe, chẳng mùi vị nên không thể ngửi nếm được. Vì chẳng có bản thể số lượng nên ý căn muốn biết cũng biết không nổi. Cho nên Lục căn tiếp xúc không đến, nhưng chẳng phải hoàn toàn không có, sự dụng vô lượng vô biên, có mà không tiếp xúc được, nên gọi là Diệu tâm.

Phật tánh chỉ là biệt danh của Diệu tâm, vì Diệu tâm có tánh giác ngộ, nay chúng ta dù có Diệu tâm nhưng chưa giác ngộ, tham thiền thì sau này sẽ giác ngộ, vì có tánh giác ngộ nên gọi Phật tánh. Chữ Phật nghĩa là giác ngộ chứ chẳng phải là một vị thần linh.

Hỏi: Thế nào là nhất thiết duy tâm tạo?

Đáp: Như trên đã nói, tất cả đều từ Diệu tâm sanh ra, cái tách này, cái bình này, cái thân này... nên nói nhất thiết duy tâm tạo. Tôi đã thường giảng về tánh Không của tâm chẳng bản thể hình tướng số lượng, tâm là hư không, hư không là tâm, vì có cái Không nên tất cả pháp mới được thành tựu. Nay vì tất cả đều từ hư không sanh ra, tất

cả đều từ tâm này sanh ra, nên nói nhất thiết duy tâm tạo. Mặc dù sự thật thì chẳng phải do hư không này tạo, vì thật tế vốn chẳng có cái gì tạo cái gì, nên gọi là vô sanh, hễ có tạo tức có bắt đầu.

Do chúng ta không thể tiếp xúc với cái tâm, lại do mọi người không thể tin rằng sức mạnh của tâm vô lượng vô biên. Nhà khoa học dù phát minh cái này cái kia, cũng chưa tin được cái tâm. Cái nào mà nhà khoa học chưa phát minh chưa hiểu thì qui cho là tự nhiên, còn Phật thì phủ định tự nhiên. (*Sư phụ dẫn chứng phi nhân duyên, phi tự nhiên, lược qua*)

Bây giờ nói đến động lực của vũ trụ, ví như vũ trụ lớn thì sức xoay mạnh, như mặt trăng xoay theo trái đất, trái đất xoay theo mặt trời, mặt trời xoay theo ngân hà... mà ngay trong vũ trụ nhỏ như hạt bụi, những hạt nguyên tử điện tử cũng đang xoay. Như trong cái tách này có cả muôn triệu hạt nguyên tử đang xoay, cái bàn này, cái ghế này... bao nhiêu hạt điện tử hợp thành cũng đang xoay. Các nhà khoa học đã chứng tỏ tất cả vật chất đều do nhiều nguyên tử tổ chức thành, trong mỗi hạt nguyên tử có một trung tử, chung quanh có nhiều điện tử luôn xoay chuyển chẳng ngừng, chẳng có sự bắt đầu và cuối cùng. Nay dù đem đập bể cái tách, thì những hạt nguyên tử trong miếng tách cũng vẫn xoay chuyển không ngừng; đem bàn này đốt thành than thì những hạt nguyên tử cũng chẳng hề ngừng.

Muốn khởi động chiếc xe hơi phải đổ xăng vào, khởi động cho máy nóng lên rồi mới chạy được; nay những hạt nguyên tử điện tử xoay chuyển nhau, vậy động lực đó từ đâu ra? Tại sao có sức xoay chuyển ngày đêm chẳng ngừng? Sức đó từ đâu ra, biết không? Ấy là sức của tâm. Nói như vậy có lẽ mọi người khó lãnh hội, Lục Tổ thì nói rõ hơn, trong kinh Pháp Bảo Đàn “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, là tâm của ông động”.

Do tâm của ông động gió mới động, do tâm của ông động phướn mới động, ấy là nhất thiết duy tâm tạo vậy.

Hỏi: Con đang học tại Viện Phật Học, làm thế nào có thể vừa tham thiền vừa học cho hết chương trình?

Đáp: Đang học thì đừng tập tham, hết giờ học mới tập tham, tập đến quen thuộc rồi thì đang học hành cũng tham được, làm việc cũng vậy.

Hỏi: Người tham thiền có phải là trở về tánh thấy và tánh nghe của nội tâm?

Đáp: Chẳng có đi cũng chẳng có trở về, vì tánh thấy tánh nghe vốn cùng khắp không gian thời gian, nên chẳng có đi và về. Thí dụ: Cô có thể đồng thời thấy một lượt cả chúng ở đây, hoặc phải thấy từng người một? Nếu đồng thời thấy hết tức tánh thấy khắp không gian; chẳng những thấy được đại chúng, luôn cả cái bàn, cái ghế, tách, bình v v... đều thấy cả, vậy đâu có trở về? Về đâu?

Hỏi: Tự mình làm chủ một cơ sở, không đi chợ mua đồ măn cho công nhân ăn, chỉ đưa tiền cho người khác đi, vậy có chịu nhân quả không?

Đáp: Tự mình không đi mà đưa tiền cho người khác đi, ấy là sai người khác làm. Trong kinh Lăng Già nói những người đi bắt chim cá là trực tiếp bắt, còn người mua ăn là dùng tiền đi bắt, cũng phải có nhân quả.

Hỏi: Những cư sĩ tại gia đã thọ giới Bồ tát, nếu chưa thể hoàn toàn trường chay, hoặc chỉ thọ năm ngày chay, mười ngày chay là vẫn tiếp xúc đến cá thịt, còn những vị đã phát tâm trường chay rồi, không tiếp xúc sát sanh và nêm nếm mùi vị,

nhưng vì gia đình họ vẫn đi mua về xào gọt nấu nướng, dù không nêm nếm mùi vị, vậy họ có chịu nhân quả không?

Đáp: Người thọ giới Bồ tát là muốn học theo hạnh Bồ tát, muốn cứu giúp chúng sanh, nếu còn ăn thịt chúng sanh tức phá giới. Lại nữa, tự mình đã không ăn mà còn đi mua, tức dùng tiền đi bắt, cũng phải có nhân quả. Ngũ giới của cư sĩ tại gia là cấm uống rượu, không uống thì không phạm, bán rượu cũng không phạm, còn Giới Bồ tát là uống rượu tội nhẹ, bán rượu thì tội nặng. Tại sao? Vì uống rượu chỉ hại cho bản thân, bán rượu là hại đến người khác. Đã muốn học hạnh Bồ tát để cứu giúp chúng sanh còn trở lại hại người sao! Cho nên tội nặng.

Phật Pháp nói tất cả do tâm tạo, tự tâm đã tạo nhân thì phải chịu quả. Trong gia đình nếu mình là người có quyền quyết định thì mình phải chịu nhân quả. Nếu làm việc cho người khác, hề không thực hiện theo sẽ phải mất chén cơm việc làm, chỉ thực hiện theo sự sai bảo của người khác, tự mình không cố ý thì người sai khiến phải chịu.

Ở Trung Quốc có một Tỷ phú làm chủ một ngân hàng, ông ấy dù rất giàu sang, cũng biết nhân quả, cả gia đình đều ăn chay trường, duy chỉ có bà mẹ không chịu ăn chay. Mỗi lần ông khuyên người mẹ ăn chay đều bị la rầy “Đã nói là tôi không ăn chay được, cứ nói ăn chay ăn chay hoài!”

Vì ông ấy là đứa con có hiếu, biết rằng bà mẹ mắc nợ thịt như thế, sau này phải chịu quả báo, muốn độ giúp mẹ mình, nên đã sai người nấu bếp chế biến những món chay rất ngon mà không nói đó là đồ chay. Hằng ngày người mẹ dùng các món ăn cũng chẳng biết đó là chay, chỉ cảm thấy rất ngon miệng. Như thế trải qua hai năm, đến ngày sinh nhật của mẹ, ông thưa với mẹ rằng:

- Kỳ này con định tổ chức bữa tiệc lớn chúc mừng sinh nhật của mẹ, mời hết tất cả bà con bạn bè, Bữa tiệc sẽ làm toàn các món ăn chay, mẹ cũng ăn luôn nhé!

- Sao cứ nói ăn chay hoài vậy, tôi đã bảo là không ăn được mà!

- Thế mà hai năm nay chẳng phải ngày nào mẹ cũng ăn chay ư, sao mẹ nói ăn không được?

- Thật vậy sao?

Cuối cùng bà mẹ mới biết và từ đó về sau mới công khai việc ăn chay.

Hỏi: Trước kia chúng con đã qui y rồi, nay muốn qui y Sư Phụ một lần nữa được không?

Đáp: Nếu qui y rồi tức đã là đệ tử của Tam Bảo thì không cần qui y nữa. Tam Bảo là đại diện cho Phật, Pháp, Tăng, chứ không phải thuộc về một cá nhân nào. Nói qui y vị thầy nào đó chỉ là thay mặt cho Tam Bảo chứng minh cho mình đã trở thành đệ tử của Tam Bảo, chứ chẳng phải là đệ tử riêng của thầy đó.

Hỏi: Kính bạch Sư Phụ, chúng con không qui y có tu Tổ Sư Thiền được không?

Đáp: Không có qui y cũng tu Tổ Sư Thiền được, và cũng có thể kiến tánh được.

Hỏi: Có người lúc lâm chung, những người xung quanh thấy có ánh sáng xẹt ra, vậy người đó đã được Phật rước, đúng không?

Đáp: Không đúng. Nay dù thấy Phật Thích Ca đến rờ đầu thọ ký sẽ thành Phật cũng còn không đúng, huống là thấy ánh sáng! Tất cả đều là vọng, đều do vọng tâm biến hiện. Trong Bá Trượng Quảng Lục, Ngài nói: Khi người lâm chung, cảnh giới mà mình ham thích sẽ hiện tiền, ví như ham thích nhà lầu xe hơi thì cảnh đó sẽ hiện lên,

hễ đi vào đó khi trở ra đã thành con chó con heo. Vì đó là do mình đã tạo nghiệp rồi, nên phải trả quả.

Hỏi: Ngài Hư Vân và ông lão sửa đường đều đã kiến tánh, nhờ nói chuyện với nhau qua bộ não của mình rồi mới biết được ông lão kia là kiến tánh, phải không?

Đáp: Người đã kiến tánh tự hiện ra cái dụng vô sở trụ, cử chỉ lời nói đều là vô sở trụ, đã vô sở trụ rồi thì những lời nói đó Thiền tông gọi là chuyển ngữ. Vô trụ nghĩa là không thật, nên mặc dù nói những lời đó nhưng không trụ vào những lời đó, nếu còn chấp thật tức chưa kiến tánh. (*Sư phụ giảng về thế lưu bố tướng và trước tướng, lược qua*).

Hỏi: Thế nào là chuyển ngữ?

Đáp: Chuyển ngữ là lời nói chẳng trụ ở chỗ nào hết, phải là người kiến tánh rồi mới nói được, người chưa kiến tánh thì nói không ra.

Hỏi: Vậy có phải đó là câu trả lời sáng suốt đúng sự thật?

Đáp: Nếu nói trả lời sáng suốt đúng sự thật là bậy, tức chỉ hiểu theo lời nói, là con chó đuổi theo cục xương.

Hỏi: Vậy chuyển ngữ là như thế nào? Xin Sư phụ thí dụ.

Đáp: Cái này không phải cho hiểu. Chuyển ngữ là chư Tổ dùng để khám xét hành giả tham thiền đã ngộ hay chưa, nếu ngộ rồi mới nói ra được, hễ chưa ngộ thì nghe cũng chẳng biết gì. Đó chẳng phải có nghĩa lý để giải thích, chẳng có gì để thí dụ được, khi nào bà kiến tánh rồi thì tự biết, bây giờ chỉ cần dùng công phu để tu đến kiến tánh thôi.

[12] 10/10/94-16/10/94 tại Chùa Từ Ân, Quận 11.

Hỏi: Thế nào là nhìn vào chỗ hầm sâu đen tối?

Đáp: Chỗ đen tối là phương tiện để tập nhìn, ví như hiện nay mở mắt thì thấy rõ cái này là cái bình, kia là cái tách, còn nhắm mắt thì không thấy, chỉ thấy đen tối, cái tách cái bình... mọi thứ đều không biết, Tổ Sư Thiền là dùng cái không biết đó để tu, cứ nhìn chỗ không biết. Nay dùng cái đen tối đó thay thế chỗ không biết, đến khi nhìn được rồi, không cần nhờ đen tối để nhìn nữa, mở mắt cũng không thấy gì. Cũng như lúc tập đi xe đạp, ban đầu kể cả leo lên cũng không được, phải nhờ người khác vịn chiếc xe mới leo lên, rồi đạp cũng không đi, phải nhờ người khác đẩy giùm. Tập một thời gian, tự mình biết chạy rồi, không cần người khác giúp nữa. Nhìn vào hầm sâu đen tối cũng vậy, ban đầu nhờ cái đen tối để nhìn, đã nhìn được thì cái đen tối cũng khỏi.

Hỏi: Tâm và tánh có khác nhau không?

Đáp: Nếu nói về bản tâm và bản tánh thì chẳng khác, ví như nói tự tâm cũng là tự tánh, kiến tánh thì tự tánh hiện, cũng là tự tâm hiện. Còn người thế gian thì có khác, người thì tánh thiện, người thì tánh ác, người thì ham thích vui chơi, người thì ham thích yên tĩnh v.v... nhưng tâm không khác, vốn như hư không chẳng có gì hết.

Hỏi: Vừa rồi Sư phụ khai thị về nhân quả, nhân nào quả nấy, giết người phải đền mạng, ăn cục thịt trả cục thịt. Nhưng Phật tử và người xuất gia nếu phạm những giới điều hoặc tạo tội nhân quả, có cách nào giải quyết tốt nhất?

Đáp: Cách giải quyết tốt nhất là kiến tánh, ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh, nhảy ra ngoài chiêm bao thì tất cả giải quyết xong. Không kiến tánh phải từ thân này qua thân khác, cứ ở trong luân hồi mãi, chẳng thể giải quyết được.

Hỏi: Thế nào là thâm nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục?

Đáp: Trong kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ tát dạy về cách tu Tịnh độ “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, đó là bao gồm, tức nhiếp cả nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý. Muốn nhiếp nhãn căn phải không phân biệt xấu đẹp, nhiếp được nhĩ căn thì không phân biệt khen chê, tức là khen cũng không vui, chê cũng không buồn. Nhiếp những căn khác cũng vậy.

Nay nhiều người tu Tịnh độ không nhiếp được căn nào, mà chỉ mong lúc lâm chung có Phật A Di Đà đến rước, đã không biết tông chỉ của Tịnh độ thì làm sao thực hành cho đúng? Phải thực hành đúng mới có Phật đến rước. Nguyên lực của Phật A Di Đà rất mạnh, ví như làn sóng điện của đài phát thanh, dù máy radio rất nhỏ, bất kể ở phương trời nào, chỉ cần vặn đúng với làn sóng tổng đài thì tự nhiên thu được hiệu quả, hề xê xích một sợi tóc là thu không được. Tu Tịnh độ cũng vậy, nguyện của mình phải đúng với nguyện của Phật Di Đà mới có tương ứng, xê xích máy may cũng không được. Hễ không tương ứng thì dù ở khít một bên cũng không được, đâu phải chỉ niệm Phật là Phật đến rước!

Hỏi: Thế nào gọi là tu?

Đáp: Tu hành là thực dụng trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, chứ chẳng phải chỉ là miệng nói suông. Cuộc sống hàng ngày ăn cơm, mặc áo, nói năng, tiếp khách... tất cả đều là tu, luôn cả ngủ nghỉ, đi đứng nằm ngồi đều là tu, đâu phải chỉ có niệm Phật tham thiền mới là tu!

Tu như thế nào? Ăn cơm cứ ăn cơm, chỉ biết ăn cơm, không cho thêm ý mình vào; mặc áo cứ mặc áo, chỉ biết mặc áo, tức tu vậy. Thế là làm sao? Ăn cơm chỉ là ăn cơm, đừng thêm ý của mình cho là cơm này ngon, cơm kia không ngon, đồ ăn này ngon, đồ ăn kia dở; mặc áo cũng vậy, cho là áo này đẹp, áo kia xấu v.v...hễ có xen vào ý mình là không phải tu. Bất cứ cái gì trong thực dụng hằng ngày đều là tu, chứ chẳng phải đi đâu mới là tu, ở chỗ nào cũng là tu cả.

Hỏi: Con muốn thỉnh Phật về thờ, bên Thiên tông phải làm sao?

Đáp: Thiên đường đầu tiên của ngài Bá Trượng không có thờ Phật, đó không phải là không kính trọng Phật, vì theo đúng lời dạy của Phật là phải tin tự tâm là Phật, cũng như kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói “Tự qui y Phật, tự qui y Pháp, tự qui y Tăng”, tức qui y tự tánh Phật, chẳng phải qui y ở ngoài. Cho nên, tất cả tôn giáo khác đều phải tin theo giáo chủ, còn Phật Thích Ca thì dạy chúng ta phải tự tin mình, mỗi người đều đạt đến tự do tự tại, giải thoát tất cả khổ, mới được gọi là độ, nếu còn phải chịu khổ, hoặc muôn ngàn kiếp sau khổ còn trở lại thì không được, nên Tâm Kinh nói “Chơn thật bất hư”.

Hỏi: Khi con chết phải dạy các con niệm như thế nào?

Đáp: Đó là bên Tịnh độ và Giáo môn, còn Thiên tông thì ngay bây giờ, những gì đã qua rồi thì quên đi, không ghi nhớ, vị lai chưa đến không sắp đặt, hiện tại trước mắt cũng không trụ. Nếu thực hành được như thế, mặc dù chưa kiến tánh, cuộc sống cũng rất thoải mái, chẳng có điều gì phải lo rầu nữa. Quá khứ, hiện tại, vị lai đều không cần lo, lo chi đến chết! Nếu sợ chết thì hãy lo tu đi, nó sẽ tự giải quyết; chẳng lo tu mà lo mong người khác giúp, hoặc lo sau khi chết phải làm sao, ấy là tư tưởng của người đời.

Hỏi: Bản thân con cũng như nhiều vị xuất gia, do cha mẹ nghèo khổ không ai nuôi nấng, nên đôi khi đem những của cúng thí mà đàn na thí chủ cúng riêng cho mình để giúp đỡ cho cha mẹ, ngoài ra cũng có nhiều vị Trụ trì khi cha mẹ mất cũng làm

lễ cúng thất trai tuần v v... Vậy những vấn đề trên có phạm phải nhân quả tội báo gì không?

Đáp: Theo Giới luật, đã xuất gia thì không có gia, Động Sơn thiền sư, Sơ tổ tông Tào Động, sau khi xuất gia gửi thư cho cha mẹ, nói rằng không có gặp nữa. Lá thư này có ghi trong cuốn Thiền Học Đại Thành.

Người xuất gia giúp đỡ cho Phật tử thì được, nếu giúp cho cha mẹ mình, lấy tiền của tín thí đem giúp cho thân nhân mình, phải mắc nợ tín thí, sau này phải trả. Trong tông lâm, như ngài Hư Vân là Trụ trì, muốn mời khách riêng của cá nhân, đến khổ phòng mua dầu xào thức ăn, chỉ thiếu một xu cũng phải quay về lấy đủ tiền rồi khổ phòng mới đưa dầu cho.

Cho nên, nói đến vấn đề nhân quả rất vi tế, nếu nói cha mẹ mình nghèo thì cũng có người nghèo hơn, nghèo đói đến gần chết, sao mình không giúp mà chỉ giúp cho cha mẹ? Như vậy là có phân biệt, chẳng thể xem cha mẹ như những Phật tử khác, tức có ngã chấp. Chánh pháp phải phá ngã chấp, đã xuất gia thì không còn nhà nữa. Cũng có nhiều vị Tu sĩ trong tông lâm, có anh em ruột đến thăm, Tri khách đãi cho một bữa cơm xong, vị ấy bảo người nhà phải trả tiền lại. Nay nhiều người dùng tiền của mười phương làm đám giỗ cho cha mẹ, việc đó bề ngoài bình thường, mọi người chẳng thấy sao, nhưng trong đó đều có nhân quả. Tôi thường nói: Nhân nào quả nấy, đã tạo nhân ắt phải chịu quả. Có bài kệ rằng:

Một hạt gạo thí chủ,
Lớn như núi Tu Di.
Nếu không tu giải thoát,
Mang lông đội sừng trả.

Hỏi: Vậy tại sao trong giới luật Tỳ-kheo có ghi: Nếu cha mẹ nghèo khổ không ai nuôi, có thể khát thực về nuôi cha mẹ?

Đáp: Đúng. Nếu thật sự chẳng còn ai nuôi dưỡng cha mẹ thì có thể rước cha mẹ về chùa nuôi. Ngũ tổ Hoàng Nhãn vì không còn ai nuôi nấng mẹ, nên rước mẹ về chùa nuôi. Minh chẳng phải là không có hiếu, thập phương cúng dường tiền của là để chúng ta khỏi đi làm việc kiếm sống để chuyên tu giải thoát, tự giác giác tha, hiếu này là đại hiếu. Dù xuất gia không nuôi nấng cha mẹ, nhưng phải độ cha mẹ. Nên Kinh nói “Trước dùng thỏa mãn ham muốn để lôi kéo, sau khiến vào trí huệ Phật”, vào trí huệ Phật mới có thể giải thoát.

Hỏi: Sư phụ giảng là tội phá giới có thể sám hối, còn tội nhân quả không thể sám hối. Trong kinh Niết Bàn kể về Vua A Xà Thế vì giết cha phạm tội ngũ nghịch, khi đến gặp Phật thuyết pháp tại sao lại có thể tiêu tội? Việc đó là tội nhân quả hay tội phá giới?

Đáp: Tất cả duy tâm tạo, nếu tâm sửa đổi thì tội phải tiêu. Như bài kệ sám hối “Tội từ tâm khởi đem tâm sám, tâm nếu diệt thì tội cũng tiêu. Tội tiêu tâm diệt thảy đều không, ấy mới gọi là chơn sám hối”. Nếu tâm đã diệt thì tội dựa vào đâu mà có?

Hỏi: Theo cuốn Đường Lối Thực Hành Tham Tổ Sư Thiền nói: Câu thoại đầu có muôn muôn ngàn ngàn, vậy hành giả có thể tự đề ra một câu nào thích hợp ngoài năm câu mà Sư phụ đã đề ra? Câu “Niệm Phật là ai” còn có giá trị nữa không?

Đáp: Nếu muốn chọn câu “Niệm Phật là ai?” để tham, phải khi ăn cơm cũng không biết là ai, mặc áo cũng không biết là ai, nói năng tiếp khách cũng không biết là ai mới

tham câu này được, nếu mọi thứ đều biết, chỉ không biết niệm Phật là ai, là tự dối mình, làm sao có nghi tình được? Cho nên lúc đầu tôi vẫn để cho hành giả chọn câu này, sau đó phát hiện người nào tham câu này đều không có nghi tình, chỉ tốn hao thì giờ vô ích, vì đã biết là ta niệm rồi.

Hỏi: Vậy ngài Lai Quả tham câu này như thế nào?

Đáp: Ngài Lai Quả tham câu “Niệm Phật là ai?” đến lúc ngủ mê lớn tiếng niệm Phật mà tự chẳng biết, nên mới có thể tham câu này được kiến tánh. Theo tôi biết, từ mấy trăm năm nay, bao nhiêu người chọn câu này, chỉ có một mình ngài Lai Quả kiến tánh, ngoài ra không có người nào. Còn các vị tổ khác như ngài Hư Vân tham câu “Kéo tử thi là ai”, ngài Nguyệt Khê cũng không phải tham câu niệm Phật là ai. Tôi chỉ đề ra năm câu tượng trưng, nếu người nào cảm thấy ngoài năm câu này ra, có câu nào thắc mắc nhất thì vẫn là tốt hơn, bởi vì cần có nghi tình thật sự.

Hỏi: Tại sao Phật giáo nguyên thủy ăn mặn?

Đáp: Phật giáo nguyên thủy không phải ăn mặn, hồi thời Phật Thích Ca, Tu sĩ phải đi khất thực, ai cho cái gì vào bình bát thì ăn cái nấy, con nít không biết gì, bỏ nắm cát vào cũng phải ăn luôn, vì không có sự phân biệt, nên giò heo cũng ăn, nắm cát cũng ăn. Còn thời nay nếu có phân biệt thì là ăn mặn chứ không phải ăn chay. (Sư phụ kể về phong tục trai Tăng ở Thái Lan, xem trang 181)

Hỏi: Thế nào là Ứng thân trong Tam thân?

Đáp: Phật tánh của ông là Pháp thân, thân hiện tại của ông là Ứng thân, cũng gọi là Báo thân, tức do trước kia tạo nghiệp con người, nên có cái ứng thân này để ứng với nghiệp quả. Nếu ông tu đến thành Phật thì hiện ra Thiên bá ức hóa thân. Như hiện nay Đức Phật có vô số ức Hóa thân đang thuyết pháp nơi vô số ức quốc độ, đều có tên họ và tuổi tác khác nhau.

Hỏi: Vậy thế nào là Hóa thân?

Đáp: Đợi ông thành Phật rồi tôi giảng cho nghe.

Hỏi: Gần đây tà pháp thịnh hành, chẳng những hàng Phật tử, kể cả hàng Tăng ni xuất gia lại chủ trương tin theo cái thuyết “Phật mẫu Điều Trị”, rằng mẫu có khả năng sinh ra nhà cửa đất đai, núi sông và tất cả. Xin Sư phụ khai thị vấn đề này.

Đáp: Trong kinh Lăng Nghiêm có nói đến 50 thứ ngũ âm ma, thần thông biến hóa không ai bằng. Ví như mình ngồi đây, họ có thể bay từ đây sang Mỹ để đưa về món đồ từ Mỹ mà không đầy năm phút, những người tà ma có phép thần thông như thế, khiến người thường cho là Phật, là Bồ tát vv... những người đi theo họ, khi họ đọa địa ngục thì đệ tử họ cùng đọa theo, vì đã giúp họ lừa gạt người khác.

Hỏi: Vậy làm thế nào đối trị với nhân sinh quan và vũ trụ quan sai lầm này? Thế nào là nhân sinh quan và vũ trụ quan của Phật giáo?

Đáp: Tôi đã giải thích về tánh không, là tâm của mình, vốn chẳng hình thể số lượng, trống rỗng chẳng có gì cả, làm sao có nghĩa lý gì, làm sao có nhân sinh quan và vũ trụ quan! Nhân sinh quan là sanh tử mới có, sanh tử là luân hồi, có sanh tử rồi mới có vũ trụ, tức có Ta là sanh tử, ta đối với nhân sinh cho là phải như vậy vậy mới đúng, cái kia kia là không đúng... đó là ý của ta, cũng là vọng tưởng. Trong kinh Lăng Già gọi là “tự tâm hiện lượng”. Nhân sinh quan cao nhất tức chủ quan, chớ nói là chủ quan, dù khách quan cũng không được. Đức Phật là muốn chúng ta giải thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Năm kia tôi thuyết pháp tại Canada, có một vị giáo sư khoa Tâm lý học dạy ở trường đại học, lại chuyên giảng về môn tâm lý giữa thầy trò. Khi ông ấy đến với tôi, tôi không nói về danh từ Phật Pháp, chỉ nói về danh từ khoa học. Tôi hỏi ông ấy: Theo thầy, khi giảng dạy, nên dùng thái độ nào đối với học trò mới đúng?

Ông ấy trả lời không được.

Tôi nói: Phải giảng bằng thái độ khách quan, nếu giảng bằng thái độ chủ quan là không đúng.

Giữa thầy với trò đều phải nhìn bằng góc độ khách quan chứ không thể nhìn bằng chủ quan, vì chủ quan là có xen vào ý của mình, ấy là nói theo khoa học. Cho dù nói khách quan, nhưng vẫn còn cách xa so với Phật Pháp, vì khách quan là đối với chủ quan, chưa phải là nghĩa vô trụ của Phật Pháp, còn nói theo Phật Pháp là vô sở trụ, chẳng những chủ quan không trụ, khách quan cũng không trụ.

Cho nên, tất cả hành giả tham thiền, trong cuộc sống hằng ngày chớ có dùng hai chữ “cho là”, bất cứ cho là cái gì đều là có sở trụ.

Hỏi: Diệt tận định, hành pháp thế gian và tổng trì, tương ưng bất tương ưng?

Đáp: Diệt tận định có hai thứ: Một là của ngoại đạo và một là của A-la-hán. Ngoại đạo diệt hết tất cả niệm nhưng còn chấp ngã, như cõi trời Phi tướng phi phi tướng.

Hỏi: Diệt tận định đến chỗ tâm không pháp không, dục niệm đã hết, có tương ưng với chỗ hành pháp thế gian không?

Đáp: Diệt tận định của ngoại đạo vì còn chấp thức thứ tám là ta nên không được giải thoát. Còn diệt tận định của A-la-hán thì kiến hoặc tư hoặc đều hết, phá được ngã chấp nên được ra khỏi sanh tử luân hồi.

Ông nói tương ưng là tương ưng với cái gì? Tổng trì là gì?

- Dạ thưa Sư phụ, tổng trì là tất cả pháp, cũng là pháp tánh.

- Ông nói tương ưng là tương ưng với thế gian hay xuất thế gian? Ngoại đạo thì chẳng thể tương ưng với pháp xuất thế gian, vì chưa ra khỏi luân hồi. Còn diệt tận định của A-la-hán thì tương ưng với xuất thế gian, nhưng chỉ ở trong phạm vi Tiểu thừa vì chưa phá được pháp chấp, chưa thể tương ưng với Đại thừa.

Hỏi: Trong mười bức tranh chấn trâu, bức thứ mười “Thông tay vào chợ” thì hành giả tu trong thời nay, hành pháp của họ dù ở thế gian nhưng họ luôn giữ cái uy nghi là tổng trì pháp xuất thế gian, phải vậy không?

Đáp: Vì ông chưa hiểu nghĩa Tổng trì, tổng là bao gồm tất cả pháp thế gian và xuất thế gian. Bây giờ ông nói chuyện cũng là tổng trì vậy, vì pháp thế gian cũng là bao gồm trong tổng trì, nhưng ông chỉ tương ưng với pháp thế gian thôi, không thể là xuất thế gian được.

Hỏi: Nếu vậy là không thấy diệt tận định?

Đáp: Làm sao diệt tận định được? Diệt tận định là phải tu, tu đến tất cả tư tưởng đều diệt hết.

Hỏi: Vậy thì hành pháp tu của Sư phụ như thế nào? Có phải chỉ có tham thoại đầu mới được diệt tận định, còn tất cả hành pháp khác đều không được ư?

Đáp: Ai nói? Pháp của tôi hoàng dương không có đưa đến diệt tận định, phải quét sạch diệt tận định, không cho biết tới diệt tận định. Pháp này do Phật Thích Ca thân

truyền, chỉ chú trọng một chữ Nghi thôi, không có cho là có diệt tận định, cũng không cho biết có diệt tận định.

Hỏi: *Cái biết của bộ não và cái biết của Phật tánh khoảng cách bao xa?*

Đáp: Khi nào kiến tánh rồi sẽ biết là bao xa, nay chưa kiến tánh không thể biết được. Ngài Lai Quả nói “Nay ta chỉ nói chỗ hành chứ chẳng phải chỗ thấy, chỗ thấy phải quý vị đi đến chỗ đó tự thấy”.

Hỏi: *Hàng đêm từ nhắm mắt chiêm bao thức tỉnh rồi lại có thể đi vào chiêm bao nữa, vậy khi từ mở mắt chiêm bao thức tỉnh rồi, có khi nào lại đi vào chiêm bao không?*

Đáp: Không. Đức Phật trong Kinh có nói “Cây đã đốt thành tro thì không thể trở lại thành cây nữa, quặng đã luyện thành vàng thì không trở lại thành quặng”. Nhắm mắt chiêm bao ngủ đã rồi tự thức, thức rồi ngủ lại đi vào chiêm bao, nhưng mở mắt chiêm bao chẳng thể tự động thức tỉnh, phải tu hành, phải tham thiền mới có thể thức tỉnh được, thức tỉnh rồi thì không đi vào chiêm bao nữa.

Hỏi: *Vậy người từ mở mắt chiêm bao thức tỉnh rồi, có phải còn ăn cơm đi tiêu tiểu không?*

Đáp: Nếu còn thân người thì mọi việc vẫn y như cũ, trước kia mỗi bữa ăn ba chén cơm, nay vẫn như vậy, ông vua kiến tánh vẫn làm vua, Thừa tướng kiến tánh vẫn làm Thừa tướng, cuộc sống với người thường chẳng khác, nhưng tâm thì không như trước nữa.

Hỏi: *Hòa thượng dạy chúng con phải tu, ai tu này chứng, ai ăn này no, uống nước tự biết lạnh nóng, vậy tại sao trong kinh lại có câu “Nhất như chứng đắc cửu huyền thăng”?*

Đáp: Đó chẳng phải của Phật nói, mà là của ngoại đạo nói.

Hỏi: *Với số lượng kinh sách hiện nay rất nhiều, chúng con hàng tại gia tài mọn sức kém, Vậy xin Hòa thượng chỉ cho kinh nào đáng xem và kinh nào không nên?*

Đáp: Kinh nào phá chấp thật là đúng, kinh nào chấp thật là không đúng; kinh nào phá ngã chấp là đúng, kinh nào chấp ngã là không đúng.

Hỏi: *Giới Bồ tát tại gia và giới Bồ tát xuất gia có gì khác không?*

Đáp: Khác. Giới Bồ tát tại gia chỉ có 6 trọng 28 điều khinh, còn Giới Bồ tát xuất gia là 10 trọng 48 điều khinh. Tức giới Bồ tát xuất gia về giới trọng nhiều hơn 4 điều, về giới khinh nhiều hơn 20 điều, Lại nữa, về dâm giới thì Bồ tát xuất gia cấm cả tà dâm và chánh dâm, còn giới Bồ tát tại gia chỉ cấm tà dâm, không cấm chánh dâm.

Hỏi: *Vô vi của Phật Pháp và vô vi của Lão Tử đồng và khác nhau như thế nào?*

Đáp: Khác nhau ở chỗ: Vô vi của Lão tử đến vô thi vô minh là hết, còn vô vi của Phật phải phá luôn vô thi vô minh mới triệt để.

Hỏi: *Thế nào là bất trụ hữu vi, bất tận vô vi?*

Đáp: Tức là tâm mình vốn chẳng có hữu vi và vô vi, do tâm chấp của chúng sanh mới thành có. Nếu chấp vào hữu vi hoặc vô vi đều không được, nên nói là vô trụ, tức chẳng trụ chỗ nào hết, cũng là bản thể của tâm và dụng của tâm.

Hỏi: *Các Thầy thường dạy phải phước huệ song tu, đối với những người bố thí thì có phước báo, còn đối với những người không có tiền của bố thí, chỉ lo chuyên tu*

về huệ, vậy giữa hai người đó, người chuyên tu về huệ có phải mau kiến tánh hơn không?

Đáp: Chẳng phải như vậy, người không có tiền của cũng có thể phát tâm bồ thí, hễ có phát tâm là có phước. Ví như tôi không có tiền, muốn bồ thí một ngàn đồng mà không có, phát tâm sau này nếu có một ngàn đồng tôi sẽ bồ thí, ấy cũng đã tạo được phước duyên; hoặc thấy người khác bồ thí, phát tâm hoan hỉ, gọi là công đức tùy hỉ. Vì tất cả do tâm tạo, nói phước huệ song tu, kỳ thật tự tâm đầy đủ cả.

Hỏi: Sư phụ thường giảng về cái Tánh Không sẵn sàng, vậy nghi tình có sẵn sàng không? Cái biết của bộ não có sẵn sàng không?

Đáp: Cái biết của bộ não là vọng, vọng thì đâu có sẵn sàng! Nếu đã sẵn sàng thì làm sao phá được? Cái sẵn sàng là phá không được, ví như hư không. Tất cả đều phá được, chỉ có hư không là chẳng phá được.

Hỏi: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tại sao loài súc sinh chẳng thể thành Phật trong hiện đời?

Đáp: Trong lục đạo gồm cõi Trời, Người, A-tu-la, Súc sinh, Ngạ quỷ, Địa ngục, chỉ có cõi Người mới có thể tu thành Phật, cõi Trời dù cao hơn người nhưng chẳng thể tu thành Phật được. Tại sao? Vì họ chỉ có vui, không có buồn khổ, họ cứ hưởng cái vui, không biết đến khổ. Còn con người biết có khổ, nên tu hành để dứt khổ.

Đối với Súc sinh, Ngạ quỷ, cho đến Địa ngục, do nghiệp thức nên không nghe biết sự thuyết pháp, không biết tu hành thì làm sao có thể tu thành Phật? Chẳng những như thế, họ còn tạo thêm nghiệp, như con mèo sát hại các sinh vật khác, chỉ gây thêm nghiệp chứ không thể dứt nghiệp được. Như cõi Trời có tuổi thọ sống lâu là để hưởng, còn Địa ngục có tuổi thọ sống lâu là để chịu tội, hễ tội nặng chừng nào thì sống lâu chừng nấy để chịu tội nhiều hơn, đâu còn thời gian để tu?

Hỏi: Ở loài hữu tình thì gọi là Phật tánh, ở loài vô tình gọi là pháp tánh, vậy Phật tánh và pháp tánh là đồng hay khác?

Đáp: Vì tâm có tánh giác ngộ, nên gọi là Phật tánh. Đối với pháp tánh, nếu nói cho đúng thì tất cả pháp đều chẳng tự tánh, nay do con người đặt ra các tánh mỗi mỗi khác biệt, như tánh không của cái bình khác với tánh không của cái tách v...do con người tự hạn chế thành có khác, nhưng cái Không sẵn sàng thì chẳng khác. Ví như nói “Phật tánh” vốn không phải là Phật tánh, vì tâm này sẽ giác ngộ được, mà chữ Phật nghĩa là giác ngộ, nên gọi là Phật tánh; Niết Bàn, Như Lai ...tất cả tên gọi đều chẳng có tự tánh, chỉ do con người đặt ra mà thôi.

Hỏi: Tại sao gọi là giới tự động?

Đáp: Cũng như chúng ta tham thoại đầu, hễ giữ được nghi tình thì tự nhiên không phạm giới, nên gọi giới tự động.

Hỏi: Ngày 16/10/1986, con bế quan mười lăm tuần, trong tuần thứ bảy, ngày thứ năm, sau khi điểm tâm buổi sáng, con lên bồ đoàn bắt đầu tham câu “Muôn pháp về một, một về chỗ nào?”, vừa đề khởi xong là câu thoại đầu mất, cho đến năm giờ chiều con mới tỉnh lại. Sau mỗi lần tỉnh lại như thế, trong tâm con lại có một cuộc sống mới, cảm thấy an lạc, lạng lẽ. Lúc đó có thể đề khởi thoại đầu tham tiếp mà không bị gián đoạn. Vậy kính xin Sư phụ khai thị cho con.

Đáp: Cái đó người ta gọi là thiên định, thiên định cao nhất của cõi Trời Tứ không là tám muôn đại kiếp, rồi sáu muôn đại kiếp, bốn muôn đại kiếp ...cũng chưa thể ra khỏi

luân hồi. Tổ Sư Thiên không phải thiên định thường, Tổ Sư Thiên chỉ cần cái ngộ, còn vấn đề định thì Lục Tổ nói là Na Già Định, tức lúc nào cũng định.

Pháp môn này là pháp môn tâm địa, địa là đất, tâm mình cũng như trái đất mênh mông, tất cả nhà cửa cây cối đều ở trên trái đất này, cho đến cứt sinh dơ bần cũng không chê, những gì thơm ngát cũng không mừng, vốn chẳng nhúc nhích lay động, cái gì cũng dung nạp được. Nếu tâm chúng ta có thể so bằng trái đất như thế thì sự tu mới là tiến bộ nhiều. Nay hãy so sánh xem, tâm mình có như đại địa không? Dù chỉ bằng một mảnh đất nhỏ, cũng là có ích cho xã hội.

Còn bây giờ dù được cái định một ngày nửa ngày, như có một vị nhập định bảy ngày, thầy y cho là kiến tánh, thật ra, định được tám muôn đại kiếp cũng còn chưa kiến tánh, vẫn phải đọa làm con chồn bay. Cho nên, dù sau khi thiên định ai cũng cảm thấy nhẹ nhàng, nhưng nếu ham thích vào chỗ đó sẽ thành chướng ngại, không thể giải thoát. Hành giả tham thiên chỉ cần trong một sát na kiến tánh, ngoài ra bất cứ thấy cái gì đều là vọng, chỉ là cảm giác của bộ não.

Hỏi: Đồng thời là pháp môn bất nhị, tại sao có vị nín, có vị lại nói?

Đáp: Nếu có ý nghĩa tức chẳng phải rồi, là hiểu theo bộ não. Chư Phật chư Tổ chỉ cần chúng ta ngộ, chứ không phải cần mình hiểu ý nghĩa, ngộ thì không có ý nghĩa. Như tôi thường nói về tánh không, vốn chẳng ý nghĩa gì hết. Bây giờ nói và nín đều lọt vào tứ cú, Đức Phật thì dạy mình phải lia tứ cú.

Sư phụ giảng về Giới Bồ tát tại gia:

Theo Phật Pháp đều phải có nhân duyên, quý vị hôm nay đến đây dự Thiên thất, nghe tôi giải đáp, người nào cũng có nhân duyên từ kiếp trước, hoặc nhiều kiếp trước, hoặc vô số kiếp trước, nếu không thì đã chẳng cùng gặp nhau nơi chánh điện này. Như kinh Kim Cang nói “Chẳng phải một Phật, hai Phật, ba bốn năm sáu Phật gieo trồng thiện căn, mà từ Vô lượng Phật gieo trồng thiện căn”, nên chúng ta phải có tự tin, chớ nói là tôi nghiệp chướng nặng, không thể tu kiến tánh. Người nào cũng có thể tu kiến tánh, kiến tánh hay không chỉ tại mình chứ chẳng do người khác.

Giới Bồ Tát tại gia gồm 6 điều trọng, 28 điều khinh. Tất cả từ ngũ giới đến 10 giới, 250 giới, 348 giới cho đến Bồ tát giới, căn bản là sát, đạo, dâm, vọng. Nhưng giới Bồ tát gọi là Giới Tâm địa, khác hơn Giới Thanh văn, giới Thanh văn là khi thân làm rồi mới phạm, còn giới Bồ tát hề khởi tâm động niệm là phạm. Ví dụ: Đối với giới Thanh văn, muốn ăn cắp cái tách này, tay đã chạm vào tách, gặp người vào liền rút tay lại, ấy là chưa phạm, khi nào lấy tách rời khỏi chỗ cũ là phạm. Còn giới Bồ tát khởi niệm muốn ăn cắp đã là phạm rồi.

Thường thường, đối với tất cả giới có tám chữ “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”. Chư ác mạc tác là chỉ trì, tức không làm là trì giới; còn chúng thiện phụng hành là tác trì, tức phải làm, không làm là phạm. Giới Thanh văn là chỉ trì, giới Bồ tát là tác trì, có một số điều phải chúng thiện phụng hành, không làm là phạm.

6 điều trọng:

1- Sát sanh: Hễ khởi niệm muốn giết, giết người cho đến con kiến đều là phạm giới sát sanh, chưa giết đã phạm, cho đến tự tử cũng là phạm.

2 - Trộm cắp: Bất cứ đồ vật, tiền của, người chủ chưa đồng ý mà tự ý lấy đi là phạm. Trong gia đình, đồ vật của cha mẹ anh em sử dụng qua lại, đồng ý với nhau là không phạm, còn nếu chưa được sự đồng ý mà lấy đi, như ăn cắp tiền của cha mẹ, của anh em ruột vẫn là phạm.

3 - Đại vọng ngữ. Thế nào là đại vọng ngữ? Tu hành chưa chứng nói đã chứng, chưa đắc nói đã đắc, ấy là đại vọng ngữ.

4 - Tà dâm: Ngoài vợ chồng chính thức ra, mọi quan hệ nam nữ đều gọi là tà dâm.

5 - Nói lỗi của tứ chúng: Tứ chúng gồm hai chúng xuất gia, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, hai chúng tại gia Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, tức cư sĩ đã thọ ngũ giới. Mặc dù biết họ có lỗi, nhưng không được nói với người khác về lỗi lầm của họ. Nếu không có người thứ ba mà chỉ có người phạm lỗi, có thể khuyên bảo họ để sửa sai thì không phạm. Nhưng nói với người thứ ba là phạm, hoặc lúc khuyên bảo có người thứ ba cũng là phạm.

6 - Bán rượu: Theo ngũ giới là uống rượu mới phạm, bán rượu không phạm, còn giới Bồ tát thì bán rượu phạm giới trọng, uống rượu chỉ phạm giới khinh. Tại sao? Vì bán rượu là hại đến người khác, đã thọ giới Bồ tát, hành đạo Bồ tát là hy sinh mình để cứu giúp người khác, nay chẳng những không cứu giúp người, vì lợi nhuận của mình lại gây hại đến người khác, nên thuộc giới trọng. Còn uống rượu chỉ hại chính bản thân, nên thuộc Giới khinh.

28 điều khinh:

1- Không cúng dường cha mẹ sư trưởng: Người tại gia, cha mẹ nuôi mình lớn lên, phải phụng dưỡng lại cha mẹ, còn sư trưởng dạy mình nên người, cũng nên cúng dường. Nhưng vì người tại gia đi học có đóng học phí, cũng là cúng dường sư trưởng; hoặc tỏ lòng nhớ ơn sự dạy bảo của thầy cô mà cúng dường. Nếu mình không có tiền của cúng dường, chỉ phát tâm cúng dường cũng được.

2- Ham uống rượu: Ở trên điều thứ sáu bán rượu là phạm giới trọng, còn ở đây uống rượu là phạm giới khinh.

3- Ác tâm không đi thăm người bệnh khổ: Như hiện nay trong các bệnh viện đầy bệnh khổ, làm sao thăm hết được? Những người bà con, bạn bè có quan hệ với mình là phải đi thăm, có khi vì không hay biết hoặc do cuộc sống khó khăn nên không thể đi thăm. Ở đây chú trọng hai chữ “ác tâm”, tức có dịp đi thăm mà cố ý không đi, gọi là ác tâm không đi thăm người bị bệnh khổ, là phạm.

4- Có người ăn xin đến xin mà không cho: Mình có thể cho nhiều cho ít tùy sức, trường hợp trong túi không có tiền, phát tâm muốn cho cũng được. Đối với người ăn xin đến xin mình, chẳng những không cho, còn đuổi họ đi là phạm.

5- Gặp tứ chúng tôn trưởng không lễ bái là phạm. Đó là điều lễ phép, hề gặp là phải chào hỏi.

6- Thấy tứ chúng phá giới, dù không nói với người khác, nhưng nổi tâm khinh bỉ, rằng “Ông là Tỳ-kheo, hoặc bà đã là Tỳ-kheo-ni còn phá giới, còn tôi chỉ là cư sĩ mà không phá giới”, nổi tâm kiêu mạn, cho rằng người khác phạm giới. Ai phạm giới thì người đó phải chịu tội, ví như Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni phạm giới Ba-la-di là chín triệu năm tội địa ngục, cấp thứ năm gọi là Đột Kiết La cũng phải chịu tội địa ngục mấy trăm ngàn năm, khỏi cần mình lo. Khỏi cần mình khinh, hề nổi tâm khinh là phạm.

7- Đã thọ giới Bồ tát tại gia, hàng tháng phải thọ sáu ngày Bát quan trai, học tập cuộc sống của người xuất gia trong một ngày một đêm. Sáu ngày là: Mùng 8, 14, 15, 23, và 2 ngày cuối tháng. Bây giờ mình hành đạo Bồ tát, gọi là sơ học Bồ tát chứ chẳng phải chứng quả Bồ tát, phải thọ giới Bát quan trai, nếu không đến chùa thì thọ ở nhà cũng được.

8- Không đi nghe thuyết pháp: Tại sao không đi nghe thuyết pháp là phạm? Vì mục đích học theo hạnh Bồ tát là để giúp ích cho người khác, thực tế là phải giúp cho người được giải thoát, đạt đến tự do tự tại vĩnh viễn, muốn như vậy phải dùng đến Phật Pháp. Nếu tự mình không biết thì làm sao dạy người khác tu giải thoát? Cho nên, nghe chỗ nào có pháp sư thuyết pháp giảng kinh là phải đi nghe, để mình đủ tư cách hành đạo Bồ tát. Trong này nói đến phạm vi 40 dặm, 10 dặm = 6 km, 40 dặm là 24 km.

9- Thọ dụng ngoại cụ của Tăng. Ở trong chùa, đồ dùng của Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni mà cư sĩ tại gia sử dụng là phạm, còn những gì dành cho cư sĩ tại gia thì không phạm. Phòng riêng của Tăng hoặc Ni, không được chủ đồng ý, tự ý đến ngồi hoặc nằm, tự ý thọ dụng là phạm.

10- Uống nước có sâu tức sát sanh, là phạm. Bồ tát muốn cứu giúp chúng sanh nên phải tránh sát sanh, trong nước nếu có sâu bọ mà uống vào là phạm giới, nên Tăng Ni đi thọ giới có đem theo dãi lọc nước, trước khi dùng phải lọc qua thì không phạm.

11- Đi chỗ nguy hiểm: Bồ tát muốn cứu giúp người khác, hy sinh mình cũng được, nhưng nếu không có giá trị mà hy sinh thì không được, phải giữ thân này tu đến giải thoát và giúp cho người khác tu giải thoát. Nên cấm một mình đi đến chỗ nguy hiểm. Nếu biết chỗ đó nguy hiểm mà đi một mình thì phạm, có nhiều người cùng đi sẽ tránh được nguy hiểm.

12- Nam cư sĩ đi đến chùa Ni, hoặc nữ cư sĩ đi đến chùa Tăng, nếu hoàn cảnh bắt buộc ở lại không có chỗ nghỉ, phải có hai người trở lên mới được, chứ một người là không được, là phạm.

13- Vì tài của mà đánh mắng người, như người giúp việc vô tình làm bể đồ vật của mình, do tiếc của mà đánh người; hoặc sai đi mua đồ làm mất tiền mà đánh, dù là đầy tớ hay người khác, hễ đánh mắng người vì tài của là phạm.

14- Đồ ăn mình ăn thừa không được đem bỏ thí cho tứ chúng, hễ bỏ thí đồ ăn thừa là phạm.

15- Không được nuôi con mèo con chó, vì những loại này hay sát sanh, mình nuôi chúng cũng như gián tiếp sát sanh, là phạm. Nuôi mèo thì phạm, nuôi trâu ngựa để làm việc cho chùa là không phạm, vì loại này ăn chay, nhưng phải qua tịnh thí. Thế nào là tịnh thí? Mặc dù con trâu con ngựa là của mình, nhưng chỉ được quyền nuôi, không được đem cho hoặc bán cho người khác, tức thí cái chủ quyền của mình. Tại sao? Vì hễ đem cho người khác thì người ấy có thể bán hoặc giết hại con vật.

17- Tam điều y, ngũ điều y tức hạ y, bảy điều là trung y, chín điều đến hai mươi lăm điều trở lên là thượng y, đây là y của người xuất gia, ngoài ra còn có bát và tích trượng, người tại gia sao phải tích tụ những thứ này? Vì thọ giới Bồ tát là học theo hạnh Bồ tát, mục đích muốn mọi chúng sanh đều giải thoát, đạt đến tự do tự tại vĩnh viễn, không còn khổ nữa. Nhưng trách nhiệm hoằng pháp là của người Tu sĩ, những đồ dùng này là của người Tu sĩ, vì họ không có sản xuất, cư sĩ tại gia đã phát tâm Bồ tát, hàng ngày phải tích lũy, như hàng tháng dành dụm một trăm đồng, nếu không đủ sức có thể chỉ để dành mười đồng, hoặc một đồng... tùy theo sức mình, đến ngày chùa qui định phát y áo bình bát cho các Tu sĩ để thay cũ đổi mới, thì đem cúng dường cho chư Tăng Ni. Hàng năm, trong phái khất sĩ có hai đợt phát y và bình bát cho Tu sĩ, y áo của những ai đã cũ rách thì đăng ký với Trụ trì, Trụ trì thông báo đến cư sĩ đã có tích lũy để dành, đến ngày đó đem cúng dường và Trụ trì sẽ gom lại phát cho đại chúng.

18- Tại gia phải sản xuất hoặc canh tác, khi canh tác thì dưới đất có sâu bọ, cày cuốc khó tránh khỏi giết hại chúng sanh, cho nên hãy làm ruộng phải tìm chỗ nước đất trong sạch mới canh tác, nhưng điều này rất khó tránh. Tiểu thừa đã chứng quả Tu đà hoàn thì các sâu bọ tự nhiên tránh được, không bị lỗi sát sanh. Cũng như quý vị tham thiền đến một lúc nào đạt mức của Tu đà hoàn, thì việc canh tác sẽ tránh được sát hại các loài sâu bọ.

19- Tại gia không sản xuất thì buôn bán, việc buôn bán đó phải công bằng, cân đong đo đếm phải đúng lượng. Nhiều người buôn bán không đúng lượng, cân 1kg chỉ còn 950gr, ấy là phạm. Lại nữa, ví như món đồ này giá thị trường chỉ bán 100 đồng, mình đã bán ra, dù người mua chưa lấy hàng, sau đó nghe nói thị trường đã bán với giá 200 đồng, muốn đổi ý bán theo giá mới là không được, đã hứa giá bao nhiêu thì bán bấy nhiêu, không được thay đổi, và bán đúng theo giá thị trường, không tự ý nâng giá là không phạm.

20- Cư sĩ tại gia với vợ chồng chính thức dù không phạm giới tà dâm, nhưng nếu phi thời phi xứ, tức không phải lúc và không đúng chỗ ở của mình là phạm. (*Phi thời: Các ngày chay, vía Phật. Phi xứ: Trừ phòng ngủ riêng, nam nữ căn*)

21- Buôn lậu là phạm. Theo giới luật nhà Phật là không vi phạm pháp luật nhà nước. Vì Đức Phật muốn hoằng dương Phật Pháp, khiến ai ai cũng được giải thoát, Do đó bất cứ đến nước nào đều được chính phủ sở tại hoan nghinh, nên Phật tử phải giữ đúng luật pháp nhà nước. Trong này có nói đến vấn đề nộp thuế, hoặc ăn cấp thuế của nhà nước: Luật sư Hoằng Nhất có nói “Người gởi tiền qua Bưu điện phải đóng chi phí gởi, có người không muốn gởi qua Bưu điện mà đem tiền bỏ vào phong bì gởi đi, ấy cũng là một hình thức ăn cấp thuế của nhà nước, là phạm giới.

22- Điều này càng nói rõ: Hễ phạm luật pháp của nhà nước, bất cứ phạm phải lỗi gì, tức là phạm giới.

23- Khi trồng trọt có thu hoạch rồi, lần thu hoạch đầu tiên phải đem cúng dường Tam Bảo, sau đó mới tự dùng. Ấy là để tập cho chúng ta luôn biết kính trọng Tam Bảo, nếu không là phạm.

24- Mặc dù mình là cư sĩ tại gia, có thể thuyết pháp dạy người khác tu hành, nhưng nếu Tăng đoàn thấy mình chưa đủ trình độ tư cách, không cho đi thuyết pháp, mà tự làm tài khôn, thuyết pháp là phạm.

25- Khi đi ra ngoài đường, cư sĩ tại gia luôn tránh đường cho năm chúng xuất gia, tức Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Thức xoa, Sa-di, Sa-di ni. Nếu chúng ta đi mà không biết có năm chúng đi sau lưng, sau khi phát giác phải đứng sang một bên, nhường cho Tu sĩ đi trước, nếu không là phạm.

26- Khi thọ trai quá đường, mình phân chia thức ăn phải công bằng, nếu chia không công bằng hoặc chia theo tình cảm yêu ghét, hoặc lựa những thức ăn ngon cho người mình ưa thích, chia thức ăn không ngon cho người mình không ưa thích, ấy là phạm.

27- Nuôi con tầm là phạm: vì muốn lấy tơ tầm phải giết chết nó, nên phạm.

28- Khi đi ngoài đường, thấy có người bệnh nặng mà bỏ đi là phạm. Ví như đang đi trên tàu xe, ra đến ngoại ô chỗ vắng người, thấy ở giữa đường có người bệnh nặng hoặc bị thương nặng không ai cứu giúp, phải bỏ vé xe, xuống cứu giúp người đó, hoặc chở đi bệnh viện, hoặc đưa về tận nhà, giao tận nơi xong mới trở lại mua vé đi tiếp. Nếu thấy mà bỏ đi không cứu giúp là phạm, tức phải làm là không phạm, gọi là tác trì.

Hỏi: Trong các kinh thường nói tức định tức huệ, định huệ đẳng trì, còn tham thiền thì chú trọng nghi tình, vậy định huệ với nghi tình là đồng hay khác?

Đáp: Nghi tình là cách thực hành để đi đến kiến tánh, còn định huệ là ở trong tự tánh sẵn sàng, là thể dụng của tự tánh, kiến tánh hay chưa kiến tánh đều sẵn có định huệ. Tự tánh bất nhị, tất cả đều chẳng khác, chẳng những pháp xuất thế gian, pháp thế gian cũng vậy. Nếu đã kiến tánh thì tất cả đều là tuyệt đối, nay chưa kiến tánh, dùng vọng tâm phân biệt thì có đủ thứ sai biệt.

Hỏi: Thế nào gọi là chơn tham?

Đáp: Lai Quả thiền sư nói “Vô tham mới là chơn tham”. Vô tham chẳng phải là không có tham, mà là tham thiền đến không biết mình đang tham. Vì pháp môn này là dùng cái không biết để tu, đến lúc luôn cả tham thiền cũng không biết, mới gọi là chơn tham.

Hỏi: Thiền sư Pháp Loa dòng Trúc Lâm dạy “Pháp chơn là y theo giới pháp tiền tu, còn pháp ngoại là bàn luận ngoại đạo, suy đoán nghĩa lý, lập làm tông chỉ rồi truyền trao cho nhau”, vậy ý nghĩa này như thế nào?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói “Vì muốn hiển bày cái chơn mới nói là vọng, mà chơn với vọng thật sự là hai thứ vọng”. Tại sao? Vì còn đối đãi, là nhị, tự tâm bất nhị, không đối đãi. Nay muốn hiển bày cái chơn thì lập cái vọng, muốn hiển bày cái vọng thì lập cái chơn, ở trong thực tế, chỗ bôn lai của tâm vốn chẳng có chơn vọng, Do đó, nếu có chơn có vọng thì hai thứ đều là vọng; tại có kiến lập chơn thì chơn cũng là vọng, chứ chẳng phải chỉ có vọng mới là vọng.

Ngoại đạo kiến lập chơn lý, các giáo chủ cũng do ngòi thiền ngộ được chơn lý, rồi tự làm giáo chủ để hoằng dương chơn lý của mình ngộ được. Còn Phật giáo, Phật Thích Ca là giác ngộ cái tâm chứ chẳng phải giác ngộ chơn lý. Nay nói chơn lý thì cái tâm tức chơn lý, nhưng cái tâm không có kiến lập, vì nó vốn là vô sanh, vốn là vô thi, không có sự bắt đầu, không có bắt đầu thì không có kiến lập, nên người ngộ pháp gọi là ngộ pháp vô sanh, chúng ngộ là chúng vô sanh pháp nhãn, tức chứng thực tất cả pháp đều không có sanh khởi.

[13] 06/01/95–12/01/95 tại Chùa Từ Ân, Quận 11.

Hỏi: Khi Đức Phật sắp nhập diệt, Đức A Nan lên tuyên bố rằng “Đối với lời dạy của Đức Phật, chúng con không còn nghi ngờ gì nữa”. Nhưng chuyện hiểu là một vấn đề, còn tu là một vấn đề; chúng con tâm chí khiếp nhược, đối với việc sanh tử không có phát tâm chơn chánh, đối với lòng tin của Phật tánh không có tánh quyết định, vậy thế nào là chỗ ách yếu của tin tự tâm? Kính xin Sư phụ từ bi khai thị, để chúng con được lòng tin quyết định và nỗ lực tu hành.

Đáp: Pháp môn Tổ Sư Thiền do Đức Phật thân truyền, còn các kinh điển khác chẳng phải do Phật thân truyền mà chỉ là nói thôi. Trong kinh điển Đại thừa nói có ba thứ thiền quán: Sa ma tha, Tam ma bát đề và Thiền Na.

Sa ma tha dịch là cực tịnh, trong kinh Viên Giác thí dụ như âm thanh ẩn trong chuông trống, mặc dù ẩn trong chuông trống, nhưng hễ đánh lên là có âm thanh phát ra; khi phát ra sự dụng vượt ra ngoài chuông trống, không bị cái chuông cái trống hạn chế. Cũng như tâm của mình, tánh Không khắp hư không, thời gian, vốn chẳng nghĩa lý gì, chẳng nhúc nhích lay động, tức là cực tịnh. Quán cái cực tịnh đó gọi là tu pháp Sa ma tha.

Tam ma bát đề gọi tắt là Tam ma đề, có nghĩa là tùy duyên bất biến, như lúa mạ huyễn hóa mà dần dần tăng trưởng, cũng như cha mẹ sanh ra chúng ta, từ đứa bé dần chuyển thành người lớn.

Thiền na dịch là tịnh lực: Tịnh là yên tịnh, lực là tư lực. Theo lẽ thường hễ tịnh là không thể lực, hễ lực là không thể tịnh, nhưng Thiền na thì tịnh lực đồng thời.

Nếu thí dụ theo Tông Thiên Thai thì Sa ma tha bằng như quán Không, Tam ma đề bằng như quán Giả, Thiền na bằng như quán Trung. Ấy là cách thiền mà Đức Phật nói trong kinh điển, gọi là Như Lai Thiền. Như Lai Thiền là pháp thiền theo kinh điển, có nghĩa lý thí dụ, phải vừa học vừa tu, còn Tổ Sư Thiền là giáo ngoại biệt truyền, chẳng nghĩa lý thí dụ, chỉ cần thực hành thôi, tức chỉ chú trọng chữ Nghi, giữ nghi tình mãi.

Muốn phát khởi nghi tình phải hỏi câu thoại, hễ không biết thì cái không biết đó đụng với tánh ham biết tự thành nghi tình, nghi tình tức không biết, nhìn vào chỗ không biết. Mà nói đến “chỗ” thì không biết làm sao có chỗ? Đó chỉ là phương tiện để diễn đạt mà thôi. Nói tóm lại, tất cả pháp tu của các loại thiền khác là có lý luận và thực hành, còn Tổ Sư Thiền thì không có phần lý luận, chỉ có thực hành, chỉ cần phát khởi nghi tình và giữ nghi tình, rất đơn giản. Cho nên tôi thường nói đứa trẻ 6 - 7 tuổi cũng tham thiền được, bà già 80 - 90 tuổi cũng tham thiền được, nhưng sự thật chúng tôi là em bé 3 tuổi cũng tham thiền được.

Năm 1991, tôi được mời đi thuyết pháp tại Canada, cùng đi có mười mấy vị Phật tử, trong đó có cô Nguyệt Anh và đứa con 3 tuổi. Cô Anh đã theo tôi tham thiền và thường ngày có dạy con tham thiền, tôi chỉ cho là đứa bé niệm câu thoại, vì tôi thường nói đứa bé 6 - 7 tuổi mới biết tham thiền.

Khi đến thành phố Toronto, đi tham quan một quán khoa học, trong đó đang triển lãm một máy điện toán kiểm tra sự hoạt động của bộ não con người. Máy đó chia thành ba mươi mấy cấp: khi bộ não của mình hoạt động nhiều thì đèn hiện ở mức trên, bớt suy nghĩ thì đèn hạ xuống bớt. Lúc tôi ngồi vào bàn, để tay lên máy, đề câu thoại đầu lên thì ngọn đèn từ trên cao tuột xuống mức thấp nhất và tắt luôn. Tôi muốn thử đứa bé 3 tuổi, xem bé có tham thiền không, bèn ẵm bé ngồi trên đùi, đề tay bé lên máy và bảo nó “Tham thiền đi!”, ngọn đèn cũng từ trên tuột xuống và vụt tắt đi.

Lúc đó những người Canada ở xung quanh cảm thấy rất ngạc nhiên, sao cả đoàn ai cũng có thể khiến máy đèn vụt tắt mà họ làm không được?

Tôi bảo họ “đừng suy nghĩ mới xuống được”.

Họ nói “Tôi không suy nghĩ nhưng nó có chịu xuống đâu!”

Vì họ đâu thể không chế bộ não! Những người tham thiền do dùng sự không biết đề tu, kể cả đứa bé 3 tuổi chỉ mới tập tu mấy tháng, chúng tôi cái pháp không biết này ai cũng tu được. Lại có cô Hằng Thiền mà tôi thường kể cũng đi cùng đoàn, công phu của cô nhiều người không thể so bằng, mặc dù khi cô để tay lên máy đèn cũng từ trên cao tuột xuống và tắt đi, nhưng không nhanh bằng đứa bé đó.

Cho nên, chỉ cần giữ được cái không biết là tham thiền được, chỉ cần tin tự tâm mình đầy đủ tất cả thần thông trí huệ, chẳng kém hơn Phật chút nào. Nay ở Trung Quốc nhiều người cũng thể hiện được sức dụng của tâm, như ông Trương Bửu Thắng, Nghiêm Tân, Dịch Ngọc Minh v v...

Mục đích của chúng ta không phải chỉ thể hiện những thứ đó, hiện được mấy thứ đó hễ chấp vào thì trở ngại cho sự kiến tánh, vì tất cả đều ở trong tâm mình sẵn có, khi kiến tánh đều được hiện ra. Nên chư Tổ Thiền tông có thần thông cũng không cho ai

biết, khi phải hiện ra thân thông thì sau đó liền thị tịch, vì sợ người ta mê thân thông quên chánh pháp. Chỉ có chánh pháp mới đưa người đạt đến tự do tự tại, đó mới là thiết yếu. Chỉ e rằng chúng ta không đạt đến kiến tánh thành Phật, đã thành Phật rồi lo gì không có thân thông!

Hỏi: Con từ trước đến giờ sống trong đường đời vì chén cơm mảnh áo, nên cũng chẳng biết tu là cái gì, chỉ biết làm phước làm lành, và con cho những cái đó là tu?

Đáp: Nói làm phước làm lành, cho là đối với con người làm phước làm lành đi, nhưng đối với tất cả chúng sanh thì ăn thịt chúng, giết mạng chúng, làm sao gọi là làm phước làm lành được? Tất cả Phật Pháp đều bình đẳng, và đó thuộc về nhân quả. Còn nói đến sự tu, trong cuộc sống hằng ngày, ăn cơm mặc áo đều là tu cả.

Hỏi: Con nghe Sư phụ nói “ai ăn nấy no”, bấy lâu nay con đi chùa, cúng dường lay Phật, ý muốn bòn phước đức cho con cháu, nhưng Sư phụ lại nói là ai làm nấy chịu, con bòn phước đức mà con cháu không được hưởng, vậy để lại cho ai? Chẳng lẽ con phải mang theo sao? Mỗi lần con lay Phật đều cầu an cho bá tánh, vậy là không được ư?

Đáp: Cô muốn để cho ai? Sự tu là tu cho chính mình, hễ có cầu là không được. Tự mình cầu còn không được, làm sao cầu cho bá tánh? (Sư phụ dẫn dụ về nghiệp chướng và con đường gai góc cứt sinh, lượm qua)

Hỏi: Sư phụ nói là chưa kiến tánh, nếu chưa kiến tánh thì làm sao ra hướng dẫn tu Tổ Sư Thiên?

Đáp: Đáng lẽ tôi không ra dạy Tổ Sư Thiên, nhưng vào ngày Mùng một tháng 4 năm 1977, khi tôi đi thọ cúng dường tại Tịnh xá Giác Huệ Quận 5, thì ở chùa Từ Ân, lúc cúng Ngọ thầy Bồn sư của tôi tuyên bố với Phật tử là ngày mùng 2 sẽ có thầy Duy Lực ra dạy Tổ Sư Thiên, ai muốn học thì mời đến. Khi tôi về chùa cũng chưa hay biết gì, đến sáng Mùng 2 Hòa Thượng mới báo cho tôi rằng Phật tử đã đến, mời tôi ra dạy.

Theo bản ý của tôi là phải đợi kiến tánh xong mới ra hoằng pháp. Hồi xưa tôi tự mình ở trong phòng tọa hương đi hương, giường nằm, bàn ghế đều dời cách xa tường để tôi tiện việc kinh hành. Quý vị cũng biết, ở trong chùa vị nào có ra làm Phật sự, tụng kinh mới có lợi dưỡng, vì tôi không có tụng kinh, nên mọi người nói là họ đi làm cho tôi ăn, nên có một thời gian khoảng nửa năm tôi tự đi bình bát khát thực.

Lúc đó nếu tôi không ra dạy thì e làm mất mặt của thầy Bồn sư, hễ ra dạy lại nghịch với chí hướng của tôi. Cuối cùng tôi nghĩ: Ngài Lai Quả và Hư Vân, hai vị đã kiến tánh mà thầy của hai vị cũng chưa kiến tánh. Theo tôi biết, nếu đi đúng đường lối thực hành thì sẽ kiến tánh. Nay tôi đã nắm được đường lối thực hành, nên nghe lời thầy tôi miễn cưỡng ra hoằng dương Tổ Sư Thiên. Sau một tuần giảng dạy, tôi hỏi qua những người đến nghe có ai thích tu Tổ Sư Thiên không? Trong ba mươi mấy người đến nghe về Tổ Sư Thiên, chỉ có một người mà thôi! Dù chỉ có một người tôi vẫn tiếp tục dạy, dần dần số người đông dần, từ mấy trăm cho đến mấy ngàn ... đã ra hoằng pháp thì không thể dừng lại được, cho đến ngày hôm nay.

Theo tôi thì dù thầy của ngài Lai Quả chưa kiến tánh, nhưng Ngài vẫn được kiến tánh; thầy của ngài Hư Vân chưa kiến tánh, nhưng Ngài vẫn được kiến tánh, dù rằng tôi là thầy, tôi chưa kiến tánh, nhưng nếu quý vị kiến tánh trước cũng được vậy!

Hỏi: Theo thường lệ là thầy ấn chứng cho đệ tử, nếu như thầy chưa ngộ mà đệ tử lại ngộ thì có nghịch với tông chỉ của Thiên tông không?

Đáp: Lịch sử Thiên tông có ghi về Thiên sư Thân Tán: Thầy của Ngài chưa kiến tánh, Ngài xin ra ngoài tham học, gặp Thiên sư Bá Trượng rồi kiến tánh quay trở về, vẫn làm đệ tử để chăm sóc thầy. Nhà cửa hồi xưa cửa sổ không có song, chỉ dán một lớp giấy ở ngoài, ban ngày ánh sáng chiếu qua cửa sổ, con ruồi ở trong phòng thấy sáng bèn muốn bay qua cửa sổ, nhưng vì có dán giấy nên cứ dúi vào mãi mà không ra được.

Thiên sư Thân Tán nói: Cửa đã mở mà không chịu ra, cứ dúi mãi vào giấy làm chi!

Thầy của ngài cũng biết đệ tử của mình đang ám chỉ thầy cứ xem kinh mãi không thể ngộ, nên nói: Mấy năm nay con đi ra ngoài có đắc được gì không?

Lúc đầu Ngài không chịu nói ra.

Thầy bảo: Ta thấy ngươi có những lời nói khác thường, hãy nói thật với thầy.

Ngài mới nói là đã gặp được ngài Bá Trượng.

Thầy nói: Sao không chịu nói sớm!

Bèn mời đệ tử lên tòa, mời đệ tử thuyết pháp, thầy trở thành đệ tử, sau đó cũng được kiến tánh. Do đó, đệ tử làm thầy, thầy làm đệ tử cũng được vậy.

Hỏi: Con có đi đến một Thiên đường kia để tham dự, thấy vị sư dẫn chúng tu như sau: Trong giờ tham đều mặc áo tràng, Sư hỏi chỉ định “Niệm Phật là ai? Sắc tức thị không, không tức thị sắc”, đi hương thật chậm, hai tay để trước ngực, chúng đi trước, sư đi sau, trong Thiên đường có giờ học về Giáo môn. Vậy có tu đúng pháp môn không? Kính xin Sư phụ khai thị.

Đáp: Những gì bà nói là không phải Tổ Sư Thiên, Tổ Sư Thiên chỉ có khán thoại đầu và tham thoại đầu, là dùng cái không biết để tu, và không có nghi thức gì cả.

Hỏi: Khi con nhìn vào chỗ đen tối thì lại có cái tâm biết, vậy cách khán như thế nào mới đúng?

Đáp: Tôi chẳng bảo nhất định phải nhìn chỗ đen tối, nói “cái đen tối” là bắt đắc dĩ, do không biết nhìn chỗ nào, vì nó chẳng có chỗ, chỗ không biết là chỗ chưa có ý niệm nổi lên. Hễ có ý niệm rồi mới có cái biết, ý niệm là năng biết, có năng biết phải có sở biết. Bây giờ không biết thì không có sở, không có năng biết sở biết là không có ý niệm. Nhưng vì mọi người không hiểu, không có chỗ để nhìn, nên tôi mới phương tiện nói “Nhắm mắt nhìn chỗ đen tối”. Chỉ là tạm thời nhìn chỗ đen tối, khi nào nhìn được rồi thì không cần nhìn chỗ đen tối nữa.

Hỏi: Có phải cái tâm không biết đó ở ngay chỗ nhìn, chứ chẳng phải là mình nhìn vào chỗ không biết?

Đáp: Không phải vậy. Tâm biết và tâm không biết đều là một tâm, nhưng tâm này chẳng hình thể số lượng, dùng cái biết của bộ não tiếp xúc chẳng được, kiến văn giác tri cũng tiếp xúc nó không được, thế thì làm sao diễn tả? Chỉ có thể tạm thời nói là “không biết” thôi.

Hỏi: Về việc công phu tham thoại đầu, có cần vận dụng bộ não của mình để tham không? Và có phải bộ não của mình là chánh?

Đáp: Vận dụng cái không biết của bộ não chứ chẳng phải vận dụng cái biết của bộ não. Bộ não có hai mặt: Một mặt biết và một mặt không biết. Nếu vận dụng cái biết của bộ não để thực hành là Như Lai Thiên, cũng như Thiên quán của Tông Thiên Thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức vv... Còn Tổ Sư Thiên là vận dụng cái không biết của bộ não để chấm dứt tất cả biết của bộ não, sau cùng chỉ có cái không biết, gọi

là nghi tình. Khi nghi tình bùng nổ là giờ phút kiến tánh, cái không biết của bộ não cũng tan rã, ngay lúc đó, cái biết và không biết của bộ não sạch hết, cái biết của tự tánh tự hiện khắp không gian thời gian, gọi là Chánh biến tri, tất cả đều biết, chẳng còn cái nào không biết nữa, chẳng còn cái gì để nghi nữa, gọi là đoạn dứt nghi căn, không những gốc nghi hết, mạng căn cũng hết. Nếu còn một chút gì không biết tức gốc nghi chưa hết. Mạng căn hết tức ra khỏi sanh tử luân hồi.

Hỏi: Con nghe Hòa thượng nói Như Lai Thiên là dùng cái biết để tu, biết để trở về chỗ một niệm chưa sanh; còn Tổ Sư Thiên là dùng cái không biết để tu. Nhưng con có điều thắc mắc: Nếu còn cái thân ngũ uẩn này mà nói là không biết thì vẫn còn cái biết để biết cái không biết, vậy có gì sai khác với Như Lai Thiên không?

Đáp: Như Lai Thiên là Thiên Giáo môn, gồm Sa ma tha, Tam ma đề và Thiên na. Trong kinh Viên Giác, do ba thứ trên đảo qua đảo lại thành hai mươi lăm thứ. Tổ Sư Thiên là pháp thiên trực tiếp, ở ngoài Giáo môn kinh điển, bất lập văn tự, không nhờ văn tự lời nói, trực chỉ nhơn tâm, kiến tánh thành Phật. Nói đến Tâm là Diệu tâm, tâm này chẳng hình thể số lượng, dùng kiến văn giác tri tiếp xúc không được, nên dùng lời nói diễn tả không được.

Những gì không có hình thể mà có số lượng thì bộ óc nhận biết được, vì cái biết của bộ não có giới hạn, nên phạm là bộ não nhận biết được đều không phải thực tế, Bát Nhã Tâm Kinh nói là “vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý”, vì nó không có thật. Chẳng những lục căn lục trần lục thức không thật, luôn cả Tứ diệu đế, Khổ Tập Diệt Đạo đều dùng chữ Vô để quét; cho đến Thập nhị nhân duyên, Đại thừa Bồ tát... trí huệ của Bồ tát cũng quét.

Ai ai đều nói “tu hành phát trí huệ”, tại sao trong Kinh lại nói “vô trí diệc vô đắc”? Vì trí huệ đó đã sẵn, chẳng phải do học mới biết, nếu do học được thì chẳng phải cái bỗng lai sẵn có. Như ở trên tôi dùng cảm giác của lớp da để thí dụ: Cảm giác của lớp da là biết, cái biết đó khắp không gian thời gian của cơ thể, đụng chỗ nào cũng biết; một người chạm vào cũng biết, mười người đồng thời chạm vào cũng biết; đau, ngứa, lạnh, nóng, trơn, rít... Vậy lúc không có đụng, không có đau ngứa, cảm giác của lớp da có biết không?

- Dạ biết. Kinh Lăng Nghiêm nói đó là “biết cái không biết”.

- Cái biết đó sẵn sàng, phải không?

- Dạ phải.

- Vậy cái biết đó do học mới biết, hay là không học cũng tự biết?

- Dạ, không học cũng sẵn sàng.

- Thế thì tại sao ông chấp vào phải học rồi mới biết? Lớp da thuộc cơ thể của mình, là sờ thấy được, chẳng cần học cũng đã biết, huống là Phật tánh, là hơn sự biết của lớp da, là cái sẵn sàng bỗng lai. Nay mình tham thiền là muốn phát hiện cái sẵn sàng bỗng lai chẳng phải do học đó. bây giờ ông hiểu chưa?

- Vâng, con đã hiểu nhưng vẫn còn thắc mắc: Nếu không học là không tham khảo kinh điển thì làm sao nhận được chỗ đó?

- Thì đã nhận được rồi phải thực hành thôi.

Hỏi: Vậy là lúc ban đầu vẫn phải dĩ huyễn độ chơn chứ? Phải tham khảo kinh điển cho sâu rộng rồi mới nhận được chỗ đó chứ?

Đáp: Hôm qua tôi có nhắc đến đứa bé 3 tuổi trong chuyến đi Canada, bé có biết gì đâu, nó vẫn tham thiền được mà, đâu cần phải tham khảo kinh điển!

Hỏi: Có phải ngày nay Hòa thượng dạy pháp tham thoại đầu là vì lúc trước Hòa thượng không tham khảo kinh điển?

Đáp: Tại ông chấp thật cái biết của bộ não, nay tôi nói cho biết: Nếu ông muốn tham Tổ Sư Thiền, thì phải đem tất cả những gì biết được của bộ não, cho đến những gì khi xưa học được, ngộ được, quăng xuống biển hết, trở lại thành một người khờ ngốc không biết gì cả, mới có thể tương ứng với Tổ Sư Thiền. Nếu cứ nhớ cái hiểu biết của bộ não hồi xưa, hay là mấy cái ngộ được cho là cao siêu đó thì là chướng ngại, chẳng phải tham Tổ Sư Thiền, dù có tham cũng không thể kiến tánh.

Hỏi: Nếu không có dụng thì lấy gì làm thể?

Đáp: Tôi đã thí dụ về sự cảm giác của lớp da, mà ông nói là đã biết rồi, đó có phải thể dụng đồng thời không?

Hỏi: Nếu đã thể dụng đồng thời thì tại sao còn phân chia Tổ Sư Thiền và Như Lai Thiền?

Đáp: Cái chia đó là người ngu si muốn cứu giúp người ngu si, do người bệnh chấp nặng quá. Như cảm giác của lớp da, thể cũng sẵn sàng, dụng cũng sẵn sàng, làm sao chia ra thể dụng!

Hỏi: Vậy tham cứu kinh điển cũng đâu có trái với Tổ Sư Thiền?

Đáp: Làm sao không trái? Cũng như ông dùng kinh điển để so sánh đã là trái rồi!

Hỏi: Nếu con trái thì Hòa thượng cũng trái?

Đáp: Phải, do ông trái nên tôi phải trái, vì cái này giải thích không được, nếu tôi không trái thì làm sao giải thích cho ông biết? Trong kinh Đại Niết Bàn, Ma Ha Ca Diếp hỏi Phật về thể lưu bố tướng và trước tướng, như ông là ở nơi thể lưu bố tướng sanh ra trước tướng, còn tôi giải đáp, mặc dù cũng dùng thể lưu bố tướng, nhưng không sanh ra trước tướng.

Hỏi: Thế thì tham cứu kinh điển cũng vậy, nếu không sanh ra trước tướng?

Đáp: Tại sao muốn tham cứu? Mục đích tham cứu là gì?

- Là vì vô lượng kiếp do mê làm...

- Không phải. Sự tham cứu là muốn biết cách thực hành để giải thoát tất cả khổ, đạt đến tự do tự tại. Bây giờ đã biết, đã thực hành rồi, ví như muốn đi đến Sài gòn, lúc chưa biết đường đi thì phải hỏi, phải tham khảo sách vở để hướng dẫn đường đi, đã biết rồi thì cứ đi sẽ đến, đâu cần cầm bản đồ, cầm sách chỉ đường xem mãi để làm gì? Phải vậy không?

Hỏi: Người kiến tánh có phải là thánh nhân không?

Đáp: Người kiến tánh rồi mới biết là không có tánh, kiến tánh thành Phật rồi mới biết chẳng có Phật để thành. Tôi ví dụ cho ông biết, Thủ đô của Việt Nam là Hà Nội, chúng ta chưa đi qua lần nào, nay muốn đi là phải có kế hoạch, hoặc mua vé máy bay, hoặc đi tàu hỏa, xe khách v... bây giờ không đi mà cứ hỏi “không biết Hà Nội như thế nào, đường phố ra sao?...” mặc dù nghiên cứu nhiều bài viết về Hà Nội đến thuộc lòng, rốt cuộc chẳng phải đích thân đi đến. Khi nào tự mình đi đến rồi, cái biết đó mới rõ ràng chơn thật.

Hỏi: Trong thời gian qua, con có nhập thất tại Chùa Tam Bảo khoảng hai tháng, trong quá trình tu, lúc đầu con có tiến, nhưng sau một cơn bệnh tự điều trị mà không được giảm, tự nhiên công phu bị lui sụt và tâm con không được yên ổn. Con có quay về Sài Gòn, sau khi trao đổi với huynh đệ, dù tâm vẫn chưa được yên, nhưng an ổn hơn. Vậy kính xin Sư phụ từ bi giải đáp.

Đáp: Ông nói nhập thất là nghĩa lý gì? Dự Thiên thất gọi là nhập thất hay tự nhốt mình ở trong phòng?

Hỏi: Ở Tam Bảo có hai cách tu: Một là cách thông thường với đại chúng, ngoài ra thầy Trụ trì có cất một cái thất ở vườn nhãn, có chiều dài 4m x 6m, cũng có thể đi kinh hành được. Có hai huynh đệ ở đó trước, nên con về ở chung với hai vị đó, chúng con áp dụng cách ăn Ngộ. Có thể do không hợp nên trong vòng hai tháng đó con bị bệnh đường ruột, sau đó bị bệnh phù. Con tự điều trị giảm được một phần, nhưng về an ổn nơi tâm để tiếp tục công phu thì nó không tinh tấn.

Đáp: Tôi đã thường nói, Thiên tông là “bất phá trùng quan bất bệ quan”, là sau khi ngộ mới nhập thất, lúc tu là không được nhập thất, có hại chứ không có ích. Nay nhiều người thích nhập thất để tu, lại hiểu sai về Thập Nguru Đò, ấy là nghịch với tông chỉ của Thiên tông.

Hỏi: Sư phụ đã khai thị nhiều lần rằng Phật tử phải tin chắc vào nhân quả, chẳng thể do cầu mà được. Vậy phương pháp Tịnh độ của nhà Phật cầu sanh Tịnh độ cũng không đúng, phải không?

Đáp: Đó là phương tiện bất đắc dĩ của Phật, nhà Nho nói “Giữa hai thứ có hại thì lựa thứ hại ít hơn; hai thứ có lợi thì lựa thứ lợi nhiều hơn”. Tánh ham cầu của con người không thể sửa lại được, hễ bỏ thì họ chẳng thể giải thoát. Cho nên bất đắc dĩ bảo họ bỏ hết danh lợi thế gian, chỉ cầu sanh cõi Cực Lạc. Nhưng chẳng phải chỉ cầu cho bản thân mình, mà phải cầu cho tất cả chúng sanh, trong đó đã là phá ngã chấp rồi.

Người tu Tịnh độ mỗi ngày phải phát đại nguyện, cầu cho tất cả chúng sanh đều vãng sanh Cực lạc. Đã phát đại nguyện thì phải bình đẳng với tất cả chúng sanh, cho đến con muỗi con kiến, cho nên, những người tu Tịnh độ còn ăn thịt chúng sanh là không bao giờ được vãng sanh. Ví như có người nói là do bệnh nặng phải dùng con gà chung thuốc, nếu không thì phải chết... Tôi nói “Nếu tin nhân quả thì chấp nhận cái chết thôi, bây giờ lại đi giết hại chúng sanh khác để tạo thêm ác nhân, để sau này phải trả nợ mạng”.

Lại nữa, trong cái cầu của đại nguyện là có sự tu hành, trong kinh Lăng Nghiêm nói “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, con mắt phải không phân biệt xấu đẹp, tai không phân biệt khen chê, mũi không phân biệt thơm thúi, lưỡi không phân biệt ngọt đắng... Tịnh niệm tương tục, tịnh là trong sạch, tâm niệm trong sạch và kéo dài mãi cho đến khi được vãng sanh. Nay nhiều người tu Tịnh độ đâu có thực hành theo tám chữ này? Nếu được tịnh niệm tương tục thì sự cầu đó chỉ là lúc ban đầu, đã thực hành sâu rồi chỉ còn lại tám chữ “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục” mà thôi.

Thật ra, tám chữ “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục” là ngài Đại Thế Chí dạy cho người cách thực hành tu Tịnh độ, nhưng tôi đã từng gặp nhiều người tự nói là tu pháp Tịnh độ và những vị pháp sư dạy về Tịnh độ, thì đối với tám chữ này hoàn toàn không dính dáng, không để ý.

Lại nữa, Mọi người đều biết về Ấn Quang đại sư, Tổ thứ 13 của Tông Tịnh Độ ở Trung Quốc, Ngài có một tác phẩm “Ấn Quang Văn Sao”, cũng có người tóm tắt lại tinh hoa của tác phẩm đó, gọi là “Ấn Quang Văn Sao Tinh Hoa Lục”, trong đó hướng

dẫn cách tu tông chỉ của Tịnh độ về Tín, Nguyện, Hành: Có ba thứ tin, hai thứ nguyện và hai thứ hành, đường lối thực hành rất tỉ mỉ.

Do người tu Tịnh độ không thực hành đúng theo đường lối, lại cho tụng kinh gõ mõ là tu, ăn chay niệm Phật là Tịnh độ... thật ra, tụng kinh thuộc về Giáo môn chứ chẳng phải Tịnh độ, và ăn chay niệm Phật chưa phải là Tịnh độ, phải đi đúng theo tông chỉ Tín, Nguyện, Hành. Ai ai cũng nói là mình tu Tịnh độ, ở chùa Tịnh độ, sự thật thì không biết Tịnh độ, làm sao được vãng sanh? Đức Phật nói là thật đáng thương xót.

Hỏi: Kinh Lăng Nghiêm có câu “Thuần tưởng thì đi lên, thuần tình thì đi xuống”. Nếu tu pháp môn Tịnh độ đến mức của nó rồi có phải là thuần tưởng không?

Đáp: Đâu có thuần tưởng? Vì đã niệm trong sạch thì không có tưởng nữa rồi, hễ còn tưởng thì không phải tịnh niệm. Thuần tưởng là suy nghĩ, là vọng tưởng, như buồn, vui, yêu, ghét, tham, sân, si, sát, đạo, dâm v v... bất cứ suy nghĩ cái gì đều không phải là tịnh niệm.. Còn thuần tưởng của phàm phu sờ dĩ được sanh cõi Trời là do nhân quả, nhưng không được giải thoát.

Hỏi: Kinh Lăng Nghiêm nói “Con người lúc lâm chung, khi thuần tưởng thì được sanh lên, khi sanh lên mang hai nghiệp phước và trí, tùy niệm tưởng nhớ mười phương Như Lai, tùy ý liền được sanh”, vậy là thế nào?

Đáp: Tịnh độ nói lâm chung mười niệm thì được đới nghiệp vãng sanh. Tôi cũng có giảng “Nếu thực hành đúng theo tông chỉ của Tịnh độ, phát đại nguyện và thực hành đúng theo đại nguyện của mình phát, thì chỉ một niệm cũng được vãng sanh”. Nếu chỉ phát nguyện, miệng nói tâm nghĩ mà không thực hành, tức là nguyện suông nguyện giả, lúc lâm chung dù ngàn niệm muôn niệm cũng đâu thể được vãng sanh? Hoặc chỉ được sanh cõi Trời mà thôi.

Hỏi: Trong lúc đọc thần chú, có phải là tịnh niệm không? Còn có ngã không?

Đáp: Đọc thần chú thuộc Mật tông, nếu đọc thần chú để đè nén vọng tưởng thì điều đó nguy hiểm lắm, mặc dù đọc đến có thần thông cũng là nguy hiểm. Theo tôi biết, có người dùng lục tự Di Đà niệm mãi, như đá đè cỏ, cũng đè nén được vọng tưởng, lâu ngày rồi cũng phát được thần thông, nhưng vì không phá ngã chấp, tham sân si còn nguyên, nhất là lòng tham. Theo kiến thức vật lý, một vật bị đè mạnh chừng nào thì phản lực mạnh chừng nấy, lúc tu đến mức cao, tâm lực mạnh, vọng tưởng cũng mạnh, khi tham vọng kèm chế không được sẽ xảy ra ba tình trạng: Có người ói máu chết liền, hoặc bị phát điên, hoặc bị phá giới, nên rất nguy hiểm.

Thái Hư đại sư là một vị pháp sư danh tiếng ở Trung Quốc, đồ chúng rất đông, Ngài cho ba người học trò sang Tây Tạng học Mật tông, sau khi học mấy năm có thần thông rồi trở về Thượng Hải, do hiện được thần thông nên khiến đồng đạo Phật tử rất mê say. Thượng Hải rất nhiều Phật tử giàu sang, vì không kèm nổi lòng tham, cuối cùng các vị bị phá giới và chết vì thần thông.

Hỏi: Khi Phật tử cúng dường tiền cho con, con đem về nuôi cha mẹ, vì con nghĩ rằng cha mẹ đã có công sinh thành dưỡng dục, con nuôi như vậy có nhân quả gì không?

Đáp: Nếu cha mẹ không ai nuôi thì mình phải nuôi, việc đó không sao; hễ có anh em khác thì mình không nuôi. Như câu chuyện của Ngũ Tổ: Kiếp trước của Ngũ Tổ là người trồng cây tùng, Ngài tìm đến Tứ Tổ xin xuất gia, Tổ nói: Nay ông đã quá già, thời gian hoằng pháp chẳng còn bao lâu, nay hãy đi đầu thai lại, rồi tôi sẽ đới ông.

Ngũ Tô quay về, dọc đường đi ngang qua một con sông thấy một cô thôn nữ đang giặt quần áo, cô chưa có chồng, ngài hỏi: Cô có thể cho tôi ở nhờ được không?

Thôn nữ đáp: Việc này phải xin ý kiến của cha mẹ tôi.

Ngài nói: Cô hứa rồi tôi mới hỏi cha mẹ cô.

Cô ấy gật đầu, Ngài liền đầu thai. Do cô chưa chồng mà có mang, cha mẹ cô tức giận, nghĩ rằng con mình thất đức bèn đuổi cô ra khỏi nhà. Sau khi sanh, cô đem đứa con thả xuống sông trôi qua một ngày đêm mà không chìm mới vớt lên, đi khát thực để nuôi nấng con. Đến năm 14 tuổi, Ngài mới gặp lại Tứ Tô và tu kiến tánh. Lúc đó người mẹ đã già, nên Ngài rước về chùa nuôi.

Hỏi: Tại sao Tô Đạt Ma chỉ quấy một chiếc giày?

Đáp: Theo truyền thuyết, Tô Đạt Ma đến Trung Quốc muốn truyền pháp môn Tô Sư Thiên nhưng chưa tìm được người kế thừa, nên ở lại Thiếu Lâm Tự đợi chín năm, sau đó ngài Huệ Khả mới kế thừa làm Nhị Tô. Lúc đầu hoàng pháp, có nhiều vị đang học Giáo môn rồi chuyển qua học Tô Sư Thiên, khiến những pháp sư danh tiếng đương thời nổi lòng ganh tỵ, dùng thuốc độc muốn giết hại Tô Đạt Ma. Dù Tô thừa biết đó là thuốc độc cực mạnh, vẫn uống vào mà không sao cả. Như thế trải qua năm lần bị đầu độc mà không chết, đến lần thứ sáu, bởi đã truyền pháp cho Tô Huệ Khả, công việc đã xong, Tô định quay về Ấn Độ, cho nên lần này uống thuốc vào là chết. Sau khi Tô thị tịch, môn đồ đem chôn ở núi Hùng Nhĩ, sau núi Thiếu Thất.

Một hôm, một vị triều thần tên Tống Vân trên đường từ Ấn Độ về nước, gặp Tô Đạt Ma gánh một chiếc giày nơi biên giới, bèn hỏi thăm: Đại Sư đi đâu?

- Về Ấn Độ.

Tống Vân về triều đình tâu với vua rằng ở biên giới có gặp Tô Đạt Ma, vua không tin, vì mọi người đều cho là Tô đã chết, bèn sai người khai quật mộ, mở nắp hòm ra thấy trong đó chỉ có một chiếc giày, đó là vật kỷ niệm mà Tô để lại Trung Quốc. Chiếc giày đó lúc đầu được giữ trong Thiếu Lâm Tự, sau mấy lần di chuyển, cuối cùng không biết lạc về đâu.

Hỏi: Thế nào là khai giá trị phạm trong luật Tứ phần?

Đáp: Chẳng phải là cô không biết về khai giá trị phạm, nhiều người dạy luật cũng chưa rõ vấn đề này. Chúng ta phải biết căn bản của Phật Pháp:

Khai: Ví như uống rượu là phạm giới, có tội phạm giới nhưng không có tội nhân quả, cho nên có thể khai. Khai bằng cách nào? Trường hợp mắc bệnh mà thầy thuốc nói cần uống thuốc rượu mới hết, người ấy khai báo ra lý do, ấy là không phạm.

Giá: Giá là che. Tại sao phải che? Trong giới luật, như một trăm điều về tứ oai nghi cũng chỉ có tội phá giới, không có tội nhân quả. Vậy thì tại sao phải lập ra những giới điều trên? Là vì muốn che không cho người đời phê bình. Ví như ở Ấn Độ, nếu Tu sĩ đi làm ruộng thì người đời phê bình, cho nên làm ruộng là phạm. ngược lại, ở Trung Quốc, Tu sĩ đi khát thực thì người đời lại chê là con mọt gạo, còn đi canh tác thì được chấp nhận, nên ở Trung Quốc làm ruộng là giữ giới, ở Ấn Độ làm ruộng lại phá giới. Tại sao phải che? Vì hệ muốn hoàng pháp thì phải phù hợp với phong tục của địa phương đó.

Trì và phạm: Gồm chỉ trì và tác trì, từ 5 giới, 10 giới, đến 250 giới, 348 giới thuộc giới Thanh Văn, gọi là chỉ trì, tức không làm thì không phạm, còn giới Bồ tát gọi là tác trì, những việc cần làm thì phải làm, không làm là phạm.

Hỏi: Tỳ-kheo ni phải hành theo pháp Bát kính, vậy Tỳ-kheo có thể hiệp đáp không?

Đáp: Không được, nếu vị Tỳ-kheo đó vô có hiệp đáp, thì Tỳ-kheo-ni có thể hợp chúng lại Yết-ma. Đáng lẽ theo pháp bát kính, Tỳ-kheo-ni phải đánh lễ khi gặp Tỳ-kheo Tăng, nhưng vì vị Tỳ-kheo Tăng đó vô có hiệp đáp, nên không nhìn nhận vị Tỳ-kheo đó và không kính lễ.

Hỏi: Những lúc tham sân si khởi lên là do vô minh mà ra, vậy làm cách nào để diệt tham sân si và ai chịu trách nhiệm về nó? Cái thân này ư?

Đáp: Kinh Duy Ma Cật nói “Dâm nộ si là giải thoát”, kinh Lăng Nghiêm nói “Tham sân si là đạo Quỷ, không có tham sân si là đạo cõi Trời”. Giữa hai cái Có và Không thay phiên nhau xoay chuyển mãi nên có luân hồi. Lại nữa, Tâm Kinh nói “Vô vô minh diệt vô vô minh tận”, do có vô minh mới có tham sân si, đã không có vô minh thì làm sao có tham sân si? Không có tham sân si thì làm sao có vô minh tận? Cho đến vô lão tử: có sanh tử mới có tham sân si, sanh tử còn không có, làm sao có tham sân si, mà nói là tham sân si khởi!

Hỏi: Nếu không có tham sân si tức là thường hằng thanh tịnh ư?

Đáp: Bây giờ tôi hỏi ông: ông có tham sân si không?

- Hiện thời thì không có.

- Tại sao không có? Nay ông muốn hiểu được cái tham sân si đó cũng là tham vậy! Thế thì tham sân si của ông từ đâu có?

- Dạ, do cái chấp mà có, nếu không chấp thật thì không có.

- Ông đã biết rồi đó, hễ chẳng chấp thật thì không có tham sân si, vậy sao lại còn hỏi tôi! Nhưng cái chấp đó từ đâu khởi, biết không?

- Dạ....

(*Sư phụ giảng về nghiệp chướng và đôi chân dẫm cứt sình, lược qua*).

Hỏi: Thế nào là từ tán tâm đến đa tâm, từ đa tâm đến thiếu tâm, rồi nhất tâm, vô tâm, liễu tâm của ngài Lai Quả?

Đáp: Ấy là phương tiện bắt đắc dĩ để khuyến khích hành giả tham thiền, nay nếu chúng ta quyết tử tham thiền thì cứ nhìn vào chỗ thoại đầu, dùng cái không biết để tu, đã không biết thì làm sao còn biết đến đa tâm, thiếu tâm cho đến liễu tâm? Giáo môn có một bài kệ “Nếu khởi tâm tinh tấn, là vọng chẳng tinh tấn, nếu tâm chẳng nổi vọng, tinh tấn vô cùng tận”. Khởi tâm tinh tấn còn không được, huống là muốn biết đa tâm, thiếu tâm làm chi. Đó là ngài Lai Quả dùng phương tiện để khuyến khích mọi người tham thiền từ từ tiến lên, bây giờ mình tham cũng sẽ tự nó từ từ tiến lên.

Hỏi: Vậy chữ Liễu là thế nào?

Đáp: Liễu là sạch hết, luôn cả cái “vô” cũng không có. Khi chúng ta đến thoại đầu thì tất cả niệm, tất cả vọng tưởng đều không có, tức là vô, nhưng chưa có kiến tánh, phải sạch cả cái vô mới là liễu, đến liễu mới kiến tánh. Cho nên có hai câu kệ “Chớ tưởng vô tâm tức là đạo, vô tâm còn cách muôn trùng quan”.

Hỏi: Kính bạch Sư phụ, con nhận thấy có những huynh đệ đồng tham, khi công phu có sở đắc, liền sanh tâm chấp trước; rồi những thầy nghe hiểu biết hơi khác thường liền sanh trưởng bản ngã, dùng những suy nghĩ của mình dẫn chứng kinh điển của chư Phật chư Tổ, giải thích một cách sai lầm, nên kính thỉnh Sư phụ nói về cảnh giới ngũ âm ma trong kinh Lăng Nghiêm?

Đáp: Kinh Lăng Nghiêm nói về ma ngũ âm gồm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc thuộc vật chất, thọ, tưởng, hành là suy nghĩ cảm giác, thuộc thể tinh thần, chẳng phải vật chất. Thọ là sự cảm thọ, như buồn, vui... tưởng là suy nghĩ, hành có hai thứ: Một là hành vi, hai là sự biến đổi: Như các tế bào trong cơ thể biến đổi từng sát na, mỗi sát na không biết có bao nhiêu tế bào chết, rồi bao nhiêu tế bào sanh. Thức là phân biệt: Theo Duy Thức Học chia làm tám thức, tiền ngũ thức là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, thức thứ sáu là ý thức, thức thứ bảy là mạng thức, thức thứ tám là tạng thức.

Thân này hình thành bởi ngũ uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhưng nó không có chủ; nay nói sắc uẩn là ta cũng không được, nói thọ uẩn là ta cũng không được, tưởng, hành, thức cũng vậy, vốn chẳng thể thành lập cái Ta này. Nhưng vì do thức thứ bảy chấp thật thức thứ tám là ngã, ngày đêm không gián đoạn, dùng sự suy nghĩ cho là đúng hay sai, rồi cảm giác vui buồn, phân biệt tốt xấu v v... tất cả đều không đúng.

Nếu nói một cách thực tế về chủ của chúng ta, đó là Chơn như Phật tánh, cũng gọi là Diệu tâm. Do Diệu tâm không hình tướng số lượng, chẳng thể nhận biết được; những gì có thể nhận biết được là ngũ uẩn, do ngũ uẩn chấp thật mới có thiên ma và tâm ma, tự mình làm hại cho mình, cứ cho những cảm giác suy nghĩ là ta, cho là của mình thì có sở đắc, cái nào không được thì muốn cầu, và có sở sợ. Chẳng biết những cái đó đều không thực tế, đều là việc trong chiêm bao, vì chấp lấy những việc trong chiêm bao cho là thật nên có đủ thứ buồn vui yêu ghét, vì chấp ngã nên chỉ biết lo cho mình.

Đức Phật nói chúng sanh bình đẳng: Ví như trong xã hội có một ngàn người, và phát hành số tiền một trăm ngàn đồng, nếu chia bình quân là mỗi người được một trăm đồng. Bây giờ chính mình đã có một trăm đồng, nhưng vì muốn nhiều hơn nên phải chiếm đoạt của người khác; hễ muốn hai trăm đồng thì trong một ngàn người phải có một người bị chiếm mất, muốn một ngàn đồng thì có chín người bị chiếm mất phần tiền v v... mà đã tâm của con người đâu chỉ dừng lại ở một ngàn đồng, mà là muốn toàn bộ chín mươi chín ngàn đồng kia là của ta, nếu những người kia không đồng ý thì phải đánh lộn, đổ máu, thậm chí chiến tranh ... Chớ nói là người ngoài, trong gia đình chị em ruột với nhau, vì tranh giành gia tài của cha mẹ mà đưa đến kiện tụng, giết hại lẫn nhau... ấy cũng là do suy nghĩ cảm giác, chẳng có thật mà chấp cho là thật rồi tự hại mình. Những vấn đề như thế đầy dẫy trong xã hội, mỗi ngày đều có, mắt thấy tai nghe, đâu phải chỉ có nói trong kinh Lăng Nghiêm!

Những thứ kể trên còn chưa phải gọi là ma, Đức Phật đã dạy bảo chúng ta rằng “ngũ uẩn chẳng thật”, Tâm Kinh nói “Vô sắc, thọ, tưởng, hành, thức”, dùng chữ Vô quét sạch tư tưởng chấp thật của chúng ta, nhưng có ai chịu nghe đâu! Chẳng phải chỉ có người không biết Phật Pháp mới không nghe, mà ngay cả những người mỗi ngày mỗi tụng cũng không chịu nghe, cho đến pháp sư giảng kinh thuyết pháp dạy Phật tử mà chính bản thân những vị này còn chưa chịu nghe, cho nên xã hội đủ thứ ma chướng, cứ xảy ra tai nạn hoài. Nay muốn quét sạch những ma chướng đó phải dùng nghi tình, đạt đến liễu tâm rồi mới có thể quét sạch được.

Hỏi: Có phải hành ám là trạng thái sanh diệt của tư tưởng?

Đáp: Cũng đúng. Vì hành ám là thay đổi, và tư tưởng thì cứ sát na thay đổi hoài, như ngọn đèn đang đốt cháy, chúng ta nhìn thấy ngọn đèn hình như không thay đổi, nhưng thực tế nó thay đổi từng sát na, ngọn đèn ở sát na thứ nhì đã chẳng phải ngọn đèn ở sát na thứ nhất rồi, nó cứ sanh diệt mãi, hành ám cũng vậy.

Hỏi: Vì bệnh tật của mẹ, con đã bốn lần phát nguyện muốn xuống tóc khi mẹ còn nằm trong bệnh viện: ba lần trước thì mẹ con qua được cơn đau nặng, nhưng con lại không thực hiện được lời phát nguyện của mình, và lần thứ tư thì mẹ con đã

không qua được. Ông thầy của con bảo con hãy tâm nguyện trước bàn thờ Phật, rồi thầy đọc kinh và giá kéo cắt đi ba chùm tóc của con. Vậy con có tội lỗi không?

Đáp: Tại sao cô muốn xuống tóc? Việc xuống tóc đó có ích lợi gì?

- Dạ, tại lần đầu tiên khi mẹ con đau nặng, con quá lo sợ cho mẹ con.

- Tại sao cô lại đem việc xuống tóc coi như một điều kiện trao đổi như việc mua bán? Người tại gia nếu không biết được xuống tóc vì mục đích gì, rồi tự tiện xuống tóc và mặc áo Tu sĩ, việc đó chẳng những không có công, còn mang tội giả mạo Tu sĩ nữa.

- Con chẳng có ý muốn tu hành, nhưng vì hồi xưa con thích ăn điện, thích trang điểm, nên con chỉ nghĩ là việc xuống tóc là một sự hy sinh đối với con mà thôi.

- Hy sinh như thế là tạo tội lớn chứ chẳng ích lợi gì.

Hỏi: Vậy thầy con xuống tóc cho con trước chánh điện có tội gì không?

Đáp: Tội là lấy việc xuống tóc coi như một điều kiện mua bán trao đổi. Xuống tóc xuất gia là để chuyên tu, vì muốn giải quyết việc lớn sanh tử, đạt đến tự do tự tại, giải thoát tất cả khổ cho chính mình và cho chúng sanh, nay làm như thế chẳng những không thể báo hiếu cho mẹ, lại gây tội cho mẹ và cho mình nữa.

Hỏi: Kính bạch Sư phụ, trường hợp một vị xin thầy xuống tóc, chưa thọ Sa-di, chỉ tập sự xuất gia, xuống tóc xong không chịu ở với thầy Bốn sư mà bỏ về nhà sống với cha mẹ gia đình, nhưng vẫn giữ nguyên hình dáng Tu sĩ, như thế có được gọi là người xuất gia không?

Đáp: Không. Theo giới luật nhà Phật, Tỳ-kheo phải qua mười năm rồi mới được rời bốn sư, còn Tỳ-kheo-ni phải mười hai năm. Nếu mới xuất gia đã rời bốn sư là phạm giới. Bốn sư phải có trách nhiệm dạy đệ tử. Nếu là Tỳ-kheo, muốn dạy đệ tử phải thông suốt hai bộ luật Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, chứ chưa nói đến vấn đề Phật Pháp, nếu không thì lấy gì để dạy đệ tử?

Hỏi: Xin Sư phụ kể về câu chuyện nhân quả của hai ông bà ăn xin hồi thời Phật.

Đáp: Tâm lực yếu thì tạo nhân yếu, tâm lực mạnh tạo nhân mạnh. Hồi thời Phật Thích Ca, có hai vợ chồng nghèo đi ăn xin, trong nhà chẳng có đồ vật gì, kể cả quần áo, hai vợ chồng chỉ mặc chung một cái xà rồng, hễ người chồng đi xin ăn thì người vợ phải ở nhà và ngược lại, vợ đi xin thì chồng phải ở nhà. Cuộc sống của hai người rất khổ, khi đói khi no, lúc có bệnh lại càng khổ thêm.

Một hôm, gặp một vị Tăng khát thực đi ngang qua nhà, Người chồng liền chạy ra xin Sư tạm chờ một lát, rồi quay về bàn với vợ: - Chắc tại chúng mình kiếp trước không bố thí cúng dường, nên kiếp này nghèo khổ như thế, bây giờ phải bố thí, để mong kiếp sau được tốt hơn. Người vợ đồng ý. Nhưng đâu còn cái gì để bố thí ngoài cái xà rồng duy nhất kia. Thôi thì gởi cái xà rồng này nhờ Sư đem về cúng dường Đức Phật vậy. Hai người thừa biết nếu đem cúng dường chiếc xà rồng là không còn đồ để mặc ra ngoài xin ăn, phải chịu chết đói ở nhà nhưng vẫn không thay đổi ý định, rồi từ trong lỗ vách đưa chiếc xà rồng ra nhờ vị Tăng gởi đến cúng dường Phật.

Khi vị Tăng đến với Đức Phật thì Ngài đang tiếp chuyện với ông vua, Phật kể với vua về sự phát tâm của đôi vợ chồng này, vua nghe xong rất cảm động, liền xin Phật đến thăm hai vợ chồng và mang theo tiền, quà tặng cho hai vị, đồng thời phong cho người chồng một quan chức nhỏ.

Nhân mới gieo mà quả lập tức, ấy là vì sự cúng dường này phát tâm quá mạnh, mặc dù chiếc xà rồng kia dơ bẩn chẳng đáng giá, nhưng là phương tiện nuôi sống cho hai mạng người. Cho nên hễ cái nhân mạnh thì quả đến tức thời.

Hỏi: Tham thiền có phải là vọng tưởng không?

Đáp: Đó là nhất niệm vô minh. Tôi thường nói: Nay chúng ta tham thiền là dùng ý thức, ý thức ngày đêm hoạt động là vọng tưởng, đến chỗ thoái đầu cũng là vô thi vô minh. Bây giờ dùng cái biết để tu Như Lai Thiền là nhất niệm vô minh, dùng cái không biết để tu Tổ Sư Thiền cũng là nhất niệm vô minh. Tất cả những gì do bộ não, kiến văn giác tri nhận biết đều là vọng tưởng, kinh Lăng Già gọi là “tâm lượng”. Tâm thì không có số lượng, hễ có số lượng của tâm tức là vọng, mặc dù trí huệ cao nhất vẫn là có số lượng, có số lượng là vọng.

Nghiệp chướng, phiền não, vọng tưởng v.v... là xiềng xích làm bằng sợi chỉ, rom cỏ; còn Bồ đề, Niết bàn, giải thoát là xiềng xích bằng vàng, mặc dù rất quý nhưng vẫn là xiềng xích trói buộc, thì đâu có cái nào chẳng phải vọng tưởng đâu! Cho nên, tham Tổ Sư Thiền là học thiền học đạo cũng không cho, bởi vì đã thực hành rồi, còn muốn học cái gì nữa!

Cái nhất niệm vô minh trong cuộc sống hằng ngày là dẫn mình từ khổ vào khổ, còn cái nhất niệm vô minh của tham thiền là dẫn mình từ khổ ra khổ, mặc dù cũng là nhất niệm vô minh. Sự khác biệt giữa người biết tham thiền và người không biết tham thiền là vậy.

Hỏi: Thời nay có ai kiến tánh không?

Đáp: Thời gần đây có ngài Lai Quả, ngài Hư Vân, ngài Nguyệt Khê, cho đến vị Tăng sửa đường lộ ở tỉnh Vân Nam. Có những vị do có nhân duyên thì người ta biết được, còn những vị không có nhân duyên thì người đời chẳng biết.

Tại sao nói không có nhân duyên? Như vị Tăng sửa đường lộ ở tỉnh Vân Nam là do ngài Hư Vân phát hiện mới biết:

Ngài Hư Vân muốn lập ngôi chùa tại núi Kê Túc tỉnh Vân Nam. Khi Ngài đi hóa duyên, nghe người kể về một vị Tăng suốt ngày sửa đường một mình trải qua mấy mươi năm, mọi người cho tiền thì không nhận, cho gạo chỉ nhận một ít để ăn qua ngày, ngoài ra không lấy gì cả, bất cứ ai đến chào hỏi cũng không màng đến. Hồi xưa đường đi ở vùng đó rất xấu, trở ngại cho người và xe cộ, sau khi được vị Tăng đó tu sửa dần suốt mấy mươi năm, khiến đường đi dễ dàng hơn nhiều, và ông vẫn một mình lặng lẽ sửa mãi.

Ngài Hư Vân nghe nói bèn tìm gặp vị Tăng ấy, hai người cùng nhau sửa đường, buổi trưa về chỗ ở của ông ấy, hai người giúp nhau làm cơm, rồi ông tự mình lấy chén đĩa, tự ăn một mình, coi như không hề biết sự có mặt của ngài Hư Vân, mặc cho ngài tự tìm chén đĩa, hai người sống chung như thế trải qua mười mấy ngày, cùng ăn cùng làm, chẳng ai nói chuyện với ai.

Một buổi tối, đêm trăng sáng tỏ, ngài ngồi trên tảng đá ở sau chùa ngắm trăng, vị Tăng hỏi Ngài: Ông làm gì thế?

- Ngắm trăng.
- Trăng ở đâu?
- Sáng vàng vạc.

Vị Tăng ấy nói ra hai câu thiền ngữ, ngài Hư Vân đáp lại, lúc đó vị ấy mới biết đây là người kiến tánh, mới mừng rỡ và nói chuyện với Ngài. Hai người ấn chứng với nhau về sự kiến tánh, vị Tăng kể lại: Ông đã kiến tánh từ hồi hai mươi bốn tuổi ở Chùa Kim Sơn, sau đó đi hành cước đến chỗ này, thấy đường lộ hư hoại nhiều, khó khăn cho sự đi lại, muốn kết duyên như Trì Địa Bồ tát trong kinh Lăng Nghiêm, bèn phát tâm sửa đường cho mọi người. Từ lúc hai mươi mấy tuổi đến lúc gặp Ngài đã là tám mươi mấy tuổi rồi, nếu không gặp ngài Hư Vân thì chẳng ai biết vị đó đã kiến tánh. Việc này được ghi lại trong “Hư Vân Niên Phổ”.

[14] 15/02/95–21/02/95 tại Chùa Từ Ân, Quận 11.

Hỏi: Tại sao nhà khoa học phải dùng ngũ giác quan?

Đáp: Nhà khoa học phải dùng ngũ giác quan tức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân để cảm nhận sự vật, nếu ngũ giác quan không cảm nhận được là họ không biết. Như ánh sáng chiếu trên không gian có thể chứng tỏ sự tồn tại của không gian, mà ánh sáng chiếu trên thời gian thì không thể chứng tỏ sự tồn tại của thời gian, vì thời gian thuộc về ấn tánh, ngũ giác quan không thể cảm nhận. Mặc dù không cảm nhận được, nhưng chẳng thể phủ nhận thời gian.

Theo lý luận tương đối của Einstein, khi một vật thể có vận tốc gần bằng tốc độ ánh sáng, thì vật thể đó sẽ rút nhỏ lại, và thời gian được kéo dài thêm. Nhà khoa học chỉ biết tốc độ ánh sáng là tốc độ cao nhất, chẳng có gì cao hơn; lại nữa, hạt tử của ánh sáng là vật thể nhỏ nhất, chẳng cái nào nhỏ hơn. Nhưng nếu dùng tâm lực khiến vận tốc của vật thể siêu việt tốc độ ánh sáng, thì vật thể đó sẽ biến thành không có thực thể, gọi là hư thể, vì là hư thể nên có thể xuyên qua vật cản mà chẳng chướng ngại. Như ông Trương Bửu Thắng, người có công năng đặc dị ở Trung Quốc, dùng tâm lực xuyên qua vách tường và vật cản, không vật chất nào chướng ngại.

Tôi mới lập ra một lý luận mới về vũ trụ khoa học toàn diện quán, tức ngoài cái có sẵn của Vật lý khoa học, còn thêm vào cái triết lý để hiển bày tâm lực sẵn có của mọi người.

Lý luận của nhà khoa học đặt ra gọi là vật lý sinh mạng công trình học, và lý luận mới mà tôi đặt ra gọi là Triết lý sinh mạng công trình học, đó thuộc về trạng thái của tâm linh, dùng ngũ giác quan chẳng thể cảm nhận. Như vấn đề thời gian, chính các nhà khoa học cũng chẳng thể phủ nhận được, nay tôi muốn khiến khoa học từ không gian ba chiều tiến lên không gian bốn chiều, rồi nhiều chiều, siêu chiều, cho đến vô cực, tức không có cực điểm; chẳng có cái cao nhất, cũng chẳng có cái thấp nhất.

Tôi thường giảng về tánh Không của tự tâm, nó trống rỗng không có gì cả, nhưng sức dụng vô lượng vô biên, cũng là vô cực, tức không có cực hạn. Nay dùng số 0 để thí dụ:

Người ta thường nói “bằng như số 0”, tức là không có gì hết, nhưng giá trị thực tế của số 0 là vô cực: có thể lớn tới vô cực, cũng có thể nhỏ tới vô cực. Ví dụ, lấy đơn vị là 1, ở phía sau thêm vào một số 0 thì số 0 này có giá trị bằng 9, $1 + 9 = 10$. Nếu đơn vị là 10, thêm vào số 0 thì giá trị của nó bằng 90, $10 + 90 = 100$. Nếu đơn vị là 100, thêm một số 0 thì giá trị của nó là 900, $100 + 900 = 1000$... cứ thêm mãi như thế có thể lên đến vô cực.

Bây giờ muốn rút nhỏ lại cũng có thể nhỏ tới vô cực: Ví dụ đơn vị là 1, ở trước số 1 thêm vào số 0, tức 0,1, nếu thêm vào một số 0 nữa thành 0,01... có thể rút nhỏ đến không có cực hạn. Vũ trụ cũng vậy, tự tâm cũng vậy, cho nên gọi là “vũ trụ vô cực”.

Vì khoa học hiện đại có thực chất nên có cực hạn, chẳng có cái gì nhỏ hơn thể tích của hạt quang tử (*hạt ánh sáng*) nên có tốc độ ánh sáng. Nhưng tâm lực phát ra làn sóng, ở đây tạm gọi là làn sóng tin tức của tâm linh, nó nhỏ hơn hạt quang tử nhiều, cho nên có thể một niệm liền đến. Hiện nay các nhà khí công Trung Quốc đã phần nào thể hiện được sức dụng đó và có thể biểu diễn cho mọi người xem, nhiều nhà khoa học trên thế giới đã nhóm tụ lại để nghiên cứu những hiện tượng này, thấy có sự thật lại không biết lý do tại sao, chẳng có gì để chứng tỏ, chẳng thể dùng lý luận logic, vì đó là siêu việt logic.

Bây giờ chúng ta tham thiền, phải tin sức tâm của mình bằng với Phật Thích Ca, chẳng kém hơn chút nào, năng lực của Phật tánh mình với Phật chẳng khác, chỉ là sức dụng của Phật được hiện ra, chẳng bị thời gian không gian số lượng hạn chế, chúng ta do có ngã chấp, nên phải bị thời gian không gian số lượng hạn chế, chẳng thể hiện ra sức dụng mà thôi. Nhưng chẳng phải là không có; nếu mình có sự tu đến mức như Phật Thích Ca thì cũng phát huy ra được.

Hỏi: Thế nào là không gian bốn chiều và làn sóng ánh sáng?

Đáp: Theo các nhà khoa học, nơi không gian ba chiều: dài, rộng, cao, có tốc độ cao nhất là tốc độ ánh sáng. Tốc độ ánh sáng vận hành trong một giây đồng hồ vòng quanh trái đất bảy vòng, tức ba trăm ngàn dặm/ giây. Mọi tốc độ khác đều không bằng. Ví như tốc độ vận chuyển của vô số hạt nguyên tử trong cái bàn này, chỉ bằng $\frac{1}{2}$ hoặc $\frac{1}{3}$ của tốc độ ánh sáng, máy bay siêu thanh cũng không thể so bằng tốc độ ánh sáng.

Nhà khoa học ước tính từ trái đất đi đến các hành tinh khác phải trải qua mấy trăm quang niên, như ánh sáng từ mặt trời phát ra, chiếu tới trái đất phải mất thời gian tám ngày, nhưng tâm lực của mình chỉ một niệm là đến. Lại nữa, thời gian đã trôi qua là không thể trở về quá khứ, nhưng tâm niệm thì có thể trở về, nên người chứng quả A-la-hán biết được tám muôn kiếp trước và tám muôn kiếp sau.

Về phương tiện truyền thông qua điện thoại, khi chúng ta nói trong điện thoại, âm thanh sẽ được chuyển thành làn sóng đến đầu dây bên kia rồi trở thành âm thanh lại. Cũng thế, những hình ảnh phát ra từ Đài truyền hình đến khắp nơi cũng nhờ làn sóng điện, nhưng làn sóng âm thanh và làn sóng điện còn kém xa so với tốc độ ánh sáng. Cho đến nhà khoa học biết rằng, quang tử là vật thể nhỏ nhất và có tốc độ nhanh nhất trong không gian ba chiều, nhưng đối với không gian bốn chiều, tức chiều thời gian thì nhà khoa học chẳng thể biết. Tại sao? Vì không thể cảm nhận được sự tồn tại của thời gian bởi ngũ giác quan. Nhưng tâm lực của chúng ta cảm nhận một phần, gọi là siêu ngũ giác quan, ví như những nhà khí công và những người có công năng đặc dị đến bậc cao rồi thì có thể cảm nhận.

Hỏi: Theo vật lý khoa học, muốn khiến một vật thể bay lên hư không phải hội đủ các điều kiện tứ đại như địa, thủy, hỏa, phong, máy móc và phải có phản lực; còn các vị A-la-hán hồi xưa có thể dùng tâm lực khiến cả một khối đá bay lên trên không, vậy hai sự việc có khác nhau không?

Đáp: Khác. Máy móc phải có động lực bằng sức nóng như điện, nhiên liệu, năng lượng mặt trời v... động lực ấy là vật chất, còn A-la-hán là dùng động lực của tâm linh. Cái kia là áp dụng vật lý khoa học, còn cái này là dùng triết lý của tâm linh.

Theo các nhà khoa học, bất cứ vật chất gì đều do nhiều nguyên tử hợp lại mà thành, trong mỗi hạt nguyên tử có một hạt trung tử, xung quanh có nhiều điện tử ngày đêm xoay chuyển không ngừng, dùng con mắt chẳng thể thấy, phải dùng kính hiển vi mới thấy rõ. Sự xoay này nhỏ từ hạt tử, lớn đến hệ mặt trời, hệ ngân hà v... đều xoay

chuyển như thế, cho đến các hỏa tiễn, phi thuyền được phóng đi cũng xoay như vậy. Tốc lực xoay là 1/3 tốc độ của ánh sáng, và tốc độ bay bằng 1/2 của tốc độ ánh sáng. Tại sao tất cả đều không bằng tốc độ ánh sáng? Vì chẳng có cái gì nhỏ bằng hạt quang tử.

Theo suy luận của Einstein, tốc độ cao chừng nào thì thể tích nhỏ chừng nấy, và khi cao tới siêu ánh sáng thì không còn thể tích, nên có thể xuyên qua vật cản mà không chướng ngại. Do đó, dùng tâm lực có thể khiến tốc độ của vật thể siêu vượt ánh sáng, trở thành hư tử, khi nào giảm bớt tốc độ của vật chất thì vật chất đó trở về thực thể (thực tử).

Hỏi: Trước đây, theo các nhà bác học, khi con người chết, chơn linh đi vào không gian, nếu nhân loại có thể chế tạo một phi thuyền bay bằng tốc độ ánh sáng thì thấy được những chơn linh như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Lê Lợi chăng hạn, vậy có đúng không?

Đáp: Có thể, đó gọi là tin tức còn lại. Vì thể tinh thần gọi là tâm linh, nhà Phật gọi là Diệu tâm, Chơn như Phật tánh ... khắp không gian thời gian, là một chỉnh thể, chẳng quá khứ, hiện tại, vị lai, chẳng có tên gọi, nay tạm đặt tên gọi là “cầu thời gian”, tức quả banh thời gian. Đâu phải chỉ có ông Trần Hưng Đạo, mà cho đến cách xa mấy ngàn năm, mấy triệu năm vẫn tồn tại. Vì trong quả banh thời gian đâu có chia thành từng giờ từng phút như con người tự đặt ra thời gian để tính toán. Kinh Kim Cang nói “Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc”, thì đâu thể đem thời gian chia thành quá khứ, hiện tại, vị lai?

Bây giờ nếu tôi đem thời gian chia nhỏ lại cũng không thể thành lập quá khứ hiện tại vị lai. Tôi thường thí dụ: Đem một sát na chia thành 60A, 1A chia thành 60B, 1B chia thành 60C, chỉ chia thêm 3 lần thôi, theo toán học vẫn có con số biểu thị thời gian 1C, nhưng trên thực tế thì trí óc con người muốn hiểu về thời gian 1C đó đã không được, vì tôi vừa nói chưa dứt lời là đã trải qua mấy trăm C thời gian rồi. Hiện tại đã không thành lập được thì quá khứ, vị lai làm sao thành lập? Tôi chỉ chia thêm 3 lần, nếu tôi chia thêm 30 lần, 300 lần, 3000 lần, tuy rất nhỏ, con số biểu hiện thời gian vẫn còn, nhưng đối với bộ óc của mình đâu còn biết được thực tế của thời gian đó nữa!

Vì chúng ta đã quen theo không gian ba chiều, nên không thể nhận biết được không gian bốn chiều. Einstein cũng có suy luận đến: Nếu vật thể vận chuyển theo tốc độ gần bằng ánh sáng thì thể chất của nó thình lình thu nhỏ lại, mà thời gian được kéo dài ra. Theo suy luận trên, nếu tốc độ vật thể bằng với tốc độ ánh sáng thì sẽ ra sao? Thể tích của vật thể có thể rút đến cực nhỏ, và khi đã siêu vượt ánh sáng sẽ trở thành gần như không còn. Chẳng phải là không còn, nhưng ngũ giác quan đã chẳng thể cảm nhận được, nên tôi đặt tên là “vật chất ẩn tánh”.

Trong cuốn sách “Vũ trụ khoa học toàn diện quán” mà tôi đang biên soạn chia thành hai phần: một phần là Vật lý sinh mạng công trình học, tức khoa học hiện đại, còn một phần là triết lý sinh mạng công trình học. Theo lý luận triết lý sinh mạng công trình học thì thời gian có thể trở ngược lại, tức dùng tốc độ nhanh để trở ngược lại hôm qua hoặc tiến nhanh đến ngày mai. Tục ngữ Trung Quốc có câu “Trên dưới ba ngàn năm, tung hoành năm muôn dặm”, đi lại chỉ trong một niệm.

Chớ nói là trên dưới ba ngàn năm, ba triệu năm cũng đi lại trong một niệm. Tại sao? Vì bản thể của tâm đã khắp không gian thời gian thì chẳng có khái niệm khứ lai xa gần, do không có khứ lai nên gọi là Như Lai; do không có sanh diệt nên gọi là Niết Bàn. (Sư phụ dẫn dụ về tánh thấy tồn tại vĩnh viễn, khắp không gian, thời gian, lược qua).

Vì những người không có tu nên bị ngũ giác hạn chế, còn những người có tu hành đến mức thì siêu việt ngũ giác quan. Ví như A-la-hán thấy được tám mươi ngàn kiếp trước và tám mươi ngàn kiếp sau, nhưng vẫn bị số lượng hạn chế, đến quả vị Phật thì không còn bị hạn chế, không gian thời gian, chỗ nào cũng như chỗ nấy, vì bản thể của tâm khắp không gian thời gian.

Cho nên, cuốn sách của tôi gom lại tất cả lý luận của nhà khoa học, nhà triết học, cho đến lý luận của các nhà khí công, những người có công năng đặc dị v... mà sáng lập ra một lý luận mới, gọi là Vũ trụ khoa học toàn diện quán.

Pháp tham Tổ Sư Thiên là pháp xuất thế gian, còn tôi biên soạn cuốn sách này thuộc pháp thế gian. Tại sao tôi phải làm như thế? Có phải mâu thuẫn không? Bởi vì tôi muốn hoằng pháp, vì nhà khoa học chỉ tin ở bộ óc, không tin sức của tâm linh, cho đến người đời cũng vậy. Bộ óc là cơ thể vật chất, tâm linh là thể tinh thần, vật chất có hình tướng, ngũ giác quan có thể cảm nhận được. Bây giờ nhà khoa học phát minh các máy móc, như điện thoại, truyền hình... chỉ là khuếch trương sự thấy nghe của tai mắt chúng ta mà thôi, cũng phải thông qua ngũ giác quan để cảm nhận; còn về thể tinh thần thì không thể cảm nhận được, mặc dù không thể phủ nhận sự tồn tại của nó.

Đối với những gì không thể cảm nhận qua ngũ giác quan thì nhà khoa học cho là không có, rồi những cái chẳng thể dùng lý luận để giải thích thì cho là tự nhiên, nhưng Phật Thích Ca trong kinh đại thừa liễu nghĩa phủ nhận nhân duyên và tự nhiên, như vấn đề con gà và trứng gà (*lược qua*). Cho nên tôi đặt ra danh từ, đặt ra lý luận giải thích để cho mọi người đều tin rằng có cái tâm, mỗi mỗi chúng sanh đều có tâm linh, đều có sức mạnh vô cùng tận, nếu qua sự tu trì sẽ hiện được sức dụng của tâm.

Hỏi: *Hồi thời Phật Thích Ca, khi đi bát, người ta cúng dường đồ chay đồ mặn đều độ hết, cho nên Nam tông cũng theo truyền thống đó mà đức quả A-la-hán. Vậy cách thức khát thực của thời nay như thế nào?*

Đáp: Phân biệt là thức, không phân biệt là trí. Phật Pháp là muốn chuyển thức thành trí, tức chuyển tám thức thành tứ trí. Phép đi bát có sự qui định, phải đúng theo pháp: Khi đi không ngó qua ngó lại, không được mở miệng nói chuyện, đi hết bảy nhà nếu không ai cúng dường cũng phải trở về với bát không. Ai cho gì ăn nấy, không được phân biệt thức ăn tốt xấu hoặc thối sinh, không được qui định người thí chủ phải cúng dường như thế nào, mà là tùy điều kiện khả năng và phát tâm của thí chủ. Đó mới gọi là trí không phân biệt, hễ không phân biệt tức là chay.

Nhưng hiện nay có một số đi bình bát, có người cứ đứng trước chỗ bán cá, người bán tưởng là muốn xin cá, liền cúng dường một con cá sống, rồi vị đó lắc đầu, yêu cầu phải đập chết con cá rồi mới lấy... những hành vi đó sau này phải trả nợ mạng lẫn nợ thịt. Lại nữa, khát thực đâu phải đi vào chợ, mà phải đi từng nhà.

Hỏi: *Có thể dùng quán tưởng để sửa lại nhân quả không?*

Đáp: Không được. Do tự mình ham ăn thịt, rồi quán tưởng cho đó là rau, rồi lại tự nói là ăn được không có nhân quả ư? Lại nói là tôi giết chết nó là vì muốn độ cho nó khỏi chịu cái khổ súc sinh? Đâu thể được! Đây là nghịch với nhân quả. Do kiếp trước đã tạo nhân và phải chịu quả báo như thế, nếu nợ nhân quả chưa dứt, vẫn còn phải đầu thai trả tiếp, Đức Phật còn không thể sửa lại nhân quả của người khác.

Vũ trụ như là căn nhà, sự cấu tạo của vũ trụ tức không gian, thời gian, số lượng là sườn nhà, nếu đem sườn nhà rút ra thì căn nhà sẽ bị sụp. Mà không gian, thời gian, số lượng là gì? Chỉ là ba khái niệm do vọng tâm mình đặt ra chứ không có bản thể. Thiên

tông kiến tánh gọi là đập bể hư không. Hư không làm sao đập bể? Tức phá được khái niệm không gian, nên Kinh Kim Cang nói “Tâm quá khứ bất khả đắc, tâm hiện tại bất khả đắc, tâm vị lai bất khả đắc”.

Thật ra, không gian, thời gian, số lượng dù nói thành ba, nhưng ba khái niệm này chỉ là một thôi, chẳng thể độc lập, mà tất cả mọi thứ đều bị hạn chế bởi ba cái này. Ví như tôi đang ngồi đây cũng phải nhờ ba khái niệm này: Tôi ngồi đây là chiếm chỗ không gian, năm nay tôi 73 tuổi, 73 là số lượng, tuổi là thời gian, nếu đem một trong ba thứ này rút ra thì làm sao có “Tôi” ngồi tại đây? Tất cả quý vị cũng vậy.

Nhưng mỗi mỗi đều có sự vận động và tốc độ của nó, tôi tạm đặt tên khoa học gọi là mật mã tin tức, đó cũng là người đời hay nói là “số mạng đã được ghi trong kiếp trước”. Giả thiết trong mật mã tin tức của tôi kiếp trước được ghi trong tâm linh là: Đến 40 tuổi thì tôi sẽ được làm Bộ trưởng, ấy gọi là mật mã sẵn có, nhưng có tánh tương đối: Ví như đến 40 tuổi tôi không làm Bộ trưởng, chỉ làm một chức vụ chủ nhiệm nào đó, tương đương với chức vị Bộ trưởng, gọi là tánh tương đối. Hoặc chưa đến lúc đó, do tôi ham tiền, không đi làm Bộ trưởng mà đi kinh doanh được phát tài... ấy gọi là tánh khả biến, tức có sự biến đổi, cũng gọi là tu sửa. Nay chúng ta tu hành là muốn sửa lại mật mã tin tức của kiếp trước.

Hỏi: Trong cuốn Bồ đề tâm Văn có ghi: Đại Sư Húy Thật Hiện, tự Từ Tề, hiệu Tĩnh Am, sinh năm 1685. Năm 1714 yết kiến Hòa thượng Linh Thứu tại Sùng Phước, tham câu “người niệm Phật là ai?”, công phu miên mật, đến tháng 4 năm ấy đã hoát nhiên đại ngộ nói “Ta tỉnh ngộ rồi”. Từ đó ngài biện tài vô cùng, ứng cơ vô ngại. Mỗi năm đến ngày Phật Niết bàn, Đại sư giảng Kinh Di Giáo và Kinh Di Đà, khai thị cái nghĩa tâm này là Phật, giáo hóa khắp nơi. Không bao lâu, Đại sư thôi ẩn ở Chùa Tuyên Lâm, không ra khỏi cửa, nỗ lực tu tập Tịnh độ mười vạn tiếng trong một ngày đêm. Trước khi viên tịch, ngài thấy Tây phương Tam thánh và bảo “ngày 14 tôi nhất định vắng sanh”, nói rồi chấp tay niệm danh hiệu Phật và tịch. Tại sao trước đã tham thiền được ngộ, sau lại tu tập Tịnh độ, vậy là thế nào?

Đáp: Đó cũng chẳng có gì lạ, vì người viết sách này là người tu Tịnh độ mà không biết về Tịnh độ, lại càng chẳng biết gì về cách tu Tổ Sư Thiền, dùng ý của mình để biên soạn.

Ở Việt nam, các chùa đều thờ tháp của các Tổ ghi là Lâm Tế Chánh tông, nhưng có một vài chùa không cho đệ tử học thiền, chẳng những không cho học thiền, lại phi báng thiền, cảnh cáo mọi người “hãy coi chừng tẩu hỏa nhập ma!” việc trên đã đủ hiểu, đó chỉ là gắn bản hiệu dòng Lâm Tế.

Nhiều người nói là tu Tịnh độ mà không biết tông chỉ Tịnh độ, không biết đường lối thực hành, luôn cả thiền của Tịnh độ cũng không biết, nói đến thiền cứ tưởng là chỉ có Tổ Sư Thiền mà thôi. Thật ra, Tịnh độ có ba thứ thiền: Thật tướng niệm Phật, Quán tưởng niệm Phật và Trì danh niệm Phật. Trong quán tưởng niệm Phật gọi là quán Vô Lượng Thọ, gồm 16 thứ thiền quán, nhiều người không biết đó là thiền của Tịnh độ, cứ cho mọi thứ đều là Tổ Sư Thiền, phải bài xích, thế thì làm sao có thể nhận là con cháu của Lâm Tế! Rồi viết ra những sách như thế rất có hại, nếu chiếu theo giới luật của nhà Phật thì đó là phi báng pháp, thuộc tội địa ngục.

Hỏi: Có nhiều lý lẽ được đưa ra để phản bác lại cái thuyết tái sinh, vì nếu có tái sinh thì dân số trên thế giới phải không tăng không giảm, khi một người chết phải có một người khác sinh ra. Nhưng dân số thực tế trên thế giới mỗi lúc một tăng nhiều hơn, vậy là thế nào?

Đáp: Không những không thêm bớt, kể cả không khí, nước cũng không thêm bớt, mặc dù hằng ngày bao nhiêu người sử dụng nước để sinh sống, tưới cây, sản xuất... nhưng số lượng nước vẫn không thêm bớt. Tất cả vật chất cũng không thêm bớt, sự tuần hoàn đó là luật vũ trụ, bất cứ cái gì, cái bàn này, cái tách này, cho đến mỗi hạt nguyên tử đều đang tuần hoàn, không chùng lỵ nước mà tôi đang uống này, mấy ngàn năm trước vua Tần Thủy Hoàng cũng đã uống qua! Kể cả nhà khoa học phóng vệ tinh lên vũ trụ cũng đang tuần hoàn không ngừng, khi nào muốn quay trở về trái đất phải áp dụng lực hấp dẫn vạn hữu, và nó không được rời khỏi sức hấp dẫn của trái đất. Muốn rời khỏi lực hấp dẫn của trái đất phải dùng năng lực của tâm, tôi đặt tên đó là lực bài xích hấp dẫn vạn hữu, vì mọi cái đều chẳng có sự thêm bớt, nên Phật nói là vô thi.

Hỏi: Con là hành giả tham thiền, người ta thiếu nợ con, đòi mãi không trả, nhiều lúc tiếng to tiếng nhỏ qua lại, vậy có mắc tội gì không?

Đáp: Bất cứ việc gì đều có nhân quả, nếu đã tự cho mình là hành giả tham thiền thì phải giữ đúng nghi tình; nghi tình là không biết, đã không biết thì kể cả người khác thiếu nợ mình cũng quên luôn. Vả lại, Phật Pháp nói về nhân quả, nếu người ta thiếu nợ mình mà không trả, có thể do kiếp trước mình thiếu nợ họ, nên cũng khỏi cần đòi; nếu kiếp trước mình không mắc nợ họ, mà kiếp này họ thiếu nợ mình không trả, kiếp sau cũng phải trả.

- Dạ, đôi lúc phải làm dữ rồi họ mới trả.

Đó là ngã chấp chứ chẳng phải hành giả tham thiền, hành giả tham thiền không biết đến việc này.

- Vậy khỏi cần đòi hả Sư phụ?

- Khỏi lo. Nhân dịp này tôi kể một câu chuyện cho cô nghe: Trong hoàng cung, Thái hậu của vua thỉnh linh đánh mất một hạt châu quý giá, ông vua biết được chuyện này, định khám xét hết tất cả cung nữ và thái giám, thái hậu ngăn không cho, lại nói rằng: Đồ vật của ta không thể mất được, vì từ mấy mươi kiếp trước đến nay ta không hề lấy đi đồ vật của người khác, không có tạo nhân mất đồ, khỏi tìm, ít bữa nó sẽ tự trở về.

Ông vua nghe rồi đành thôi, ít ngày sau Tôn giả A Nan lượm được hạt châu ở vườn hoa, đem trả lại cho vua.

Thái hậu nói: Đó, con thấy chưa, ta nói nó sẽ trở về mà!

Vua nói: May nhờ Tôn giả A Nan lượm được, nếu là người khác thì làm gì có chuyện đó!

- Con không tin hả, con hãy đem hạt châu này bỏ ở bất cứ nơi nào cũng được, nó sẽ trở về.

Ông vua bèn sai người đem hạt châu bỏ ở một ngã tư đường đông người, và cho người theo dõi xem có ai lấy đi không. Trải qua mấy ngày mà vẫn nằm nguyên ở đó, các quan về báo cáo, vua hỏi: Ở đó không ai nhìn thấy hạt châu sao?

- Dạ những người qua lại chỉ nhìn thoáng qua mà không ai lấy.

Ông vua nổi giận, chính tay mình đem hạt châu thả xuống biển, để xem nó trở về bằng cách nào. Mấy hôm sau, người làm bếp trong hoàng cung khi làm cá, phát hiện hạt châu ở trong bụng cá, liền mang trả lại cho vua. Vua mới chịu tin, đành đem trả lại cho thái hậu.

Cho nên, hễ không có tạo sẽ không phải chịu nhân quả.

Hỏi: Trong kinh nói “tướng đi lên, tình đi xuống, không tình không tướng mới được ra khỏi tam giới” là thế nào?

Đáp: Tình với tướng là sự suy nghĩ, bây giờ tham thiền là muốn chấm dứt cái ghi nhớ biết, suy nghĩ biết và tìm hiểu biết thì tình và tướng đều bật.

Hỏi: Con nghe Sư phụ khai thị nhiều lần nói “Phật Thích Ca không kiến lập chơn lý”, như vậy những kinh điển sau này được đệ tử của Phật ghi lại không phải chơn lý sao?

Đáp: Phật Thích Ca trong kinh Lăng Nghiêm nói “Phàm là lời nói đều chẳng có nghĩa thật”. Đã không có nghĩa thật tức không có chơn lý rồi. Tất cả kinh điển đều là lời nói, cho đến cuối cùng Phật nói “Bốn mươi chín năm chưa từng nói một chữ”, “Ai nói ta có thuyết pháp là phi báng Phật”. Nếu không hiểu được ý Phật sẽ cho lời nói của Phật là mâu thuẫn; chẳng có nghĩa thật, chẳng phải chơn lý thì còn nói ra làm gì? Nói ra là để phá chấp. Ví như bảy chỗ tìm tâm của A Nan, hễ chấp ở trong thì phá ở trong, chấp ở ngoài là phá ở ngoài. Như ngài Lâm Tế nói “gặp ma chém ma, gặp Phật chém Phật”, chém ma thì được chứ tại sao chém Phật? Đó là chém cái tâm chấp Phật của mình vậy.

Hỏi: Thiền sư Việt Nam có vị nào tu kiến tánh chưa?

Đáp: Theo lịch sử Thiền tông Việt Nam, Vua Trần Nhân Tông và chú ruột của vua là ngài Tuệ Trung thượng sĩ là người kiến tánh, ngài Tuệ Trung còn để lại ngữ lục lưu truyền đến ngày nay. Ngoài ra cũng có nhiều vị được kiến tánh.

Hỏi: Xin Sư phụ kể qua sự tích của ngài Kim Bích Phong?

Đáp: Kim Bích Phong là chủ sự của chùa, do ngày thường công việc bận rộn nên không có thời gian công phu. Đợi đến lúc lâm chung, Diêm la Vương sai quỷ sứ đến bắt, Ngài mới giật mình và năn nỉ quỷ sứ rằng: Do ngày thường chỉ lo công việc cho chùa nên quên mất sự tu, nay xin cho sống thêm bảy ngày để cố gắng công phu, được không?

- Quỷ sứ nói: Việc này tôi đâu có quyền quyết định, hãy đợi tôi về báo cáo Diêm la Vương, nếu được thì tôi không quay lại nữa, nếu không thì tôi quay lại liền.

Ngay sau khi quỷ sứ đi rồi, ngài liền đề khởi công phu tham mãi trong bảy ngày bảy đêm không gián đoạn. Bảy ngày trôi qua, khi quỷ sứ quay lại chùa thì tìm khắp mọi nơi đều không thấy ngài ở đâu cả. Ngài không hề bỏ trốn, nhưng vì hào quang của Ngài đầy khắp, nên tiêu qui không thể tìm thấy được, đành tay không trở về, và Ngài tiếp tục tu đến kiến tánh.

Theo sự hiểu biết của chúng ta, mọi người đều có hào quang, người có tâm lực mạnh thì hào quang phóng ra mạnh, hào quang mạnh thì quỷ sứ không thấy được mặt mũi của người đó.

Hỏi: Tất cả việc thế gian hễ có hình tướng thì có thể tan hoại, chỉ có tâm chơn như mới tồn tại mãi mãi. Do nghiệp nặng quá chưa quét sạch trần lao thì chưa tin ta có Phật tánh, mà tu pháp Thiền hết nghiệp trần lao thì Phật tánh mới hiện tiền, khởi đi đâu tìm cả, vậy có đúng không?

Đáp: Không đúng, mọi thứ vẫn y như cũ không thêm bớt, chỉ là thay đổi mặt mã của mình thôi. Như mấy hôm trước tôi đã thí dụ: Nước vẫn không thay đổi, không khí cũng không thêm không bớt, tất cả vũ trụ vạn vật đều không tăng không giảm, chứ chẳng phải chỉ có Chơn như Phật tánh.

Hỏi: Có phải tham Tổ Sư Thiền thì không cần tụng kinh, không cần cầu siêu cho người quá cố?

Đáp: Cách tu tụng kinh của Giáo môn là người tụng kinh lúc tụng tức tự tu cho mình, chứ không phải là dùng sự tụng kinh để bán cho người khác, độ cho người khác. Tại sao nói lúc tụng là lúc tự tu? Vì lúc tụng phải quán tưởng theo lời kinh, tức là thực hành lời dạy của Phật, đó là tu. Bây giờ đem việc tụng kinh ra bán. Ví như có một vị Tu sĩ nói với Phật tử rằng ông có cái kho chứa kinh, ngày thường, lúc rảnh rỗi ông tụng sẵn các bộ kinh Kim Cang, kinh Pháp Hoa, kinh Địa Tạng v.v... và chứa trong kho, ai cần cầu siêu cho cha mẹ hoặc người thân, muốn bao nhiêu bộ cũng có sẵn...

Vì ai cũng cho là tụng kinh có công năng bớt tội, phải vậy không? Nhưng sự thật thì kinh có công năng đó không? Rồi nhiều người nghe tôi nói vậy lại cho là tôi nói khỏi cần tụng kinh, khỏi cần cầu siêu... Tôi đâu có dạy người ta như thế? Tôi chỉ dạy mọi người thực hành đúng đường lối pháp tu, chứ không dạy người làm những việc phi lý thôi.

Hỏi: Cư xử với xã hội như thế nào mới gọi là người chơn tu?

Đáp: Chỉ biết lỗi của mình, không biết lỗi của người khác, gọi là người chơn tu.

Hỏi: Sanh tử vô thường, đến không biết trước, dù mọi người đều cố gắng tu hành, nhưng làm sao đối phó?

Đáp: Tất cả đều là nghiệp nhân nghiệp quả, bây giờ chúng ta chưa kiến tánh là tùy nghiệp xoay chuyển, gọi là lục đạo luân hồi; hễ tạo nghiệp cõi Trời thì sanh cõi Trời, tạo nghiệp người sanh cõi người, cho đến tạo nghiệp địa ngục thì sanh nơi địa ngục, đó tùy theo tâm của mỗi người tạo. Đức Phật trong kinh Hoa Nghiêm nói “Tâm như họa sĩ khéo, hay vẽ các hình tượng”, vẽ ra địa ngục thì thấy sợ, vẽ ra thiên đường thì thấy mừng... ấy đều do tự mình vẽ ra, tốt nhất là đừng vẽ, chỉ tại chúng ta không chịu ngưng, cứ ham vẽ mãi.

Cũng như thức thứ sáu luôn ham vẽ chẳng chịu ngưng nghỉ, ban đêm thì vẽ ra nhắm mắt chiêm bao, ban ngày vẽ ra mở mắt chiêm bao, Đức Phật muốn chúng ta đừng vẽ nữa. Nay chúng ta tham Tổ Sư Thiền đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình là không biết, không biết thì không vẽ. Do có biết mới có vẽ, nay không biết thì dần dần chấm dứt hết tất cả tìm hiểu biết, tùy duyên biết, ghi nhớ biết, tất cả quên hết, chỉ còn lại nghi tình là không biết. Nhưng cái không biết này chẳng phải không biết mãi, thỉnh thoảng nó cũng biết, hễ biết là muốn vẽ nữa, ấy là gốc của tai họa, đến cuối cùng nghi tình bùng nổ và tan rã, biết cùng không biết của bộ óc mới sạch, gọi là kiến tánh, lúc đó Phật tánh toàn vẹn hiện ra khắp không gian thời gian, chẳng còn vẽ nữa.

Hỏi: Có phải mạng căn đứt thì con người trở về không, lúc đó gần như hư vô không có gì hết?

Đáp: Làm sao có cái không để trở về? Nếu không có gì hết thì làm sao có sự dụng? Ở trên tôi đã dùng cái thí dụ về ánh sáng cây đèn, mỗi mỗi cây đèn đều y như cũ, mỗi mỗi chúng sanh vẫn còn y như cũ không thay đổi. Có thay đổi là hành vi của mình tạo, Phật Pháp gọi là cái nghiệp đó, đến lúc đó thì thiện nghiệp, ác nghiệp, kể cả nghiệp vô ký cũng hết, nhưng tâm linh của mình thì tồn tại vĩnh viễn không mất: Mỗi mỗi tâm linh vẫn còn, tánh thấy tánh nghe tánh nghĩ... vẫn còn.

Hỏi: Ý con muốn nói là tất cả chúng sanh đều đã tu đến kiến tánh, chẳng có Phật chẳng có chúng sanh nữa thì thế giới này chẳng còn là thế giới nữa, phải không?

Đáp: Ấy là cái tâm chấp của cô, ý cô nói là đi đến cái tâm không, lấy cái gì để không? Phải từ có rồi tiêu diệt nó mới thành không, vốn chẳng phải có, lấy gì để không?

Hỏi: Sư phụ nói là ai ăn nấy no, vậy chúng con làm những việc phước lành, có thể ảnh hưởng cha mẹ và người thân không?

Đáp: Mục Kiền Liên là vị tu đến có thần thông, tâm lực cũng mạnh nhưng chưa đủ sức làm cho bà mẹ sửa đổi, Phật phải dạy ngài trai Tăng, dùng sức tâm của một ngàn Tăng hợp lại mới có thể ảnh hưởng khiến tâm của người mẹ sửa đổi, giải thoát khổ nạn quý. Lại nữa, một ngàn vị Tăng kia đều đã chứng quả A-la-hán, trì giới trong sạch, đã tu hành ra khỏi sanh tử luân hồi, tâm lực rất mạnh mới có sức ảnh hưởng này.

Như trên tôi nói, tụng kinh là tu cho chính mình, như Pháp sư Đế Nhân đời thứ 41 tông Thiên Thai Trung Quốc, Ngài ở Chùa Quán Tông huyện Ninh Ba tỉnh Triết Giang, mọi người gọi là Thiên Thai Quán Tông. Tăng chúng ở đó mỗi ngày ba khóa tụng, tất cả mọi người đều phải tụng.

Đó là sự tu, Giáo môn gọi là tùy duyên quán tưởng, tụng đến đâu quán tưởng đến đó, là y theo lời dạy của Phật. Cho nên, hễ mỗi khóa tụng ở Chùa Quán Tông là phải trọn hai tiếng đồng hồ, nếu không đủ hai tiếng, Ngài biết được là la rầy, cho là không có tu. Chứ không phải như một số chùa hiện nay, chỉ cử vài ba người tụng cho thật nhanh, tưởng là có người tụng cho Phật nghe là được, vậy đâu phải tu!

Hỏi: Nhiều người thế gian không biết đến Phật Pháp, chỉ vì muốn cầu phước nên thỉnh Tăng đến tụng niệm và cúng dường lì xì, vậy có phải là dùng tiền để mua phước lành không?

Đáp: Nếu như thế là mua bán, là có trao đổi, quý Thầy dùng tụng niệm để đổi lấy tịnh tài. Nếu muốn cúng dường là phải vô điều kiện, khỏi cần quý thầy đến nhà tụng kinh hay đến chùa yêu cầu cúng dường để hồi hướng. Có sự trao đổi như thế là buôn bán. Như Lai, đâu còn phước đức gì?

[15] 06/03/95–12/03/95 tại Chùa Từ Ân, Quận 11.

Hỏi: Khi cúng giỗ, ông bà cha mẹ quá cố có hưởng được không?

Đáp: Nói vậy là còn ngã chấp, nếu thật phải nhờ sự cúng giỗ mới được hưởng thì ông bà cũng phải chết đói, vì một năm chỉ cúng giỗ một – hai lần, làm sao sống nổi!

Hỏi: Tâm con cứ muốn ráng tu miên mật, nhưng sao tối đi công phu thì buồn ngủ không tu nổi?

Đáp: Buồn ngủ thì cứ ngủ, thức dậy rồi tiếp tục, khỏi cần ráng, ít phí sức chùng nào tốt chùng này, nếu buồn ngủ có ráng cũng không được.

Hỏi: Là người tu hành, chúng con thường muốn sắp việc tu hành lên hàng đầu, cuộc sống hàng ngày vào hàng thứ hai, nhưng tại sao cứ bị tuột xuống?

Đáp: Theo lời Phật dạy, chúng ta ở chung cùng tu thì phải giữ gìn qui cũ. Tôi đã nói nhiều lần, trong Thiên thất nếu ai không giữ và phạm qui cũ ba lần phải mời họ ra đi. Bất cứ Tăng đoàn nào, ở đâu cũng vậy, hễ có chúng đông phải nhờ qui cũ, chứ không phải ai muốn làm sao cũng được, nhưng người lãnh đạo phải làm gương mẫu cho đại chúng noi theo, tự mình làm được rồi nói đại chúng mới chịu nghe.

Lại nữa, tất cả thời giờ đều nên dùng để tu hành, còn giờ giấc dành cho lao động, trồng trọt, cuộc sống... phải giới hạn; hiện nay đa số các chùa có Phật tử cúng dường,

không cần trông trọt sản xuất, phải thực hiện đúng theo thời khóa, chớ nên tự xen vào ý mình.

Hôm trước đài BBC có chiếu một bài phóng sự về một đoàn ký giả đến phỏng vấn một dân tộc Cogi ở vùng Nam Mỹ, bài đó có tiêu đề “Thông điệp của người dân tộc Cogi”. Trong phim tài liệu, cuộc sống của dân làng Cogi đều thể hiện 100% theo tinh thần giới luật nhà Phật, trong khi tất cả Phật giáo trên thế giới hiện nay chẳng ai theo nổi:

Họ thực hiện cuộc sống có qui luật đúng như sự Yết-ma trong Tăng đoàn, bất cứ việc lớn nhỏ đều qua đại chúng và phải thông qua 100%, nếu trong đó có một người không đồng ý cũng không được. Trẻ em trong làng đến bảy tuổi là bắt đầu tập theo hạnh Sa-di, đến hai mươi một tuổi thì tập theo hạnh Tỳ-kheo, chỉ khác nhau ở chỗ họ có gia đình vợ con.

Mặc dù có vợ con, nhưng không ai có tài sản riêng của cá nhân và của gia đình; tất cả đều là của chung, luôn cả lương thực cũng không tích chứa. Điều đó cũng giống giới luật nhà Phật, hễ hôm nay khát thực được bao nhiêu thì ăn bấy nhiêu, không tích chứa phần ngày mai.

Dân làng tốn rất ít thời gian về việc ăn uống, phần nhiều thời gian giành cho sự tu. Họ cho tất cả đều là anh em trong một đại gia đình nhân loại nên họ không ăn cá thịt, điều này phù hợp với Phật giáo rằng tất cả chúng sanh đều là anh em họ hàng. Đối với thực vật, nếu không cần thiết thì họ cũng không phá hủy một cách vô lý, và điều này cũng phù hợp theo kinh Phật dạy, họ thực hành trong mọi mặt chứ không chỉ là nói suông.

Họ không giao thiệp bên ngoài, nhưng lại biết rõ về mọi việc đang diễn ra trên thế giới: Biết rõ sẽ có một cuộc họp về tôn giáo thế giới tại Hoa Kỳ vào tháng 9 năm 1993, nên muốn nhân dịp này nhờ đoàn ký giả của Đài BBC gửi một thông điệp đến toàn thế giới: Hiện nay trên toàn thế giới về vấn đề ô nhiễm môi trường, chặt cây phá rừng, thiên tai, chiến tranh, đổ máu v.v... đều là do con người không chịu gìn giữ, chỉ biết phá hoại gia tài của mẹ (*vũ trụ*) mà gây lên, khắp thế giới ngày nay đều nghịch với thiên nhiên, cho nên, họ đưa ra thông điệp với cương vị là người đàn anh mà dạy dỗ đàn em.

Hỏi: Bạch Sư Phụ, con vẫn chưa rõ cách tham: Là niệm câu thoại đầu hay hỏi thầm trong bụng? Vậy là trong trí của mình đặt lên câu hỏi rồi hỏi thầm trong bụng, phải không?

Đáp: Tôi đã nói là “hỏi” chứ không phải là niệm, đừng có cho là trí hay ngu, đừng đem ý mình xen vào, cứ nhìn và hỏi câu thoại. Hỏi là để khởi lên sự không biết, nhìn là nhìn chỗ không biết, hỏi và nhìn một lượt, đừng cho là bất cứ cái gì cả. Ông nói “phải hỏi thầm trong tâm”, cho là phải cũng không được, cho là không phải cũng không được.

Hỏi: Vậy phải làm sao mới đặt được câu hỏi?

Đáp: Chỉ có hỏi và nhìn, đến khi nào ngộ mới thôi, chớ có cho là cái hỏi phải làm sao, cái nhìn phải làm sao, ngộ là tự biết. Bây giờ cứ cho là phải như thế này mới đúng, như thế kia không đúng; cho là trí, là ngu, là vô ký v.v... đều chướng ngại sự tham thiền.

Hỏi: Có một vị tu sĩ nói với con rằng “những người tu thường được Hộ pháp bảo vệ, nhiều khi có tiếng nói vang trong đầu để hướng dẫn việc đúng sai trong chỗ hành...” Vậy có thật là Hộ pháp chỉ dạy hay do ma cảnh tạo ra?

Đáp: Do chính mình có tâm chấp, mới lọt vào tà ma. (Xem chương nói về 50 Thứ Ma Ngũ Ấm trong Kinh Lăng Nghiêm)

Hỏi: Có lần con nằm chiêm bao thấy mấy con chuột kiện với con rằng con mèo trong nhà săn đuổi chúng quá, vậy phải làm sao?

Đáp: Cách giải quyết chỉ là đề câu thoại đầu khởi lên nghi tình nhìn và hỏi, mới là cách giải quyết căn bản, ngoài ra không biết tới. Mấy cái kia không cần giải quyết, như lời Phật nói “Chỉ là tùy duyên tiêu nghiệp chướng và không tạo thêm nghiệp mới” thôi.

Hỏi: Người đã kiến tánh có thể nhìn thấy hào quang của người khác không?

Đáp: Không nhất thiết. Có người kiến tánh rồi do tập khí thế gian còn nhiều nên chưa có thần thông, phải dứt sạch tập khí thế gian rồi thần thông mới có thể hiện lên. Cũng có những người cư sĩ tham thiền đến một mức nào rồi hiện được sức dụng của tự tâm, cũng gọi là thần thông, nhưng rất ít.

Về vấn đề hào quang, nếu tâm lực của mình phát huy ra hết thì không cần thấy hào quang nữa, vì đã thấy khắp không gian rồi! Phật tánh gọi là Chánh Biến Tri, cái biết đúng như thực tế, thấy khắp không gian thời gian, vô lượng vô biên chúng sanh hễ có một chúng sanh nổi lên một niệm đều biết, chứ không phải chỉ thấy biết hào quang mà thôi.

Hỏi: Thế nào là bồn tham?

Đáp: Bồn tham tức câu thoại đầu mà mình tham, chỗ chưa khởi niệm lên gọi là thoại đầu, khi phá sơ quan gọi là phá bồn tham.

Hỏi: Thế nào là “Chấp lý bỏ sự là kẻ vác bạng, chấp dụng bỏ thể là kẻ lỗ mãng”?

Đáp: Bất cứ chấp về cái gì, coi trọng về cái gì đều chướng ngại sự tham thiền, hễ chấp vào chỗ nào đều là kẻ vác bạng. Có một câu chuyện như sau:

Một vị tăng lên đường đi gặp Mã Tổ, dọc đường thấy một khúc cây rất to, đến nơi gặp Ngài và kể cho Ngài nghe về khúc cây đó, Mã Tổ nói: Không ngờ ông lại có sức mạnh đến thế!

Tăng nói: Tôi có sức mạnh gì đâu?

Mã Tổ nói: Ông vác cả khúc cây to kia từ đó đến đây, chẳng phải là có sức mạnh sao!

Thật ra, ông Tăng kia đâu có vác, chỉ là ghi nhớ mà thôi, đó là nghĩa vác bạng, chúng ta tham thiền chấm dứt hết tất cả tìm hiểu ghi nhớ suy nghĩ, tức tránh khỏi những thứ đó.

Hỏi: Câu “Trước khi chưa ngộ như mất cha mẹ, sau khi đại ngộ như mất mẹ cha” là như thế nào?

Đáp: Ở ngoài đời, cha mẹ đối với con cái rất quan trọng, chuyện gì cũng không gấp bằng khi hay tin cha mẹ mất, bất kể khó khăn thế nào, dù đang ở thật xa cũng phải về liền. Câu nói này dụ cho sự khẩn thiết, ý nói việc kiến tánh cần thiết như mất cha mẹ, chẳng việc nào cần hơn. Sau khi kiến tánh rồi, tập khí chưa dứt sạch, chẳng thể hiện ra sức dụng, nên cần sự bảo nhiệm để dứt trừ tập khí, gọi là cần thiết như mất mẹ cha.

Hỏi: Trong khi công phu, con luôn khán vào chỗ chưa khởi niệm, tức hàm sâu vô minh, bất kể đi đứng nằm ngồi. Ngài Hu Vân trong Ngũ Lục có nói: Khi khán công án đến lúc châm châm như mèo rình bắt chuột thì không cần đề khởi câu thoại đầu, vì sợ khi đề câu thoại lên là trên đầu lại thêm đầu, phải không?

Đáp: Sở dĩ hỏi câu thoại là vì chưa khởi được nghi tình, nên nhờ câu thoại để kích thích; đến khi nào nhìn được rồi, nghi tình được kéo dài thì khỏi cần hỏi câu thoại cũng được.

Hỏi: Theo sự nhận xét của con thì cõi Cực Lạc và địa ngục đều là ở đây hết cả: Nếu cuộc sống của mình cảm thấy hạnh phúc yên vui thì đó là Cực Lạc; nếu sanh nhằm vào chỗ luôn bị bức bách thì đó là địa ngục, phải không?

Đáp: Đức Phật đã nói “Nhất thiết duy tâm tạo”, địa ngục là tâm tạo, Cực Lạc cũng là do tâm tạo, chúng sanh, cõi Phật... cũng là do tâm tạo, chẳng phải ở nơi đây hay tại nơi đó, là ở nơi tâm, tâm thì chẳng có chỗ, khắp không gian thời gian.

Hỏi: Chủng tử của nhà Phật và cơ nhân của tế bào có ảnh hưởng gì không?

Đáp: Cơ nhân của tế bào chỉ tạo ra hình thể và di truyền, Cơ nhân là nhân của thể xác, hễ thể xác này hoại rồi ra thể xác khác. Còn chủng tử là do nghiệp của mình tạo ra, có mật mã ghi trong tâm linh, nếu không sửa đổi thì nó cứ tiếp tục mãi.

Thể xác sẽ hoại, còn tâm linh không có hoại. Cho nên, cơ nhân của tế bào thuộc vật chất, tâm linh thuộc thể tinh thần; thể xác chẳng phải chủ sinh mạng, chủ sinh mạng là tâm linh. Khi tâm linh lìa khỏi thể xác này thì thể xác có thể biến thành tro thành đất, còn chủ sinh mạng chẳng thể biến thành tro đất, ấy mới chính là chơn thật của ta.

Hỏi: Tại sao nhà khoa học chứng minh được thể xác con người từ đâu có, mà chẳng thể chứng minh được cái chơn linh của con người?

Đáp: Vì thể xác có thể dùng ngũ giác quan tiếp xúc được, còn tâm linh chẳng thể dùng ngũ giác quan chứng tỏ sự tồn tại của nó, đó là siêu ngũ giác quan. Cho nên, người đã chứng quả mới có thể tự mình chứng biết, còn người chưa chứng quả thì không thể chứng minh; người có tu hành có thể dùng tâm linh chứng tỏ tâm linh, người không tu chẳng thể dùng bộ não chứng tỏ sự tồn tại của tâm linh. Đó là lý do tại sao trong Tâm Kinh Đức Phật dùng chữ VÔ để phủ định: Vô nhãn nhĩ tỷ thiệt thân ý, vô sắc thanh hương vị xúc pháp..., vì chẳng thể tiếp xúc được cái thực tế, tức chính tâm linh của ta chẳng thể tiếp xúc bởi lục căn lục trần lục thức.

Hỏi: Con đi chùa gặp một vị tu sĩ, Phật tử đem đồ mặn cúng dường thầy ấy vẫn dùng, con thắc mắc hỏi thầy, thầy nói “Tu hành đừng chấp chay mặn, chấp là kẹt. Ăn mà trong tâm không chấp, cứ lo tu đi”. Vậy có đúng không? Có lọt vào nhân quả không?

Đáp: Vị thầy đó nếu thật sự không phân biệt chay mặn thì tất cả cái khác đều không phân biệt, vậy cũng được; hễ thật sự không phân biệt, ấy là chuyển thức thành trí rồi, chẳng còn cái thức phân biệt nữa. Nếu chưa đến mức, chỉ không phân biệt chay mặn mà cái khác thì phân biệt, ấy là sai, nói như thế là gây tội địa ngục, còn phải trả nợ thối.

Hỏi: Xin Sư phụ kể qua câu chuyện ngài Hư Vân nhập định như thế nào?

Đáp: Ngài Hư Vân nhập định nửa tháng mà cảm giác chỉ có một lúc. Ngài cùng các vị đồng tu ở trên núi Chung Nam, quanh năm phủ tuyết, mỗi người ở một cái cốc cách xa nhau, thức ăn chỉ đào những củ khoai rất cứng trên núi, người thường ăn không nổi. Một hôm, ngài bỏ củ khoai vào nồi nấu rồi công phu nhập định lúc nào chẳng hay, lúc đó vào dịp Tết, những người bạn đồng tu ở xung quanh thấy lâu không gặp ngài, bèn rủ nhau đến thăm, thấy ngài đang nhập định, liền búng lỗ tai khiến xuất định và hỏi ngài nhập định bao lâu?

Ngài đáp: Mới hồi nãy, chắc nồi khoai đã chín rồi.

Nhưng khi mở nắp nồi ra thì trong đó củ khoai đã nổi mốc lên cao, tính ra mới biết đã hơn nửa tháng. Sở dĩ chớp nhoáng thấy thời gian nhanh là do công phu không có vọng tưởng nên thời gian trôi nhanh mà không hay, nhưng nếu còn cảm biết tức chưa quên, công phu còn non. Hễ nghi tình chơn thật thì kể cả công phu cũng không biết luôn.

Hỏi: Tại sao Kinh điển Đại thừa thường đề cập đến tâm thanh tịnh?

Đáp: Nói “tâm thanh tịnh” là đề đối trị với tán loạn, đó thuộc về Giáo môn, còn Thiền tông chỉ chú trọng chữ nghi, nếu giữ được nghi tình thì tất cả đều giải quyết, không biết đến thanh tịnh, cũng không biết đến không thanh tịnh.

Hỏi: Có phải chỗ thanh tịnh đó, trong Thiền tông gọi là hàm sâu vô minh?

Đáp: Chỗ đó là vô thị vô minh, tức nguồn gốc của nhất niệm vô minh.

Hỏi: Ngài Ca Diếp đã ngộ được cái gì trong Hội Linh Sơn khi Đức Phật đưa lên một cành hoa rồi ngài được truyền y bát?

Đáp: Nếu có ngộ được cái gì thì chẳng phải ngộ. Khi bản tâm toàn vẹn hiện lên, chẳng phải là ngộ được cái gì, chẳng phải có tâm năng kiến để kiến được Phật tánh. Rồi nói đến Chánh Biến Tri, cái biết đó cũng là cái tâm đó tự biết, chẳng phải có cái tâm khác để biết về cái này, tất cả y như cũ, không thêm bớt, không có sự tương đối.

Hỏi: Đức Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, bất kể kẻ ngu người trí, kẻ hèn người sang. Nhưng tại sao khi chư Phật chư Tổ truyền tâm ấn lại chỉ truyền cho một người mà thôi?

Đáp: Đó không phải chỉ truyền cho một người, mỗi đời kiến tánh chẳng phải chỉ có một người, chỉ là chọn một người làm tiêu chuẩn cho người đời sau. Và người đó đã ngộ triệt để; người khác cũng đã ngộ, cũng có thể ngộ triệt để, nhưng lại không bằng người này. Đến ngài Lục Tổ thì Ngũ Tổ tuyên bố sau này chấm dứt việc truyền y bát, vì e rằng dễ xảy ra sự tranh giành. Nhưng người đời sau vẫn tiếp tục sự truyền thừa, như tôi khi thọ pháp cũng đã được truyền Tổ y (Hai mươi lăm điều), chưa phải là Tổ đã được truyền y, thực tế là tự dối dối người.

Hỏi: Trước khi tham học Tổ sư thiền, con tu theo pháp môn niệm Phật; mỗi khi con bệnh, sau khi đi khám bác sĩ và uống thuốc không khỏi, con về nhà chỉ thiền số tức niệm Phật là hết, thời gian bệnh kéo dài khoảng một tuần. Từ khi con chuyển qua tham thoại đầu, những lúc con bệnh, đi khám bác sĩ và về nhà công phu mãi cũng không hết, bệnh của con kéo dài đến cả tháng, con phải bỏ công phu không dự thiền thất và trở lại dùng Thiền số tức niệm Phật thì tự nhiên nó hết. Sau khi khỏi bệnh, con cứ phân vân mãi không biết nên tiếp tục niệm Phật hay tham Tổ Sư Thiền? Con quyết định thiền số tức đến khi nào khỏi hẳn rồi mới tham thiền trở lại. Trong lúc niệm Phật, có những lúc con gặp phải phiền não và phóng tâm cũng không hay, rồi tự nhiên câu thoại đầu con tham trước đây lại khởi lên nhắc con về sự phóng tâm đó. Qua câu chuyện kể trên, xin Sư phụ từ bi chỉ dạy cách thức tham Tổ sư thiền cho con được miên mật để tham tiếp mà không trở lại câu niệm Phật nữa.

Đáp: Tổ sư thiền do Phật Thích Ca thân truyền, mục đích muốn mọi người đều được kiến tánh thành Phật, giải thoát tất cả khổ, vĩnh viễn đạt đến tự do tự tại, giải quyết triệt để vấn đề sanh tử chứ không phải dùng để trị bệnh thân. Nếu cô muốn nhờ sự tu hành để trị bệnh thì đừng nên tham Tổ sư thiền, có thể chọn phương pháp niệm Phật để trị bệnh, nhưng không giải thoát được.

Hỏi: *Vậy khi con bệnh, con dùng thiền số tức niệm Phật để trị bệnh, và khi bệnh con khỏi rồi con trở lại tham Tổ sư thiền, như thế công phu của con có bị gián đoạn không?*

Đáp: Vì cô không tin Tổ sư thiền, cũng không tin bệnh tật từ nhân quả mà ra, cho nên, tu Thiền số tức cũng không thành tựu, tu Tổ sư thiền cũng không thành tựu, chỉ uổng công tốn thì giờ. Nếu thật muốn giải thoát, Tổ dạy phải chuyên sâu vào một môn. Chuyên tu một môn chưa chắc được thành tựu, huống là nhảy qua nhảy lại! Vả lại, vì cô còn chấp thật thương tiếc thân thể này, làm sao đi đến miên mật để kiến tánh! Cô nên bỏ pháp tham thiền, nếu thấy phương pháp quán số tức hay hơn thì nên tu pháp đó, chỉ nhất môn thâm nhập mà thôi.

Hỏi: *Tham thiền lấy cái không biết để tu, vậy tham đến lúc không biết tức hay quên, phải không? Ví như những kinh điển con đọc cũng quên dần, những gì đã xem qua trước đó cũng quên dần, chính câu thoại đầu quét dần những ghi nhớ biết trước đó, phải không?*

Đáp: Mục đích tham thiền là dùng cái không biết chấm dứt hết tất cả tùy duyên biết, ghi nhớ biết, suy nghĩ biết. Chấm dứt ghi nhớ biết thì quên, cuối cùng còn cái nghi tình không biết, sau cùng nghi tình bùng nổ, cái không biết cũng tan rã, cái biết Chánh Biến Tri của Phật tánh mới hiện lên. Sự thật cái biết sẵn sàng đó chẳng phải gọi là biết, cũng chẳng phải gọi là không biết, tất cả dụng đều phải nhờ nó. Nếu thật do nghi tình miên mật, như ngài Đệ Nhàn lúc giảng kinh tự mình không hay biết đã giảng những gì, mà người nghe lại cảm thấy rất hay. Còn nếu công phu chưa đến mức, lúc biết lúc không biết thì giảng không được.

Hỏi: *Do công phu của con còn yếu kém, còn dùng ý thức để xét nét lại công việc hàng ngày. Ví dụ: Trước khi đi đâu, cần đem theo những vật dụng gì... đến nơi mới biết là đã quên không mang theo, hoặc đang tụng kinh có khi cũng quên... khiến con cảm thấy bực mình.*

Đáp: Chính những cái đó làm cho công phu bị chướng ngại không thể quên hẳn luôn. Do công phu chưa đến mức, còn ghi nhớ biết, tức ngã chấp vẫn còn to. Nếu công phu đã đến mức và ngã chấp thu đến rất nhỏ rồi sẽ không có những tình trạng này. Trong lịch sử Thiền tông kể về một vị Tăng đến tham học một vị Tổ ở trên núi, vị Tăng này dù sự ngộ đã cao, nhưng do ngã chấp còn cao, khi đến núi không đến đánh lễ và hỏi pháp, lại một mình cất một cái cốc tu. Tổ sai người đến dụ cho Tăng ấy ra ngoài và đốt luôn cả cái cốc đang ở để tuyệt đường quay về.

Lại nữa, lúc ngài Đại Huệ chưa kiến tánh, đi tham học với một bạn đồng tham, vì trong thời chiến, trên đường không yên ổn, ngài có mang theo một miếng vàng để chi tiêu. Ngài giấu miếng vàng trong nón, thỉnh thoảng phải kiểm tra xem còn hay mất, người bạn thấy ngài để tâm đến việc giấu vàng, một hôm đang đi đò giữa sông, bạn ấy thỉnh linh giựt nón của ngài thả xuống sông, lúc đầu ngài bị giật mình, lập tức ngài ngộ liền và đả tạ người bạn ấy. Nếu là người thường sẽ rất giận, vì trong lúc lánh nạn, tiền bạc là vật quý giá nhất, nhưng vì ngài biết chính cái đó đã làm chướng ngại, bị người bạn liệng đi rồi lại thấy nhẹ nhàng liền.

Ông cũng vậy, vì còn ghi nhớ nên bị chướng ngại, cũng phải suy nghĩ hoài, nhớ hoài. Bây giờ quên đem đồ đạc có sao đâu; lúc nhớ lúc quên không thành vấn đề, miễn công phu miên mật là được. Như ngài Lai Quả nói “Bạt tai thì cứ bạt tai, miễn công phu không bị bạt tai đánh mất thôi!”

Hỏi: *Kinh Pháp Hoa nói “Các pháp trùng trùng duyên khởi, khứ lai hiện tại đều có nhân quả, liên hệ chằng chịt”, vậy tại sao Đức Phật lại có tam năng và tam bất*

năng? Phật đã có thể độ tất cả chúng sanh thành Phật, lại chẳng thể độ những người không có nhân duyên với Phật Pháp? Vậy những cái không có nhân duyên đó là vĩnh viễn hay có tính cách thời gian?

Đáp: Đó chỉ có tính cách thời gian, chỉ là tạm thời thôi.

Hỏi: Thế nào là nhất niệm vô minh?

Đáp: Nay ông đang hỏi tôi, đó gọi là nhất niệm vô minh. Trong cuộc sống hàng ngày, bất kể suy nghĩ việc gì đều thuộc nhất niệm vô minh: Trong tứ oai nghi đi đứng nằm ngồi, ăn cơm mặc áo, từ niệm này qua niệm kia, ngày đêm liên tiếp chẳng ngừng, đều là dùng nhất niệm vô minh để ứng dụng trong cuộc sống. Nếu dẹp hết tất cả nhất niệm vô minh rồi là trở về vô thi vô minh, nói kiến tánh thành Phật là muốn phá tan vô thi vô minh.

Hỏi: Thế nào là trạng thái vô thi vô minh?

Đáp: Thanh thanh tịnh tịnh, trống rỗng không có gì hết, tức chẳng có một niệm nào sanh khởi, gọi là vô thi vô minh, cũng gọi là thoát đầu. Lúc kiến tánh là phá tan vô thi vô minh, chẳng sanh khởi nhất niệm vô minh nữa. Ngài Nguyệt Khê nói là “Từ chỗ tương đối đi vào quốc độ tuyệt đối”, đó chẳng phải là tiêu diệt tất cả tương đối, tất cả tương đối vẫn y như cũ, nhưng hoàn toàn biến thành tuyệt đối, chẳng có ý mình xen vào. Hễ có ý mình xen vào, đó là nhất niệm vô minh.

Hỏi: Trong Kinh Đại Niết Bàn, Đức Phật nói “Các hạnh vô thường, là pháp sanh diệt, sanh diệt diệt rồi, tịch diệt làm vui” là thế nào?

Đáp: Nói tất cả pháp, nay chúng ta nhận biết được đều là sanh diệt, tham thiền là dùng cái không biết dẹp hết tất cả biết thì sanh diệt diệt, có sanh diệt là có khổ có vui, khi sanh diệt diệt rồi thì tịch diệt hiện tiền, lúc đó không có khổ vui, ấy mới là cái vui triệt để. Nhưng lúc đó thì chẳng còn buồn khổ nữa, nên cái vui cũng chẳng phải là vui, vì không còn tương đối. Do muốn nói theo lời của thế gian, nên nói “tịch diệt làm vui”.

Hỏi: Hàng xuất gia chúng con ngày thường do bận rộn công việc, nên thường chớ khi vào ba tháng Hạ mới tu để có được tuổi hạ. Còn tham Tổ sư thiền Sư phụ bảo chúng con tu sao chẳng có tuổi hạ?

Đáp: Nếu một năm chỉ tu ba tháng là chín mươi ngày, vậy còn chín tháng kia khởi tu sao? Ngài Trung Phong nói “Bắt đầu tham Tổ sư thiền là bắt đầu kiết hạ, đến khi kiến tánh mới giải hạ”, chứ đâu phải chỉ có chín mươi ngày!

Hồi xưa sở dĩ có chín mươi ngày cấm túc, vì ở Ấn Độ là xứ nóng, do nóng bức quá nên phụ nữ ăn mặc không chỉnh tề, kể cả ở vùng nông thôn, nơi hẻo lánh, có người không mặc quần áo, bất tiện cho Tỳ-kheo đi khất thực. Lại nữa, mùa hè nóng bức, đi ra ngoài đường dễ đạp trúng các côn trùng gây sát sanh, nên Đức Phật mới chế ra ba tháng hạ để cấm túc, chứ chẳng phải là đợi kiết hạ mới tu, không kiết hạ thì chẳng tu.

Nơi tông lâm ngày đêm sáu thời công phu, ban ngày ba thời, ban đêm ba thời: bốn tiếng đồng hồ đầu đêm phải tu, bốn tiếng nửa đêm được ngủ, rồi bốn tiếng đồng hồ sau vẫn tu tiếp, tức ngày đêm chỉ cho ngủ bốn tiếng đồng hồ thôi.

Hỏi: Nói “Pháp thiền vô trụ, mà lìa niệm tướng vào chỗ trụ thiền” là lìa chỗ nào để trụ thiền? Nói “Pháp thiền vô sanh mà lìa chỗ sanh thiền” là lìa chỗ nào để sanh thiền?

Đáp: Nếu có chỗ nào để lìa thì chẳng phải Tổ sư thiền. Tổ sư thiền chẳng có sự tương đối, nay có lấy có bỏ là tương đối. Tổ sư thiền là lìa đến chỗ không có chỗ để lìa, tức

luôn cả chữ “lia” cũng không có, hễ có chỗ lia là còn có sở trụ. Lục Tổ nói “Lấy vô trụ làm gốc”, chẳng những chỉ có thiên là vô trụ, vũ trụ vạn vật đều không trụ; chẳng phải chỉ có thiên là vô sanh, vũ trụ vạn vật tất cả đều không sanh. Phật nói là vô thi, tức chẳng có sự bắt đầu.

Cái “Vô trụ” này cũng là một trong những danh từ của tâm, mà danh từ của tâm thì vô số, sở dĩ nhiều là vì sự dụng của tâm rất nhiều, thành ra tên gọi vô lượng vô biên: Do bản thể của tâm khắp không gian thời gian, chẳng có chỗ để trụ, chẳng có lúc để trụ, nên gọi là vô trụ. Do chẳng có chỗ sanh khởi, chẳng có lúc sanh khởi, nên gọi là vô sanh, (*Sư phụ giảng về các tên gọi Như Lai, Niết Bàn v... lược qua*) Dù đủ thứ tên gọi, nhưng ý vốn chẳng khác; nói “chẳng khác” chứ không phải là một, không phải là đồng. Tại sao? Vì nếu là đồng tức nhị, là tương đối với khác, phạm tất cả tương đối đều chẳng phải bản lai diện mục của tâm.

Hỏi: Con nghe Sư phụ nói có năm thứ chứng tánh: Ngoại đạo chứng tánh, Nhị thừa chứng tánh, Đại thừa chứng tánh, Như Lai chứng tánh và Bất định chứng tánh. Vậy có phải khi bất định chứng tánh gặp được minh sư dạy tham Tổ sư thiên thì sẽ tu Tổ sư thiên có kết quả?

Đáp: Phải.

Hỏi: Còn Như lai chứng tánh tức hành giả đó có chứng tánh Phật, ngoài ra ba chứng tánh kia có thể tu Tổ sư thiên được không?

Đáp: Được nhưng khó thành tựu, nếu tu theo chứng tánh của người đó dễ thành tựu hơn. Dầu sao thì cuối cùng cũng sẽ đạt đến Như Lai chứng tánh, nhưng vì trước mắt chưa tới, phải trải qua một thời gian rồi sau cùng mới tới được.

Hỏi: Vậy nếu là những người thuộc Tiểu thừa chứng tánh, hoặc Đại thừa chứng tánh, ngoại đạo chứng tánh, họ vẫn có thể tu pháp Tổ sư thiên, nhưng phải đi vòng quanh, phải vậy không?

Đáp: Vì họ đã không tin thì làm sao tu? Do đó Đức Phật phải tùy thuộc vào chứng tánh của họ mà dạy cách tu Tiểu thừa hay Trung thừa, chứ không ép buộc được. Nên Phật phải dạy pháp tu Tiểu thừa trước, đến khi họ đã chứng quả A-la-hán rồi, Phật mới quả là chưa đến đích, chỉ là hóa thành nơi nửa đường, và bảo họ bỏ hóa thành để đi đến Bảo sở.

Có người chịu nghe và có người không chịu, loại người không chịu bỏ quả A-la-hán gọi là Định tánh Thanh văn, trong kinh nói họ như người say rượu, có thứ rượu phải mất cả ngàn ngày mới có thể tỉnh rượu, khi họ tỉnh rượu rồi mới chịu bỏ Tiểu thừa đi đến Đại thừa.

Hỏi: Chúng con là Phật tử, được sự hướng dẫn của Sư phụ tu theo pháp môn tham Tổ sư thiên, chúng con sẽ nhất quyết kiến tánh thành Phật. Nhưng nếu chúng con không đủ khả năng một lúc phá được tam quan, thì phải đi tuần tự từ sơ quan, rồi trùng quan và mật hậu lao quan. Trong giai đoạn phá tam quan, chúng con đi đến sơ quan và trùng quan, nhưng chưa phá được lao quan, vừa kiến tánh nhưng chưa triệt để nên phải bảo nhiệm. Con chưa hiểu bảo nhiệm cái gì? Làm thế nào để bảo nhiệm?

Đáp: Nói kiến tánh thành Phật thì Phật đã thành sẵn, kinh Viên Giác nói “Tất cả chúng sanh đều đã thành Phật”, người nào cũng có khả năng để cho Phật tánh hiện ra, để kiến tánh thành Phật. Nếu đã hạ quyết tâm tham thiên, trước sau cũng phải hiện ra, chỉ e là không có quyết tâm mà thôi.

Nay cứ đi theo đường lối hướng dẫn, sẽ có ngày đi đến sơ quan, trùng quan và mặt hậu lao quan. Bây giờ chưa đến, muốn biết làm sao được? Ngài Lai Quả trong Thiên Thất Khai Thị Lục nói “Những gì tôi nói là chỗ hành, chứ chẳng phải chỗ thấy”, chỗ thấy đó quý vị đi đến rồi sẽ tự thấy, chưa đến chỗ làm sao thấy? Có nói được cũng vô ích, chỉ là chướng ngại.

Hỏi: Thế nào là “Thường ứng chur căn dụng, mà chẳng khởi dụng tướng, phân biệt tất cả pháp, chẳng khởi phân biệt tướng”?

Đáp: “Thường ứng chur căn dụng”, có người dịch là “chur căn thường ứng dụng” là sai. Thường ứng chur căn dụng là cái bản tâm, nó ứng dụng mà chẳng khởi dụng tướng, ví như cảm giác của lớp da khắp không gian thời gian của cơ thể này, chúng ta không khởi tướng nó cũng đang dùng, khởi tướng nó cũng đang dùng, tiếp xúc nó cũng biết là có tiếp xúc, không tiếp xúc nó cũng biết là không tiếp xúc, đau nó biết là đau, không đau nó cũng biết là không đau... nó luôn luôn có cảm giác, cái cảm giác đó sẵn sàng, không bị tiêu mất, gọi là thường ứng, tức luôn luôn sẵn sàng, ứng dụng không gián đoạn.

Lục căn thấy, nghe, ngửi, nếm... chẳng phải là có sáu người, nó thường dùng mà chẳng khởi dụng tướng. Ví như sự biết của lớp da nói trên, chúng ta tưởng là khi có tiếp xúc nó mới là dùng, nhưng không tiếp xúc nó cũng đang dùng vậy, nếu không thì làm sao biết là không tiếp xúc!

Hỏi: Trong cái dụng đó có sự cảm thọ không?

Đáp: Có, như cảm thọ nóng biết nóng, cảm thọ không nóng biết là không nóng.

Hỏi: Nếu cảm thọ sự vui hay khổ thì chính sự cảm thọ đó làm cho con người khổ, phải vậy không?

Đáp: Tại khởi tướng mới có khổ vui, nếu không khởi tướng thì không có, nên nói là “chẳng khởi dụng tướng”.

Do bản tánh đó đang dùng mà không khởi dụng tướng, nhưng chúng ta khi dùng có khởi lên dụng tướng, nên có khổ vui, đủ thứ cảm giác. Nếu chẳng có dụng tướng thì vốn chẳng khác, tức có phân biệt là thức, chẳng phân biệt là trí.

Thường ứng chur căn dụng, mà chẳng khởi dụng tướng: Chẳng phải không thấy không nghe, là thấy cũng như không thấy, nghe cũng như không nghe: Thấy như không thấy thì không phân biệt xấu đẹp, nghe như không nghe thì không phân biệt khen chê. Hễ có phân biệt, khi khen thì mừng, chê thì buồn.

Phân biệt tất cả pháp, chẳng khởi phân biệt tướng: Chẳng phải không biết cái tách này là nước, chén kia là cơm, nhưng không khởi phân biệt nước đục hay nước trong, cơm ngon hay cơm dở... cho nên tôi thường nói: Phật Pháp ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày vậy.

Hỏi: Nghe Sư phụ giảng hình như dễ, nhưng ứng dụng trong thực tế của cuộc sống thì rất khó.

Đáp: Phải, đó là do tập khí từ vô thủy, từ lâu đời đã thành thói quen, gặp cái gì cũng muốn phân biệt, không phân biệt không được. Cho nên, bất cứ cách tu nào đều muốn chúng ta dứt trừ tập khí phiền não, gọi đó là tập lậu, là hữu lậu, như bình nước bị chảy, đến khi nào không chảy nữa thì gọi là vô lậu.

Hỏi: Thiền sư Liễu Quán, Đồi thứ 35 Tông Lâm Tế ở Việt Nam tịch vào năm 1743, trước được Hòa thượng Tử Dung dạy tham câu “Muôn pháp về một, một về

chỗ nào”, sau xem Truyền Đăng Lục đến câu “Dĩ vật truyền tâm nhân bất hội xứ” được tỏ ngộ. Sau nhờ Hòa thượng Tử Dung ấn chứng, Hòa thượng hỏi: Tổ Tổ truyền nhau, Phật Phật trao nhau, chẳng biết truyền cái gì?

Sư đáp: Búp măng trên đá dài một trượng, phát tử lông rùa nặng ba cân.

Hòa thượng hỏi tiếp: Thuyền chèo trên núi cao, ngựa đua dưới đáy bể?

Sư đáp: Chiết giác nê ngưu triệt dạ hồng, một huyền cầm tử tân nhật đàn. (Gãy sừng trâu đất rồng suốt đêm, dây đứt đàn cầm trọn ngày gầy).

Hòa thượng vui mừng ấn khả.

Xin hỏi, với những câu nói vô nghĩa này, Hòa thượng ấn khả cái gì?

Đáp: Những lời đáp ấy đều là những lời chuyển ngữ, lời mà không có sở trụ, người chưa ngộ nói ra không được.

Hỏi: Xin Sư phụ kể qua về qui củ của Tông lâm?

Đáp: Trong tông lâm, tất cả đều là của chúng, chẳng phải của cá nhân nào cả. Khi ngài Hư Vân đến chùa nhận chức Trụ trì, cũng như làm quản lý không ăn lương mà thôi, chứ chẳng phải đó là tài sản của Ngài vậy.

Đối với tất cả mọi người trong tông lâm, gọi là “phổ thỉnh”, phổ là phổ biến, ví như muốn đi cuộc đất thì phổ thỉnh, ai cũng phải đi; muốn làm việc gì thì tất cả cùng làm, ngoại trừ những vị chức sự đang làm công việc thì khỏi.

Lúc ngài Bá Trượng làm Trụ trì, tự mình vác cuốc đi trước, mọi người thấy ngài đã lớn tuổi, hàng ngày lại phải thuyết pháp, khuyên ngài nên để lại cho người trẻ làm, ngài không chịu, lần nào ra làm đều dẫn đầu đi trước. Mọi người đem giấu cây cuốc của Ngài, Ngài không tìm được cây cuốc, bèn nói “Hôm nay ta không làm thì hôm nay ta không ăn”. Nên có câu “một ngày không làm, một ngày không ăn”. Ấy là mô phạm ở Tông lâm.

Hỏi: Bây giờ muốn mở Tông lâm phải làm gì?

Đáp: Tông lâm là của đại chúng, cũng như chùa chiền là do Đàn na tín thí gom góp tiền bạc xây dựng, nếu lợi dụng lòng thành kính của Phật tử cất lên ngôi chùa, rồi tự mình làm chủ, cho là “chùa này của tôi, tất cả tài sản là của tôi” cũng được, nhưng sau khi chết phải trả nợ cho thí chủ, ấy là nhân quả.

Hỏi: Thế nào là “Thiên thượng thiên hạ vô như Phật, Thập phương thế giới diệc vô tỷ”?

Đáp: Là hiển bày nghĩa bất nhị, chẳng có cái nào bằng Phật. Chữ Phật ở đây là giác ngộ, chứ chẳng phải là một vị thần linh. Mười phương chỉ về không gian, tam thế chỉ thời gian, ý nói khắp không gian thời gian cũng chẳng có cái gì sánh bằng sự giác ngộ. Giác ngộ mới được giải thoát tất cả khổ, không bao giờ trở lại nữa.

Hỏi: Thế nào là năng lễ sở lễ tánh không tịch?

Đáp: Khi chúng ta lễ Phật, cái thân này là năng lễ, Phật là sở lễ. Đức Phật nói vũ trụ vạn vật đều không có tự tánh, tức là không thật; năng lễ cũng không thật, sở lễ cũng không thật. Tại sao nói Phật cũng không thật? Vì chữ Phật chỉ là nghĩa giác ngộ mà thôi, do có mê mới có giác ngộ, nếu không mê thì giác ngộ cũng không. Do chấp thật mới thành mê, nếu chẳng chấp thật thì không mê cũng không ngộ, kể cả thân này cũng do mê chấp thành có. Cho nên, mê ngộ tánh vốn không tịch, tức không có tự tánh, nên nói tánh không tịch.

Hỏi: Sư phụ nói “tiểu nghi tiểu ngộ, đại nghi đại ngộ”, tại sao lại phân biệt tiểu nghi và đại nghi? Đã ngộ rồi tại sao lại phân biệt tiểu ngộ và đại ngộ? Chẳng lẽ sự ngộ cũng có cấp bậc?

Đáp: Theo ngài Lai Quả, nay chúng ta tham thoại đầu, là đang trên đường đi ý thức: Ý thức có hai mặt, một mặt biết và một mặt không biết. Tu theo mặt biết là Như Lai Thiên, nay chúng ta tu Tổ Sư Thiên là mặt không biết. Bây giờ chưa đến thoại đầu, đang đi ở giữa đường, khi nào đến thoại đầu rồi thì đường đi ý thức hết, chỗ này gọi là vô thi vô minh, cũng gọi là đầu sào trăm thước, là nguồn gốc của ý thức, mặc dù thanh thanh tịnh tịnh, nhưng chưa phải kiến tánh.

Từ chỗ đầu sào trăm thước tiến thêm một bước, lia khỏi ý thức là kiến tánh, ngài Lai Quả ví dụ: Từ đầu sào trăm thước tiến thêm một bước là lọt vào hư không, phải té xuống và phải té cho chết. Theo thuật ngữ Thiền tông gọi là “Tuyệt hậu tái tổ”, tức sau khi chết sống lại. Có hai tình trạng: một là tiểu tử tiểu hoạt, hai là đại tử đại hoạt.

Tại sao chết cũng có tiểu tử và đại tử? Vì tiểu tử tiểu hoạt còn có cái xác, đại tử đại hoạt thì luôn cả cái xác cũng không còn. Vậy cái xác là gì? Ấy là cảnh giới ngộ: Tiểu ngộ còn ôm cảnh giới ngộ, tức phá được ngũ uẩn ngã, nhưng còn ôm Niết bàn ngã, cho là có ta để ngộ. Đại tử đại hoạt chẳng còn ta nữa, chẳng có ai ngộ, nên nói “Ngộ rồi đồng như chưa ngộ”. Có ngộ tức còn mê, khi hết mê thì hết ngộ.

Hỏi: Khi chưa gặp Sư phụ, con hành pháp môn niệm Phật rất nhiều, bất cứ đi đứng nằm ngồi con cũng niệm Phật cả, rồi sau đó con làm mọi việc cũng hay quên, đến nỗi một lần vào nửa đêm con thức giấc, bên tai con có tiếng niệm Phật, ngoài ra có nhiều hiện tượng khác con không tiện kể ra. Xin Sư phụ từ bi khai thị cho con?

Đáp: Niệm Phật đến mức quên là điều tốt, nếu muốn tham Tổ Sư Thiên, có thể tham câu “Niệm Phật là ai”. Tôi thường không cho người ta tham câu “Niệm Phật là ai” vì thấy không thích hợp, nhưng nếu niệm Phật đến cảnh giới này thì có thể tham câu này cũng được.

Hỏi: Con nghe Sư phụ dạy không được tìm hiểu biết, ghi nhớ biết, suy nghĩ biết. Vậy con thỉnh kinh sách của Sư phụ dịch về xem, có thêm cái biết nữa không?

Đáp: Tôi đã thường nói là tôi không phải muốn cho người ta hiểu biết thêm nghĩa lý cao siêu, nếu cảm thấy lòng tin tự tâm chưa đầy đủ, chưa đến 100% mới cần xem kinh, hỏi pháp để tôi giải đáp khiến tăng thêm lòng tin, vì không đủ lòng tin thì không hy vọng kiến tánh. Nếu đã tin tự tâm 100% thì không cần xem, cứ thực hành tham thiền là được.

Hỏi: Tại sao hành giả tham thiền phải khắc sâu chữ Tử trên trán?

Đáp: Ai bảo? Cái cần nhớ là nghi tình để cho miên mật, khi nào khởi nghi tình không được mới tạm ngưng để nhớ đến việc sanh tử, chứ không phải là cứ nhớ chữ Tử hoài.

Hỏi: Kính hỏi Hòa thượng, cái phước có ai bán đâu mà mua! Người ta có tiền mua vàng bạc, nhà lầu xe hơi, nhưng cái phước thì mua làm sao được? Tại sao tôi đã sống chừng nấy tuổi, đã làm phước giúp người lại bị trả oán? Con người ai ai chẳng đầu đen máu đỏ? Hòa thượng thử nghĩ, nếu tôi không có tâm Phật thì không thể sống đến ngày nay, vì trải qua nhiều sóng gió, nhưng nay làm ơn bị trả oán, tôi xin Hòa thượng giải tỏa nỗi ức trong lòng, khai thị làm thế nào để tôi được người dạ mà không phải xảy ra việc đổ máu, khiến người thì phải nằm nhà thương, người thì đi tù?

Đáp Có một ông làm quan đến Thừa tướng, hỏi một vị Thiền sư: Ăn thịt phải hay không ăn thịt phải?

Thiền sư đáp: Ăn thịt là cái lộc của ông, không ăn thịt là cái phước của ông.

Ông biết tại sao không ăn thịt lại là cái phước không? Vì không gieo ác nhân thì không chiêu ác quả, chẳng ăn cá thịt thì không bị người khác ăn lại. Về cái lộc, hễ trước kia có gieo nhân thì nay được hưởng lộc làm quan, nhưng trong lúc hưởng lộc, có thể vì cái lộc mà tạo thêm nghiệp sát sanh và sau này phải trả nợ thịt nợ mạng, đó là việc nhân quả.

Đối với tuổi thọ, nếu làm lành sống thọ là tốt, làm ác sống thọ là để chịu khổ chứ chẳng phải để hưởng phước. Ví như cõi Trời sống thọ chừng nào hưởng phước chừng nấy, còn ở Nga quý, Địa ngục thì càng sống dai chừng nào là tội nhiều chừng nấy, càng chịu khổ nhiều chừng nấy. Nay nếu muốn dứt khổ thì đừng làm cho chúng sanh khổ nữa, nếu vì bản thân mà giết hại chúng sanh, ăn thịt chúng sanh, làm sao giải thoát cái khổ được?

- Cảm ơn Hòa thượng.

[16] 05/04/95–11/04/95 tại Chùa Từ Ân, Quận 11.

Hỏi: Ánh chớp phương nam sẹt lông mày, chập chùng cây lá rã tan ngay, trời đất sanh tử buông tay thẳng, bản lai mặt mũi chẳng khác mày.

Đáp: Ý thầy muốn hỏi gì?

- *Sanh tử bản lai không.*

- Bài kệ trên có phải do thầy làm không?

- *Chính là con.*

- Nếu do thầy làm, hãy tham thêm ba mươi năm rồi mới trình lại.

Gọi là “kiến tánh thành Phật”, là tự tánh (*tâm linh mình*) toàn vẹn hiện ra khắp không gian thời gian; nói “khắp không gian thời gian” cũng chỉ là phương tiện mà thôi. Nếu nói theo tự tánh bất nhị thì không gian thời gian tức tâm mình, tâm mình tức không gian thời gian, chẳng những như thế, tất cả ở trong không gian thời gian đó cũng là tâm mình. Đã vậy thì làm sao còn có kiến giải để nói! Bởi vì hễ có cái gì để trình tức chẳng phải rồi!

Tôi kể một câu chuyện: Một vị Tăng đi cùng một vị Thị giả đã kiến tánh, vị Tăng ấy cũng tự cho mình đã kiến tánh, nhưng qua cách nói chuyện, Thị giả biết vị này chưa kiến tánh, mà vị Tăng lại không phục thị giả. Dọc đường lên núi, Thị giả lượm một miếng đá để trên tảng đá, bảo Tăng ấy hãy nói ra một lời chuyển ngữ. Tăng chùng chừ suy nghĩ, Thị giả nói: Như vậy là không phải rồi.

Lúc đó vị Tăng mới chịu công phu thêm.

Tôi chưa kiến tánh, mà quý vị đến hỏi tôi còn không cần suy nghĩ. Các vị Tổ sau khi kiến tánh thường làm ra bài kệ, nhưng không nhất thiết, không làm cũng được, cũng không cần ai biết. Nay nhiều người xem ngữ lục của chư Tổ rồi muốn bắt chước, cũng làm bài kệ cho là mình kiến tánh, ấy là hiểu theo lời nói vắn tắt, thời xưa chư Tổ hay mắng là “Ăn phần của người khác, chẳng phải con chó tốt”, ý nói bắt chước không được, đó là của người khác. Hễ ngộ là ngộ tâm của mình, tâm mình như hư không, vốn chẳng có gì, nay đặt ra một nghĩa lý, cho đó là nghĩa lý cao siêu, có nghĩa lý đã chẳng phải bản tâm rồi.

Hỏi: Trong hàng Phật tử có những vị phát tâm trì Ngũ, tức sau giờ Ngũ không dùng thức ăn đặc, chỉ dùng chất lỏng như sữa, nước cháo, nước trái cây v... Vậy trì Ngũ có cần thiết đối với hàng cư sĩ chúng con không? Trì Ngũ có lợi ích gì? Sau giờ Ngũ chỉ được uống nước hay có thể dùng những thức ăn lỏng nói trên?

Đáp: Theo giới luật nhà Phật, trì Ngũ chỉ đối với hàng Tu sĩ; đã thọ giới Sa-di, một trong mười điều giới là không ăn phi thời, tức từ lúc mặt trời đứng bóng cho đến rạng đông là không ăn, chứ Phật không yêu cầu cư sĩ phải trì Ngũ.

Lại nữa, giới Thọ bát cũng là dành cho Tu sĩ, sở dĩ tổ chức Thọ bát quan trai, là muốn cho cư sĩ học tập cuộc sống của Tu sĩ trong một ngày đêm. Do đó, trong mười giới thọ bát quan trai của cư sĩ, có chín điều chỉ giới hạn trong một ngày đêm, đến giờ không cần xả giới, nó tự xả.

Còn nói cư sĩ thọ Bồ tát giới, hàng tháng có sáu ngày là không ăn phi thời, điều đó không quan trọng, vì cư sĩ phải làm việc thế gian, đói bụng thì làm không nổi, nhất là ở xứ lạnh, nên có thể xả giới trì Ngũ và được ăn sau khi đã báo cho một người khác.

Hỏi: Trước khi Sư phụ ra hoàng pháp Tổ sư thiền này, chúng con chỉ biết cách dụng công tham thiền qua cuốn Yếu Chỉ Tham Thiền của ngài Hư Vân do Hòa thượng Thanh Từ dịch. Theo ngài Hư Vân thì đề một câu thoại đầu lên, phát ra nghi tình, rồi nghi tình dần dần yếu đi, lúc sắp tắt lại đề lên một câu nữa.

Vào cuối năm 1981, con gặp Sư phụ dạy cách tham như sau: Đề khởi câu thoại, không hiểu không biết rồi cứ hỏi nữa, hỏi mãi như thế. Con thấy cách dụng công như vậy rất hữu ích, vì luôn giữ được nghi tình ở mức độ cao.

Đến cuối năm 1984- 1985, ở Chùa Huệ Quang, thỉnh thoảng Sư phụ nhắc đến vấn đề “khán và nhìn vào chỗ tối tăm mờ昧”, con vẫn cứ đề câu thoại đầu liên tục, chỉ khi nào nhưc đầu, không khỏe mới đề chậm chậm, chứ không để ý đến việc “khán thoại đầu”.

Gần đây, theo con được biết, vì nhiều người đã nhầm lẫn chấp vào câu thoại, “khán câu thoại” chứ chẳng phải khán thoại đầu, nên Sư phụ thường nhấn mạnh phải “khán thoại đầu”, tức chỗ “trước khi có câu thoại”, không phải tham câu thoại, vì câu thoại chỉ là phương tiện để công phu mà thôi. Lại nữa, Sư phụ cũng nói nhiều về “chiếu cố thoại đầu” và “nhìn vào chỗ tối tăm mờ昧”. Bạch Sư phụ, ngay từ những ngày đầu tiên thọ pháp Sư phụ, chúng con chỉ biết giữ nghi tình, con biết nghi tình chưa phải là đầu câu thoại, vậy chỗ mà Sư phụ nói “tối tăm mờ昧” đó, có phải là nghi tình không?

Đáp: Chư Tổ căn chúng ta công phu miên mật chứ không cần ra sức cố gắng, nếu đề câu thoại đầu rồi cách một khoảng thời gian mới hỏi nữa thì có kẻ hở, vọng tưởng sẽ từ đó nổi lên, nên phải hỏi tới mãi, giữ cho miên mật.

Khán thoại đầu và chiếu cố thoại đầu là một nghĩa, chiếu cố cũng là nhìn, nhưng vì nhìn thì khó hơn, có người không nhìn được, nếu hỏi thì dễ hơn. Nói là nhìn vào chỗ tối tăm mờ昧 cũng không đúng, nhưng vì mọi người không biết nhìn thoại đầu là nhìn vào chỗ nào, nên phải nhắm mắt lại, tạm mượn chỗ đen tối để nhìn, đến khi nhìn được rồi thì khỏi cần nhìn vào chỗ đen tối nữa. Tôi thường thí dụ như tập đi xe đạp, lúc đầu tập phải nhờ người khác vịn, đẩy, khi đi được rồi thì không cần nữa.

Chùa Cao Môn là Tổ đình của Thiền tông, ngài Lai Quả ở đó cũng đã mấy mươi năm. Khi tôi đến đó vào năm 1992, mọi người nói với tôi rằng: Khi đề khởi câu thoại đầu hỏi tới, nghi tình không kéo dài, vừa hỏi xong là mất, chẳng thể thành khối.

Tôi nói: Phải chiếu cố câu thoại đầu mới được. Chiếu cố tức là nhìn.

Mọi người nghe theo và nhìn vào thoại đầu thì nghi tình được kéo dài hơn. Sự thật cho tôi thấy, đại chúng ở đó luôn có sự thay đổi: lớp thì mới đến rồi lớp cũ ra đi, kể cả vị Duy na quản chúng ở chùa cũng bỏ đi. Bởi do hàng ngày ở đó chỉ có khai thị mà không cho chúng hỏi, chúng có hiểu lời khai thị hay không cũng chẳng biết, Đối với pháp môn này, cách thực hành như thế nào phải cho người ta hỏi, hiểu rồi mới có lòng tin, nhất là lòng tin tự tâm.

Rồi sợ mọi người nghe chán lại kể qua công án, chính ngài Lai Quả không cho kể công án, không cho giải thích công án, e đánh mất sự nghi. Nhiều người ngồi ở đó ngủ gục, và có năm – mười người thường ở ngoài không vào, thầy Trụ trì là Hòa thượng Đức Lâm chỉ chăm lo việc xây cất chùa. Thầy năm nay đã hơn tám mươi tuổi, lúc trước tu học theo tông Thiên Thai, có tặng cho tôi mấy lời của Thiên Thai về không, giả, trung... nói đến lịch sử Thiền tông thì chưa từng xem một chữ.

Khi tôi đến hỏi thăm, Thầy đem giáo lý ra giải thích, thật ra Tổ Sư Thiền đâu cho đem giáo lý vào? Ngài Lai Quả đã quả “Các người chứa đầy bụng kinh Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm... ở đây một chữ cũng xài không được!” Nay thầy Trụ trì lại giải theo Giáo môn thì sự thật đã nghịch với Thiền môn rồi, nhưng tôi làm sao nói được! Trước tình hình này, tôi chỉ biết lo tự tu thôi.

Hỏi: Như vậy chỗ đen tối mà Sư phụ nói đó không phải là nghi tình?

Đáp: Bây giờ nói tham thoại đầu, khán thoại đầu, nhưng sự thật cách thoại đầu còn xa lắm, phải nhờ đến cái hỏi, hỏi câu thoại đã là thoại vĩ rồi. Phải hỏi để kích thích cái không biết tức nghi tình, nhờ nghi tình đưa mình đến thoại đầu. Cho nên phải vừa hỏi vừa nhìn, nhìn vào chỗ không biết đó, muốn biết mà biết không nổi, chứ chẳng phải hoàn toàn không biết. Nếu không nhấn mạnh cái nhìn, chỉ hỏi không là không được.

Hỏi: Vậy chúng con phải nhìn vào chỗ nào?

Đáp: Vì không có chỗ nên nói nhắm mắt thấy đen tối, ví như mở mắt thấy biết đủ thứ, nhắm mắt thì không thấy, không thấy nên không biết, chỉ thấy đen tối. Nói “đen tối” là dùng để thay thế cái không hiểu không biết, chứ chẳng phải mục đích là nhìn đen tối. Nếu nhìn được chỗ không biết rồi hãy bỏ cái đen tối đó đi.

Một vị trình công phu: Kính bạch Sư phụ, khắp trời khắp đất sao lại có chỗ để lay?

Đáp: Cái gì khắp trời khắp đất?

- Tự tánh.

- Tự tánh đã chẳng có, lấy gì để khắp? Phải mâu thuẫn không? Bộ não của con người, nếu nói theo lời thế gian gọi là “tự làm tài khôn”, nó đặt ra đủ thứ nghĩa lý, cho là như vậy mới đúng, như thế không đúng; rồi có người nghiên cứu đi sâu, cho là đúng với không đúng đều chẳng có... tất cả đều là ý của mình, đều là tạo tác của bộ não.

Còn tâm linh của chúng sanh chẳng có sản phẩm, chẳng sanh ra cái gì, cũng chẳng tiêu diệt cái gì, tất cả vật chất đều không sanh không diệt, không tăng không giảm, đó cũng là nghĩa vô thi vô sanh của nhà Phật, nên người chúng quả gọi là ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhãn.

Pháp đã vô sanh thì có nghĩa lý gì để nói nữa? Có thể nói được đều là sản phẩm của bộ não; bất cứ cho là cái gì, cho là “có tự tánh” hay “chẳng có tự tánh”; cho là “khắp trời khắp đất” hay “chẳng khắp trời khắp đất”... đều là tương đối.

Tâm linh của mình, nhà khoa học gọi là năng lượng, vì tất cả sức lực, năng lượng đều trong tâm linh mọi người sẵn có, nên Đức Phật nói “Nhất thiết duy tâm tạo”. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói rõ hơn “Chẳng phải phước động, chẳng phải gió động, là tâm của ông động”. Do tâm động mới có gió động, tâm động mới có phước động... nhưng tất cả đều là lời nói, miễn cưỡng nói như thế, kỳ thật tâm chẳng có động; hễ có động tức có biến đổi, nên kinh Hoa Nghiêm nói “Chơn như bất động”. Chẳng có biến động mới tồn tại vĩnh viễn, không thêm không bớt.

Hỏi: Tham thiền với Đệ nhất niệm là Chơn không, đệ nhị niệm là Diệu hữu của kinh Bát Nhã có tương ứng không?

Đáp: Không. Tham thiền là trước khi chưa nổi niệm mới gọi là thoại đầu, nếu có đệ nhất niệm, đệ nhị niệm là nhất niệm vô minh, làm sao tương ứng được?

Hỏi: Vây trực giác có thể tương ứng với Bát nhã không?

Đáp: Trực giác cũng là sản phẩm của bộ não, cũng thuộc về nhất niệm vô minh.

Hỏi: Con thấy quý Thầy thường nói “Tu pháp môn Tịnh độ niệm Phật là đệ nhất”, sau nữa là “Tu pháp môn Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo là đệ nhất”. Nhưng hôm nay đến đây, Hòa thượng dạy chúng con tham thiền, con vẫn biết là so với pháp tham thiền quán tưởng thì pháp nào cũng thua. Vây trong ba pháp môn, Hòa thượng cho con tu pháp môn nào?

Đáp: Phật Thích Ca không phải chỉ thuyết ba pháp môn, mà tám mươi bốn ngàn pháp môn là tùy theo căn cơ trình độ của mọi chúng sanh, chọn một pháp môn nào thích hợp. Đức Phật cũng chẳng chỉ định người nào phải tu pháp môn gì. Tôi còn chẳng phải Phật, làm sao có thể chỉ định cho cô?

Trong kinh Lăng Già, Đức Phật có nói đến năm thứ chủng tánh: Thanh văn chủng tánh, Duyên giác chủng tánh, Bồ tát chủng tánh cũng gọi là Như Lai chủng tánh, ngoại đạo chủng tánh và bất định chủng tánh. Nếu thuộc Thanh văn chủng tánh thì thích hợp tu Tiểu thừa, thuộc Duyên giác chủng tánh thích hợp tu Trung thừa, thuộc Bồ tát chủng tánh thích hợp tu Đại thừa. Ngoại đạo chủng tánh chẳng thể giải thoát, vì ngã chấp quá nặng, dẫu có tu cũng chỉ thành tà ma ngoại đạo, còn bất định chủng tánh thì không nhất định; gặp Tiểu thừa thành Thanh văn, gặp Trung thừa thành Duyên Giác, gặp Đại thừa thành Bồ tát, tùy theo cơ duyên, nên gọi bất định chủng tánh.

Tham Tổ sư thiền thuộc Tối thượng thừa, không nằm trong tam thừa đó. Lại nữa, Tổ sư thiền chẳng có quán tưởng, chẳng năng quán sở quán, chỉ chú trọng một chữ Nghi thôi, chẳng phải thiền quán tưởng. Quán tưởng thuộc giáo môn, cho đến ngoại đạo cũng có thiền quán tưởng.

Hỏi: Nghĩa Chơn không Diệu hữu như thế nào?

Đáp: Chơn không Diệu hữu thuộc Giáo môn, Diệu thì chẳng phải Hữu, nếu cái Không là chơn thì chẳng có hữu hay vô, ấy là tương đối. Còn Thiền môn thì hữu và vô không dính dáng.

Hỏi: Phải từ cái Có sau đó mới thành cái Không, nếu tự nhiên nói là không thì điều đó rất phi lý.

Đáp: Trong kinh Đại Niết Bàn, Phật có giải thích về vấn đề này. Kinh Lăng Già nói “Lìa tứ cú, tuyệt bách phi”, phạm có tương đối đều lọt vào tứ cú. Nguồn gốc của tứ cú là Hữu và Vô, tất cả tư tưởng đều bắt nguồn từ đó. Trong kinh Pháp Bảo Đàn nói đến 62 kiến chấp, thế nào là 62?

Tứ ngũ uẩn x tứ cú = 20,
20 x tam thế (*Quá khứ, hiện tại, vị lai*) = 60.
Cộng thêm nguồn gốc Hữu và Vô = 62

Bất cứ chấp vào cái gì đều nằm trong phạm vi 62 kiến chấp này. Thế nào là ngũ uẩn x tứ cú? Tức sắc, thọ tướng, hành, thức nhân với hữu, vô, chẳng hữu chẳng vô, cũng hữu cũng vô. Hễ chấp thật cái sắc là hữu thì lọt vào cú thứ nhất, chấp sắc là vô thì lọt vào cú thứ nhì, chấp sắc là chẳng hữu chẳng vô, lọt vào cú thứ ba, chấp sắc là cũng hữu cũng vô, lọt vào cú thứ tư. Hoặc chấp quá khứ có, hiện tại không v v... đã gọi là chấp thì chẳng có thật.

Hỏi: Con từ Phan Rang vào đây dự Thiền thất đã bốn ngày mà không quên được sáu chữ “Nam mô A Di Đà Phật”, vậy làm sao tham thoại đầu cho dễ dàng. Xin Sư phụ từ bi khai thị?

Đáp: Cô niệm Phật đã bao lâu?

- Dạ thưa tám năm.

- Ngày đêm không quên, phải không?

- Dạ.

- Lúc ngủ mê có quên không?

- Dạ quên.

- Nếu ngủ mê vẫn không quên thì có thể tham câu “Niệm Phật là ai”. Vậy cô chọn câu nào?

- Dạ thưa câu “Khi chưa có trời đất ta là cái gì?”

- Khi có trời có đất thì có cô tại đây, khi chưa có trời đất cô là cái gì? Biết không?

- Dạ thưa không biết.

- Thì cái không biết đó gọi là nghi tình, cứ nhìn vào chỗ không biết đó để tham. Nhưng do thói quen từ trước đã niệm Phật, còn tham thiền là mới lạ, cái nào quen thì thắng, lạ là thua, nên câu danh hiệu Phật nổi lên hoài. Bây giờ phải tập cho cái lạ thành quen, cái quen kia thành lạ chẳng phải một hai ngày là được, phải tập một tháng, hai tháng... lâu ngày rồi, như ngài Lai Quả nói “Cái lạ đó quen được một ngày thì cái quen kia cũng lạ đi một ngày”, cái lạ đó tăng thêm thì cái quen kia giảm bớt, dần dần sáu chữ không nổi lên nữa. Nay dù có nổi lên cũng mặc kệ nó, cứ nhìn và hỏi, đừng gián đoạn, lâu ngày rồi sẽ từ lạ thành quen.

Hỏi: Thấy nghe hiểu biết là tánh hay là tâm?

Đáp: Chẳng phải tánh cũng chẳng phải tâm, là vọng. Kinh Duy Ma Cật nói “Nếu hành theo kiến văn giác tri, ấy là kiến văn giác tri, chẳng phải cầu pháp”. Tất cả Phật Pháp đều muốn hiển bày cái tâm, nói tự tánh cũng là cái tâm.

Hỏi: Có một vị hành giả tham thiền lỡ bị tẩu hỏa nhập ma, làm mất bốn tâm, vậy trong kiếp sau được làm người, có bị tiếp tục mất bốn tâm không?

Đáp: Do không phải tham Tổ sư thiền, không đi đúng cách thực hành nên mới có những việc đó, nếu thật tham Tổ sư thiền thì không bị tẩu hỏa nhập ma. Tại sao? Vì trong mười điều kiện tham Tổ sư thiền, điều đầu tiên là phá ngã chấp, vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ. Sở dĩ tẩu hỏa nhập ma là vì muốn cầu muốn đắc nên có sở sợ, ma mới có thể thừa dịp mà nhập. Nếu không có Ta thì ma nhập vào đâu?

Hỏi: Vậy làm thế nào hàng phục?

Đáp: Khởi cần hàng phục, chỉ là nhìn và hỏi, giữ nghi tình mà thôi.

Hỏi: Không hàng phục làm sao sống?

Đáp: Ăn cơm thì sống. Cứ đói thì ăn, buồn ngủ thì ngủ, đâu cần hàng phục! Có một người hỏi một vị Thiên sư: Ông tu cách nào để đạt đến kiến tánh?

- Đói thì ăn, mệt thì ngủ.

- Thế là tôi cũng tu vậy! Tôi cũng đói ăn mệt ngủ.

- Không phải.

- Tại sao không phải?

- Tôi ăn cơm chỉ là ăn cơm, còn ông thì không chịu ăn cơm, cứ chê lên chê xuống, thứ này ngon thứ kia không ngon; tôi buồn ngủ chỉ là ngủ, còn ông thì không chịu ngủ, trăm điều suy nghĩ, cái này cái kia...

Hỏi: Phật Pháp có lia thể gian pháp không?

Đáp: Phật Pháp bất nhị, nếu có lia thể gian pháp là nhị, như tôi thường nói tâm linh của mình là hư không, thể gian có ở ngoài hư không đâu mà lia!

Hỏi: Vậy là không lia cũng không bỏ?

Đáp: Chẳng lấy chẳng bỏ. Tức là không tự lấy vọng tưởng của mình xen vào. Tôi kể qua một công án của Thiên tông:

Ở Trung Quốc, Tông lâm là nơi tu hành của mười phương, Trụ trì do chính quyền mời về, thường là người đã kiến tánh. Tỉnh trưởng có quyền mời Trụ trì, cũng có quyền thôi Trụ trì, nhưng đã mời Trụ trì rồi, việc trong chùa do Trụ trì chịu trách nhiệm, dù là Tỉnh trưởng cũng không được can thiệp.

Một ngày kia, ông Tỉnh trưởng đi dạo trên núi, đến một cái đình dành cho mọi người dừng chân nghỉ mát, gọi là “Đàm không đình”. Gặp ngài Trụ trì, Tỉnh trưởng hỏi: Thế nào là Đàm Không Đình?

- Thì Đàm không đình là Đàm không đình.

Tỉnh trưởng không chịu, rồi đi hỏi một Tu sĩ chưa kiến tánh, vị đó đáp: Chỉ nghe đình thuyết pháp, đâu cần miệng đàm không!

Do vị này chưa kiến tánh, tự xen vào ý mình để đặt ra cái lý, Tỉnh trưởng nghe có lý, mừng rỡ lại khen vị này cho là hay, liền thôi chức vị Trụ trì kia, mời vị ấy lên làm Trụ trì.

Tư tưởng ở ngoài thể gian hiện nay ai cũng vậy, bậc Thánh chỉ có thể lưu bố tướng, không sanh ra trước tướng, còn người chưa kiến tánh thì sanh ra trước tướng.

Hỏi: Những người sống trong pháp thể gian, lại tự cho mình là Bồ tát học Phật, nên bác bỏ thể gian pháp?

Đáp: Trong giới luật của Tu sĩ, Tỳ-kheo cũng như Tỳ-kheo-ni, chưa chứng nói chứng, chưa đắc nói đắc, gọi là đại vọng ngữ. Ví như chưa chứng quả Bồ tát mà tự nói mình đã chứng quả, là tội Ba-la-di, đọa địa ngục chín triệu năm. Chẳng những tội địa ngục chín triệu năm, còn là tử hình; tử hình không phải xử tử, chỉ là kiếp này mất đi thân phận Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, muốn trở lại phải đợi kiếp sau. Còn nếu chỉ lừa gạt nói dối là tiểu vọng ngữ, tội nhẹ hơn.

Hỏi: *Cách đây vài hôm, khi con đang công phu, tự nhiên vọng thức nổi lên, con nhìn ngay chỗ vọng thức nổi mà kèm chế không được. Trải qua thời gian khoảng một tiếng rưỡi, từ từ vọng thức lắng xuống rồi mất, lúc đó con không biết có bị lạc thiền hay không, dần dần tất cả tan biến, ngã, pháp, vũ trụ đều tan biến, con chẳng còn biết gì cả. Vậy không biết có bị lạc vào vô tướng định hay phi phi tướng định hay không?*

Đáp: Còn xa lắm. Nay cứ giữ cái không biết, trong cái không biết phải có nghi, có thắc mắc mới được.

Hỏi: *Nếu lạc vào vô tướng định hay phi phi tướng định thì làm cách nào ra?*

Đáp: Phi tướng phi phi tướng định là cảnh giới cao nhất của cõi Tú Không, nó nhập định tám muôn đại kiếp, chẳng còn thể xác nữa. Thời gian một đại kiếp bằng bốn trung kiếp; một trung kiếp bằng hai mươi tiểu kiếp, và một tiểu kiếp là mười sáu triệu năm, thầy làm sao đi đến chỗ đó được, còn cách xa lắm.

Bây giờ cứ hỏi và nhìn mãi, ngoài ra đừng cho là lọt vào định hay không định, lọt hay không lọt đều chẳng biết đến. Tham thiền không phải là muốn định, cũng chẳng nói là không muốn định; cái định của ngài Lục Tổ nói “Na già định” là đại định. Ngài nói “Cầm gương ra trần vẫn là định”, ồn ào cách mấy cũng là định, chứ không phải ngồi yên lặng mới định.

Hỏi: *Khi con tập tham thiền, về chùa phải tụng kinh, vậy tụng kinh có nghịch với sự tham thiền không?*

Đáp: Như các ngành nghề nơi thế gian, làm thợ hồ cứ làm, tham thiền cứ tham; tụng kinh cứ tụng.

Hỏi: *Nghĩa là con vẫn có thể vừa tham thiền vừa theo học Trường Cơ Bản Phật Học?*

Đáp: Thì cứ như vậy. Tôi cũng có dạy tại các trường Cơ bản Phật học ở Long An, Thủ Đức, Sa Đéc và Đại Tòng Lâm, nay Trường Cơ Bản Đại Tòng Lâm có mở thêm lớp Cao đẳng. Tôi đến bất cứ trường nào cũng đề nghị sự học với sự tu phải đi song song, vừa học vừa tu, vì nếu chỉ có học mà không tu thì Phật Pháp không dùng được, phải tu rồi mới biết sự học đó đúng hay không. Nếu đang trong lúc học chưa thể tham được thì ngưng tham thiền, đến giờ nghỉ học mới tham. Nếu thật sự đã đến mức định rồi thì lúc học cũng là định, việc đó tự động. Vì tôi biết thầy còn chưa đến mức đó, hãy cứ đề khởi câu thoại đầu nhìn tới đi.

Hỏi: *Con đề câu thoại đầu nhìn chỗ không biết để có nghi tình, vậy khi có nghi tình, tâm con nhìn chỗ trống rỗng mênh mênh rộng lớn bao la vô cùng tận, không có hạn lượng, không có nơi xuất phát và không có chỗ cuối cùng, như thế có đúng không?*

Đáp: Không đúng. Tại biết nhiều quá! Nào là rộng lớn mênh mênh... đã không biết thì làm sao biết đến những thứ này!

Hỏi: *Khi cái nhìn đã quen rồi thì luôn cái tâm nhìn cũng không có, phải không?*

Đáp: Ấy là đã đến thoại đầu, đến thoại đầu rồi câu thoại tự mất, chỉ còn nghi tình, ngoài ra không còn gì khác, cũng không có quên hay không quên. Nhưng bây giờ chưa đến thoại đầu, phải luôn nhìn vào chỗ không biết.

Hỏi: *Làm sao phân biệt giữa định và hôn trầm?*

Đáp: Tham thiền phải giữ được nghi tình, luôn có sự thắc mắc, muốn biết mà biết không nổi, nhưng không có tán loạn, gọi là định, hễ có tán loạn ắt có vọng tưởng, chẳng phải định. Nếu không có nghi tình, không biết gì hết, ấy là hôn trầm, cũng như cái không biết của người ngủ mê, cái không biết của người chết giấc, của kẻ tâm thần v v..., ấy là cái không biết chết, gọi là hôn trầm. Khi đang công phu, bất chợt chìm vào giấc ngủ, lát sau mới tỉnh dậy, vậy không phải là định, mà là hôn trầm.

Hỏi: Khi hành giả tham thiền lên trình bất cứ vấn đề nào thì đó là trình cái biết, là không phải, khi đã ngộ thì chẳng có gì để trình. Vậy trong quá trình còn đang tham thiền chưa đến ngộ thì trình lên cái gì?

Đáp: Trong Thiền đường Trung Quốc, tất cả hành giả tham thiền đều là Tỳ-kheo, đều thọ nhận sự cúng dường của mười phương, nên phải có bốn phạm tu cho đúng, tu đến kiến tánh. Nói đến trình công phu, theo thường lệ, khi Thiền thất đến ngày chót phải khảo công, tức khảo sát công phu của mọi người, khiến công phu miên mật và phát khởi nghi tình. Trình là trình cái công phu đó chứ chẳng phải trình kiến giải và sự hiểu biết.

Chẳng những thiền Đại thừa, Thiền Tiểu thừa cũng có khảo công phu. Năm 1974, tôi đến Trung tâm Thiền viện Thái Lan, cách thủ đô Bangkok khoảng một trăm cây số, trung tâm đó không có thiền đường lớn để tu chung, chỉ mỗi người ở một cốc riêng. Trong đó có người Thái, người Hoa và người Việt, nhưng đa số là người Thái Lan. Cứ mỗi nửa tháng, mọi người phải trình công phu cho vị Thiền chủ, nhằm nắm được tiến độ của đại chúng, hễ ai tu sai liền sửa lại cho đúng. Vị Thiền chủ cũng dùng cơ xảo kích thích khiến cho công phu của mọi người dũng mãnh hơn.

Nhưng đối với Thiền Nhật Bản thì cái trình đó thật sự là trình kiến giải, vì tu theo cách thấu công án. Ở Thiền đường bên Mỹ, có một vị hành giả người Mỹ, ông ấy đã tu tại Thiền đường Nhật Bản ba năm theo cách thấu công án, tự cảm thấy không ổn, đi tham học ở Đại Hàn bốn tháng, sau đó đi qua Trung Quốc và Hồng Kông. Do ở Hồng Kông không ai dạy tham Tổ Sư Thiền, nên sau cùng mới tìm đến tôi. Ông ấy mỗi lần hỏi tôi, đều hỏi về công phu, còn số Phật tử người Việt và người Hoa khi đến hỏi tôi là hỏi về kiến giải.

Như ngài Lai Quả khảo công phu, không khảo nơi thiền đường, mà khảo ngay nơi Phương trượng, có ai dám không vào, khi bị phát hiện phải ăn hương báng. Nhưng Chùa Cao Mân ngày nay thì chẳng còn sự khảo công phu, chính thầy Trụ trì nói với tôi “Quy củ hồi xưa thực hành 100% thì ngày nay chỉ ứng dụng được 10%”. Vì không có sự khảo công phu, nên sự tu của mọi người đúng hay sai cũng chẳng ai biết.

Ở Việt nam vì hoàn cảnh không thích hợp, mọi người sợ bị khảo công phu, lại quý vị phần nhiều là cư sĩ, không có thọ nhận sự cúng dường, không thể bắt buộc khảo công, nên tôi cho miễn. Vả lại, người có công phu sẽ tự tìm đến và trình lên, còn những người không có công phu thì khỏi trình.

Hỏi: Người khảo công phu có phải người đã kiến tánh?

Đáp: Ở Việt nam gọi là Thiền chủ, dù chưa kiến tánh cũng phải nắm được cách thực hành cho đúng. Ví như thầy của ngài Lai Quả chưa kiến tánh, nhưng ngài Lai Quả tu đúng cũng kiến tánh; thầy của ngài Hư Vân chưa kiến tánh, nhưng ngài Hư Vân tu đúng cũng kiến tánh.

Hỏi: Ngoài pháp môn tham Tổ sư thiền, còn pháp môn nào đưa đến kiến tánh không?

Đáp: Như Lai thiên và tất cả thiên khác, nếu có phá ngã chấp, sẽ đưa đến kiến tánh, Tổ sư thiên gọi là pháp thiên trực tiếp, còn các pháp thiên khác gọi là pháp gián tiếp, nhưng cuối cùng cũng tự động phát nghi rồi từ nghi đến ngộ, y như Tổ sư thiên. Ví như pháp tu Chỉ quán thiên của Tông Thiên Thai là căn cứ theo kinh Pháp Hoa (*xem trang 170*), tông Hoa Nghiêm căn cứ theo kinh Hoa Nghiêm, tu đến Sự sự vô ngại pháp giới cũng như tham Tổ sư thiên vậy.

Cho nên, nhiều người không biết, cứ nghe nói đến chữ “Thiên” thì sợ hãi khuyên bảo nhau “Hãy coi chừng tâu hỏa nhập ma!”, làm như thế vô tình phi báng Phật Pháp, phi báng Phật, Tổ, tạo tội địa ngục mà tự không hay.

Hỏi: Trong cuốn Thất Chơn Nhân Quả ghi rằng: Một hôm Đức Phật đang thuyết pháp tại Kỳ Viên, đột nhiên một mũi tên thần bay phát phơ trên không. Phật hiện thân thông bay lên thì mũi tên theo lên, bay xuống mũi tên cũng theo xuống. Đức Phật nói với đại chúng:

Trong tiền kiếp của Phật, một lần cùng đi với một đoàn người năm trăm vị, trong đó có một người nảy ý giết hại tất cả để cướp đoạt tài sản, do đó Phật phải ra tay giết người đó. Và hôm nay quả báo đã đến, nên Đức Phật sẵn sàng đưa bàn chân ra đón nhận mũi tên đó.

Kính bạch Sư phụ, Đức Phật là người đã giác ngộ, và xuất phát từ tâm lòng muốn cứu người, việc làm như vậy là đúng, tại sao lại phải trả quả báo như thế?

Đáp: Tất cả lời dạy của Phật chỉ là phương tiện, chứ chẳng thể chấp thật, nên nói “Tất cả lời nói chỉ là phương tiện”, “Ai nói ta có thuyết pháp là phi báng Phật”. Tại sao? Vì nhân quả là việc trong chiêm bao, khi chưa ra khỏi chiêm bao phải chịu nhân quả trong chiêm bao, khi nào ra khỏi mở mắt chiêm bao rồi mới không bị dính mắc.

Vì muốn khuyến khích người đời tin nhân quả, nên nói “Ta thành Phật rồi vẫn phải chịu quả báo”, nhưng việc đó không nhất định. Ví như câu chuyện Đức Phật bị nhức đầu ba ngày, ở kinh này nói như vậy, ở kinh khác Phật lại nói “Nói như thế chứ không phải có nhức đầu”, ấy là vì muốn cho mọi người tin nhân quả.

Kiến tánh là ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh, nếu cứ chấp thật cái thân này, thì phải có nhân quả, còn Phật Thích Ca đâu có chấp vào thân này, không có thân thì ai chịu nhân quả! Ví như trong kinh Pháp Hoa nói về thiên bá ức hóa thân, Phật nói “Nay ta đang thuyết pháp nơi vô lượng vô biên thế giới, đồng thời giảng kinh Pháp Hoa, có tên họ, tuổi tác khác nhau.

Hỏi: Tôi đồng ý rằng phương tiện chỉ là linh động mà thôi, nhưng nếu trong kinh đã nói như thế là có sự dẫn chứng hẳn hoi, vậy tôi cảm thấy cần phải sửa lại những kinh sách để tránh hiểu lầm Phật, đã làm điều rất phải, còn bị quả báo mũi tên thân!

Đáp: Tại tâm chấp của ông quá nặng, thần thoại của Ấn Độ là một thứ văn học theo truyền thống, Phật Pháp vốn chẳng thể nói, nhưng nếu không nói thì làm sao mọi người tin? Nên phải theo phong tục tập quán của địa phương, dùng thần thoại để thể hiện, đó là tùy sự nhu cầu. Ví như trong kinh Phổ Môn nói ba mươi hai ứng thân: Gặp người nam hóa thân nam để thuyết pháp, gặp người nữ hóa thân nữ thuyết pháp, gặp Phật hóa thân Phật thuyết pháp, gặp Bồ tát hóa thân Bồ tát để thuyết pháp...

Bồ tát muốn độ con heo thì phải đầu thai thành con heo để hóa độ. Nhân dịp này tôi kể qua câu chuyện Bồ tát đầu thai thành con heo:

Một vị Tăng du phương đến một ngôi chùa, chúng ở chùa cũng đông, trong đó có một cụ già bệnh yếu, mọi người khinh chê, chẳng ai chăm sóc, vị Tăng đến chăm sóc cho ông cụ và rất mực kính trọng. Đến khi sắp trở về kinh thành, Tăng đến từ già, ông cụ nói: Tôi muốn nhờ ông đem lá thư này đến cửa Nam giùm.

Tăng nhận lời. Thư không dán lại, trên bì thư chỉ ghi người nhận tên là Bạc Hà và cửa Nam mà không ghi rõ số nhà đường phố, vị Tăng cảm thấy kỳ lạ nên rút thư ra xem, trong đó chỉ ghi mười mấy chữ, nội dung “Hóa độ chúng sanh xong thì mau trở về, chớ ở lại tạo thêm nghiệp”.

Về đến cửa Nam, vị Tăng đang ngỡ ngàng chẳng biết tìm người này ở đâu thì nghe mấy đứa trẻ chơi chọi nhau, gọi tên “Bạc Hà, Bạc Hà!” Tăng liền hỏi: Bạc Hà ở đâu?

Mấy đứa trẻ chỉ vào con heo nằm ở một góc kia. Tăng nghĩ “Chẳng lẽ ông cụ lại bảo tôi giao thư cho con heo này ư?” hỏi một cậu bé: Chủ của nó là ai?

- Chủ nó họ Triệu.

Sau khi hỏi rõ địa chỉ, vị Tăng tìm đến gặp ông Triệu, hỏi: Tại sao con heo tên Bạc Hà?

- Vì nó chỉ ăn bạc hà, nên mọi người gọi nó là Bạc Hà.

- Sao con heo già quá, nuôi đã mười mấy năm mà không bán?

- Tôi làm nghề đồ tể, nuôi rất nhiều heo, ngày thường thỉnh thoảng có những con chạy lạc cũng không hay. Từ khi nuôi con Bạc hà thì heo không bị mất nữa. Mỗi lần nó kêu lên là các con heo đều chạy về, tôi thương nó lắm nên không làm thịt.

Vị Tăng nghe nói, đến trước mặt con heo bỏ lá thư xuống, Bạc Hà liền dùng chân trước nhặt lên bỏ vào miệng, rồi đứng bằng hai chân sau như con người và tịch luôn. Mọi người mới biết con heo này là Bồ tát đến hóa độ con heo.

Trong pháp Tứ nhiếp của Bồ tát có đồng sự nhiếp, muốn hóa độ ai thì phải cộng sự với họ, gọi là Đồng sự nhiếp, chỉ có bậc Bồ tát mới làm được, và cũng chỉ trong Phật giáo mới có.

Hỏi: Ở trên Sư phụ giảng về vấn đề nhân quả, theo con hiểu thì chư Phật thường không có vọng ngữ và cuồng ngữ, chỉ theo phương tiện nói về nhân quả, đem tiền kiếp của Phật ra dẫn chứng như bị kim thương, mã mạch, nhức đầu ba ngày v v... Nếu lấy sự hiểu biết sai biệt của chúng sanh thì thấy có thật, còn những vị đã thức tỉnh từ chiêm bao thì chuyện có hay không đều không dính dáng, phải không?

Đáp: Bởi do chúng sanh ở trong thế lưu bố tướng sanh ra trước tướng nên có sự chấp thật, còn bậc Thánh chỉ có thế lưu bố tướng, chẳng có trước tướng, nên Phật nói Có cũng chẳng lọt vào cú thứ nhất, Phật nói Không cũng chẳng lọt vào cú thứ nhì, nói chẳng có chẳng không cũng chẳng lọt vào cú thứ ba, nói cũng có cũng không cũng chẳng lọt vào cú thứ tư.

Phàm phu hễ mở miệng là lọt vào tứ cú, không mở miệng cũng lọt vào tứ cú; vì nói, nín, chẳng nói chẳng nín, cũng nói cũng nín, đều lọt vào tứ cú. Nên kinh Lăng Già dạy chúng ta phải lia tứ cú, nhưng vì bệnh chấp của chúng sanh không thể sửa đổi được, ấy là tập khí từ vô thi. Có bài kệ:

A-đà-la-thức thậm thâm tế,

Vô thi tập khí thành bực lưu.

Ngã ư phàm ngu bất khai giảng,

Khủng bị phân biệt chấp vi ngã.

Tập khí như nước chảy xiết, mặc dù thấy như không chảy, nhưng thực tế chảy rất gấp, nên Phật đối với phàm ngu thường không khai giảng, sợ họ chấp thật vậy.

Một số bậc trí thức ngày nay cho kinh Kim Cang là nói bậy, vì lúc thì nói là thật, lúc thì nói là chẳng thật, nói lật đi lật lại; còn đối với kinh Lăng Nghiêm, như ông Lương Khải Siêu là nhà văn nổi tiếng ở Trung Quốc lại nói kinh này là giả, vì hiểu không nổi.

Đức Phật muốn mọi người đều kiến tánh, đến chừng kiến tánh là hiểu cả. Nếu chưa chứng, cũng như kinh Viên Giác nói “Người chưa kiến tánh, còn ở trong luân hồi thì làm sao hiểu được!” Nếu dùng tri kiến luân hồi để hiểu Chơn như thì hiểu cách cao siêu nhất cũng chỉ là tri kiến luân hồi, đều là việc trong chiêm bao, chẳng thể thực tế được.

Hỏi: Người bán xôi bán chè khi kiến tánh rồi có hoằng pháp được không?

Đáp: Có một công án như sau:

Một vị Tăng họ Châu, vị này chuyên nghiên cứu kinh Kim Cang, là pháp sư giảng kinh Kim Cang thật thông suốt, và giải thích ra thành một bộ sớ giải, nên người đời tôn xưng là Châu Kim Cang.

Châu Kim Cang ở miền Bắc Trung Quốc, nghe nói Thiên tông rất thịnh hành ở miền Nam, khiến người kiến tánh chỉ trong một sát na. Trong lòng ông ấy rất giận, vì nói theo Giáo môn là phải tu trải qua ba A tăng kỳ kiếp, muôn kiếp học oai nghi, muôn kiếp học tế hạnh của Phật, sao người tham thiền dám nói trong sát na thành Phật! Bèn nổi ý muốn quét sạch bọn Thiên-hòa-tử kia!

Sư gánh sớ giải lên đường đi miền Nam, dọc đường gặp một bà cụ bán điếm tâm. Đang lúc đói bụng, muốn mua điếm tâm, bà cụ hỏi:

- Thượng tọa gánh cái gì vậy?
- Sớ giải Kim Cang.
- Trong đó nói gì?
- Giải thích kinh Kim Cang.

Bà cụ nói: Vậy tôi xin hỏi Thượng tọa về kinh Kim Cang, nếu trả lời được tôi sẽ cúng đường; nếu không trả lời được thì tôi không bán, mời Thượng tọa đi mua chỗ khác.

- Bà cụ cứ hỏi.
- Trong kinh Kim Cang nói “Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc”, xin hỏi Thượng tọa muốn điếm tâm nào?

Châu Kim Cang trả lời không được, mặt đỏ bừng, trong tâm hổ thẹn: Chính mình muốn quét sạch những Thiên-hòa-tử ở miền Nam, nay mới gặp một bà cụ bán hàng rong mà trả lời không được, thì còn đủ tư cách nào nữa, đành trở về thôi.

Bà cụ kêu lại: Thượng tọa chớ vội đi về, nay tôi chỉ cho một nơi, hãy đến Long Đàm gặp Thiền sư Sùng Tín, sẽ được sự giúp đỡ.

Sư nghe lời bà cụ, tìm gặp Thiền sư Sùng Tín, sau đó nói pháp của Thiền sư. Châu Kim Cang chính là ngài Đức Sơn, có tiếng tăm về Đức Sơn phảng, vào cửa liền đánh.

Như bà cụ bán điếm tâm nói trên cũng thừa sức ra hoằng pháp, nhưng vì sự hoằng pháp phải có nhân duyên, và bà chỉ có nhân duyên với ngài Đức Sơn thôi.

Hỏi: Kinh nói “Việc quá khứ không ghi nhớ, tương lai không sắp đặt, hiện tại đừng để ý”, con nghĩ mình phải lo tương lai cho con cái mình, mà nay con bị thất nghiệp, phải lo tìm việc làm, vậy phải làm sao? Xin Sư phụ từ bi khai thị.

Đáp: Người tu phải tin nhân quả, hễ tin nhân quả thì không cần lo, nhưng chẳng phải là không đi làm. Nếu trong nhân quả không bị đói thì sẽ không đói. Vì theo Phật Pháp, nếu là người chơn tu sẽ có Long thần Hộ pháp sắp đặt giúp, khiến được sống qua ngày để tu, ngoại trừ không tin nhân quả mới phải lo.

Hỏi: Làm sao biết mình là chơn tu hay tùy duyên tu?

Đáp: Người chơn tu thì quyết tử, còn tùy duyên tu không quyết tử với đủ thứ lý do: Nào là còn phải kiếm sống nuôi gia đình, nào là để ít năm sau con cái lớn rồi, xong việc gả cưới mới tu... những người này là không có hy vọng. Hễ quyết tâm thì phải bắt đầu ngay, tôi thường nói “Trong cuộc sống hàng ngày, bất cứ đi đứng nằm ngồi, mặc áo ăn cơm đều là tu hành cả”.

[17] 15/05/95–21/05/95 tại Chùa Từ Ân, Quận 11.

Hỏi: Thế nào là chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác?

Đáp: Pháp môn Tổ sư thiên cần giữ nghi tình, chỗ thoải đầu là không hiểu không biết, nếu giải thích là biết rồi, làm sao tu? Câu “Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác” là ở trong kinh Pháp Bảo Đàn. Ở nước Mỹ, có một cô Phật tử xem kinh Pháp Bảo Đàn đến chỗ này, cô ấy đem “Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, đang lúc đó thế nào là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh” thay vào tên mình và hỏi mãi như vậy trong vòng một tháng, căn bệnh lâu năm của cô chữa trị cả Đông Tây y đều không khỏi tự nhiên được hết. Lúc đó cô ấy chưa biết tôi, sau này mới tìm đến Thiên đường gặp tôi.

Hỏi: Trước đây con tu theo thập thiện, nay chuyển qua Tổ sư thiên cần tiếp tục tu thập thiện không?

Đáp: Cảnh giới cao nhất của thập thiện là được sanh cõi Trời, kể đó là sanh vào cõi Người và cõi A-tu-la, thuộc tam thiện đạo. Còn thập ác nặng nhất là Địa ngục, nhẹ hơn là Nga quý, rồi Súc sinh, thuộc tam ác đạo. Mặc dù được sanh thiện đạo, nhưng vẫn còn ở trong luân hồi, chẳng thể giải thoát. Muốn giải thoát phải tu một pháp môn nào, ngộ được bản tâm rồi, gọi là kiến tánh thành Phật mới giải thoát được.

Hỏi: Vận tham Tổ sư thiên có thể đưa đến nhất tâm bất loạn không?

Đáp: Nhất tâm bất loạn không phải mục đích của tham thiên. Tham thiên là muốn kiến tánh thành Phật, đạt đến giải thoát, còn nhất tâm bất loạn chưa thể đạt đến giải thoát, chỉ là vọng tưởng không nổi lên thôi. Dầu cho dẹp hết tất cả vọng tưởng, cũng chỉ là vô thi vô minh, còn nằm trong vô minh.

Người Tịnh độ nói tu đến nhất tâm bất loạn là được vãng sanh, nhưng nếu tu không đúng tông chỉ của Tịnh độ thì dù nhất tâm bất loạn cũng không được vãng sanh, vì nhất tâm bất loạn chỉ là đè nén vọng tưởng thôi. Tham thiên chỉ cần giữ được nghi tình không biết thì những thứ kia tự động dẹp hết.

Hỏi: Kính bạch Sư phụ, vì công việc và đời sống khiến con bị gián đoạn công phu, nên sáng nay con đã từ giã vợ con, quyết lên núi để tu cho đến nơi đến chốn. Nhưng được thầy Quảng Trọng giới thiệu con về Chùa Tam Bảo, con đã thu dọn hành trang đi xuống đó tu và muốn xin xuất gia.

Đáp: Ông nói đã tin Phật tánh không giảm bớt, không gián đoạn, thì còn lo gì nữa, còn đi tìm gì nữa? Làm nghề đập xích lô cứ làm, đập xích lô cũng đầy đủ Phật tánh,

đâu có gián đoạn! Tại ông không tin, hoặc tin chưa đầy đủ mới đi chỗ khác tìm, tính toán xuất gia. Nếu có nhân duyên thì tự nhiên sẽ có dịp đi đến xuất gia, nếu không cứ làm nghề cũ, đập xích lô cũng kiến tánh thành Phật vậy, đâu nhất thiết phải đi xuất gia hoặc đi lên núi!

Đã nói cuộc sống hằng ngày là sự tu, từ ăn cơm, mặc áo, nói năng tiếp khách vv... cho đến đập xích lô cũng là đang tu, nếu đã tin Phật tánh đầy đủ thì đâu cần lo gì nữa? Chỉ là phát hiện cái của mình sẵn có thôi, tu đến đâu phát hiện đến đó, bởi vì sẵn có mà!

Hỏi: Không biết con có nghiệp chướng gì, khi đề câu thoại đầu lên nó cứ từng mảng ép đầu và ngực con đau quá chịu không nổi, mới tu có một chút còn hơn đập xích lô mấy năm, suy nghĩ qua việc khác thì không sao, hễ tham vô là đầu con giựt lên, tham nhanh giựt nhanh, muốn dừng lại cũng không được.

Đáp: Tôi đã nói là đừng ra sức, tham thiền ít phí sức chừng nào tốt chừng nấy, chỉ cần công phu miên mật liên tiếp, khỏi cần tập trung tinh thần, khỏi cần cố gắng ra sức. Nếu chẳng ra sức thì không bị những thứ đó.

Hỏi: Nếu tham như Sư phụ nói thì chừng nào mới đến?

Đáp: Đã nói nghi tình là dùng cái không biết để tu, đã không biết thì đâu cần biết tới những gì xảy ra? Do ông còn có cái biết, nay cần giữ cái không biết là đủ. Muốn giữ được phải nhìn chỗ không biết, nhìn chỗ chưa có niệm nổi lên, tức năng biết sở biết đều không có.

Hỏi: Vậy khi con ngồi nó cứ lắc cái thân, muốn dừng lại cũng không được?

Đáp: Lắc cứ cho nó lắc, đừng có dừng; cái lắc đó là do cơ thể tự vận động, có ích cho sức khỏe. Nếu trong cơ thể có bệnh, lắc riết nó hết bệnh luôn, chớ có kèm chề, kèm là có hại.

Hỏi: Trước kia con học theo pháp môn niệm Phật của Hòa thượng Trí Tịnh, con thấy căn cơ của con thích hợp tu theo pháp đó. Nhưng bây giờ biết được pháp môn tham Tổ sư thiền, vậy con có thể hành theo pháp này được không?

Đáp: Muốn theo pháp nào cũng được.

Hỏi: Hòa thượng Trí Tịnh nói “Pháp môn niệm Phật là pháp môn thiền Tam muội?”

Đáp: Tam muội là tiếng Ấn Độ, dịch là chánh định. Pháp Thiền nào đều có thể đạt đến chánh định, ngoại trừ những pháp thiền không phá ngã chấp là chẳng thể đạt được mà thôi. Tổ sư Thiền khác hơn tất cả pháp thiền khác; các pháp thiền khác chú trọng ngồi và quán tưởng, có năng quán sở quán. Chỉ có Tổ sư thiền không chú trọng ngồi và chẳng năng quán sở quán, chỉ là giữ nghi tình, dùng cái không biết để tu, rất đơn giản.

Hỏi: Con nghe các thầy nói “Người nữ tu hành phải đợi khi chuyển thành thân nam mới có thể kiến tánh”, phải vậy không?

Đáp: Đó là lời nói của những vị tu theo Tiểu thừa, còn Đại thừa thì chẳng phải vậy. Trong lịch sử Thiền tông, người nữ kiến tánh rất nhiều, như tôi đã kể trong cuốn Đường lối thực hành tham Tổ Sư Thiền. Trong kinh Pháp Hoa, Long nữ tám tuổi thành Phật; ngoài ra còn có một bé gái họ Trịnh, mười ba tuổi kiến tánh, người đời gọi là “Trịnh mười ba”. Một cô họ Tô, mười lăm tuổi kiến tánh, là cháu gái của Thừa

tướng Tô Công Tụng. Cô này sau là Diệu Tổng thiền sư, được Tỉnh trưởng mời về chùa làm chức Trụ trì.

Hỏi: Sư phụ nói “Quên là điều tốt”, nhưng nhiều lúc niệm Phật, con quên phiền não, quên luôn cả những gì trong cuộc sống hàng ngày, quên đường về nhà ... con rất sợ vì trước khi mẹ con qua đời, mẹ cũng quên đến nỗi không còn biết tên con cái ...

Đáp: Tôi nói “Quên là tiên bộ” là đối với pháp môn Tổ sư thiền, vì pháp này dùng cái không biết để tu, hành giả Tổ sư thiền khi giữ được nghi tình rồi có quên là tiên bộ, còn mấy pháp khác đều không phải. Ví như niệm Phật là dùng cái biết để tu thì quên là có hại, chứ chẳng phải là tiên bộ. Còn đối với người bệnh tâm thần thì cái quên ấy là bệnh!

Hỏi: Làm thế nào để ra khỏi phân biệt?

Đáp: Giữ được nghi tình là không có phân biệt, vì phân biệt là biết, nghi tình thì không biết, đã không biết làm sao phân biệt!

Hỏi: Ví như có cái “không biết” cũng là có vậy?

Đáp: Chẳng biết “có” thì chẳng phải có, chẳng biết “không” thì chẳng phải không. Do ông dùng cái tâm chấp thật, nên nói đến đâu cũng đều là có hoặc không, hoặc chẳng có chẳng không, cũng có cũng không, đều là lọt vào tứ cú. Cái không biết này chỉ là công cụ đưa mình đến chỗ kiến tánh thành Phật, chứ chẳng phải là không biết mãi. Lại nữa, cái không biết này là không biết sống, khác với cái không biết của người ngủ mê, chết giấc, bệnh tâm thần... ấy là cái không biết chết.

Hỏi: Sư phụ thường nhắc đến câu “Nhất thiết duy tâm tạo”, xin hỏi tâm nào tạo?

Đáp: Ông có bao nhiêu tâm?

Hỏi: Con muốn biết là chơn tâm hay vọng tâm?

Đáp: Nói chơn tâm và vọng tâm là hai, tự tánh bất nhị, chẳng có hai. Nói “tâm tạo” cũng chỉ là phương tiện thôi, như công án của Tổ Đạt Ma truyền pháp cho ngài Huệ Khả:

Huệ Khả nói: Tâm của con bất an, xin thầy an tâm cho.

- Đem tâm đến Thầy an cho!

- Tìm tâm không được.

- Đã an tâm rồi đó!

Tâm còn tìm không được, làm sao có chơn và vọng? Huệ Khả liền ngộ được nên kiến tánh thành Phật, hễ chấp thì đâu thể kiến tánh! Bệnh của chúng sanh chỉ là bệnh chấp, lời dạy của chư Phật chư Tổ cũng chỉ là lời phá chấp mà thôi, là phương tiện tạm thời, chẳng phải có thật. Nay chúng ta cho nghiệp thức, phiền não, nghiệp chướng, tham sân si là vọng tâm, là trói buộc, cho Bồ đề, Niết bàn là chơn tâm, mà chẳng biết Bồ đề, giải thoát, Niết bàn cũng là trói buộc, là xiềng xích bằng vàng. Những trói buộc bằng sợi dây còn dễ cắt đứt, cái làm bằng vàng mới khó cắt đứt, trói chặt mình không giải thoát được. Muốn tự do tự tại, phải cắt đứt tất cả xiềng xích, dù là bằng vàng cũng không thêm.

Hỏi: Vạn vật có phải hoa đốm trên hư không chăng?

Đáp: Tất cả chỉ là phương tiện để thí dụ, nói hoa đóm cũng vậy. Nếu chấp thật có hoa đóm, cũng như Kinh nói “Hãy đợi hoa đóm kết thành quả”, việc đó vốn là chẳng có mà!

Hỏi: Nhân chi sơ, tánh bản thiện, con người mới lọt lòng mẹ là không biết, vậy so với pháp tu của Hòa thượng dạy thì như thế nào?

Đáp: Nhân chi sơ, tánh bản thiện là lời của nhà Nho, Tổ sư Thiền là lời của nhà Phật. Nhà Nho có tư tưởng chấp thật, còn nhà Phật là phá chấp thật: Nhà Nho chấp có nhân chi sơ thật, nhà Phật thì nói vô thi, chẳng những con người không có bắt đầu, vũ trụ vạn vật đều không có sự bắt đầu. Lại nữa, nói là tánh bản thiện, nếu vốn là thiện thì không thể biến thành ác, sao lại có thể biến thành ác?

Thiện với ác là tương đối, Lục Tổ nói “Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, đang lúc đó thế nào là bản lai diện mục của Thượng tọa Minh?” Hễ nghiêng về bên thiện cũng bị dính mắc, nghiêng về bên ác cũng bị dính mắc, nhà Phật nói không thiện ác, không tương đối; mặc dù không tương đối, nhưng chẳng phải bảo người ta đừng làm thiện hoặc đi làm ác.

Thật ra, đứa bé mới sinh đã biết khóc, biết người ta thương, đòi người ta ẵm, nếu người lớn không ẵm là khóc, khi đói biết đòi ăn, mặc dù chưa biết nói, nhưng biết dùng tiếng khóc để bày tỏ, sao nói là không biết!

Hỏi: Cái tâm, cái thức, cái tướng, nó giống nhau hay khác?

Đáp: Tướng là tư tưởng, tức sự suy nghĩ. Suy nghĩ, cảm giác, tánh thấy, tánh nghe đều là cái dụng của tâm linh, nhưng bản thể của tâm linh chẳng hình thể số lượng, dùng sự thấy nghe chẳng thể tiếp xúc được.

Tư tưởng, văn tự, lời nói, tên gọi dù có ba nhưng sự dụng chỉ là một: Lời nói là văn tự có tiếng, văn tự là lời nói có hình, tư tưởng là lời nói không hình không tiếng. Do tư tưởng nhận biết được, nói ra miệng thành lời nói, viết ra thành văn tự. Còn có những cái không thể dùng tư tưởng, lời nói, văn tự để nhận thức và diễn tả: Đó là thực thể của tâm linh. Nhưng sự dụng của nó rõ ràng trước mắt, sờ dĩ chúng ta thấy nghe được đều nhờ vào sức dụng của tâm linh.

Hỏi: Có phải Đại trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát ám chỉ về trí tuệ, còn Đại hạnh Phổ Hiền Bồ tát chỉ về cái hạnh, cõi con trâu trắng tượng trưng cho sự trong sạch?

Đáp: Không phải. Những thứ ông vừa nói là cách nói của pháp sư bên Giáo môn, còn nói về cái thực tế thì chẳng có gì để thí dụ được. Thực thể của tâm linh muốn nhận biết còn không được, lấy gì để thí dụ? Gọi là thật tướng vô tướng, không có tướng mới gọi là thật tướng, Kinh Kim Cang nói “Nếu thấy tất cả tướng đều phi tướng mới thấy Như Lai”. Như lai là thật tướng đó, nếu dùng tư tưởng chấp thật để diễn tả đều không đúng.

Hỏi: Khi có người thân lâm chung, bên Tổ sư thiền phải làm sao?

Đáp: Chẳng làm sao cả. Nếu muốn chiều theo truyền thống đã quen thì tụng kinh cũng được, hễ tự mình làm chủ được thì không tụng kinh cũng được; hoặc mời các bạn đồng tham tụ nhau tham thiền cũng được, tức chẳng có sự cố định.

Hồi thời Phật Thích Ca chưa có kinh, lấy gì để tụng? Sau khi Phật nhập diệt, do Tôn giả A Nan kết tập lại mới thành kinh. Lại nữa, mục đích tụng kinh cho người chết để làm gì? Nếu trong kinh có công năng siêu thoát cho người thì không có nhân quả; vì nếu người quá cố đã tạo nghiệp ác, phải đầu thai tam ác đạo để trả quả, mời thầy tụng kinh liền có thể siêu thoát thì làm ác cũng chẳng sao, có phải vậy không?

Kinh Phật chỉ dạy người tu hành, giải thoát khổ vĩnh viễn, muốn làm chủ cho mình, được tự do tự tại phải giác ngộ. Nếu chúng ta không chịu thực hành, cứ không ăn cơm thì làm sao được no!

Hỏi: Thế nào là y báo và chánh báo?

Đáp: Chánh báo, y báo là tùy theo nghiệp nhân của mình đáp lại quả báo. Hành động và tư tưởng của mình làm thiện thì tạo thiện nghiệp, làm ác tạo ác nghiệp, có nghiệp nhân ắt có nghiệp quả: Thân hiện nay của chúng ta là nghiệp quả của nghiệp nhân kiếp trước, gọi là báo thân.

Trong kinh Phật nói đến tam thân: Pháp thân, hóa thân và báo thân. Báo thân này là chánh báo, tức do mình có cái nghiệp nhân, Thành quả báo được cái thân này, hoặc thân con trai, hoặc thân con gái, cho đến ngu si, trí huệ, giàu sang, nghèo khổ ...

Tất cả vạn vật trong vũ trụ để cho thân này thọ dụng gọi là y báo, như thức ăn, nước uống, quần áo, nhà ở... cung cấp cho cuộc sống hàng ngày của chúng ta, tức mọi sự đi đứng nằm ngồi để nuôi dưỡng cái chánh báo này gọi là y báo.

Hỏi: Đến chơn tham như thế nào?

Đáp: Ngài Lai Quả nói “Vô tham mới chơn tham”, tham thiền mà không biết mình đang tham gọi là chơn tham, tức giữ được nghi tình kéo dài mãi không gián đoạn, tự nhiên đạt đến chơn tham, hễ còn nổi lên cái biết, sự nghi và sự biết xen lộn hoai, sát na thay đổi, còn kẽ hở thì chưa phải chơn tham.. Thường thường chơn tham là đến thối đầu, tức 24/24 giờ không gián đoạn, chẳng có cái biết nào nổi lên.

Hỏi: Chúng con nhập thất liên tục bảy ngày, mỗi ngày chỉ niệm Phật, không ăn, chỉ uống nước hai lít, vậy có tu đúng chánh pháp không?

Đáp: Nhịn ăn để làm gì? Nếu để trị bệnh thì không phải Phật Pháp. Phật Pháp cũng không dạy người nhịn ăn cho là tu. Cũng có người không hiểu, thực hành theo ngã thất, tức nhịn ăn bảy ngày, ấy là theo tà pháp, chẳng phải Phật Pháp, chẳng thể giải thoát được. Tổ sư thiền không phải vậy, Như Lai thiền cũng không phải vậy.

Hỏi: Con đã thọ giới Bồ tát tại gia, khi đi đám ma có thể lay vong linh không?

Đáp: Thọ giới Bồ tát chưa phải đã thành Bồ tát, dù đã thành Bồ tát vẫn có thể lay được. Chúng sanh bình đẳng chẳng cao thấp, chứ không phải mới thọ giới Bồ tát rồi cho mình cao hơn là không được.

Hỏi: Những phát minh khoa học là do trí hay do thức?

Đáp: Do thức. Phàm do bộ não nghiên cứu tìm hiểu đều là thức.

Hỏi: Tất cả việc ở ngoài đời là do trí của bộ não tạo chứ đâu phải do tâm linh, phải không?

Đáp: Bộ não cũng do nghiệp nhân tạo thành, có tâm linh mới có thể sanh ra nghiệp nhân. Tất cả đều do tâm linh mới có, nên nói “Nhất thiết duy tâm tạo”.

Do đủ thứ nghiệp nhân mới tạo thành thân người, nghiệp của con người có bộ não, cũng như nghiệp của con dơi có ra đa. Tâm linh là chủ của sinh mạng, trong cuộc sống hàng ngày mắt thấy tai nghe đều là sức dụng của tâm linh, là tùy nghiệp hiển dụng.

Trong tâm linh của chúng ta sẵn đủ tất cả, nay nhà khoa học cứ phát minh những khoa học mới và tiến bộ mãi, những cái đó ở trong tâm linh của mình đã sẵn, chứ chẳng phải nhờ học hỏi rồi mới phát minh. Ví dụ: Nhà khoa học nghiên cứu con dơi rồi phát

minh ra đa, nhưng nghiệp của con dơi khi sinh ra đã sẵn có ra đa; Nhà khoa học bắt chước sự cấu tạo của bộ não phát minh máy vi tính, ấy là nghiệp của con người sẵn có...

Bất cứ những gì có trong nghiệp đều đã sẵn trong tâm linh mình, chẳng phải do học. Cho nên, khoa học mới có tiến bộ, còn tâm linh thì không, vì từ hồi nào đã có sẵn rồi.

Thời xưa chưa phát minh kính hiển vi, Đức Phật đã biết có vi trùng. Lại nữa, Phật nói tất cả đều bất sanh bất diệt, là Niết bàn, đến thế kỷ thứ XIX, nhà khoa học mới phát hiện rằng tất cả vật chất năng lượng đều bất sanh bất diệt. Mặc dù khoa học chưa chứng minh nhưng trong tâm linh đã sẵn, cái học đó chẳng dính dáng đến cái sẵn có, nếu chúng ta tu đến tất cả chấp thật đều không thì cái đã sẵn có ấy sẽ hiện ra bằng Phật.

Ví dụ: Theo sự nhận biết của khoa học, tốc độ ánh sáng là nhanh nhất, nhưng những nhà khí công, người có công năng đặc dị đã chứng tỏ so với tốc độ của tâm linh thì tốc độ ánh sáng lại là tốc độ thấp nhất! Giả sử một máy bay bằng tốc độ ánh sáng bay từ quả đất đến một hành tinh khác, như Hải dương tinh chẳng hạn, phải trải qua mấy trăm quang niên (tốc độ ánh sáng trong một giây là ba trăm ngàn dặm), trong khi tâm linh mình một niệm liền đến, chẳng có số lượng về thời gian!

Do đó, những gì học được đâu thể so bằng tâm linh sẵn có! Còn sự tu có thể khiến tâm linh chúng ta hiện ra nhiều sức dụng, như những người có công năng đặc dị, người có năng khiếu đặc biệt v v...

Hỏi: Thế nào là trái ngược hiện nghiệp?

Đáp: Ai cũng biết về nghiệp, nay muốn sửa lại nghiệp của mình thì phải làm trái với nghiệp. Hễ kiếp trước tạo nghiệp nhân xấu thì kiếp này phải làm ngược lại; như trước kia ham thích thì nay không ham thích nữa, chê ghét cũng vậy, tức bất cứ muốn nổi một tâm niệm nào đều phải làm ngược lại.

Bởi do tâm suy nghĩ rồi hành theo sự suy nghĩ đó, mới thành cái nghiệp: Kiếp trước tạo thành nghiệp kiếp này, kiếp này tạo nghiệp kiếp sau... cứ xoay chuyển mãi trong luân hồi, nay muốn chấm dứt luân hồi, phải sửa lại nghiệp của mình.

Hiện nghiệp là chấp thật, muốn trái ngược hiện nghiệp phải phá chấp thật, như tham thoại đầu là không hiểu không biết, không biết cái xấu thì không chê, chỉ cần giữ được cái không biết là có thể trái ngược hiện nghiệp.

Hỏi: Đức Phật dạy ngồi theo kiểu kiết già có tác dụng và hữu ích gì?

Đáp: Cách ngồi theo kiết già không phải do Phật dạy, hồi chưa có Phật Thích Ca, các ngoại đạo đã ngồi theo kiểu kiết già, vì ngồi như thế có thể ngồi lâu được, có nhiều người ngồi nhập định đến khi chứng quả A-la-hán, trải qua mấy trăm năm, mấy ngàn năm.

Hỏi: Giả sử có một kẻ quá ác, có khả năng giết hại nhiều người, và có một người khác giết kẻ này để giải cứu bao nhiêu người kia; giữa họ chẳng có thù hằn cá nhân nào, chỉ vì muốn cứu đại chúng nên buộc lòng phải ra tay giết kẻ ác kia, vậy trường hợp đó nhân quả ra sao?

Đáp: Giết người phải thường mạng, nhưng nếu người đó chẳng ác ý, chỉ vì muốn cứu người, Tâm không tạo nghiệp thì không có. Nếu có khởi tâm giết hại là có tạo nhân, có nghiệp nhân ắt có nghiệp quả. Còn những người do chức trách như nhà cầm quyền, dù đã thọ giới Bồ tát, vì trách nhiệm của mình phải xử tử người khác, cũng như giết

một người để cảnh cáo nhiều người thì không bị luật nhân quả, vì thực hiện theo đúng pháp luật Nhà nước qui định. Vấn đề này trong Hư Vân Niên Phổ có đề cập.

Trong giới luật của nhà Phật có qui định: Hễ phạm luật pháp nhà nước là phạm giới luật nhà Phật. (Sư phụ kể về sự giữ giới của Luật sư Hoảng Nhất, lược qua).

Hỏi: Còn những người cướp của nhà giàu rồi đem phân phát cho người nghèo thì nhân quả ra sao?

Đáp: Đó cũng là phạm tội, không những vi phạm luật pháp nhà nước, cũng vi phạm giới luật nhà Phật về tội trộm cắp.

Hỏi: Tu ở trong chúng và đến dự thiền thất có ích lợi gì?

Đáp: Đã thiền thất, tụ đông để tu, làm trợ duyên với nhau khiến tâm lực mạnh, ví như ánh sáng đèn: Một cây đèn thì ánh sáng yếu, mười cây đèn ánh sáng mạnh hơn, một trăm cây đèn ánh sáng càng mạnh. Như tôi thường nói; mỗi mỗi đều có cái tâm, nếu một trăm người cùng chung một tâm tham thiền thì sức dụng kích thích khiến tâm tu được mạnh hơn.

Nhưng mặc dù tu một mình ở nhà, đã phát tâm rồi thì ở đâu cũng vậy, tức là nếu có nhiều bạn đồng tham tu chung càng tốt, nếu không thì tu một mình cũng được, tùy theo nhân duyên. Nay tạo đủ mọi nhân duyên giúp cho đại chúng tu được mau kiên tánh, cũng như giúp mình vậy, người khác cũng giúp lại cho mình mau kiến tánh, ấy cũng là phước báo của mình gieo trồng từ kiếp trước, nhưng đừng có tâm ý lại, phải tận sức của mình mà tùy duyên tham tới mãi.

Hỏi: Con thấy tu một mình ở cốc riêng dễ sinh ra giải đãi, nhiều khi khuya thức không nổi, rồi cho là mình có bệnh, đợi ngủ đến sáng rồi mới tu.

Đáp: Cho nên ngài Lai Quả khuyên mọi người nên tu trong Tòng lâm, ở chùa nhiều người tu chung có công hiệu hơn, có sức mạnh hơn.

Hỏi: Người đã chứng ngộ rồi, tự tâm hiện lên đầy đủ sẵn sàng những trí huệ thần thông biến hóa, tại sao Sư phụ lại nói ngộ rồi đồng như chưa ngộ?

Đáp: Tâm linh của mọi người đều giống nhau, đều đầy đủ tất cả thần thông trí huệ năng lực, sở dĩ chưa dùng ra được là bởi có tâm chấp, nếu ngộ rồi chấp vào sự ngộ vẫn là chấp. Người đã ngộ thật sự thì đồng như chưa ngộ, tức chẳng chấp vào sự ngộ, tất cả diệu dụng mới hiện ra được. Hễ còn chấp cái ngộ là còn chướng ngại.

Hỏi: Làm sao biết mình có chấp vào cái ngộ đó hay không?

Đáp: Cho mình có ngộ đó! Nếu không cho là mình có sự ngộ thì ngộ rồi đồng như chưa ngộ.

Hỏi: Chúng con là Phật tử ở Vũng tàu, theo chúng con biết, mỗi lần Sư phụ đến Vũng tàu đều ở tại Chùa Từ Quang, và đó không phải thuộc hẳn pháp môn tham Tổ sư thiền, nên một số Phật tử chúng con muốn thành lập một chùa, một Thiền đường riêng thuộc môn phái Tổ sư thiền ở Vũng tàu. Kính xin ý kiến của Sư phụ?

Đáp: Ở Vũng tàu, nhiều vị cũng muốn cúng dường đất đai, chùa chiền cho tôi, chỗ thì hai - ba mẫu, chỗ thì một mẫu rưỡi... hiện nay đất đai rất có giá, nhưng tôi không nhận, kể cả cúng dường chùa cũng không nhận. Vì tìm người quản lý rất khó, cái ngã, mỗi người đều có, rồi từ cái ngã đó sinh ra sự tranh chấp. Hiện nay có một số chùa, vị Trụ trì sáng lập ra ngôi chùa, sự nghiệp lớn lao, đến tuổi già tịch đi, rồi đệ tử tranh giành tài sản với nhau, nên tôi không muốn lập bất cứ ngôi chùa nào, hễ người nào có duyên với pháp thì tu, không có duyên thì thôi vậy.

Hỏi: Tu Tổ sư thiên có cần tu Lục độ không?

Đáp: Tham thiên là pháp thiên trực tiếp do Phật Thích Ca thân truyền, đã bao gồm tất cả, không cần học thêm nữa.

[18] 03/06/95–09/06/95 tại Chùa Từ Ân, Quận 11.

Hỏi: Chúng con đi đường, gặp tiền của người khác đánh rơi mà lượm lên, thì có phạm giới trộm cắp không?

Đáp: Tiền của người khác là có chủ, hề lấy là trộm cắp.

- Nếu con không lượm thì người khác cũng lượm!

Đáp: Người khác lượm người khác phạm, mình lượm là mình phạm.

- Nếu con lượm rồi đem vào chùa cúng có được không?

Đáp: Đâu phải của mình mà đem cúng! Phải đem đến cơ quan chính quyền, hề ai làm mất sẽ đến xin lại. Chỉ khi nào người chủ muốn cúng dường thì nên, chứ tự mình đoạt ý của người khác đâu được.

Hỏi: Thế nào là Bát Nhã Tâm Kinh? Thế nào là “Hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời”?

Đáp: Kinh này hiển bày tâm linh nên gọi Tâm Kinh. Bát nhã là hiển bày sự dụng của tâm linh, thế gian gọi là trí huệ. Trí huệ của bộ não phải qua tác ý mới sử dụng, còn Bát nhã khỏi cần tác ý, trí huệ của bộ não có hạn chế, Bát nhã khắp không gian thời gian mà chẳng bị không gian, thời gian, số lượng hạn chế. Bây giờ chúng ta chưa chứng quả, không có tu, do nghiệp nhân được đầu thai thành con người, có trí huệ của bộ não, nếu chúng ta tu đến một mức độ nào thì hiện được sức dụng Bát nhã, đó không qua trí huệ của bộ não, tức chẳng qua tác ý, gọi là Bát nhã.

“Hành thâm Bát nhã Ba-la-mật đa thời” là thực hành cái dụng của tâm linh. Bởi chẳng có hạn chế nên gọi là “Thâm”, chữ thâm này chẳng phải đối với cạn mà nói sâu, nếu dịch thành “đi sâu vào Bát nhã” là sai. Bát nhã nếu có sâu cạn tức còn số lượng, còn hạn chế. Ma ha Bát nhã: Ma ha là lớn, nhưng chẳng phải đối với nhỏ mà nói lớn, cũng như Kim cang Bát nhã; kim cang là cứng, nhưng chẳng phải đối với mềm mà nói cứng vv... đều là siêu việt số lượng, chẳng phải có tương đối.

Hành thâm Bát nhã Ba-la-mật là khi dùng được Bát nhã rồi tức đến bờ bên kia. Nay chúng ta ở bờ bên đây có khổ, có phiền não, đến bờ bên kia là giải thoát, ấy là nhờ sức dụng của Bát nhã, tự nhiên khiến ngũ uẩn đều không. Tất cả ngã chấp đều do chấp thật ngũ uẩn là ta; đến lúc đó ngã chấp đã sạch, thức thứ sáu chuyển thành Diệu quan sát trí, sự chiếu soi đã khắp không gian thời gian thì làm sao còn ngũ uẩn! Nên chiếu kiến ngũ uẩn giai không. Cái Không này là cái không của tâm linh, là hư không vô lượng vô biên, khắp không gian thời gian, chứ chẳng phải không có gì hết. Tất cả kinh điển của Phật đều là hiển bày tâm linh. (Sư phụ giảng về cái Không trống rỗng, lược qua).

Hỏi: Cư sĩ tại gia có được quyền làm lễ qui y, truyền tam qui ngũ giới cho Phật tử không?

Đáp: Cư sĩ tại gia đâu có giới để truyền? Người truyền giới là những vị đã thọ giới Cụ túc, tức đã đầy đủ giới rồi mới có giới để truyền, cư sĩ chỉ có ngũ giới thì làm sao truyền?

Hỏi: Một số Phật tử nói rằng họ qui y Phật chứ đâu phải qui y người truyền giới đó?

Đáp: Qui y Phật nào? Tượng Phật ư? Tượng Phật biết làm lễ qui y không?

Hỏi: Có một ông cư sĩ ở Ngã sáu làm lễ truyền giới cho Phật tử, vì ông nói ông có thể truyền giới được.

Đáp: Vốn chẳng có giới thì làm sao truyền! Nói Qui y là qui y Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng, chẳng thể tách rời. Có Phật Bảo, có Pháp Bảo, nếu không có Tăng Bảo thì Phật Pháp cũng tiêu diệt nơi thế gian, vì đâu có ai truyền! Truyền là nhờ Tăng Bảo, nay cho rằng khỏi cần nhờ Tăng Bảo, thế thì hãy nói với Phật Thích Ca vậy!

Hỏi: Con là Phật tử, nếu cúng dường không đúng chánh pháp có nhân quả không?

Đáp: Nếu theo tà ma ngoại đạo, như Kinh Lăng Nghiêm nói “Thầy xuống địa ngục, trò cũng xuống theo!”

Hỏi: Thế nào là Tam tạng mười hai phần giáo?

Đáp: Tam tạng gồm Kinh, Luật, Luận: Tất cả kinh điển do Phật thuyết là Kinh tạng; tất cả giới luật do Phật chế định là Luật tạng; Tổ sư đời sau muốn sáng tỏ nghĩa kinh, rồi lập ra các luận, gọi là Luận tạng. Nên người thông suốt kinh, luật, luận, gọi là Tam tạng pháp sư. Mười hai phần giáo chẳng phải đem giáo lý chia thành mười hai phần, mà là văn chương diễn tả giáo lý đó gồm mười hai thứ như: Tụng, kệ, dài, ngắn v v... tức dùng mười hai loại hình thức văn chương diễn tả Phật Pháp.

Hỏi: Có một vị thầy bảo Phật tử rằng “Muốn học thiền mà chưa có phước phải bị ma nhập”. Vậy phải đợi khi nào có phước rồi mới tu thiền được, phải không?

Đáp: Thầy đó làm sao biết người ta có phước hay không? Thầy đó dùng sự bói toán hay có thần thông như các vị A-la-hán quán được tám muôn kiếp trước?

- Dạ, con không biết, mà con nghe người ta nói thầy đó nổi tiếng lắm!

- Phật Pháp là y pháp bất y nhơn, nay có nhiều người nổi tiếng nhưng chẳng biết Phật Pháp chút nào.

Hỏi: Thế nào là Tứ liệu giản của ngài Lâm Tế?

Đáp: Ấy là cơ xảo của ngài, nói “Đoạt pháp chẳng đoạt nhơn, đoạt nhơn chẳng đoạt pháp, nhơn pháp đều đoạt, nhơn pháp đều chẳng đoạt”. Đó tùy theo căn cơ: Người căn cơ kém hay chấp pháp thì phá chấp cho nhẹ, nên đoạt pháp chẳng đoạt nhơn; người căn cơ cao hơn thì đoạt nhơn chẳng đoạt pháp. Cao hơn nữa là nhơn pháp đều đoạt, đối với người siêu việt tất cả căn cơ thì khỏi cần đoạt gì cả, nhơn và pháp đều chẳng đoạt.

Hỏi: Thế nào là Tứ thiên Bát định?

Đáp: Gồm bốn cấp thiền ở cõi Trời Sắc giới từ Sơ thiên đến Tứ thiên, có thiên thì có định, cộng với bốn thứ định ở cõi Vô sắc giới, nên gọi Tứ thiên Bát định. Xem Kinh Lăng Nghiêm sẽ giải thích kỹ hơn.

Hỏi: Nhục thân và pháp thân có khác nhau không?

Đáp: Nếu nói về bản thể của tâm linh thì chẳng khác, như kinh Pháp Bảo Đàn nói “sắc thân với pháp thân chẳng khác”, còn theo tư tưởng chấp thật thì có khác.

Hỏi: Trong kinh Viên Giác nói đến cách tu Chỉ quán phải tránh bốn bệnh tác, chỉ, nhậm, diệt; lúc đầu con không biết làm sao tránh khỏi, sau nghe Sư phụ giảng hễ tham thiền khởi lên nghi tình thì không rơi vào tâm phân biệt. Vậy có phải chỉ có tham thiền khởi nghi tình là không rơi vào bốn bệnh này?

Đáp: Chẳng phải chỉ có bốn bệnh tác, chỉ, nhậm, diệt; không lọt vào tứ cú, không lọt vào 62 kiến chấp, không lọt vào bất cứ chỗ nào, tức là nghĩa vô sở trụ. Nhưng sự thật thì lúc chưa ngộ, hễ trụ vào tác, chỉ, nhậm, diệt là chướng ngại, còn nếu không trụ thì đó là phương tiện để tu, là thuốc chử chẳng phải bệnh! Phật Pháp gọi là pháp bất định, chẳng phải có sự nhất định.

Hỏi: Nếu tu theo pháp môn khác có rơi vào bốn bệnh kể trên không?

Đáp: Nếu tu đúng theo tông chỉ của pháp môn đó cũng không bị rơi vào. Tổ sư thiên có một đặc điểm là chỉ chú trọng chữ nghi; cái nghi là nhân của ngộ, nên bất cứ thiên gì, cuối cùng cũng phải từ nghi đến ngộ. Ví như pháp thiên Chỉ quán, tu đến Thễ-chơn-chỉ là phát nghi; cho đến pháp môn Tịnh độ, vãng sanh cõi Cực lạc rồi Phật A Di Đà mới dạy cách tham thiên và phát nghi rồi được ngộ. Phật Pháp giải thoát cần sự ngộ, chúng ta học Phật là muốn học pháp giác ngộ, tất cả Phật Pháp đều muốn dẫn dắt mình đến con đường giác ngộ, chứ chẳng phải muốn trừ vọng, muốn dẹp bệnh này bệnh kia.

Hỏi: Người đời nói tình yêu, trong đạo nói tình thương, vậy giữa hai danh từ này có khác nhau không?

Đáp: Tình yêu và tình thương đều là tình cảm của người đời, còn pháp xuất thế gian nói “Hễ tình sanh thì trí cách”, bất cứ mống lên tình cảm gì thì trí huệ bị ngăn cách chướng ngại.

Tu sĩ đã xuất gia, đối với tình thương của gia đình cũng không còn; tình thương đã trở thành từ bi, tức chẳng có TA, gọi là vô duyên từ và đồng thể bi, tức đã phá sạch ngã chấp, chẳng còn đối đãi, khác với tình thương của người đời.

Nói một cách rõ hơn là thương tất cả chúng sanh đều bằng nhau. Trong Triệu Luận nói “Đại nhơn bất nhơn”, nhơn là tình thương, đại nhơn đã cùng khắp rồi thành ra không có tình thương, vì đối với chúng sanh nào cũng như nhau, chẳng còn phân biệt nữa. Còn người thế gian thì khác, đối với anh em cha mẹ thì có nhiều tình thương, còn đối với người khác thì không.

Nói đến tình yêu thì Dục giới mới có, Sắc giới và Vô sắc giới đã không có rồi.

Hỏi: Trường hợp có một thiếu nữ đến ôm một vị Tỳ-kheo và nói “Nếu thầy không yêu em thì em sẽ chết và chết ngay tức khắc!” Xin hỏi Sư phụ nên giải quyết như thế nào?

Đáp: Mặc cho cô ấy chết.

- *Vậy thì không có lòng từ bi sao?*

- Tôi đã nói từ bi khác hơn bác ái; từ bi đã không có ta rồi mới thành từ bi; từ bi chẳng phải chỉ thương một người, tất cả chúng sanh đều bằng nhau.

Chớ nói chi xa, hãy ra chợ đến các hàng bán cá, những con cá cũng sắp chết, chẳng những chết, người ta còn đem về làm thịt kia! Nó với cô thiếu nữ đâu có khác, tại sao không đi cứu!

Bổn phận của người Tu sĩ thọ cúng dường của mười phương, nếu bỏ bổn phận tu hành mà đi làm việc từ thiện; người ta thiếu áo cho áo mặc, đói cho ăn, bệnh cho thuốc... cũng còn bị thiện nhân chiêu ác quả, trong Giới luật ghi rõ mười sáu điều. Tại sao? Vì chữ Phật là giác ngộ, phải tự giác giác tha, nay mình là Tu sĩ Phật giáo, nếu bỏ bổn phận tu thì làm sao tự giác rồi giác tha? Những việc làm từ thiện đó được mọi người ca ngợi, đem lại nhiều tiếng tăm, là tăng thêm ngã chấp, còn tu hành là phá ngã

chấp. Những việc làm trên so với việc của cô thiếu nữ đó ra sao? Nếu bỏ hết những sự cúng dường của mười phương trước đó mà chiều theo cô thiếu nữ, ấy là phá giới, là tội Ba-la-di, đọa địa ngục chín triệu năm xong, sau khi ra khỏi, phải đầu thai thành trâu ngựa để trả nợ của thí chủ!

Hỏi: Từ khi xuất gia đến giờ, có hai điều khiến con cảm thấy buồn: Một là số huynh đệ sau một thời gian tu vì không giữ được giới dâm phải ra đời; hai là có những vị tu đến bậc Thượng tọa, Đại đức, trong thời gian tu rất tinh tấn, sau đó cũng ra đời vì vấn đề quan hệ nam nữ...

Đáp: Giới luật của Đức Phật chế ra rất tỉ mỉ: Tu sĩ mới xuất gia phải thọ mười giới của Sa-di, Sa-di ni, nhưng mười giới này Tu sĩ thời nay không có giữ. Như thầy đã thọ giới Sa-di rồi, thầy có giữ không?

- Bạch Sư phụ, con có thọ, nhưng...

- Không có giữ, phải không? Trong mười giới của Sa-di, năm giới trước thì cư sĩ khi thọ ngũ giới đã phải giữ. Giới thứ ba là dâm giới, cư sĩ thì cấm tà dâm, không cấm chánh dâm, còn Tu sĩ phải cấm cả hai.

Tại sao Đức Phật phải chế ra năm giới kế tiếp? Ví dụ giới không dùng các loại hương thơm, không ngồi giường cao rộng, không đi xem hát bóng v.v... Năm giới kế tiếp này nhiều người tưởng là không cần thiết, mà chẳng biết đó là dây kềm gai để rào chắn lại, ngăn chặn không cho vi phạm giới dâm. Nhưng thời nay không ai giữ, xem như không có gì, Sa di thọ giới cứ thọ, mà giữ thì không giữ.

Theo giới luật, ngay sau khi xuất gia, thời gian chậm nhất không quá một ngày, Sa-di phải thọ mười giới, nhưng có nhiều người không thọ mười giới, kể cả ngũ giới cũng chưa! Có người thọ rồi lại không giữ, vì không giữ nên năm lớp dây kềm gai của Đức Phật chế ra coi như chẳng tác dụng, nên mới dễ vi phạm giới dâm.

Trong các vật dụng hàng ngày như kem đánh răng cũng có mùi thơm, xà bông cũng có dầu thơm... từ khi xuất gia đến nay, tôi không bao giờ dùng những loại kem đánh răng có mùi thơm và xà bông thơm.

Hỏi: Cũng có nhiều trường hợp người nữ dùng thủ đoạn như đem những chất dơ bẩn pha lẫn trong thức ăn để mê hoặc người nam, như vậy làm sao cứu vãng?

Đáp: Tà thường chẳng thắng nổi chánh; do trong cái chánh đã có tà rồi thì tà mới nhập được. Như trường hợp A Nan bị Ma Đăng Già mê hoặc nhiếp vào nhà dâm trong Kinh Lăng Nghiêm: Tại sao Ma Đăng Già có thể dùng tà chú nhiếp được A Nan? Vì lúc đó trong lòng A Nan đang nghĩ đến vấn đề dùng pháp bình đẳng để khát thực, cho rằng Tu Bồ Đề và Ma-ha Ca-diếp, người thì chuyên khát thực nhà giàu, người chuyên khát thực nhà nghèo là không bình đẳng. Do đó muốn hành theo pháp bình đẳng của Phật, không phân chia giàu nghèo, hầu tránh cho Phật Pháp không bị người đời phi báng.

Nghĩ như thế là chuyện tốt, nhưng đang lúc nghĩ thì bị Ma Đăng Già dùng tà chú nhiếp vào nhà dâm. Tại sao? Như ngài Lục Tổ nói “Vô niệm niệm tức chánh, hữu niệm niệm thành tà”, do hữu niệm nên liền bị tà nhiếp. Suy nghĩ việc chính đáng còn như thế, huống là những suy nghĩ bậy bạ kia! Nếu là người chơn tu, như tham thiền là dẹp hết tất cả suy nghĩ, không cho dùng tâm suy nghĩ.

Hỏi: Thuở xưa A Nan bị nạn Ma Đăng Già được nhờ thần chú của Phật để thoát nạn, còn hàng chư Tăng bây giờ nếu bị nạn thì sao?

Đáp: Câu chú đâu có sức lực? Sức dụng ở tại nơi tâm người dùng chú, nếu câu chú có sức lực thì ai niệm cũng có công hiệu sao! Vấn đề mà thầy đưa ra về tình thương nam nữ đó, Đức Phật sở dĩ chế ra giới luật là giữ gìn nghiêm ngặt cẩn thận cho hàng Tu sĩ, như mười giới kê trên, đều là hàng rào ngăn chặn vấn đề phạm giới. Lại nữa, giữa chùa Tăng và chùa Ni, không cho cách xa lắm nhưng cũng không cho ở gần, khoảng cách chừng nửa cây số, để mỗi nửa tháng Tỳ-kheo-ni phải mời Tỳ-kheo Tăng đến giảng dạy đúng theo pháp Bát kinh. Ngoài ra, trong giới luật qui định:

- Tỳ-kheo được xuất gia bảy lần, Tỳ-kheo-ni chỉ được một lần.
- Về tội Ba-la-di: Tỳ-kheo chỉ có bốn tội, trong khi Tỳ-kheo-ni đến tám tội.
- Nam từ Sa-di lên thẳng Tỳ-kheo, còn Sa-di ni phải qua Thức xoa hai năm rồi mới lên Tỳ-kheo-ni.

Cho nên, Phật Thích Ca đã cho phòng ngừa trước, chỉ vì người đời sau không chịu hành theo giới luật, nay người thọ giới chẳng tự trách mình không giữ giới, lại trách do người khác cảm dỗ sao được! Như thầy nói về trường hợp cô thiếu nữ kia, cô ấy là người ngoài đời, chẳng biết giới luật, còn mình là Tu sĩ, đã thọ giới thì phải giữ giới, đâu thể nói “Nếu để cô đó chết là không từ bi!”

Vấn đề này trong xã hội chúng ta hiện nay ngày càng nghiêm trọng. Tại sao mấy cô gái không tìm bạn trai ngoài đời mà vào chùa tìm những vị Tu sĩ? Vì khi tiếp cận Tu sĩ theo cách cúng dường của Phật tử là điều kiện dễ dàng thân cận và công khai, lại chẳng mất lòng tự ái như theo đuổi một người con trai ở ngoài đời. Nhưng vì Đức Phật đã biết trước, đã phòng ngừa trước rồi, nếu ai nấy đều giữ theo giới của mình thì đâu có việc gì xảy ra! Nói đi nói lại, phải tự trách mình, chứ đừng trách người khác.

Chẳng những Tu sĩ, mà tất cả mọi người đều phải giữ bổn phận của mình; cha mẹ có bổn phận cha mẹ, con cái, vợ chồng v.v... mỗi mỗi đều phải có bổn phận. Người xuất gia thì Sa-di có bổn phận của Sa-di, Sa-di ni có bổn phận Sa-di ni... Nếu bỏ bổn phận của mình đi làm việc khác, mặc dù cao quý hơn, được người ta tán thán hơn, vẫn là thiện nhân chiêu ác quả, trong giới luật Đức Phật đã qui định rất rõ.

Nay tôi khuyên mọi người phải hết lòng tự mình lo tu, đã là vai trò nào thì làm đúng bổn phận vai trò đó. Mình không tự lo cho mình, lỗi của chính mình không kiểm soát, cứ nhìn thấy lỗi người khác, như Lục Tổ nói “Hễ thấy lỗi của người, trở thành lỗi của mình”. Khi xưa lúc ngài Lai Quả mới đến Thiên đường Chùa Cao Môn cũng vậy, cứ nhìn thấy lỗi của người này người kia, sau đó tỉnh giác rằng “Mình đến đây là muốn tu giải thoát, đâu phải đến để biết lỗi của người khác!” Cho nên tu bốn năm là kiến tánh.

Theo giới luật, Thầy bốn sư phải có trách nhiệm dạy đệ tử xuất gia, và Tỳ-kheo phải ở bên bốn sư mười năm, Tỳ-kheo-ni là mười hai năm mới được rời bốn sư. Nay nhiều người làm bốn sư mà chẳng dạy đệ tử, lại còn bênh vực đệ tử mình nữa!

Bây giờ chúng ta tham thiền, chỉ cần giữ được nghi tình của mình, ngoài ra không biết tới tất cả, đến chừng nào ngộ rồi tự biết.

Hỏi: Thế nào là công phu ít phí sức và thế nào là phí sức?

Đáp: Phí sức là cố gắng tập trung tinh thần, còn ít phí sức chỉ là kéo dài nghi tình hỏi cho miên mật thôi, khỏi cần cố gắng, khỏi cần tập trung tinh thần.

Hỏi: Thế nào là Tứ hoàng thệ nguyện? Ví như nói “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ” là chúng sanh nào? Làm sao độ? Làm thế nào đoạn dứt phiền não vô tận?

Đáp: Tôi thường nói “Tất cả do tâm tạo”, chúng sanh cũng do tâm tạo, chúng sanh chính là tâm của mình. Nói “độ” là độ chúng sanh của tâm mình, như tâm tham, tâm sân, tâm si... đều là chúng sanh. Hễ nói ra thì có số lượng, dù vô lượng vô biên, nhưng cũng bao gồm trong tâm.

Chữ Phật là giác ngộ, muốn giác tha thì trước tiên phải tự ngộ, gọi là chúng sanh vô biên thế nguyện độ. Phiền não vô tận cũng là do tâm tạo, pháp môn vô lượng thế nguyện học cũng là tâm. Nói đến vô lượng, như nay học pháp môn Tổ sư thiên đã bao gồm tất cả rồi, chẳng cần học theo từng pháp môn, vì nguồn gốc của nó là tâm. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành cũng là tâm, khi kiến tánh thành Phật thì bản tâm tự hiện, mặc dù nói đủ thứ danh từ, nào là Vô thi vô sanh, Bồ đề, Niết bàn, giải thoát vv... nhưng cũng là tâm, ý vốn chẳng khác, nên nói “Tự tánh bất nhị”.

Hỏi: Trong một giới đàn, có một lần sau khi thọ giới Sa-di xong, các vị Sa-di xin thọ luôn giới Bồ tát thì Ban Lãnh Đạo nói “Vị nào thọ giới sa-di xong liền thọ giới Bồ tát thì sau này không được thọ giới Tỳ-kheo”, vậy có đúng không?

Đáp: Không phải vậy, tại những vị ấy chưa thông suốt giới luật. Trong giới luật có tiệm giới và đốn giới: Tiệm là phải tiến lên theo từng lớp, như giới Thanh Văn, phải thọ ngũ giới rồi mới được thọ mười giới, rồi mới đến 250 giới của Tỳ-kheo, ấy là cho phái nam; còn phái nữ thọ mười giới rồi còn phải thọ Thức xoa xong mới được thọ giới Tỳ-kheo-ni, gọi là tiệm thứ.

Còn giới Bồ tát và Bát quan trai gọi là đốn giới, tức khỏi cần cấp bậc, chưa qui y Tam Bảo cũng thọ giới Bồ tát được, vì trong lúc thọ giới có làm lễ qui y, cư sĩ thọ ngũ giới xong là có thể thọ giới Bồ tát tại gia, thọ giới Bát quan trai cũng vậy. Người chưa thọ ngũ giới vẫn được thọ giới Bát quan trai, chứ chẳng cần phải theo thứ lớp.

Hỏi: Cư sĩ có thể thọ giới Bồ tát xuất gia không?

Đáp: Cư sĩ hễ thọ giới Bồ tát xuất gia phải hành theo hạnh xuất gia, ví như giới dâm: Cư sĩ chỉ cấm tà dâm, còn xuất gia là chánh dâm cũng cấm, nếu chịu thực hành giữ giới xuất gia cứ thọ. Giới Bồ tát là không hạn chế, còn các giới khác phải theo thứ lớp.

Hỏi: Trong Lâm Tế Ngữ Lục có câu “Thân y nghĩa lập, độ y thể luận, do đó pháp tánh thân và pháp tánh độ đều là quang ảnh của tự tâm”. Vậy thể nào là thân y nghĩa lập?

Đáp: Nói đến “nghĩa”, trong pháp tứ y có “Y nghĩa bất y ngữ”; chẳng y theo lời nói mà y theo nghĩa, nghĩa đúng thì theo, hễ lời nói đúng nhưng chẳng đúng với nghĩa cũng không theo.

Nói “Nghĩa” là nghĩa gì? Nghĩa cao nhất là thắng nghĩa, thắng nghĩa là muốn đạt đến cuối cùng, kiến tánh thành Phật, chứ chẳng phải nghĩa của người đời, mà là siêu việt cái nghĩa của người đời.

Nếu nói theo người đời thì thấy được phải có tướng, ví như đây là tướng của cái tách, tướng của cái bình ... cái nghĩa Không của cái tách là nó đựng được sữa, cà phê, nhưng chẳng có khả năng giữ ấm, còn cái nghĩa Không của cái bình thì được giữ ấm, nó khác hơn nghĩa Không của cái tách, khác hơn nghĩa Không của căn nhà... Tất cả đều có cái nghĩa Không khác nhau, nhưng có chung một nguồn gốc là cái nghĩa Không sẵn sẵn ấy lại chẳng có nghĩa lý gì!

Đức Phật vì muốn thuyết pháp độ chúng sanh cho dễ hiểu, nên phân biệt tướng và tánh: Tướng với tánh hơi khác; tướng là hình thức, tánh là cái dụng. Lại nữa, đem cái

tướng chia thành ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả để mọi người dễ tu: Phá được ngã tướng rồi đến nhơn tướng, phá hết nhơn tướng tiến đến chúng sanh tướng, ba thứ ngã, nhơn, chúng sanh tướng đều nằm trong thời gian, chấp vào thời gian là còn thọ giả tướng, ấy là tứ tướng của phàm phu.

Tứ tướng của bậc thánh: Phá được ngã tướng là năng chứng sở chứng và có thân ngữ uẩn để chứng đều chẳng thật, tiến thêm một bước là có năng ngộ sở ngộ, ấy là nhơn tướng. Liễu tri năng chứng sở chứng, năng ngộ sở ngộ đều không đúng, nhưng có cái tâm liễu tri, gọi là chúng sanh tướng. Rồi tiến thêm một bước nữa là chứng quả Niết bàn. Phá được ba tướng ngã, nhơn, chúng sanh, nhưng chấp tướng tịch diệt Niết bàn, là thọ giả tướng. Tiểu thừa chấp đó là thật, trụ nơi Niết bàn, tức mạng căn chưa dứt, Thiên tông thì phải cắt đứt mạng căn đó. Chứng đến cuối cùng chẳng phân biệt tánh tướng nữa, lại đặt cho tên gọi là “Thật tướng”, cho nên nghĩa cùng tột là Thật tướng.

Do bốn thứ tướng kia đều chẳng thật, mà thật tướng vô tướng, chẳng có nghĩa lại lập ra đủ thứ nghĩa, nên nói “Thân y nghĩa lập”. Nếu chẳng có nghĩa thì chẳng thể lập, cũng như tất cả nghĩa Không của cái bình, cái tách, căn nhà v.v... đều là từ nghĩa Không của hư không chẳng có nghĩa mới đặt ra được, tức hư không là thật tướng. Do phàm phu ham chấp tướng, chẳng có tướng thì không chịu, nên dễ nghe nói “cắt đứt mạng căn” là hoảng sợ.

Hỏi: Vậy thế nào là “độ y thể luận”?

Đáp: Thể là bản thể. Nay chỉ biết tâm linh mình gọi là Như Lai, Bồ đề, Niết bàn, Phật tánh... nhưng đối với bản thể thì không biết. Bản thể là hư không, là trống rỗng, là tâm linh của mình, tất cả pháp đều y thể này mà lập, tức hiển bày sự dụng. Như Trung Quán Luận nói “Do có nghĩa Không nên thành tựu tất cả pháp”. Ví như hiện nay thầy hỏi pháp tôi phải nhờ cái Không sẵn sẵn này, nếu không thì thầy cũng chẳng thể hỏi và tôi cũng chẳng thể trả lời.

Hỏi: Trong chùa, Ban chức sự bảo đại chúng ra làm ruộng, lỡ cuốc đất phạm phải giới sát sanh thì chúng con phải chịu nhân quả hay người điều hành phải chịu?

Đáp: Chúng ở trong Tông lâm, gọi là phổ thỉnh thì người nào cũng phải đi làm, chẳng phải trách nhiệm của riêng ai. Vì Mọi người đều làm chủ Tông lâm, chứ không phải chỉ có Trụ trì mới làm chủ: ở đậu một ngày làm chủ một ngày, ở mười ngày làm chủ mười ngày, ở một năm làm chủ một năm, khi nào đi thì thôi. Cho nên, quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, chẳng phải như ở trong gia đình, người gia chủ phải chịu trách nhiệm.

Hỏi: Khi làm ruộng gieo mạ phải xịt thuốc trừ sâu, vậy nhân quả thế nào?

Đáp: Cái gì cũng có nhân quả, người đã thọ giới Bồ tát phải chọn đất và nước trong sạch, chẳng sâu bọ mới trồng trọt. Hễ tu đến chứng được sơ quả Tu đà hoàn thì sâu bọ tự lìa, nếu không thì khó tránh khỏi vấn đề sát sanh. Muốn giải quyết triệt để phải kiến tánh mới được, nay chưa kiến tánh, dùng cái lý mình hiểu biết chẳng thể giải quyết vấn đề. Tại sao? Cũng như con vi trùng bệnh, khi chúng ta bệnh là do vi trùng xâm nhập cơ thể, đi khám Bác sĩ phải dùng thuốc diệt trùng, như tôi thường khuyên người ta đừng sát sanh, nhưng đâu thể khuyên người ta không đi khám bệnh! Vi trùng bệnh cũng là chúng sanh vậy! Cho nên, chỉ là tùy duyên mà làm thôi.

Tất cả đều là việc trong chiêm bao, bắt kẻ nhắm mắt chiêm bao hay mở mắt chiêm bao. Muốn giải quyết triệt để là phải rời khỏi chiêm bao, trong chiêm bao thức tỉnh mới lìa khỏi nhân quả, nếu không vẫn phải chịu nhân quả trong chiêm bao.

Do có sanh tử mới có việc này việc kia, tất cả đều do sanh tử mới có, nên chư Phật chư Tổ nói “Sanh tử là việc lớn”, bảo chúng ta phải giải quyết vấn đề sanh tử. Nếu chưa ra ngoài sanh tử thì chẳng thể tránh khỏi được.

Ăn cục thịt trả cục thịt, ấy là do mình có tác ý tạo, hoặc giết hại theo sự giận tức như khi bị con muỗi chích, bị con kiến bu ăn thực phẩm, bị mối mọt làm hư hoại đồ vật... thì nhân quả nặng hơn. Còn những việc làm không tác ý tạo, không khởi tâm giết hại thì nhân quả nhẹ, như khi bệnh rồi phải đi thầy thuốc khám chữa bệnh cho mau khỏi. Mặc dù có ý tạo tác như vậy, nhưng có thể tránh được, ngoài ra còn có những trường hợp mình chẳng thể tránh, cho nên phải giải quyết nguồn gốc sanh tử. Như pháp môn tham Tổ sư thiên là muốn cho mọi người đạt đến giải quyết vấn đề nguồn gốc.

Hỏi: Con làm nghề bán cơm rượu, có một số Phật tử bảo con ngưng bán, chẳng thà họ gởi gạo, rau cải cho con sống qua ngày, nếu cứ bán tiếp sau khi chết sẽ có tội, phải vậy không? Kính xin Sư phụ từ bi khai thị.

Đáp: Tôi đã nói ăn cơm rượu không phạm giới cấm uống rượu, còn bán cứ việc bán, vì người ta không hiểu nên nói vậy.

Hỏi: Từ khi xuất gia, con làm việc thì nhiều, tu thì ít, đến khi con bị bệnh, xin thầy con cho đi tìm thiên đường chuyên tu và trị bệnh, thầy con không cho, bảo con ở lại vừa làm vừa tu. Nhưng con chẳng thể vừa làm vừa tu được, nay con định đi tìm một nơi để chuyên tu, nếu không thì mang nợ thí chủ, vậy có phải thầy không?

Đáp: Thật ra trong cuộc sống hàng ngày đều là tu, tôi đã nói: Ăn cơm cứ ăn cơm là tu, mặc áo cứ mặc áo, là tu... tất cả đều là tu; chứ chẳng phải đi đến Thiên đường hay một chỗ nào mới là tu. Pháp môn Tổ Sư thiên là tối thượng thừa, chẳng bị không gian, thời gian, số lượng hạn chế, nếu giữ được nghi tình thì tâm không biết, chỗ nào cũng như chỗ này, chỉ tại tâm mình thôi.

Hỏi: Vì chúng con mới tập tu, nếu mệt quá thì khi lên chánh điện chỉ ngồi ngủ gục thôi chớ tu không nổi!

Đáp: Tôi đã giảng đưa bé ba tuổi chẳng biết gì cả cũng tham thiền được, huống chi mình là người lớn.

Hỏi: Người lớn vừa làm vừa tu không được, làm mệt quá rớt hết!

Đáp: Thế thì cứ ngồi đó ngó lên trời đợi rớt xuống ăn vậy!

Hỏi: Con là người xuất gia, có nhận một đứa bé nuôi từ thuở nhỏ, con nuôi bé bằng tiền của tín thí, lớn lên cho đi ăn học mà nó không có tu, chỉ lo việc ngoài đời. Vậy nuôi như thế có nhân quả không?

Đáp: Có nhân quả. Tệ hại này bây giờ nhiều lắm, nhiều Ni cô ham làm mẹ, đó là đặc tính của người nữ, như con gà mái ấp trứng. Đã xuất gia là không có nhà, lại nuôi thêm đứa bé, nhiều người nuôi một đứa chưa đủ, nuôi cả ba bốn đứa. Mục đích nuôi để làm gì? Chỉ tăng cường ngã chấp! Đến chừng đứa bé lớn lên, đâu biết tu, cũng đâu có tu? Sự hao tổn của đàn na tín thí là nợ phải trả, người nuôi phải chịu nhân quả chứ đứa bé đâu biết gì!

Hỏi: Lúc con hành thiền không có tham câu thoại đầu, mà chỉ là niệm Phật và cũng không nhất định ngồi theo kiểu kiết già, vậy có được không?

Đáp: Niệm Phật phải theo đúng tông chỉ của Tịnh độ, Tông chỉ của Tịnh độ là gì?

- Khi con ngồi, chỉ biết niệm Phật và trì chú, tâm con chẳng buông lung cũng chẳng nghĩ ngợi gì cả..

- Đường lối thực hành còn không biết, làm sao tu! Muốn thực hành pháp nào cũng được, nhưng phải biết rõ cách thực hành. Nếu không biết, như người mù đi đường, bị té vào hố sâu cũng chẳng hay, té xuống hầm cầu cũng không biết. Niệm Phật đâu cần ngồi!

- *Nếu con không ngồi thì chẳng thể nhất tâm được.*

- Đã nói niệm Phật chẳng cần ngồi, tham thiền cũng chẳng cần ngồi, đi, đứng, nằm, ngồi, đâu cần nhất định phải ngồi? Tông chỉ thực hành chẳng phải do ngồi, phải biết rõ con đường đó rồi mới đi được.

Hỏi: Thế nào là “Suy nghĩ cái chẳng thể suy nghĩ được, chẳng thể suy nghĩ thì suy nghĩ làm sao”? Câu này thuộc Tổ sư thiền hay Mặc chiếu?

Đáp: Ấy là dùng lời nói để hình dung, do bộ óc chúng ta từ lâu đòi ham suy nghĩ, nên chiều theo sự suy nghĩ của bộ óc, suy nghĩ đến chỗ nguồn gốc, chỗ phát lên cái suy nghĩ đó. Chỗ này ngài Ngưỡng Sơn ở tông Qui Ngưỡng cũng có dạy: Có một học Tăng tham thiền nhưng ham suy nghĩ, ngài Ngưỡng Sơn hỏi: Sư là người gì?

- Tăng trả lời nơi quê hương đang ở.

- Sư có nhớ nhà không?

- Dạ có.

- Vậy sư nhớ tất cả nhà cửa đường phố xe cộ v.v.. nơi quê hương không?

- Dạ nhớ.

- Trong cái tâm suy nghĩ của sư có cái đó không?

- Dạ không có.

Vì đó chỉ là sự suy nghĩ của tâm, còn năng suy nghĩ thì không có. Nay ông hãy trở lại suy nghĩ cái tâm năng suy nghĩ đó, tìm xem có gì không? Tìm mãi không thấy gì mới chấm dứt được sự suy nghĩ và ngộ.

Một vị trình công phu: Kính bạch Sư phụ, con có một việc vô cùng phấn khích, biết ơn Sư phụ đã tổ chức đạo tràng cho chúng con được dịp tu học... Con xin trình bày:

Con bắt đầu biết đến pháp môn này cách đây mười năm. Trong quá trình thực hành, công phu của con có lúc đắc lực, có lúc không. Cho đến dịp này dự thất, khi con trình lên câu tham, được Sư phụ sửa lại câu “Trước khi mẹ sanh, mặt mũi con ra sao?” Thế là con đem hết mình tham, luôn cả lúc về nhà.

Đến buổi sáng thất thứ năm, khoảng chín giờ, lúc đó con chẳng hay biết cũng chẳng khởi tưởng gì cả, bỗng dưng nghe có tiếng trả lời “Thật tướng mà, Thật tướng vô tướng mà! Mặt mũi hình tướng gì!” Và con cảm thấy một sự nhẹ nhàng như được cởi trói cho cả thân tâm. Vẫn không tin đó là một phần giác hay cái gì đó, nên con lại tiếp tục tham, nhưng con tham không được nữa, cứ có sự trả lời như thế. Do đó con tự ý đổi qua câu tham “Không phải tâm, không phải Phật, không phải vật, là cái gì?” Cũng lại được trả lời “Ấy là vô tướng, vô tâm mà!” Con thử bẻ mạnh ngón tay mình để có sự tỉnh giác và kích thích tận xương cốt mà vẫn cảm thấy nhẹ nhàng...

Con cũng có sự mừng mừng vui vui. Tiếp theo con lại nhớ đến một câu “Ba thuở tìm tâm tâm chẳng thấy, dốc lòng kiếm vọng vọng hoàn không”, con tự tra xét lại

cũng chẳng thấy có vọng tưởng nào, trong tâm hoàn toàn là một sự vắng lặng rỗng rang.

Khi trên đường về nhà, thấy cảnh vật bên ngoài cũng có phần nào thay đổi, nhìn lên bầu trời thấy xa khơi mênh mông và có một sự rung cảm nào đó...

Đến ngày thất thứ sáu, đi vào thiền thất cũng với câu tham cũ, con lại chợt nhận ra “Theo dòng nhận được tánh, chẳng buồn cũng chẳng vui”. Đến buổi chiều thì con nhận thấy không có lực tham nữa, thế là con lại có một câu “Khi chưa biết gì, còn đang lo tham thì mặt mũi như lo ma mẹ, biết rồi mặt mũi cũng như lo ma mẹ”. Con cảm thấy con đường tu tiến hãy còn xa lắm, chưa được gì đâu, đừng vội mừng.

Với nội dung con trình bày kể trên, xin Sư phụ tra xét tâm con và chỉ dạy cho con.

Đáp: Tâm của ông là bị sở tri chướng; do trước kia hiểu biết nhiều quá, chứa đầy trong bụng. Theo ngài Lai Quả nói “Chẳng những phải đổ ra hết, hễ còn cái bụng vẫn chưa được, vì còn có dịp cho chứa vào, phải quăng luôn cả cái bụng, không cho chứa nữa mới là triệt để”.

Bây giờ tôi hỏi ông: Người biết Thật tướng đó là ai?

- Dạ, chính là Thật tướng vô tướng.

- Đã vô tướng thì ai biết vô tướng đó?

- Con thấy như là chính cái đó nó biết chứ chẳng phải con biết.

- Đã nói là vô tướng thì lấy cái gì để biết?

- Dạ, con chịu thua, không biết.

- Cái không biết đó, bây giờ tham đi, nhìn chỗ đó đi, cứ hỏi và nhìn ngay chỗ đó xem xem là gì, tại sao có cái biết đó?

- Xin Sư phụ vui lòng hỏi lại con câu hỏi đó.

- Người biết Thật tướng vô tướng đó là ai?

[19] 27/01/96–02/02/96 tại Trường Cơ Bản Phật Học Đại Tông Lâm.

Hỏi: Khi quán Đức Phật trăm phước trang nghiêm, cái quán đó có phải vọng tưởng không?

Đáp: Thầy nói cái quán đó nằm trong tông phái nào?

- Dạ, cũng như thay vì quán hơi thở mà nay quán trăm phước trang nghiêm của Đức Phật?

- Quán hơi thở gọi là Sở tức quán, là một trong năm thứ thiền quán của thừa Thanh văn, gọi là Ngũ đình tâm quán, bao gồm: Từ bi quán, Nhân duyên quán, Lục thức quán, Bất tịnh quán và Sở tức quán, ấy là thiền quán riêng biệt của thừa Thanh văn dùng để đình chỉ cái tâm.

Lại nữa, cách đếm hơi thở gọi là Lục diệu môn, cũng là của Tiểu thừa, nếu theo đó tu có thể đạt đến diệu cảnh của Niết bàn Tiểu thừa. Trong cuốn Danh từ Thiền học chú giải của tôi cũng có giải thích những danh từ đó.

Còn bây giờ thầy hỏi là thiền quán nào? Nếu nói về Tổ sư thiền thì đó là vọng tưởng, nếu nói là Tịnh độ thì không phải, vì trong mười sáu thứ thiền quán có quán tượng Phật của A Di Đà, chứ không quán trăm phước trang nghiêm của Đức Phật.

Nếu tham thoại đầu mà quán Phật là vọng tưởng, chớ nói là quán, ở trong Thiền đường của Tông lâm Thiền tông, niệm một tiếng Phật phải phạt rửa thiền quán ba ngày! Còn Tịnh độ thì phải niệm Phật. Bởi vậy, hễ theo pháp thiền quán nào phải theo đúng tông chỉ tông phái đó, chứ chẳng phải đều giống nhau, do đó Đức Phật mới dạy tám mươi bốn ngàn pháp môn.

Hỏi: Có một cô Phật tử năm nay sáu mươi lăm tuổi, chồng cô ta mắc bệnh tâm thần hơn bốn mươi năm nay, chạy đủ thầy thuốc chẳng hết bệnh, cũng chẳng chết. Cô ấy muốn lập đàn sám hối thay chồng, vậy có lợi ích gì cho người chồng không?

Đáp: Nhân quả là ai làm nấy chịu, chứ chẳng thể người này làm thế cho người khác được.

Hỏi: Chồng của cô ấy trước kia cũng làm ra một số tiền, nay cô muốn đem số tiền bỏ thí cúng dường hoặc làm một việc gì đó cho chồng được nhẹ bớt bệnh?

Đáp: Nhưng người chồng phải biết sự phát tâm đó, vì có biết mới có tâm tạo, hễ tâm tạo một niệm thiện, có thiện nhân mới được thiện quả.

- Vậy ông đó phải phát tâm mới được?

- Phải.

Hỏi: Con là học Tăng mới, trong quá trình công phu con gặp phải những hiện tượng bức xúc như cảm thấy thân không còn nữa, hoặc như đứng trước ngã tư đường, bốn phía đều bị vây chặt, phía trước lại là hố thẳm chẳng thể bước tới; hoặc như đứng trước một bức tường chẳng thể xuyên qua... Vậy đó có phải thiên bệnh chăng?

Đáp: Tất cả thiền đều có thể trải qua những cảnh giới đó. Theo kinh Lăng Nghiêm, những cảnh giới đó nếu không cho là thù thắng thì là cảnh giới tốt, nếu cho là thù thắng sẽ lọt vào tà ma.

Còn Tổ sư thiên đối với tất cả cảnh giới đều không biết, hễ có biết ấy là vọng, là nghịch với Tổ sư Thiền, là chướng ngại sự kiến tánh. Phải dùng nghi tình để quét sạch những cảnh giới đó, dẫn cho Phật Thích Ca đến rờ đầu thọ ký vẫn là không biết, cứ nhìn và hỏi, những cảnh giới đó tự nhiên tiêu diệt. Vì pháp môn này là dùng cái không biết để tu, đến chừng biết được rồi thì tất cả đều biết, gọi là Chánh biến tri.

Hỏi: Khi đọc Kinh Pháp Bảo Đàn, con gặp hai bài kệ “Ngọa Luân hữu kỹ lưỡng, năng đoạn bá tư tưởng, đối cảnh tâm bất khởi, Bồ đề nhật nhật trưởng”. Còn ngài Lục Tổ lại nói “Huệ Năng một kỹ lưỡng, bất đoạn bá tư tưởng, đối cảnh tâm số khởi, Bồ đề tác ma trưởng”. Ý của hai bài này như thế nào?

Đáp: Bài kệ của Lục Tổ là để phá sự chấp thật của Ngọa Luân, vì Ngọa Luân có tư tưởng chấp thật, mà thực tế thì chẳng có cái nào thật. Tại sao? Vì tất cả đang biến hóa, hễ có biến đổi thì chẳng thật. Ví như mặt mũi của thầy, nhìn vào hình như lúc nào cũng giống nhau, nhưng sự thật có thay đổi, sát na trước và sát na sau đều khác nhau. Cũng như đốt lên cây đèn cây, thấy ngọn lửa như y hệt, nhưng ngọn đèn sát na trước và sát na sau đã hoàn toàn khác, chúng sanh không biết, chỉ cho là giống nhau thôi.

Hỏi: Đức Phật dạy tám mươi bốn ngàn pháp môn, tùy theo căn cơ của chúng sanh để hành trì, mục đích là tới thanh tịnh tâm; nhưng tại sao ngài Lục Tổ lại phủ nhận toàn bộ bài kệ của Ngọa Luân?

Đáp: Do thầy cũng có tư tưởng chấp thật nên có câu hỏi này, vì chấp thật mới cho là cái này đúng, cái kia sai. Nếu không chấp thật tức nghĩa vô trụ, chẳng trụ chỗ nào cả.

Hễ vô trụ thì cái nào cũng như cái nấy, ăn cơm cứ ăn, nói năng tiếp khách cứ nói năng tiếp khách, vốn chẳng dính dáng gì. Chẳng cho là cơm này ngon cơm kia không ngon, áo này đẹp áo kia xấu...đủ thứ phân biệt đều do tự tâm mình tạo ra, nên nói nhất thiết duy tâm tạo.

Hỏi: Câu “Dục trừ phiền não trùng tăng bệnh, xu hướng Chơn như tổng thị tà”, hai câu này đối đãi nhau, trong khi con muốn trừ phiền não thì phải làm sao?

Đáp: Tất cả lời nói của chư Phật chư Tổ đều chẳng thật, chính Đức Phật nói “Phàm là lời nói đều chẳng có nghĩa thật”, kinh Kim Cang nói “Vô pháp khả thuyết mới gọi là thuyết pháp”; “Nếu ai nói ta có thuyết pháp là phi báng Phật”, vậy có phải mâu thuẫn không? Không, bởi vì lời nói đó chẳng phải, cái phải đó chẳng thể nói. Tất cả những gì mình hiểu được, nói được đều chẳng phải thực tế, cái thực tế đó phải ngộ mới được.

Hỏi: Thể tánh của Phật là thể tánh không, thế thì tại sao bày ra đủ thứ pháp môn này pháp môn kia như Tổ sư thiền chẳng hạn, không khéo lại đem bụi bậm vào thể tánh đó?

Đáp: Tất cả pháp của Phật Thích Ca dạy đều là phương tiện, mục đích để đạt đến chỗ hiện ra bản lai diện mục của tâm mình, tất cả danh từ chỉ là danh từ chứ chẳng có thực tế.

Nói đến cái Không đó, bởi do tâm của mọi người chẳng hình tướng số lượng, “Không” là để hiện bày cái dụng, muốn dùng thì phải có cái Không đó. Ví như cái tách này, nếu chẳng có cái không, ấy là tách chết, dùng không được; cái bàn này, bình này, căn nhà này v v... cũng vậy. Mà cái Không này là vô sở hữu, vô sở hữu mà dụng nạp tất cả, tất cả đều ở trong vô sở hữu này, và tất cả đều phải nhờ cái vô sở hữu này mới hiện bày được sự dụng.

Nếu vô sở hữu thì chẳng nghĩa lý, chẳng lời nói chẳng danh từ nào để nói; bây giờ muốn nói, đặt ra những danh từ là phương tiện cho mọi người hiểu được cái dụng. Ví như bản thể của tâm khắp hư không chẳng khứ lai, nên đặt tên Như Lai, là đứng như bản lai; vì khắp thời gian thì chẳng sanh diệt, nên đặt tên Niết bàn, vì trống rỗng chẳng có gì cả nên đặt tên Tánh Không v v...

Hỏi: Nếu như thế thì đâu cần bàn là giải thoát hay không giải thoát? Vì thể tánh vốn như thế!

Đáp: Phải. Cho nên có người đến với Tổ sư, Tổ sư hỏi: Muốn gì? - Muốn cầu giải thoát. - Tổ hỏi: Ai trói buộc ngươi? Vốn là không trói buộc thì đâu cần cầu giải thoát, phải không? - Dạ phải. Nhưng chính bây giờ ông bị trói buộc rồi, do tâm ông tự trói nên mới cầu giải thoát.

Hỏi: Bạch Hòa thượng, đúng. Nhưng nếu con bị trói buộc thì ngay bản thân con phải tự giải thoát chứ đâu nhờ ai giải thoát cho con được? Sở dĩ đặt ra những phương pháp đó chẳng qua chỉ là phương tiện thôi!

Đáp: Nếu không đặt ra thì ông làm sao biết để đi đến giải thoát? Cho nên Đức Phật mới đặt ra phương tiện. Mặc dù đặt ra, nhưng ngài lại sợ người ta chấp vào lời nói của Phật, nên nói “Ta bốn mươi chín năm chưa từng thuyết một chữ”, “Ai nói ta có thuyết pháp là phi báng Phật”. Vậy ông có hiểu không?

- Dạ hiểu.

- Thế thì khỏi hỏi nữa.

Hỏi: Mỗi người đều có một viên minh châu, vậy đâu là viên minh châu của Hòa thượng?

Đáp: Bây giờ nói chỉ là lời nói, ví như nói về cái tâm, cũng chỉ là danh từ để nói thôi. Mặc dù Phật đặt ra những danh từ, nhưng ngài nói là chẳng có nói. Tại sao? Vì cái thực tế nói không được. Đức Phật đặt ra danh từ rồi bảo chúng ta phải thực hành, phải đi đến chỗ thực tế của danh từ đó. Muốn đến chỗ thực tế của danh từ đó phải tu.

Hỏi: Qua những câu hỏi trên, khiến con nhận thức rằng những tri kiến được tiếp thu qua vạn pháp ở thế gian đều là những phương tiện, chẳng phải cứu cánh. Những vấn nạn ngôn từ diễn đạt tình trạng tâm linh mà người ta thường dùng, vô tình đã gây chướng ngại cho sự phát triển minh tâm kiến tánh. Vậy xin Sư phụ từ bi khai thị phương pháp độc đáo của Tổ sư thiền cho chúng con hầu thấu triệt công phu trên đường tu tập.

Đáp: Cái độc đáo nhất ấy là vô sở hữu, tức hư không trống rỗng vô sở hữu. Tất cả chúng sanh, vũ trụ vạn vật, núi sông đất đai, nhà cửa cây cối, đều phải ở trong vô sở hữu này; trong cuộc sống hàng ngày, mặc áo ăn cơm, nói năng tiếp khách... đều phải nhờ cái vô sở hữu này.

Tâm của con người luôn muốn có sở hữu: Tiền này là sở hữu của tôi, nhà này là sở hữu của tôi, bất cứ tài sản gì đều muốn thuộc về sở hữu của tôi, từ đó sanh ra đủ thứ phiền não, chướng ngại cái dụng vô sở hữu.

Sự dụng của vô sở hữu vốn khắp không gian thời gian, chẳng có hạn chế, nay hễ sanh ra một mây may cầu sở hữu liền bị hạn chế, chướng ngại cái dụng của tâm vô sở hữu. Nên pháp tham thiền là dùng cái không biết để tu, vì không biết thì chẳng thể có tâm muốn sở hữu, hễ mong tâm mong cầu là biết vậy.

Hỏi: Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ dạy Huệ Minh khi đối cảnh chẳng khởi thiện chẳng khởi ác, đoạn sau lại dạy cho Ngọa Luân đối cảnh tâm cứ khởi, vậy hai đoạn này có phải mâu thuẫn không?

Đáp: Lời của Lục Tổ nói với Huệ Minh chẳng phải lời dạy, ấy là câu thoại đầu, thoại đầu là chưa nổi niệm lên, chẳng khởi niệm thiện cũng chẳng khởi niệm ác mới được gọi là thoại đầu. Nếu đã khởi lên một niệm, dù là niệm thiện cũng gọi là thoại vĩ chứ chẳng phải thoại đầu. Đến thoại đầu là chẳng có niệm nào, chỗ đó gọi là đầu sào trăm thước, hễ tiến thêm một bước là kiến tánh. Lục Tổ là muốn Huệ Minh ngay đó kiến tánh, chứ chẳng phải là dạy.

Đối với bài kệ để phá chấp thật của Thiền sư Ngọa Luân, như trên đã nói, chỉ là phá chấp thật thôi, cũng chẳng phải là dạy. Bởi vì vô sở hữu thì đâu có gì để dạy! Chư Phật chư Tổ cũng chẳng có gì để dạy, chẳng có gì cho người; trong Truyền Đăng Lục nói “Nếu nói tôi có gì cho người, ấy là lừa gạt người”.

Cho nên, nếu dùng tư tưởng chấp thật để tìm hiểu kinh điển Đại thừa là sai lầm, vì tất cả kinh Đại thừa đều chỉ là phá chấp thật mà thôi.

Hỏi: Trong kinh Phật thường nói đến hai chữ “Chánh niệm”, tức tâm mình ở trong trạng thái chánh niệm. Theo con hiểu, chánh niệm là vô niệm. Kinh Pháp Bảo Đàn nói “Vô niệm là nơi niệm mà lìa niệm”, tức trong tâm chẳng khởi niệm nào thì tâm được chánh định, phải không?

Đáp: Phải. Bài Vô Tướng Tụng trong kinh Pháp Bảo Đàn “Vô niệm niệm tức chánh, hữu niệm niệm thành tà”, chẳng có niệm nào cả là chánh niệm, bất cứ nổi lên niệm gì,

dù là niệm thiện, cũng thành tà. Chữ Tà này chẳng phải tà ác, chỉ là không đúng với chánh thôi.

Hỏi: Lúc tâm mình chẳng khởi lên một niệm nào, thì tâm ở vào trạng thái đó gọi là chánh định, phải không?

Đáp: Lúc đó sẽ gần đến bản lai. Câu tiếp theo trong Vô Tướng Tụng là “Tà chánh đều chẳng chấp” mới là đến chỗ bản lai. Nếu còn chấp vào cái chánh, chỉ là đến thoại đầu, chỗ đầu sào trăm thước, nên phải từ đầu sào trăm thước tiến thêm một bước, tức chẳng trụ nơi chánh nữa.

Hỏi: Nếu tham đến chỗ chỉ còn một niệm, tức nhìn vào câu thoại muốn biết mà biết không nổi đó, thì gọi là nhất tâm bất loạn, phải không?

Đáp: Nói nhất tâm bất loạn là của pháp môn Tịnh độ, còn Thiền tông thì định với loạn là tương đối, ví như vô ký, dù lúc đó tâm chẳng có loạn, mà Thiền tông cho đó cũng là bệnh.

Vì Thiền tông muốn giữ sự thắc mắc, muốn biết mà không biết, vẫn còn là không biết. Nhất tâm bất loạn của Tịnh độ có cái nguyện cầu vãng sanh, còn Thiền tông thì chẳng có nguyện, vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ, nên giống mà chẳng phải.

Tổ sư thiền là pháp thiền trực tiếp, mục đích là đi đến chỗ ngộ, chứ không muốn đi đến chỗ nhất tâm bất loạn, thanh thanh tịnh tịnh. Chẳng có sự mong cầu gì, hễ công phu đến mức tự động sẽ ngộ.

Hỏi: Về phần lý, đến chỗ nhất tâm bất loạn có phải là định chưa?

Đáp: Tất cả thiền đều muốn đạt đến thiền định giải thoát, còn Tổ sư thiền thì như ngài Lục Tổ nói với Pháp sư Ấn Tông trong kinh Pháp Bảo Đàn: “Thiền định giải thoát chẳng phải Phật Pháp, Phật Pháp là pháp bất nhị”. Những gì của Giáo môn coi trọng như thiền định giải thoát... thì Thiền tông lại không màng đến, nên Lục Tổ nói thẳng là chẳng phải Phật Pháp.

Vì Thiền tông là muốn đến chỗ thực tế, thực tế bất nhị, chẳng tương đối. Thiền định là đối với tán loạn, dẹp bỏ tán loạn rồi mới nói là định; giải thoát là đối với trói buộc, mở trói rồi mới được giải thoát. Tự tánh bất nhị, vốn chẳng phải loạn thì làm sao có định; vốn chẳng trói buộc thì làm sao nói là giải thoát!

Cho nên, có một vị Tăng đến hỏi Tổ sư xin giải thoát, Tổ nói: - Ai trói buộc ngươi?

- Chẳng ai trói. - Thế thì đâu cần xin giải thoát!

Thiền tông khác với các tông phái khác là đối với tất cả những danh từ đều không màng đến, những gì Giáo môn cho là quý, Thiền môn chỉ cho đó là dây xích bằng vàng, cũng là dây xích trói buộc thôi.

Hỏi: Về phần hành, khi nghi tình làm mất câu thoại, tiến vào vô thức vô minh hoặc đến thoại đầu, vậy thì thoại đầu với nơi chánh niệm hay chánh định đó có khác nhau không?

Đáp: Bây giờ nói chánh niệm, thoại đầu, vô thức vô minh, căn bản vô minh v.v... mặc dù đủ thứ tên gọi nhưng không khác, tức chỗ đó là nguồn gốc của ý thức, từ chỗ đó tiến lên một bước, lia ý thức là kiến tánh, phải lia ý thức rồi mới không có tương đối, còn ý thức là còn phân biệt là tương đối.

Hỏi: Về phần lý là vô niệm, tức nơi niệm mà lìa niệm, về phần thực hành thì pháp môn tham thoại đầu đã đưa người ta thực sự tâm chẳng còn dính một niệm nào, vậy theo con tìm hiểu pháp tham thoại đầu này qua phần lý và phần thực hành rất

trương ưng. Chúng con được pháp này là một điều đại nhân duyên, nay con đã được Hòa thượng từ bi khai thị rõ ràng, chỉ dẫn con đường sáng tỏ để đến bờ bên kia, xin thành kính cảm tạ ơn Sư phụ.

Đáp: Đó là bốn phận của tôi. Bốn phận người Tu sĩ là đi đúng theo nghĩa chữ Phật: Tự giác và giác tha, muốn tự giác giác tha phải dùng công phu, phải tu, nếu chỉ học hỏi là không đủ.

Hỏi: Sư phụ vì lợi ích tất cả mọi người đứng ra hoằng pháp, khổ tâm khổ trí, theo tư cách của một người tu phải chơn tham, chơn thực tu hành mới mong đạt đến kết quả giải thoát. Thế mà có những người bắt chước lời Phật lời Tổ, bắt chước cách làm của Tổ, làm trò cười cho thiên hạ, kinh Phật nói là “Kẻ đáng thương xót”. Đối với những người đã lâm vào tà kiến như thế, có cách nào giúp cho họ ra khỏi sự tà kiến đó?

Đáp: Những người không có sự chơn tu, chỉ bắt chước lời nói cử chỉ của chư Phật chư Tổ, Thiên tông gọi là “con chó” chứ chẳng phải con sư tử, tự tạo tội địa ngục mà chẳng hay. Những người này chẳng cách nào trị nổi, kể cả Phật Thích Ca. Phải đợi họ xuống địa ngục, chịu đủ khổ rồi ra mới sửa đổi được, còn bây giờ thì vô phương trị.

Hỏi Những người xuất gia học Phật Pháp đều biết rằng đã xuất gia lìa khỏi gia đình, đối với tình cảm cha mẹ họ hàng đều không quan tâm đến, gọi là thân sơ bình đẳng. Nhưng bản thân con chắc do ảnh hưởng tư tưởng thế gian nhiều, cho nên tình cảm cha mẹ vẫn ăn sâu vào tâm khảm, nhất là khi về nhà thăm gia đình, thấy cha mẹ tuổi già vẫn còn phải lao động làm con cảm thấy buồn. Vậy đó là do tâm trí con quá yếu hèn, phải không?

Đáp: Đó là tập khí phiền não từ lâu đời, người nào cũng vậy. Bây giờ tu là muốn sửa lại tập khí, phải có công phu mới sửa đổi được. Kỳ thật, cha mẹ vẫn có nhân quả của cha mẹ, con cái tự có nhân quả của con cái. Đối với cha mẹ kiếp này, nếu mình không xuất gia thì ở nhà lo cho cha mẹ, còn đã xuất gia, thọ sự cúng dường của mười phương, phải xem cha mẹ cũng như những Phật tử khác vậy.

Tôi thường nói Tu sĩ phải tự giác giác tha, cha mẹ cũng nằm trong đối tượng giác tha đó, đâu phải ở ngoài? Như Phật Thích Ca thành đạo rồi cũng về độ hết cha mẹ vợ con và dòng tộc, nhưng không xem họ là đặc biệt hơn, cũng như đối với cha mẹ người khác vậy.

Hỏi: Con theo Sư phụ đã được đôi ba năm, xét về phần tu hành không thấy khả quan lắm, nhưng vẫn cố gắng học hỏi tu tập giới luật, nếu có thời gian rảnh cũng nghiên cứu kinh điển, trao dồi thêm giới phẩm của mình. Thấy gần đây những Tu sĩ phần nhiều chú trọng học thức, không chịu nghiên cứu thêm giới luật, tế hạnh, để làm mô phạm cho tất cả chúng sanh, làm bậc thầy của trời, người, nên con thấy đây là vấn đề nan giải và đau lòng nhất. Kính mong Sư phụ ban cho vài lời cảnh sách.

Đáp: Nói đến Giới luật rất vi tế, Luật sư Hoàng Nhất ở Trung Quốc thời gần đây nói: Mặc dù ngài đã thọ giới Tỳ-kheo qua Tam đàn đại giới, nhưng đối với sự vi tế của giới luật Tỳ-kheo cũng chưa đủ, mà chỉ giữ đầy đủ ngũ giới của cư sĩ thôi. Thế mới biết sự vi tế như thế nào. (Sư phụ giảng về giới luật, xem trang 139)

Người phạm giới là vì muốn thỏa mãn dục vọng của mình, nếu có công phu thì tự nhiên không nhớ đến dục vọng và giữ giới được. Còn bây giờ học và ghi nhớ giới luật, nhưng gặp cảnh liền bị cảnh lôi kéo và phạm giới, Cho nên, nhiều người thông suốt giới luật vẫn phạm giới, do không có tu nên chẳng có sức lực dẹp tan dục vọng.

Ví dụ đối với số tiền ít thì không bị động tâm, hề gặp số tiền lớn thì động tâm. Các cái khác cũng vậy, tài, sắc, danh, thực, thù (ngũ)... ngũ thì không phải, đó thuộc vấn đề sinh lý, nhưng người tu hành ngũ vừa vừa thôi, chứ không cho ngũ nhiều.

Nói tóm lại, bất cứ tu pháp môn nào, phải có sự tu, phải có công phu mới mong sửa lại dần, nếu không tu mà chỉ nghiên cứu, mặc dù tất cả giới luật học thuộc lòng, rốt cuộc đối cảnh cũng bị phạm. Phải đối cảnh chẳng động tâm mới chắc là giữ được giới.

Hỏi: Trong Kinh dẫn dụ: Chúng sanh vô lượng vô biên mà ứng thân của Phật tùy theo căn cơ trình độ của mỗi loài cũng ứng hóa vô lượng vô biên. Thế nhưng trong thực tế, Phật nói tám mươi bốn ngàn pháp môn chỉ ứng dụng cho loài người, còn đối với súc sinh lớn như con voi, nhỏ như côn trùng thì Đức Phật hóa độ bằng cách nào?

Đáp: Trong lục đạo luân hồi gồm Trời, Người, A-tu-la, Súc sinh, Ngạ quỷ, Địa ngục, cõi Trời phước báo lớn hơn, chỉ thọ vui mà chẳng có khổ, vì không có khổ để kích thích sự ham tu, nên chỉ hưởng vui, không biết tu. Chỉ có cõi Người có khổ có vui mới biết tu. Cõi A-tu-la phước báo bằng cõi Trời, nhưng vì có tánh sân, hay nổi giận, lại cố ý nghịch với Phật Pháp nên cũng không có tu. Súc sinh thì phải trả ác nghiệp, không thể tu; Ngạ quỷ và Địa ngục cũng vậy, do phải chịu khổ báo, khó tu, cho nên chỉ có con người mới tu được.

Do đó trong Phật Pháp có câu “Thân người khó được”, chỉ có thân người mới nghe được Phật Pháp tu giải thoát, cũng chỉ có cõi người mới được thành Phật, ngoài ra năm cõi kia thì chẳng có. Còn Súc sinh phải chịu khổ báo mãn rồi mới có thể đầu thai thành con người và gặp được Phật Pháp mới tu hành thành Phật.

Hỏi: Người tiểu căn nghe pháp môn Tổ sư thiên ví như cây cỏ, cội gốc thì nhỏ, nếu bị mưa lớn sẽ ngã ngay, chẳng thể nào tăng trưởng được. Như chúng con thì thế nào?

Đáp: Nếu người tiểu căn nghe pháp Tổ sư thiên không được thì tu Tiểu thừa, bất quá chậm thôi. Tôi đã nói hạ căn có thể chuyển thành thượng căn, mật pháp có thể chuyển thành chánh pháp, hề người nào tự cho mình là tiểu căn mà muốn tu pháp Tổ sư thiên, dần dần đủ lòng tin rồi cũng tu được, tức chuyển hạ căn thành thượng căn.

Hỏi: Như Sư phụ mấy ngày nay giảng, Tất cả đều là diệu dụng của vô sở hữu. Tu pháp tham thoại đầu đến đâu sào trăm thước có biết tất cả những sự việc hay không?

Đáp: Tôi nói cái vô sở hữu đó là bồn lai vốn như vậy, chứ chẳng phải do tu mới thành. Ngài Long Thọ nói “Hư không vô sở hữu mới dung nạp tất cả”, hiện tiền trước mắt đây, cũng như thầy đang hỏi tôi, tôi giải đáp được cũng nhờ cái hư không vô sở hữu này; thầy thấy được tôi, tôi thấy được thầy cũng là nhờ cái hư không vô sở hữu này; tất cả vạn vật đều là ở trong cái vô sở hữu này.

Nên bài Đại Trí Độ Luận mà tôi trích dịch ra, có người hỏi:

- Tại sao nói hư không vô sở hữu dung nạp tất cả vật, mà chẳng nói hư không quảng đại dung nạp tất cả vật?

Ngài Long Thọ đáp: Vì hiện tiền thấy hư không là vô sở hữu, nhưng tất cả vũ trụ vạn vật đều ở trong đó, đều phải nhờ cái vô sở hữu mới được hiển bày.

Hỏi: Trong kinh Kim Cang nói “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, kinh Pháp Hoa lại nói “Thị pháp trụ pháp vị, thể gian tướng thường trụ”, vậy có khác nhau không?

Đáp: Kinh Kim Cang và kinh Pháp Hoa đều là Đại thừa liễu nghĩa, ý vốn chẳng khác. Kinh Kim Cang nói “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, vì có sở hữu tức là hư vọng, hề có sở hữu một tí cũng là chướng ngại, sở hữu nhiều chừng nào thì chướng ngại nhiều chừng nấy, nên nói là hư vọng. Chỉ có vô sở hữu mới không bị hạn chế. Đến chừng hoàn toàn vô sở hữu rồi thì có tên gọi là thật tướng, thật tướng vô tướng, đó chẳng phải hư vọng, Đại thừa ấn chứng người đã ngộ gọi là “Ấn thật tướng”.

Hai câu “Thị pháp trụ pháp vị, thể gian tướng thường trụ” của kinh Pháp Hoa là nghĩa vô sở trụ, cũng là vô sở hữu. Pháp nào trụ theo ngôi pháp đó, ví như cái đĩa này là trụ theo ngôi pháp đĩa, đĩa này làm bằng mù, đem đốt thành tro thì trở thành pháp vị tro, tro đó bị gió thổi tan thành không thì trụ ngôi pháp vị không. Pháp vị sanh trụ nơi sanh, pháp diệt trụ nơi diệt, chữ Trụ ở đây không thể dịch là “còn”, thường trụ không thể dịch là thường còn, chẳng trụ cũng không có nghĩa là chẳng còn, nếu dịch thành “còn” là không đúng nghĩa, vì ngôi pháp biến đổi hoại. Vô sở trụ chẳng phải không còn, chỉ là không trụ thôi, tất cả cũng y như cũ.

Kinh Lăng Nghiêm nói “vốn là Như Lai tạng”, là tùy theo pháp vị, chẳng thêm vào ý mình cho là đúng hay sai, cho là hợp lý hay chẳng hợp lý... thì không trụ theo pháp vị. Nay Phật dạy chúng ta trụ theo pháp vị tức vô sở trụ, vô sở trụ tức vô sở hữu, thể gian tướng phải trụ như vậy. Nghĩa thể gian tướng là sanh diệt, nhưng nếu trụ như vậy thì pháp sanh trụ nơi sanh, pháp diệt trụ nơi diệt, nên thể gian tướng thường trụ; thường trụ như thế là chẳng trụ chỗ nào cả.

Hỏi: Con tham câu “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, là cái gì?” nhưng tự nhiên lúc đang tham, trong tư tưởng của con phát ra những câu nói “Phật tánh vốn không sanh diệt, chơn tâm vô sanh bất hoại, vạn vật bất khả trường tồn, thân ý bất luận như nan, đắc quả chơn vị Bồ đề, không không có có Như Lai thị”. Vậy những câu nói trên do thức nào của con phát sinh ra?

Đáp: Do vọng tưởng của cô. Tại cô cứ suy nghĩ hoại, tham thiền là muốn chấm dứt sự suy nghĩ. Nay tôi nói cho biết: Tất cả vật chất đều tồn tại vĩnh viễn, chưa bao giờ mất, ví như ly nước tôi đang uống đây, có thể cả tỷ người đã uống qua, nó không có mất, mà tất cả năng lượng đều tồn tại vĩnh viễn không có mất, kinh Lăng Nghiêm nói ‘Tất cả tánh thấy, tánh nghe của mình chẳng chết cũng chẳng mất, tánh ngữi, tánh nếm cũng vậy’. Dù thân này hư hoại, nhưng những tánh thấy, tánh nghe vẫn tồn tại, ấy là năng lượng của tâm.

Hỏi: Kính bạch Hòa thượng, chúng con cũng rõ chơn tâm của chúng con vốn là thường trú, thể tánh cũng sẵn là tịch mình, hơn nữa nó là bất sanh bất diệt...

Đáp: Ấy là lời nói, là hiểu biết theo lời nói. Ví như người mù hỏi người mắt sáng “Mặt trời như thế nào?” Người mắt sáng nói “Mặt trời là tròn với nóng”; ấy là lời nói, nhưng nếu cho tròn với nóng là mặt trời thì sai. Nay dùng lời nói để truy cứu thực tế thì càng truy cứu càng xa.

Cho nên, Đức Phật khuyên chúng ta tu, khi được tự chứng phần rồi tự rõ, nếu không tu mà chỉ dùng bộ não để truy cứu, cũng như các nhà khoa học, nhà triết học muốn nghiên cứu sự bắt đầu của vũ trụ, sự bắt đầu của sinh mạng, dù nghiên cứu thêm một tỷ năm cũng không được, vì vốn chẳng có sự bắt đầu.

Đức Phật nói “Vô thí vô sanh”, nên người chứng quả gọi là ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhãn. Pháp đã vô sanh thì làm gì có nghĩa lý để tranh cãi, để hỏi? Cái hỏi đó đã có sanh khởi, đã có sự bắt đầu rồi!

Hỏi: Nếu nói vốn là vô sở hữu thì chúng con phải dụng công như thế nào?

Đáp: “Vô sở hữu” cũng là lời nói, phạm là lời nói đều chẳng phải nghĩa thật.

Hỏi: Con có những điều nghi vấn, kính xin Sư phụ giảng rõ: Trước đây Sư phụ có nói mượn hữu hình giảng về vô hình, mượn tất cả nhân duyên “có” mà nói “không”, mượn nhân duyên “không” mà nói “có”.

Trong tứ thời đi đứng nằm ngồi lúc nào cũng nhập vào Thiền định thì mắt nhìn vào chỗ hư không, lỗ tai nghe vào chỗ hư không, mũi cũng ngửi chỗ hư không, thiết nệm chỗ hư không, thân và tâm ý cũng ở trong hư không, thế thì con đã nhập được pháp giới tánh của chư Phật chưa?

Đáp: Chưa.

- Vậy làm sao để nhập được pháp giới tánh của chư Phật?

- Phải hỏi câu thoại và nhìn vào chỗ không biết. Tại ông biết nhiều quá, mục đích tham thiền là chấm dứt sự hiểu biết, nay ông chẳng chịu chấm dứt, lại phân tích đủ thứ, cho là tri kiến cao siêu. Tất cả tri kiến đều phải quét sạch mới là đúng với Tổ sư thiền.

Hỏi: Phẩm “Tùng địa dưng xuất” thứ mười lăm trong kinh Pháp Hoa nói: Để hộ trì Phật Pháp nơi cõi Ta bà này, vì thế các vị Bồ tát từ dưới đất vọt lên và xin để các Ngài hộ trì, các Ngài đó chính là đệ tử của Phật nơi quá khứ. Chính Đức Phật đã xác nhận rằng các ngài là đệ tử quá khứ, vì Ngài đã thành Phật từ nhiều kiếp trước. Nhưng theo giáo lý Đại thừa, có nhiều chỗ nói Đức Phật là Bồ tát Hộ Minh từ trên cung Trời Đâu Suất giáng trần, mới thành Phật kiếp này?

Đáp: Phẩm Như Lai Thọ Lượng trong kinh Pháp Hoa dùng danh từ “trần điểm kiếp” để thí dụ, vì thời đó chưa có đại số: Vì trần là đơn vị rất nhỏ, Phật đem thí dụ số kiếp rằng: Đem một đại thiên thế giới mài thành mực, rồi cứ đi qua mười đại thiên thế giới thì chấm một chấm mực, chấm hết tất cả mực. Thử hỏi số mực của một đại thiên thế giới là bao nhiêu? Rồi lại cách mười đại thiên thế giới mới chấm một chấm mực? Sau khi chấm hết tất cả mực, lại đem những đại thiên thế giới có chấm mực và không chấm mực đều mài thành hạt bụi, vậy số đó đếm làm sao nổi? Mà Đức Phật nói “Thọ của ta là hơn số đó!”

Kỳ thật, Phật đã nói trắng ra cho chúng ta biết là vô thí, tức chẳng có sự bắt đầu. Hễ có sự bắt đầu là có con số, dù gọi là trần sa số kiếp, nhưng đếm lâu ngày, lâu năm, lâu kiếp cũng sẽ đếm hết; nói “không có bắt đầu” là vô số, vô số thì chẳng thể đếm, nên nói vô sanh.

Nay chúng ta nói Phật giảng sinh, nhưng giáo lý của Phật là vô sanh, nên người chứng quả gọi là ngộ pháp vô sanh, tức được tự chứng phần rồi chứng tỏ chẳng có sự sanh khởi. Do đó, nói về số kiếp bắt đầu ấy chỉ là phương tiện mà thôi.

Trong lịch sử Thiền tông, có một vị Tăng hỏi Mã Tổ: Sao ông nói tức tâm tức Phật?

- Tại muốn gạt con nín nín khóc.

- Sau khi nín thế nào?

- Chẳng phải tâm chẳng phải Phật.

Cho nên, tất cả lời Phật lời Tổ cũng chỉ là phương tiện thôi.

Hỏi: Phương pháp chiếu soi và hằng sống với bản giác của mình, đó có phải là bước đường từ phàm phu đến các đẳng vị Bồ tát?

Đáp: Bây giờ nói sống với bản giác của mình; bản giác của mình đâu có mất? Ai ai cũng sống với bản giác, nếu không có bản giác thì chẳng thể sống. Dù không có tu cũng sống với bản giác, cái bản giác đó vẫn y nguyên. Bản giác tức Phật tánh, do tu mới dứt các tập khí phiền não, dứt tri kiến rồi bản giác mới hiện ra, nay dù chưa hiện nhưng không mất. Do đó, nói “sống với bản giác” ấy là thừa.

Hỏi: Con đọc trong kinh Dược Sư, nói Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai chỉ đọc một câu thần chú là chúng sanh hết bệnh khổ, nghĩa đó như thế nào? Xin Sư phụ giảng thuyết cho con được rõ.

Đáp: Kinh Dược Sư thuộc kinh bất liễu nghĩa, theo cách tu nhơn thiên thừa, tức tạm thời chẳng thể tu đến giải thoát, chỉ xây dựng nền tảng để sau này tiến lên con đường giải thoát.

Hiện nay, pháp Tịnh độ được hoằng dương nơi thế gian có ba thứ, phổ biến nhất là Di Đà Tịnh độ, cũng gọi là Tây phương Tịnh độ; Tịnh độ của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai gọi là Dược sư Tịnh Độ, cũng gọi là Đông phương Tịnh độ. Ngoài ra còn có Đâu Suất Tịnh độ của Bồ tát Di Lặc.

Phương pháp tu theo Tây phương Tịnh độ đối với phước báo của thế gian đều buông bỏ, tu theo Dược sư Tịnh độ còn cầu phước báo thế gian, vẫn còn ở trong luân hồi, nhưng thích hợp với tư tưởng của người đời. Như hiện nay đa số Phật tử đến chùa là cầu phước báo, ít có cầu tu giải thoát.

Về Đâu Suất Tịnh độ của Bồ tát Di Lặc: Bồ tát Di Lặc hiện đang ở Nội viện cõi Trời Đâu Suất, trong Nội viện là những người tu giải thoát, còn Ngoại viện là của cõi Trời. Người được sanh vào Nội viện, đợi khi Bồ tát Di Lặc giáng sinh nơi cõi Ta bà này nói tiếp Phật Pháp của Phật Thích Ca, những vị này sẽ xuống để trợ giúp Phật Di Lặc hoằng dương Phật Pháp.

Người cầu sanh nơi Đâu suất Tịnh độ thường là những vị pháp sư giảng kinh thuyết pháp có trí huệ cao, người tu Dược sư Tịnh độ phần nhiều là người chỉ ham đắm phước báo, không có trí huệ, nhưng Đức Phật cũng đặt ra phương tiện để họ cầu cho đúng, sau này nhờ phước báo đó gặp được thiện tri thức rồi hướng dẫn tu theo con đường giải thoát.

Hỏi: Trong kinh Dược Sư có bảo chúng bốn mươi chín ngọn đèn, vậy phải chúng như thế nào?

Đáp: Ấy chỉ là hình thức nghi lễ để cho người ta cầu phước báo; phải làm việc thiện để giúp đỡ cho người khác, sau này người khác trả ơn nên được phước báo. Nói ngọn đèn chỉ tượng trưng cho niềm tin, nếu bày đèn ra để cúng sao thì việc đó là mê tín, chẳng thuộc pháp môn Dược Sư Tịnh độ.

Hỏi: Có một vị Sa-di ra đời nhưng sợ thiếu nợ thí chủ, rồi đem tiền đến chùa đã ở trước kia để cúng dường, như vậy có hết thiếu nợ không?

Đáp: Cúng dường thì được phước báo, còn nợ là phải trả riêng, chứ nhân quả chẳng thể bù trừ được. Tạo nghiệp thiện được thiện quả, gây ác nghiệp phải chịu ác quả, hai cái chẳng thể bù trừ, nhưng mình tu thì có thể sửa lại được.

Tu đến tâm lực mạnh hơn lúc tạo nghiệp ác đó thì sửa đổi được. Kỳ thực tâm lực của mọi chúng sanh đều bằng nhau, do bị che khuất nên nhờ sự tu mới hiện ra. Ví như tâm lực lúc tạo nghiệp ác chỉ có một độ, nay nhờ sự tu khiến tâm lực lên đến mười độ, thì quả báo của tâm lực lúc mười độ sẽ đến trước, điều đó cũng như sự thiếu nợ nơi thế gian, hễ ai có thể lực mạnh sẽ được trả trước, thể lực kém thì trả sau, nên nhân yếu nơi một độ được kéo về sau.

Nếu như tu đến tâm lực mười độ rồi ngưng không tu tiếp thì quả báo của mười độ trả hết đến chín độ, rồi tám độ... dần dần quả báo của một độ cũng sẽ đến. Nếu chúng ta không ngưng tu hành và tiến mãi đến hai mươi độ, ba mươi độ... đến khi kiến tánh thành Phật, thành Phật rồi ác nhân vẫn còn, nhưng đã thành Phật là tự giác giác tha, độ tất cả chúng sanh, kể cả chủ nợ; bất cứ chủ nợ mạng, chủ nợ thịt đều được ưu tiên độ trước, thì lúc đó nghiệp nhân mới hết. Điều đó phải tự mình sửa, chứ dùng tiền tài là không thể thay thế.

[20] 24/05/96–30/05/96 tại Trường Cơ Bản Phật Học Đại Tông Lâm.

Hỏi: Trước đây con học trong Duy thức dạy rằng: Khi lục căn tiếp xúc lục trần, sanh ra lục thức phân biệt. Nay trong kinh Lăng Nghiêm lại nói “Lục nhập vốn vô sanh”, vậy nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Quý vị suốt ngày tụng Bát Nhã Tâm Kinh, trong kinh nói “Vô lục căn, lục trần, lục thức...” chữ Vô này chẳng phải không có, chỉ là chẳng thật. Lục căn, lục trần đã chẳng thật thì sanh ra lục thức cũng chẳng thật.

Tại sao Lục căn, lục trần, lục thức chẳng thật? Kinh Lăng Nghiêm giải thích rất rõ, chúng tỏ đó chỉ là ý thức phân biệt, là ảo tượng, chẳng có thực tế.

Lời nói của Phật là muốn chúng ta phải ngộ, ví dụ Tâm Kinh nói “vô lão tử”, nhưng theo sự hiểu biết của mình thì rõ ràng có già có chết, điều đó khiến chúng ta phải phát nghi, từ nghi mới được ngộ, ngộ rồi mới biết vốn là vô sanh. Cho nên, người chứng quả gọi là ngộ pháp vô sanh, chứng vô sanh pháp nhãn, Tịnh độ gọi “Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh”, phải ngộ đến vô sanh mới là cùng tột.

Nay quý vị nghe tôi nói vô sanh, ấy là nhận biết theo lời nói, còn Đức Phật muốn chúng ta phải ngộ tự tâm, chứ lời nói là nghịch với thực tế. Như ngài Long Thọ nói “Hư không vô sở hữu mà dung nạp tất cả vật”, Đã vô sở hữu thì làm sao có hư không? Chẳng có hư không thì làm sao dung nạp mà nói dung nạp tất cả? nhưng thực tế là vậy.

Vì chúng ta chấp vào sự hiểu biết của bộ não, nghịch với thực tế nên không được giải thoát, do đó Đức Phật mới khổ tâm dùng đủ thứ phương tiện khiến ngộ nhập thực tế, ngộ được thực tế gọi là kiến tánh thành Phật, lúc đó giải quyết được tất cả.

Hỏi: Chư Tổ buông xả hết tất cả, dán chữ tử trên trán, còn chúng con là người thế gian, vướng bận việc gia đình, vậy phải làm sao?

Đáp: Nói Chư Tổ buông xả là buông xả cái gì? Có cái gì để buông xả? Tổ nào buông xả? Ấy là tự làm tài khôn bày đặt ra. Có một bài kệ:

Đài nam tinh tọa một lư hương,
Suốt ngày trong lặng muôn lự quên.
Chẳng phải lắng tâm trừ vọng tưởng,
Chỉ vì chẳng việc để suy lường.

Nay chúng ta cứ suy nghĩ việc này việc kia, tự cho rằng vọng tưởng mình cũng bỏ, tham sân si mình cũng bỏ v v... hễ chẳng việc để suy lường thì có gì để buông bỏ?

(*Sư phụ kể qua sự ngộ của Thiền sư Hương Nghiêm, xem trang 232 ở Quyển thượng*).

Ngài Hương Nghiêm sau khi ngộ nói ra một bài kệ:

Tiếng trúc quên sở tri,
Lại Chẳng nhờ tu tri.
Lỗi xưa hoát nhiên tuyệt,
Mà chẳng đọa mặc nhiên.

Sự hiểu biết từ xưa nay nhờ tiếng trúc ấy khiến quên hết sở tri, mặc dù quên mà chẳng trụ nơi không còn, nên gọi “chẳng đọa nơi mặc nhiên”

Hỏi: *Vậy con còn vướng bận việc gia đình, chưa thể tu đến nơi đến chốn, bỏ thân kiếp này, kiếp sau có nhớ đường quay về không?*

Đáp: Nếu tu đúng theo chánh pháp, gieo được chánh nhân thì chánh quả sẽ đến, chẳng kể tại gia xuất gia. Trong lịch sử Thiền tông, người tại gia kiến tánh rất nhiều, Nhà vua, Thừa tướng, người tay bưng vai gánh v v... kiến tánh rồi công việc vẫn y như cũ, Nhà vua vẫn làm vua, Thừa tướng vẫn là Thừa tướng.

Hỏi: *Đốt giấy tiền vàng bạc để cầu siêu cho người quá cố có lợi ích gì?*

Đáp: Đốt những thứ ấy cho người quá cố là hại cho người ấy. Tại sao? Vì mục đích cầu siêu là muốn người quá cố được lên chứ chẳng phải là đọa, nếu được đầu thai lên cõi Người hay cõi Trời thì đâu cần mấy thứ đó!

Hỏi: *Hai thời công phu nhật tụng do ai soạn ra? Để làm gì?*

Đáp: Hai thời công phu là do Pháp sư Đạo An đời nhà Tấn lập ra. Ngài là một vị cao tăng, Pháp sư Huệ Viễn, Sơ tổ tông Tịnh độ là đệ tử của ngài.

Do ngài thấy người xuất gia lúc bấy giờ dù mang danh nghĩa Tu sĩ mà không có sự tu tập, nên lập ra và qui định đại chúng phải tu theo thời khóa, mỗi thời kinh tụng trong hai giờ đồng hồ.

Tụng kinh là để tu chứ chẳng phải tụng cho Phật nghe, do đó tất cả chúng trong chùa phải tham gia.

Ngài Đế Nhàn có mở lớp Phật học, tất cả Tăng sinh đều phải tụng để tu. Tu như thế nào? Ấy là tùy duyên quán tưởng, vừa tụng vừa quán, nên phải đứng hai tiếng đồng hồ. Thời nay đa số là tụng cho Phật nghe, chỉ bốn mươi phút là xong! Thật ra, kinh là do Phật dạy cho chúng ta tu, chứ đâu cần tụng lại cho Phật nghe! Lại nữa, nhiều người đem áp dụng trong việc cầu an cầu siêu, lợi dụng kinh nhật tụng làm việc khác chứ chẳng phải tu, ấy là sai với mục đích của Pháp sư Đạo An.

Hỏi: *Vậy thì đối với Chú Lăng Nghiêm, chúng con chẳng biết gì thì làm sao quán?*

Đáp: Mục đích của câu chú là muốn chúng ta không biết, vì sự biết hay khiến tâm tán loạn, cho nên câu chú là không giải thích. Lúc tụng, vì không biết nên có thể lắng tâm lại, cũng như pháp tham Tổ sư thiền là dùng cái không biết để chấm dứt tất cả biết, chứ chẳng phải để hiểu, hiểu là sai lầm.

Hỏi: *Thế nào là trong khi tụng kinh có tự lực cũng có tha lực?*

Đáp: Tha lực là thầy Bổn sư nuôi dạy mình, bạn đồng tu khuyến khích nhau, đàn na tín thí cúng dường mọi thứ cho mình để tu... ấy là tha lực. Tự lực là nhân, tha lực là duyên, nhân duyên hòa hợp mới thành.

Hỏi: Mỗi lần tụng kinh, chúng con đều hướng về tượng Phật mà lạy, nếu nói như Hòa thượng thì chúng con không cần lạy tượng Phật, phải không?

Đáp: Không phải. Về vấn đề lạy Phật, trong Thiên tông có hai câu chuyện như sau:

Có một Sa-di kia chấp rằng tượng Phật là gỗ, đất, không cần lạy, ngài Huỳnh Bá muốn phá chấp của Sa-di nên thành kính lạy Phật.

Sa-di nói: Tượng Phật là gỗ mà, lạy làm chi!

Ngài cho một bạt tai. Sa-di kia sau đó trở thành nhà vua.

Còn đệ tử của Huỳnh Bá là Thiền sư Lâm Tế, muốn phá chấp nhất định phải lạy Phật của Viện chủ. Khi ngài Lâm Tế đến, Viện chủ hỏi: Lạy Phật trước hay lạy Tổ trước?

- Phật cũng chẳng lạy, Tổ cũng chẳng lạy.

Cho nên, lạy Phật cũng là phá chấp, không lạy Phật cũng là phá chấp, ý vốn chẳng khác.

Hỏi: Bỏ đi vốn thanh tịnh, lý do nào trở thành chúng sanh?

Đáp: Bởi do bệnh chấp thật nên trở thành chúng sanh.

Hỏi: Thế nào là vô tình thuyết pháp hữu tình nghe?

Đáp: Ai đã từng nghe vô tình thuyết pháp? Chính người hỏi có nghe qua chưa?

Hỏi: Thế nào là nghi tình? Nghi là nghi cái gì?

Đáp: Nghi tình không biết là cái gì mới gọi là nghi tình, nếu biết nghi cái gì thì đâu phải là nghi tình!

Hỏi: Nếu nghi không được thì có được cái gì đâu?

Đáp: Thì đâu có được cái gì! Cuối cùng tu đến kiến tánh thành Phật mới biết chẳng có Phật để thành, vô tu vô chứng, có đắc cái gì đâu! Do ông muốn đắc nên có câu hỏi này.

Hỏi: Tiểu nghi tiểu ngộ, đại nghi đại ngộ, là ngộ cái gì?

Đáp: Đã nói chẳng phải ngộ cái gì. Nếu có cái gì để ngộ thì chẳng phải rồi.

Hỏi: Thế thì nói chữ Ngộ để làm chi?

Đáp: Ông ăn cơm để làm gì? Mặc áo để làm gì?

- Bạch Sư phụ, trả lời không được, khó trả lời lắm.

- Ông hỏi đại ngộ là ngộ cái gì, nay tôi kể qua câu chuyện về đại ngộ:

Ở trong Thiền hội, Trụ trì thường là người đã kiến tánh. Vào một đêm khuya, một vị Tăng hô to: Ta đã ngộ rồi, ta đã ngộ rồi! Sáng ra, Trụ trì thăng tòa hỏi: Đêm hôm vị nào la lớn rằng đã đại ngộ? Hãy bước ra đây.

Vị Tăng bước ra đánh lễ, ngài hỏi: Ông đã đại ngộ, thấy gì?

- Sư cô vốn là người nữ .

Ngài Trụ trì mỉm cười, gật đầu ẩn khả.

Theo sự hiểu biết của quý vị, sư cô vốn là người nữ, chuyện đó ai mà chẳng biết, tại sao ngài Trụ trì lại ẩn khả cho sự ngộ?

Lại nữa, ở Thiên hội của ngài Đại Huệ có Thiên sư Khiêm tham hai mươi năm chẳng thấy gì, nhưng ngài biết công phu của Thiên sư sắp chín mùi, nên sai Thiên sư đến kinh thành đưa thư cho Ngụy Quốc Công, một cư sĩ có chức vị Công tước đã kiến tánh.

Thiên sư nghĩ: Tôi tham thiền hai mươi năm, ngày đêm công phu chẳng gián đoạn mà chưa thấy gì, nay lại phải đi đưa thư, thật là chướng ngại.

Mặc dù trong lòng không muốn đi nhưng chẳng dám nói. Thiên sư Di Quang là bạn đồng tham, cũng là người kiến tánh, biết nhân duyên của Thiên sư Khiêm sắp kiến tánh nên phát tâm cùng đi để hỗ trợ.

Đọc đường, Thiên sư Di Quang nói: Tất cả việc trong suốt lộ trình tôi đều giúp ông được, duy chỉ có năm việc là tôi chẳng giúp được. Năm việc gì? Ăn cơm, mặc áo, tiêu, tiểu và kéo tử thi đi trên đường.

Ngài nghe xong liền ngộ, nên Thiên sư Di Quang để cho Ngài một mình đi tiếp, đến kinh thành gặp Ngụy Quốc Công và giao thư.

Bà mẹ của Ngụy Quốc Công suốt ngày ăn chay tụng kinh niệm Phật, ông muốn khuyên mẹ bỏ pháp môn niệm Phật, chuyển qua tham Thiền để sớm được giải thoát, nhưng bà mẹ không nghe, ông nhờ Thiên sư ở lại để độ cho người mẹ. Do có nhân duyên với bà nên bà vâng lời, tu không bao lâu cũng được ngộ.

Đó, câu chuyện đại ngộ tôi kể ra, mà có biết gì đâu? Việc này phải tự mình ngộ, chứ chẳng thể dùng sự suy nghĩ đoán mò được.

Hỏi: Nói đến Phật Pháp, là Phật có trước hay pháp có trước? Nếu nói pháp có trước, ấy là do Phật nào thuyết? Nếu nói Phật có trước thì nương nơi pháp nào được thành tựu?

Đáp: Tại người hỏi bệnh chấp quá nặng, Đức Phật đã nói vô thi vô sanh thì làm sao Phật bắt đầu trước hay pháp bắt đầu trước! Ấy đã nghịch với Phật Pháp rồi! Đã chẳng có sự sanh khởi thì làm sao có sự bắt đầu? Bất cứ cái gì, con gà cũng không thể bắt đầu trước, trứng gà cũng không thể bắt đầu trước, chứ chẳng phải chỉ có Phật Pháp. Nên người chứng quả gọi là ngộ pháp vô sanh, đã ngộ pháp vô sanh thì làm sao có thể truy cứu sự bắt đầu?

Hỏi: Nghi lễ Tổ sư thiền đối với người lâm chung như thế nào?

Đáp: Về nghi lễ cho người lâm chung bên Tịnh độ là tụng kinh niệm Phật để được vãng sanh, nay tôi kể một câu chuyện về nghi lễ của Tổ sư thiền được ghi trong Truyền Đăng Lục:

Thiền tông Trung Quốc chia làm năm phái: Lâm Tế, Tào Động, Pháp Nhãn, Vân Môn và Qui Ngưỡng, trong đó phái Lâm Tế hưng thịnh nhất và tiết ra hai phái xuất sắc, ấy là Huỳnh Long và Dương Kỳ.

Câu chuyện này xảy ra ở phái Huỳnh Long: Khi Thiên sư Hối Đường tịch, đem đi hỏa táng, lúc đầu mời vị trưởng lão ra làm lễ cử hỏa nhưng đốt không cháy, sau mời các vị khác cũng đốt không cháy, cuối cùng mời đệ tử ruột của ngài là Thiên sư Tử Tâm ra cử hỏa. Đáng lẽ đệ tử không được cử hỏa cho thầy, nhưng vì người khác không hữu hiệu, nên phải chọn Thiên sư.

Trước khi thiêu, Thiên sư nói ra bốn câu kệ:

Xưa nay tai họa liên lụy tôi,

Tội ác tà trời đáng tru di.

Hiện nay hai chân duỗi thẳng rồi,
Chẳng làm con trâu thì làm lừa. Thiêu!

Nói xong là cháy liền.

Thời xưa khi phạm trọng tội, vua ban tru di tam tộc tức ba đời cha mẹ, con và cháu, những người có liên quan đều chém hết. Còn tru di cửu tộc thì gồm những ai có liên hệ đến bốn đời trên và bốn đời dưới của người tội phạm là chém hết.

Theo người thường thì nói vậy đâu được, phải không?

Hỏi: Nhất niệm vô minh có tương ứng với chủng tử hiện hành không?

Đáp: Nhất niệm vô minh tức là chủng tử: Nổi một niệm ác, một niệm thiện đều là chủng tử, cuộc sống hàng ngày của chúng ta từ niệm này qua niệm khác ngày đêm chẳng ngừng, đều sống trong nhất niệm vô minh, dẫn cho ngủ mê cũng vậy. Cho nên, khi ngủ thì nhất niệm vô minh tạo ra nhắm mắt chiêm bao, lúc thức tạo ra mở mắt chiêm bao; chẳng những lúc sống chẳng ngừng, lúc chết cũng chẳng ngừng, đến khi nào kiến tánh triệt để mới thôi.

Con người có tám thức: Tiền ngũ thức là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân; thức thứ sáu là Ý thức, thức thứ bảy Mạt na thức, thức thứ tám Tạng thức. Năm thức trước do ý thức lãnh đạo, hễ nổi niệm thiện thì có chủng tử thiện, được thức thứ bảy đưa vào Tạng thức; nổi một niệm ác cũng được thức thứ bảy chuyển vào Tạng thức. Tạng thức chứa chủng tử thiện, ác, vô ký... khi nhân duyên chín mùi, lại được thức thứ bảy chuyển ra ngoài, giao ý thức lãnh đạo tiền ngũ thức thi hành, gọi là chủng tử hiện hành.
(*Sư phụ giải thích về tám thức. Lược qua.*)

Hỏi: Nhờ tham thoại đầu quét sạch tập khí, như vậy A-lại-da thức chuyển thành Bạch-tịnh-thức, phải không? Đến đây, Bạch tịnh thức tương ứng như thoại đầu chưa?

Đáp: A lại da là Tạng thức, chỉ là cái kho thôi, Bạch tịnh thức là chưa có thiện ác nào, nay đã có chủng tử thiện ác chứa ở kho thì không phải.

Hỏi: Đến đây Bạch tịnh thức có tương ứng với đầu sào trăm thước không?

Đáp: Tịnh là trong sạch chẳng ô nhiễm, gọi Bạch tịnh thức là chưa có nghiệp nhân nào cả, chẳng có chủng tử thiện, ác, hay vô ký, tất cả chủng tử đều không có. Cái đó là sau khi kiên tánh, tập khí phiền não đều hết sạch. Bây giờ trong A-lại-da thức của mình chứa đủ thức chủng tử nên chẳng phải.

Hỏi: Hòa thượng nói tụng kinh chẳng thể siêu thoát, lại nói bốn người cư sĩ cũng là Tăng, và vấn đề tự qui y Tam Bảo... Người Phật tử qui y Phật, Pháp, Tăng ở chỗ nào? Con thấy người thế gian vẫn còn bận bịu gia quyền sự nghiệp, làm sao tu bằng người xuất gia?

Đáp: Nói đến vấn đề tự qui y, qui vị tụng kinh có câu “Qui y Đại thừa thường trụ Tam Bảo”, tượng Phật thay cho Phật Bảo, kinh sách thay cho Pháp Bảo, Tăng Ni thay cho Tăng Bảo, nhờ sự giáo hóa của thường trụ Tam Bảo, tu hành đúng theo chánh pháp, mới ngộ được tự tánh Tam Bảo. Tự tánh mình cũng đầy đủ Tam Bảo, nên ngài Lục Tổ nói “Tự qui y Phật, tự qui y Pháp, tự qui y Tăng”.

Về vấn đề tụng kinh: Kinh là lời Phật dạy cho chúng ta tu, Giáo môn tụng kinh là để nghe Phật thuyết pháp, tùy kinh quán tưởng, theo pháp đó tu hành. Chứ kinh sách chẳng có công năng độ người sống, cũng chẳng có công năng độ người chết; nếu có

công năng đó thì ai tụng cũng độ người được, chỉ cần biết mặt chữ là biết tụng kinh rồi!

Hành giả nghe kinh rồi phải thực hành theo mới đạt đến kết quả, nếu chỉ nghe kinh mà không thực hành, lại cho là trong kinh có công năng đặc biệt, hễ nghe là khiến xóa tội được phước, như vậy là xóa bỏ nhân quả, khỏi cần tu, phải không?

Hỏi: Tất cả pháp đều qui về một để đưa chúng con đi về chỗ giải thoát, phải không?

Đáp: Phải. Một là một tâm, nói chung là tâm. Vạn pháp duy tâm, phàm tất cả kinh Phật đều hiển bày tâm này, chư Tổ cũng là hiển bày tâm này. Con người mỗi mỗi đều có cái tâm, tất cả năng lượng xuất phát từ tâm. Ngài Lục Tổ trong Kinh Pháp Bảo Đàn nói thẳng ra “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, là tâm của ông động”. Do sức của tâm nên gió mới động, phướn mới động, nên nói “nhất thiết duy tâm tạo”.

Hàng Tu sĩ đáng lẽ là người hoằng phạm Tam giới; hoằng là hoằng hóa chánh pháp, phạm là mô phạm, tức làm mô phạm cho Tam giới. Tam giới gồm: Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới. Cõi người là Dục giới, Cõi trời có sáu lớp thuộc Dục giới, mười tám lớp thuộc Sắc giới, bốn lớp thuộc Vô sắc giới, tổng cộng hai mươi tám lớp đều nhờ con người làm mô phạm, nhờ con người hoằng dương chánh pháp.

Tất cả người xuất gia đều có bốn phận hoằng pháp lợi sanh, làm mô phạm cho Tam giới, phải theo lời Phật dạy, phải tin ở sức của tâm. Nhưng ngày nay chẳng những không nghe lời Phật dạy, cũng chẳng tin sức của tâm mà lại nhìn nhận sức của lục trần, ấy là nghịch với kinh Phật.

Kinh Kim Cang nói “Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, là người hành tà đạo, chẳng được thấy Như Lai”. Bây giờ chấp sắc tướng cho là có công năng, chấp âm thanh cho là có công năng, mà chẳng biết công năng ở nơi tự tâm, do tâm của người tụng mới có công năng đó. Nếu nói công năng ở nơi âm thanh thì tụng “cây chổi” cũng có công năng vậy!

Lại nữa, người đời thường cho là tụng danh hiệu Quan Thế Âm Bồ tát thì được tai qua nạn khỏi, được Bồ tát đến cứu; còn niệm “Nam mô A Di Đà Phật” sẽ được vãng sanh, kỳ thật chẳng phải vậy. Nay tôi kể một câu chuyện:

Đời nhà Minh Trung Quốc, có dân làng tạo phản, vua sai tướng lãnh binh dẹp loạn, dọc đường bắt được bốn mươi người, định giải về doanh trại xử chém.

Trên đường giải về, đi ngang qua một ngôi chùa và nghỉ chân tại đó. Trong số bốn mươi người có hai người thấy một vị Sư đang kinh hành, oai nghi trang nghiêm, bèn xin Đại sư cứu mạng. Sư nói: Tôi chẳng có sức cứu các anh, nhưng tôi dạy các anh một cách tự cứu, ngay từ bây giờ hãy niệm “Nam mô A Di Đà Phật” đi!

Chưa nói dứt lời thì đoàn người phải lên đường đi ngay, hai người kia xưa nay chưa từng niệm Phật, chỉ nghe người ta thường nói hai chữ “Mô Phật”, bèn trong tâm niệm “Mô Phật” cho đến khi giải về trại lính. Vị Tướng cũng chẳng thèm xét hỏi, hạ lệnh chém hết. Khi hành quyết hết ba mươi tám người, còn lại hai người kia, thành lính Tướng kêu lên hỏi: Tại sao các ngươi dám làm phản?

Hai người liền kêu oan rằng “Chúng tôi là dân thường, vào rừng đốn củi, chứ có tạo phản đâu?

Tướng nghe vậy, cho thả về.

Cho nên, hễ niệm đến nhất tâm thì sức dụng hiện ra, là tự tâm tự cứu, chẳng phải hai tiếng “Mô Phật” kia cứu.

Hỏi: Con là người xuất gia, được nhiều thí chủ cúng dường, con xài không hết, thấy cha mẹ túng thiếu nên đem tiền của thí chủ cho cha mẹ, vậy có nhân quả gì?

Đáp: Thì chính mình và cha mẹ phải trả nợ thí chủ, ấy là hại cho cha mẹ. Đem tiền cúng dường của mười phương cho cha mẹ mình, sao không đem cho cha mẹ của người khác? Sao không đem cho những người cần hơn?

Hễ cha mẹ thọ nhận tiền của cúng dường phải trả nợ, ăn cục thịt trả cục thịt, giết một mạng trả một mạng, thiếu đồng xu trả đồng xu, nhưng người Tu sĩ đó phải trả nhiều hơn. Tại sao? Vì thí chủ cúng dường trong Phật Pháp, một đồng có thể được quả báo mấy mươi đồng, cũng như gieo một hạt lúa có thể sanh nhiều hạt lúa, nên Tu sĩ nhận một phải trả mấy mươi, mấy trăm. Còn cha mẹ chỉ nhận một trả một mà thôi.

Hỏi: Trong Luật Tỳ Ni dạy: Phật chế giới luật, Tỳ-kheo phải học giới luật xong, sau đó mới thỉnh giáo tham thiền. Như vậy, có những người mới xuất gia, chưa học qua giới luật mà học pháp tham thiền, có sai với giới luật không?

Đáp: Đã thọ giới, hễ có phạm thì phải chịu tội phá giới; ví như phạm giới Ba-la-di phải chịu tội địa ngục chín triệu năm, phạm giới Đột Kiết La phải chịu tội địa ngục mấy trăm ngàn năm, nếu qua sự sám hối thì tội phá giới được miễn, ấy tùy thuộc phạm giới hay phá giới.

Trong giới luật có khai, giá, trì, phạm. Người học giới luật, nhất là Tỳ-kheo, phải thông suốt hai bộ luật Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, và phải biết thế nào là khai, giá, trì, phạm, nếu không thì làm sao dạy Tỳ-kheo-ni? Những người thọ giới mà không biết giới, không phạm giới thì đâu bị tội phạm giới? Những người đã học giới lại phạm giới thì phải chịu tội phá giới, ấy là tùy thuộc theo trì và phạm.

Sự truyền giới ở Trung Quốc phải trải qua năm mươi ba ngày, vì trong giới có một trăm điều sau cùng thuộc giới oai nghi, một trăm điều này mặc dù gọi là Giá giới, chẳng có tội nhân quả, nhưng hễ phạm là mắc tội phá giới. Cho nên, khi đi thọ giới phải học từng điều một, như tôi đi thọ giới Tỳ-kheo, phải học ngày đêm về bốn Ba-la-di, mười ba Tăng tàn vv... rồi phải học oai nghi cho đúng, giới luật oai nghi đều qua sự học và được giảng dạy rất kỹ. Lại nữa, theo qui định, thọ giới xong phải vào học Giới đàn, thực tập ba năm, chứ chẳng phải như ở đây chỉ học trong ba ngày hoặc một tuần.

Nay tự mình có học qua cũng còn không biết, lại đi chỉ trích người không có học... Tôi từng hỏi mấy vị đã học giới luật, nhiều người luôn cả giới luật của tỳ-kheo còn chưa biết, làm sao dạy Tỳ-kheo-ni! Cho dù đã học qua, nếu không nắm rõ khai, giá, trì, phạm thì làm sao xử? Thế nào là có phạm? Thế nào là không phạm? Ấy là việc vi tế.

Tất cả pháp đều do tâm, hễ tâm thông suốt thì kinh cũng thông suốt, giới cũng thông suốt, tất cả đều thông suốt, chứ đừng có chỉ trích Tổ sư thiên, chớ đem sự hiểu biết ít ỏi của mình đi phê bình cái này cái kia, hễ biết đến đâu thì thực hành đến đó vậy!

Hỏi: Con thấy hiện nay một số người học pháp Tổ sư thiên chưa biết gì, rồi đi mở đạo tràng truyền bá pháp môn này, những người đó có tội không?

Đáp: Tất nhiên có! Ấy là lỗi của cá nhân chứ không được đổ lỗi cho pháp, vì pháp này là do Phật Thích Ca truyền lại, pháp là pháp. Ví như đi thọ giới, học giới, phạm giới, rồi đổ thừa tại giới đó! Ấy là do người phạm không chịu thực hành theo giới, chứ đâu

thể đồ thừa giới luật, phải không? Ví như có một ông Tú tài kia phạm lỗi, rồi đem chỉ trích nhà Nho; một Tỳ-kheo phạm lỗi, đâu phải lỗi của tất cả Tỳ-kheo? Một tín đồ Phật giáo làm sai, mà chỉ trích Phật giáo là sai, vậy có được không?

Ngày 16/06/96 khai thị Tăng Ni sinh lớp Sơ đẳng và Cao đẳng Trường Cơ Bản Phật học Đại Tông Lâm, tỉnh Bà Rịa Vũng tàu:

Tất cả Tăng Ni sinh lớp cơ bản và Cao đẳng học chung là chú trọng cái mà đúng với nghĩa chữ Phật, ấy là giác ngộ, nay đem giáo lý và pháp tu dung hợp lại nữa, gọi là Phật học, Phật Pháp.

Thế nào là Phật Pháp, thế nào là Phật học? Phương pháp giác ngộ gọi là Phật Pháp, học pháp giác ngộ gọi là Phật học. Đối với Pháp giác ngộ, theo Giáo môn là từ giáo lý vào, Thiền Tam thừa cũng từ giáo lý vào, chỉ có Thiền Tối thượng thừa gọi là pháp thiền trực tiếp, khỏi qua giáo lý, nhưng cũng chẳng trái ngược với giáo lý.

Tất cả Phật Pháp đều hiển bày cái tâm, nay tôi giới thiệu quý vị xem bài Duy Tâm Quyết của ngài Vĩnh Minh trong cuốn Góp Nhặt Lời Phật Tổ và Thánh Hiền (*sách này đã có trong Thư viện của Trường*). Theo quý vị biết, ngài Vĩnh Minh là Tổ sư bên Tịnh Độ, kỳ thật cũng là Tổ thứ hai phái Pháp Nhãn bên Thiền tông. Cho nên, đối với bài Duy tâm Quyết, nếu đọc đi đọc lại nhiều lần có thể đưa đến giải ngộ (*nếu theo giáo lý vào*), hoặc chứng ngộ (*nếu theo pháp Thiền*). Chữ Quyết thường chỉ về bí quyết, nhưng sự thật chẳng phải bí mật; nay chưa ngộ được là bí mật, ngộ rồi là hết bí mật.

Quý vị là Tăng ni sinh của Trường, phải học giáo lý, nếu từ chỗ giáo lý vào, sẽ giải ngộ được căn bản của Phật Pháp, chứ không cần học thuộc lòng. Phật Pháp cần sự giác ngộ, nếu đã ngộ được căn bản của Phật Pháp thì khỏi cần ghi nhớ, người ta hỏi đến đâu tự nhiên trả lời đến đó.

Tôi cũng chỉ là giải ngộ thôi, nhưng ngộ được căn bản, nguồn gốc của Phật Pháp, nên tôi muốn chỉ cho quý vị cũng được ngộ. Dù chỉ là giải ngộ, chưa phải chứng ngộ, giải ngộ một cái hơn sự học ba năm. Lại nữa, sự học cực hơn sự ngộ, hễ ngộ được căn bản rồi thì bất cứ kinh điển, giáo lý, giới luật đều thông suốt, vì tất cả đều chẳng ở ngoài tâm.

Hỏi: Trong Giới luật, phân thập cú nghĩa điều thứ tám về lợi ích người thọ giới có nói “Đoạn hiện tại hữu lậu”, và điều thứ chín nói “Đoạn vị lai hữu lậu”. Như vậy, hiện tại đã dứt thì vị lai đâu có nữa? Tại sao phải đưa ra Thập cú nghĩa như thế?

Đáp: Thầy đã hiểu nghĩa chữ “lậu” chưa?

- Dạ, chữ lậu có nghĩa là rỉ, dột.

- Đúng, ví như cái bình bị chảy, cứ rót nước vào mà chẳng thể đầy được. Tập khí con người cũng gọi là lậu, Đức Phật dạy chúng ta phải dứt sạch cái lậu đó, muốn dứt phải có phương pháp, ấy là thiền.

Nay học giáo lý biết được sự hữu lậu, vậy làm sao cho nó không còn rỉ chảy? Phải ngăn bít lại cái lỗ đó. Bằng cách nào? Việc ấy phải thực hành mới được. Tức là: Học giáo lý chỉ biết được lý luận về hữu lậu, nhưng muốn cho ngừng chảy phải có phương pháp khiến ngăn ngừa, nên Điều thứ tám gọi là “Đoạn dứt hữu lậu”.

Trong Kinh Lăng Nghiêm có tam tiệm thứ là ba cách để dứt hữu lậu trước mắt:

Thứ nhất là dứt các trợ nhân, ví dụ hạt lúa, muốn cho nảy mầm sinh trưởng phải có trợ nhân như tưới nước, trừ sâu v v... nên điều thứ nhất phải ngưng dùng ngũ tân.

Thứ hai là nạo sạch chánh tánh. Chánh tánh là tánh tâm dục, vì tất cả sinh mạng phải nhờ tánh tâm dục mới được sanh khởi, nên đó là chánh tánh tạo ra tất cả sinh mạng. Tại sao phải nạo sạch? Như thùng đựng phần quá thúi, mặc dù đổ sạch, rửa sạch, nhưng đã thấm mùi vào thùng cây, phải nạo mới sạch.

Thứ ba là xoay ngược hiện nghiệp, tức trái ngược lại hiện nghiệp của mình. Theo tập khí chúng ta, hễ thấy đẹp thì ham, thấy xấu thì chê, nay hễ có ham thích thì trở ngược lại không ham thích, hễ nổi ý muốn chê liền trở ngược lại không chê... tập dần dần để đoạn dứt hữu lậu trước mắt. Còn hữu lậu vị lai thì chưa sanh khởi.

Nói tóm lại, hữu lậu hiện tại là tập khí phiền não của phàm phu, còn hữu lậu vị lai là tập khí phiền não của xuất thế gian, khi tu đến chứng quả rồi phải dứt tập khí phiền não đó, hiện nay thì chưa, nên gọi “Vị lai hữu lậu”.

Hỏi: Xin Hòa thượng giải thích cho bốn nghĩa: Hữu dư Niết bàn, Vô dư Niết bàn, Vô trụ xứ Niết bàn và Tự tánh thanh tịnh Niết bàn. Theo pháp Thiền và Tịnh độ, muốn chứng đến bốn Niết bàn trên phải tu như thế nào?

Đáp: Trong Triệu Luận Lược Giải, ngài Hám Sơn giải thích rất kỹ về Niết bàn Vô danh: Hữu dư Niết bàn chưa chứng tới Niết bàn thực tế, Vô dư Niết bàn thì chứng tới Niết bàn thực tế, tức bất sanh bất diệt.

Có hai thứ sanh tử: Phần đoạn sanh tử và Biến dịch sanh tử, hết hai thứ sanh tử mới gọi là Niết bàn. Phần đoạn sanh tử là có sắc thân, từ thân này qua thân khác, từ thân người qua thân thú, từng đoạn từng đoạn.

Bậc Thánh do chứng quả nên không còn phần đoạn sanh tử nhưng còn biến dịch sanh tử, như chứng quả A-la-hán rồi bỏ A-la-hán tiến lên Bích Chi Phật, Từ Bích chi Phật tiến lên Sơ địa, từ Sơ địa tiến lên Nhị địa vv... từng cấp một biến dịch, gọi là Biến dịch sanh tử. Nói sanh tử là để hình dung, chẳng phải có sanh có tử, tức bỏ cấp bậc này tiến đến cấp bậc khác. Đến Diệu giác thì tất cả sanh tử hết, chẳng còn gì cả, luôn cả Niết bàn cũng hết, nên gọi Vô dư Niết bàn.

Trong Triệu Luận giải thích đến bảy thứ Niết bàn chứ chẳng phải chỉ có bốn, ấy là do bệnh chấp của chúng sanh, không phải Niết bàn cũng cho là Niết bàn.

Hỏi: Kinh Pháp Hoa có câu “Nếu ai thọ trì kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà sanh một niệm tín giải, sẽ sanh vô lượng vô biên công đức, nhiều hơn công đức của người bố thí, trì giới, nhân nhục trong tám muôn na do tha kiếp”. Vậy một niệm tín giải nghĩa là thế nào?

Đáp: Kinh Pháp Hoa là kinh Đại thừa liễu nghĩa, nếu thực hành đúng theo kinh sẽ đạt đến kiến tánh, giải thoát tất cả khổ, nhưng phải bắt đầu từ chữ Tín.

Tín là tin, giải là hiểu, phải tin rồi mới hiểu. Quý vị vào Trường Phật học, do tin rồi mới vào học, học rồi phải hiểu, hiểu rồi mới theo sự hiểu biết thực hành. Bây giờ tôi là muốn dạy cho quý vị thực hành, hành rồi mới chứng, chứng ngộ rồi là đạt đến tự do tự tại. Bây giờ quý vị chưa thích thực hành vì chưa hiểu rõ, khi đã tin và hiểu rồi tự nhiên sẽ thích thực hành.

Lại nữa, người đời do tập khí sâu nặng, muốn thỏa mãn ngũ dục, đuổi theo cảnh trần sắc, thanh, hương, vị, xúc. Nay được cạo tóc xuất gia, lại được học trong Trường Phật Học, phải khác hơn người đời, sau khi tốt nghiệp ra, làm mô phạm cho người đời. Nếu cứ học theo người đời thì sau này làm sao dạy người? Hay bị người đời dạy lại!

Hỏi: Tu có được yêu không?

Đáp: Tu là không yêu cũng không ghét, vì yêu ghét là tương đối. Sự yêu của người tu là bình đẳng, gọi là “Đại nhân bất nhân”. Nhân là nhân nghĩa, là tình thương, yêu đến cùng tốt là phổ biến khắp mọi chúng sanh, đã khắp rồi thì chẳng yêu một chúng sanh nào, mà là toàn vẹn cho tất cả chúng sanh, chứ chẳng phải theo tình cảm riêng tư của mình chỉ yêu một cá nhân nào. Hễ chỉ đuổi theo tình cảm cá nhân là phải bị đọa, tình nhiều chừng nào đọa nhiều chừng nấy, kinh Lăng Nghiêm nói “Tương thì lên, tình thì đọa”, vấn đề này trong Triệu Luận nói rất rõ.

Hỏi: Ngày xưa bà Kiều Đàm Di đã chứng quả A-la-hán, các vị Tăng mới xuất gia biết bà đã chứng quả, vẫn để cho bà đánh lễ họ, vậy có sai với luật đạo quả không?

Đáp: Chúng sanh bình đẳng, cho dù chịu sự đánh lễ của Phật Thích Ca cũng không có tội, chứ đừng nói chi A-la-hán. Tội với phước do tâm tạo, nếu tâm đã bình đẳng thì Phật Thích Ca đánh lễ cũng như một chúng sanh thường đánh lễ thôi, đâu có khác! Chớ nói là chúng quả A-la-hán, dù là Bồ tát, như Thường Bất Khinh Bồ tát trong kinh Pháp Hoa, đã chứng quả Bồ tát mà gặp ai cũng đánh lễ, ấy là cái hạnh. Được đánh lễ đâu phải có tội? Cho nên, chớ có chấp thật, Phật Pháp là phá ngã chấp mà!

[21] 25/05/97–28/05/97 tại Chùa Pháp Thành, Quận 6.

Hỏi: Có một bài giảng của một vị pháp sư, đem Chơn như dụ cho tánh ướt của nước, nước dụ cho Như Lai tạng của A-lai-da thức, dụ cho biển cả, vậy có đúng không?

Đáp: Không đúng. Đã nói tâm như hư không trống rỗng vô sở hữu, chẳng có gì để thí dụ, chỉ có hư không; nhưng hư không tức là tâm của mọi người, hễ có dụ được tức thành hai. Hư không tức là tâm, tâm tức là hư không, nên chẳng có gì để thí dụ được. Lục Tổ nói “Bỏn lai vô nhất vật”, nếu có thí dụ là có kiến lập thành hai rồi.

Hỏi: Làm cách nào để lìa tứ cú?

Đáp: Đối với tất cả sự vật đều không lấy ý của mình xen vào, tức là không dùng hai chữ “cho là”, chỉ luôn luôn hỏi và nhìn đi song song để giữ nghi tình, giữ được nghi tình thì không lọt vào tứ cú. Tại sao? Vì không biết đó là có thì chẳng lọt vào cú thứ nhất, không biết đó là không thì chẳng lọt vào cú thứ hai, không biết đó là chẳng có chẳng không hay cũng có cũng không thì không lọt vào cú thứ ba, cú thứ tư.

Hỏi: Con thấy cứ hỏi và nhìn ít phí sức, nghi tình không mạnh bằng vừa hỏi vừa nhìn mà có tính cách thức mắc, tức tối, muốn biết mà không biết, muốn nhìn cái chỗ chẳng có chỗ nhìn, vậy có được không?

Đáp: Phí sức thì duy trì không lâu, mạnh một thời gian rồi sẽ yếu đi và quên. Ví như đi bộ hoặc đi xe máy, lúc đầu ra sức chạy nhanh thì chạy lâu không được, hễ ra sức đến khi mệt rồi phải ngưng, nên đi chậm chậm, bước nhẹ nhẹ mới bền sức đi lâu. Do đó đừng phí sức, vì mục đích chỉ cần miên mật đến chỗ thoai đầu và kiến tánh.

Hỏi: Thế nào gọi là truyền đăng?

Đáp: Truyền đăng là Tổ sư đời trước truyền xuống đời sau, lịch sử ghi lại sự truyền thừa của chư Tổ gọi là Truyền Đăng Lục.

Hỏi: Sư phụ thường nói tham thoai đầu không cho tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết, vậy tham thế nào mới phát khởi nghi tình? Có phải vừa hỏi vừa nhìn liên tục không cho gián đoạn? Vậy có sợ trở thành câu niệm không? Nếu để tâm thức mắc thì có tác ý, có gián đoạn, phải làm sao phát khởi nghi tình mà không bị gián đoạn?

Đáp: Hỏi câu thoại để kích thích cái không hiểu không biết, rồi khán thoại đầu là nhìn vào chỗ không hiểu không biết, muốn xem chỗ không biết đó là gì. Nhưng không biết thì chẳng có chỗ, chẳng có chỗ thì chẳng mục tiêu để nhìn, chỉ nhìn chỗ không biết gì cả, vẫn còn không biết, Thiền tông gọi là nghi tình, chứ chẳng phải không có nghi tình. Nói tóm lại, cái không biết đó đã là nghi tình rồi, ngoài cái không biết đó ra, làm sao có nghi tình? Hỏi là để kích thích nghi tình, nhìn là để kéo dài nghi tình, cho nên, hỏi và nhìn đi song song thì giữ được nghi tình, chính cái nghi tình đó sẽ đưa mình đến thoại đầu.

Nếu dùng bộ não đi tìm hiểu tức là biết, suy nghĩ, ghi nhớ cũng vậy, biết thì chẳng phải tham thiền. Biết cũng là nhất niệm vô minh, không biết cũng là nhất niệm vô minh, nhưng cái không biết đó, đến giờ phút cuối cùng, từ đâu sào trăm thước tiến lên một bước, lia khỏi ý thức là kiến tánh. Ngay sát na lia ý thức đó cái không biết tan rã, lúc ấy biết và không biết của bộ não sạch hết, cái biết của Phật tánh tức Vô duyên tri, cũng gọi Chánh biến tri toàn vẹn hiện lên, khắp không gian thời gian, tức kiến tánh thành Phật.

Hỏi: A-đà-na thức là gì? Có phải thức thứ chín không?

Đáp: Kỳ thực, A-đà-na thức tức là thức thứ tám, người ta đặt ra cái thức thứ chín, vì trong thức thứ tám chứa tất cả chủng tử thiện, ác và vô ký, đến chừng kiến tánh rồi, tất cả tập khí đều sạch, chẳng còn chủng tử thiện, ác hay vô ký, khôi phục lại bản lai diện mục trống rỗng vô sở hữu, gọi là Bạch Tịnh Thức, cũng gọi A Đà Na thức, nhưng cái thể vẫn là thức thứ tám, chứ chẳng phải có thêm một cái thức.

Hỏi: Tập khí thế gian và tập khí xuất thế gian gồm những gì?

Đáp: Buồn, giận, yêu, ghét v...thuộc tập khí thế gian; còn Bò đề, Niết bàn, thiền định, giải thoát là tập khí xuất thế gian, chấp vào sự ngộ, sự chứng của mình cũng là những ngã chấp vi tế.

Hỏi: Tại sao vô minh thật tánh tức Phật tánh?

Đáp: Đã biết vô minh không có tánh, không có vô minh rồi thì cái không có vô minh tức là Phật tánh vậy, nó trống rỗng vô sở hữu mà!

Hỏi: Xin Sư phụ kể qua vài nét tu hành của Luật sư Hoàng Nhất.

Đáp: Ngài là một vị Luật sư chuyên hoằng Giới luật. Ngài là con nhà giàu, viết chữ và hoạt họa rất giỏi, trước khi xuất gia, từng đi du học ở Nhật, cưới một người vợ Nhật rồi trở về Trung Quốc làm Hiệu trưởng của một trường Trung học, sau đó có duyên lành biết được Phật Pháp và xuất gia ở Tô Châu. Ngài gửi thư về báo cho người vợ biết đã xuất gia, không màng tới gia đình nữa, và bảo cô ấy hãy trở về nước Nhật. Người vợ hay tin tìm đến chùa xin gặp mặt lần cuối cũng không được.

Sau khi xuất gia, Ngài nghiên cứu chuyên sâu về Giới luật, mới biết giới luật Nhà Phật rất tỉ mỉ, khó thực hành, nên Ngài nói rằng những gì mà ngài thực hành được chỉ là ngũ giới của cư sĩ thôi. Sách Giới luật thời xưa rất khó hiểu, Lúc đó ngài đã thọ giới Tỳ-kheo và nghiên cứu luật Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, viết ra bộ Giới Tướng Biểu Ký, giải thích rất kỹ, mỗi giới đều có khai giá trị phạm, khiến người học giới luật đọc vào rất dễ hiểu.

Luật sư Hoàng Nhất chuyên hoằng Giới luật, vì hoằng dương giới luật rất khó nên ít người theo học. Thời đó ở Trung Quốc, bên Giáo môn mở trường Phật học, cả ngàn người theo học giáo lý, nhưng theo ngài học luật chỉ có mười ba người thôi. Tiểu sử của Ngài có thể tìm được ở các nhà sách Hán văn.

Hỏi: Con là một hành giả thường nghe Sư phụ khai thị, không hiểu tại sao lần nào nghe khai thị cũng như mới nghe? Nghe hoài không biết chán?

Đáp: Vì những gì tôi nói đều là cái căn bản, thực tế, chứ chẳng phải nói suông hay mò đoán. Tôi là giảng theo thực tế ứng dụng hằng ngày, như Lục Tổ nói “Phật Pháp tại thế gian, chẳng lìa thế gian giác”. Nói đến chỗ này, chế độ giáo dục thời nay về vấn đề thi cử, nhiều học sinh, sinh viên học suốt ngày suốt đêm, học đến đầu óc căng thẳng, chỉ là theo phương pháp ghi nhớ, đến chừng thi xong là quên hết, chẳng thể áp dụng vào thực tế trên xã hội, chỉ bằng những người học theo cách thực hành ngay từ ban đầu. Phật Pháp cũng vậy, do mọi người hiểu theo cách mê tín, vì các chùa dạy theo pháp mê tín, mà chẳng biết giáo lý của nhà Phật chẳng mê tín, lại phá mê tín.

Trong cuốn Góp Nhặt Lời Phật Tổ và Thánh Hiền có một bài, tựa là Phật Học của Tôn Giáo Nhân Loại, tác giả là một người linh mục Mỹ, ông đó còn biết rõ Phật giáo hơn những pháp sư giảng kinh thuyết pháp, rằng Phật giáo là một tôn giáo không có mê tín.

Hỏi: Thế nào là ‘hào ly hữu sai, thiên địa huyền cách’?

Đáp: Hào ly là đơn vị rất nhỏ, nay chúng ta tu pháp môn nào phải thực hiện đúng theo tông chỉ của pháp môn đó, nếu sai hào ly thì cách xa như trời với đất. Ví như Đài phát thanh phát ra làn sóng, dù máy thu thanh nhỏ cách nào, phải vặn đúng tầng số mới thu được, hễ xê xích hào ly, dù chỉ bằng một sợi tóc cũng không được.

Hỏi: Ngài Lai Quã nói “Khi sống trong Thiên đường phải lập hạnh như thế nào?”

Đáp: Hạnh là hạnh kiểm, phẩm hạnh. Hạnh của hành giả tham thiền là hỏi và nhìn đi song song, hễ gặp duyên thì giúp đỡ người khác, giúp đỡ chúng sanh, không giết hại chúng sanh, không ăn thịt, không đánh đập chửi mắng chúng sanh, ấy là tùy duyên mà làm. Phát nguyện kiến lập hạnh này, gọi là lập hạnh.

Hỏi: Thế nào là “vạn pháp tề quán, quy phục tự nhiên” trong Tín Tâm Minh?

Đáp: Tất cả đều quán một lượt. Kỳ thật, tâm như tánh thấy của mọi người, đều thấy một lượt, như một trăm người ở đây, tánh thấy của mình thấy một lượt, gọi là vạn pháp tề quán, vì tánh vốn như vậy, luôn luôn khắp không gian thời gian.

Do con người không có tu hoặc tu chưa đến mức, nên chỉ quán thấy trước mắt, tu đến bậc A-la-hán có thể quán thấy một tam thiên đại thiên thế giới, còn sức dụng của tâm thì không có gì ngăn cản, khắp không gian thời gian, tức chẳng kiến lập sở hữu, ấy là quả Phật vậy.

Nay con người kiến lập đủ thứ sở hữu nên chẳng thể thấy xa, sở hữu bớt chừng nào thì thấy xa chừng nấy, bớt đến hoàn toàn không sở hữu thì sự thấy như Phật. Ngài Long Thọ nói “Hư không vô sở hữu mà dung nạp tất cả vật”. Nếu đạt đến hoàn toàn vô sở hữu thì dung nạp và ứng dụng, tất cả đều ở trong tâm mình, luôn cả hằng sa chư Phật cũng ở trong đó, chẳng phải ở ngoài tâm.

Hỏi: Từ khi Sư phụ học pháp Tổ sư thiền, rồi được truyền thừa và hoàng dương pháp môn này, chắc cũng trải qua nhiều khó khăn, gặp không ít chướng ngại trên đường tu. Đệ tử là những hành giả sơ tham, mong Sư phụ kể qua lịch sử cuộc đời mà Sư phụ trải qua để truyền lại kinh nghiệm tu, giúp chúng con vượt qua trở ngại và những nhân duyên chướng đạo?

Đáp: Tất cả lịch sử của chư Tổ được ghi trong Truyền Đăng Lục, cuốn đầu tiên là Cảnh Đức Truyền Đăng Lục ra đời, khiến hành giả tham thiền biết được cơ xảo,

phương tiện của chư Tổ, chẳng thể tự phát lên nghi tình, chướng ngại sự kiến tánh, cho nên, hề biết là chướng ngại.

Hỏi: Sư phụ đã chọn được người để truyền thừa pháp môn Tổ sư thiền chưa? Sau này Sư phụ tịch diệt ai sẽ kế thừa để chỉ dạy và hướng dẫn cho chúng con đi đúng theo chánh pháp?

Đáp: Bây giờ thì chưa biết người nào kế thừa được. Hồi xưa, ở dưới Lục Tổ có năm phái đều là kiến tánh, truyền đến bây giờ chỉ còn lại phái Lâm Tế và Tào Động, còn ba phái kia đã tuyệt truyền. Người ta kiến tánh cũng còn tuyệt truyền, huống là tôi chưa kiến tánh!

Kế thừa hay không kế thừa chẳng quan trọng, ấy là tùy duyên. Như tôi thường nói, ngài Lai Quả kiến tánh, thầy của Ngài chưa kiến tánh; ngài Hư Vân cũng vậy. Thầy chưa kiến tánh nhưng đệ tử cũng kiến tánh được, sau đó thầy trở lại làm đệ tử, đâu có gì lạ! Cho nên, khỏi cần hỏi vấn đề này.

Hỏi: Thế nào là vô vi?

Đáp: Vô vi là bản tâm của mình tự động như thế, chẳng làm mà tự làm, tức làm mà không động niệm, gọi là vô vi. Tôi có dùng sự cảm giác của lớp da để thí dụ, nay khoa học gọi là xúc giác, nó khắp không gian thời gian của cơ thể. Lại nữa, như ánh sáng mặt trời chiếu soi chẳng bao giờ ngưng, sở dĩ không chiếu tới chỉ vì bị che khuất thôi.

Bản tâm của mình như thế, từ hồi nào đến giờ vẫn vậy, cho đến vị lai, mãi mãi không bao giờ ngưng, chẳng có sự bắt đầu, gọi là bất sanh bất diệt, vô thị vô chung. Do chúng ta chấp thật cái thân này nên có sanh tử, vinh hoa phú quý, buồn vui yêu ghét vv... đủ thứ đều do tự mình kiến lập, chướng ngại bản tâm của mình. Nay tu hành là quét sạch chướng ngại thì bản tâm tự hiện, y như bản lai diện mục của nó.

Hỏi: Thế nào là vô vi mà vô sở bất vi?

Đáp: Tức không làm mà chẳng gì không làm. Bây giờ tất cả đều đang động, chẳng cái nào là ngưng, như nay mình thấy tịnh, nhưng thực tế mọi thứ đều chẳng có tịnh.

Hỏi: Nếu đã không có căn, trần, thức thì không có đạo, nếu có đạo thì đó chỉ là giả lập thôi, phải không?

Đáp: Không phải. Căn, trần, thức là sự vật trong chiêm bao, nên Bát Nhã Tâm Kinh dùng chữ Vô để quét sạch, nói vô lục căn, vô lục trần, vô lục thức.

Hỏi: Nếu không chấp thật và không trụ, có thể nói là vô niệm không?

Đáp: Không. Vì đã có kiến lập rồi, phải tự nó như thế mới được.

Hỏi: Con thưa hỏi Sư phụ bằng nhất niệm, và Sư phụ trả lời bằng vô niệm, phải không?

Đáp: Không được. Dùng nhất niệm hỏi thì tôi phải dùng nhất niệm để đáp, nếu dùng vô niệm để trả lời thì người hỏi làm sao biết được!

Hỏi: Lời của Thiền sư nói chỉ là giả lập và phá chấp thật, nói xong liền bỏ hay phủ định luôn?

Đáp: Chẳng phải có cái cố định. Cách đáp của Phật có bốn thứ: Cách thứ nhất là quyết định đáp, cách thứ nhì là đáp hai mặt, tức tục đế và chơn đế, cách thứ ba là dùng cách hỏi trở lại để đáp, cách thứ tư là dùng im lặng mà đáp.

Hỏi: Xin cho một thí dụ về quyết định đáp?

Đáp: Như nói bản thể của tâm trống rỗng vô sở hữu, khắp không gian thời gian, không có sự bắt đầu và cuối cùng, chẳng sanh diệt khứ lai, ấy là quyết định đáp. Còn về cách đáp hai mặt, như tôi thường nói; cái biết của ý thức có hai mặt, dùng cái biết để tu Như Lai Thiên, và dùng cái không biết để tu Tổ sư thiên.

Hỏi: Biểu đồ của Đại Thừa Tuyệt Đối Luận có ý nghĩa ra sao?

Đáp: Đại Thừa Tuyệt Đối Luận có biểu đồ diễn tả về tâm: Tiểu thừa là duy vật luận, Trung thừa là duy tâm luận, Đại thừa là tâm vật hợp một, Tối thượng thừa thì phi tâm phi vật, vì trống rỗng không có gì.

Hỏi: Thế nào là Bát nhã vô tri? Thế nào là Hòa quang đồng trần?

Đáp: Trí của Bát nhã tự động, chẳng thể kiến lập tri, vì hễ có tri tức có vô tri để đối đãi. Hòa quang đồng trần nghĩa là tất cả đều bằng nhau, như ánh sáng cây đèn, đèn lớn thì ánh sáng mạnh hơn, đèn nhỏ ánh sáng yếu hơn, nhưng ánh sáng của đèn lớn đèn nhỏ hòa chung thành một ánh sáng, vốn chẳng có khác, dù muôn ngàn cây đèn cũng cùng một ánh sáng, gọi là hòa quang đồng trần. Ví như bụi trần hòa lẫn trong không khí mà chúng ta không thấy, khi ánh sáng chiếu qua khe cửa, sẽ thấy bụi trần lẳng xăng.

Hỏi: Nay người ta dùng các loại ngũ tân như hành, tỏi, hẹ, củ kiệu, hương cừ...ché thành thuốc chữa bệnh, khi Phật tử bị bệnh phải dùng những thứ thuốc đó, có được không?

Đáp: Thì cái đó được khai, như uống rượu cũng vậy. Kỳ thật dùng ngũ tân chẳng phải có phạm giới, nhưng vì chướng ngại cho người tu, hễ ăn sống thì kích thích tánh dâm dục, ăn chín thì kích thích tánh sân hận, nên phải tránh dùng.

Hỏi: Tham Thiên Phổ Thuyết nói “Lục căn khó khâu”, còn Lai Quả Thiên sư nói là như trong nhà đốt cây đèn, các tông phái khác dùng búa đóng bít, che đậy các cửa, còn Thiên tông thì chẳng phải vậy, trước hết đập bể cây đèn, kể đến là triệt hạ căn nhà, vậy nghĩa này như thế nào?

Đáp: Ấy là thí dụ: Trong nhà đốt lên cây đèn, ánh sáng lọt ra ngoài sáu cửa, nay muốn không cho ánh sáng lọt ra ngoài, nên dùng vải che lại, sáu cửa đều che bít, nhưng khi gió thổi thì bị hở, ánh sáng vẫn lọt ra ngoài. Còn thiên tông thì khỏi cần che bít cửa sổ, chỉ cần tắt cây đèn trong nhà thì chẳng còn ánh sáng lọt ra ngoài. Ánh sáng thí dụ vọng tưởng của bộ não, Tiểu thừa thì bít hết lục căn để trừ vọng tưởng, còn Thiên tông trừ hẳn nguồn gốc, dùng nghi tình chấm dứt hết tất cả biết, hoạt động của bộ não hết thì chẳng còn vọng tưởng nổi lên, lục căn vẫn làm việc như thường.

Hỏi: Thế nào là phước huệ song tu?

Đáp: Bồ thí cúng dường là tu phước, tham thiên là tu huệ, nếu hai thứ đều thực hành gọi là phước huệ song tu.

Hỏi: Thế nào là “lục mở nhất tiêu” trong kinh Lăng Nghiêm?

Đáp: Lục là lục căn, nhất chỉ thân thể, ý nói thân thể dù chỉ có một, nhưng có lục căn, nếu lục căn đã tiêu mà còn chấp thân này cũng không thể giải thoát.

Hỏi: Danh từ “Cổ Đức” như thế nào?

Đáp: Cổ là người xưa, Đức là cách xưng hô, tức những vị Đại đức hồi thời xưa, chứ không phải chỉ gọi những vị có đạo đức, Theo cách xưng hô ở Việt Nam là từ Hòa Thượng, rồi đến Thượng Tọa, Đại Đức, nhưng theo giới luật nhà Phật, khi thọ giới Bồ tát, tôn xưng Phật Thích Ca là “Đại Đức Thích Ca Mâu Ni”, tôn xưng Bồ tát Văn Thù,

Bồ tát Di Lạc cũng là Đại Đức, do đó Đại Đức cũng không phải là bậc nhỏ. Thật ra, muốn làm Hòa thượng, Thân giáo sư thì Tỳ-kheo thọ giới mười năm có thể rời thầy, tự làm Hòa thượng dạy đệ tử, còn muốn làm Thượng tọa phải hai mươi năm, nên Thượng tọa cũng không phải nhỏ hơn Hòa thượng, nay là vì theo người đời đã quen xưng hô như thế.

Hỏi: Thế nào là nghĩa câu “Cái gì có bỏ ra, không có đừng đem vào” của ông Bàng Uẩn?

Đáp: Cũng như hư không trống rỗng vô sở hữu mới dung nạp và ứng dụng, muốn hiển bày tâm mình, thì những gì đã có trong tâm đem bỏ ra hết, những gì không có chớ mang vào, hễ mang vào tức kiến lập sở hữu, là chướng ngại.

Hỏi: Thế nào là trạm nhập hợp trạm?

Đáp: Chữ Trạm nghĩa là nước trong lặng chẳng làn sóng, có thể nhìn thấu tới đáy, khi nào liệng cục đá vào sẽ khiến nổi lên làn sóng. Đó là hình dung ý thức của mình, “Trạm nhập” tức ý thức hoạt động, mặc dù không có làn sóng, nhưng ôm cái trong lặng đó (*ôm sự ngộ của mình*) cũng không được, vẫn còn ở trong mê trí tứ tướng của bậc thánh. Trạm nhập không có hợp với cái gì, nếu có hợp thì chẳng phải vô sở hữu vậy.

Hỏi: Thế nào là nghĩa “Người chỉ cần vô dục, vô y tức là Phật” của Hòa thượng Nham Đầu?

Đáp: Không có một dục vọng nào gọi là vô dục, không có y vào chỗ nào cả gọi là vô y, cũng là nghĩa trống rỗng vô sở hữu của tâm mình. Đầu óc của con người suốt ngày làm việc gì đều muốn thỏa mãn dục vọng của mình, nhất là vấn đề ham tiền, có tiền thì làm gì cũng được, tiền càng nhiều càng tốt. Do đó, Đức Phật cấm Tu sĩ không được cầm tiền, mười phương tín thí cúng dường tiền là để cho mình làm Phật sự, tự giác giác tha, đâu phải để mình thỏa mãn dục vọng! Nên phải vô dục và chẳng nương tựa vào chỗ nào cả.

Hỏi: Ngài Vĩnh Gia nói: “Trống rỗng không, chống nhân quả, mệnh mệnh môn không chiêu tai họa” là thế nào?

Đáp: Chấp vào cái không, cho là không có nhân quả thì làm ác cũng chẳng sao, là lọt vào biên kiến, dĩ nhiên phải chiêu tai họa.

[22] 16/05/97–20/05/97 tại Chùa Tam Bảo, Sa Đéc.

Hỏi: Chúng con là Tăng sinh ở Cần Thơ, muốn xin Hòa Thượng giải giùm, cái này là cái gì?

Đáp: Hãy tự hỏi chính mình, chẳng những cái này không biết, tất cả đều không biết, nay chớ hỏi việc ở ngoài thân, ngay sợi tóc của ông, tế bào của ông còn chẳng tự biết, tức những gì trong cơ thể cũng chẳng tự biết, nói chi ở ngoài?

- Tại sao không biết?

- Vì muốn có sở hữu, muốn có cái biết, cho cái biết cũng là sở hữu của mình. Tại có tư tưởng chấp thật, cho nên, cái biết sai lầm cũng muốn biết. Ông là Tăng sinh, nay ông học biết được cái gì? Hãy nói ra thử?

- Con không biết.

- Tự mình học mà không biết, còn muốn hỏi cái gì? Bên Thiên tông, nghi tình là dùng để tự hỏi, nếu hỏi Phật Thích Ca, dù Phật nói được, đối với tự mình có ích lợi gì? Huống là nói không được! Đức Phật rất sợ những người cứ đuổi theo lời nói để chấp

thật như ông, nên trong kinh Kim Cang, Phật nói “Ai nói ta có thuyết pháp là phi báng Phật”, “Vô pháp khả thuyết mới là thuyết pháp”. Ông là Tăng sinh, những cái bồn phận của ông mà chẳng chịu học, chẳng lẽ rồi cũng trả lời thầy giáo rằng “tôi không biết, không biết là học cái gì?”

Hỏi: *Vùng con ở rất xa, chỗ đó chẳng có bậc thầy dẫn dắt tu hành, nên một số cư sĩ thỉnh kinh sách về tự học tự tu, cũng có một số Phật tử đã thọ giới Bồ tát nhưng về nhà không giữ được giới, không trì giới, vậy có phạm giới không?*

Đáp: Thọ giới rồi không giữ giới là phạm giới, nếu không hành trì, không giữ được thì xả giới. Trong Phật Pháp có thể xả giới, ví như thọ Bát quan trai, dù có một ngày một đêm, nhưng cũng xả được.

- *Vậy xả như thế nào?*

- Thọ giới khó, xả giới thì dễ, chỉ là nói với một người nghe biết tiếng mình nói là được. Nói với người ấy rằng “Tôi đã lỡ thọ giới Bồ tát nhưng nay không giữ được, nên xả hết những giới mà tôi đã thọ”, ấy là được.

- *Có phải nói với người Tu sĩ hay người thường?*

- Chỉ là cư sĩ với cư sĩ cũng được. Tức là người thọ ngũ giới nói với cư sĩ đã thọ ngũ giới, người thọ Bồ tát giới thì nói với người đã thọ Bồ tát giới, cư sĩ cũng được, khỏi cần thầy. Còn khi truyền giới thì phải do thầy truyền mới được, sám hối cũng vậy, chẳng thể sám hối trước bàn thờ Phật vì không ai chứng minh cho.

Hỏi: *Xin Sư phụ nói về sự truyền thừa của Tổ sư thiền như thế nào?*

Đáp: Ngài Lục Tổ là Tổ thứ sáu ở Trung Quốc, nếu tính từ Sơ tổ Ca Diếp thì Ngài là Tổ thứ ba mươi ba. Mỗi đời chẳng phải chỉ có một người kiến tánh, nhưng chỉ chọn một vị làm Tổ để tiêu biểu cho người đời sau.

Dưới Lục Tổ có bốn mươi ba vị kiến tánh mà không một người làm Tổ, chỉ được ấn chứng đã kiến tánh mà thôi. Đến sau này thì chưa kiến tánh cũng nói pháp, ví như thời gần đây có ba vị kiến tánh là ngài Lai Quả, ngài Hư Vân, và ngài Nguyệt Khê; ngài Lai Quả kiến tánh nhưng thầy của Ngài khi truyền pháp cho Ngài là chưa kiến tánh, ngài Hư Vân cũng vậy.

Thời xưa, khi người đệ tử tự kiến tánh rồi mới gửi thư báo cho thầy rằng “Con được thầy khai thị khiến ngộ, nay xin nói pháp của thầy”. Có khi thư gửi đến nơi thì thầy đã tịch rồi, có khi mười mấy năm sau thư mới đến, thầy cũng quên đi có người đệ tử đó. Đệ tử sau khi kiến tánh ra hoàng pháp, đốt nén hương đầu tiên tuyên bố rằng “Tôi nói pháp của thầy nào đó”, lúc chưa tuyên bố thì không biết vị đó là nói pháp của ai.

Thời nay là đệ tử chưa kiến tánh thầy cũng truyền pháp, ví như tôi là đời thứ 89, truyền xuống đời thứ 90. Mặc dù chưa kiến tánh, nhưng có tham thiền cũng còn khá, truyền mãi đến người không có tham thiền, người niệm Phật cũng truyền, vậy cũng được, cũng là có sự tu, nay nhiều người tu Tịnh độ cũng nói pháp Thiền tông. Nhưng, tội tệ hơn là những người Thiền cũng không tu, Tịnh cũng không tu, chẳng tu gì hết, chỉ là đi ứng phó kinh sám cũng được truyền thừa, ghi đầy đủ trong pháp quyển, cho nên, truyền mãi là không có giá trị gì cả.

Hỏi: *Thế nào là tự tứ?*

Đáp: Tự tứ là giải hạ tự tứ. Theo giới luật của Phật, tất cả Tỳ-kheo đều phải nhập hạ, đến ngày 14, 15, 16 của tháng bảy là giải hạ, tự tứ là tự kiểm thảo, tất cả chúng đều phải tuân tự ra quỳ trước mặt đại chúng hỏi về kiến, văn, nghi: Kiến là mắt thấy, văn

là tai nghe, nghi là không thấy không nghe nhưng có nghi. Ví như hỏi: Tôi chẳng biết tự mình có phạm giới hay không, nên nhờ đại chúng hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghi ngờ tôi có phạm giới thì xin cử tội ra để giúp đỡ cho tôi sám hối”, gọi là tự tứ.

Hỏi: Con thì ăn chay, ở chung với ông bà nội, hằng ngày bà nội đi chợ mua thịt cá về, bảo con nấu nướng, vậy con có mang tội không?

Đáp: Cấp trên có quyền, mình là cấp dưới, nghe lệnh phải làm theo, tức chẳng có tâm tạo thì không có tội, không tạo nhân thì không phải chịu quả, mà người ra lệnh phải chịu nhân quả đó. Còn hễ trong tâm mình cũng khởi niệm thích như vậy hoặc muốn ăn như vậy thì phải cùng chịu cái quả.

Hỏi: Vậy con muốn trốn ông bà đi tu, có được không?

Đáp: Sự tích của Phật Thích Ca ai cũng biết, ngài cũng trốn khỏi hoàng cung để đi tu. Nhưng hễ đi tu phải tu cho thành, cũng như Đức Phật vậy, tức là phải tu chơn thật, dù không thành cũng phải chơn tu, nếu không thì mắc nợ thí chủ. Nên nhớ rằng:

Hạt gạo của Thí chủ,
Lớn như núi Tu di.
Nếu không tu giải thoát,
Mang lông đội sừng trâu.

Do đó, tôi thường khuyên là nếu chơn tu, tại gia cũng được, không cần xuất gia, nhất là người nữ.

Hỏi: Ở nhà khó tu lắm, thưa Sư phụ?

Đáp: Nếu tu Tổ sư thiên thì không phải là khó, chỗ nào cũng tu được.

Hỏi: Khi xưa trên hội Linh Sơn, đức Thế Tôn niêm hoa thị chúng, cả hội đều ngỡ ngác, chỉ có Tôn giả Ma Ha Ca Diếp mỉm cười tỏ ngộ, được Thế Tôn truyền tâm pháp và nói “Ta có Chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, pháp môn vi diệu, nay phó chúc cho Tôn giả Ca Diếp”.

Trong Kinh Pháp Bảo Đàn có vị dịch rằng “Con mắt là cửa của âm dương, là chỗ thân đạo chơi, phải thân nơi con mắt, khiến trở về tâm khiêu, con mắt xem chỗ khiêu ấy chẳng rời, ấy là chỗ chánh pháp nhãn tạng, khế hợp với Niết bàn diệu tâm”, vậy có đúng không?

Đáp: Đó là lời của tà ma ngoại đạo, vì chẳng hiểu Phật Pháp. Đã nói Thật tướng vô tướng thì làm gì có những thứ đó?

Hỏi: Ngài Hư Vân có nói “Pháp tu phản văn văn tự tánh của Bồ tát Quán Thế Âm tức là thoại đầu, vậy hai pháp Phản văn văn tự tánh và tham Tổ sư thiên có giống nhau không? Nếu đồng thì đồng ở chỗ nào? Nếu khác thì khác ở chỗ nào?”

Đáp: Tổ sư thiên là muốn hiển hiện toàn vẹn của tự tánh, tự tánh bất nhị, chẳng nhân duyên đối đãi. Kinh Lăng Nghiêm nói ‘phản văn văn tự tánh’: Văn là nghe, trở lại nghe tự tánh, chẳng nghe âm thanh; chẳng những không nghe động, cũng không nghe tịnh, vì động tịnh là pháp sanh diệt, còn tự tánh là pháp bất sanh bất diệt. Nay không nghe âm thanh sanh diệt động tịnh, tức chiếu cố thoại đầu.

Chiếu là chiếu soi, cố là nhìn, nhìn chỗ không biết gì hết, vì không có tướng, trống rỗng vô sở hữu nên chẳng đối đãi, tức là tự tánh bất nhị. Phản văn văn tự tánh cũng như mình nhìn chỗ thoại đầu không biết đó, ý vốn không khác.

Chiếu cố thoại đầu là dùng tánh thấy, phản văn là dùng tánh nghe, cũng là một thứ. Khi sắc thân này chết, đem đi thiêu thành tro, chôn thành đất, còn tánh thấy, tánh

ngũ, tánh nếm tồn tại vĩnh viễn chẳng có chết mất, vấn đề này có giảng trong kinh Lăng Nghiêm.

Hỏi: Thuở Phật còn tại thế, A Nan bị nàng Ma Đăng Già dùng ma thuật nhiếp vào nhà dâm, sao phải nhờ Đức Phật sai Văn Thù Sư Lợi đem thân chú Lăng Nghiêm đến mới giải cứu cho A Nan được?

Đáp: Do A Nan và Ma Đăng Già kiếp trước đã có nghiệp duyên, chẳng tự giải thoát được, nên Đức Phật phải sai Bồ tát Văn Thù đem thân chú đến cứu, và nhân dịp đó luôn cho Ma Đăng Già. Sau đó Ma Đăng Già trở thành Tỳ-kheo-ni và được chứng quả A-na-hàm, ấy cũng là nhân duyên.

Hỏi: Những vị Tổ đã ra đi thường để lại xá lợi, còn những vị Tổ thời gần đây như ngài Nguyệt Khê, sao để lại kim thân bất hoại làm gì?

Đáp: Nguyên lực của mỗi người mỗi khác, như ngài Lục Tổ, Hám Sơn, Đơn Điền cũng để lại nhục thân, ngài Nguyệt Khê cũng vậy. Theo nghi lễ của Phật giáo, các vị Tổ khi thị tịch thường là hỏa táng, vị nào có sự tu chứng thì để lại xá lợi, vị nào chẳng tu chứng thì không. Nhưng có xá lợi chẳng thể chứng minh cho sự kiến tánh, kiến tánh mới cần thiết, còn việc có xá lợi chưa chắc đã giải thoát, có khi còn ở trong sanh tử luân hồi.

Hỏi: Người tu theo đạo công giáo khi chết là trở về với Chúa, theo Tịnh độ thì vãng sanh cõi Cực Lạc, còn hành giả tham Tổ sư thiền nếu chưa kiến tánh, vãng sanh về đâu?

Đáp: Tại Thầy chưa tin tự tâm, tự tâm vốn chẳng sanh diệt, người khi kiến tánh mới biết vốn không có sanh tử, không sanh tử thì có đi về đâu? Do bản tâm này khắp không gian chẳng khứ lai nên gọi Như Lai, khắp không gian nên chẳng chỗ nào không biết, nếu mắc đi về đâu, ấy là có chỗ, chỗ này biết thì chỗ khác không biết, có đi về đâu là không cùng khắp, nếu cần đi về đâu thì không được gọi là Như Lai.

Còn khắp thời gian thì chẳng gián đoạn, gọi là Niết bàn, ví như những người tu đạo Thiên Chúa mặc dù được sanh cõi Trời, nhưng hể ngủ mê là không biết, chết giấc cũng không biết, chết rồi vẫn không biết. Người kiến tánh thì khác, ngủ mê vẫn biết, chết giấc, chết rồi vẫn biết; vì kiến tánh rồi thì biết không có sự chết, nói sanh tử chỉ là cảm giác sai lầm mà thôi. (Sư phụ ví dụ do thân xoay thấy căn nhà xoay, lược qua).

Hỏi: Làm thế nào khi ngủ vẫn tham thiền được để đi đến thoại đầu?

Đáp: Phải tập dần, tức hỏi câu thoại và nhìn thoại đầu đi song song hoàì, sẽ có ngày đến thoại đầu. Tôi nêu thí dụ: Hể mỗi ngày tăng được một phút thì bốn năm đến thoại đầu, mỗi ngày tăng nửa phút thì tám năm, tăng ¼ phút thì mười sáu năm, tăng ít hơn nửa thì ba mươi hai năm đến thoại đầu.

Hỏi: Có một vị xuất gia cùng con, vị này ở trong chúng hay nổi sân, làm việc chúng cũng sân, lại hay phiền não. Đã là người xuất gia mà không bỏ được những tập khí đó thì phải làm sao? Xin Sư phụ từ bi khai thị.

Đáp: Do không tin pháp môn, cũng không tin tự tâm, chẳng thực hành cho đúng thì đâu thể sửa lại tập khí phiền não từ lâu đời!

Hỏi: Thế nào là nhiễm, thế nào là chẳng nhiễm?

Đáp: Có sở trụ là nhiễm, không trụ tức chẳng nhiễm.

Hỏi: Phật mẫu là ai?

Đáp: Đó là do những người mê tín không biết Phật Pháp, ví như gọi Bồ tát Quán Thế Âm là Phật mẫu. Bồ tát Quán Thế Âm đâu phải đàn bà! Đó chỉ là một trong thiên bách hóa thân để hóa độ chúng sanh, như trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa đã nói. Chúng ta dù là phàm phu cũng có tam thân, cũng có thần lực đó, chỉ tại không thể sử dụng được thôi.

Hỏi: Trong *Mộng Du Tập* của ngài Hám Sơn, có vị Cổ đức nói “Ngộ pháp vô sanh thấy sát na” là thế nào? Đã ngộ vô sanh thì có sát na nào có thể thấy? Nếu thấy có sát na tức chẳng phải ngộ vô sanh, sao lại nói “Ngộ vô sanh mới thấy sát na”? Thế thì vô sanh với sát na là một hay là khác?

Đáp: Vì phương tiện muốn cho phàm phu hiểu được một phần nào, nên mới kiến lập sát na, ấy là do thế gian đã kiến lập cái sát na rồi nên sát na là do kiến lập mới có. Tôi đã nói, Phật Pháp chẳng thế kiến lập, luôn cả hư không cũng vậy, huống là sát na! Kiến lập thì chẳng phải thực tế, Đức Phật vì sợ chúng sanh chấp vào cái kiến lập đó, nên kiến lập rồi lại phủ định, do đó Phật Pháp có lập và phá: Ví như đối với hạ căn thì chỉ có lập không có phá, đối với trung căn là lập rồi phá, đối với thượng căn thì chẳng lập cũng chẳng phá, vì có gì để lập đâu!

Hỏi: Lọt vào hư không mỗi lần dài hơn một chút có phải tiểu tử không?

Đáp: Không phải, tôi nói “lọt vào hư không” chỉ là phương tiện để thí dụ cho biết, nay chúng ta cũng đang ở trong hư không, làm sao có lọt vào đâu nữa! Hư không này tức là tâm của mình, bây giờ cũng đang dùng, ấy là thực tế, mục đích để tăng cường lòng tin cho hành giả tham thiền, ngoài ra chẳng phải có đạo lý cao siêu.

Hỏi: Con muốn xin Sư phụ kể lại quá trình tu tiến công phu từ lúc bắt đầu khởi công tham Tổ sư thiền, cho đến tới ngộ?

Đáp: Mọi người hãy tự lo công phu của mình, chứ đừng lo cho người khác. Quá trình của quá khứ chư Phật chư Tổ mỗi mỗi đều khác biệt, các vị đồng tham cũng vậy, việc đó vô ích mà còn có chướng ngại. Cho nên, hãy tự lo tu đi. Cứ tự tham cho miên mật, đến chừng ngộ là tự biết, chứ dùng bộ não đi tìm hiểu là sai lầm. Lời nói của Phật, lời diễn tả của Phật còn không cho người ta bắt chước, huống là người chưa kiến tánh! Ví như phẩm Thí Dụ Thọ Lượng của Như Lai với tám tướng thành Phật ở cõi Ta Bà này khác xa lắm, ấy là chuyện do Phật kể còn không phải thực tế mà! Nay ông muốn tìm cái không phải thực tế để làm gì? Chỉ cần hỏi và nhìn thoại đầu thì sẽ đi đến chỗ thực tế, nếu dùng bộ não đi tìm hiểu, chỉ càng tìm càng xa thôi.

- Ý con chỉ muốn Sư phụ dẫn dắt chúng con đi đến chỗ thoại đầu mà thôi.

- Tôi đã chỉ ra đường lối do chư Tổ truyền lại cho mọi người tu; do đó không cho đi theo lối tẻ, không cho đi bậy. Như ông hiện nay hỏi là theo lối tẻ, không đúng với đường lối. Đường lối tham Tổ sư thiền là giữ nghi tình không hiểu không biết, là chấm dứt tất cả tìm hiểu biết, ghi nhớ biết, suy nghĩ biết, nay đi tìm hiểu những cái không thực tế là chướng ngại sự tham thiền, đã là nghịch rồi, tìm hiểu sự tích của Phật Thích Ca cũng còn không được, ví như nói về ngày Phật đản sanh chẳng hạn.

Hỏi: Lục Tổ nói trong kinh Pháp Bảo Đàn về “Hàng phục tâm, an trụ tâm, nhưng tâm thì vô sở trụ, trụ nơi vô sở trụ mới gọi là chơn trụ” là thế nào?

Đáp: Vấn đề An trụ tâm, hàng phục tâm trong kinh Kim Cang, những người có tư tưởng chấp thật thì giải thích theo chủ quan của mình mà chẳng biết ý của Phật nói câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, vì vọng tâm của mình luôn lăng xăng, nay thực hành tham Tổ sư thiền, hỏi và nhìn đi song song đã là hàng phục tâm rồi. An trụ tâm cũng vậy, hễ giữ được nghi tình thì tâm luôn an trụ, chẳng bị ngoại cảnh lôi kéo, tốt

đẹp thế nào cũng không biết, xấu cách mấy cũng không biết, ấy là hàng phục tâm, an trụ tâm rồi, nếu dùng lời nói để giải thích theo cách chủ quan là sai, không đúng với thực tế.

Hỏi: Hành giả tham Tổ sư thiên đối với những ngày giỗ Tổ, phải thờ cúng ông bà cha mẹ như thế nào?

Đáp: Không có cúng kiến thế nào, nếu tự mình không muốn cúng thì chẳng cúng gì cả, còn muốn theo thế tục cúng thì cứ cúng, cũng chẳng có chướng ngại. Tức là: Chỉ cần hỏi và nhìn đi song song, ngoài ra không biết tới; nếu có bà con thân thuộc bắt buộc mình phải cúng thì cúng cũng được. Vì bản tâm là Phật, nay tu hành là muốn phát hiện bản tâm của mình để kiến tánh thành Phật, còn mục đích cúng kiến là gì? Hễ muốn phù hộ thì không cần phù hộ, cũng chẳng thể phù hộ, còn cúng kỹ niệm thì cũng được, tất cả đều tùy duyên, chứ chẳng phải nhất định phải cúng hay không cúng, nhất định cần hay không cần.

Hỏi: Thế nào là chánh pháp nhãn tạng?

Đáp: Tổ sư thiên này là chánh pháp nhãn tạng. Khi đức Phật truyền pháp cho Sơ tổ Ma Ha Ca Diếp, Ngài có nói “Nay đem chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm truyền cho Ca Diếp”, vậy là rõ rồi.

Hỏi: Khi tham thoại đầu phải có câu hỏi mới sanh được nghi tình, như vậy hành giả luôn an trú trong cái nghi, nhưng dần dần do cái nghi không giải quyết được nên sự tham trở thành niệm rồi?

Đáp: Không phải, trong câu tham phải có cái nghi, không hiểu không biết mới thành nghi, nếu chỉ có hỏi thì có thể biến thành niệm, nếu vừa hỏi vừa nhìn thì không biến thành niệm.

Hỏi: Hành giả tham thiên làm sao biết mình là tiểu ngộ hay đại ngộ?

Đáp: Hễ ngộ rồi còn ôm cảnh giới ngộ, tức cho là mình đã ngộ, thì gọi là tiểu ngộ, hễ ngộ rồi luôn cả cảnh giới ngộ cũng không mới là đại ngộ. Vì ngộ là đối với mê, nếu ngộ triệt để thì hết mê, mê đã hết, ngộ cũng không còn, cho nên mê ngộ đều sạch.

[23] 14/06/97–20/06/97 tại Chùa Tam Bảo, Sa Đéc.

Hỏi: Tại sao nói pháp tham Tổ Sư Thiên là pháp xuất thế gian?

Đáp: Đối với thế gian thì nói xuất thế gian, sự thật thì pháp thế gian và xuất thế gian chẳng khác. Do người ta có bệnh chấp sai lầm về thế gian, muốn ra khỏi sai lầm đó mới nói là xuất, chứ thế gian và xuất thế gian không khác. Tại sao? Vì tâm chẳng có khác, người thế gian cũng là cái tâm này, người nói tu xuất thế gian cũng là cái tâm này. (Sư phụ giải thích tâm như hư không trống rỗng vô sở hữu, lược qua).

Hỏi: Thế nào là hỏa Tam muội, tánh Tam muội? Và cách ngồi kiết già do Phật Thích Ca hay Thiên sư nào đặt ra?

Đáp: Tất cả đều do người ta đặt ra tên gọi, chứ Phật Thích Ca đã nói vô thi vô sanh, vô sanh thì chẳng thể đặt ra, hễ đặt ra là có sự bắt đầu rồi. Người ta đặt ra thiền quán, quán lửa thì gọi là hỏa tam muội, quán thủy thì gọi là thủy tam muội... ấy là do người bày đặt. Còn Tổ sư thiên là chẳng có gì cả, chỉ do Tổ sư từng đời truyền xuống, miễn cưỡng gọi là Tổ sư thiên, chứ không có tên gọi, luôn cả thiên cũng không, vì trống rỗng vô sở hữu, chẳng thể kiến lập.

Lời tác bạch của thầy Trụ trì chùa Tam Bảo:

Nam mô Bồn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, kính bạch Sư phụ: Con cúi đầu dâng lễ Sư phụ, khi con được gặp Ngài, con quyết lòng tin pháp môn đây là của Đức Thích Ca truyền dạy, Sư phụ dạy lại. Từ đó đến nay mười mấy năm, con quyết chí công quả cho Tam bảo, để thành tựu cho tất cả chúng sanh, như Sư phụ dạy, nam là cha, nữ là mẹ của mình. Con nguyện đời nào trở về cõi Ta Bà này cũng theo Sư phụ để đền ơn cho Phật và Sư phụ, và tất cả đều thành Phật.

Hôm nay mọi người về đây, cùng nhau tu hành, thương nhau như con một cha, nhà một nóc, chúng con thực mừng vui, nguyện đem hết tấm lòng để phục vụ. Nay con cúi đầu lạy hết tất cả chúng Tăng Ni, Phật tử, như lời Sư phụ dạy, con không dám kể lễ, chỉ công quả phục vụ đến ngày cuối cùng mà thôi.

Mà chẳng biết là do con ham công quả cho đại chúng thành Phật, hoặc do con lo hoài nên chẳng biết con có tu hay không, thành ra công phu con cũng ít, lâu lâu nhớ, lâu lâu quên, mà ham làm lắm, làm đến chết cũng được. Cho nên, hễ có điều chi sai sót, xin Sư phụ thông cảm.

Đáp: Bây giờ mình có tu thì tự nhiên mới hưởng được sự cúng dường của thí chủ, nếu không tu, như bài kệ “Hạt gạo của thí chủ, lớn như núi Tu di, nếu không tu giải thoát, mang lòng đội sừng trâu”. Thí chủ cúng dường là cho mình tu, mỗi người phải tự giác, phải cảnh sách mình.

Tôi đi nhiều chỗ, ít gặp một người Trụ trì nào như thầy Trụ trì ở đây, tất cả đều là phương tiện cho chúng để tu, chỗ ăn chỗ ở, luôn cả phục vụ điếm tâm, cung cấp đầy đủ. Cho nên, đại chúng phải tự hồi tự xét, để không phụ lòng thầy Trụ trì lo cho mình tu.

Còn tôi thì nóng tánh, tự biết lỗi mà sửa còn chưa được, ấy là tập khí từ lâu đời, thành ra tôi chẳng dám trách người khác không sửa. Cho nên, mỗi mỗi hãy tự sửa, mới gọi là tu.

Hỏi: Chết rồi, thiêu xong, Phật tánh ở chỗ nào?

Đáp: Phật tánh là tâm, vì tâm có tánh giác ngộ nên gọi Phật tánh. Phật tánh cũng là bản tâm, khắp không gian thời gian nên không có chết. Phật tánh khắp không gian nên chẳng khứ lai, gần tên gọi Như lai, là đứng như bản lai, chẳng khứ lai thì làm sao có chết rồi đi đâu và ở đâu? Nếu có chỗ thì chẳng phải Phật tánh, vì không cùng khắp vậy. Do người hỏi chấp thật sanh tử nên có câu hỏi này.

Hỏi: Tổ Đạt Ma có kinh Lăng-già để ấn chứng hậu học, Lục Tổ có kinh Pháp Bảo Đàn, ngài Lai Quả có Thiền Thất Khai Thị Lục, Nguyệt Khê có Tuyệt Đối Luận, vậy sau này nếu Sư phụ tịch, chúng con sẽ căn cứ vào đâu?

Đáp: Tôi là người chưa kiến tánh. Ngài Lai Quả, ngài Nguyệt Khê là người đã kiến tánh, hồi xưa Tổ kiến tánh đã bảy ngàn vị, nhưng người lưu lại kinh luận rất ít, chứ chẳng phải Tổ nào cũng lưu lại, huống là tôi chưa kiến tánh! Tôi chỉ là người nuốt nước miếng của chư Tổ truyền lại rồi đem dạy lại cho quý vị thôi, chứ tự mình tôi có gì đâu!

Thực tế bản tâm của mọi người là trống rỗng vô sở hữu, Lục Tổ đã nói “Bản lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai”, nghĩa là xưa nay đã chẳng một vật thì lấy gì để dính bụi trần! Không có một vật là trống rỗng vô sở hữu, nên gọi Tánh không, tánh không thì chẳng chỗ trụ, nên gọi Vô trụ, ngài Lục Tổ nói “Lấy vô trụ làm gốc”, nay nói lưu lại cái gì là có sở trụ rồi. Cũng như Phật Thích Ca, đâu có để lại cái gì, đến sau này đệ tử kết tập lại mới thành kinh.

Hỏi: Sư phụ có dạy “Hành giả dụng công tham thiền, giữ nghi tình không hiểu không biết để đưa mình đến kiến tánh thành Phật”. Nhưng cuối cùng Sư phụ lại nói “không có Phật để thành”. Vậy với người đời không dụng công tham thiền, cũng không thành Phật, hai việc này giống nhau chăng?

Đáp: Chưa kiến tánh thành Phật thì nói muốn thành Phật, đến khi kiến tánh rồi mới biết chẳng có Phật để thành, vì đã thành sẵn rồi, nay chưa hiện ra được là bởi kiến lập tri kiến, bị tri kiến che khuất. (Sư phụ thí dụ quặng vàng trong Kinh Viên Giác, lược qua). Nên kinh Lăng Nghiêm nói “Tri kiến lập tri, tức vô minh bản”, nếu chẳng kiến lập tri kiến là Niết bàn. Chẳng kiến lập thì vô thi vô sanh, tức không có sự bắt đầu và sanh khởi. nói đi nói lại cũng chỉ có bao nhiêu đó thôi.

Hỏi: Thế nào là tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt?

Đáp: Tất cả duy tâm tạo, Phật cũng là tâm tạo, chúng sanh cũng là tâm tạo, nên chẳng có sai biệt.

Hỏi: Người xưa nói “Cửa biết là cửa tai họa”, nếu như không biết thì làm sao có thể dịch kinh được?

Đáp: Cái biết là biết của bộ não, có cái không biết để đối đãi, còn cái biết của Phật tánh không được gọi là biết, vì không có sự đối đãi, gọi là “vô duyên tri”.

Hỏi: Trong lúc con tham thiền, có một giai đoạn rộng rang không sanh khởi, rồi con tự đề lên câu thoại đầu, đề riết cũng không tìm ra vấn đề gì, cũng không nhìn thấy gì?

Đáp: Có tìm đã sai lầm rồi, tham thiền là muốn chấm dứt cái biết, tìm hiểu biết, ghi nhớ biết, tùy duyên biết ... đều phải chấm dứt, nay dùng cái tìm hiểu làm công phu thì không đúng. Chỉ là hỏi và nhìn đi song song để giữ cái không biết của nghi tình, chứ chẳng phải đi tìm hiểu, nay chẳng những không chịu chấm dứt, còn đi tìm hiểu là nghịch với tham Tổ sư thiền.

Hỏi: Con cũng không thêm suy nghĩ, chỉ giữ cái ý đó, chuẩn bị khởi lên mà không thêm khởi nữa.

Đáp: Không cho khởi cũng không được, khởi với không khởi đều không biết. Do có biết mới nói là khởi với không khởi, đã không biết thì làm sao biết khởi và không khởi?

- Vậy chứ cái nghi tình cứ đưa lên hoài!

- Chẳng có đưa lên đưa xuống, không biết tới, không kiến lập, không bày đặt gì cả, chỉ là hỏi và nhìn đi song song.

Hỏi: Thế nào là người trí, người ngu? Thế nào là người mê, người ngộ?

Đáp: Chấp thật là ngu, là mê, phá chấp thật là trí, là ngộ, chỉ là vậy thôi.

Hỏi: Sao gọi là pháp của mình?

Đáp: Phật Pháp chẳng có của mình hay của ai. Tất cả Phật Pháp đều nói về cái tâm, tâm thì trống rỗng vô sở hữu, chẳng phải thuộc về ai. nếu nói của ai thì ai cũng có đầy đủ.

Hỏi: Thế nào gọi là phương tiện?

Đáp: Phương tiện là tùy duyên, như pháp Tứ nhiếp của Bồ tát là phương tiện: Ấy là bố thí, ái ngữ, đồng sự, lợi hành, đều là phương tiện để độ chúng sanh. Về bố thí, ái ngữ, lợi hành thì các tôn giáo khác cũng thực hiện được, duy có pháp đồng sự thì chỉ

Phật giáo mới làm được, ví như muốn độ con heo phải đầu thai thành con heo, muốn độ người ăn xin phải làm kẻ ăn xin, đó là phương tiện.

Hỏi: Thế nào là phân biệt tất cả pháp, chẳng khởi phân biệt tướng?

Đáp: Phân biệt tất cả pháp, ví như biết chén này là chén cơm, chén kia là chén nước, phân biệt rõ ràng, nhưng chẳng khởi phân biệt tướng, chỉ biết cơm là cơm, không phân biệt cơm ngon cơm dở; chỉ biết nước là nước, không phân biệt nước trong nước đục v.v...chứ chẳng phải không phân biệt giữa cơm với nước. Tức là: Phân biệt tất cả pháp, nơi đệ nhất nghĩa mà chẳng động, chỉ có thể lưu bố tướng mà chẳng có trước tướng.

Hỏi: Sư phụ nói thời gian không có sự bắt đầu thì làm sao có con quỳ nơi đây để hỏi pháp?

Đáp: Ấy là do bệnh chấp, do cảm giác sai lầm. Trong Bát Nhã Tâm Kinh Lược Giải, tôi có thí dụ: Do cái tâm hoạt động thì phải thấy có sanh tử, tâm hoạt động phải thấy căn nhà xoay. Căn nhà xoay là sanh tử luân hồi, căn nhà ngưng xoay là cứu cánh Niết bàn, nhưng căn nhà có xoay hồi nào đâu mà nói căn nhà ngưng xoay! Đó là do thân mình cứ xoay mãi thì căn nhà đâu thể ngưng xoay được? Phải thấy căn nhà xoay thôi, khi nào thân mình ngưng xoay rồi mới thấy căn nhà ngưng xoay. Cũng như tâm của thầy đang hoạt động, dùng tâm hoạt động để hỏi tôi thì sanh tử làm sao lia?

Hỏi: Khi đề câu thoại đầu lên, là chỉ hỏi một cách nhẹ nhàng thôi, hay quyết tâm phải tìm cho ra câu trả lời?

Đáp: Nếu tìm cho ra câu trả lời là sai lầm, là dùng bộ não đi tìm hiểu. Đã muốn chấm dứt sự tìm hiểu còn đi tìm là nghịch với tham Tổ sư thiên, hỏi câu thoại chỉ là kích thích một niệm không hiểu không biết, chỉ nhìn và hỏi chỗ không hiểu không biết mà thôi. Không hiểu không biết thì không có chỗ, nhìn mãi vẫn là không hiểu không biết, cứ giữ mãi cái không hiểu không biết sẽ đưa hành giả đến chỗ kiến tánh thành Phật, rất giản dị.

Hỏi: Tất cả cuộc sống của chúng con đều ở trong mở mắt chiêm bao. Khi chúng con tham thiền đến thức tỉnh từ mở mắt chiêm bao, có còn chịu ảnh hưởng trong mở mắt chiêm bao không? Ví như những cảnh mừng giận buồn vui chẳng hạn?

Đáp: Nếu người ấy tập khí sạch như Đức Phật thì không bị ảnh hưởng, nếu người đó tập khí vẫn còn thì phải bị ảnh hưởng, cho nên, Lục Tổ kiến tánh rồi vẫn phải mười lăm năm bảo nhiệm để dứt tập khí, cả tập khí thế gian và xuất thế gian.

Theo Giáo môn giải thích, Bồ tát Thập địa còn tập khí xuất thế gian rất vi tế như chấp thật có sở ngộ, có sở chứng, có Niết bàn, có giải thoát v.v..., đến Đẳng giác sạch rồi mới lên Diệu giác, rồi quả vị Phật. Cho nên, Thiên tông muốn dứt sạch tập khí xuất thế gian, nói “Cái hàm sâu giải thoát rất đáng sợ”.

Ai cũng muốn tu giải thoát, tại sao lại sợ giải thoát? Vì hễ chấp vào cái giải thoát đó tức tập khí xuất thế gian chưa sạch, chẳng thể đến quả Phật được. Do đó, ngài Lục Tổ nói “Thiền định giải thoát chẳng phải Phật Pháp”, vì có thiền định là có tán loạn, có giải thoát tức có trói buộc, còn tương đối, Niết bàn cũng vậy, Niết bàn là ngộ, hễ chấp có Niết bàn tức còn mê.

Hỏi: Con nghe Sư phụ nói khi kiến tánh chỉ trừ được tập khí thô, còn tập khí vi tế phải cần một thời gian bảo nhiệm mới dứt sạch. Vậy khi hành giả mới kiến tánh rồi chết đi, có ra khỏi sanh tử luân hồi không?

Đáp: Kiến tánh thì ra khỏi sanh tử luân hồi.

Hỏi: Trong Truyền Tâm Pháp Yếu của ngài Hoàng Bá có câu “Đức Phật nói còn phải đoạn dứt hai thứ ngu: Một là vi tế sở tri ngu, hai là cực vi tế sở tri ngu”. Vậy hai thứ ngu đó là gì?

Đáp: Ấy là tập khí xuất thế gian.

Hỏi: Tại sao vô minh là chỗ đắc đạo của chư Phật?

Đáp: Vì có vô minh mới đắc đạo. Vô minh là mê, đắc đạo là ngộ, nếu không có mê làm sao có ngộ? Nên mê là nhân, ngộ là quả, tham sân si tức là giải thoát.

[24] 14/07/97–20/07/97 tại Chùa Tam Bảo, Sa Đéc.

Hỏi: Thần thông trí huệ của mọi người đồng như Phật, vậy đến khi nào mới hiện ra như Phật được?

Đáp: Chừng nào tất cả sở hữu đều không còn nữa sẽ hiện ra đồng như Phật.

Hỏi: Thế nào là cội nguồn chơn thật của Tự tánh?

Đáp: Chỗ trống rỗng vô sở hữu đó tức là tâm của ông, là nguồn gốc chơn thật, gọi là Tự tánh, cũng gọi Phật tánh, trí Bát nhã, Vô duyên tri, Chánh biến tri, cũng gọi Bồ đề, Niết bàn, giải thoát, vô trụ. Vì trống rỗng không có chỗ để trụ, nên gọi vô trụ; vì chẳng trói buộc nên gọi giải thoát.

Hỏi: Thế nào là lễ tự tứ?

Đáp: Tự là tự mình, tứ là kiểm thảo. Giải hạ tự tứ là mỗi người tự kiểm thảo trong ba tháng hạ có phạm giới không? Có khi tự mình không biết, phải hỏi tất cả chúng có thấy mình phạm giới không? Hoặc có ai nghe, hoặc nghi ngờ mình phạm giới không? Xin ra cử tội, gọi là kiến, văn, nghi. Nếu người biết mà che giấu không ra cử tội, sau này phát giác, tội che giấu đó đồng như người phạm: Ví như người đó phạm tội Ba-la-di là chín triệu năm, người che giấu cũng bằng tội Ba-la-di chín triệu năm. Cho nên, sống chung trong chúng không dễ phạm tội, vì giám sát lẫn nhau.

Hỏi: Chúng con đến Thiền đường tham thiền, ai cũng muốn kiến tánh thành Phật, tại sao không cho có tâm chờ ngộ?

Đáp: Có đi sẽ đến, không đi không đến, đi nhanh đến nhanh, đi chậm đến chậm, cũng như muốn đi Thành phố Hồ Chí Minh, bắt kê đi xe, đi tàu, đi bộ... hễ đi thì sẽ đến, không cần chờ đợi cũng đến. Nếu chỉ suốt ngày nói “Tôi muốn đi Thành phố”, nói mãi mà chẳng đi thì làm sao đến! Lại nữa, tham thiền là tâm pháp, nếu có tâm chờ đợi là kiến lập, là chướng ngại, là có sở trụ, dẫu cho có ngộ cũng không cho trụ, không cho ôm cái ngộ, nên nói “Ngộ rồi đồng như chưa ngộ”. Nếu còn ôm sự ngộ tức chưa ngộ, vì mê ngộ là đối đãi, người triệt ngộ là hết mê, hết mê thì hết ngộ.

Hỏi: Sư phụ ngày nay hoằng dương Thiền tông, các vị Tổ ngày xưa có nói ra những lời chuyển ngữ hay những hoạt cú cho hành giả đi đến, vậy đời nay đời xưa có khác nhau không?

Đáp: Không khác, nhưng Chuyển ngữ là lời nói vô sở trụ, phải người kiến tánh mới nói ra được, vì đời nay không có người kiến tánh, nên chẳng nói được chuyển ngữ. Do đó có câu “Dù được Xá lợi bao nhiêu, không bằng đáp được một chuyển ngữ của ta”. Vì hễ nói ra được chuyển ngữ tức đã tự do tự tại, tự chủ vĩnh viễn.

Còn “hoạt cú” là người kiến tánh rồi mới xử dụng được, người chưa kiến tánh nói đến đâu trụ đến đó, là tử cú chứ chẳng phải hoạt cú. Ví như nhiều người giảng kinh thuyết pháp, cho tất cả đều là huyền hóa, lọt vào biên kiến mà tự mình chẳng biết. Kinh Lăng Nghiêm nói: Phi huyền còn chẳng thể kiến lập, huống là pháp huyền! Nay chấp chơn

cũng lọt vào biên kiến, chấp giả, chấp vọng... cũng vậy; chấp cái chơn là thật chơn bệnh còn dễ trị, chấp cái vọng là thật vọng mới khó trị.

Hỏi: Những người theo tôn giáo khác đến học Tổ Sư Thiền có phải bỏ đạo bội sư không?

Đáp: Không phải. Trên thực tế, Phật giáo chẳng phải là một tôn giáo, mà là giáo dục, nói chúng sanh, chẳng những nhân loại, tất cả hàm linh đều bao gồm. Nhân loại chỉ là một phần của chúng sanh, trong nhân loại có đủ thứ tôn giáo, kể cả tà ma ngoại đạo, thế gian công, thương, kỹ, nghệ vv... chẳng thiếu sót cái nào. Phật giáo nói chúng sanh bình đẳng, chứ chẳng phải chỉ là tôn giáo bình đẳng hay con người bình đẳng, là tất cả chúng sanh đều cùng một Phật tánh, tất cả Phật Pháp chỉ là hiển bày cái tâm của chính mình mà thôi.

Tôi thường dẫn dụ lời của ngài Long Thọ nói “Tâm như hư không vô sở hữu”, vì vô sở hữu nên trống rỗng, trống rỗng nên bao gồm, dung nạp và ứng dụng. Tất cả tôn giáo đều nhờ cái trống rỗng này dung nạp và ứng dụng, cho đến tất cả chúng sanh, sâu bọ, hàm linh, thảo mộc... chẳng cái nào ở ngoài cái vô sở hữu này, đều là đối tượng giáo dục của Phật, kể cả những người phỉ báng Phật cũng vậy.

Hỏi: Chánh pháp nhãn và Tổ sư thiền là hai hay một?

Đáp: Phương pháp tham Tổ sư thiền là đường lối để đi đến chánh pháp nhãn.

Hỏi: Hai danh từ “tác ý” và “tạo tác” có giống nhau không?

Đáp: Tác ý là ý thức nổi niệm nhưng chưa thực hiện, còn tạo tác là đã thực hiện. Ví như tôi nổi ý muốn lấy cắp cái tách này nhưng chưa hành động, còn tạo tác là đã dời cái tách này ra khỏi chỗ cũ rồi.

Hỏi: Vậy thì tác ý có nhân quả không?

Đáp: Thọ giới Bồ tát rồi hễ tác ý là phạm giới, còn giới Thanh văn thì tạo tác rồi mới phạm, nhưng theo nhân quả thì khởi tâm tác ý đã là phạm.

Hỏi: Sư phụ dạy hành giả tham thiền phải dứt ba cái tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết. Trong khi thực hành công phu, chúng con đề lên câu thoại đầu để phát khởi nghi tình, ngay lúc đó, dù có tác ý hay không, chúng con vẫn lọt vào cái ghi nhớ biết nghi tình rồi?

Đáp: Không phải vậy, tìm hiểu là biết, có nổi lên cái biết mới có thể tìm hiểu, nếu giữ được nghi tình tức không hiểu không biết, vì không biết thì không nổi lên cái tìm hiểu, tự động chấm dứt cái tìm hiểu biết. Hễ khởi lên suy nghĩ tức là biết (*biết mình đang suy nghĩ*) thì chẳng phải nghi tình rồi! Lại nổi lên cái biết, nói mình có trí nhớ, ấy cũng chẳng phải tham thiền. Tham thiền là mình có trí nhớ hay không đều không biết; nhớ cũng không biết, quên cũng không biết, mới gọi là nghi tình. Theo ông thì tự cho là nhớ hay quên đều có ghi nhớ, ấy là sai lầm. Lại người giữ được nghi tình tự nhiên quên tất cả, nếu chưa quên tức công phu còn cạn.

Hỏi: Có phải Bắc Câu Lô Châu trước kia ở trên quả đất này và đã bị chìm đắm theo thời gian?

Đáp: Trong Phật Pháp nói đến bốn đại bộ châu: Quả đất mình đang ở gọi là Nam Thiệm Bộ Châu, còn ba bộ châu kia ở ba hành tinh khác, chứ chẳng phải ở cùng quả đất này. Ví như bốn đại bộ châu là bốn quả địa cầu, ở Bắc Câu Lô Châu thì không có Phật Pháp, mọi người đều sống trên một ngàn tuổi, do có phước báo nên hễ khởi niệm muốn ăn là có thức ăn trước mặt, ăn xong tự nó biến mất. Ở đó không có chế độ vợ

chồng, sanh con rồi tự nó trưởng thành, chẳng cần ai nuôi, tất cả đều theo tự nhiên. Cho nên, Phật Pháp chỉ thể hiện trên ba bộ châu, còn Bắc Cầu Lô Châu thì Phật Pháp chẳng thể đến được.

Sư phụ khai thị cho chúng ở Chùa Tam Bảo:

Nay đạo tràng này có phải hoàn toàn là Thiên tông chưa? Thiên tông là chuyên tu Tổ sư thiên, Tổ sư thiên thì không có đi đấm để kiếm tiền nữa, tất cả chúng sống trong phạm vi của chùa đều phải chuyên tu Tổ sư thiên, phải giữ quy củ của Thiên đường, nếu phạm một lần cảnh cáo, hai lần, ba lần cảnh cáo còn không sửa thì đuổi. Chùa cung cấp đầy đủ: Ăn uống, thuốc men, Tu sĩ hay cư sĩ, quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, để kiến lập một đạo tràng chuyên tu như ở Trung Quốc vậy.

Nay Chùa đã có Ban Hộ Tự, có tài chánh, thư ký, tất cả đều theo tổ chức, nhưng do Ban Chức Sự chùa lãnh đạo để duy trì cho đạo tràng. Ban Chức Sự có thể một tháng, ba tháng hoặc sáu tháng họp một lần để trao đổi công việc, thu chi của chùa phải công bố hàng tháng, những việc nhỏ phải thông qua Ban Chức Sự chùa, việc lớn phải thông qua 2/3 hoặc hơn 1/2 chúng mới được thực hiện, theo thời Phật là phải thông qua 100%. Theo tông lâm Trung Quốc, khi đi làm công tác trồng trọt, canh tác là phổ thính đại chúng, ai ai cũng phải tham gia, ngoại trừ những vị chức sự đã có công tác hàng ngày, tất cả thanh chúng đều phải đi làm, tức là: Giờ tọa hương, đi hương thì tập trung công phu, giờ làm việc là mọi người cùng ra làm.

Hỏi: Mặc dù nghe Sư phụ khai thị bản tâm như hư không vô sở hữu, chỗ đó thì con tin, nhưng bằng lòng thì con chưa bằng lòng?

Đáp: Tâm như hư không vô sở hữu, vô sở hữu thì chẳng có người bằng lòng hay không bằng lòng, cũng chẳng có việc gì bằng lòng hay không bằng lòng, nói tin là tin cái gì?

- Tin chỗ Sư phụ nói là hư không vô sở hữu.

- Ấy là ngài Long Thọ nói, và tôi chỉ đem nước miếng của ngài nhỏ lại cho nghe thôi, chứ chẳng phải là lời của tôi.

- Mặc dù nước miếng nhưng vẫn có hương vị, con vẫn tin như vậy, mà bằng lòng thì chưa bằng lòng.

- Vì có kiến lập sở hữu, nên nghịch với bản thể vô sở hữu.

Hỏi: Vậy xin Sư phụ từ bi khai thị cho con một câu như thế nào, để cho con ổn cái không bằng lòng?

Đáp: Cứ hỏi và nhìn đi song song.

Hỏi: Những gì giải quyết có thực tế như về nghề nghiệp chẳng hạn thì dễ chỉ, còn về việc thực hành tu tâm, sắc tâm vô hình tướng nên rất khó, rất tế nhị. Vậy con xin ngài vận dụng hết ngôn ngữ để diễn tả cách thực hành cho con nắm bắt được, chứ nói nhìn mà không mục tiêu thì con chẳng biết nhìn về đâu?

Đáp: Thì cứ nhìn mãi không thấy gì, không có mục tiêu mới đúng, hễ có mục tiêu là sai lầm, pháp của Phật Thích Ca truyền là vậy. Ví như ban đầu tôi dùng phương tiện dạy người nhìn vào chỗ đen tối, mọi người lại chấp vào chỗ đen tối đó trở thành mục tiêu; có tối tức có sáng để tương đối. Tự tánh bất nhị chẳng tương đối, luôn cả cái biết cũng không thể kiến lập. (Sư phụ giảng về bốn bài kệ nói về chữ TRI của ngài Vĩnh Gia, lược qua)

Hỏi: Vậy là cứ nhìn vào chỗ không biết đó, không có chỗ nhìn vẫn cứ đề lên và cứ nhìn?

Đáp: Cứ nhìn, không có chỗ nhìn, nhìn không thấy gì mới đúng, nếu thấy có chỗ nhìn và nhìn thấy cái gì đó thì không đúng rồi.

Hỏi: Nhưng con nhìn một thời gian rồi tự nhiên câu hỏi cũng mất, mà con cũng không biết mình còn tham thiền nữa không!

Đáp: Phải tiếp tục hỏi và nhìn nữa, như vậy sẽ mau đến chỗ chơn tham, vì chơn tham là vô tham, tức không biết mình đang tham thiền, chứ chẳng phải không có tham.

Hỏi: Nhưng ngay chỗ nhìn không biết đó, con lại quên câu thoại đầu và có vọng tưởng nổi lên, cuối cùng con phải giựt mình...

Đáp: Nếu vậy phải đề lại, cũng như ngài Lai Quả có một lần bị ngưng hết hai ngày rồi mới đề lại, đó cũng là việc thường. Phải hỏi và nhìn đi song song, khi nào đến được thoại đầu, câu thoại mới tự mất.

Hỏi: Có phải câu thoại đầu cũng là một ý niệm, mà ý niệm này đưa đến chỗ ý thức chẳng thể tìm đến, nên một thời gian sau khi tham thì câu thoại tự vỡ, ý niệm đó tiêu?

Đáp: Không phải, câu thoại chỉ là kích thích niệm không biết, nếu không có câu thoại đề hỏi thì niệm không biết đó chẳng thể nổi lên được, nên phải hỏi và nhìn miên mật.

Hỏi: Trong Thiền Thất Khai Thị Lục, ngài Lai Quả nói không cho buông ý niệm?

Đáp: Thì cái không hiểu không biết đó cũng là ý niệm. Chư Phật chư Tổ rất sợ người ta chấp theo lời nói, như trong kinh Lăng Nghiêm có bảy chỗ tìm tâm, A Nan cho là tâm ở trong, Đức Phật nói chẳng phải, cho là ở ngoài cũng chẳng phải, cho là ở giữa cũng chẳng phải... bảy chỗ đều nói chẳng phải, nhưng cái chẳng phải của Phật đâu có đúng! Bây giờ cứ y theo lời “chẳng phải” của Phật thì sai lầm. Tại sao? Vì nếu cái tâm không có ở trong thì làm sao cùng khắp? Không có ở ngoài thì làm sao cùng khắp? Cho nên, Đức Phật rất sợ người chấp vào lời Phật, cuối cùng Ngài nói “Bốn mươi chín năm chưa từng nói một chữ”, “Ai nói ta có thuyết pháp là phỉ báng Phật”.

Lời của Phật còn chấp không được, huống là lời của ngài Lai Quả? Ấy chỉ là phương tiện tạm thời thôi. Nay bất cứ ở trong hoàn cảnh nào, nhớ hay quên, cứ hỏi và nhìn đi song song, giữ được nghi tình sẽ đưa hành giả đến kiến tánh thành Phật. Chớ dùng ý thức phân biệt nghi tình, phân biệt thoại đầu, phân biệt có phải lọt vào vô ký không, hay vọng tưởng vv... Cứ phân biệt hoài làm sao công phu miên mật được? Những gì thầy đang hỏi đều là thói quen phân biệt từ lâu đời, rất khó sửa, như bản thân tôi, vẫn biết đó là tập khí, nhưng mấy mươi năm nay cũng chưa sửa được.

Hỏi: Nếu tham thiền đến không biết thì dễ phạm qui củ, dễ bị đuổi thì sao?

Đáp: Lúc không biết thì làm sao biết phạm qui củ? Đuổi ra Thiền đường thì cứ ra, vẫn còn giữ cái không biết, chỉ cần có nghi tình, sẽ đưa mình đến chỗ kiến tánh. Như công án Bà lão đốt am, sau này trở về xin thì bà cũng cho, đâu có sao! Như Tổ thứ chín của phái Lâm Tế, lúc đầu người học rất đông, đuổi mãi còn lại sáu người, mà sáu người này đuổi hoài không đi. Ở vùng đó rất lạnh, nhất là vào mùa đông, Tổ lấy nước lạnh tạt vào họ cũng không đi, rồi Tổ không cho ở trong nhà, đuổi ra ngoài thì quý vị này ở lại hàng ba, sáng ra, Tổ nói “Đã ở lại đây ngủ mấy đêm, phải trả tiền cho chùa”. Những người đó đâu có tiền, phải đi xin tiền để trả, rồi lại xin Tổ cho ở lại nữa, sau cùng sáu người đều kiến tánh triệt để và làm Tông sư.

Nay chúng ta, hành giả tham thiền đều là con cháu của sáu vị này. Bị đuổi có sao đâu! Sáu vị này không biết bị đuổi bao nhiêu lần, mà bị đuổi một cách rất thậm tệ nhưng vẫn kiên trì ở lại. Nên biết cổ nhân đời xưa cầu pháp rất kiên tâm, như ngài Nhị Tô đứng suốt đêm dưới bão tuyết và chặt cả cánh tay. Cho nên, chớ sợ bị đuổi, vô sở sợ mà!

Hỏi: Con rất thích tu thiền nhưng không thích học pháp lý, vậy có được không?

Đáp: Tô sư thiền không có pháp lý, quét sạch tất cả pháp lý, chẳng còn pháp lý nào cả mới đúng với bản tâm trống rỗng vô sở hữu.

Hỏi: Con nghe một vị thầy nói phải học qua Phật học phổ thông mới tu được?

Đáp: Ấy là Giáo môn, còn đây là Thiền môn, là ở ngoài Giáo môn. Học Giáo môn phải cần văn tự, Thiền môn thì bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền.

Hỏi: Con tham thoại đầu, có ý niệm thành Phật, nên con hỏi “Khi chưa có trời đất ta là cái gì?” (ngưng một lúc). Khi chưa có trời đất ta là cái gì?” (ngưng một lúc) Khi chưa có trời đất ta là cái gì?

Đáp: Trước hết, Sư nổi niệm “muốn thành Phật” đã không đúng rồi, thoại đầu là chưa có ý niệm nào cả mới gọi thoại đầu, phải ngoài câu thoại đầu không hiểu không biết ra, chẳng có ý niệm nào khác, câu thoại đầu tự động chấm dứt các ý niệm khác không nổi lên. Lại nữa, cách hỏi câu thoại, nếu có khoảng cách thì có kẽ hở, không miên mật; công phu miên mật không cần tập trung tinh thần, không cần cố gắng, chỉ cần có một chút nghi tình không hiểu không biết, như một sợi chỉ kéo dài không đứt, vừa hỏi xong hỏi nữa, câu hỏi liên tiếp khít nhau, không kẽ hở, không gián đoạn, hỏi và nhìn đều phải miên mật.

[25] 14/08/97–20/08/97 tại Chùa Tam Bảo, Sa Đéc.

Hỏi: Do ái dục nên có sanh tử luân hồi, vậy muốn không sanh tử luân hồi phải làm sao?

Đáp: Phải thoát ra sanh tử luân hồi, muốn ra khỏi vòng sanh tử phải tham thiền, đến khi kiến tánh sẽ ra khỏi sanh tử. Tham thiền chỉ cần giữ được nghi tình đến kiến tánh, chẳng cần biết ái dục hay không ái dục, hề giữ được nghi tình thì ái dục làm sao nổi lên? Không những ái dục, không ái dục cũng chẳng nổi lên. Ái dục là dục vọng, không dục vọng cũng chẳng nổi lên, vì dục với không dục là tương đối, nên không cần biết tới.

Hỏi: Người xưa nói: “Tham thiền học đạo là làm dụng tâm, thành Phật thành Tổ là làm dụng tâm. Ngoài trừ những cái này ra, làm cái gì chẳng gọi là làm dụng tâm?” là như thế nào?

Đáp: Ấy là bản tâm vô sở hữu như hư không, nguồn gốc của Phật Pháp là như hư không vô sở hữu, nguồn gốc của vũ trụ cũng vậy. Nếu đã vô sở hữu rồi thì ai làm Phật, ai làm Tổ? Hễ kiến lập Phật với Tổ là làm dụng tâm rồi. Ngộ là tại mê, nếu vô sở hữu đâu có mê với ngộ, kiến lập mê ngộ là làm dụng tâm vậy.

Như bốn bài kệ về chữ TRI của ngài Vĩnh Gia, hề kiến lập cái biết thì có cái không biết để đối đãi, kiến lập cái sở biết, mặc dù tịch lặng thanh tịnh, cũng là kiến lập, tức có năng sở đối đãi.

Nếu thấu rõ cái vô sở hữu thì lấy gì gọi là thiền, lấy gì gọi là đạo, lấy gì gọi là Phật? Cho nên nói là làm dụng tâm. Nếu không làm dụng tâm thì tự nhiên vô sở hữu, dung nạp và ứng dụng, trong bài trích dịch Đại Trí Độ Luận của ngài Long Thọ giải thích

rất kỹ, nhiều người đọc rồi cũng không hiểu thấu, chỉ có những người công phu mới lãnh hội được phần nào.

Hỏi: Vừa rồi Hòa Thượng nói tham thiền học đạo là làm dụng tâm, vậy Hòa Thượng dạy chúng con làm dụng tâm sao?

Đáp: Đó là do có người hỏi, tôi mới có cái đáp, tức có vấn mới có đáp. Vì hỏi là làm dụng tâm rồi, mà người hỏi chẳng biết là làm dụng tâm, qua sự giải đáp rồi mới biết mình làm dụng tâm, như bây giờ thầy hỏi cũng là làm dụng tâm vậy. Tôi chỉ là giải thích để cho đừng làm dụng tâm thôi.

Tâm vốn vô sở hữu, đâu có làm dụng hay không làm dụng? Bây giờ nói làm dụng cũng không đúng, nói không làm dụng cũng không đúng, vì có sự đối đãi, còn bản tâm là chẳng tương đối, nên gọi vô duyên tri.

Do người hỏi có tâm chấp thật, ví như chấp Phật là thật, chấp đạo là thật, thì đó là làm dụng tâm, nên ngài Lục Tổ nói bốn lai vô nhất vật thì ở chỗ nào dính bụi trần? Ở chỗ nào làm dụng tâm? Chỉ cần hỏi và nhìn đi song song, hễ làm dụng tâm là chướng ngại sự kiến tánh.

Hỏi: Con từ nhỏ tới lớn chẳng nghe lời ai cả, bất kể cha mẹ anh em. Con làm những việc trái ngược với đạo lý, bị quả báo rất nặng, nay biết được pháp của Sư phụ, muốn xin qui y và xuất gia. Con về xin phép cha mẹ để được qui y Tam Bảo, trả thân này về cho tứ đại và tiếp tục tu. Thầy có nói một câu: Gặt hạt giống tốt để cày cấy, sau này đến ngày đến tháng sẽ nảy mầm, đúng như lời Phật nói.

Đáp: Qui y thì dễ, hãy đăng ký và sẽ tổ chức vào ngày giải thất, còn vấn đề xuất gia để lại sau. Nay tạm làm công quả một thời gian, để người ta xét về hạnh kiểm có tốt không, sau này có giúp ích cho Phật giáo không, thời gian cứu xét thường là ba năm. Nhiều người xuất gia vì buồn chuyện gia đình, cũng có người vì sự nghiệp thất bại, hoặc vì thất tình mà xuất gia, đó chẳng phải chánh nhân, chẳng có ích cho Phật Pháp mà chỉ làm hại mà thôi.

Khi xưa muốn xuất gia phải thi, đủ điểm rồi mới cho xuất gia, nay Chùa Tam Bảo là nơi chuyên tu, tứ chúng xuất gia và tại gia, quyền lợi và nghĩa vụ đều bình đẳng, cư sĩ cũng tu như Tu sĩ vậy, khi nào có nhân duyên thì xuất gia cũng được.

Hỏi: Người tham thiền nếu không có kiến giải thì làm sao có chánh tín để tham thiền?

Đáp: Theo Giáo môn cũng biết hữu học còn thấp, đến vô học là cao, nhưng Thiền môn thì siêu việt hữu vô, vô học cũng còn không được, vì vô học với hữu học là tương đối. Nếu bây giờ còn chấp vào tri kiến thì ở mãi hữu học, ví như người học lớp một chẳng chịu lên lớp, đâu thể lên đến vô học? Phải bỏ hữu học mới lên tới vô học, huống là đến vô học rồi cũng còn phải bỏ!

Nếu trong Phật tánh còn có tri kiến, tự tánh nếu không đầy đủ, phải học, thì làm sao nói là như hư không vô sở hữu? Ngài Long Thọ dẫn dụ như hư không vô sở hữu là giải theo Giáo môn, chứ chẳng phải giải theo Thiền môn. Vì Giáo môn là ham kiến giải, nên mới giải thích kỹ càng tỉ mỉ, còn Thiền môn thì khỏi cần giải.

Nói đến hai chữ “Chẳng có”, nếu chấp hai chữ đó cho là chẳng có gì cả vẫn còn không được, là lọt vào biên kiến. Hai chữ “Chẳng có” không phải là đoạn diệt, nếu đoạn diệt thì ai biết chẳng có? Ấy cũng như Giáo môn nói “Chỉ cho ý hội, chẳng thể ngôn truyền”. Còn Thiền môn thì ý hội cũng không cho, phải tự ngộ mới được.

Cho nên, hồng dương pháp Tổ sư thiên thật khó, ngài Triệu Châu là vị Tổ danh tiếng, dưới thiên hội của Ngài chỉ có hai mươi người, Tổ thứ chín phái Lâm Tế chỉ có sáu người, nhưng sáu người đều xuất sắc, tất cả hành giả tham thiền sau này đều là con cháu của sáu vị này. Thời nay, trong một tỷ người có được một người kiến tánh cũng đủ vốn rồi.

Hỏi: Việc kiến tánh thì con chưa biết, nhưng nếu sau này Hòa thượng đi vắng, hành giả tham thiền nên căn cứ vào đâu để tham thiền không bị lạc?

Đáp: Không căn cứ vào đâu cả. Mười điều kiện tham Tổ sư thiên, đầu tiên là phải phá ngã chấp và chín chữ “Vô sở cầu, vô sở đắc, vô sở sợ”, hễ thực hành được chín chữ này là bảo đảm, nếu không thì chẳng dám bảo đảm. Cho dù nay có Phật Thích Ca, mà người thực hành không được chín chữ này thì Phật cũng bó tay.

Hỏi: Tại sao hư không vô sở hữu mà dung nạp tất cả vật?

Đáp: Ngài Long Thọ giải thích hư không vô sở hữu nên mới dung nạp, còn mấy cái kia giống như vô sở hữu mà vẫn còn sở hữu: Ví như Phật Pháp Đại thừa cũng còn sở hữu, pháp tâm, tâm số, mặc dù không có hình tướng số lượng nhưng vẫn còn sở hữu, nó giống mà khác.

Trong đó Ngài phân tích rất tỉ mỉ kỹ càng, ngài tự đặt ra câu hỏi và tự mình đáp.
(Phần nguyên văn viết nghiêng và phần chú thích của Sư phụ viết thường).

Nguyên văn như sau:

Hỏi: Tại sao không nói hư không quảng đại dung nạp tất cả vật, mà nói hư không vô sở hữu dung nạp tất cả vật?

Đáp: Hiện tiền thấy hư không vô sở hữu, tất cả vạn vật (núi sông đất đai, nhà cửa cây cối v v...) đều ở trong đó, vì vô sở hữu nên dung nạp.

Hỏi: Pháp tâm, tâm số cũng vô hình tướng, tại sao không dung nạp tất cả vật? (giải: Duy thức học của Giáo môn nói về Tâm vương là tám thức, tác dụng của Tâm vương gồm năm mươi một thứ tâm sở, như buồn, vui, yêu, ghét v v...nói chung gọi là pháp tâm, tâm số hoặc tâm số).

Đáp: Pháp tâm, tâm số là tướng giác tri, chẳng phải tướng dung nạp. (Giác tri mới biết buồn, vui, yêu, ghét...) lại chẳng có trụ xứ trong ngoài, gần xa...(cũng như căn nhà có tướng lớn nhỏ, trong ngoài, gần xa ...) chỉ do tướng phân biệt mới biết có khái niệm của tâm.

Sắc pháp có trụ xứ, do sắc mới biết có hư không (Chỗ có sắc thì chẳng phải hư không, chỗ không có sắc mới là hư không), vì sắc chẳng dung nạp mới biết hư không dung nạp. (Ví như chỗ này đã để cái bình rồi, muốn để thêm vật khác thì chẳng được). Bởi do vô minh mới biết có minh, (kỳ thật vô minh là đối với minh, tại chấp vô minh mới nói là có minh). Do khổ nên biết có vui, do chỗ không có sắc nên nói có hư không, chẳng có tướng khác.

Lại nữa, pháp tâm, tâm số còn có cái nghĩa không dung nạp: Cũng như tâm tà kiến không dung nạp chánh kiến, tâm chánh kiến không dung nạp tà kiến, còn hư không thì chẳng phải vậy, tất cả đều dung nạp.

Lại nữa, Pháp tâm, tâm số là tướng sanh diệt, là pháp có thể đoạn dứt, hư không thì chẳng thể đoạn dứt. (Như bây giờ mình tu có thể đoạn dứt tà kiến, nếu chẳng đoạn dứt được thì sự tu đâu có lợi ích gì? Còn hư không thì chẳng thể đoạn dứt). Pháp tâm, tâm số với hư không chỉ giống ở chỗ vô hình vô sắc, chứ không được nói là tất cả đều chẳng khác (Cũng như tám thức và năm mươi một tâm số, với hư không chỉ giống ở

chỗ chẳng hình tướng và sắc thể), chứ không được nói là tất cả đều chẳng khác. Do đó nên trong các pháp nói hư không dung nạp tất cả.

Hỏi: Ý tôi hỏi là tại sao chẳng nói hư không quảng đại vô biên dung nạp tất cả vật, mà lại nói vô sở hữu nên dung nạp tất cả vật?

Đáp: Tôi nói hư không chẳng tự tướng, do sắc tướng nói có hư không. Nếu chẳng có tự tướng thì chẳng có hư không, nếu chẳng có hư không thì lấy gì nói quảng đại vô biên?

Hỏi: Ông nói tướng dung nạp tức là hư không rồi, tại sao lại nói chẳng có?

Đáp: Tướng dung nạp tức là chẳng có sắc tướng (Chỗ chẳng có vật chất), là chỗ sắc chẳng đến, gọi là hư không. Nếu hư không là thật thì lúc chưa có sắc phải có hư không; nếu chưa có sắc mà có hư không thì hư không vô tướng. Tại sao? Vì chưa có sắc vậy.

Do có sắc nên biết có hư không, vì có sắc mới có vô sắc. Nếu trước có sắc sau mới có hư không thì hư không lại thành pháp tạo tác (Tạo tác là kiên lập, có sự sanh khởi), pháp tạo tác chẳng gọi là thường (Vì hề tạo tác thì có thành có hoại, chẳng phải là thường, còn hư không là thường, không thể hoại, không ai tạo tác được). Nếu có pháp vô tướng thì chẳng thể được (vô lý), do đó nên chẳng có hư không. (Chúng tỏ hư không chẳng tự tướng, chẳng có hư không nhưng dung nạp tất cả, ứng dụng tất cả, ấy là nghịch với sự hiểu biết của bộ não mà lại là thật tế. Sự hiểu biết của bộ não không đúng với thật tế, nhưng đúng với thật tế thì người ta không chịu, không đúng với thật tế người ta mới chịu, gọi là tập khí phiền não. Nên ngài Lai Quả nói “Ta nói thật thì các người không tin, ta nói dối các người mới tin”, cũng là vậy).

Hỏi: Nếu vậy hư không là thường có, bởi do sắc mà có tướng hư không hiện rồi chúng ta có hư không ư?

Đáp: Nếu hư không trước đã vô tướng thì sau cũng là vô tướng, nếu hư không trước đã hữu tướng thì tại sao tướng ấy chẳng có sở tướng (Chẳng có tướng sở hữu của hư không)? Nếu trước vô tướng thì sau cũng vô tướng (Chẳng có tướng mạo của hư không). Nếu là hữu tướng vô tướng thì chẳng có trụ xứ của tướng (Hữu tướng cũng chẳng phải, vô tướng cũng chẳng phải thì chẳng trụ xứ của tướng). Nếu tướng chẳng trụ xứ thì sở tướng cũng chẳng trụ xứ. Sở tướng chẳng có nên tướng cũng chẳng có, là tướng và sở tướng đâu còn pháp nào nữa!

Cho nên, hư không chẳng gọi là tướng, chẳng gọi là sở tướng, chẳng gọi là pháp, chẳng gọi là phi pháp; chẳng gọi là hữu, chẳng gọi là vô, ngôn ngữ cách tuyệt, tịch diệt như vô dư Niết bàn, tất cả pháp khác cũng như thế. (Vì hư không chẳng tự tướng, nên chẳng thể gọi là có hay không, tức tất cả tương đối đều chẳng thể kiên lập, vì vô sở hữu vậy. Chẳng những hư không, tất cả pháp khác cũng vậy, nhưng bây giờ người ta chấp các pháp đều thật có, nên mới sanh ra đủ thứ phiền não).

Hỏi: Nếu tất cả pháp đều như thế tức là hư không, tại sao còn lấy hư không để thí dụ?

Đáp: Nhân quả của các pháp đều là hư vọng (Như con gà sanh trứng gà, trứng gà ấp ra con gà, con người cũng vậy, tương sanh với nhau mà không có nhân bắt đầu, nên nói đều là hư vọng chẳng thật), bởi vô minh mới có (Các pháp sanh khởi). Cái hư vọng đó lừa gạt chúng sanh (Vì chúng sanh cho là thật), vì chúng sanh ở nơi các pháp hư vọng sanh tâm chấp trước, mà chẳng phải ở nơi hư không sanh tâm chấp trước, mặc dù hư không cũng là hư vọng. Lục trần hư vọng lừa gạt tâm chúng sanh, hư không dù hư vọng nhưng chẳng phải như thế, cho nên lấy hư không để thí dụ.

Dùng việc thô hiện tiên để phá việc vi tế, (Vì sự chấp khó phá mà việc thô thì dễ thấy, việc vi tế khó thấy, nên dùng việc thô chứng minh việc vi tế là hư vọng) như hư không bởi sắc mới có nên chỉ là giả danh (Sắc là vật chất, dùng vật chất để hiển bày hư không), chẳng phải pháp nhất định. Chúng sanh cũng thế, do ngũ uẩn hòa hợp mới có, cũng là giả danh, chẳng phải pháp nhất định. Đại thừa Phật Pháp cũng thế, bởi do chúng sanh tánh không, nên chẳng Phật chẳng Bồ tát (Tâm của chúng sanh như hư không vô sở hữu, tức là tánh không, nếu thấu được tâm như hư không vô sở hữu thì chẳng Phật chẳng Bồ tát), bởi do chúng sanh chấp có (kiến lập), nên có Phật có Bồ tát. Nếu chẳng Phật chẳng Bồ tát thì chẳng có Phật Pháp Đại thừa. Do đó, Đại thừa dung nạp vô lượng vô biên A tăng kỳ chúng sanh (A tăng kỳ là vô lượng số). Nếu thật có pháp thì chẳng thể dung nạp vô lượng chư Phật và đệ tử (Vì chẳng có pháp mới dung nạp tất cả. Ví như nơi này, có chỗ trống rộng vô sở hữu quý vị mới có chỗ ngồi, mới dung nạp mọi người, nếu là thật có thì làm sao có chỗ trống rộng để cho quý vị ngồi? Không thể dung nạp. Nên nói “Chẳng có” mới có thể dung nạp, ấy là nghịch với sự hiểu biết của bộ não. Vì theo thói quen và sự hiểu biết, giáo dục là phải chấp thật có, nên cái nào cũng phải thật có: Nhà này là nhà của ta, tiền là tiền của ta, có được căn nhà mà chưa có quyền sở hữu, phải đi lo sao có giấy tờ rồi mới chắc...).

Hỏi: Nếu thật chẳng có hư không, tại sao dung nạp vô lượng vô biên A tăng kỳ chúng sanh?

Đáp: Do nghĩa này (Nghĩa chẳng có mà dung nạp) nên Phật thuyết pháp Đại thừa vốn chẳng có, nên A tăng kỳ chẳng có. A tăng kỳ chẳng có nên vô lượng chẳng có, vô lượng chẳng có nên vô biên chẳng có; vô biên chẳng có nên tất cả pháp cũng chẳng có, như thế nên dung nạp (Theo sự hiểu biết của bộ não, chẳng có thì lấy gì để dung nạp? Dung nạp cái gì?)

Nói A-tăng-kỳ, A tiếng Hán dịch là vô, Tăng Kỳ dịch là số, chúng sanh các pháp mỗi mỗi đều chẳng bờ bến nên gọi vô số. Dùng số để đếm mười phương xa gần của hư không đều chẳng bờ bến, nên gọi vô số. Dem tính số để đếm từng cái một của sáu Ba-la-mật, mỗi mỗi bố thí, mỗi mỗi trì giới v.v... vốn chẳng có số, dùng số ấy để đếm bao nhiêu chúng sanh cho đến Phật thừa, quá khứ, hiện tại, vị lai đều chẳng thể đếm, ấy gọi là vô số.

Cũng có người nói số ban sơ là 1, chỉ có số 1, 1 thêm 1 nên thành 2, thế thì tất cả chỉ là 1, chẳng có số khác. Nếu tất cả đều là 1 tức là vô số vậy. Cũng có người nói tất cả pháp hòa hợp nên có tên gọi, ví như chiếc xe do trục, vành xe, vô xe... hòa hợp thành tên gọi chiếc xe, thật thì chẳng có pháp nhất định. Một pháp chẳng có thì nhiều pháp cũng chẳng có, vì trước một sau mới nhiều. Lại nữa, dùng số để đếm vật, vật chẳng có thì số cũng chẳng có. Nói vô lượng (không thể đo lường) cũng như dùng đầu để lường gạo, dùng trí huệ đo lường các pháp cũng như thế.

Các pháp tánh không, nên vô số; vô số nên vô lượng, vô lượng nên vô biên, chẳng có thật trí (Tâm Kinh nói Vô trí diệt vô đặc), như thế làm sao có tướng nhất định của các pháp để đo lường! Vì vô lượng nên vô biên, lượng gọi là tổng tướng, biên gọi là biệt tướng; lượng là ban sơ, biên là cuối cùng.

Lại nữa, từ cái ta cho đến kẻ biết kẻ thấy vốn chẳng có thì thực tế cũng chẳng có, thực tế chẳng có nên vô số cũng chẳng có, vô số chẳng có nên vô lượng chẳng có, vô lượng chẳng có nên vô biên chẳng có; vô biên chẳng có nên tất cả pháp cũng chẳng có. Do đó nên nói tất cả pháp cứu cánh thanh tịnh, ấy là pháp Đại thừa dung nạp tất cả vậy.

Chúng sanh và pháp hai thứ làm nhân với nhau, nếu chẳng có chúng sanh thì chẳng có pháp; nếu chẳng có pháp thì chẳng có chúng sanh. Trước nói tổng tướng tất cả pháp không, sau nói biệt tướng mỗi mỗi các pháp đều không, thực tế tức là diệu pháp sau cùng. Cái này chẳng có thì cái kia làm sao có! Từ cái tánh bất khả tư nghì cho đến tánh Niết bàn cũng đều như thế.

[26] 19/03/99–25/03/99 tại Chùa Hưng Phước, Quận 3.

Sư phụ giới thiệu cuốn “Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21”:

Vì muốn hoằng pháp ở Phương Tây, phải dùng những danh từ khoa học, người phương Tây dễ chấp nhận. Thực tế, Phật Pháp là thực dụng hằng ngày, còn khoa học chỉ căn cứ có thể tích, giải thích theo sức lực của vật chất. Sức lực vật chất, bất kể vật gì, phàm có thể tích đều có từ trường, sức từ trường gọi là từ lực, có sức hút như nam châm.

Người phát hiện đầu tiên về sức hút là ông Newton, khi ông thấy quả táo ở trên cây rơi xuống, ông nghi tại sao quả táo rớt xuống mà không bay lên? Từ đó mới phát hiện ra sức hấp dẫn của quả đất và sức hấp dẫn vạn hữu: Tất cả vật chất, vật thể đều có sức hút, đều có từ trường, gọi là từ lực. Nội dung cuốn Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21 mà tôi biên soạn, tổng quát về nguồn gốc của Phật Pháp, là bắt đầu từ định lý Từ Lực của Newton.

Mọi sinh hoạt văn minh của nhân loại vạn tượng sum la, bao gồm giáo dục, chính trị, văn hóa, kinh tế, y học v v... đều nhắm chung mục đích mong cầu hạnh phúc cho con người.

Cho đến nay, khoa học kỹ thuật đã đóng vai trò dẫn đầu trong việc thực hiện mưu cầu này nhưng chưa thành công. Vì căn bản mọi ngành, mọi môn khoa học, chỉ lợi dụng được những năng lượng phát ra từ vật chất nên vĩnh viễn bị thời gian, không gian hạn chế.

Nay chỉ còn một năm nữa là chúng ta bước vào thế kỷ 21, nếu muốn từ hữu hạn tiến đến vô hạn thì chúng ta nên chú tâm đến một nguồn năng lượng khác: Nguồn năng lượng phát ra từ phi vật chất.

Trong cuốn sách này, các vấn đề lực học Newton, lực học Einstein, và lực học của Thích Ca Mâu Ni sẽ lần lượt được đề cập để chúng ta cùng nhau tham khảo. Rất mong được nhận ý kiến đóng góp của quý vị đồng bước tiến vào Thế kỷ 21.

Kết luận của Vũ Trụ Quan:

Muốn kiến lập lý luận từ tương đối đến tuyệt đối, trước tiên phải bắt đầu từ lực học Newton đến lực học Einstein. Nếu giả thuyết tốc độ vận động của vật chất từ 0 đến 100, thì Newton là từ 0 đến 50, thuộc tánh thuận hành bất biến; còn Einstein thì từ 0 đến 50, rồi lại tiến thêm từ 50 đến 100, thuộc tánh khả biến và chuyển đổi lẫn nhau; còn lực học của Thích Ca Mâu Ni chẳng những từ 0 đến 100, lại từ 100 đến 200, 300 v v... cho đến vô cùng tận.

Tóm lại, quan điểm của nhà khoa học chỉ hạn cuộc trong khả năng quan sát những vật tương đối trong vũ trụ, vì vạn sự vạn vật đều chẳng thể mỗi mỗi tự độc lập, phải nhờ nhân duyên tương đối mà thành: Như gà sanh trứng, trứng sanh gà; như âm dương tương đối, hút đẩy tương đối, đồng tánh thì chống nhau, khác tánh thì hút nhau... khi hấp lực lớn đến mức độ “N” thì tốc độ ánh sáng có thể bị hấp lực nuốt mất.

Vạn vật trong vũ trụ hoại nhau mà giúp nhau, ăn nuốt lẫn nhau, đã thống nhất, lại mâu thuẫn, biến hóa chẳng định, lại chẳng thể tăng giảm. Như nước có thể diệt lửa, nhưng

nếu đem nước phân tích thành hai thứ khí thể H₂O, thì lại trở thành lửa, H có thể tự cháy, O có thể giúp cho sự cháy.

Dù hoại nhau, thành nhau, mà cùng tồn tại bất diệt. Chúng ta ở trong hoàn cảnh vạn tượng sum la lãng xãng, phức tạp, nhiễu loạn chẳng ngừng này, mỗi mỗi vì dục vọng của bản thân mà cạnh tranh lẫn nhau, từ đao kiếm súng ống, chiến tranh kinh tế, từ chiến tranh lạnh đến chiến tranh nóng, và từ chiến tranh nóng qua chiến tranh lạnh; từ chiến tranh cá nhân với cá nhân, cho đến chiến tranh quần thể với quần thể... Thiên tai nhân họa, tranh nhau mà đến. Xưa kia còn tưởng thiên tai là việc không thể đối phó được, nhưng hiện nay mới phát hiện thiên tai cũng là do nhân loại tạo thành. Chúng ta ở trong hoàn cảnh thiên tai nhân họa tranh nhau ùa đến chẳng ngừng này, đâu thể hưởng thụ cuộc sống hạnh phúc? Tại sao con người một mặt tạo ra tai nạn, một mặt lại kêu gọi đóng góp để cứu nạn? Thật là mâu thuẫn tức cười. Cho nên Đức Phật nói “Tất cả do tâm tạo” là vậy.

Nếu chúng ta chịu sống theo sự chỉ dạy của Đức Phật về phương cách sống, thì hạnh phúc ở nơi trước mắt, chứ chẳng cần tìm cầu. Nói một cách khác tức là “Vô vi mà vô sở bất vi”. Nói “vô vi” chỉ là giữ cái tâm này chẳng sanh khởi hai chữ “Cho là” mà thôi.

Việc này dù xem như rất đơn giản, nhưng thực tại thì khó làm được, đó là vì tập khí của chúng ta lúc đối cảnh ắt phải khởi tâm động niệm, nhất định phải dùng “cho là” để lạc vào tương đối, rồi từ đó thị phi tốt xấu ùn lên, và phiền não cũng theo đó mà đến. Lực học của Thích Ca Mâu Ni chỉ là như thế, như thế.

Đã vì đói khát mà ăn uống thì cứ ăn uống, chẳng nghĩ cái khác, đã vì che thân chống lạnh mà mặc áo thì cứ mặc áo, chẳng nghĩ cái khác, mỗi mỗi chức nghiệp đều giữ đúng vị trí vai trò của nó, chẳng nghĩ cái khác. Vậy thì, cha giữ đúng vai trò của cha, mẹ giữ đúng vai trò của mẹ, con cái giữ đúng vai trò của con cái, chồng giữ đúng vai trò của chồng, vợ giữ đúng vai trò của vợ v v... tất cả mỗi mỗi đều giữ đúng vai trò của mình, làm tròn bổn phận, an cư lạc nghiệp, thì tự nhiên mọi người đều được an lạc hạnh phúc, thiên hạ thái bình.

Ghi chú: Vai trò:

Nghĩa là tùy theo truyền thống xưa nay của mọi dân tộc và nhà nước, phong tục, tập quán, pháp luật khác nhau thì vai trò cũng theo đó khác nhau, như truyền thống Việt Nam, Trung Quốc, truyền thống Mỹ v v... mỗi mỗi đều khác nhau vậy.

Phật Pháp kỳ thật chỉ là hiển bày tâm của mọi người, người ta hiểu lầm, tưởng tâm là bộ não, nếu qua bộ não thì gọi là vọng tâm, chứ chẳng phải chơn tâm. Bộ não là vật chất, hệ thống thần kinh, lực căn đều là vật chất, còn chơn tâm chẳng phải vật chất, là lia vật chất. Bây giờ người ta chỉ biết đến tâm là một danh từ, ai cũng nói được, nhưng tâm là cái gì thì chẳng ai biết. Kỳ thật, chơn tâm chẳng có thể tích, mặc dù nói tâm như hư không, nhưng người ta cũng không thể tưởng tượng, cho nên, ngài Long Thọ là Tổ thứ mười bốn của Thiên tông giải thích thật kỹ, dùng “Tâm như hư không vô sở hữu” để thí dụ chơn tâm của tất cả chúng sanh. (*Sư phụ giảng về hư không vô sở hữu, lược qua*)

Nay các nhà khoa học đều tin theo bộ não, đã thành thói quen, muốn dùng sự hiểu biết của bộ não để tìm sự bắt đầu của vũ trụ và sinh mạng, nếu theo lực học của Thích Ca Mâu Ni thì gọi đó là si mê, nhưng bây giờ gọi nhà khoa học là si mê có ai chịu đâu!

Kỹ thuật khoa học dẫn đầu để tạo hạnh phúc cho con người, nhưng tạo hoài mà cái khổ vẫn nhiều thêm, cũng như y học càng tiến bộ thì vi trùng càng phát triển mạnh, còn khoa học tiến bộ bao nhiêu thì nguyên tử giết người nhanh hơn bấy nhiêu.

Theo lực học của Newton từ 0 đến 50 thuộc tánh thuận hành bất biến, thời đó chưa có xe hơi và máy bay. Đến thời Einstein không những từ 0 đến 50, lại từ 50 đến 100, thuộc tánh khả biến mà chuyển đổi lẫn nhau. Làm sao chuyển đổi? Nhà khoa học biết thể tích nhỏ chừng nào thì từ lực mạnh chừng nấy, nay nhà khoa học phát hiện vật thể nhỏ nhất là quang tử, tốc độ ánh sáng là cao nhất, mỗi giây đi ba trăm ngàn cây số. Lại, vật chất có thể biến thành năng lượng, năng lượng cũng có thể biến thành vật chất, chuyển đổi lẫn nhau. Mặc dù chuyển đổi lẫn nhau, nhưng phải có vật chất mới chuyển đổi thành năng lượng, chứ chẳng thể lia vật chất.

Còn lực học của Thích Ca Mâu Ni khỏi cần vật chất, tức lia vật chất, là năng lượng tâm của mọi người. Cho nên, nhà thiên văn dùng tốc độ ánh sáng để tính khoảng cách của không gian, ví như ánh sáng đi một năm đến thì khoảng cách đó gọi là một quang niên, ánh sáng đi mười năm mới đến thì khoảng cách đó gọi là mười quang niên, mà ánh sáng đi mười năm đến thì tâm mình chỉ một niệm liền đến, ánh sáng đi một triệu năm đến thì tâm mình cũng một niệm là đến. Tại sao? Vì nó phi vật chất, chẳng bị số lượng, không gian, thời gian hạn chế, mà nó luôn khắp không gian, khắp thời gian, nhưng người ta không tin, kể cả nhà khoa học cũng không tin.

Về nguồn gốc của Phật Pháp:

Thân thể của trí Bát nhã, có người gọi là Phật tánh, tâm Chơn như, Diệu tâm... Bản thể của nó là tri, mà dụng của nó cũng là tri. Tất cả mọi người trên thế gian, tất cả chúng sanh, cho đến vạn vật trong vũ trụ đều là vật sở tri của nó, nhưng tất cả mọi người, tất cả chư Phật đều chẳng thể biết được nó, vì nó chẳng thuộc về sở tri. Cho nên, nó vĩnh viễn không thể bị ai phát hiện được, luôn cả Phật, vì hễ bị phát hiện tức thành sở tri rồi.

Điều này đối với thế gian thật là kỳ diệu, nhưng theo lý toán học mà suy luận cũng chẳng phải kỳ diệu:

Một cuốn sách toán học xuất bản ở Hồng Kông nói: Có loại con sâu dế cỏ (Paranaccium) là động vật rất nhỏ, thân thể của nó cứ mỗi ngày đêm thì nứt thành hai, từ đời thứ nhất đến đời thứ 90 thể tích của nó bằng quả địa cầu.

Nếu đảo ngược lại, đem quả địa cầu xẻ 2, xẻ 4, xẻ 8, cứ tiếp tục xẻ qua 130 lần thì trở lại bằng con sâu dế cỏ.

Theo lý này suy luận, nếu đem con sâu dế cỏ xẻ thêm 130 lần nữa thì đơn vị thịt của con sâu, do con số biểu thị kia có còn thấy được chăng? Nếu đem xẻ thêm 10 lần 130, cho đến trăm ngàn lần 130, con số vẫn có thể biểu thị được đơn vị thịt của con sâu đó, nhưng thực tế chúng ta còn cảm nhận được thịt của con sâu đó không?

Căn cứ theo toán học, nếu cho một con sâu làm đơn vị 1; trước 1 đó thêm vào một số 0 thì thành 0,1; thêm một số 0 nữa thành 0,01; cứ theo đó mà suy tiếp, vẽ thêm số 0 cho đến dài bằng vòng quanh một quả đất, rồi hai quả đất, ba quả đất... vĩnh viễn vô cùng tận. Giả sử khoa học kỹ thuật cải tiến, kính hiển vi có tốc độ còn nhanh hơn vẽ số 0 thì có thể phát hiện được đơn vị thịt của con sâu đó, nhưng đơn vị ấy thật chưa phải là thực tế, vì con số còn có thể phân chia mãi vô cùng cho đến vô cùng.

Việc này Phật Thích Ca gọi là bất khả đắc, cũng là vô thi vô sanh. Trong kinh Lăng Già, Phật nhắc đi nhắc lại với chúng sanh: Cần phải xa lìa “tự tâm hiện lượng”, bởi vì cái năng hiện của tự tâm là Tri và Kiến, sở hiện của nó là Hữu và Vô, đều thuộc sản

phẩm của bộ não. Nên kinh Lăng Nghiêm nói “Tri kiến lập tri tức vô minh bản”, tri kiến là năng lập, hữu vô là sở lập, khi bộ não biến thành tro thành đất rồi, cái bất khả đắc của bản trụ đầu có thể theo bộ não mà biến thành tro đất? Theo lời Thế Tôn nói: Bất khả đắc gọi là bất sanh, bất khả biến gọi là bất diệt, pháp bất sanh bất diệt này tức là bản thể của thật tướng vậy.

(Sư phụ nói về sức dụng của tâm, lược qua)

Từ trường phát từ vật chất thì bị không gian thời gian hạn chế, còn Phật Thích Ca dạy chúng ta pháp tham thiền để dẹp những cái che khuất (*tìm hiểu biết, suy nghĩ biết, ghi nhớ biết*), sẽ hiện ra từ trường của chơn tâm với sức mạnh vô cùng, chẳng bị không gian thời gian hạn chế. Cho nên, tốc độ ánh sáng đi mười triệu năm mới đến thì tâm của mình chỉ một niệm đến. Phải biết từ trường của mỗi người đều bằng nhau, chỉ là dễ bị che khuất nhiều thì hiện ra ít thôi.

Từ lực chơn tâm mình sẵn có, bằng như chư Phật, chẳng kém hơn một tí nào, do đó, Phật Thích Ca truyền dạy pháp thiền trực tiếp này, đáng lẽ không có tên gọi, từ Đức Phật truyền cho Sơ Tổ, Sơ Tổ truyền cho Nhị Tổ, Nhị Tổ truyền cho Tam Tổ... do Tổ sư từng đời từng đời truyền xuống, nên gọi là Tổ Sư Thiền.

Hỏi: Môn học khí công khi luyện đến một mức độ nào đó sẽ phát ra công năng đặc dị, và tham thiền cũng phát được một số công năng đặc dị. Vậy môn khí công và môn tham thiền có liên quan gì không?

Đáp: Khí công phát ra cũng là từ vật chất, đó là cơ thể. Nó có thể từ lực căn, lực căn cũng là vật chất, lực thức thì không phải vật chất, luyện theo ý niệm là từ vật chất. Nhà khoa học cũng biết, nếu đem một vật chà xát cho nóng lên sẽ sanh ra từ trường, cũng gọi là điện lực, càng chà sức từ trường càng mạnh, nếu ngưng chà thì nó trở lại bình thường. Vậy luyện khí công là phát từ vật chất nên bị hạn chế. Tham thiền là phát từ phi vật chất, chẳng bị không gian thời gian hạn chế.

Trong quyển Vũ Trụ Quan Thế Kỷ 21 tôi có giải thích về mỗi căn, mỗi thức. Đại học ở Mỹ gồm các khoa Sinh lý học, Tâm lý học, Triết học, Khoa học tự nhiên, bốn khoa hợp lại giải thích không thông, vì họ cho rằng con người chỉ có một cái thức, đó là bộ não, chỉ biết có hệ thống thần kinh, họ không biết được thức với căn, không thể phân biệt. Hệ thống thần kinh là vật chất, còn kinh lạc cũng là vật chất mà chẳng thể dùng kính hiển vi thấy được.

Cổ nhân thời xưa ở Trung Quốc, do tinh tọa phát hiện được mười bốn kinh lạc nơi thân thể, gồm ba trăm mảy huyết, có thể kích thích các huyết để điều chỉnh thần kinh: Khi hệ thống thần kinh yếu đi hoặc mạnh quá (*thái quá hay bất cập*) không được quân bình nên sanh ra các bệnh. Ở Mỹ, người ta nghiên cứu tìm kiếm các kinh lạc, huyết, dùng kính hiển vi mạnh cấp mảy cũng không thấy được, những trường hợp bệnh Tây y trị không hết, nhưng châm cứu lại hiệu quả, thành ra họ phải nhìn nhận. Nay ở Đại học Mỹ cũng có khoa châm cứu.

Thức chẳng có hệ thống, chẳng phải như hệ thống đường đi của kinh lạc. Tổ sư thiền do chư Tổ truyền xuống, tin rồi thực hành. Nếu tin pháp môn 100% thì chưa được, mới chỉ có một nửa. Tại sao? Vì chỉ tin pháp môn, chưa tin tự tâm. Tham thiền là muốn hiện sức của tâm, nếu không tin tự tâm thì sức đó làm sao hiện ra? Không tin thì phải thắc mắc, phải hỏi, thắc mắc có năm thứ: Nghi lý, nghi sự, nghi pháp, nghi thầy, nghi mình.

Sự thắc mắc của các vị đều nằm trong năm thứ này, tôi sẽ giải tóa, nghi lý thì giải tóa lý, nghi sự giải tóa sự, nghi mình nghiệp chướng nặng, nghi thầy nói không đúng...

tôi đều giải tóa. Mục đích giải đáp chỉ là giải tóa năm thứ nghi, chứ chẳng phải cho hiểu thêm giáo lý cao siêu. Sự thật chẳng có giáo lý gì cả, chẳng thể kiến lập cái lý, do kiến lập lý rồi mới có đúng và không đúng, có tương đối mới sanh ra sự tranh cãi.

Hỏi: Lâm Tế nói với Đại Ngu “Chẳng dè Phật Pháp của Hoàng Bá có chút xíu”. Sau một năm con học pháp này với Sư phụ, nay con xin sửa lại như thế này “Nào dè Phật Pháp của Hoàng Bá không có gì cả!” Xin Sư phụ khai thị chỗ này?

Đáp: Vì ông không hiểu, nên làm sao dạy cho ông được! Ông là người mà chư Phật chẳng thể giáo hóa. Tôi đã nói không cho tìm hiểu, công án của chư Tổ là muốn khiến người ta ngộ, chứ không phải muốn người ta hiểu; còn ông muốn hiểu, là nghịch ý của chư Tổ, vì hiểu là phải có lý, lý thì chẳng thể kiến lập, đúng lý hay không đúng lý, hợp lý hay không hợp lý đều là tương đối.

Đã nói vô thì là không thể bắt đầu, vô sanh là không có sự sanh khởi. Hễ có sanh khởi thì phải có sự bắt đầu, tôi đã dùng toán số chứng tỏ không thể bắt đầu: Dem con số chia mãi chẳng thể chia đến số cực nhỏ, không có cực nhỏ thì không có cực lớn. Hễ chia được số cực nhỏ tức có sự bắt đầu, có số cực lớn tức có cuối cùng, vì không thể tìm được con số bắt đầu, nên Phật nói “bất khả đắc”. Bất khả đắc gọi là bất sanh, không có cuối cùng là bất biến, gọi là bất diệt.

Bây giờ khoa học cũng chứng tỏ tất cả vật chất đều y nguyên tồn tại vĩnh viễn bất diệt, bất sanh bất diệt làm sao có sự bắt đầu? Làm sao kiến lập cái lý? Nay sẽ trích đọc bài Trung Quán Luận cho ông nghe:

Có người hỏi: Phật Pháp có thể chia nhiều tông, sao không thể chia nhiều phái? Nên biết Phật Pháp là để hiển bày bản thể tự tánh bất nhị của Diệu giác nên chẳng thể chia. Có thể chia là giáo pháp, chẳng phải Phật Pháp, chư Phật chư Tổ vì muốn thích ứng căn cơ trình độ của mọi chúng sanh, vì khế hợp đương cơ nên chia nhiều tông, tức là trên phù hợp ý Phật (*Phật Pháp chẳng thể chia*), dưới khế hợp đương cơ (*Giáo pháp có thể chia*) là vậy.

Giáo pháp thích hợp với người phương Đông được chia làm năm hệ: Thiên, Giáo, Luật, Tịnh, Mật. Thiên, Luật, Tịnh, Mật, mỗi hệ có một tông, Giáo môn chia thành bốn tông: Thiên thai, Hiền thủ, Tam luận và Duy thức, cộng chung thành tám tông Đại thừa.

Luận này vì muốn phá chấp nhị biên tương đối, nên phương tiện thiết lập Trung Quán. Nguồn gốc của nhị biên là Hữu và Vô. “Hữu” bao gồm hữu vi pháp, “Vô” bao gồm vô vi pháp. Nhị biên đã phá thì “Trung” chẳng có chỗ để an lập. Như thế, đâu có học thuyết cao siêu để cho nghiên cứu mà dựng lập học phái Trung Quán!

Lục Tổ nói thuyết pháp chẳng lìa tự tánh, tự tánh bất nhị, kinh Đại thừa liễu nghĩa do Phật thuyết đều là bất nhị. Chư Tổ căn cứ theo kinh liễu nghĩa lập luận sơ giải cũng là bất nhị. Bất nhị thì chẳng có tương đối, chẳng tương đối thì chẳng thể dùng bộ não suy nghĩ, chẳng thể dùng lời nói văn tự diễn đạt, cho nên, Đại Thừa Khởi Tín Luận nói: Là “tướng tâm duyên”, là “tướng văn tự”...

Nên biết, những phương tiện do chư Phật chư Tổ thiết lập chỉ muốn khiến chúng sanh ngay đó khai ngộ, chứ chẳng phải muốn chúng sanh nghiên cứu tìm hiểu lý đạo, nên chẳng thể xem như một học thuyết để nghiên cứu mà chia ra nhiều học phái.

Trung Quán Luận gồm 27 phẩm, mặc dù có quán có phá, kỳ thật quán cũng là phá: Bất cứ hữu vi pháp, vô vi pháp, tất cả đều phá. Như các phẩm Quán Như Lai, Quán Niết Bàn thuộc về phá pháp vô vi, những phẩm Quán Nhân Duyên, Quán Khứ Lai

thuộc về phá pháp hữu vi. Hữu, vô tất cả đều phá, phàm có nhị biên tương đối đều phá.

Chư Phật chư Tổ dùng pháp phá làm phương tiện để phá sự chấp trước của chúng sanh. Chúng sanh có sở chấp nào thì phá cái sở chấp ấy. Nếu chúng sanh chẳng chấp trước thì pháp phá cũng thành dư thừa. Nay chúng tôi biên tập Yếu Chỉ Trung Quán Luận này, chỉ ở trong mỗi phẩm rút ra vài kệ chủ yếu, để sáng tỏ yếu chỉ về pháp phá của tác giả mà thôi.

Lời kết:

Pháp sư Diệu Nhân, ngày 22 tháng 12 năm 1983, khi đọc Nhập Trung Luận, có bút ký rằng: Các đại luận sư Ấn Độ như: Phật Hộ, Thanh Biện, Nguyệt Xung, Tịnh Mạng, đều kế thừa học thuyết Trung Quán của ngài Long Thọ, nhưng vì quan điểm chẳng đồng cho với chẳng cho “có ngoại cảnh” mà sanh ra học phái chẳng đồng.

Thanh Biện luận sư phá Duy Thức Luận, trong danh ngôn kiến lập tông phái cho “có ngoại cảnh”, gọi là “Kinh Bộ Hạnh Trung Quán Sư”. Tịnh Mạng luận sư thì lập ra thuyết “vô ngoại cảnh”, phái này gọi là “Đu Già Hạnh Trung Quán Sư”.

Nguyệt Xung luận sư thì cho là Trung Quán Kiến của Phật Hộ luận sư thù thắng nhất mà theo phái Phật Hộ, lại nói đời sau phần nhiều Trung Quán Sư đều tùy thuận học thuyết Phật Hộ và Nguyệt Xung. Còn các phái Tát Ca, Ca Cừ và phái Cách Lỗ của Phật giáo Tây Tạng cũng theo Trung Quán Kiến của Nguyệt Xung luận sư, đồng thời kiến lập Nhật Trung Luận Tụng và Giải Thích, cũng cho biết danh hiệu phái Ứng Thành và phái Tự Tục của Trung Quán...

Than ôi! Tác giả Trung Luận dùng Trung Quán để phá kiến chấp của nhị biên tương đối, nếu nhị biên đã phá thì đâu có cái “trung” để an lập? Tại sao các đại luận sư Ấn Độ, mỗi mỗi đều có “Trung Quán Kiến” của họ mà sanh ra nhiều học phái chẳng đồng, như danh hiệu bốn phái kể trên, thậm chí ảnh hưởng Phật giáo Tây Tạng cũng sanh “Trung Quán Kiến”. Nếu theo đó suy luận thì Phật giáo các nước khác cũng có thể bị nhiễm kiến chấp của họ mà chẳng tự biết, khiến chư Phật chư Tổ muốn phá mà hơi sức đâu phá hết!

Trung Luận là vị thuốc phá kiến chấp nhị biên, nếu chấp thuốc thành bệnh thì chẳng thể trị, như trong phẩm phá “Hành” đã ghi rõ vậy. Nếu bút ký của pháp sư Diệu Nhân là thật, thì các luận sư kể trên cũng thuộc về kẻ chư Phật chẳng thể giáo hóa ư!

Phẩm phá “Hành”:

Hỏi:

Như kinh Phật sở thuyết,
Hư vọng chấp lấy tướng.
Vì vọng chấp chư hành,
Nên gọi là hư vọng.

Phá:

Kẻ hư vọng chấp lấy,
Trong đó lấy cái gì?
Phật thuyết những việc này,
Muốn hiển bày nghĩa không.
Vì các pháp khác nhau,
Biết đều là “vô tính”.

Tính vô pháp cũng vô,
Vì tất cả pháp không.
Đại Thánh thuyết pháp không,
Vì lia chur kiên chấp.
Nếu lại thấy có không,
Phật chẳng thể giáo hóa.

Giải thích:

“Hành” là hành vi biến hóa. Hành vi biến hóa sát na sanh diệt, nên Phật nói chur hành vô thường. Vô thường thì chẳng thật, chẳng thật nên hư vọng, hư vọng thì chẳng thể chấp lấy. Phật nói hư vọng chẳng thể chấp lấy là muốn hiển bày nghĩa không vậy. Vì các pháp khác nhau thì mỗi mỗi chẳng tự tánh, pháp chẳng tự tánh thì pháp chẳng có, nên nói tất cả pháp không.

Phật thuyết pháp Không là để phá 62 thứ kiến chấp và phá phiền não của nghiệp ái vô minh. “Không” là công cụ dùng để phá chấp, nếu trở lại chấp không thì người ấy chẳng thể giáo hóa. Như có bệnh mới cần uống thuốc, nếu chấp thuốc thành bệnh thì chẳng thể trị. Cũng như lửa từ củi ra, dùng nước có thể diệt lửa, nếu lửa từ nước ra thì phải dùng cái gì để diệt? “Không” dụ cho nước, có thể dập tắt những lửa phiền não, nếu lại ở nơi “không” mà sanh khởi kiến chấp, hoặc cho là có cái không, hoặc cho chẳng có cái không, vì tranh chấp “hữu” “vô” lại sanh khởi phiền não nữa.

Nếu dùng “không” để giáo hóa người này thì họ nói tôi biết “không” đã lâu, nếu lia “không” thì chẳng có đạo Niết bàn. Như kinh nói “Không, vô tướng, vô tác, nơi ba cửa này được giải thoát”, đây chỉ là ngôn thuyết mà thôi. (*Không, vô tướng thì chẳng tu, vô tác thì không có tu, vậy đâu thể giải thoát*).

Hỏi: *Con tập trung tham câu “Khi chưa có trời đất ta là cái gì?” lúc trong ý niệm hỏi thì con nhìn vào câu hỏi đó, bất chợt có người nhà mở quạt máy, con ngồi đó nhưng hoàn toàn không biết mở quạt vào lúc nào. Như vậy con có rơi vào vô ký hay lọt vào hôn trầm không?*

Đáp: Ông nói tập trung tinh thần là sai lầm. Tổ sư dạy tham thiền không nên tập trung tinh thần, không nên cố gắng, ít phí sức chùng nào tốt chùng nấy, tập trung lâu ngày sẽ bệnh. Chỉ cần giữ cái không biết: Hỏi câu thoại là kích thích niệm không biết, còn khán là nhìn chỗ không biết và giữ cái không biết đó được kéo dài, chỉ là vậy thôi. Nếu biết thì chẳng phải nghi tình; biết có nghi tình cũng chẳng phải, biết nghi tình nhỏ cũng chẳng phải, biết nghi tình lớn cũng chẳng phải, phạm có cái biết tức không phải tham thiền, tham thiền là không biết.

- *Như vậy khi con ngồi được một lúc thì . . .*

- *Khỏi cần ngồi nữa! Tham thiền là đi, đứng, nằm, ngồi đều được, tham thiền chẳng phải ngồi thiền, ngồi thiền chẳng phải tham thiền, tham thiền cũng không có nhập thiền và xả thiền, do chấp ngồi nên mới có xả. Lục Tổ nói trong phẩm Tọa Thiền của Pháp Bảo Đàn: “Đạo do tâm ngộ bất tại tọa”, ngộ là do tâm, chẳng phải do thân, Ngài còn nói “Ngồi lâu trói thân, có ích lợi gì!” và có một bài kệ phá chấp ngồi:*

Lúc sống thì ngồi hoài,
Khi chết thì nằm mãi.
Chấp giữ bộ xương thú,
Làm sao công phu được?

Nay người ta cứ chấp cái ngồi, cho ngồi lâu là cao, như thế là sai lầm, là hại người, ông cũng bị trúng độc cái đó.

Hỏi: Con theo dõi công phu của mình thì con thấy, như vật đến thì nhìn thấy, sau cái thấy đó niệm nổi lên, con vẫn giữ cái thấy đó thì tự nhiên nó mất đi, con chẳng quan tâm nó mất hay nổi là tùy nó, vậy như thế nào?

Đáp: Đó là tự dối mình thôi! Ấy cũng như đi xem đá banh hay xem hát kịch, lúc đang xem vì kịch hấp dẫn rồi quên cảnh xung quanh, đến chùng hết thì vẫn trở lại bình thường. Có nhà triết học phương Tây cũng sáng lập cái đó, nhưng đối với Phật Pháp coi đó như ngoại đạo tà ma.

Hỏi: Quyển Cội Nguồn Truyền Thừa của ngài Nguyệt Khê nói “Nhìn chỗ sơn cùng thủy tận” có giống chỗ Sư phụ dạy hỏi và nhìn không?

Đáp: Sơn cùng thì không có, thủy tận cũng không, không có thì không biết, như vậy đâu có khác! Lời nói khác nhưng ý chẳng khác. Như nói “Tâm như hư không vô sở hữu”, vô sở hữu thì chẳng trói buộc, gọi là giải thoát, vô sở hữu thì trống rỗng nên chẳng khứ lai, gọi là Như Lai, trống rỗng khắp không gian thì tự nhiên khắp thời gian chẳng gián đoạn, gọi là Niết bàn... Mặc dù danh từ khác nhau nhưng ý thì chẳng khác, cũng là trống rỗng vô sở hữu. Sơn cùng thủy tận là không có, tức trống rỗng, trống rỗng không có cái gì thì lấy gì để biết? Nên không biết.

Hỏi: Tại sao phải “Vô sở đắc, vô sở cầu, vô sở sợ”?

Đáp: Nếu có sở đắc, có sở cầu, có sở sợ thì có ta, có ta thì chẳng phá được ngã chấp, dẫn cho tu thành cũng thành tà ma ngoại đạo. Nên chánh pháp phải phá ngã chấp, phá ngã chấp phải thực hành không có cái ta. Không có cái ta lấy gì để cầu? Ai đắc? Ai sợ? Vì vậy, không có ta nên không có đắc, không có cầu, không có sợ.

Hỏi: Người tham thiền khi lâm chung bị đau đớn lại sợ, lúc đó phải làm sao?

Đáp: Nếu hành giả tham thiền giữ được cái không biết thì làm sao có sợ hãi, biết sợ hãi là biết rồi, tức không có tham thiền.

Hỏi: Tâm vốn bất sanh bất diệt, bất khứ bất lai, tại sao người ta chết chỉ thay đổi cái khác mà lại quên tiền kiếp của mình?

Đáp: Vì họ vẫn còn ở trong chiêm bao. Nếu đã nhảy ra ngoài chiêm bao thì làm sao có tiền kiếp, hậu kiếp và sanh tử? Sanh tử, tiền kiếp, hậu kiếp là ở trong chiêm bao mới có, khi ngộ rồi tức nhảy ra ngoài chiêm bao thì mấy cái đó hoàn toàn kết thúc.

Hỏi: Lúc ngồi thiền nhắm mắt thì vọng tưởng nổi lên, mở mắt thì không có vọng tưởng; lúc đi kinh hành nhắm mắt không có vọng tưởng, mở mắt lại có, như vậy làm sao trị?

Đáp: Khỏi cần trị, cứ hỏi và nhìn để giữ cái không biết, không biết làm sao có vọng tưởng? Cũng chẳng biết không có vọng tưởng nữa. Biết có vọng tưởng là biết, biết không có vọng tưởng vẫn là biết, nếu hỏi và nhìn thì mấy cái kia cũng giải quyết luôn.

Hỏi: Con tham thoại đầu không nghĩ gì hết, như thế có phải nghi tình không?

Đáp: Biết không có nghĩ đã là nghĩ rồi.

- Khi tham thoại đầu, mắt con nhìn cảnh vật bên ngoài vẫn thấy, vậy như thế nào?

- Như vậy làm sao gọi là tham thiền? Không biết thì không thấy, làm sao thấy được? Thấy tức biết rồi!

- Nếu không thấy làm sao đi đứng tới lui?

- Không đi đứng tới lui thì không đi đứng tới lui. Nay tôi hỏi ông, ông biết đoi bụng không?

- Dạ, biết.

- Ông thấy cái bụng không?

- Dạ, không.

- Không thấy sao biết đói bụng?

- Dạ, tự nhiên đói là con biết.

- Phải rồi! Ông không thấy bụng cũng biết đói bụng, vậy khỏi cần thấy cũng đi được mà, phải không?

- Dạ phải, cảm ơn Hòa thượng.

Hỏi: Khi con đề lên câu thoại đầu thì con nhìn vào chỗ hoàn toàn không biết gì hết, nhưng vẫn có cái biết của cái không biết, biết rõ ràng thấy chỗ mình không biết đó. Rồi đề tiếp câu thoại đầu nữa, vẫn không biết. Hai niệm vẫn không biết thì con có một ý niệm “làm sao thấy được tự tánh là cái gì?” Từ chỗ không biết đó con mới chăm bẵm sao cho thấy được tự tánh? Mà trước sau đều không thấy, thành ra con thấy rất mệt mỏi và có lúc rất đau đầu, con không biết mình rớt vào chỗ nào?

Đáp: Như vậy là sai lầm lớn, vì dùng cái biết tìm hiểu cái không biết. Tham thiền là không hiểu không biết, nay chẳng những không chịu chăm dứt, lại dùng cái biết đó tìm hiểu thêm, tức là tìm hiểu cái nghi tình để biết cái nghi tình. Biết cái không biết vẫn là biết; nếu không biết, làm sao biết mình biết cái không biết? Nếu thật không biết thì làm sao biết cái biết và cái không biết?

Bây giờ cứ hỏi và nhìn để chăm dứt tất cả tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ, giống như người khờ ngốc không biết gì mới đúng. Hễ còn biết rõ ràng “có nghi tình không biết” là không đúng.

Hỏi: Con đã tham câu “Khi chưa có trời đất ta là cái gì?”, rồi con thấy câu “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, là cái gì?” câu này có nghi tình hơn câu trên, vậy có nên đổi câu thoại đầu để tham không?

Đáp: Tôi hỏi ông: Khi chưa có trời đất ông là cái gì? Biết không?

- Dạ, không biết.

- Không biết là đúng rồi, như vậy cần gì đổi nữa! Không biết thì cứ nhìn chỗ không biết đó, thì cái kia cũng nhìn chỗ không biết vậy!

- Con thấy câu trên dễ nhìn hơn?

- Nếu có dễ và khó thì khác rồi! Biết mới có khác, không biết làm sao có khác được!

Hỏi: Khi con tham câu “Khi chưa có trời đất ta là cái gì?”, lúc ngủ có chiêm bao thì hiện cảnh giới; khi tham câu “Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, là cái gì?”, lúc ngủ không còn chiêm bao, vậy như thế nào?

Đáp: Đó là còn để ý cái biết, còn ham cái biết, bây giờ cứ giữ cái không biết là được.

Hỏi: Thế nào sám hối thập tự mười phương Tăng?

Đáp: Hỏi câu thoại đầu và giữ niệm không hiểu không biết là chơn sám hối. Vì thoại đầu là tâm niệm không nổi lên thì vọng tâm được ngưng hoạt động. Cho nên, có bài kệ:

Tội từ tâm khởi lấy tâm sám,
Tâm nếu diệt rồi, tội liền tiêu.

Tội tiêu tâm diệt thấy đều không,
Ấy mới gọi là chơn sám hối.

Hỏi: Có phải ngài Ma Ha Ca Diếp chưa viên tịch, còn nhập định ở núi Kê Túc chờ Phật Di Lặc ra đời?

Đáp: Vì chấp có sanh tử nên mới thấy có viên tịch, kiến tánh rồi biết vốn chẳng có sanh tử, chẳng sanh tử làm sao có viên tịch hay không viên tịch? Tâm như hư không vô sở hữu, trống rỗng thì chẳng trói buộc, nên gọi là giải thoát. Vốn chẳng bị trói buộc là không có sanh tử.

Hỏi: Ngộ được không có sanh tử tức là liễu thoát sanh tử. Những tội ác đời trước đã làm như: Giết người, cướp của, lường gạt, hãm hại người cô thế... thì người Phật tử làm sao cho hết các tội trên để tu hành khỏi bị chướng ngại? Chúng con có thể sám hối hồng danh trước bàn Phật không?

Đáp: Sám hối không thể diệt tội được. Theo giới luật nhà Phật, sám hối chỉ diệt được tội phá giới, chứ không diệt được tội nhân quả. Muốn hết tội nhân quả phải diệt cái tâm, tâm diệt thì tội liền tiêu. Muốn diệt tâm phải tu, như tham thiền đến kiến tánh thì bất cứ tội nặng thế nào đều tiêu cả. Tại sao? Vì tất cả tội đều là việc trong chiêm bao, kiến tánh là ở trong chiêm bao thức tỉnh, lìa khỏi chiêm bao thì tất cả việc làm trong chiêm bao không còn. Ví như ở trong nhắm mắt chiêm bao thấy phát tài rất mừng, khi thức tỉnh tìm đồng xu chẳng có, tạo tội cũng vậy, thức tỉnh liền hết. (Sự phụ giảng về hai thứ chiêm bao, lược qua).

Hỏi: Muôn niệm từ đâu khởi?

Đáp: Từ bộ não.

Hỏi: Tâm là cái gì?

Đáp: Phật cũng không biết, vì nó chẳng phải là sở tri. Bài Nguồn gốc Phật Pháp trong cuốn Yếu Chỉ Phật Pháp có nói đến vấn đề này.

Hỏi: Có phải khi kiến tánh mới biết là cái gì khởi niệm, phải không?

Đáp: Chưa kiến tánh cũng biết: Ban đêm khởi niệm gọi là nhắm mắt chiêm bao, ban ngày khởi niệm gọi là mở mắt chiêm bao. Niệm niệm không dứt đều do vọng tâm ngày đêm hoạt động hoài.

Hỏi: Những người ăn thịt mà không thấy con vật bị giết hay không thấy con vật đau khổ la rên, vậy họ có mắc tội nhân quả không?

Đáp: Có. Kinh Lăng Nghiêm và Kinh Lăng Già nói “Ăn tam tịnh nhục, ngũ tịnh nhục đều cấm”. Không nghe, không thấy, không vì mình mà giết gọi là tam tịnh nhục, rồi thêm cầm thú ăn dư hay con vật tự chết, cộng chung thành 5 thứ, gọi là ngũ tịnh nhục. Chúng ta dùng đồ có liên quan đến thân thể của con vật thì cũng dính líu nhân quả, như dùng giày dép làm bằng da thú, áo lông thú...

Hỏi: Theo lời Phật dạy “nhân nào quả nấy”, con không hiểu tại sao cứ vào ngày rằm tháng Giêng, hàng Phật tử đến chùa nhờ quý thầy cúng sao giải hạn, thậm chí cũng có quý thầy thúc giục quở trách Phật tử nào không cúng sao thì năm đó sẽ gặp rắc rối về bốn mạng. Vậy điều này có hợp chánh pháp không?

Đáp: Những việc này gọi là tà mạng thực, nên Phật cấm, nhưng người ta không chịu nghe lời Phật dạy. Nếu đã tin nhân quả thì còn hỏi những việc đó làm chi! Vì người đó không tin nhân quả nên mới hỏi.

Hỏi: Minh Tâm kiến tánh thì lấy cái gì để mình, lấy cái gì để kiến?

Đáp: Tâm như hư không vô sở hữu, làm sao lấy gì để minh để kiến? Vì tất cả lời nói đều có ngữ bệnh, như trong kinh nói “Từ vô thi đến nay”, đã vô thi làm sao có đến nay? Phải hữu thi mới có đến nay; rồi nói “Kiến tánh thành Phật”, tánh làm sao kiến? Nếu tự tánh thành sở kiến thì có năng sở, đâu phải bất nhị? Cho nên, tất cả văn tự và lời nói chỉ là phương tiện, nếu chấp phương tiện cho là thật thì học cũng uổng công.

Hỏi: Tu thiền dễ đưa đến thanh tịnh giải thoát, tại sao có vài vị tu thiền một thời gian lại bị điên?

Đáp: Tham thiền không phải muốn thanh tịnh, cũng không mở trí để giải thoát. Tại sao? Vì tâm như hư không trống rỗng, tại có cái Ta, muốn có sở đắc, có sở cầu, có sở sợ nên ma mới nhập được. Nếu không có cái Ta thì ma nhập vào đâu? Những người hỏi câu hỏi này là do bệnh chấp thật quá nặng.

Hỏi: Phật nói trong phẩm Phổ Môn về nước Quỷ La Sát, vậy Quỷ La Sát có ở cõi Nam Diêm Phù Đề này không?

Đáp: Phật nói “Vạn pháp duy tâm tạo”, tâm mình chấp thì có, chẳng chấp thì không có. Đại Trí Độ Luận nói “Do chấp Phật thì có Phật, chấp Bồ tát thì có Bồ tát, chấp Đại thừa thì có Đại thừa... nếu tất cả tánh không thì tất cả trống rỗng”. Tất cả do chấp nên mới có, có và không là tương đối, thuộc sản phẩm của bộ não. Còn thực tế thì chẳng dính dáng đến có và không. Nếu chấp có và không là lọt vào biên kiến trong năm thứ ác kiến.

Hỏi: Ngài Quán Thế Âm được cúng dường châu ngọc vô giá, sao Ngài không nhận?

Đáp: Chư Phật chư Tổ muốn chúng ta được ngộ, nếu chúng ta chấp thật thì không bao giờ ngộ được. Cái vô giá là bản tâm của chúng ta, ngộ được cái tâm mới thật vô giá, nếu chẳng ngộ, dù được vật vô giá, sau khi chết cũng chẳng được gì. Bây giờ dù có thế lực cao, có sự nghiệp lớn, thành công to, tiền của nhiều, đầy châu báu vô giá vv... cũng đâu làm chủ những cái ấy được! Không muốn lia mà nó vẫn lia, thân này không muốn bệnh nó cũng bệnh, không muốn chết nhưng nó cũng chết... tự mình còn không làm chủ được, có vật vô giá được ích lợi gì!

Hỏi: Trong lịch sử Thiền tông có ghi: Hòa thượng Cửu Chỉ được ngộ đạo do Thiền sư Thiên Long khai thị giờ một ngón tay, sau này đệ tử cũng bắt chước giờ một ngón tay, ngài biết được mới lập phương tiện mài con dao thật bén để trong túi áo. Một hôm hầu trà, Hòa thượng hỏi, đệ tử giờ ngón tay lên, Hòa thượng chặt đứt. Như vậy Hòa thượng có lỗi không?

Đáp: Người viết sách vì không hiểu gì hết, công án Thiền cũng không biết mà viết ra như thế rất hại người, là tội địa ngục. Công án như thế này:

Hòa thượng Cửu Chỉ chưa ngộ mà tưởng mình đã ngộ, một hôm đang ngồi ở thiền sàng, gặp cô Ni Thật Tế từ ngoài bước vào chùa không chịu bỏ nón xuống, Cửu Chỉ nói: Xin cô lấy nón xuống.

Ni cô đi ba vòng rồi nói ba lần: Nói được thì ta bỏ nón xuống.

Cửu Chỉ nói không được, cảm thấy mắc cỡ. Ni cô định ra đi, Cửu Chỉ muốn xin chi giáo, nói: Trời tối rồi, mời Ni cô ở lại một đêm.

Ni cô nói ba lần: Nói được thì ta ở lại.

Cửu Chỉ vẫn không nói được, Ni cô bỏ đi.

Trong Phật Pháp, Tỳ-kheo-ni có bát kính đối với Tỳ-kheo, tức là: Tỳ-kheo-ni gặp Tỳ-kheo phải đánh lễ, cho dù Tỳ-kheo-ni một trăm tuổi hạ cũng phải đánh lễ Tỳ-kheo mới thọ giới. Nhưng Tỳ-kheo-ni kiến tánh thì Tỳ-kheo phải đánh lễ Tỳ-kheo-ni.

Cửu Chỉ cảm thấy hổ thẹn, tự nghĩ: “Mình là đại trượng phu mà không bằng người nữ”, định bỏ chùa đi tham học, nhưng đêm đó chiêm bao thấy thần Hộ pháp cho biết “Ông khỏi đi, ngày mai sẽ có thiện tri thức đến”.

Sáng ra, Thiên sư Thiên Long đến, Cửu Chỉ tiếp đãi tử tế, rồi đem chuyện Ni cô Thật Tế kể cho Thiên sư nghe, nhờ Thiên sư chỉ dạy. Thiên sư Thiên Long không nói gì cả, chỉ đưa lên một ngón tay thì Cửu Chỉ liền ngộ.

Về sau, hễ có người đến hỏi pháp thì ngài đưa một ngón tay lên, thị giả thấy và bắt chước, có ai hỏi cũng đưa ngón tay lên. Người ta lại nói với Cửu Chỉ: Thị giả của ngài thuyết pháp cũng hay vậy.

- Thuyết pháp như thế nào?

- Có ai hỏi pháp thì thị giả cũng đưa ngón tay lên.

Cửu Chỉ mài sẵn con dao thật bén để trong túi áo, một hôm thị giả bưng trà đến, Ngài hỏi: Thế nào là Phật?

Thị giả đưa ngón tay lên theo thói quen, ngài liền lấy dao chặt đứt ngón tay, thị giả hoảng sợ bỏ chạy, ngài rượt theo là bảo “Đứng lại!” Thị giả đứng lại nhìn, Ngài hỏi: Thế nào là Phật?

Thị giả giơ tay lên, không thấy ngón tay liền ngộ.

Hỏi: Khoa học hiện đã phát minh vô sinh và thực hiện ở con bò con cừu, rồi cũng thực hiện bằng cách cấy mô, như vậy con người này do khoa học tạo ra, có phải là chúng sanh bình thường không?

Đáp: Khoa học không chế tạo cơ nhân được, phải nhờ cơ nhân sẵn có, cũng như mình ghép cây này với cây kia, nếu không có cây thì làm sao ghép được? Họ phải dùng tế bào người đó, nếu không thì chẳng thể tự tạo ra tế bào.

Dùng tế bào con dê này thì giống con dê này, chứ không thể giống con dê khác, vì mỗi mỗi cơ nhân khác nhau. Trong cuốn Vũ Trụ Quan Thế Kỳ 21, đoạn đề cập về đầu thai có nói rõ hơn sinh lý giải phẫu học của Đại học Mỹ:

“Muốn thuyết minh tình trạng luân hồi của nhân loại, nên nhờ câu tụng của Huyền Trang Đại sư để chứng minh:

Bát Thức Quy Củ Tụng có câu “Khứ hậu lai tiên tác chủ công”, hấp lực tỏa ra do cộng nghiệp của mình và cha mẹ khi cha mẹ giao hợp, khiến thức thứ Tám đến trước nhất (lai tiên), khi chết, thức này rời cơ thể sau cùng (khứ hậu). Do tánh chấp ngã của thức thứ bảy kết hợp với sinh lý của cơ thể, mà làm chủ nhân nơi thân này, đồng thời do tinh cha trứng mẹ kết hợp hình thành thai nhi, nhờ bát thức làm cơ nhân (DNA) mà dần dần hình thành hệ thống thần kinh của bộ não, cùng khắp các tế bào và ngũ tạng lục phủ của toàn thân, do bộ não làm thủ tướng.

Do sự lôi kéo của ngã chấp, khiến lục thức với lục căn hợp tác mà nghe theo lệnh của bộ não. Nhưng lục căn thuộc sắc pháp (*thể vật chất*), lục thức thuộc tâm pháp (*thể tinh thần*), căn có thể hoại diệt, thức thì chẳng thể hoại diệt. Nếu tu hành đến kiến tánh thì chuyển được bát thức thành tứ trí mà ra khỏi luân hồi, chấm dứt sự sanh tử, dứt hẳn sự đầu thai chuyển thế, tự do tự tại vĩnh viễn, chẳng còn tạo nghiệp và bị nghiệp lực trôi buộc”.

Thức thứ tám là kho chứa tất cả chủng tử thiện ác của kiếp trước làm cơ nhân, cái đó mỗi mỗi khác nhau, nên cơ nhân của mỗi người mỗi khác. Phải dùng cơ nhân bồi dưỡng đều qua tử cung của người đàn bà mới thành thai nhi. Bộ não làm thủ tướng, nhưng có ba bộ phận: Tìm hiểu, suy nghĩ và ghi nhớ.

Bộ phận ghi nhớ mà nhà khoa học đã bắt chước chế tạo thành máy vi tính, còn hai bộ phận tìm hiểu và suy nghĩ, cũng có nhà khoa học nói sau này sẽ ra đời. Vì đó là vật chất, có thể y theo mà chế tạo cái máy, ví như ra-đa là bắt chước con dơi. Con dơi không có con mắt, nhưng bay không đụng vật là nhờ có ra-đa vậy.

Hỏi: Lúc chưa tạo thiên lập địa thì mọi người ở đâu?

Đáp: Chỗ này để các vị tham, không được giải thích, thế mới có câu thoại đầu “Khi chưa có trời đất ta là cái gì?” Nếu có thể giải thích thì có thể tìm hiểu, cứ giữ cái không biết mãi, rồi đến chỗ thoại đầu mới kiến tánh thành Phật. Sau này các vị ngộ rồi sẽ tự biết, chưa ngộ mà đoán mò bậy bạ là sai lầm, vì không thể giải được.

Hỏi: Phật tánh siêu việt logic, có đồng với câu “Cứu cánh cùng tột, bất tồn quý tấc” của Tín Tâm Minh không?

Đáp: Cũng giống như vậy. Nếu có logic thì có tương đối, phải có thí dụ. Còn chơn tâm bất nhị, chẳng tương đối thì không thể dùng lời nói để diễn tả, không thể theo logic để chứng minh, nên nói Phật tánh siêu việt logic. Nếu nói đồng là nhị, nói khác cũng là nhị. Tại sao? Người ta nói “Đồng nhất”, nhưng phải có hai cái mới đồng được, như cái này đồng với cái kia; nói “khác” cũng vậy.

Hỏi: Tự tánh cùng khắp, sao bộ não chẳng cùng khắp?

Đáp: Bộ não là vật chất thì bị không gian thời gian hạn chế nên chẳng cùng khắp, còn tự tánh là phi vật chất nên tự nhiên cùng khắp.

Hỏi: Phương pháp hành thiền tự tánh như: Thiền là tỉnh thức, thiền là an nhiên, thiền là điềm đạm, thiền là không vọng tưởng, thiền là ở sáu căn, thiền là khi tụng kinh, thiền là khi niệm Phật... tất cả những đề mục trên, có phải oai nghi tế hạnh của người tu không? Hay là Như Lai Thiền?

Đáp: Chẳng phải Như Lai Thiền, mà là tà ma ngoại đạo thiền, không phải chánh pháp của Phật dạy. Chánh pháp của Phật dạy là bốn thừa: Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, Tối thượng thừa. (Sư phụ dẫn dụ ngài Nguyệt Khê giải thích bốn thừa, lược qua)

Hỏi: Trong tác phẩm Nẻo vào Thiền Học có viết một đoạn kể lại đối thoại giữa hai vị là Thiền giả và Hòa Thượng: Thiền giả hỏi: Đạo là gì? Hòa thượng đáp: Đạo là tâm bình thường của con người. Thiền giả hỏi: Vậy cần gì phải tu? Đáp: Nếu có tu thì trái với đạo. Kính xin Sư phụ giảng: Có ý muốn tu là trái với đạo?

Đáp: Vì vô tu vô chứng, tại không phải tu mà thành.

Hỏi: Nghi sự là gì?

Đáp: Sự là công việc, bất cứ công việc gì đều là sự. Như giải đáp của tôi là sự, các vị đi hương, tọa hương trong Thiền thất cũng là sự, tức làm là sự. Như muốn cất nhà phải theo kiến trúc mà xây tường lợp mái, những việc ấy đều là sự. Nghi sự của mỗi người mỗi khác, cũng như nghi việc tham thiền có được giải thoát không? Nghi lý tham thiền có đúng lý không?

Hỏi: Tự tánh vốn sẵn có, sao bộ não xen vào tự tánh?

Đáp: Bộ não là nghiệp tạo thành, do chủng tử thiện ác kiếp trước của thức thứ tám đem theo đầu thai. Vì ngã chấp của thức thứ bảy khiến cho lục căn lục thức hợp tác nghe theo lệnh của bộ não. Bộ não là hệ thống thần kinh theo ngã chấp mà tạo nghiệp nhân thì phải chịu nghiệp quả, chứ chẳng phải là tự tánh, tự tánh bất nhị không có tương đối. Khi chuyển bát thức thành tứ trí mới hiện ra tự tánh bất nhị, còn bây giờ tự tánh bị che khuất, nên lục căn và lục thức nghe theo lệnh của bộ não.

Hỏi: Phật tử tại gia tham thiền có những giai đoạn thử thách đau khổ trong cuộc sống, vậy có phải trả nghiệp không?

Đáp: Có thử thách mới gọi là tu, nếu không có thử thách, giống như người ta nhập thất tự nhốt trong phòng, việc ấy chẳng phải tu mà lại có hại, vì không tiếp xúc cảnh vật bên ngoài để khởi tâm động niệm.

Hỏi: Tại sao các Thiền viện chỉ thờ Phật Thích Ca và các Tổ Ma Ha Ca Diếp, mà không thờ các vị Phật khác như Phật Di Đà, Phật Quán Thế Âm?

Đáp: Thiền đường ở Trung Quốc không có thờ Phật gì hết. Ngày xưa Bá Trượng sáng lập Tông lâm không có thờ Phật, bây giờ có chùa chỉ thờ Phật Thích Ca, có chùa thờ đủ thứ, chẳng thể kể xiết. Nhưng Thiền tông không nói đến việc thờ, nếu nói đến thờ thì chẳng phải Thiền tông.

Hỏi: Việc vay trả nhân quả không biết đến chừng nào mới hết?

Đáp: Kiến tánh triệt để thì hết. Vì nhân quả là việc trong mờ mắt chiêm bao, kiến tánh thì ra ngoài chiêm bao, bất cứ nghiệp chướng nặng cách mấy, khi được giác ngộ là xong.

Hỏi: Lúc mới tham thiền, vọng tưởng nhiều mà nghi tình mạnh nên con dụng công liên tục; còn bây giờ các vọng tưởng lắng dịu, tâm con được thanh tịnh, sự dụng công không còn như trước, thường hay bị gián đoạn. Con biết những căn bản phiền não vẫn còn nằm sâu trong tàng thức chưa diệt trừ hết, vậy làm cách nào để cho sự dụng công được liên tục?

Đáp: Ấy do chẳng phải vì sanh tử, chỉ vì hứng thú mà tu, khi hết hứng thú thì hết tham. Nên ngài Hư Vân nói “Năm đầu sơ tham, năm thứ nhì lão tham, năm thứ ba hết hứng thú thì không tham”. Ban đầu hứng thú nên công phu mãnh liệt, sau này hứng thú bớt dần, đến năm thứ ba cũng nghĩ tham luôn. Nếu vì giải thoát sanh tử thì khi nào giải quyết được sanh tử mới hết tham, tức kiến tánh triệt để rồi mới xong việc.

Hỏi: Người phát đại nguyện sanh về Tịnh Độ, nếu giết một con mèo để cứu một nạn con chuột, thì người ấy có trái với đại nguyện đã phát không?

Đáp: Trái.

Hỏi: Chánh trí là gì? Có đồng nghĩa Như Lai không?

Đáp: Chánh trí là trí Bát nhã không có qua bộ não. Diệu dụng của Phật tánh không qua bộ não, nhưng nó làm xong công việc của bộ não mà bộ não làm không được, dụng của nó là như như.

Ngũ pháp gồm: Tướng, danh, phân biệt, chánh trí, như như. Nay lược giải như sau:

1/ Tướng: Phạm là vật thể hữu hình mỗi mỗi đều có sự cao thấp, dài ngắn, lớn nhỏ, màu sắc, chất lượng, luôn cả những khái niệm vô hình như ảo tượng do sự tương tượng dựa theo vật thể hữu hình cũng vậy. Cả hai thứ hữu hình và vô hình đều gọi là tướng.

2/ Danh: Y theo tướng hữu hình và vô hình lập ra tên gọi, gọi là danh.

3/ Phân biệt: Đối với danh tướng kể trên, trải qua sự tư duy phân tích để nhận thức sự thật giả, tốt xấu, giá trị, chất lượng, thị phi, tà chánh v v... gọi là phân biệt.

4/ Chánh trí: Trí thức chẳng nhờ tác dụng của bộ não, mà do công năng tự động của trí Bát nhã tự hiện, là vốn sẵn có của Diệu giác (*Bộ não chẳng thể biết được*), có sự tồn tại khách quan. Cái trí huệ chẳng cần tác ý của bộ não mà tự hiện này, là trí huệ chẳng bị không gian và thời gian hạn chế, gọi là chánh trí.

5/ Như như: Do nơi chánh trí tự động phát huy, chẳng kể ngày đêm, cổ kim, luôn luôn như bản lai thực tế từ vô thi đã sẵn có, chẳng có tương đối, siêu việt biện chứng của logic, gọi là như như.

Gọi chung là Ngũ pháp.

Hỏi: Tham thiền sợ nhất nhận thức thân làm Phật sự hoặc nhượng mà y chớp mắt, xoay đầu ngó lại cho là ít nhiều kỳ đặc. Nếu nhận thức thân làm việc chánh là tôi tớ của ngoại đạo cũng chẳng được, vậy có phải không?

Đáp: Nếu tham Tổ sư thiền thì chỉ hỏi và nhìn là giữ niệm không biết, gọi là nghi tình. Còn biết những cái này là chẳng phải Tổ sư thiền.

Hỏi: Thế nào là Nạp Tăng núi bạc vách sắt?

Đáp: Đây là thí dụ, nếu giữ được nghi tình không biết, thì cũng như núi bạc vách sắt, các thứ phiền não và các thứ khác không vô được.

[27] 15/05/99–21/05/99 tại Chùa Hưng Phước, Quận 3.

Hỏi: Tâm viên ý mã ẩn dụ như thế nào?

Đáp: Như con khi ở trên cây nhảy qua nhảy lại, con ngựa hay chạy, không bao giờ dừng nghỉ. Tâm của mình cũng vậy, suốt ngày nổi từ niệm này sang niệm khác, cứ suy nghĩ liên tục không bao giờ ngưng, nên gọi tâm viên ý mã. Trong Phật học gọi nhất niệm vô minh, ban đêm hoạt động gọi là nhắm mắt chiêm bao, ban ngày hoạt động là mở mắt chiêm bao.

Hỏi: Vừa hỏi vừa nhìn song song với nhau, vậy nhìn vào câu hỏi hay nhìn chỗ không biết mới đúng?

Đáp: Câu thoại đầu chỉ là kích thích niệm không biết, chẳng phải nhìn vào câu thoại đầu, nhưng hỏi với nhìn phải cùng một lượt, chẳng có trước sau, hỏi và nhìn cùng một tâm đồng thời hai thứ, hai thứ không gián đoạn đều một lượt. Ví như muốn ba thứ một lượt cũng được: như cái đồng hồ này, kim giờ, kim phút kim giây, ba kim cùng chạy không gián đoạn.

Hỏi: Phật cao nhất xích, ma cao nhất trượng, nghĩa này như thế nào?

Đáp: Thuộc là dùng để trị bệnh, Phật Pháp là trị bệnh chấp ngã, nhưng nhiều người không biết, ví như học ở Phật Học Viện, sơ cấp rồi lên trung cấp, đến cao đẳng, theo chánh pháp phải phá ngã chấp mới đúng, thực tế thì chẳng phải vậy.

Lúc học sơ cấp cái ngã còn nhỏ, học hết trung cấp thì cái ngã lớn hơn, đến cao đẳng thì ngã càng lớn, cho là mình biết nhiều, tức học đến cao chừng nào ngã to chừng nấy, cho là thông suốt giáo lý, thuyết pháp độ sanh, tăng cường ngã chấp, cứ cho ta là thuyết pháp, các người là người nghe pháp, lại cho ta là cao nhất, ta biết còn các người không biết, đó chính là cái ngã, ngã là ma. Vì không ngộ được bản giác trong sạch, hễ hiểu được một thì ngã chấp tăng lên mười. Cho nên nói Phật cao một xích, ma cao một trượng là vậy.

Hỏi: Tánh hung ác, tánh không chơn thật, tánh tham lam ... vậy tánh nào là chơn tánh của các tánh trên? Và có khác với tánh thấy tánh nghe không?

Đáp: Tất cả đều là vọng. Kinh Lăng Nghiêm nói “Chơn với vọng là hai thứ vọng”, phạm có tương đối đều là vọng, hễ có thể dùng lục căn nhận biết là vọng.

Hỏi: Nói có tâm độc ác, tâm tham, tâm thiện v v... các tâm ấy đều là vọng tâm. Còn chơn tâm trước sau đều không khởi, có phải là chơn không?

Đáp: Chơn với vọng là hai thứ vọng, còn thực tế thì chẳng đối đãi, chẳng có chơn với giả, chẳng có chơn với vọng, gọi là tự tánh bất nhị hay thật tướng vô tướng. Chẳng phải chấp vào một bên mà nói vô tướng, tức hữu tướng cũng vô, vô tướng cũng vô. Nói thật tướng là để phá vô tướng và hữu tướng, nếu chấp thật cái hữu tướng là biên kiến, chấp thật vô tướng cũng vậy.

Hỏi: Bát thức chuyển thành tứ trí, chỉ dùng tên gọi chẳng chơn thật, nghĩa là chỉ chuyển cái tên mà cái thể chẳng thể chuyển. Vậy bản lai diện mục của vô thị vô minh và bản lai diện mục của Phật tánh giống nhau không?

Đáp: Chuyển bát thức thành tứ trí, trong kinh Pháp Bảo Đàn có tám câu kệ:

Đại viên cảnh trí tánh thanh tịnh,
Bình đẳng tánh trí tâm chẳng bệnh.
Diệu quán sát trí chẳng tác ý,
Thành sở tác trí đồng viên cảnh
Ngũ, bát, lục, thất quả nhân chuyển
Chỉ dùng tên gọi chẳng thật tánh.
Nếu ngay nơi chuyển chẳng dính mắc,
Ở chỗ nào động cũng đại định.

Lược giải:

1/ Đại viên cảnh trí tánh thanh tịnh: Thức thứ tám chuyển thành trí như gương tròn chiếu soi, phổ chiếu vạn pháp, là trí vốn thanh tịnh của bản tánh.

2/ Bình đẳng tánh trí tâm chẳng bệnh: Thức thứ bảy chấp thức thứ tám là ta. Thức thứ tám là bản thể tất cả pháp thành ô nhiễm, nay chuyển thành Bình đẳng tánh trí, ảnh hưởng thức thứ sáu chẳng khởi phân biệt tướng thì tâm chẳng bệnh.

3/ Diệu quán sát trí chẳng tác ý (*Sự thấy của Diệu quán sát trí chẳng cần tác ý*): Do sự chấp ngã của thức thứ bảy khiến thức thứ sáu sanh khởi vọng tưởng phân biệt, khi chuyển thành Diệu quán sát trí rồi, dù thấy mà chẳng có tác ý phân biệt, nên gọi chẳng tác ý.

4/ Thành sở tác trí đồng viên cảnh: Tiên ngũ thức duyên theo sự lãnh đạo của thức thứ sáu mà khởi vọng tưởng phân biệt, khi chuyển thành Thành sở tác trí rồi, tức đồng như Đại viên cảnh trí, dù dùng nhưng chẳng tác ý phân biệt.

5/ Ngũ, bát, lục, thất quả nhân chuyển: Nghĩa là lục và thất trong nhân chuyển, thức thứ sáu là nhân tiệm tu của Giáo môn, thức thứ bảy là nhân đôn ngộ của Thiền môn. Ngũ và bát là trên quả chuyển, vì vọng chấp của thức thứ bảy chuyển thì ngũ và bát cũng chuyển theo.

6/ Chỉ dùng tên gọi chẳng thật tánh: Tám thức kể trên chuyển thành tứ trí chỉ là tên gọi, chẳng có tánh thật, nghĩa là chỉ chuyển cái tên, chẳng thể chuyển cái thể vậy.

7/ Nếu ngay nơi chuyển chẳng dính mắc: Nghĩa là ngay nơi chuyển mà chẳng chấp trước, chẳng chấp thật.

8/ Ở chỗ nào động cũng đại định: Nghĩa là ở chỗ nào động cách mấy cũng đại định, chẳng có nhập định và xuất định, tức là vĩnh viễn ở trong định.

Đây là chuyển tám thức thành tứ trí.

Hỏi: Lục diệu pháp môn có phải tu bước đầu không?

Đáp: Lục diệu pháp môn của thừa nào? Tiểu thừa cũng có Lục diệu. Nếu là Tổ sư Thiên thì khỏi cần diệu, chỉ cần hỏi và nhìn, tức hỏi câu thoại đầu cảm thấy không biết và không đi tìm hiểu là đủ rồi. Khi nào kiến tánh tự nhiên sẽ diệu, nếu chưa kiến tánh có muốn diệu cũng không được.

Hỏi: Hành giả tham Tổ sư thiên có vượt qua 50 thứ ma ngũ âm không?

Đáp: Tại có chấp ngũ âm là ta, nên mới có ma ngũ âm. Điều kiện thứ nhất trong mười điều tham Tổ sư thiên là phá ngã chấp, tức là không có ta, vì không có ta nên vô sở đắc, vô sở cầu và vô sở sợ. Ta còn không có thì ngũ âm cũng không có, ngũ âm còn không có thì làm sao có ngũ âm ma?

Hỏi: Con người có trí khôn hơn các loài động vật, tu hành sẽ thành Phật. Loài động vật nhỏ bé như con kiến, con muỗi, cua, ốc, côn trùng... với ý thức nhỏ bé có thành Phật không?

Đáp: Thành Phật chẳng phải nhờ trí khôn. Chúng Đạo Ca nói “Ngoại đạo thông minh chẳng trí tuệ”. Súc sanh muốn thành Phật phải đầu thai thành người. Tức là trong lục đạo ngoài con người ra, các đạo khác chẳng thể thành Phật. Chỉ có người tu theo chánh pháp của Phật mới thành Phật.

Ở ngoài đời, người có trí khôn nhìn hành giả tham thiên thấy giống như khờ ngốc, nhưng nếu hành giả tham thiên đến được giai đoạn khờ ngốc đó mới hy vọng thành Phật, vì giữ công phu tốt mới được như thế.

Hỏi: Hư Vân Lão Hòa thượng thuộc dòng phái nào?

Đáp: Hư Vân Lão Hòa thượng thuộc dòng phái Lâm Tế. Ở Trung Quốc có năm phái thiên là: Lâm Tế, Tào Động, Pháp Nhãn, Vân Môn, Qui Ngưỡng. Hai phái Lâm Tế, Tào Động còn tiếp tục đến ngày nay, còn ba phái kia tuyệt truyền. Ngài từng muốn ba phái kia được tiếp tục truyền, nhưng rồi cũng không thành.

Hỏi: Lời của Phật không có nghĩa thật, tại sao Hòa thượng dùng lời của Phật để dẫn chứng? Vậy có phải dùng thuốc giả để trị bệnh giả không?

Đáp: Lời của Phật gọi là bất định pháp, chỉ là công cụ để phá chấp, lời của tôi cũng vậy. Tôi cũng bắt chước lời của Phật Thích Ca dùng công cụ để phá chấp thôi, nếu chấp vào công cụ đó thì Phật chẳng thể giáo hóa. (Sư phụ giảng về Phẩm Phá Hành trong Trung Quán Luận, xem trang 519)

Hỏi: Tam pháp ấn là gì?

Đáp: Là ba pháp ấn của Tiểu thừa, còn Đại thừa chỉ có một pháp ấn là Thật tướng vô tướng, tức chẳng có tướng có, cũng chẳng tướng không. Thật tướng vô tướng là công cụ để phá tương đối.

Hỏi: Làm thế nào công phu được liên tục?

Đáp: Khi tham thiên cảm thấy lười biếng thì ngưng tham, nghĩ lại việc sanh tử của mình: Như nay mình còn sống, không biết giờ nào chết, có khi tối ngủ chết luôn cũng không chừng, chết rồi thì tham thiên đâu được! Nếu sanh tử chưa giải quyết thì phải tiếp tục tu đến khi nào giác ngộ, giải thoát được sanh tử mới thôi.

Cho nên, người phát tâm xuất gia, cũng như phát tâm tham thiền phải có chánh nhân muốn giải thoát sanh tử, có chánh nhân mới có chánh quả. Những người không có chánh nhân, ví như vợ chồng gây gỗ rồi đi tu, hay sự nghiệp thất bại rồi bỏ đi tu thì chẳng phải chánh nhân.

Ví như thấy Thiền thất đông người, mình cũng bắt chước tham thiền, chứ chẳng phải vì giải quyết vấn đề sanh tử. Tùy hứng mà tu nên ngài Hư Vân nói “Năm đầu sơ tham, năm thứ hai lão tham, năm thứ ba thì không tham”. Vì khi hết hứng thú thì không tham.

Hỏi: Trong lúc tu tập thiền định, ngài có gặp những chướng duyên nào?

Đáp: Tu là sửa chướng duyên, chướng duyên là nghiệp giúp cho mình tu, còn thuận duyên có thể hại cho sự tu của mình. Tại sao? Vì thuận duyên khiến mình ham thích thỏa mãn dục vọng, không còn nhớ đến việc tu nữa, còn chướng duyên thì kích thích mài giũa cho mình tu thêm. Cho nên, người tu không sợ chướng duyên mà sợ thuận duyên.

Hỏi: Thiền là gì?

Đáp: Thiền không phải là gì, nếu là gì thì chẳng phải thiền. Thiền là công cụ để dẹp loạn tâm, tức là đình chỉ vọng tâm.

Hỏi: Thế nào là Duy tuệ thị nghiệp?

Đáp: Trí tuệ này chẳng phải trí tuệ của bộ não, mà là Trí tuệ của Phật tánh, gọi là Bát nhã. Trí tuệ của bộ não phải qua suy nghĩ tác ý mới dùng ra được, còn trí tuệ của Bát nhã không qua bộ não suy nghĩ, mà là tự động, luôn khắp không gian thời gian. Nay chúng ta học Phật là để phát huy trí của Phật tánh, lấy cái đó để làm sự nghiệp.

[28] 1995–1999 Khai thị tại Mỹ Quốc.

Hỏi: Có nhiều người lúc trước ở Việt Nam thì sự tu cũng khá cao, qua đến đây do đời sống vật chất khiến họ bị lui sụt, vậy có phải do nghiệp không?

Đáp: Ấy là bị hoàn cảnh lôi kéo. cũng như đứa bé sơ sinh chỉ có tập khí kiếp trước, chưa bị nhiễm tập khí kiếp này, rồi dần dần lớn lên mới nhiễm phải.

Như nội dung nhiều trò chơi điện tử thời nay, tập cho đứa bé có tánh hung dữ, sau này họ trưởng thành, khi có quyền hành trong tay rồi, chẳng biết thế giới sẽ ra sao. Xã hội ngày nay, nhiều hung thủ giết người chỉ có mười mấy tuổi, lái xe thì vô kỷ luật, những người sản xuất đồ chơi chỉ cần thu được phần lợi lộc, không màng đến hậu quả ảnh hưởng đem lại tánh hung dữ cho các cháu.

Còn những nhà đầu tư thì đem chất phé thải, ô nhiễm độc hại, đầu tư tại các nước cần phát triển, chỉ biết đem phần lợi về mình là đủ, ô nhiễm môi trường cũng mặc kệ, chỉ cần không gây ô nhiễm trong nước sở tại của mình là được. Họ lấy danh nghĩa giúp đỡ, đầu tư, viện trợ, thực tế là trút phần ô nhiễm cho người khác.

Hỏi: Quả lốc tự xoay có ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Nó xoay theo nguyên lý tự xoay: Ví như điện tử xoay nguyên tử, mặt trăng xoay theo quả đất, quả đất xoay theo mặt trời, mặt trời xoay theo ngân hà, nay phóng vệ tinh lên trên không cũng xoay theo quỹ đạo... Sức của tâm cũng vậy, chẳng bao giờ ngưng. Nên kinh Pháp Bảo Đàn nói “Tất cả đều lay động, chẳng tịnh”.

Hỏi: Hiện nay có một số người Thiên Chúa Giáo phản đối Phật giáo đồ, cho là không đúng, vậy như thế nào?

Đáp: Chính Phật giáo đối với Phật Pháp cũng chỉ hiểu một cách mơ hồ. Trong cuốn Góp Nhặt Lời Phật Tổ và Thánh Hiền, tôi có đề cập đến sự nhận thức của một người linh mục Mỹ nói về Phật giáo, sự hiểu biết của ông ấy còn hơn Phật giáo đồ.

Vì Phật giáo chỉ là giải phẫu tâm linh, còn nhà khoa học là giải phẫu thể xác; thể xác chỉ là chiếc xe chở sinh mạng, chứ chẳng phải chủ sinh mạng, chủ sinh mạng là tâm linh. Cho nên, nhà khoa học muốn tìm hiểu sinh mạng, mà cứ giải phẫu thể xác thì làm sao tìm được? Muốn tìm phải tìm hiểu chủ sinh mạng.

Ví như khoa châm cứu, thời xưa Đạo giáo đã dùng tâm linh phát hiện kinh lạc nơi cơ thể con người, gồm mười bốn kinh lạc và những huyết vị, nhà khoa học thời nay khi giải phẫu thể xác chỉ thấy thần kinh, không thấy kinh lạc. Dù chẳng thể phát hiện qua ngũ giác quan, nhưng công hiệu của châm cứu liệu pháp thì chẳng thể phủ định, nên trường đại học Mỹ có khoa châm cứu, cũng phải thực hành theo hệ thống kinh, lạc, huyết do tâm linh phát hiện.

Hỏi: Vì sao Thầy trở thành Tu sĩ?

Đáp: Thuở xưa khi bà nội tôi mất, tôi tự nghĩ tại sao lại có sự chết? Đến khi ba tôi mất thì tôi mới nghĩ “sau này tôi cũng phải chết”. Từ đó tôi thường nghĩ rằng sự chết đó có thể giải quyết được không? Sau đó xem kinh Phật, mới biết việc này có thể giải quyết. Tôi bèn phát tâm xuất gia, và bây giờ tôi phát hiện được sanh tử vốn là không! Như tôi đã nói ở trên: Chủ sinh mạng là tâm linh, tâm linh không có sanh tử.

Hỏi: Lúc Thầy xuất gia còn thân phụ thân mẫu không?

Đáp: Tôi còn một người mẹ nhưng không phải mẹ ruột, bà nuôi tôi từ lúc tôi bốn tuổi, mới chết cách đây mấy tháng, còn người mẹ ruột thì mất lúc tôi chưa đầy một tuổi.

Hỏi: Thế thì Thầy cảm thấy an lạc không? Cảm thấy có gì là quan trọng không?

Đáp: Chẳng có an lạc hay không an lạc, vì vốn là trống rỗng chẳng có gì cả, thành ra tôi đi đến đâu cũng như vậy thôi. Nếu có cái gì quan trọng thì chẳng phải Tổ sư thiên; luôn cả Tổ sư thiên cũng không phải Tổ sư thiên. Hễ có mục đích là có sở trụ, là chướng ngại. (*Sự phụ dùng cánh tay dụ cho tâm linh vô sở trụ, lược qua*).

Hỏi: Sư phụ tự nói là chỉ được giải ngộ, chưa chứng ngộ thì làm sao giải đáp được?

Đáp: Đã giải ngộ thì tất cả đều giải được.

Hỏi: Con thừa nhận Sư phụ nói về tánh thấy tánh nghe là đúng, sự thấy nghe của mình có lúc không hoàn toàn, nhưng đó chỉ đúng theo logic thôi?

Đáp: Logic chỉ có thể dùng trong không gian ba chiều, có vật thể, thông qua tai mắt. Còn tâm linh là siêu logic, logic chẳng thể biện chứng được; vì logic chỉ có thể chứng tỏ không gian, chẳng thể chứng tỏ thời gian.

Hỏi: Xin Sư phụ kể qua vài nét của ngài Nguyệt Khê?

Đáp: Ngài Nguyệt Khê tốt nghiệp tại trường đại học ở Thượng Hải, rất giỏi về ngoại ngữ Anh, Pháp và thông thạo triết học Đông, Tây phương. Người biên tập cuốn Nguyệt Khê Ngữ Lục và các tác phẩm của ngài, đem gom lại thành quyển Cội nguồn Truyền Thừa và Phương Pháp Tu Trì của Thiên Tông. Tôi rất tiếc vì những đệ tử của Ngài sau này trong việc xuất bản, lấy ý mình xen vào, nhiều người đọc không biết, nhưng khi tôi đọc thì biết sự khác nhau. Vì lời nói của người chưa kiến tánh với người đã kiến tánh khác nhau, mà người thường không thể phân biệt được.

Cũng như kinh Pháp Hoa, do người trú tác chấp thật có Bồ tát Quán Thế Âm tại núi Phổ Đà, nên trong phẩm Phổ Môn, người ta in thêm mười hai đại nguyện của Bồ tát Quán Thế Âm, rồi chấp thật có một vị Bồ tát Quán Thế Âm ngồi trên chiếc thuyền tuần tra nơi biển, hễ gặp ai cầu cứu thì hiện thân đến cứu giúp, mà chẳng biết là do sự tánh Quán Âm tự cứu, chỉ vì mọi người tin không nổi thôi.

Hỏi: Người thời nay có phương tiện đầy đủ, đáng lẽ dễ kiến tánh hơn, tại sao lại khó hơn đời xưa?

Đáp: Do người thời nay trí thức logic quá mạnh, cái gì cũng phải hợp logic, nhưng tâm linh thì chẳng thể hợp với logic, vì logic là nghịch với tâm linh, chướng ngại tâm linh hiển hiện. Tức là: Hiển thịnh thì ẩn suy; thời nay do hiển quá thịnh nên ẩn phải suy.

Hỏi: Ở nước Mỹ, người ta cảm thấy đi đến Đạo Phật chẳng thể giải thoát?

Đáp: Đạo Phật thời nay rất phức tạp, nhiều người dùng chủ quan của mình để giải thích Phật Pháp, ấy đều nghịch với giáo pháp của Phật Thích Ca. Bởi vì Phật Thích Ca chẳng kiến lập chơn lý, vừa nói ra liền phủ nhận, nay các nhà Phật học lại cho lời nói của Đức Phật là chơn lý, nói thế giống như ngoại đạo rồi.

Hỏi: Trên đường tu hành, chúng con khi thì hăng hái, khi thì giải đãi, làm thế nào để khắc phục cái vọng tri của mình?

Đáp: Lỗi tại có tri giác. Kinh Lăng Nghiêm nói “Tri giác nãi chúng sanh”. Nay hãy nhìn qua thế giới vạn hữu, con người cho con cạp, beo, sư tử là ác thú, nhưng họ không bao giờ giết hại đồng loại, và chỉ giết hại loài vật khác khi lúc đói, khi ăn no rồi thì không. Còn con người, ngày thường thì giết hại loài khác như gà, vịt, cá, heo ... ngoài ra còn giết hại đồng loại, như trong lúc chiến tranh. Ấy đều là hành động theo sự hiểu biết của mình, rồi lập ra chủ trương của mình, tức dùng bộ não làm chủ.

Bộ não phải nhờ ngũ giác quan: Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân; con mắt thì muốn nhìn đẹp, chê xấu; lỗ tai thì thích tiếng khen, ghét tiếng chê; lỗ mũi thì muốn ngửi cái thơm, không chịu cái thúi; lưỡi thì muốn ăn cái ngon, chê cái dở, tất cả đều theo bộ não mà thỏa mãn dục vọng của mình, đến khi không thể thỏa mãn thì giết hại.

Đức Phật là muốn cho Phật tánh làm chủ, chấm dứt chủ quyền của bộ não. Tu hành đạt đến mục đích cuối cùng, là để Phật tánh làm chủ. Đối với những người chẳng phải vì mục đích này, hoặc chỉ do hứng thú thì lúc có hứng thì siêng năng, hết hứng thì giải đãi, có khi do bị ngoại cảnh lôi kéo khiến giải đãi v v... nên phải tập dần dần.

Hỏi: Trong quyển Trung Phong Pháp Ngữ đề ra bốn điều dễ và bốn điều khó, nói bốn điều dễ là để cho nhập đạo, bốn điều khó để cho tiến lên con đường đạo, là như thế nào?

Đáp: Bốn điều dễ là để tạo lòng tin, có lòng tin mới có thể nhập đạo. Vì Tin là mẹ của công đức. Nhưng hễ chấp vào chỗ đó thì bốn điều dễ sẽ đưa mình xuống địa ngục! Phải giải quyết bốn điều khó rồi thì bốn điều dễ này là dễ, nếu không thì bốn điều dễ này là dễ xuống địa ngục vậy.

Hỏi: Tại sao đã có Thiên tông rồi lại còn có Mật tông?

Đáp: Mật tông lúc ban đầu kỳ thật là của ngoại đạo, sau khi Phật nhập Niết bàn mấy trăm năm, do ngài Long Thọ, Tổ thứ 14 của Thiên tông chỉnh sửa lại, khiến những ngoại đạo đương thời trở về chánh pháp, nên Ngài làm Tổ cho sáu môn phái.

Hỏi: Thế nào là bình thường tâm?

Đáp: Bình thường tâm tức tâm như hư không chẳng dính mắc, là nói người đã kiến tánh, dù cho bom nguyên tử làm nổ tung trái đất này, tất cả đều tiêu tan, nó vẫn bình thường. Chứ không phải trong cuộc sống hằng ngày trải qua một cách bình thường gọi là bình thường tâm. Tâm của con người chưa kiến tánh thì chẳng thể bình thường được, ấy là điên đảo.

Hỏi: Có người hỏi Thiền sư Nam Tuyền “Dưới pháp hội của Ngũ Tổ có năm trăm vị, người nào cũng thông thái và giỏi pháp lý. Vậy tại sao Ngài chẳng truyền y bát cho người khác, mà lại truyền cho Lục Tổ Huệ Năng?” Ngài Nam Tuyền đáp: “Sở dĩ truyền cho Huệ Năng, vì Ngài không biết Phật Pháp, nhưng biết đạo”. Nghĩa này là thế nào?

Đáp: Đức Phật trong kinh Kim Cang nói “Chẳng có pháp gọi là Phật Pháp”, “Pháp, phi pháp, phi phi pháp”, “Ai nói ta có thuyết pháp là phi báng Phật”, “Vô pháp khả thuyết, gọi là thuyết pháp”... Không có pháp thì làm sao biết Phật Pháp? Vì ngộ được vốn là chẳng có pháp, nhưng chẳng phải phủ định tất cả pháp, pháp nào cũng y như cũ; cái tách vẫn là tách, quả cam vẫn là cam, chứ không có ý của cá nhân xen vào.

Hỏi: Vậy thế nào là đạo?

Đáp: Cũng vậy thôi. Thiền tông là hiểu thiền, hiểu đạo cũng không cho. Đạo là đường đi, muốn ngộ đến cuối cùng thì phải đi đúng đường lối; ví như tham Tổ sư thiền, đường lối thực hành tức là đạo. Đạo khả đạo, phi thường đạo. Đạo mà có thể nói được thì chẳng phải là đạo, vì không có nhất định. Tất cả nói được đều chỉ là phương tiện, là cơ xảo. Tám mươi bốn ngàn pháp môn là tám mươi bốn ngàn con đường; đạo của Tịnh độ khác, đạo của Thiền tông khác... Dù đường đi mỗi mỗi khác nhau, chỗ đến thì chẳng khác.

Hỏi: Ngoài công án ra, có cách nào cho người thời nay tu hành được thích hợp không?

Đáp: Công án không bị thời gian, không gian hạn chế, khác hơn khoa học. Khoa học dần dần tiến bộ, còn công án là để phát hiện Phật tánh, Phật tánh thì không thể tiến bộ, vì hễ có tiến bộ là pháp sanh diệt. Ví như công án “uống trà” của Tổ Triệu Châu:

Có người đến gặp Triệu Châu, Ngài hỏi: Trước kia đã có đến đây chưa?

- Dạ chưa.

- Uống trà đi!

Người khác đến, Ngài lại hỏi: Trước kia đã đến lần nào chưa?

- Dạ, có.

- Uống trà đi!

Viện chủ hỏi: Sao người nào Ngài cũng bảo đi uống trà?

Ngài nói: Viện chủ!

- Dạ.

- Uống trà đi.

Bất kể thời xưa, thời nay, thuyết pháp phải tùy cơ, trên phù hợp ý Phật, dưới khế hợp đương cơ; phù hợp ý Phật chẳng có tiến bộ, khế hợp đương cơ cũng chẳng có tiến bộ.

Hỏi: Đường lối tham thiền chỉ có một, nhưng trong lúc công phu, vì căn cơ khác nhau, mỗi người đi một lối rẽ, vậy là thế nào?

Đáp: Thoại đầu dù có muôn ngàn, nhưng đều chỉ là một cái không biết; tất cả đều là tác dụng kích thích cái không biết, và khán thoại đầu chỉ là nhìn vào chỗ không biết mà thôi.

Hỏi: Người tu Tổ sư thiền có thọ Bồ tát giới không?

Đáp: Có. Đại thừa và Tối thượng thừa đều có thọ giới Bồ tát. Vì Đại thừa là Bồ tát thừa, Tu sĩ Đại thừa phải thọ giới Bồ tát, nếu không thì chưa phải Đại thừa. Cư sĩ thì thọ hay không thọ cũng được. Còn Tiểu thừa (*Thanh văn thừa*) thì không thọ giới Bồ tát, chỉ thọ giới Tỳ-kheo mà thôi.

Hỏi: Người kiến tánh rồi còn sanh tử không?

Đáp: Thiền sư Pháp Diễn là thầy của ngài Đại Huệ và Viên Ngộ. Lúc đó ba huynh đệ Viên Ngộ đều tưởng mình đã ngộ, nhưng thầy lắc đầu không ân chứng. Ba huynh đệ rất tức giận, xin ra đi. Thiền sư Pháp Diễn nói “Sau này bệnh nặng mới biết ý của thầy”. Vì hễ ngộ thì giải thoát được sanh tử, chưa ngộ triệt để, đến khi bệnh nặng, dùng sự ngộ đối trị không nổi, lúc đó mới nhớ lại lời của thầy rồi quay trở về. Ngài Viên Ngộ quay về được một tháng thì kiến tánh triệt để.

Hỏi: Tại sao Đại Thông Trí Thắng Phật mười kiếp ngồi đạo tràng mà chẳng thành Phật đạo?

Đáp: Đại Thông Trí Thắng Phật là Bích Chi Phật, tu theo Trung thừa, vì chấp ngồi nên chẳng thể thành Phật, chỉ chứng quả Duyên giác.

Hỏi: Hành giả tham Tổ sư thiền có phải gấp rút đề câu thoại để thúc đẩy nghi tình không?

Đáp: Không có lấy ý mình để thúc đẩy gì cả, chỉ cần đừng nổi lên một niệm nào thì đã đủ rồi. Bất cứ nổi lên niệm gì đều là tâm trộm cắp, ngài Ấn Am gọi đó là “Dụng tâm sai lầm”. Tổ nói:

- Người tham thiền rất kỵ dụng tâm sai lầm: Minh tâm kiến tánh là dụng tâm sai lầm, thành Phật thành Tổ là dụng tâm sai lầm; xem kinh giảng giáo là dụng tâm sai lầm, đi đứng nằm ngồi là dụng tâm sai lầm, ăn cơm ăn cháo là dụng tâm sai lầm, đại tiện tiểu tiện là dụng tâm sai lầm, nhất động nhất tịnh, nhất vãng nhất lai là dụng tâm sai lầm. Lại còn có một chỗ là dụng tâm sai lầm mà tôi không dám nói trắng ra. Tại sao? “Nhất tự nhập công môn, cửu ngư xe bất xuất”, ý nói bất cứ nổi lên niệm gì, đều là dụng tâm sai lầm. Đến chỗ nhất tâm không nổi lên, vẫn còn là vô thi vô minh! Nhưng công phu đến chỗ thoại đầu là sắp kiến tánh, mà nếu ngồi tại chỗ vô tâm đó thì còn xa lắm.

Hỏi: Thế nào là Phật giáo, Phật Pháp, Phật học?

Đáp: Phật giáo là giáo lý của Phật, Phật Pháp là pháp thực hành giáo lý của Phật, để đưa mình đạt đến giải thoát tất cả khổ. Phật Pháp mặc dù giúp cho sự giải thoát, nhưng phải học, nên gọi Phật học.

Hỏi: Thế trí biện thông có phải là một trong Bát nhã?

Đáp: Thế trí biện thông là chướng ngại cho sự kiến tánh, vì người thế trí biện thông chấp vào thế trí của chính mình, cho là cao nhất mà không buông bỏ được, nên thành chướng ngại.

Hỏi: Thế nào là vạn pháp quy tâm?

Đáp: Ấy là người có tư tưởng chấp thật mới nói như vậy. Bản lai diện mục của bản tâm không có tương đối, Vạn pháp là tâm, tâm là vạn pháp, vạn pháp với tâm không

phải có hai. Nếu tâm là tâm, vạn pháp là vạn pháp, tức có hai, là tương đối. Cho nên, Phật nói tất cả đều do tâm tạo. Vì tâm khắp không gian, khắp thời gian thì vạn pháp đều ở trong tâm, không có cái nào ở ngoài tâm, nên nói “Ngoài tâm chẳng có pháp”. Vậy tại sao còn nói ‘vạn pháp quy tâm’? Những người nói ‘vạn pháp quy tâm’ là tư tưởng chấp thật, còn nằm trong tương đối.

Hỏi: Tại sao Phật nói nhiều kinh?

Đáp: Vì muốn phá cái biết của bộ não, chứ Tổ cũng vậy. Cái biết của bản tâm luôn luôn ứng dụng, nhưng không phải cái biết và không biết của bộ óc (*ý thức*). Vì cái biết và không biết của ý thức làm chướng ngại cái biết của bản tâm. Cho nên, sát na lia ý thức là bản tâm hiện ra.

Người tham học mới vào cửa, Lâm Tế liền hét, người tham học mới vào cửa, Đức Sơn liền đánh., những hành động của Tổ là muốn chặn ngang nguồn suối ý thức. Nếu lúc đó lia được ý thức thì ngay đó kiến tánh. Còn lia ý thức chưa được thì phải phát nghi (*không hiểu*), như Lâm Tế bị Hoàng Bá đánh ba lần phát đại nghi, rồi sau này ngộ triệt để. Tất cả công án, thoại đầu của chư Phật chư Tổ đều vậy. Ngộ là hiện lên bản tâm của mình, chứ không phải ngộ đáp án của câu thoại hay công án.

Hỏi: Chánh biến tri và vô sư trí là như thế nào?

Đáp: Chánh biến tri là trí Bát Nhã, vô sư trí là trí không do ai dạy, Phật Thích Ca nói là Pháp Bản Trụ, nó tự như vậy, không phải do thầy truyền cho.

Hỏi: Ngũ thời, bát giáo là gì?

Đáp: Ngũ giáo ở Trung Quốc có 5 hệ phái: Tổ Sư thiền, Giáo môn, Tịnh Độ, Mật tông, Luật tông.

Phật thuyết pháp chia ra làm ba giáo thời:

- Giáo thời thứ nhất: Khi Phật mới thành đạo, vì muốn phá chấp của Phạm phu và ngoại đạo, nên nói các pháp tứ đại ngũ uẩn để sáng tỏ không thật, gồm những bộ kinh Tứ A Hàm: Tăng Nhất A Hàm, Trường A Hàm, Trung A Hàm và Tạp A Hàm (*Tiểu thừa*).

- Giáo thời thứ hai: Phật vì phá chấp pháp của Tiểu thừa, nên thuyết tất cả pháp đều không thật, là những bộ kinh Bát Nhã.

- Giáo thời thứ ba: Phật vì phá sự chấp có của Tiểu thừa, và phá chấp không của Đại thừa, nên thuyết pháp chẳng có chẳng không, để sáng tỏ nghĩa bất nhị của trung đạo, như những bộ kinh Thâm Mật, Pháp Hoa,...

Đây là theo thời gian mà chia ra làm ba thời.

Còn 3 loại khác biệt:

- Giải thích các pháp có là đệ nhất thời.

- Giải thích các pháp không là đệ nhị thời.

- Giải thích giáo pháp trung đạo bất nhị là đệ tam thời.

Ba thời này không phải y theo thời gian, chẳng kể thời gian trước hay sau, mà chỉ phân theo nghĩa loại, gọi là 3 thời giáo. Không có bát giáo, bát khổ thì có, từ tam khổ cho đến vô lượng khổ.

Hỏi: Phiền não có hai:

- **Nhuận nghiệp vô minh, nhuận là thấm nhuận, là phiền não quá khứ.**

- *Nhuận sanh vô minh là đi đầu thai nơi tình thức, sanh khởi yêu ghét đối với cha mẹ.*

Hai phiền não này vốn không có tự tánh, nếu ngộ được tự tánh thì chẳng có việc gì, tức là ngay đó không tịch thì ai còn có phiền não?

Đáp: Không phải chỉ có hai pháp này không có tự tánh, mà tất cả pháp đều không có tự tánh; chúng sanh và Phật cũng không có tự tánh. Tức là chẳng pháp nào mà có tự tánh! Vì tự tánh vô sở hữu, tất cả pháp đều là tâm, tâm đã vô sở hữu thì các pháp đều vô sở hữu.

- Thiền Sư Bồn Tịnh họ Trương, quê Hán Châu, xuất gia lúc còn nhỏ, được Lục Tổ ấn chứng nơi Tào Khê, rồi ẩn ở núi Tư Phong. Sau này, được nhà vua mời vào hoàng cung đàm luận với các vị cao Tăng.

Thiền Sư Viễn hỏi: Ý của Thiền sư cho thế nào là đạo?

Sư nói: Vô tâm là đạo.

Viễn nói: Đạo vì tâm mới có, đâu thể nói vô tâm là đạo?

Sư nói: Đạo vốn vô sanh, bởi tâm mới gọi là đạo. Tâm chỉ là tên gọi, nếu tâm thật có thì đạo cũng thật có. Tâm đã không tìm ra thì đạo do đâu mà lập? Cả hai đều hư vọng, thấy là giả danh.

Viễn nói: Thiền sư thấy có thân tâm là đạo hay không?

Sư nói: Thân tâm của sơn Tăng vốn là đạo.

Viễn nói: Vừa mới nói vô tâm là đạo, nay lại nói thân tâm vốn là đạo, há chẳng phải ngược nhau ư!

Sư nói: Vô tâm là đạo, tâm diệt, đạo vô; tâm và đạo nhất như. Nếu nói vô tâm là đạo, thân tâm vốn là đạo, đạo cũng vốn là thân tâm; thân tâm vốn là không thì tìm cội nguồn của đạo cũng chẳng có.

Viễn nói: Thấy hình tướng bề ngoài của Thiền sư rất nhỏ bé mà lại hiểu lý này.

Sư nói: Đại đức chỉ thấy tướng của sơn Tăng, chẳng thấy vô tướng của sơn Tăng, kẻ thấy tướng là Đại đức cảm thấy. Kinh nói “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”, nếu thấy tướng phi tướng tức là thấy đạo. Nếu cho tướng là thật, cũng chẳng thể thấy đạo.

Viễn nói: Nay Thiền sư ở nơi tướng mà thuyết vô tướng ư!

Sư nói: Kinh Duy Ma Cật nói “Tứ đại vô chủ, thân cũng vô ngã thì sở thấy cùng đạo tương ưng. Đại đức! Nếu cho tứ đại có chủ là ngã, nếu có ngã kiến thì suốt kiếp chẳng ngộ đạo vậy.

Viễn nghe xong tâm chẳng còn thắc mắc. Sư có kệ rằng:

Tứ đại vô chủ, lại như thủy,
Gặp cong gặp thẳng chẳng bỉ thử.
Hai chỗ tịnh uế chẳng sanh tâm,
Thông nhân đâu từng có ý khác.
Gặp cảnh chỉ như thủy vô tâm,
Tung hoành trên đời có việc gì?

Thiền sư Trí Minh hỏi: Nếu vô tâm là đạo thì ngói đá vô tâm cũng là đạo, lại nói thân tâm vốn là đạo, thế thì tứ sanh thập loại có thân tâm cũng là đạo?

Sư nói: Nếu hiểu theo kiến, văn, giác tri thì càng xa với đạo, là kẻ cầu kiến, văn, giác tri, chứ chẳng phải kẻ cầu đạo. Kinh nói “Vô nhân, nhĩ, tử, thiệt, thân, ý”, lục căn còn không thì kiến, văn, giác tri do đâu mà kiến lập? Tìm nguồn đã chẳng có thì chỗ nào còn tâm? Đâu thể đồng với cây cỏ ngói đá!

Trí Minh bịt miệng.

Sư có kệ rằng:

Kiến, văn, giác tri vô chướng ngại,
Thanh, hương, vị, xúc thường tam muội.
Như ở nơi ‘không’ đều sanh ra,
Chẳng lấy chẳng xả chẳng yêu ghét.
Nếu nơi tiếp xúc vốn vô tâm,
Mới được gọi là Quán Tự Tại.

Thiền sư Chân hỏi: Đạo đã vô tâm, vậy Phật có tâm chẳng? Phật với đạo là một hay là hai?

Sư đáp: Chẳng một cũng chẳng hai.

Hỏi: Phật độ chúng sanh là có tâm, đạo chẳng độ người là vô tâm; một độ một chẳng độ thì đâu thể chẳng hai?

Sư đáp: Nếu nói Phật độ chúng sanh, đạo thì chẳng độ, ấy là Đại Đức vọng sanh nhị kiến, còn sơn Tăng không phải vậy! Phật là hư danh, đạo cũng vọng lập, cả hai đều chẳng thật, thấy đều là vọng sanh. Trong một cái giả làm sao phân ra làm hai?

Hỏi: Phật với đạo tuy là giả danh, thì giả danh này ai lập? Nếu có kẻ lập thì đâu thể nói không?

Sư đáp: Phật với đạo bởi tâm mà lập, tuy lập nhưng tâm vẫn là không, tâm đã là không, liền ngộ cả hai đều chẳng thật, biết như mộng huyền thì ngộ vốn không, cưỡng lập hai tên thật với giả, ấy là kiến giải của Nhị thừa.

Do đó, Sư thuyết kệ vô tu vô tác rằng:

Thấy đạo mới tu đạo,
Chẳng thấy làm sao tu?
Tánh đạo như hư không,
Hư không lấy gì tu?
Quán khắp người tu đạo,
Vạch lừa tìm bọt nước.
Thấy xem hát múa rồi,
Dây đứt hết cả thôi.

Thiền sư Pháp Không hỏi: Phật với đạo đều là giả danh, vậy mười hai phần giáo cũng không phải thật. Tại sao các tôn túc xưa kia đều nói tu đạo?

Sư đáp: Đại Đức hiểu lầm ý người xưa rồi, đạo vốn vô tu, mà Đại Đức cưỡng tu! Đạo vốn vô tác, mà Đại Đức cưỡng tác! Đạo vốn vô sự, mà lại cưỡng sanh nhiều sự, đạo vốn vô tri, mà cưỡng sanh nhiều tri. Kiến giải như thế, trái ngược với đạo. Các tôn túc xưa chẳng phải như thế, chỉ vì Đại đức không hiểu thôi, suy nghĩ kỹ xem!

Sư có kệ rằng:

Đạo thể vốn vô tu,
Vô tu tự hợp đạo.
Nếu khởi tâm tu đạo,

Người ấy chẳng hiểu đạo.
Bỏ mất tánh nhất chân,
Lại vào chỗ náo nhiệt.
Bỗng gặp người tu đạo,
Tốt nhất chớ hướng đạo.

Thiền sư Am hỏi: Đạo đã giả danh, Phật cũng vọng lập, mười hai phần giáo dùng để thuyết Pháp độ sanh, tất cả đều vọng thì lấy gì độ sanh?

Sư đáp: Vì có vọng nên mới lập chân để đối trị cái vọng, nay truy tìm tánh vọng vốn không thì chân cũng đâu có? Nên biết chân vọng đều là giả danh, hai việc đối trị với nhau nên chẳng thật thể. Suy tìm cội gốc thì tất cả đều không.

Hỏi: Đã nói tất cả đều vọng, vọng cũng đồng chân, chân vọng chẳng khác, vậy là vật gì?

Sư đáp: Nếu nói vật gì thì vật gì cũng vọng, khi nói không tương tự chẳng so sánh, đường ngôn ngữ dứt, như chim bay trên hư không, chẳng có dấu vết.

Thiền sư Am cảm thấy hổ thẹn kính phục. Sư có kệ rằng:

Suy chân chân vô tướng,
Tìm vọng vọng giả danh.
Ngộ đạo cũng như thế,
Rốt cuộc chỉ là vậy.

Thiền sư Đại Tánh hỏi: Lời Thiền sư rất vi diệu, chân vọng đều diệt, Phật đạo đồng quy, tu hành tánh không, nên tướng chẳng thật. Thế giới như huyễn, tất cả giả danh, lúc hiểu theo như thế, chẳng phải đoạn dứt hai gốc thiện ác của chúng sanh ư?

Sư đáp: Hai gốc thiện ác bởi tâm mới có, tìm tâm có thì gốc mới có, suy tâm đã không thì gốc do đâu mà lập? Kinh nói “Pháp thiện và pháp bất thiện từ nơi tâm hóa sanh, thiện ác nghiệp duyên vốn chẳng có thật”.

Sư có kệ rằng:

Thiện cũng từ tâm sanh,
Ác cũng chẳng lìa tâm.
Thiện ác là ngoại duyên,
Nơi tâm thật chẳng có.
Bỏ ác về chỗ nào?
Lấy kiến để ai giữ?
Than ôi! Người giữ kiến,
Phan duyên chạy hai đầu.
Nếu ngộ tâm vốn không,
Mới biết trước lỗi lầm.

Có Đại thân hỏi: Thân này từ đâu đến, trăm năm sau đi về đâu?

Sư đáp: Như người lúc mơ từ đâu đến, lúc thức tỉnh đi về đâu?

Hỏi: Lúc mơ chẳng thể nói không, lúc thức tỉnh chẳng thể nói có. Dù có nhưng vô vãng lai, mà chẳng xứ sở.

Sư đáp: Thân của sơn Tạng này cũng giống như mộng.

Khai thị kệ rằng:

Đòi người như trong mộng,
Trong mộng thật náo nhiệt.
Bồng giác vạn sự như,
Đồng như người mới thức,
Người trí ngộ việc mộng.
Kẻ mê tin mộng thật,
Tỉnh mộng như là hai.
Khế ngộ thì chẳng khác,
Phú quý với bản tiện,
Chẳng có đường phân biệt.

Năm thứ 2 niên hiệu Thượng Nguyên nhà Đường. Sư viên tịch, vua ban hiệu Đại Hiền Thiên Sư.

Hỏi: Nếu người ta chỉ dạy người khác tin cõi Phật Di Đà và khuyến khích niệm danh hiệu Phật A Di Đà, không còn pháp nào khác nữa. Vậy thì như thế nào?

Đáp: Phật có quy định cho người thuyết pháp là đại khai viên giải, tức giải ngộ tất cả các pháp đều không có khác, nếu không thì lọt vào một bên, gọi là biên kiến ở trong 5 năm thứ ác kiến. Nhiều người lọt vào biên kiến mà tự mình không biết. Nên Ngài Bá Trượng nói “Nếu Pháp sư thuyết pháp chỉ giảng được một câu hay hai câu, là nằm trong tương đối, thì Pháp sư đó bị tội địa ngục, nếu giảng thấu ba câu, mà người nghe hiểu lầm là lỗi của người nghe, không dính dáng với Pháp sư”.

Đức Phật trong kinh Pháp Hoa quy định tư cách pháp sư giảng kinh: Nếu Pháp sư không biết mà giảng bậy bạ, gọi là cuồng vọng thuyết pháp, bị tội địa ngục. Như Pháp sư thuyết pháp không người nào tin thì pháp sư đó không có tội, vì không hại đến ai. Ngược lại, người tin nhiều chừng nào thì pháp sư bị tội lớn chừng ấy.

Hỏi: Có chỗ nói bát giáo là: Tạng Giáo, Thông Giáo, biệt Giáo, Viên Giáo, Bí mật Giáo, Tiệm Giáo, Đôn Giáo, Bất Định Giáo. Vậy những thứ này như thế nào?

Đáp: Những thứ này là do tông đó chia ra như vậy, chứ Phật giáo không chia. Như trong kinh Lăng Già có chia theo căn tánh của chúng sanh, gồm có: Thanh Văn chủng tánh, Duyên Giác chủng tánh, Bồ Tát chủng tánh, Bất định chủng tánh, Ngoại đạo chủng tánh. Vừa rồi nói giáo pháp tam thời do có nghĩa khác biệt mới chia làm tam thời theo thời gian, đó là người đời sau chia ra tổng quát, để các tông phái nào cũng đều thích hợp.

“Đôn, tiệm, biệt (*thiên*), viên”, những thứ này có thể còn có nghĩa, kỳ thật không có nghĩa để kiến lập. Kinh liễu nghĩa đều bao gồm “Đôn, tiệm, biệt, viên”, như năm quyển trước của kinh Lăng Nghiêm tiếp người thượng căn, gần như pháp đôn; còn năm quyển sau tiếp người trung, hạ căn. Mà bao gồm hết gọi là viên, nghiêng về mê gọi là biệt, tiệm tu và đôn ngộ gọi là đôn tiệm. Bất cứ quyển kinh liễu nghĩa nào cũng bao gồm đầy đủ. Tạng pali của Tiểu thừa không có Đại thừa, mà lại không nhìn nhận có Đại thừa.

Kinh Hoa Nghiêm bao gồm lục tướng (*đồng, dị, tổng, biệt, thành, hoại*). Ở trong lục tướng chia ra làm 2: Sai biệt và bình đẳng. Tướng thành, tướng đồng và tổng tướng thuộc về bình đẳng; còn tướng biệt, tướng dị và tướng hoại thuộc về sai biệt.

Hỏi: “Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, Tối Thượng thừa”, lối chia này của người Tối Thượng thừa. Như vậy người Tiểu thừa có công nhận lối chia này không?

Đáp: Lối chia này không phải do Phật Thích Ca chia, mà là do người đời sau. Phật Thích Ca ban đầu thuyết liễu nghĩa, nhưng người nghe không chấp nhận được, nên phải thuyết bất liễu nghĩa, rồi mới thuyết liễu nghĩa.

Tam thừa giáo là đối tượng khác nhau, ban đầu phá chấp của phàm phu và ngoại đạo, thời thứ nhì phá chấp của Tiểu thừa, giáo thời thứ ba phá chấp Đại thừa.

Phật thuyết pháp là để khế hợp với căn cơ, chứ không phải có chia. Những việc này là những giai đoạn, Đại thừa không phải thật, vì Phật cũng phủ định.

Nên Phật nói “Ta 49 năm thuyết pháp, chưa từng nói một chữ”.

Tất cả lời của Phật nói ra liền phủ định, những người dịch kinh chấp có pháp thật, là vì không hiểu căn bản Phật Pháp, cũng có ý của mình xen vào.

Như tông Thiên Thai, đến Tổ thứ ba là Trí Giả đại sư mới hoàn thành đầy đủ giáo lý của tông Thiên Thai. Trí Giả đại sư ở trên núi Thiên Thai, nên người ta gọi là tông Thiên Thai. Tông Hoa Nghiêm cũng vậy, đến đời Hiền Thủ đại sư mới hoàn thành giáo lý của tông Hoa Nghiêm, vì Tổ thứ ba tông Hoa Nghiêm là Hiền Thủ, nên người ta gọi là tông Hiền Thủ.

Tông Thiên Thai căn cứ kinh Pháp Hoa để tu, cũng gọi là Pháp Hoa Tông. Tông Hiền Thủ căn cứ kinh Hoa Nghiêm, cũng gọi là Hoa Nghiêm tông, đều là kinh liễu nghĩa. Nói về giáo lý đầy đủ phong phú thì kinh Hoa Nghiêm hơn kinh Pháp Hoa.

Hỏi: Tổ Sư thiên có câu thoại đầu làm phương tiện, tông Hiền Thủ có kinh Hoa Nghiêm để tu, vậy nên bỏ và lấy cái nào? Cái nào hơn?

Đáp: Chẳng có bỏ và lấy cái nào cả, cũng chẳng có cái nào hơn cái nào. Pháp thiên của tông Hoa Nghiêm gọi là Pháp Giới Quán Thiên, chia làm 4 loại: - Lý pháp giới – Sự pháp giới – Lý sự vô ngại pháp giới – Sự sự vô ngại pháp giới.

Sau 49 năm thuyết pháp, trong hội Linh Sơn, Đức Phật đưa lên cành hoa, ngài Ma ha Ca diếp mỉm cười, lúc đó Thiên tông ra đời, còn gọi là pháp thiên trực tiếp, cũng gọi pháp Tổ Sư thiên.

Tổ Bồ Đề Đạt Ma đem Tổ Sư thiên qua Trung Quốc truyền cho Huệ Khả, ... sau Lục Tổ Huệ Năng mới có năm phái thiên, đều là Tổ Sư thiên, nhưng mỗi gia phong có khác, mà ngộ đạo thì không khác. Như Lâm Tế dạy người tham học, vô cửa liền hét, Đức Sơn vô cửa liền đánh, với mục đích niêm hoa thị chúng của Phật và gia phong của chư Tổ đều không khác.

Hỏi: Trung thừa dùng kinh nào để tu?

Đáp: Trung thừa dùng Thập Nhị Nhân Duyên, nên gọi là Duyên Giác, vì do nhân duyên mà được ngộ đạo. Lúc họ ngộ đạo mà không có Phật thì gọi là Độc Giác, họ không cần kinh điển, quán vũ trụ vạn hữu có thành, trụ, hoại, không hay sanh, trụ, di, diệt.

Hỏi: Thập Nhị Nhân Duyên ở trong kinh nào?

Đáp: Thập Nhị Nhân Duyên không ghi ở trong kinh nào, nhưng tất cả kinh nào cũng có, vì đó là nhân duyên. Phật Pháp là do nhân duyên hòa hợp nên sanh, nhân duyên tan thì diệt. Phật Pháp nói đến nhân duyên, nhưng nhân duyên là tánh không, là phương tiện để phá chấp của ngoại đạo và Tiểu thừa.

Ngưỡng Sơn thí dụ: Lục căn như căn nhà có sáu cửa sổ, giữa nhà thấp một cây đèn, ánh sáng rọi ra sáu cửa sổ ra ngoài. Tiểu thừa đem màn đen che sáu cửa sổ, để cho ánh sáng khỏi tiếp xúc cảnh ngoài, có khi cũng có thể ánh sáng lọt ra ngoài. Tối

Thượng thừa khỏi cần che cửa sổ, chỉ cần tắt cây đèn là xong, thì đâu còn ánh sáng để tiếp xúc bên ngoài. Cửa sổ vẫn y nguyên, và ánh sáng trong nhà và ánh sáng ngoài nhà đều giống nhau.

Hỏi: Nói là từ chỗ không có bắt đầu, rồi đến chỗ không cuối cùng. Nhưng Phật giáo chia ra nhiều thừa (Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, Tối Thượng thừa). Như vậy việc ấy như thế nào?

Đáp: Phật thuyết pháp vừa xong liền phủ định không có thừa nào cả. Thiên Sư Bồn Tịnh nói “Phật còn không có, Tâm cũng không”. Giáo pháp là để hiển bày tâm, nếu tâm còn không thì hiển bày cái gì?

Hỏi: Sư Phụ nói: Tiểu thừa, Trung thừa, Đại thừa, chỉ có Tối Thượng thừa tham thoại đầu, công án... mà sao con thấy cái nào cũng giống nhau, phải không?

Đáp: Phải, cuối cùng cái nào cũng đều giống nhau. Vì hỏi sự khác biệt của các thừa, nên Phật dùng phương tiện để giải thích, cuối cùng Phật đã phủ định. Nếu đến chỗ cuối cùng thì chẳng có cái gì, như hư không vô sở hữu mà dung nạp tất cả, dùng hư không để thí dụ tâm mình cũng vô sở hữu. Tâm đã vô sở hữu thì lấy cái gì để lập ra giai cấp?

Ông đã có tư tưởng chấp thật, tôi giải thích chỗ cuối cùng là vô tu vô chứng, Bồ Đề viên mãn thì không tu không chứng. Không tu làm sao có giai cấp, có bậc Trung thừa, Đại thừa? Làm sao có tu chứng?

Hỏi: Trong kinh nói có tám mươi bốn ngàn pháp môn để tu, sao Thầy chỉ dạy một pháp môn?

Đáp: Một pháp môn cũng bao gồm tất cả pháp môn. Pháp môn nào cũng đều muốn hiển bày cái Tâm, Tổ Sư thiên là pháp thiên trực tiếp, đi con đường thẳng, những pháp kia là đi con đường gián tiếp, nhưng cuối cùng cũng từ nghi đến ngộ. Cho đến Tịnh Độ và các pháp thiên Đại thừa cũng vậy. Còn thiên Tiểu thừa chưa ngộ triệt để, vì họ ngộ rồi còn chấp cái ngộ, nên gọi là Niết Bàn Tiểu thừa. Nói tám mươi bốn ngàn pháp môn chỉ là ước số, chứ không phải thật nhất định có tám mươi bốn ngàn pháp môn. Ở Trung Quốc gồm năm phái: Thiên, Tịnh, Giáo, Luật, Mật.

Hỏi: Như Xã hội văn minh và xã hội kém văn minh thì pháp môn Tối Thượng thừa thích hợp cho xã hội nào?

Đáp: Đa số người phương Tây thích tìm hiểu, người phương Đông cũng vậy. Không những các nhà triết học, khoa hoa học tìm hiểu, những người hoàng dương Tổ Sư thiên, phần nhiều cũng dạy người ta tìm hiểu. Cho nên, tìm một người ngộ đạo thật khó. Tuy thật khó, nhưng đời nào cũng có người ngộ đạo.

Giáo Môn của Trung Quốc, Đại thừa có 4 tông: Thiên thai, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức.

Tông Thiên Thai có Trí Giả đại sư ngộ đạo, nhưng chính Trí Giả đại sư nói “Tôi chỉ ngộ được ngũ phẩm, nếu tôi không dẫn chúng tu hành thì có thể ngộ cao hơn”. Sau Trí Giả đại sư là không thấy có ai ngộ. Pháp sư tông Thiên Thai giảng kinh thuyết pháp bây giờ vẫn còn, nhưng dù giảng theo giáo lý Thiên Thai, lại quy về Tịnh Độ. Như Pháp sư Đệ Nhân giảng giáo lý Thiên Thai, nhưng thực hành Tịnh Độ.

Bây giờ ở Việt Nam cũng có Thiên Thai Giáo Quán Tông. Quán Tông Tự của Ngài Đệ Nhân ở Tỉnh Triết Giang Trung Quốc. Bên này cũng nói là Thiên Thai Giáo Quán Tông, nhưng đối với giáo lý Thiên Thai thì không biết.

Tông Duy Thức là do Pháp sư Huyền Trang từ Ấn Độ truyền qua, dịch kinh thì nhiều, nhưng không có nghe ai chứng quả.

Tổ của Tam Luận Tông là Ngài Long Thọ, sau này không nghe ai chứng quả nữa.

Trong lịch sử Thiền Tông Trung Hoa có 7.000 Tổ kiến tánh, đều có ghi rõ họ tên, sự truyền thừa và nhân duyên được ngộ. Như có người thấy con khi leo cây mà ngộ, có người thấy hoa đào nở mà ngộ, có người đi bị vấp té mà ngộ, có người bị bạt tai mà ngộ, có người nghe hát mà ngộ,...

Ví như Hòa Thượng Thủy Lão là một cao Tăng, đến yết kiến Mã Tổ. Mã Tổ bảo đánh lễ, Thủy Lão vừa quỳ xuống thì bị Mã Tổ đá nhào xuống đất liền ngộ.

Đệ tử của Thiền sư Đạo Lâm tên là Hội Thông, muốn từ giả đi nơi khác, Đạo Lâm hỏi: Ông muốn đi chỗ nào?

Hội Thông nói: Con xuất gia là muốn giải thoát, Thầy không dạy Phật Pháp thì làm sao giải thoát?

Thầy nói: Nếu Phật Pháp thì ở đây tôi cũng có chút đỉnh vậy.

Hỏi: Thế nào là Phật Pháp của Hòa Thượng?

Đạo Lâm nhỏ lông áo dài thổi trước mặt Hội Thông, Hội Thông liền ngộ.

Công án như vậy ở trong Thiền Tông rất nhiều. Những người thông thạo giáo lý mà ngộ cũng có, như Nam Tuyền,... người không biết giáo lý ngộ cũng có.

Tiểu thừa cho là người nữ không thể ngộ, nên các nước Tiểu thừa không cho người nữ xuất gia. Còn trong Thiền tông có nhiều người nữ ngộ đạo. Trong Đường Lối Thực Hành Tham Thiền đề ra ba đứa bé gái (*8 tuổi, 13 tuổi, 15 tuổi*) ngộ đạo.

Đức Phật là muốn chúng ta ngộ, chứ không phải muốn chúng ta hiểu. Nếu đuổi theo cái hiểu đó thì không bao giờ ngộ được.

Cô Trịnh 13, lúc 12 tuổi, theo một vị Sư cô đi tham vấn Quy Sơn. Sư cô ấy đuổi theo lời nói, Trịnh 13 tuổi ngộ mà tự mình không biết.

Trưởng lão Bảo Phước hỏi: Có phải Trịnh 13 gặp Quy Sơn không?

Trịnh 13 đáp: Phải.

Bảo Phước hỏi: Quy Sơn tịch rồi sẽ đi về đâu?

Trịnh 13 không trả lời, đứng một bên thiền sàng.

Trưởng lão khác hỏi: Ngày bình thường miệng nói như suốt chảy, sao hôm nay lại không nói?

Trịnh 13 nói: Nhức nhích hai miếng da này làm được gì?

Trưởng lão nói: Vậy không dùng hai miếng da thì làm được cái gì?

Trịnh 13 nói: Bịt miệng con chó lại.

Trịnh 13 theo đến Quy Sơn lễ bái rồi đứng dậy, Quy Sơn hỏi: Sư cô này ở đâu?

Sư cô nói: Ở bờ sông Nam Đài.

Quy Sơn liền hét đuổi ra, rồi hỏi: người đứng sau lưng Sư cô ở đâu?

Trịnh 13 lại gần.

Quy Sơn hỏi lại lần nữa.

Trịnh 13 nói: Đã trình cho Hòa Thượng rồi!

Quy Sơn bảo Trịnh 13 và Sư cô đi xuống Pháp Đường. Sư cô nói: Bình thường Trịnh 13 nói chuyện như kiếm bèn, tại sao Đại Sư hỏi lại không trả lời được?

Trịnh 13 nói: Khổ thay! Khổ thay! Uông công lâu nay phải đi hành cước, nên cởi áo xuất gia cho tôi mặc đi!

Sau này đem chuyện kể cho Thiền sư La Sơn (*Thiền Sư đã ngộ, có danh tiếng*): Tôi tham kiến Quy Sơn và trả lời như vậy được không?

La Sơn nói: Chẳng những không lỗi!

Sư cô nói: Lỗi ở chỗ nào?

La Sơn nạt một tiếng.

Trịnh 13 nói: Như gắm thêu hoa.

Hỏi: Sư phụ nói trong sách lịch sử Thiền Tông Trung Hoa có 7.000 người đã ngộ, khi một người được ghi là ngộ, ấy là do chính người đó nói là tôi ngộ, hay do người khác xác nhận người đó ngộ, mới được ghi vào sử? Ví dụ nhớ lại Phật Thích Ca tự nói ta ngộ, chứ đâu có ai xác nhận Phật đã ngộ? Những quyển sách của người Trung Hoa hay của người Nhật Bản nói: Các đệ tử tham thoại đầu hay tham công án, rồi vào gặp Thầy trình sở đắc của mình. Đầu tiên, Thầy nói chưa ngộ gì hết. Lần thứ hai có thể gần, lần thứ ba cũng chưa, lần thứ tư nói là ngộ. Vậy chuyện trong sách do người Thầy nói đã ngộ, hay người đệ tử nói chính tôi ngộ rồi? Ai xác nhận?

Đáp: Không phải ai nói, trong Pháp Bảo Đàn, có người hỏi Lục Tổ: Ngài ngộ chưa?

Lục Tổ nói: Tôi chưa ngộ.

Trong Nam Tuyền Ngũ Lục có kể công án về ông Quan hỏi Ngũ Tổ: Tại sao 500 Tăng chỉ có Lục Tổ được truyền y bát, còn những người kia không được truyền?

Ngũ Tổ nói: 499 người kia đều biết Phật Pháp, chỉ có Huệ Năng là siêu việt, nên mới được truyền.

Ai xác nhận đâu! Ngày xưa, lời nói của chư Tổ không cho đệ tử ghi, nhưng do tánh con người ham biết mới ghi lên, mới thành Truyền Đăng Lục, lúc ấy vua niên hiệu là Cảnh Đức, nên gọi Cảnh Đức Truyền Đăng Lục. Trong đó ghi 1700 công án, những người ngộ này có thầy ấn chứng, nhưng sự ấn chứng không nói ra. Như Quy Sơn và La Sơn ấn chứng Trịnh 13 đã ngộ, nhưng không nói đã ngộ.

Hỏi: Nếu người đã kiến tánh mà không có thầy ấn chứng thì người đó có thể tự biết không?

Đáp: Thì người đó tự biết, mà cái biết đó không phải là cái biết của bộ não. Như Trịnh 13 đã ngộ thì tự biết, còn Sư cô chẳng biết gì. Vì sự hiểu biết của người thế gian là cần có cái gì để chứng minh, nhất là dùng logic để chứng minh. Logic chỉ chứng minh được những việc tương đối; còn kiến tánh là phủ nhận tương đối, dùng logic không thể chứng minh được, và người thường cũng không thể lấy cái gì để chứng minh, chỉ có người ngộ với người ngộ tự biết. Nhưng nói với người chưa ngộ thì không được.

Hỏi: Người tham thiền chỉ một ngày chết phải đi đầu thai, còn người tu Tịnh Độ, sau khi chết có vị nào đó đến hướng dẫn thân thức đi đâu thai đến chỗ tốt. Như vậy là thế nào?

Đáp: Diệu Cao thiên sư tham thiền rất dũng mãnh, nhưng ngồi tham thiền lại buồn ngủ. Ngài lên ngồi trên tảng đá, phía dưới là vực thẳm, lúc ngồi tham thiền cũng buồn ngủ rồi té xuống vực thẳm, nhưng lại có người đỡ. Ngài hỏi: Ai cứu tôi vậy?

Đáp: Hộ pháp Vi Đà.

Thấy có người cứu bèn nổi ý kiêu căng, mừng thầm và nghĩ : Khấp thiên hạ có ai bằng như tôi!

Hộ pháp Vi Đà nói: Ông nổi niệm kiêu căng, nên 20 năm tôi không hộ pháp cho ông nữa.

Diệu Cao nghĩ “lần này hễ té xuống mà không ai cứu thì phải chết, nhưng chẳng thà chết cũng ngồi nữa”. Ngài đã tự sám hối, rồi ngồi tham thiền. Lúc ngồi tham thiền lại buồn ngủ té xuống vực thẳm, rớt chưa tới đất đã có người đỡ lên.

Ngài hỏi: Ai cứu tôi vậy?

Đáp: Hộ Pháp Vi Đà.

Ngài nói: Vừa rồi ông nói 20 năm không hộ tôi, mà tại sao bây giờ lại hộ?

Hộ Pháp Vi Đà nói: Ông khởi lên một niệm sám hối thì đã hơn 20 năm.

Một niệm sám hối đã hơn 20 năm, vì thời gian tánh không.

Hỏi: Kính xin Sư Phụ khai thị 2 đoạn văn của Ngài trung Phong dạy đồ chúng:

-Trong suốt ngày đêm chỉ muốn niệm niệm chẳng quên, lúc đi thì đi niệm, lúc ngồi thì ngồi niệm, lúc cử động, nói nín, nằm xuống, đứng dậy, đều niệm, lúc làm việc, tiếp vật, cho đến khốn khổ, hoạn nạn, hiểm nguy cũng đều niệm. Thân như cây khô, như tảng đá, như thân chết, như tượng đất, chỉ tâm tâm ở tại đạo; ứng đáp với người như si, như say; nghe tiếng, thấy sắc như điếc, như đui. Vì thế dụ như mèo rình bắt chuột, tâm và mắt chăm chú nhìn vào một chỗ, lơ đãng một chút ắt chuột chạy mất. Như gà ấp trứng, hơi ấm cần phải liên tục, gián đoạn một chút là không thể thành gà con được. Vì thế niệm này là một điều khó.

-Tham thiền chẳng linh nghiệm, thường chỉ là tâm trộm cắp chưa chết. Vì thế năm tháng trôi suông, chứ không có bệnh nào khác. Nếu tâm trộm cắp nay chết ở ngày hôm nay thì ngày hôm nay liền tương ưng, chết ở ngày mai thì ngày mai bèn tương ưng.

Cái gì là tâm trộm cắp?

Hễ lìa câu thoại đầu sở tham ra, riêng thấy có tự kỷ là tâm trộm cắp. Ở ngoài cái tự kỷ bị thấy ra, riêng thấy có nhân, có ngã là tâm trộm cắp. Lúc tham được thuần thực biết thuần thực, ấy là tâm trộm cắp. Lúc tham thiền chẳng thuần thực biết chẳng thuần thực, ấy là tâm trộm cắp. Lúc chẳng thấy có hôn trầm, tán loạn, chỉ có câu thoại đầu sở tham cùng nghi tình giao kết chẳng gián đoạn, ấy là tâm trộm cắp. Hễ ở chỗ khản thoại đầu chợt sanh một niệm, bất luận là phàm, là Thánh, là chân, là ngụy, nói chung đều là tâm trộm cắp.

Bổn có người linh lợi hướng vào chỗ tôi nói đều chẳng dính dáng, riêng giúp cho một con đường là đạo, là lý, là kiến, là văn, đây gọi là tâm trộm cắp trong tâm trộm cắp. Phật chẳng thể cứu chữa, chỉ cần hết những tâm trộm cắp, chỉ thế ấy y bốn phận nắm chắc câu thoại đầu sở tham như tượng gỗ, tượng đất, như người chết có hơi thở, ngoài chẳng thấy có đại chúng, trong chẳng thấy có tự kỷ, lạnh băng băng, tuyết kiến văn, như vậy giữ đi, lâu ngày sẽ được tâm không thì đậu về.

Đáp: Nói tóm lại hai đoạn trên: Tánh của con người ham nghiên cứu lý và cầu hiểu biết, nhất là người phương Tây. Nhưng bây giờ người phương Đông cũng vậy. Tổ Sư thiên thì phải lia lý, lia hiểu biết, phải ngược lại. Khoa học phải nghiên cứu lý để tìm hiểu cho biết. Trong Phật Pháp, phàm có biết một chút gì đều gọi là sở tri ngu, hiểu biết rất vi tế cũng gọi là cực vi tế sở tri ngu, là tâm trộm cắp.

Nếu có lý cao siêu về lời Phật cũng là tâm trộm cắp, Pháp sư giảng kinh có lý rất hay, cũng lọt vào tâm trộm cắp... Muốn lia lý lia hiểu biết rất khó, vì cuộc sống hằng ngày người ta cần hiểu biết, nếu không hiểu biết thành khờ ngốc sao?

Nếu thấy cái gì cũng như mù, nghe cái gì cũng như điếc, thì không bị ngoại cảnh lôi kéo. Hễ muốn đến chỗ vắng lặng để tu hay nhập thất, việc ấy rất là có hại, vì không thấy cảnh thì không khởi tâm động niệm, nhưng nhập thất một thời gian rồi ra thì thấy tâm còn động thêm nhiều. Theo Thiên Tông khi ngộ rồi mới nhập thất để bảo nhiệm.

Hỏi: Kính xin Sư Phụ khai thị thêm đoạn văn của Ngài Trung Phong dạy đồ chúng dưới đây:

-Người học đạo có linh nghiệm là tâm trộm cắp chết hết. Tâm trộm cắp còn một mảy lông chết chẳng hết, thì muôn kiếp không có lý tự thành. Nói thẳng ra, chết được một phần tâm trộm cắp thì học được một phần đạo. Chết được tâm trộm cắp năm phần thì học được năm phần đạo. Tâm trộm cắp hoàn toàn không thì toàn thể là đạo. Bởi vì sự chương đạo của tâm trộm cắp giống như bụi bặm che mất ánh sáng của gương.

Người thời nay chỉ biết có đạo để thành, mà chẳng biết có tâm trộm cắp nên hết. Hoặc tâm trộm cắp chưa hết mà muốn đạo được thành, khác gì ngồi ở trong nước mà muốn đừng ướt, xưa nay trong thiên hạ không có lẽ đó.

Thuở xưa, Hòa Thượng Vĩnh Minh thông thiết nói “Tình sanh trí cách, tướng biến thể thù”, nghĩa là: Tình nổi dậy thì trí huệ bị che lấp, tư tưởng biến đổi thì thân thể cũng theo đó mà biến dạng, khiến công án sẵn sàng, của báu gia truyền chẳng được thọ dụng. Tình sanh tướng biến là biệt danh của tâm trộm cắp mà tôi vừa nói.

Muốn bất cứ lúc nào tình chẳng sanh, bất cứ chỗ nào tướng chẳng biến, thì cần phải thật đem việc lớn sanh tử để ở trong lòng, lấp bít ý căn, tình vừa muốn sanh thì bị nó ngăn, tướng toan muốn biến liền bị nó đoạt. Ông nếu chẳng vì việc lớn sanh tử, ở trong lòng khán câu thoại đầu quyết cầu ngộ chứng, mà chỉ là một bề đề nén cho tình tướng kia chẳng sanh chẳng biến, khác chi người đã chết mà muốn thở ra hít vô để làm gì?

Người xưa có nói “Tham thiền không bí quyết, chỉ cần sanh tử thiết”. Lời này thật thông suốt cả ba đời, là cội gốc lớn của sự học đạo. Ví như chẳng lấy sanh tử vô thường làm trách nhiệm nặng nề của mình, nằng nặc muốn hiểu thiền hiểu đạo mà tham cứu việc này, thì giống như bảo người tịch cốc (những người suốt đời không biết đói, không cần ăn), đi cấy trồng mà chẳng biết đó chẳng phải là việc của họ (vì họ không cần ăn thì cấy cày để làm gì?)

Đáp: Nếu mình lấy ý thức để tìm hiểu giáo lý cao siêu của Phật Thích Ca, cũng là tâm trộm cắp, còn gọi là sở tri ngu.

Hỏi: Kính xin Sư Phụ khai thị đoạn văn kế tiếp của Ngài Trung Phong dạy đồ chúng:

-Bậc tiền bối ba mươi năm, năm mươi năm chí càng bền, niệm càng thiết, hạnh càng siêng và chẳng chịu có chút gián đoạn, chẳng phải do thầy bạn cảnh sách, tông lâm khuyến khích, ngôn thuyết chỉ bày, phương tiện khuyến tấn mà được như vậy. Mà bởi cội gốc của các Ngài chỉ là một cái nguyện thống niệm sanh tử chưa giải quyết xong. Giả sử đời này chẳng xong thì đời nào mới xong? Niệm tấn đạo nếu tự chẳng chân thật thiết tha, đâu Phật Tổ có thần dị đổi phàm thành Thánh, khiến A La Hán khởi tham sân si, tuy cố làm đó, quyết chẳng thể lâu được.

Có người vì muốn hiểu đạo mà học đạo, mà không chiếu phá được cảnh phù huyền nổi trước mắt, lại bị cảnh duyên đó làm cho vọng niệm khởi lên chẳng dừng. Vọng niệm đã khởi thì dầu sức học đạo như núi gò, sẽ thấy có ngày bị vọng niệm làm hại. Kinh Lăng Nghiêm nói “Cuồng tâm chưa ngưng nghỉ, ngưng nghỉ tức Bồ Đề”. Cái gì là cuồng tâm? Hễ ngoài việc thống niệm sanh tử, đề câu thoại đầu sở tham ra, dù có làm trăm ngàn điều siêu việt thế gian, đều chẳng khỏi chê là cuồng tâm.

Tổ Thiệu Lâm nói “Ngoài dứt các duyên, trong không nghĩ tưởng, tâm như tường vách, có thể vào đạo”. Nhưng vào đạo gác lại chẳng hỏi. Tâm này có từng như tường vách hay chưa? Nếu chưa mà muốn mong nhập đạo, đó là điều chẳng tự xét.

Tham thiền cả một đời chẳng ngộ, học đạo cả một đời chẳng rõ, chỉ cần chẳng dễ dàng buông bỏ cái chánh niệm này, để tham để học, thì chắc chắn có ngày đến chỗ cùng tột. Nếu bỏ chánh niệm này, vọng đem thức tình xuyên tạc, lấy lời người khác làm kiến giải của mình, dầu hiểu hết cổ kim, tọa đoạn Phật Tổ, cũng đều là đối trình cuồng kiến, tự mang tội lỗi, chẳng phải là điều của người chân thật học đạo làm.

Đáp: Nói nhiều cũng giống như ý trên, người ta chỉ biết có chánh niệm, rồi bỏ tà niệm giữ chánh niệm! Ngài Trung Phong nói “Tà niệm là nhiễm, chánh niệm là tịnh, mà nổi lên niệm nhiễm là tâm trộm cắp, nổi lên niệm tịnh cũng là tâm trộm cắp”. Người ta bỏ tà niệm còn khó, huống là bỏ chánh niệm! Cho nên, khởi cần bỏ, vì không có cái gì để bỏ, mà bỏ cái gì? Chỉ cần có lòng tin tự tâm, như Ngài Long thọ nói “Tâm như hư không vô sở hữu”, chỉ cần tin vô sở hữu mà mình đang dùng. Tất cả đều ở trong vô sở hữu này, như mặt trời, mặt trăng, núi sông, đất đai,... đều ở trong vô sở hữu này. *(Sự phụ dẫn dụ tâm như hư không vô sở hữu, lược qua).*

Cho nên, Phật nói những hiểu biết trước mắt của mình đều là sai lầm, không đúng với thật tế. Vì vậy mới gọi là tâm trộm cắp, làm chướng ngại cái thật tế. Thật tế là bản thể của Phật tánh, dẹp hết tất cả lý cao siêu của tâm trộm cắp thì bản thể Phật tánh tự động hiện lên. Nay tuy Bản thể Phật tánh chưa hiện lên, nhưng mình cũng đang dùng.

Hỏi: Ngày xưa các ngài khó hiểu biết, vì không có phương tiện nghe nhìn; còn ngày nay phương tiện nghe nhìn có nhiều, nên người tham học khởi đi hành cước. Đáng lẽ, người nay phải ngộ nhiều hơn người xưa, tại sao ngược lại?

Đáp: Nghe hiểu nhiều chừng nào thì sự chứng quả ít chừng nấy. Nghiên cứu lý để tìm hiểu là chuyện thế gian, muốn tu pháp xuất thế gian thì phải lìa lý lìa hiểu. Cho nên, hiểu nhiều thì phải xa sự chứng ngộ.

Hỏi: Ngày xưa, Ngài Hám Sơn trong khi tu có Ngài Cao Phong giúp đỡ; ngày nay, chúng con cần phải học hỏi tìm hiểu, vậy có thể chứng ngộ không?

Đáp: Ngày nay người ta tôn trọng khoa học và triết học, nhưng khoa học và triết học hiện đại là phải cứu lý tìm hiểu. Phật Pháp phải ngược lại lìa lý lìa tìm hiểu, Tiều thừa

chấm dứt lục căn, không cho lục căn tìm hiểu. Ngũ Đình Tâm Quán của Tiểu thừa là ngưng hoạt động của tâm, Trung thừa và Đại thừa cuối cùng cũng đình chỉ hoạt động của tâm. Đình chỉ tâm là mục đích đến chỗ kiến tánh, đến lúc kiến tánh thì không cần đình chỉ nữa. Vì bản thể tự tánh luôn luôn khắp không gian, khắp thời gian, không bao giờ ngưng.

Hỏi: Cách hành trì của Tiểu thừa, Trung thừa và Đại thừa như thế nào?

Đáp: Đại thừa gồm Tối thượng thừa, Tiểu thừa gồm Trung thừa. Có 5 thứ khác biệt:

1. Điểm xuất phát chắng đồng:

a. Tiểu thừa: Bắt nguồn từ nhân sinh quan đả khổ, nghiệp cảm duyên khởi, nhằm chán phiền não mà cầu nơi thanh tịnh.

b. Đại thừa: Từ nhân sinh quan từ bi, chân như tỏa ra, lấy hóa tha tự tại làm chí nghiệp.

2. Hành vi chắng đồng:

a. Tiểu thừa: Tự lợi tự độ, chỉ được giải thoát theo tiêu cực, tức là lấy đoạn dứt phiền não làm Niết bàn và mục tiêu cuối cùng.

b. Đại thừa: Tự độ độ tha, lấy hoạt động tích cực làm hành vi, đắc đại tự tại làm tư tưởng chung cuộc.

3. Cảnh giới chắng đồng:

a. Tiểu thừa: Ngừng nơi hiện tượng giới.

b. Đại thừa: Vào nơi thực tại giới.

4. Phương pháp chắng đồng:

a. Tiểu thừa: Dứt lục căn, đoạn nhất niệm vô minh, vào nơi đoạn diệt, chủ nghĩa cấm dục.

b. Đại thừa: Phá vô thi vô minh, kiến Phật tánh, chủ nghĩa tự tại, chủ nghĩa thực tại (*tức Chân Như*), sắc tâm và pháp đều tồn tại vĩnh viễn.

5. Lý luận chắng đồng:

a. Tiểu thừa: Tâm khảo sát ngưng nơi hiện tượng và cho rằng chủ khách thực tế tồn tại, là nhị nguyên luận. Ngoài ra dùng chủ nghĩa cảm giác phủ định những thực tại ngoài cảm giác.

b. Đại thừa: Siêu việt phạm vi nhận thức của bộ não, sự cùng tột của thực tại với hiện tượng giới chẳng khác, chủ khách như một, chân vọng hợp nhất, là nhất nguyên luận, là thực tại luận siêu việt Hình Nhi Thượng.

Triết học phương Tây chỉ có hai giai đoạn: Ngã chấp và pháp chấp, đều nằm trong phạm vi nhất niệm vô minh, tức tư duy và lý niệm. Nhưng tư duy và lý niệm đều là hóa thân của nhất niệm vô minh, cũng là tác dụng của bộ não.

Mục đích triết học phương Tây là nghiên cứu lý luận để tìm hiểu, nên chẳng chịu rời bỏ nhất niệm vô minh. Bởi vì nếu tiến vào phạm vi của vô thi vô minh thì cảm giác trống rỗng chẳng có lý luận để suy cứu, cũng chẳng có gì để tìm hiểu, hoàn toàn trái ngược với mục đích của họ.

Cho nên, xưa nay các nhà triết học phương Tây chưa ai từng đi vào cảnh giới vô thi vô minh, hề chưa vào cảnh giới vô thi vô minh thì chẳng thể đột phá cái chấp không, cũng chẳng vào được tuyệt đối. Phá được cái chấp không là kiến tánh, đạt đến tự do tự tại vĩnh viễn.

Mục đích của nhà triết học phương Tây là truy lý cầu tri, còn mục đích tu trì Phật Pháp là liễu thoát sanh tử; triết học phương Tây chú trọng lý luận, Phật Pháp thì chú trọng thực tiễn, tức là từ nhất niệm vô minh tiến thẳng vào tuyệt đối vậy.

Hỏi: Lý do gì sự ngộ của Thiền tông không cần kinh điển?

Đáp: Kinh chỉ là trợ duyên, công phu đến mức thì gặp cái gì cũng ngộ, cũng như có người gặp con khỉ leo cây mà ngộ, có người thấy hoa đào nở thì ngộ, có người đi bị vấp té lại ngộ, có người bị bạt tai ngộ, có người nghe hát ngộ, có người đi ngang chỗ bán thịt, nghe nói “bán cho tôi một cân thịt nạt”, người bán chặt mạnh con dao xuống bàn và nói lớn “chỗ nào không phải là thịt nạt?”, người ấy liền ngộ. Đâu phải chỉ xem kinh mới ngộ? Cũng có người xem kinh mà ngộ.

Như có người tham kiến Mã Tổ, Mã tổ nói: Hãy đánh lễ đi.

Người đó mới lạy xuống thì Mã Tổ đá một cái ngã xuống đất liền ngộ. Nghe kinh ngộ chỉ một phần ít, cái ngộ là do nghi tình đến mức bùng nổ, lúc đó muốn không ngộ cũng không được.

Hỏi: Các giới luật có ảnh hưởng đến tu Tổ Sư thiền không?

Đáp: Tổ Sư thiền cũng phải giữ giới. A Nan hỏi Phật: Sau khi Phật nhập Niết Bàn thì chúng con lấy ai làm thầy?

Phật nói: Lấy giới luật làm thầy.

Hỏi: Có phải Thiền tông không tin vào kinh điển không?

Đáp: Sao nói là Thiền tông không tin kinh điển! Thiền tông tự nhiên ăn khớp với kinh điển, chứ không phải không tin kinh điển, chỉ là không chấp kinh điển.

Hỏi: Xin Thầy nói rõ: Không tin và không chấp?

Đáp: Nếu giải thích triệt để thì Phật nói “Phàm có lời nói đều chẳng có nghĩa thật”. Bây giờ nói không chấp là đã chấp rồi, tại có chấp nên mới nói không chấp, vì còn nằm trong tương đối. Nếu chấp vào một bên, là nằm trong một của 5 thứ ác kiến:

Chấp nhất định có Phật cũng lọt vào biên kiến, chấp nhất định không có Phật cũng lọt vào biên kiến. Cho nên nói “Lấy vô Trụ làm gốc”, tức là không trụ bên nào, có trụ là không được.

Hỏi: Sư phụ đã giải thích cho mọi người thì kiến thức của thầy đã cản trở hay giúp thầy trên đường tu tập?

Đáp: Cản trở trên đường tu tập. Tôi là người đầu tiên hoàng dương Tổ Sư thiền ở Việt Nam, cũng là người đầu tiên đả thiền thất ở Việt Nam. Mọi người đã quen biết Giáo môn và Tịnh Độ, còn đối với Tổ Sư thiền thì người ta lại khó tin, nên tôi phải biết, như thế họ mới tin tôi. Rồi từ từ người tham Tổ Sư thiền ngày càng đông. Nếu hỏi tôi không trả lời được thì có ai chịu học Tổ Sư thiền đâu!

Hỏi: Ngài Nam Tuyền chém mèo có coi là lậu tạn giới không?

Đáp: Người ta cứ dùng tập khí bộ óc lâu đời để suy nghĩ. Như Phật nói trong kinh Kim Cang “Chúng sanh, tức phi chúng sanh, thị danh chúng sanh”, chúng sanh là giả danh, như Bát Nhã Tâm Kinh nói “Vô lão tử diệt vô lão tử tận”, nếu không có sanh tử, làm sao có việc chém chết?

Một Thiền sư đưa cây phát trần lên hỏi: Cây phát trần với việc Nam Tuyền chém mèo có khác hay không khác? Rồi tự mình làm bài kệ, câu thứ tư là:

“Phát trần với chém mèo đầu có khác!” Vì mình đuổi theo cảnh hay lời nói thì bị cảnh lôi kéo.

-Có người nói: Lục Tổ ăn rau bên cạnh thịt thì tôi cũng ăn được, vậy đâu cần phải ăn chay?

-Người ngộ đạo ở trong thế lưu bố tướng không sanh ra trước tướng, thì không có nhân quả, vì tâm không có tạo. Người ngộ đã nhảy ra ngoài chiêm bao, không dính lúu chiêm bao. Tổ nói “Tình sanh trí cách”, có người chưa kiến tánh nói “tôi chẳng nổi tình cảm gì hết, chẳng dính dáng đến tình cảm”, nhưng rồi cũng bị người kiến tánh chê.

“Chẳng dính dáng đến tình cảm” vẫn còn ở trong nghĩa ba câu của Bá Trượng, tức còn có tri giải. Các vị tin pháp môn Tổ Sư thiên và tin tự tâm được 100%, tức Phật tánh của mình và Phật tánh của Phật Thích Ca chẳng khác biệt chút nào cả. Như vậy thực hành rất dễ, rất đơn giản, chỉ là giữ được nghi tình thì tất cả sẽ tự động giải quyết xong.

Nhưng bây giờ các nhà sách bán nhiều sách thiên, cũng nói Tổ Sư thiên và giải thích nghĩa lý Tổ Sư thiên; giải thích công án thì lọt vào ý thức phân biệt, nên không bao giờ ngộ.

Mục đích Tổ Sư thiên là muốn chấm dứt ý thức phân biệt, nên sát na lia ý thức liền kiến tánh. Còn bây giờ không lia ý thức, mà lại dùng ý thức để giải thích phân biệt để tìm hiểu đáp án. Cho nên, giải công án là sai lầm và nghịch với Tổ Sư thiên, vì vậy chư Tổ nói là phỉ báng Tổ, cũng là phỉ báng pháp.

Hỏi: Xã hội ngày nay khoa học tiến bộ, con người không được rảnh rang như người xưa, nên không dễ ý sự tu, nhất là tu Tổ Sư thiên rất khó, vậy có phải không?

Đáp: Do hiểu theo người thế gian, như nhà triết học, nhà khoa học,... thì sự tu của họ lại khó. Vì cuộc sống hằng ngày đều phải dùng bộ óc để nghiên cứu triết học hay nghiên cứu khoa học, bất cứ nghiên cứu cái gì đều nhờ bộ óc. Nếu bây giờ chấm dứt hoạt động của bộ óc thì người ta phản đối, họ cho “đồ khủng”. Phải rồi, vì theo tư tưởng thế gian là vậy.

Cho nên, thiên giải đáp công án ở Nhật Bản để truyền khắp thế giới. Hiện nay người Trung Quốc cũng đi học thiên giải công án, rồi về dạy cho người Hoa. Chùa Cao Môn là Tổ đình của Thiên Tông, nhưng cũng lọt vào kiến giải. Ngày xưa Ngài Lai Quả không cho người ta giảng công án, khi tôi ở đó thấy đêm nào cũng có vị Trưởng lão giảng công án.

Hỏi: Những pháp thiên của các tôn giáo khác là để ngưng hoạt động của bộ óc hay để im lặng, vậy có khác với cách tu của Tổ Sư thiên không?

Đáp: Các thiên của tôn giáo khác là mục đích bỏ nhiễm duyên lấy cái tịnh duyên cho là ngộ. Tịnh duyên đối với nhiễm duyên thì tốt, còn đối với bản thể Phật tánh là chướng ngại. Bởi vì đối với nhiễm nên mới nói tịnh, còn nằm trong tương đối, tức những thứ ấy có thể dùng bộ óc để giải thích được.

Tổ Sư thiên không thể giải thích, tại bộ óc không thể tiếp xúc được, phải ngộ mới biết, cái biết của Phật tánh gọi là Bát Nhã. Hễ ngộ là Phật tánh hiện lên, chứ không phải có năng ngộ sở ngộ. Nếu có năng ngộ sở ngộ thì không được, vì còn có tứ tướng (ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng).

Hỏi: Sư phụ nói những thức nào khi thân chết nó vẫn còn tồn tại?

Đáp: Nhân thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức đều tồn tại vĩnh viễn, không phải các căn. Tức Tánh thấy, tánh nghe, tánh ngửi, tánh xúc, tánh nếm, tánh biết tồn tại vĩnh viễn không mất, cùng khắp không gian và thời gian, nên không có đi và ở. Nếu có đi đâu thì chẳng phải cùng khắp.

Hỏi: Thần thức đi đâu thay là sao?

Đáp: Thần thức đi đâu thay là chưa nhảy ra ngoài chiêm bao, từ chiêm bao này qua chiêm bao khác chưa thức tỉnh, phải kiến tánh rồi mới thức tỉnh. Còn chưa kiến tánh, thức thứ bảy cứ ôm A-lại-da thức cho là ta, đã có ta rồi làm sao cùng khắp được? Nhưng bản thể cùng khắp, nên năng lượng của Phật tánh cùng khắp. Bây giờ máy vi tính có thể chứng tỏ cùng khắp, nhưng nhà khoa học không chịu tin. Tất cả chúng từ thiện, ác, vô ký đều ở trong A-lại-da thức mang theo.

Hỏi: Thiền sư Đạo Nguyên nói với thầy của Ngài là Nghĩa Tịnh “Con nay buông xả được thân tâm”, hai thầy trò đối đáp nhau, cuối cùng Nghĩa Tịnh ấn chứng cho Đạo Nguyên được kiến tánh. Vậy như thế nào?

Đáp: Ngài Đại Huệ khiến cho những người đó được kiến tánh triệt để, nhưng trước khi chưa gặp Đại Huệ, họ tự cho mình đã kiến tánh, rồi ra hoằng pháp, cũng được nhiều người ấn chứng. Ban đầu họ không phục Đại Huệ, sau này mới phục, nên được kiến tánh.

Quá trình ngộ của Đại Huệ đến mấy lần, cách ngộ rất khó khăn. Thiền sư Viên Ngộ ấn chứng cho Đại Huệ và nói “Ông ngộ đến mức này cũng hiếm có, nhưng chưa rốt ráo”. Ngài phải qua mấy lần rồi mới ngộ triệt để. Khi chưa qua những giai đoạn đó, cũng có nhiều Thiền sư ấn chứng Ngài đã kiến tánh, nhưng Ngài vẫn còn có cái nghi. Ngài nghĩ “Nếu gặp Thiền sư Viên Ngộ ấn chứng mình kiến tánh giống như các Thiền sư kia, thì sẽ về viết bài “Vô Thiền Luận”.

Viên Ngộ nói với Đại Huệ rằng: Ông nói cũng được, làm bài tụng cũng được, nhưng ông còn thiếu một tiếng ồ!

Lúc ấy, Đại Huệ mới theo Viên Ngộ, như ban đầu nghe “Gió mát từ phương nam” cho là ngộ, rồi gặp Viên Ngộ ấn chứng Ngài được ngộ, nhưng chưa đến chỗ rốt ráo.

Ngài trải qua mấy lần ngộ cực khổ, Viên Ngộ nói: Khi vào phòng của tôi thì được, nhưng ra thì không được; lúc ông ngồi giải đáp cho người ta được, nhưng đứng dậy thì không được.

Tại sao? Vì chưa ngộ triệt để. Lúc ngộ triệt để rồi, Ngài nói: Nếu có thật ngộ cũng không được lấy sở ngộ của mình để dạy người. Ngộ rồi phải rõ đại pháp, mới có sức đại cơ đại dụng để khiến cho người khác ngộ, còn lấy sở ngộ của mình để dạy người, là thiền ngâm nước chết.

Hỏi: Tại sao học Phật Pháp có thể thành tà đạo?

Đáp: Trên thực tế, người hiểu giáo lý nhiều dễ trở thành tà đạo, vì chấp thật sự hiểu biết của mình, dùng sự hiểu biết của bộ não kiến lập tri kiến, mà chẳng biết sự hiểu biết đó sai lầm.

Kinh Lăng Nghiêm nói “Tri kiến lập tri, tức vô minh bản”. Họ chẳng những lọt vào tà đạo, lại còn hoằng dương tà đạo, cho lời nói của Phật là Phật Pháp của mình để dạy người, tạo tội địa ngục mà chẳng tự biết, cứ tự cho là thuyết pháp theo lời Phật dạy. Nên Trí Giả đại sư nói là “Học Phật Pháp thành ngoại đạo, sau này tiêu diệt Phật Pháp là bọn người này”. Tức là chỉ có con cháu của nhà Phật mới tiêu diệt Phật giáo, chứ

chẳng phải tôn giáo khác. Đối với hạng người đó, chẳng cách nào vãng hồi, đành phải chịu thôi.

Hỏi: Những người như thế, sau một thời gian tham thiền, có thể quay đầu lại không?

Đáp: Có người tham thiền càng nhiều ngã chấp càng lớn, vì không phá ngã chấp, chỉ tin theo sự hiểu biết của bộ não, cho hiểu biết nhiều là hay, chẳng biết đó là mây đen che khuất ánh sáng mặt trời, nên Phật dạy chúng ta phải dẹp bỏ những hiểu biết đó.

Hỏi: Sư phụ nói là chuyển thức thành trí thì năng lượng liạ vật chất, nhưng bản lai vô nhất vật, thì lấy cái gì liạ cái gì?

Đáp: Hãy trở về xem lại kinh Lăng Già, vì thầy chưa hiểu, vẫn còn chấp theo lời nói của Phật cho là Phật Pháp của mình, mà chẳng biết tất cả lời nói của chư Phật chỉ là phương tiện, chẳng phải thật, không được chấp theo. Nên Phật nói xong liền phủ nhận, vì hễ nói được là tương đối, là nhị, còn Phật Pháp là bất nhị.

Hỏi: Thông thường, người đệ tử nhìn vào sự tu hành của người thầy có chứng đắc hay không, ví dụ: Con là người tu hành, sau này con chết rồi, đem đi thiêu, nếu có xá lợi thì mọi người nói là con đắc đạo; nếu không thì mọi người cho là con không có tu. Quan niệm của Thầy ra sao?

Đáp: Tôi chẳng có cái đó, chữ Phật nghĩa là giác ngộ, nếu tu đến giác ngộ thì biết không có sanh tử, tức liễu thoát sanh tử. Tại có sanh tử mới có xá lợi của xương, sanh tử đã không thì những cái kia cũng là thừa.

Tâm Kinh nói “Vô lão tử diệt vô lão tử tận”, bây giờ có xá lợi đâu có ích lợi gì! Những thứ đó do chấp sanh tử mới có, người không chấp sanh tử thì có hay không chẳng vấn đề, có cũng được, không có cũng được, tất cả hiện tượng mình thấy đều là vọng tưởng, do vọng tâm tạo. Trong kinh Lăng Nghiêm giải thích rất kỹ.

Hỏi: Khi xưa Đức Phật sau khi trà tỳ, được xá lợi vô vàng, để phân chia khắp nơi. Tại sao thời nay chẳng thể noi theo gương đó?

Đáp: “Tất cả đều là vọng tưởng”, ấy là lời của Phật nói. Nay chúng ta thấy sum la vạn tượng, nhà cửa cây cối... đều do tập khí vọng tưởng của mình, với cộng nghiệp của tất cả chúng sanh, nên cùng thấy như thế, nhưng trong cộng nghiệp có biệt nghiệp của cá nhân.

Sự thật thì chẳng phải như thế: Nếu ở trong thế lưu bố tướng sanh ra trước tướng thì gọi là pháp thế gian, hễ không sanh ra trước tướng, thì gọi là pháp xuất thế gian, gọi là Phật Pháp. Đó là trong kinh Đại Niết Bàn.

Còn ở trong Yêu chỉ Trung Quán Luận thì tất cả đều phá; Như Lai cũng phá, Niết bàn cũng phá... phạm do bộ não nhận biết được, do văn tự lời nói diễn tả được, có sự tương đối đều phải phá. Vì hễ dùng lời nói, phải tương đối mới nói ra được, văn tự là thay cho lời nói, cũng vậy. Cho nên, kinh Lăng Già nói “Pháp phải liạ văn tự”, vì văn tự chẳng thể nói. Nhưng người ta không hiểu, tưởng là có thể nói, có thể diễn tả, có thể cho là đúng hay sai, ấy là lọt vào biên kiến mà tự chẳng hay biết.

Hỏi: Vậy thế nào là hành đúng theo chánh pháp?

Đáp: Không chấp thật, lại phá chấp thật là chánh; không chấp ngã, lại phá chấp ngã là chánh.

Hỏi: Tại sao tất cả các kinh đều bắt đầu từ hai chữ “Như thị”?

Đáp: Hai chữ này nghĩa là “đúng như vậy”. Vì thời Phật thuyết pháp không ai ghi chép, sau khi Phật nhập diệt, đệ tử của Phật tập hợp lại, mời Thị giả của Đức Phật là A Nan ghi nhớ và đọc lại, nên cuốn kinh nào cũng khởi đầu bằng “Tôi nghe như vậy”, nếu năm trăm vị A la hán đều cho là đúng thì ghi nhận.

Hỏi: Có phải hễ có khởi niệm là lọt vào tương đối?

Đáp: Không phải. Nếu chỉ có thể lưu bố tướng, không sanh ra trước tướng thì không có tương đối. Cũng như bậc thánh nói “có” cũng được, nói “không” cũng được, vì không sanh ra trước tướng. Nay chúng ta dù hiểu được nhưng làm không được, vì còn ngã chấp chưa dứt sạch, ví như chưa ra khỏi luân hồi, dùng tri kiến muốn tìm Viên giác thì Viên giác ấy cũng thành luân hồi.

Hỏi: Một số các thầy giảng về câu “Sắc bất dị không, không bất dị sắc”, rằng sắc chẳng tự có, mà từ nhân duyên, từ cái không này nhờ duyên mà ra, nên nói “Sắc bất dị không”. Đến chừng duyên hết rồi, như tứ đại tan rã, thì gọi là “Không bất dị sắc”. Giải thích như vậy có đúng không?

Đáp: Đó là vì chấp nhân duyên cho là thật. Trong quyển Lăng Nghiêm Tông Thông có đoạn phá chấp nhân duyên bởi bài kệ của ngài Long Thọ:

Các pháp chẳng tự sanh,
Cũng chẳng từ tha sanh.
Chẳng cộng chẳng vô nhân,
Cho nên nói vô sanh.

Vì nó chẳng phải là tự sanh, cũng phải phải tha sanh, hễ nói tha cũng là tự. Cũng chẳng phải tự và tha cộng sanh, chẳng phải không có nhân sanh, ví như cây lý sanh ra cây lý, cây đào sanh cây đào, chứ chẳng phải vô nhân mà sanh được. Dù thứ nghĩa lý đều chẳng thành lập, nên nói vô sanh.

Tại sao nói là các pháp chẳng tự sanh? Vì phải nhờ nhân duyên mới sanh khởi. Còn nói chẳng từ tha sanh, vì mỗi duyên chẳng tự tánh. Nói “chẳng cộng sanh” vì tự với tha còn không có thì lấy gì để cộng? Chẳng vô nhân sanh: Như bây giờ muốn giác ngộ thì phải tu mới giác ngộ được, chứ đâu phải mình không tu mà được giác ngộ!

Từ ngũ uẩn (*sắc, thọ, tưởng, hành, thức*), lục nhập (*nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý*), thập nhị xứ (*lục căn đối với lục trần*), thập bát giới (*lục căn đối với lục trần sanh ra lục thức*), cho đến thất đại (*địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức*) đều muốn giảng rõ ý này.

Nếu ngộ biết vốn chẳng sanh khởi, thì giống như con mắt sáng tỏ, vốn là không có hoa đốm trong hư không. Nếu dụi con mắt, thành linh bị bệnh thì thấy hư không có hoa đốm, như nay thấy đủ thứ, đều là hoa đốm. Ấy là do con mắt mỗi một mới thấy. Tức là bỏ cái thật mà lại thấy cái vọng nên thấy hoa đốm. Hoa đốm chẳng thật, chỉ là ảo tượng, đâu phải từ chỗ nào đến! Vì con mắt bệnh mới thấy.

Trên thực tế, nếu con mắt chẳng bệnh thì thấy hư không sáng tỏ chẳng hoa đốm, nên biết chẳng phải tự sanh, chẳng phải từ nhân duyên sanh. Sắc âm như thế thì thọ, tưởng, hành thức đều như thế; ngũ uẩn đã như thế thì lục nhập, thập nhị xứ, thập bát giới đều như thế.

Hỏi: Kinh nghiệm mình hiểu và mình tìm hiểu có khác nhau không?

Đáp: Hễ tìm hiểu là càng tìm càng xa. Có công án của Tổ Pháp Nhãn:

Thiền tông có 5 phái: Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn, Quy Ngưỡng. Tổ đầu tiên của tông Pháp Nhãn là Thiền sư Văn Ích, sau khi được thầy ấn chứng là ngộ đạo, vì là người cao nhất trong các huynh đệ, nên ngài dẫn đầu đi tham học.

Ngày xưa người kiến tánh rồi vẫn còn đi tham học. Khi đi ngang chỗ Thiền hội của Thiền sư Quế Sâm, gặp bão tuyết chẳng thể đi tiếp, nên ghé lại nơi này để tránh tuyết. Lúc trò chuyện với Thiền sư Quế Sâm, nói đến “trời đất với ta cùng một nguồn gốc” của Triệu Luận, Quế Sâm hỏi: Trời đất với Thượng tọa đồng hay khác?

Văn Ích đáp: Đồng.

Quế Sâm không nói mà chỉ đưa 2 ngón tay (*ý nói là nhị. Vì chơn tâm bất nhị, đã ngộ rồi tại sao còn nhị pháp?*)

Các người đi cùng thấy vậy thì trả lời: Khác.

Quế Sâm vẫn không nói mà chỉ đưa 2 ngón tay.

Theo sự hiểu biết của mọi người đều cho “đồng” là một, khác mới là nhị. Mà chẳng biết đồng cũng là nhị, vì có hai vật trở lên mới có thể so sánh là đồng hay dị.

Quế Sâm biết những người này chưa kiến tánh, nhưng công phu cũng sắp chín mùi. Khi tuyết đã dừng, Văn Ích và những người đi cùng từ giả đi tiếp, Thiền sư đưa ra ngoài cửa gặp một tảng đá.

Quế Sâm hỏi: Bình thường Thượng tọa cho là vạn pháp duy tâm. Vậy tảng đá này ở trong tâm hay ở ngoài tâm?

Văn Ích đáp: Ở trong tâm.

Quế Sâm cười: Sao Thượng tọa đi hành cước lại để tảng đá trong tâm vậy?

Văn Ích đỏ bừng mặt, không đi tiếp nữa, trở vào xin ở lại. Mỗi ngày trình kiến giải đều bị Quế Sâm lắc đầu. Trải qua một tháng, Văn Ích nói: Nay con tất cả đều sạch, chẳng còn lý gì để trình (*lúc đó công phu đã chín mùi*).

Quế Sâm nói: Nếu nói Phật Pháp thì tất cả đều sẵn sàng.

Văn Ích liền ngộ triệt để, và nói pháp của Quế Sâm, trở thành tông sư của phái Pháp Nhãn tông.

Thời nay, người tu học hay tìm hiểu, nhiều người xem Phật Pháp như một loại văn hóa để tìm hiểu, lại giải thích từng danh từ, từng chữ nên càng tìm càng xa.

Hỏi: Nếu không giải thích thì làm sao hiểu?

Đáp: Là giải thích cái lý, chứ chẳng phải giải thích theo chữ. Tại pháp lìa văn tự, phạm có lời nói đều chẳng phải nghĩa thật, nên phải phù hợp với ý của Phật. Nếu y văn giải nghĩa thì là tam thể Phật oan.

Hỏi: Tác dụng đọc 50 thứ ma ngữ âm để làm gì?

Đáp: Để nhắc nhở, để ý mình có lọt vào những cảnh giới đó không? Nếu thấy mình có chứng đắc thì rất nguy hiểm, chớ tưởng là tốt. Phật dạy A Nan luôn nhắc nhở người đời sau “Tu hành không được để lọt vào 50 thứ ma ngữ âm”.

Hỏi: Sư phụ nói người kiến tánh rồi dễ dứt tập khí hơn, vậy còn người giải ngộ thì sao? Có dứt được tập khí không?

Đáp: Không, nó còn có thể tăng thêm tập khí nữa, vì ôm chấp cái ngộ.

Hỏi: Thế nào là giải ngộ? Thế nào là chứng ngộ?

Đáp: Giải ngộ là cái nhận biết của bộ não, còn chứng ngộ là dẹp hết cái biết của bộ não, lúc đó chơn tâm hiện lên, chẳng phải sự hiểu hay không hiểu.

Hỏi: Trong thág vừa rồi xảy ra ba trận động đất, vậy có phải do nhân quả của loài người không?

Đáp: Phải. Đó cũng là trong kinh nói về cộng nghiệp và biệt nghiệp, trong cộng nghiệp cũng riêng có biệt nghiệp, ví như trong trận động đất đó có người bị chết, có người thì được sống sót, ấy là biệt nghiệp vậy.

Hỏi: Làm sao hết được nhân quả, chấm dứt cái biết?

Đáp: Ở trong mở mắt chiêm bao thức tỉnh thì hết. Trên xã hội ngày nay là người nào hiểu biết nhiều chừng nào cao chừng nấy, là bậc tri thức. Còn Phật Pháp thì ngược lại, biết nhiều chừng nào, sở tri chướng ngại nhiều chừng nấy, cho nên làm sao chấm dứt được cái tìm hiểu biết? Không chấm dứt thì chẳng thể ngộ, chẳng thể thức tỉnh từ mở mắt chiêm bao. Như thế cứ từ chiêm bao này qua chiêm bao khác; nay là chiêm bao con người, sau này có thể là chiêm bao con heo, con chó, con mèo...

Nay tham thiền là muốn dẹp những cái che khuất cho mau thức tỉnh, Che khuất đó là: Tìm hiểu, suy nghĩ, ghi nhớ, nên phải dùng cái không biết để chấm dứt.
